

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
TIẾP CẬN CDIO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ  
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**

*(Ban hành theo quyết định số 747/QĐ - ĐHV ngày 27/4/2017  
của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh)*

**NGHỆ AN - 2020**

## MỤC LỤC

Trang

<b>1. Quyết định ban hành chương trình đào tạo giáo dục đại học hệ chính quy theo tiếp cận CDIO</b> .....	1
<b>2. Mục tiêu</b> .....	3
<b>3. Chuẩn đầu ra cấp độ 3</b> .....	3
<b>4. Chương trình đào tạo</b> .....	6
<b>5. Ma trận chuẩn đầu ra - trình độ năng lực</b> .....	8
HỌC PHẦN: CƠ SỞ TỰ NHIÊN - XÃ HỘI.....	9
HỌC PHẦN: NHẬP MÔN NGÀNH SƯ PHẠM .....	29
HỌC PHẦN: TÂM LÝ HỌC .....	46
HỌC PHẦN: VIỆT NGỮ HỌC CƠ SỞ .....	75
HỌC PHẦN: TOÁN CƠ SỞ.....	101
HỌC PHẦN: VĂN HỌC THIẾU NHI.....	113
HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP NCKH GIÁO DỤC .....	126
HỌC PHẦN: ÂM NHẠC.....	141
HỌC PHẦN: NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH VÀ THIẾT KẾ ĐỒ DÙNG, ĐỒ CHƠI ....	150
HỌC PHẦN: DINH DƯỠNG HỌC TRẺ EM.....	157
HỌC PHẦN: GIÁO DỤC HỌC MẦM NON .....	163
HỌC PHẦN: GIẢI PHÁP SINH LÝ TRẺ.....	174
HỌC PHẦN: CHUẨN BỊ CHO TRẺ VÀO LỚP MỘT.....	210
HỌC PHẦN: GIAO TIẾP SƯ PHẠM Ở TRƯỜNG MẦM NON.....	217
HỌC PHẦN: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIÁO DỤC MẦM NON .....	224
HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ MẦM NON ....	240
HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC CHO TRẺ KHÁM PHÁ MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH.....	284
HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TẠO HÌNH CHO TRẺ....	291
HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC..	300
HỌC PHẦN: PHƯƠNG GIÁO DỤC ÂM NHẠC CHO TRẺ MẦM NON .....	309
HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG TOÁN CHO TRẺ....	316
HỌC PHẦN: RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM THƯỜNG XUYÊN 1 .....	324
HỌC PHẦN: BỆNH HỌC TRẺ EM.....	330
HỌC PHẦN: PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON .....	339
HỌC PHẦN QUẢN LÝ TRƯỜNG MẦM NON .....	344
HỌC PHẦN: RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM THƯỜNG XUYÊN 2 .....	358
HỌC PHẦN: LẬP KẾ HOẠCH TRONG GIÁO DỤC MẦM NON.....	378
HỌC PHẦN: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI CHO TRẺ.....	393

HỌC PHẦN:	XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG CHO TRẺ MẦM NON .....	398
HỌC PHẦN:	ĐÁNH GIÁ TRONG GIÁO DỤC MẦM NON .....	414
HỌC PHẦN:	KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC MẦM NON.....	428
HỌC PHẦN:	PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON.....	433
HỌC PHẦN:	THAM VẤN TRONG GIÁO DỤC MẦM NON.....	439

# 1. Quyết định ban hành chương trình đào tạo giáo dục đại học hệ chính quy theo tiếp cận CDIO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 747/QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 27 tháng 4 năm 2017

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình giáo dục đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường ĐHSP Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học cao đẳng hệ chính quy và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT ngày 27/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học; Quyết định số 695/QĐ-BGDĐT ngày 18/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Chuyển đổi tên ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học theo Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT; Công văn số 1093/BGDĐT-GDĐH ngày 4/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện danh mục ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học sau chuyển đổi;

Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-ĐHV ngày 22/4/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-ĐHV ngày 26/4/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành "Đề án xây dựng và phát triển chương trình đào tạo đại học chính quy tiếp cận CDIO giai đoạn 2016 - 2020";

Căn cứ đề nghị của Hội đồng khoa học và đào tạo các khoa, viện đào tạo về chương trình giáo dục đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO các ngành theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình giáo dục đại học hệ chính quy các ngành đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ:

**Điều 2.** Chương trình giáo dục đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ được áp dụng từ khoá tuyển sinh năm 2017 (khoá 58) trở đi.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đào tạo, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp;  
Trưởng các khoa, viện đào tạo và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết  
định này./.

**Nơi nhận:** 

- Như điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: HCTH, ĐT. ✓

**HIỆU TRƯỞNG**



**GS.TS. Đinh Xuân Khoa**

## 2. Mục tiêu

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non có: kiến thức nền tảng về khoa học xã hội nhân văn và khoa học giáo dục; khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện, đánh giá và cải tiến các hoạt động giáo dục bậc mầm non trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

## 3. Chuẩn đầu ra cấp độ 3

<b>CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA</b>	<b>TĐNL</b>
<b>1.KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH</b>	
<b>1.1. KIẾN THỨC CHÍNH TRỊ, KHOA HỌC TỰ NHIÊN, KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN</b>	
1.1.1. Hiểu kiến thức chủ nghĩa Mác- Lê Nin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0
1.1.2. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên	3.0
1.1.3. Áp dụng kiến thức khoa học xã hội	3.0
1.1.4. Áp dụng kiến thức tâm lí học - giáo dục học	3.0
<b>1.2. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH</b>	
1.2.1. Áp dụng kiến thức tâm lý, sinh lý và giáo dục trẻ mầm non	3.0
1.2.2. Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nghệ thuật	3.0
1.2.3. Áp dụng kiến thức khoa học quản lý giáo dục	3.0
1.2.4. Sử dụng phương tiện - kỹ thuật vào thực tiễn nghề nghiệp	3.0
<b>1.3. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>	
1.3.1. Áp dụng kiến thức lý luận và phương pháp chăm sóc sức khỏe cho trẻ	3.5
1.3.2. Áp dụng kiến thức lý luận và phương pháp giáo dục trẻ	3.5
1.3.3. Áp dụng kiến thức đánh giá trong Giáo dục mầm non	3.5
1.3.4. Vận dụng kiến thức xây dựng, phát triển chương trình Giáo dục mầm non	3.0
1.3.5. Áp dụng kiến thức phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	3.5
<b>2. KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP VÀ PHẨM CHẤT CÁ NHÂN</b>	<b>TĐNL</b>
<b>2.1. Nhận diện, phân tích và giải quyết vấn đề</b>	
2.1.1. Xác định vấn đề	3.0
2.1.2. Phân tích bối cảnh và nguyên nhân vấn đề	3.0
2.1.3. Suy luận và giải quyết vấn đề	3.0
2.1.4. Đánh giá giải pháp/ phương pháp thực hiện và đề xuất, khuyến nghị	3.5
<b>2.2. Nghiên cứu và khám phá tri thức khoa học</b>	
2.2.1. Xây dựng giả thuyết nghiên cứu	3.0
2.2.2. Thu thập thông tin nghiên cứu	3.0
2.2.3. Điều tra, thực nghiệm, giải quyết vấn đề nghiên cứu	3.0

2.2.4. Bảo vệ giả thuyết nghiên cứu	3.0
2.2.5. Công bố kết quả nghiên cứu	3.0
<b>2.3. Tư duy hệ thống</b>	
2.3.1. Nhận diện hệ thống	3.0
2.3.2. Phân tích mối quan hệ của các thành phần trong hệ thống	3.0
2.3.3. Phân loại, sắp xếp thứ tự ưu tiên trong hệ thống	3.0
2.3.4. Đánh giá tính tối ưu và linh hoạt trong hệ thống	3.0
<b>2.4. Kỹ năng và phẩm chất cá nhân</b>	
2.4.1. Nhận thức bản thân	3.0
2.4.2. Tự học và học tập suốt đời	3.0
2.4.3. Tư duy phân biện, sáng tạo	3.0
2.4.4. Tinh thần trách nhiệm	3.0
2.4.5. Lối sống lành mạnh	3.0
2.4.6. Tích cực, tự giác, độc lập	3.0
<b>2.5. Kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp</b>	
2.5.1. Yêu nghề, kiên trì, chịu khó và thích nghi với nghề nghiệp	3.0
2.5.2. Tác phong nghiêm túc, ứng xử chuyên nghiệp	3.0
2.5.3. Ý thức trau dồi, phấn đấu và phát triển nghề nghiệp	3.0
2.5.4. Thương yêu, tôn trọng, đối xử công bằng với trẻ	3.0
<b>3. KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ LÀM VIỆC NHÓM</b>	<b>TĐNL</b>
<b>3.1. Làm việc nhóm</b>	
3.1.1. Thành lập nhóm	3.0
3.1.2. Tổ chức hoạt động nhóm	3.0
3.1.3. Phát triển nhóm	3.0
3.1.4. Lãnh đạo nhóm	3.0
3.1.5. Hoạt động nhóm đa ngành	3.0
<b>3.2. Giao tiếp</b>	
3.2.1. Xác định chiến lược giao tiếp	3.0
3.2.2. Phân tích cấu trúc giao tiếp	3.0
3.2.3. Giao tiếp bằng văn bản	3.5
3.2.4. Giao tiếp đa phương tiện	3.0
3.2.5. Thuyết trình hiệu quả	3.0
<b>3.3. Giao tiếp bằng ngoại ngữ</b>	
3.3.1. Giao tiếp bằng tiếng Anh ở trình độ bậc 3/khung 6 bậc (B1 châu Âu)	3.0
3.3.2. Khả năng đọc hiểu tiếng Anh để hỗ trợ công việc chuyên môn	2.5
<b>4. NĂNG LỰC PHÁT HIỆN, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON</b>	<b>TĐNL</b>

<b>4.1. Hiểu bối cảnh xã hội</b>	
4.1.1. Xác định vai trò, trách nhiệm của người giáo viên mầm non	3.0
4.1.2. Phân tích ảnh hưởng của giáo dục mầm non với xã hội	3.0
4.1.3. Phân tích tác động của xã hội đối với giáo dục mầm non	3.0
4.1.4. Hiểu biết lịch sử văn hóa địa phương	3.0
4.1.5. Xác định vai trò của giáo dục mầm non trong bối cảnh toàn cầu hóa	3.0
<b>4.2. Hiểu bối cảnh giáo dục mầm non</b>	
4.2.1. Nhận diện bối cảnh cơ sở giáo dục mầm non	2.5
4.2.2. Hiểu biết về vai trò, chức năng, hoạt động của nhà trường	3.0
4.2.3. Hiểu chiến lược, mục tiêu và kế hoạch của cơ sở giáo dục mầm non	3.0
<b>4.3. Hình thành ý tưởng hoạt động giáo dục mầm non</b>	
4.3.1. Xác định nhu cầu và thiết lập mục tiêu hoạt động	3.0
4.3.2. Định hướng nội dung, phương pháp, hình thức, điều kiện thực hiện mục tiêu	3.0
4.3.3. Mô hình hóa quy trình thực hiện	3.0
4.3.4. Mô tả ứng dụng ý tưởng	3.0
<b>4.4. Thiết kế hoạt động giáo dục mầm non</b>	
4.4.1. Thiết kế mục tiêu cụ thể của hoạt động giáo dục mầm non	3.0
4.4.2. Thiết kế chủ đề và nội dung hoạt động giáo dục mầm non	3.5
4.4.3. Thiết kế hoạt động trong lĩnh vực giáo dục mầm non	3.5
4.4.4. Xác định phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức hoạt động	3.5
4.4.5. Thiết kế kế hoạch đánh giá trẻ	3.5
4.4.6. Thiết kế môi trường hoạt động giáo dục	3.5
<b>4.5. Thực hiện</b>	
4.5.1. Thực hiện hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ	3.5
4.5.2. Thực hiện quản lý nhóm/lớp và cơ sở giáo dục mầm non	3.5
4.5.3. Giải quyết tình huống nảy sinh trong quá trình thực hiện hoạt động	3.5
4.5.4. Lập và quản lý hồ sơ chuyên môn	3.5
<b>4.6. Đánh giá và cải tiến</b>	
4.6.1. Đánh giá hoạt động giáo dục mầm non	3.0
4.6.2. Cải tiến hoạt động giáo dục mầm non sau một chu trình hoạt động	3.0

**BỘ MÔN GDMN  
TRƯỞNG BỘ MÔN**

**KHOA GIÁO DỤC  
TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH  
HIỆU TRƯỞNG**

#### 4. Chương trình đào tạo

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY TIẾP CẬN CDIO**  
**NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON**  
*(Ban hành theo Quyết định số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh)*

TT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần	Số TC	Tỷ lệ lý thuyết/ T.luận, bài tập, (T.hành)/Tự học	Khối kiến thức	Phân kỳ	Khoa/Viện đảm nhận
1	EDU20002	Cơ sở tự nhiên xã hội	Bắt buộc	4	45/15/120	GDCN	1	Giáo dục
2	ENG10001	Tiếng Anh 1	Bắt buộc	3	30/15/90	GDĐC	1	SP Ngoại ngữ
3	EDU20001	Nhập môn ngành sư phạm	Bắt buộc	2	25/5/60	GDĐC	1	Giáo dục
4	POL10001	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin	Bắt buộc	5	50/25/150	GDĐC	1	GD Chính trị
5	EDU20003	Tâm lý học	Bắt buộc	4	45/15/120	GDĐC	1	Giáo dục
6	POL10003	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	Bắt buộc	3	30/15/90	GDĐC	2	GD Chính trị
7	EDU20006	Giáo dục học	Bắt buộc	4	45/15/120	GDĐC	2	Giáo dục
8	ENG10002	Tiếng Anh 2	Bắt buộc	4	45/15/120	GDĐC	2	SP Ngoại ngữ
9	INF20002	Tin học	Bắt buộc	3	30/(15)/90	GDĐC	2	Viện SPTN
10	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bắt buộc	2	20/10/60	GDĐC	2	GD Chính trị
11	EDU20005	Việt ngữ học cơ sở	Bắt buộc	3	35/10/90	GDCN	2	Giáo dục
	NAP10001	Giáo dục quốc phòng 1(Đường lối quân sự)	Bắt buộc	(3)	45/0/90	GDĐC	1-3	GDQP-AN
	NAP10002	Giáo dục quốc phòng 2(Công tác QPAN)	Bắt buộc	(2)	30/0/60	GDĐC	1-3	GDQP-AN
	NAP10003	Giáo dục quốc phòng 3(QS chung & chiến thuật, KT bắn súng...)	Bắt buộc	(3)	15/(30)/90	GDĐC	1-3	GDQP-AN
	SPO10001	Giáo dục thể chất	Bắt buộc	(5)	15/(60)/150	GDĐC	1-3	GD Thể chất
12	EDU30001	Âm nhạc	Bắt buộc	4	30/(30)/120	GDCN	3	Giáo dục
13	EDU30002	Nghệ thuật tạo hình và thiết kế đồ dùng, đồ chơi cho trẻ	Bắt buộc	3	30/15/90	GDCN	3	Giáo dục
14	EDU20007	Tâm lý học giáo dục trẻ em	Bắt buộc	5	60/15/150	GDCN	3	Giáo dục
15	EDU20008	Toán cơ sở	Bắt buộc	3	30/15/90	GDCN	3	Giáo dục
16	EDU20009	Văn học thiếu nhi	Bắt buộc	3	35/10/90	GDCN	3	Giáo dục
17	EDU30012	Dinh dưỡng học trẻ em	Bắt buộc	5	60/(15)/150	GDCN	4	Giáo dục
18	EDU30013	Giáo dục học mầm non	Bắt buộc	4	45/15/120	GDCN	4	Giáo dục
19	EDU30021	Múa	Bắt buộc	3	15/(30)/90	GDCN	4	Giáo dục
20	EDU30023	Phương pháp NCKH giáo dục	Bắt buộc	3	36/9/90	GDCN	4	Giáo dục
21		<b>Tự chọn 1</b>	Tự chọn	2		GDCN	4	
22	EDU30039	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ	Bắt buộc	5	60/(15)/150	GDCN	5	Giáo dục
23	EDU30041	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ	Bắt buộc	5	60/(15)/150	GDCN	5	Giáo dục
24	EDU30042	Phương pháp tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	Bắt buộc	5	60/(15)/150	GDCN	5	Giáo dục
25	EDU30043	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ	Bắt buộc	4	45/(15)/120	GDCN	5	Giáo dục
26	EDU30047	Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	Bắt buộc	4	45/(15)/120	GDCN	6	Giáo dục
27	EDU30050	Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ	Bắt buộc	4	45/(15)/120	GDCN	6	Giáo dục
28	EDU30051	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ	Bắt buộc	5	60/(15)/150	GDCN	6	Giáo dục
29	EDU30055	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	Bắt buộc	2	0/(30)/60	GDCN	6	Giáo dục
30	EDU30058	Bệnh học trẻ em	Bắt buộc	4	45/15/120	GDCN	7	Giáo dục
31	EDU30067	Phát triển chương trình Giáo dục mầm non	Bắt buộc	3	30/15/90	GDCN	7	Giáo dục
32	EDU30076	Quản lý trường mầm non	Bắt buộc	2	20/10/60	GDCN	7	Giáo dục
33	EDU30077	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	Bắt buộc	2	0/(30)/60	GDCN	7	Giáo dục
34		<b>Tự chọn 2</b>	Tự chọn	2		GDCN	7	Giáo dục
35		<b>Tự chọn 3</b>	Tự chọn	2		GDCN	7	Giáo dục
36	EDU30087	Thực tập sư phạm	Bắt buộc	4	0/(60)/120	GDCN	8	Giáo dục
		<b>Cộng:</b>		<b>125</b>				

**Tự chọn 1 (Chọn 1 trong 4 học phần)**

1	EDU30008	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một	Tự chọn	2	20/10/60	GDCN	4	Giáo dục
2	BIO30003	Giải phẫu sinh lý trẻ	Tự chọn	2	20/(10)/60	GDCN	4	Viện SPTN
3	EDU30015	Giao tiếp sự phạm ở trường mầm non	Tự chọn	2	20/10/60	GDCN	4	Giáo dục
4	EDU30028	Ứng dụng công nghệ thông tin trong Giáo dục mầm non	Tự chọn	2	15/(15)/60	GDCN	4	Giáo dục

**Tự chọn 2 (Chọn 1 trong 4 học phần)**

1	EDU30065	Lập kế hoạch trong Giáo dục mầm non	Tự chọn	2	20/10/60	GDCN	7	Giáo dục
2	EDU30081	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ	Tự chọn	2	20/10/60	GDCN	7	Giáo dục
3	EDU30082	Tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ	Tự chọn	2	20/10/60	GDCN	7	Giáo dục
4	EDU30085	Xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ	Tự chọn	2	20/10/60	GDCN	7	Giáo dục

**Tự chọn 3 (Chọn 1 trong 4 học phần)**

1	EDU30061	Đánh giá trong Giáo dục mầm non	Tự chọn	2	20/10/60	GDCN	7	Giáo dục
2	EDU30062	Kiểm định chất lượng Giáo dục mầm non	Tự chọn	2	20/10/60	GDCN	7	Giáo dục
3	EDU30069	Phát triển năng lực thực hiện chương trình Giáo dục mầm non	Tự chọn	2	20/10/60	GDCN	7	Giáo dục
4	EDU30079	Tham vấn trong Giáo dục mầm non	Tự chọn	2	20/10/60	GDCN	7	Giáo dục

Nghệ An, ngày 27 tháng 4 năm 2017

**HIỆU TRƯỞNG**

GS. TS. Đinh Xuân Khoa

MA TRẬN MÔN HỌC - CHUẨN ĐẦU RA - MỨC ĐỘ GIẢNG DẠY

MÔN HỌC	CHUYÊN ĐỀ ĐẦU RA										MỨC ĐỘ GIẢNG DẠY									
	I. KIẾN THỨC CƠ BẢN					II. KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP VÀ PHẨM CHẤT CÁ NHÂN					III. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP					IV. KỸ NĂNG LỰC CHỌN TRỌNG ĐỜI CÁN BỘ GIÁO DỤC VÀ XÃ HỘI				
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	2.7	3.1	3.2	3.3	3.4	3.5	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5
<b>KHOA KIẾN THỨC ĐÀT CƯỜNG</b>																				
Nhiệm vụ và cơ bản của Công tác Quản lý	TU																			
Thẩm quyền	TU																			
Nhiệm vụ và cơ bản của Công tác Quản lý	TU																			
Tên học	TU																			
Giáo dục học	TU																			
Nhiệm vụ và cơ bản của Công tác Quản lý	TU																			
Tên môn học	TU																			
Đang thi và sắp thi	TU																			
<b>KHOA KIẾN THỨC CÔNG NGHỆ</b>																				
Nhiệm vụ và cơ bản của Công tác Quản lý	TU																			
Tên học	TU																			
Giáo dục học	TU																			
Nhiệm vụ và cơ bản của Công tác Quản lý	TU																			
Tên môn học	TU																			
Đang thi và sắp thi	TU																			
<b>KHOA KIẾN THỨC QUẢN LÝ</b>																				
Nhiệm vụ và cơ bản của Công tác Quản lý	TU																			
Tên học	TU																			
Giáo dục học	TU																			
Nhiệm vụ và cơ bản của Công tác Quản lý	TU																			
Tên môn học	TU																			
Đang thi và sắp thi	TU																			
<b>KHOA KIẾN THỨC QUẢN LÝ</b>																				
Nhiệm vụ và cơ bản của Công tác Quản lý	TU																			
Tên học	TU																			
Giáo dục học	TU																			
Nhiệm vụ và cơ bản của Công tác Quản lý	TU																			
Tên môn học	TU																			
Đang thi và sắp thi	TU																			



## 2. Mô tả học phần

Học phần Cơ sở Tự nhiên - Xã hội cung cấp nền tảng kiến thức về Khoa học tự nhiên (Sinh học, Vật lý, Hoá học), Địa lý, Lịch sử và Xã hội để sinh viên có thể học tốt các môn chuyên ngành như Phương pháp cho trẻ làm quen môi trường xung quanh (ngành Giáo dục Mầm non) và Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội ở Tiểu học (ngành Giáo dục Tiểu học), hướng đến việc vận dụng vào thực tiễn giảng dạy ở trường học về sau.

## 3. Mục tiêu học phần

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản sau đây:

- Những kiến thức cơ bản về các loại vật chất và năng lượng;
- Những kiến thức cơ bản về thế giới sinh vật (thực vật và động vật);
- Một số kiến thức cơ bản về địa lý, bao gồm: địa lý tự nhiên đại cương (về vũ trụ, hệ mặt trời, Trái Đất), địa lý các châu lục và địa lý Việt Nam (thiên nhiên, con người, kinh tế - xã hội);
- Những kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam qua các thời kỳ;
- Những hiểu biết về gia đình Việt Nam trong bối cảnh xã hội hiện nay.

Sinh viên sau khi hoàn thành học phần này có thể:

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của CTĐT (X.x.x) (3)	TĐNL (4)
G1	Trình bày được đặc điểm chính về các loại vật chất và năng lượng.	1.2.3 (GDTH) 1.2.2 (GDMN) 2.1.1 (GDTH & GDMN) 2.2.2 (GDTH & GDMN) 2.4.2 (GDTH & GDMN)	2.5
G2	- Xác định được những đặc điểm chính của các ngành thực vật và động vật; - Khái quát được những đặc điểm về sinh dưỡng, sinh sản, trao đổi chất ở thực vật; - Hiểu được mối quan hệ giữa các yếu tố trong các hệ sinh thái.	1.2.3 (GDTH) 1.2.2 (GDMN) 2.1.1 (GDTH & GDMN) 2.2.2 (GDTH & GDMN) 2.4.2 (GDTH & GDMN)	2.5 2.5 2.5
G3	- Trình bày được những khái niệm, đặc điểm cơ bản về vũ trụ, hệ mặt trời và Trái đất. - Xác định những đặc điểm cơ bản về địa lý tự nhiên, địa lý kinh tế - xã hội các châu lục; - Nhận biết những đặc điểm về địa lý tự	1.2.3 (GDTH) 1.2.2 (GDMN) 2.1.1 (GDTH & GDMN) 2.2.2 (GDTH & GDMN) 2.4.2 (GDTH & GDMN) 2.4.3 (GDTH & GDMN)	2.0 2.5 3.0

	nhiên, địa lý kinh tế - xã hội của các vùng ở nước ta.		
<b>G4</b>	Xác định được những nét chính trong các giai đoạn lịch sử tiêu biểu của Việt Nam từ thời kỳ dựng nước cho đến giai đoạn hiện nay.	1.2.3 (GDTH) 1.2.2 (GDMN) 2.1.1 (GDTH & GDMN) 2.2.2 (GDTH & GDMN) 2.4.2 (GDTH & GDMN)	2.0
<b>G5</b>	- Nhận biết, minh họa được những đặc trưng của gia đình Việt Nam hiện nay; - Áp dụng những kiến thức đã được học để có thể tự lập kế hoạch tìm hiểu những nét đặc trưng cơ bản về quê hương, địa phương nơi bản thân đang sống.	1.2.3 (GDTH) 1.2.2 (GDMN) 2.1.1 (GDTH & GDMN) 2.1.3 (GDTH & GDMN) 2.2.2 (GDTH & GDMN) 2.4.2 (GDTH & GDMN) 2.4.3 (GDTH & GDMN)	3.0  3.0
<b>G6</b>	Xác định được tầm quan trọng của những kiến thức về tự nhiên và xã hội trong giáo dục ở tiểu học và mầm non, từ đó chủ động lựa chọn được những nội dung cần thiết cho hoạt động tự học, tự nghiên cứu.	2.4.1 (GDTH & GDMN) 2.5.2 (GDTH & GDMN) 2.5.3 (GDTH & GDMN)	3.0
<b>G7</b>	Có kỹ năng tự học tập, nghiên cứu, cộng tác nhóm để giải quyết vấn đề, có tư duy phản biện, sáng tạo.	2.4.1 (GDTH & GDMN) 2.4.3 (GDTH & GDMN) 2.4.4 (GDTH & GDMN) 2.5.2 (GDTH & GDMN) 2.5.3 (GDTH & GDMN) 3.1.1 (GDTH & GDMN) 3.1.2 (GDTH & GDMN) 3.1.3 (GDTH & GDMN)	3.0

#### 4. Chuẩn đầu ra học phần

<b>Mục tiêu (Gx.x) (1)</b>		<b>Mô tả CDR (2)</b>	<b>Mức độ giảng dạy (L,T,U) (3)</b>
<b>G1</b>	<b>G1.1</b>	Trình bày những tính chất cơ bản của nước, vai trò của nước đối với tự nhiên và con người; Trình bày được các vấn đề về ô nhiễm môi trường nước; Hiểu được kỹ thuật xử lý và cấp nước hiện đại.	T
	<b>G1.2</b>	Xác định những tính chất cơ bản của khí quyển, thời tiết và khí hậu; Nhận biết vai trò của khí quyển và vấn đề ô nhiễm không khí;	T

	<b>G1.3</b>	Trình bày những tính chất cơ bản của ánh sáng mặt trời, nhiệt và âm thanh.	T
	<b>G1.4</b>	Nhận biết những vật liệu thông dụng trong cuộc sống (các kim loại: sắt, đồng, nhôm; các vật liệu: thủy tinh, đồ gốm, xi măng, các hợp chất cao phân tử...).	T
	<b>G1.5</b>	Xác định những đặc trưng của các nguồn năng lượng truyền thống và nguồn năng lượng mới.	T
<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	Trình bày được các bậc phân loại trong sinh giới.	T
	<b>G2.2</b>	Nhận biết sự đa dạng của các loài sinh vật.	T
	<b>G2.3</b>	Nhận biết được các đặc điểm cơ bản về giới thực vật, một số ngành thực vật; sự sinh trưởng, sinh sản và phát triển của thực vật.	T
	<b>G2.4</b>	Nhận biết được các đặc điểm cơ bản về giới động vật, các ngành của giới động vật.	T
	<b>G2.5</b>	Hiểu được mối quan hệ giữa các yếu tố trong các hệ sinh thái.	T
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Trình bày được một số khái niệm cơ bản về vũ trụ, hệ mặt trời.	T
	<b>G3.2</b>	Trình bày các đặc điểm về hình dạng, kích thước và cấu tạo Trái Đất.	T
	<b>G3.3</b>	Giải thích được những hệ quả do sự vận động của Trái Đất.	T
	<b>G3.4.</b>	Xác định được các đặc điểm cơ bản về điều kiện tự nhiên, hoạt động kinh tế - xã hội ở các châu lục trên Thế giới.	T
	<b>G3.5</b>	Xác định, nhận biết được các đặc điểm cơ bản về điều kiện tự nhiên, hoạt động kinh tế - xã hội của Việt Nam nói chung và từng vùng miền nói riêng.	T
<b>G4</b>	Xác định được những nét chính trong các giai đoạn lịch sử tiêu biểu của Việt Nam từ thời kỳ dựng nước cho đến giai đoạn hiện nay.	T	
<b>G5</b>	<b>G5.1</b>	Hiểu về vai trò và chức năng của gia đình; phát hiện và khai thác được những mối quan hệ và sự thay đổi đang diễn ra trong các gia đình Việt Nam hiện nay.	T
	<b>G5.2</b>	Vận dụng kiến thức được học để tự tìm hiểu về quê hương, địa phương nơi đang sinh sống.	T
<b>G6</b>	Nhận biết được tầm quan trọng của những kiến thức về tự nhiên và xã hội trong giáo dục ở tiểu học, giáo dục mầm non và từ đó chủ động lựa chọn được những nội dung cần thiết cho hoạt động tự học, tự nghiên cứu.	I, U	
<b>G7</b>	Có kỹ năng tự học tập, nghiên cứu, cộng tác nhóm để giải quyết vấn đề, có tư duy phản biện, sáng tạo.	U	

## 5. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (2)	CDR học phần (Gx.x) (3)	Tỷ lệ (%) (4)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>60%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập</b>			<b>10%</b>
Đánh giá qua quá trình học	A1.1.1. Điểm chuyên cần		3%
	A1.1.2. Thái độ học tập	G6, G7	7%
<b>A1.2. Hồ sơ học phần</b>			<b>20%</b>
Báo cáo/ Bài tập nhóm	A1.2.1. Bài tập nhóm dưới hình thức thuyết trình, thảo luận trên lớp	G1.5, G2.4, G3.5; G5.1; G6, G7	15%
	A1.2.2. Báo cáo viết và báo cáo thuyết trình nhóm	G5.2, G6, G7	5%
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ</b>			<b>30%</b>
Bài kiểm tra 40 câu hỏi (40 phút)	A1.3.1 Bài kiểm tra 1:	G1.1 → G2.5	15%
	A1.3.2. Bài kiểm tra 2:	G3.1 → G5.1	15%
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ</b>			<b>40%</b>
Bài thi trắc nghiệm 50 câu hỏi (60 phút)	Áp dụng cho tất cả sinh viên	G1.1 - G5.1	40%

## PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

### 1. Phương thức đánh giá ý thức học tập

Phương thức đánh giá ý thức học tập của sinh viên qua quá trình học được dựa trên hai yếu tố, gồm: Điểm chuyên cần (*thể hiện qua thời lượng sinh viên tham dự giờ học trên lớp*) và Thái độ, ý thức học tập (*thể hiện qua kết quả của hoạt động tự học ngoài giờ lên lớp*).

Cụ thể:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ của học phần mới đủ điều kiện dự thi;
- Để đánh giá kết quả tự học ngoài giờ lên lớp, các buổi học sẽ có hình thức kiểm tra bài cũ (trong thời gian từ 5-7 phút) bằng các câu hỏi trắc nghiệm hoặc vấn đáp. Mỗi lần sẽ có từ 3-4 sinh viên được gọi ngẫu nhiên lên bảng và trả lời câu hỏi trắc nghiệm được chuẩn bị sẵn với nội dung bám sát theo nội dung đã yêu cầu sinh viên tự học ở buổi trước đó. Mỗi sinh viên trả lời 05 câu hỏi trắc nghiệm hoặc 01 câu hỏi vấn đáp và được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10.

- Điểm đánh giá quá trình học tập được tính bằng cách:

Điểm quá trình học = Điểm chuyên cần x 0,3 + Điểm đánh giá kết quả tự học x 0.7

Điểm đánh giá quá trình học tập được tính trọng số là 10%.

### 2. Điểm đánh giá hồ sơ học phần dưới hình thức bài tập/ báo cáo nhóm

a) Bài tập nhóm dưới hình thức thảo luận nhóm:

➤ *Đánh giá kết quả hoạt động nhóm*

Trong các giờ học có hoạt động thảo luận nhóm, mỗi nhóm sẽ được đánh giá kết quả bằng điểm số chung dựa trên những tiêu chí trong bảng sau:

TT	Nội dung Đánh giá	Tiêu chí đánh giá					
		A	B	C	D	E	F
I	Nội dung thảo luận nhóm	Nội dung bám sát với chủ đề đã được giao, đảm bảo chất lượng và khối lượng thông tin theo yêu cầu., giàu	Nội dung bám sát với chủ đề đã được giao, đảm bảo chất lượng và khối lượng thông tin theo yêu cầu., có sự	Nội dung bám sát với chủ đề đã được giao, đảm bảo chất lượng và khối lượng thông tin theo yêu cầu.	Nội dung đúng với chủ đề đã được giao, những chưa đạt được đủ khối lượng thông tin theo yêu cầu..	Nội dung cơ bản đúng với chủ đề được giao nhưng còn sơ sài, còn thiếu nhiều thông tin theo yêu	Không thực hiện được nội dung gì

		tính sáng tạo, có sự liên hệ thực tế.	liên hệ thực tế.			câu.	
<i>Điểm tối đa: 5</i>		<i>5 điểm</i>	<i>4 điểm</i>	<i>3 điểm</i>	<i>2 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	<i>0 điểm</i>
<b>II</b>	Sự tương tác giữa các nhóm	Có sự tương tác cao với các nhóm khác, chú ý lắng nghe và có nhiều ý kiến đóng góp, ý kiến phản biện cho nội dung của nhóm khác.	Có sự tương tác cao với các nhóm khác, chú ý lắng nghe và có nhiều ý kiến đóng góp, xây dựng cho nội dung của nhóm khác.	Có sự tương tác với các nhóm khác, chú ý lắng nghe và có ý kiến đóng góp, xây dựng cho nội dung của nhóm khác.	Có sự tương tác với các nhóm khác, chú ý lắng nghe và có ý kiến đóng góp, ý kiến phản biện cho nội dung của nhóm khác.	Không có sự tương tác với các nhóm khác.	
<i>Điểm tối đa: 3</i>		<i>3.0 điểm</i>	<i>2.0 điểm</i>	<i>1.5 điểm</i>	<i>1.0 điểm</i>	<i>0 điểm</i>	
<b>III</b>	Thái độ và kỹ năng làm việc nhóm	Tất cả các thành viên đều tham gia vào hoạt động nhóm, có trên 50% thành viên của nhóm có hoạt động tương tác cao với các nhóm khác.	Tất cả các thành viên đều tham gia vào hoạt động nhóm, có dưới 50% thành viên của nhóm có hoạt động tương tác với các nhóm khác.	Tất cả các thành viên đều tham gia vào hoạt động nhóm.	Chỉ có 30 - 70% số lượng thành viên tham gia vào hoạt động nhóm.	Dưới 30% số lượng thành viên tham gia vào hoạt động nhóm.	
<i>Điểm tối đa: 2</i>		<i>2 điểm</i>	<i>1.5 điểm</i>	<i>1.0 điểm</i>	<i>0.5 điểm</i>	<i>0 điểm</i>	

➤ *Đánh giá cá nhân trong nhóm*

Nhóm trưởng của mỗi nhóm sẽ đánh giá và cho điểm từng cá nhân dựa trên mức độ tham gia và đóng góp vào hoạt động nhóm. Trung bình cộng điểm của các thành viên bằng số điểm chung của nhóm do giảng viên đánh giá. Điểm đánh giá hồ sơ học phần ở nội dung này của mỗi sinh viên được tính bằng con điểm trung bình cộng của tất cả những lần có bài tập/ báo cáo nhóm.

**Ví dụ:** Nhóm 1 có 6 thành viên, điểm đánh giá chung của nhóm là 8 điểm. Thành viên A trong nhóm có nhiều đóng góp nổi bật hơn, được nhóm trưởng đánh giá 9 điểm, thành viên B tham gia vào hoạt động nhóm còn ít, được đánh giá 7 điểm, các thành viên còn lại đều đạt điểm 8. Trung bình cộng điểm của cả nhóm vẫn là 8 điểm.

Qua 5 lần có bài tập/ báo cáo nhóm trong các hoạt động trên lớp, sinh viên A có số điểm lần lượt là 9, 8, 8, 7, 8. Như vậy, điểm đánh giá hồ sơ học phần của sinh viên A sẽ là 8 điểm, chiếm trọng số 15%.

b) Báo cáo viết và báo cáo thuyết trình nhóm

Nội dung này được dùng để đánh giá bài tập nhóm thuộc nội dung chuẩn đầu ra G5.2. Cách thức cho điểm các thành viên trong nhóm cũng tương tự như ở hoạt động nhóm trên lớp. Điểm ở nội dung này được tính trọng số là 5%.

**3. Đánh giá định kỳ**

Sẽ có 02 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung mỗi bài tương ứng theo nội dung **A1.3. Đánh giá định kỳ**. Mỗi bài kiểm tra có 30 câu hỏi trắc nghiệm, thời gian làm bài là 35 phút. Điểm của bài thi được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm số mỗi bài kiểm tra được tính trọng số là 10%.

**4. Đánh giá cuối kỳ**

Bài thi trắc nghiệm đánh giá kết quả cuối kỳ sẽ có 60 câu hỏi, thời gian làm bài là 70 phút. Điểm của bài thi được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Việc chuyển từ điểm số sang điểm chữ được thực hiện tự động trên phần mềm quản lý điểm. Điểm đánh giá cuối kỳ được tính trọng số là 40%.

**6. Kế hoạch giảng dạy**

Tuần/ Buổi học (1)	Nội dung (2)	Hình thức tổ chức DH (3)	Hoạt động của SV (4)	CDR học phần (5)	Bài đánh giá (6)
1.	<b>CHƯƠNG 1: VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG</b>  1.1. NƯỚC	➤ Giảng dạy lý thuyết: - Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide; - Phát vấn;	➤ Chuẩn bị giáo trình và vở ghi chép, dụng cụ học tập; Trả lời câu hỏi của GV;	<b>G1; G6; G7</b>	<b>A1.1.1; A1.1.2; A1.2.1; A1.3.1</b>

	<p>1.1.1. Tính chất và vai trò của nước</p> <p>1.1.2. Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên</p> <p>1.1.3. Nước trên Trái đất</p> <p>1.1.4. Kỹ thuật xử lý và cấp nước hiện đại</p> <p>1.2. KHÍ QUYỂN</p> <p>1.2.1. Thành phần và cấu tạo khí quyển</p> <p>1.2.2. Vai trò của khí quyển</p> <p>1.2.3. Thời tiết và khí hậu</p>	<p>➤ Tổ chức cho sinh viên thảo luận nhóm với các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vai trò của nước đối với sức khoẻ con người;</li> <li>- Phương pháp xử lý nước thường được sử dụng tại địa phương/ nơi sinh sống;</li> <li>- Một số hiện tượng thời tiết thường gặp: nguyên nhân, dấu hiệu, những tác động đối với đời sống con người.</li> </ul> <p>➤ Nhận xét và đánh giá nội dung thảo luận;</p> <p>➤ Giao nội dung tự học cho sinh viên</p>	<p>➤ Tham gia thảo luận;</p> <p>➤ Theo dõi và trao đổi với GV;</p> <p>➤ Nội dung tự học:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vấn đề ô nhiễm nguồn nước và ô nhiễm không khí;</li> <li>- Tìm hiểu một số phương pháp làm sạch nước phổ biến.</li> <li>- Tìm hiểu về đặc điểm khí hậu tại địa phương/ nơi sinh sống.</li> <li>- Xem trước nội dung bài học ở tuần tiếp theo.</li> </ul>		
2.	<p><b>CHƯƠNG 1: VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG</b></p> <p>1.3. ÁNH SÁNG</p> <p>1.3.1. Nguồn sáng và</p>	<p>➤ Đánh giá kết quả tự học của sinh viên: thông qua hình thức Viết nhanh;</p> <p>➤ Giảng dạy lý thuyết:</p>	<p>➤ Thực hiện theo yêu cầu của GV;</p> <p>➤ Chuẩn bị giáo trình và vở ghi</p>	<p><b>G1;</b> <b>G6;</b> <b>G7</b></p>	<p><b>A1.1.1;</b> <b>A1.1.2;</b> <b>A1.2.1;</b> <b>A1.3.1</b></p>

	<p>vật sáng</p> <p>1.3.2. Các tính chất của ánh sáng</p> <p>1.3.3. Ánh sáng mặt trời</p> <p>1.4. NHIỆT</p> <p>1.4.1. Sự dẫn nở nhiệt - Sự truyền nhiệt</p> <p>1.4.2. Sự đối lưu - Bức xạ nhiệt</p> <p>1.4.4. Các nguồn nhiệt và vai trò của nhiệt</p> <p>1.5. ÂM THANH</p> <p>1.5.1. Nguồn âm</p> <p>1.5.2. Các tính chất của âm thanh</p> <p>1.5.5. Âm thanh đối với cuộc sống</p>	<p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</p> <p>- Phát vấn;</p> <p>➤ Cho sinh viên thực hiện thí nghiệm đơn giản thể hiện một số tính chất của ánh sáng (phản xạ, khúc xạ), thí nghiệm về sự truyền nhiệt.</p> <p>➤ Giao nội dung tự học cho sinh viên</p>	<p>chép, dụng cụ học tập; Trả lời câu hỏi của GV;</p> <p>➤ Tham gia thực hiện và theo dõi thí nghiệm ;</p> <p>➤ Nội dung tự học:</p> <p>- Ảnh hưởng của ánh sáng, nhiệt độ và âm thanh đối với các loài động, thực vật.</p> <p>- Xem trước nội dung bài học ở tuần tiếp theo.</p>		
3.	<p><b>CHƯƠNG 1: VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG</b></p> <p>1.6. MỘT SỐ VẬT LIỆU THÔNG DỤNG</p> <p>1.6.1. Các kim loại thông dụng</p> <p>1.6.2. Thủy tinh - Đồ gốm - Xi măng</p> <p>1.6.3. Các hợp chất cao phân tử</p> <p>1.7. CÁC NGUỒN</p>	<p>➤ Đánh giá kết quả tự học của sinh viên: thông qua hình thức trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm;</p> <p>➤ Giảng dạy lý thuyết:</p> <p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide và video clip;</p> <p>- Phát vấn;</p> <p>➤ Chia nhóm và cho sinh viên tranh luận theo chủ đề:</p> <p>- Năng lượng truyền</p>	<p>➤ Trả lời câu hỏi;</p> <p>➤ Chuẩn bị giáo trình và vở ghi chép, dụng cụ học tập; Trả lời câu hỏi của GV;</p> <p>➤ Tham gia thảo luận;</p>	<b>G1;</b> <b>G6;</b> <b>G7</b>	<b>A1.1.1;</b> <b>A1.1.2;</b> <b>A1.2.1;</b> <b>A1.3.1</b>

	<p><b>NĂNG LƯỢNG</b></p> <p>1.7.1. Khái niệm</p> <p>1.7.2. Các nguồn năng lượng truyền thống</p> <p>1.7.3. Các nguồn năng lượng mới</p>	<p>thống và năng lượng xanh: ưu nhược điểm, sự phù hợp với bối cảnh hiện nay của nước ta/ địa phương nơi sinh sống.</p> <p>➤ Nhận xét và đánh giá nội dung thảo luận;</p> <p>➤ Giao nội dung tự học cho sinh viên và chuẩn bị nội dung cho tiết thảo luận.</p>	<p>➤ Theo dõi và trao đổi với GV;</p> <p>➤ Nội dung tự học:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên chia nhóm tìm hiểu về quy trình tái chế các loại vật liệu thông dụng.</li> <li>- Tìm hiểu về tình hình sử dụng các nguồn năng lượng ở Việt Nam hiện nay và xu thế trong tương lai.</li> <li>- Xem trước nội dung Chương 2.</li> </ul>		
4.	<p><b>CHƯƠNG 1: VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG</b></p> <p>Thảo luận về chương I</p> <p><b>CHƯƠNG 2: THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT</b></p> <p>2.1. PHÂN LOẠI SINH VẬT</p> <p>2.1.1. Các bậc phân loại</p>	<p>➤ Tổ chức cho các nhóm báo cáo theo chủ đề được giao ở tuần trước: Cho mỗi nhóm phụ trách chủ đề báo cáo, các nhóm còn lại theo dõi và chuẩn bị các ý kiến nhận xét/ phản biện;</p> <p>➤ Nhận xét và đánh giá nội dung thảo luận;</p> <p>➤ Giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng, kết hợp</li> </ul>	<p>➤ Báo cáo nhóm, theo dõi, chuẩn bị câu hỏi, ý kiến nhận xét/ phản biện;</p> <p>➤ Theo dõi và trao đổi với GV;</p> <p>➤ Chuẩn bị giáo trình và vở ghi chép, dụng cụ học</p>	<p><b>G1;</b> <b>G6;</b> <b>G7</b></p>	<p><b>A1.1.1;</b> <b>A1.1.2;</b> <b>A1.2.1;</b> <b>A1.3.1</b></p>

	<p>2.1.1. Sự đa dạng của sinh vật</p> <p>2.2. GIỚI THỰC VẬT</p> <p>2.2.1. Đặc điểm chung của thực vật</p> <p>2.2.2. Các ngành thực vật</p> <p>2.2.3. Vai trò của thực vật</p>	<p>viết bảng và trình chiếu slide;</p> <p>- Phát vấn;</p> <p>➤ Giao nội dung tự học cho sinh viên</p>	<p>tập; Trả lời câu hỏi của GV;</p> <p>➤ Nội dung tự học:</p> <p>- Lịch sử và các hệ thống phân loại sinh giới;</p> <p>- Phân loại các loài thực vật quen thuộc thuộc nhóm thực vật một lá mầm hay hai lá mầm;</p> <p>- Chuẩn bị sẵn một số lá, hoa, quả của các loài thực vật quen thuộc;</p>		
<p>5.</p>	<p><b>CHƯƠNG 2: THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT</b></p> <p>2.2. GIỚI THỰC VẬT</p> <p>2.2.4. Cơ quan sinh dưỡng ở thực vật</p> <p>2.2.5. Sự trao đổi chất ở thực vật</p> <p>2.2.6. Sự sinh sản ở thực vật</p>	<p>➤ Cho sinh viên trao đổi chéo các loại lá thực vật đã chuẩn bị và xác định đó là lá của thực vật một lá mầm hay hai lá mầm, xác định cấu tạo của lá;</p> <p>➤ Nhận xét và đánh giá nội dung vừa hoạt động;</p> <p>➤ Giảng dạy lý thuyết:</p> <p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</p> <p>- Phát vấn;</p> <p>➤ Cho sinh viên quan sát các mẫu hoa, quả đã chuẩn bị sẵn và mô tả cấu tạo;</p> <p>➤ Giao nội dung tự học</p>	<p>➤ Thực hiện theo yêu cầu của GV;</p> <p>➤ Theo dõi và trao đổi với GV;</p> <p>➤ Chuẩn bị giáo trình và vở ghi chép, dụng cụ học tập; Trả lời câu hỏi của GV;</p> <p>➤ Thực hiện theo yêu cầu của GV;</p> <p>➤ Nội dung tự học:</p>	<p><b>G2; G6; G7</b></p>	<p><b>A1.1.1; A1.1.2; A1.2.1; A1.3.1</b></p>

		cho sinh viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Những công nghệ mới được áp dụng trong ngành trồng trọt để tăng năng suất cây trồng;</li> <li>- Xem trước nội dung bài học ở tuần tiếp theo;</li> </ul>		
<b>6.</b>	<p style="text-align: center;"><b>CHƯƠNG 2: THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT</b></p> <p style="text-align: center;">2.3. GIỚI ĐỘNG VẬT</p> <p style="text-align: center;">2.3.1. Đặc điểm chung của động vật</p> <p style="text-align: center;">2.3.2. Các ngành động vật</p> <p style="text-align: center;">2.4. QUẦN THỂ, QUẦN XÃ, HỆ SINH THÁI</p> <p style="text-align: center;">2.4.1. Quần thể</p> <p style="text-align: center;">2.4.2. Quần xã sinh vật</p> <p style="text-align: center;">2.4.3. Hệ sinh thái</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Đánh giá kết quả tự học của sinh viên: thông qua hình thức trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm;</li> <li>➤ Giảng dạy lý thuyết: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</li> <li>- Phát vấn;</li> </ul> </li> <li>➤ Chia nhóm và cho sinh viên tranh luận theo các chủ đề: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nên hay không việc sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật hoang dã (thuốc, thực phẩm, đồ trang sức, trang trí...).</li> <li>- Làm thế nào để giáo dục tình yêu động vật cho học sinh ở bậc Tiểu học?</li> </ul> </li> <li>➤ Giao nội dung tự học cho sinh viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Trả lời câu hỏi;</li> <li>➤ Chuẩn bị giáo trình và vở ghi chép, dụng cụ học tập; Trả lời câu hỏi của GV;</li> <li>➤ Tranh luận theo chủ đề của GV đưa ra;</li> <li>➤ Nội dung tự học: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu về một số loài động vật hoang dã quý, hiếm đang có nguy cơ bị tuyệt chủng ở Việt</li> </ul> </li> </ul>	<p><b>G2;</b></p> <p><b>G6;</b></p> <p><b>G7</b></p>	<p><b>A1.1.1;</b></p> <p><b>A1.1.2;</b></p> <p><b>A1.2.1;</b></p> <p><b>A1.3.1</b></p>

			<p>Nam;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu về những hệ sinh thái điển hình như hệ sinh thái rừng, biển,..;</li> <li>- Xem trước nội dung bài học ở tuần tiếp theo;</li> </ul>		
<b>KIỂM TRA GIỮA KỲ LẦN 1</b>					<b>A1.3.1</b>
<b>7.</b>	<p><b>CHƯƠNG 3. ĐỊA LÝ</b></p> <p>3.1. ĐỊA LÝ ĐẠI CƯƠNG</p> <p>3.1.1. Vũ trụ và hệ mặt trời</p> <p>3.1.2. Trái đất</p> <p>3.1.3. Sự vận động của Trái đất</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➢ Đánh giá kết quả tự học của sinh viên: thông qua hình thức trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm;</li> <li>➢ Giảng dạy lý thuyết: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</li> <li>- Phát vấn;</li> </ul> </li> <li>➢ Chia nhóm và cho sinh viên tranh luận theo chủ đề: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệu có tồn tại sự sống bên ngoài Trái Đất ?</li> <li>- Nếu Trái Đất ngừng quay quanh mặt trời hoặc ngừng tự quay thì điều gì sẽ xảy ra?</li> </ul> </li> <li>➢ Trình chiếu một số video khoa học về Hệ Mặt trời và Trái Đất.</li> <li>➢ Giao nội dung tự học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➢ Trả lời câu hỏi;</li> <li>➢ Chuẩn bị giáo trình và vở ghi chép, dụng cụ học tập; Trả lời câu hỏi của GV;</li> <li>➢ Tranh luận theo chủ đề của GV đưa ra;</li> <li>➢ Theo dõi</li> <li>➢ Nội dung tự học: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những cột mốc quan trọng trong</li> </ul> </li> </ul>	<b>G3; G6; G7</b>	<b>A1.1.1; A1.1.2; A1.2.1; A1.3.2</b>

		cho sinh viên	<p>công cuộc khám phá vũ trụ của con người;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các giai đoạn trong tiến trình hình thành và phát triển của Trái đất;</li> <li>- Những quan niệm và hiểu biết về Trái Đất, hệ Mặt trời của loài người qua các thời kỳ lịch sử.;</li> <li>- Xem trước nội dung bài học ở tuần tiếp theo;</li> </ul>		
8.	<p><b>CHƯƠNG 3. ĐỊA LÝ</b></p> <p>3.2. KHÁI QUÁT ĐỊA LÝ CÁC CHÂU LỤC</p> <p>3.2.1. Châu Phi và châu Mỹ</p> <p>3.2.2. Châu Á và châu Âu</p> <p>3.2.3. Châu Đại dương và châu Nam cực</p>	<p>➤ Đánh giá kết quả tự học của sinh viên: thông qua hình thức trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm;</p> <p>➤ Giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</li> <li>- Phát vấn các câu hỏi mở rộng ngoài phạm vi giáo trình và liên hệ các vấn đề thực tế đang diễn ra tại từng châu lục;</li> </ul> <p>➤ Giao nội dung tự học cho sinh viên</p>	<p>➤ Trả lời câu hỏi;</p> <p>➤ Chuẩn bị giáo trình và vở ghi chép, dụng cụ học tập; Trả lời câu hỏi của GV;</p> <p>➤ Nội dung tự học;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu về 7 nền kinh tế đứng đầu thế giới;</li> <li>- Xem trước nội dung bài học ở tuần tiếp theo;</li> </ul>	<p><b>G3;</b> <b>G6;</b> <b>G7</b></p>	<p><b>A1.1.1;</b> <b>A1.1.2;</b> <b>A1.2.1;</b> <b>A1.3.2</b></p>

<p>9.</p>	<p><b>CHƯƠNG 3. ĐỊA LÝ</b></p> <p>3.3. ĐỊA LÝ VIỆT NAM</p> <p>3.3.1. Vị trí địa lý và các điều kiện tự nhiên Việt Nam</p> <p>3.3.2. Các hoạt động kinh tế - xã hội Việt Nam</p> <p>3.3.3. Thiên nhiên, con người và hoạt động sản xuất ở các vùng kinh tế Việt Nam</p>	<p>➤ Đánh giá kết quả tự học của sinh viên: thông qua hình thức trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm;</p> <p>➤ Giảng dạy lý thuyết: - Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide; - Phát vấn.</p> <p>➤ Tổ chức trò chơi ô chữ với nội dung về các địa danh, di tích, loại hình nghệ thuật tiêu biểu trên khắp Việt Nam;</p> <p>➤ Giao nội dung tự học cho sinh viên.</p>	<p>➤ Trả lời câu hỏi;</p> <p>➤ Chuẩn bị giáo trình và vở ghi chép, dụng cụ học tập; Trả lời câu hỏi của GV;</p> <p>➤ Tham gia trò chơi;</p> <p>➤ Nội dung tự học; - Tìm hiểu về các Hiệp định/ diễn đàn hợp tác kinh tế, thương mại quốc tế mà Việt Nam đang là thành viên (AEC, APEC, TPP,...); - Xem trước nội dung bài học ở tuần tiếp theo;</p>	<p><b>G3; G6; G7</b></p>	<p><b>A1.1.1; A1.1.2; A1.2.1; A1.3.2</b></p>
<p>10.</p>	<p><b>CHƯƠNG 3. ĐỊA LÝ</b></p> <p>3.3. ĐỊA LÝ VIỆT NAM</p> <p>3.3.3. Thiên nhiên, con người và hoạt động sản xuất ở các</p>	<p>➤ Đánh giá kết quả tự học của sinh viên: thông qua hình thức trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm;</p> <p>➤ Giảng dạy lý thuyết: - Thuyết giảng, kết hợp</p>	<p>➤ Trả lời câu hỏi;</p> <p>➤ Chuẩn bị giáo trình và vở ghi chép, dụng cụ học</p>	<p><b>G3; G4; G6; G7</b></p>	<p><b>A1.1.1; A1.1.2; A1.2.1; A1.3.2; A1.3.2</b></p>

	<p>vùng kinh tế Việt Nam (tiếp)</p> <p><b>CHƯƠNG 4. LỊCH SỬ</b></p> <p>4.1. Buổi đầu dựng nước và giữ nước của dân tộc</p>	<p>viết bảng và trình chiếu slide;</p> <p>- Phát vấn.</p> <p>➤ Chia nhóm và cho sinh viên thảo luận theo chủ đề: - Những đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của Nghệ An và ưu điểm, nhược điểm để phát triển?</p> <p>- Tại sao lại có hiện tượng nhiều công ty khi tuyển dụng thường không nhận người lao động có quê ở Thanh Hoá, Nghệ An và Hà Tĩnh?</p> <p>➤ Giao nội dung tự học cho sinh viên.</p>	<p>tập; Trả lời câu hỏi của GV;</p> <p>➤ Tham gia thảo luận;</p> <p>➤ Nội dung tự học:</p> <p>- Tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên, dân cư và các ngành kinh tế của các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An và Hà Tĩnh.</p> <p>- Xem trước nội dung bài học ở tuần tiếp theo;</p>		
11.	<p><b>CHƯƠNG 4. LỊCH SỬ</b></p> <p>4.2. Thời kì bắc thuộc và đấu tranh chống bắc thuộc</p> <p>4.3. Thời kỳ từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX</p>	<p>➤ Đánh giá kết quả tự học của sinh viên: thông qua hình thức trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm;</p> <p>➤ Giảng dạy lý thuyết:</p> <p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide/ videoclip;</p> <p>- Phát vấn.</p>	<p>➤ Trả lời câu hỏi;</p> <p>➤ Chuẩn bị giáo trình và vở ghi chép, dụng cụ học tập; Trả lời câu hỏi của GV;</p>	<b>G4;</b>	<b>A1.1.1;</b>
				<b>G6;</b>	<b>A1.1.2;</b>
				<b>G7</b>	<b>A1.3.2</b>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Giao nội dung tự học cho sinh viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Nội dung tự học: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu về các triều đại phong kiến trong lịch sử của nước ta.</li> <li>- Xem trước nội dung bài học ở tuần tiếp theo;</li> </ul> </li> </ul>		
12.	<p><b>CHƯƠNG 4. LỊCH SỬ</b></p> <p>4.4. Thời kì đô hộ và chống ách đô hộ của thực dân Pháp (1858-1845)</p> <p>4.5. Cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954)</p> <p>4.6. Cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Đánh giá kết quả tự học của sinh viên: thông qua hình thức trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm;</li> <li>➤ Giảng dạy lý thuyết: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide/ videoclip;</li> <li>- Phát vấn.</li> </ul> </li> <li>➤ Giao nội dung tự học cho sinh viên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Trả lời câu hỏi;</li> <li>➤ Chuẩn bị giáo trình và vở ghi chép, dụng cụ học tập; Trả lời câu hỏi của GV;</li> <li>➤ Nội dung tự học: <ul style="list-style-type: none"> <li>Đọc thêm tài liệu về các cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.</li> <li>- Xem trước nội dung bài học ở tuần tiếp theo;</li> </ul> </li> </ul>	<b>G4; G6; G7</b>	<b>A1.1.1; A1.1.2; A1.3.2</b>
13	<p><b>CHƯƠNG 4. LỊCH SỬ</b></p> <p>4.6. Cuộc kháng chiến chống mĩ (1954-1975)</p> <p>4.7. Thời kì cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Đánh giá kết quả tự học của sinh viên: thông qua hình thức trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm;</li> <li>➤ Giảng dạy lý thuyết: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide/ videoclip;</li> <li>- Phát vấn.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Trả lời câu hỏi;</li> <li>➤ Chuẩn bị giáo trình và vở ghi chép, dụng cụ học tập; Trả lời câu hỏi của GV;</li> </ul>	<b>G4; G6; G7</b>	<b>A1.1.1; A1.1.2; A1.3.2</b>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Giao nội dung tự học cho sinh viên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Nội dung tự học: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự thay đổi của nền kinh tế và xã hội Việt Nam kể từ sau khi bắt đầu đổi mới.</li> <li>- Xem trước nội dung bài học ở tuần tiếp theo;</li> </ul> </li> </ul>		
14.	<p><b>CHƯƠNG 5. XÃ HỘI</b></p> <p>5.1. GIA ĐÌNH</p> <p>5.1.1. Tìm hiểu khái niệm về gia đình và các loại hình gia đình</p> <p>5.1.2. Tìm hiểu về vai trò và chức năng của gia đình</p> <p>5.1.3. Tìm hiểu về mối quan hệ trong gia đình, những thay đổi trong các gia đình ở Việt Nam hiện nay</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Đánh giá kết quả tự học của sinh viên: thông qua hình thức trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm;</li> <li>➤ Giảng dạy lý thuyết: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</li> <li>- Phát vấn.</li> </ul> </li> <li>➤ Chia nhóm và cho sinh viên tranh luận và thảo luận theo chủ đề: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan điểm cá nhân của bạn về những quan niệm: “Con hư tại mẹ”, “Cha mẹ sinh con, trời sinh tính”...?</li> <li>- Sự phát triển của công nghệ đã làm thay đổi cách thức và thói quen giao tiếp của các thành viên trong gia đình như thế nào ?</li> </ul> </li> <li>➤ Giao nội dung tự học cho sinh viên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Trả lời câu hỏi;</li> <li>➤ Chuẩn bị giáo trình và vở ghi chép, dụng cụ học tập; Trả lời câu hỏi của GV;</li> <li>➤ Tham gia thảo luận;</li> <li>➤ Nội dung tự học: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem trước nội dung bài học ở tuần tiếp theo;</li> </ul> </li> </ul>	<p><b>G5;</b></p> <p><b>G6;</b></p> <p><b>G7</b></p>	<p><b>A1.1.1;</b></p> <p><b>A1.1.2;</b></p> <p><b>A1.2.1;</b></p> <p><b>A1.3.2</b></p>
<b>KIỂM TRA GIỮA KỲ LẦN 2</b>					<b>A1.3.2</b>

15.	<p><b>CHƯƠNG 5. XÃ HỘI</b></p> <p>5.3. QUÊ HƯƠNG</p> <p>5.3.1. Xác định đề cương tìm hiểu quê hương</p> <p>5.3.2 Tìm hiểu quê hương</p>	<p>➤ Giảng dạy lý thuyết:</p> <p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</p> <p>- Phát vấn.</p> <p>➤ Giao nội dung tự học cho sinh viên.</p>	<p>➤ Chuẩn bị giáo trình và vở ghi chép, dụng cụ học tập; Trả lời câu hỏi của GV;</p> <p>➤ Nội dung tự học: Hoàn thiện đề cương tìm hiểu quê hương và nạp lại cho GV trong thời hạn 1 tuần.</p>	<p><b>G5;</b> <b>G6;</b> <b>G7</b></p>	<p><b>A1.1.1;</b> <b>A1.1.2;</b> <b>A1.2.2;</b> <b>A1.3.2</b></p>
-----	---	--	---	--	---

## 7. Nguồn học liệu

### Tài liệu chính

- [1] Nguyễn Thị Thán, Tạ Đức Dũng, Đào Thị Hồng, Trần Thị Hà Giang (2016). *Giáo trình Cơ sở Tự nhiên và Xã hội*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Nguyễn Thị Hương, Lê Công Phượng (2009). *Giáo dục sống khoẻ mạnh và kỹ năng sống trong dạy học Tự nhiên và Xã hội ở Tiểu học*. NXB Giáo dục Việt Nam.

### Tài liệu khác:

- [3] Thái Trần Bái, Hoàng Đức Nhuận, Nguyễn Văn Khang, *Động vật không xương sống*, tập I, II, NXB GD Hà Nội
- [4] Lê Quang Long, *Sinh lí động vật và người*, NXBGD Hà Nội, 1986.
- [5] Phan Cự Nhân, *Sinh học đại cương*, tập 2, NXB ĐHQG Hà Nội, 1983.
- [6] Trần Gia Huân, Trần Kiên, Nguyễn Thái Tự, Đoàn Hiến, *Động vật có xương sống*, Tập I, III, NXBGD, Hà Nội, 1974.
- [7] PGS TS Nguyễn Khắc Nghĩa, TS Nguyễn Hoa Du, *Chuyên đề hoá học và đời sống*, Dự án phát triển GVTH, Hà Nội, 2007.

## 8. Quy định của học phần

- Sinh viên dự học trên lớp ít nhất 80% số giờ của học phần.
- Sinh viên phải có đủ tài liệu để học tập.
- Sinh viên phải chuẩn bị những nội dung tự học và thảo luận.

## 9. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Giáo dục/ Bộ môn Giáo dục Tiểu học
- Địa chỉ/email: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh - 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

10. Ngày phê duyệt: 10/04/2017

## 11. Cấp phê duyệt:

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: NHẬP MÔN NGÀNH SƯ PHẠM**

**1. Thông tin tổng quát**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: **PHẠM MINH HÙNG**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên cao cấp, PGS.TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục- Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: hungpm@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lý luận và lịch sử giáo dục học, khoa học quản lý giáo dục

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: **NGUYỄN NHƯ AN**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục-Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục- Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: annn@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lý luận và lịch sử giáo dục học, khoa học quản lý giáo dục

**Giảng viên 3:**

Họ và tên: **BÙI VĂN HÙNG**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục-Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục- Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: hungbv@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lý luận và lịch sử giáo dục học, khoa học quản lý giáo dục

**Giảng viên 4:**

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ THU HẰNG**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục-Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục- Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: hängntt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Khoa học giáo dục.

**Giảng viên 5:**

Họ và tên: **NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục-Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục- Trường Đại học Vinh



<b>G2</b>	<b>Hiểu</b> được các vấn đề về quan điểm, đường lối phát triển giáo dục và đào tạo nước ta hiện nay; quản lý Nhà nước về GD&ĐT; vị trí, vai trò của nghề nghiệp; yêu cầu về phẩm chất và năng lực của nhà giáo trong nhà trường hiện nay		3
<b>G3</b>	<b>Áp dụng</b> kiến thức đã học vào giao tiếp, nghiên cứu và làm việc trong môi trường giáo dục và sư phạm		3
<b>G4</b>	<b>Phân tích</b> được các chính sách đối với GD&ĐT nói chung và ngành sư phạm nói riêng cũng như vấn đề về tổ chức quản lý giáo dục và nhân cách giáo viên.		3

#### 4. Chuẩn đầu ra học phần

<b>Mục tiêu (1)</b>	<b>Mô tả CDR (2)</b>	<b>Mức độ giảng dạy (I,T,U) (3)</b>
<b>G1.1</b>	<i>Nhận biết</i> được các khái niệm cơ bản trong lĩnh vực giáo dục và ngành nghề sư phạm	IT
<b>G1.2</b>	<i>Mô tả</i> được cấu trúc hệ thống GD quốc dân và quản lý đối với GD&ĐT	IT
<b>G1.3</b>	<i>Trình bày</i> được vị trí, vai trò, chức năng của nhà giáo; yêu cầu về phẩm chất và năng lực của nhà giáo.	IT
<b>G2.1</b>	<i>Hiểu</i> về những quan điểm, đường lối phát triển GD&ĐT của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	T
<b>G2.2</b>	<i>Hiểu</i> được sự vận động và phát triển của ngành sư phạm trước những thay đổi của xã hội	T
<b>G2.3</b>	<i>Hiểu</i> được nhân cách cần có của người giáo viên trong bối cảnh mới	T
<b>G3.1</b>	<i>Vận dụng</i> được những quan điểm, đường lối của Đảng và nhà nước về GD&ĐT vào học tập, nghiên cứu và làm việc cụ thể.	TU
<b>G3.2</b>	<i>Phác thảo</i> được mô hình, phương thức quản lý GD&ĐT trong thực tiễn	TU
<b>G3.3</b>	<i>Giải quyết</i> được các tình huống sư phạm nảy sinh trong hoạt động giáo dục	TU
<b>G4.1</b>	<i>Phân tích</i> được các chính sách phát triển của GD&ĐT	TU
<b>G4.2</b>	<i>Sơ đồ hóa</i> được các mô hình quản lý giáo dục vĩ mô và vi mô	TU
<b>G4.3</b>	<i>Chỉ ra</i> được cơ sở khoa học và thực tiễn của các tình huống sư phạm được xử lý	TU

**5. Đánh giá học phần** (các thành phần, các bài đánh giá và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của học phần) (Theo hướng dẫn 05/HD-ĐHV ngày 28/02/2017 của Hiệu trưởng)

<b>Thành phần đánh giá (1)</b>	<b>Bài đánh giá (2)</b>	<b>CDR học phần (Gx.x) (3)</b>	<b>Tỷ lệ (%) (4)</b>
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</b>			<b>10%</b>
A1.1.1	Mức độ chuyên cần và đảm bảo giờ giấc (điểm danh theo từng buổi)	G1.1 → G4.3	3%
A1.1.2	Có tài liệu học tập đầy đủ theo quy định của học phần và thực hiện tích cực hoạt động trên lớp	G1.1 → G4.3	2%
A1.1.3	Số lần xây dựng bài	G1.1 → G2.3	5%
<b>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm...)</b>			<b>20%</b>
A1.2.1	Bài thu hoạch chương 1	G1.1, G2.1, G2.2, G3.1, G4.1, G4.2	5%
A1.2.2	Bài thu hoạch chương 2	G1.3, G2.3, G3.3, G4.3	5%
A1.2.3	Bài thu hoạch chương 3	G1.2, G3.2, G4.2	5%
A1.2.4	Bài tập nhóm	G1.1 → G4.3	5%
<b>A1.3. Đánh giá giữa kỳ (điểm kiểm tra giữa kỳ)</b>			<b>20%</b>
A1.3.1	Bài kiểm tra bằng hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính thuộc nội dung Tín chỉ thứ nhất (sau khi học kết thúc 7 tuần, kiểm tra ở tuần thứ 8)	G1.1, G2.1, G2.2, G3.1, G4.1, G4.2 G1.3, G2.3, G3.3, G4.3	20%
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>			<b>50%</b>
Thi tự luận 90'		G1.1 → G4.3	

## 6. Nội dung giảng dạy

### Lý thuyết:

Tuần (1)	Nội dung (2)	Hình thức tổ chức DH (3)	Chuẩn bị của SV (4)	CDR môn học (5)	Bài đánh giá (6)
1 (2LT, 2 TH, TL)	<p>- GV cung cấp đề cương chi tiết môn học; Giới thiệu môn học; phương pháp giảng dạy và học tập; phương pháp đánh giá;</p> <p><b>Chương 1:</b> <b>CHƯƠNG 1.</b> <b>NHÀ TRƯỜNG VÀ NGÀNH SƯ PHẠM</b></p> <p>1.1. Đặc trưng của ngành sư phạm</p> <p>1.1.1. Mục tiêu của ngành SP</p> <p>1.1.2. Nội dung đào tạo</p> <p>1.1.3. Phương pháp đào tạo</p>	<p>- GV thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội cơ bản về:</p> <p>1.1. Đặc trưng của ngành sư phạm</p> <p>1.1.1. Mục tiêu đào tạo</p> <p>1.1.2. Nội dung đào tạo</p> <p>1.1.3. Phương pháp và hình thức đào tạo</p> <p><b>Hoạt động nhóm 1:</b></p> <p>- <b>Giảng viên chuẩn bị:</b> Chia nhóm sinh viên (tùy thuộc vào số sinh viên của lớp học phân để chia nhóm trên hệ thống quản lý học)</p> <p>- Tìm hiểu mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo của ngành sư phạm (so sánh với các ngành đào tạo khác của trường)</p> <p>- Đại diện nhóm sinh viên trình bày kết quả</p> <p>- Đánh giá kết quả hoạt động của nhóm</p> <p><b>Tự học:</b> 1. Đặc</p>	<p><b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b></p> <p>- Đọc Giáo trình [1] từ trang 3 đến trang 6</p> <p>- Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập</p> <p>- Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm của môn học</p> <p><b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b></p> <p>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo</p> <p>- Vở tự học của cá nhân</p>	<p>G1.1</p> <p>G2.2</p> <p>G3.3</p> <p>G4.1</p>	<p>A1.1.1</p> <p>A1.1.2</p> <p>A1.1.3</p> <p>A1.2.1</p> <p>A2</p>

		<p>trung của ngành sư phạm</p> <p>1.1.1. Mục tiêu đào tạo</p> <p>1.1.2. Nội dung đào tạo</p> <p>1.1.3. Phương pháp và hình thức đào tạo</p>			
2	1.1.4. Mô hình đào tạo	<p>- GV trình bày kết hợp trình chiếu slide các nội dung sau:</p> <p>1.1.4. Mô hình đào tạo</p> <p><b>Hoạt động nhóm 2:</b></p> <p><b>- Giảng viên chuẩn bị:</b> Chia nhóm sinh viên (tùy thuộc vào số sinh viên của lớp học phân để chia nhóm trên hệ thống quản lý học)</p> <p>- Tìm hiểu mô hình đào tạo giáo viên của nước ta và một số quốc gia trên thế giới</p> <p>- Nhận xét về các mô hình đào tạo giáo viên và lựa chọn mô hình đào tạo phù hợp</p> <p><b>- Tự học:</b></p> <p><b>Bài tập nhóm 1 :</b>          Tìm hiểu quá trình phát triển của ngành sư phạm Việt Nam (Các nhóm báo cáo bằng slide hoặc Poster)</p>	<p><b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b></p> <p>- Đọc Giáo trình [1] từ trang 10 đến trang 11</p> <p>- Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập</p> <p>- Đặt câu hỏi cho GV về nội dung liên quan đến bài học</p> <p>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo</p> <p>- Vở tự học của cá nhân</p>	G1.1 G2.2 G3.3 G4.1	A1.1.1 A1.1.2 A1.1.3 A1.2.1 A2
3	1.2. Khái quát	<b>Trình bày bài tập</b>	<b>Chuẩn bị cho học</b>	G1.1	A1.1.1

	<p>về ngành sư phạm Việt Nam</p> <p>1.2.1. Các giai đoạn phát triển của ngành sư phạm Việt Nam</p>	<p><b>nhóm 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm sinh viên cử đại diện trình bày Bài tập nhóm 1- Quá trình phát triển của ngành sư phạm Việt Nam</li> <li>- Các nhóm đánh giá kết quả</li> <li>- <b>Thuyết giảng</b> GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung cơ bản về: <ul style="list-style-type: none"> <li>1.2. Khái quát về ngành sư phạm Việt Nam</li> <li>1.2.1. Các giai đoạn phát triển của ngành sư phạm Việt Nam</li> </ul> </li> <li>- <b>Tự học:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>1.2. Khái quát về ngành sư phạm Việt Nam</li> <li>1.2.1. Các giai đoạn phát triển của ngành sư phạm Việt Nam</li> </ul> </li> </ul>	<p><b>lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc Giáo trình [1] từ trang 10 đến trang 11</li> <li>- Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập</li> <li>- Đặt câu hỏi cho GV về nội dung liên quan đến bài học</li> <li>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo</li> <li>- Vở tự học của cá nhân</li> </ul>	<p>G2.2</p> <p>G3.3</p> <p>G4.1</p>	<p>A1.1.2</p> <p>A1.1.3</p> <p>A1.2.1</p> <p>A2</p>
4	<p>1.2.2. Những thành tựu của ngành sư phạm Việt Nam</p> <p>1.2.3. Những hạn chế và bất cập</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Thuyết giảng:</b> GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>1.2.2. Những thành tựu của ngành sư phạm Việt Nam</li> <li>1.2.3. Những khó khăn, thách thức của ngành sư phạm Việt</li> </ul> </li> </ul>	<p><b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc Giáo trình [1] từ trang 19 đến trang 26</li> <li>- Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập</li> <li>- Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm</li> </ul>	<p>G1.1</p> <p>G2.2</p> <p>G3.3</p> <p>G4.1</p>	<p>A1.1.1</p> <p>A1.1.2</p> <p>A1.1.3</p> <p>A1.2.1</p> <p>A2</p>

		<p>Nam trong giai đoạn hiện nay</p> <p><b>Vấn đáp:</b> SV trả lời câu hỏi những thách thức của ngành sư phạm trong giải đọn hiện nay</p> <p><b>Tự học:</b> 1.2.2. Những thành tựu của ngành sư phạm Việt Nam 1.2.3. Những khó khăn, thách thức của ngành sư phạm Việt Nam trong giai đoạn hiện nay</p>	<p>Trả lời câu hỏi do GV đưa ra trong các tình huống trên lớp</p> <p><b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo - Vở tự học của cá nhân</p>		
5	1.2.4. Những giải pháp phát triển ngành sư phạm Việt Nam	<p>- <b>Thuyết giảng:</b> GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung sau: 1.2.4. Những giải pháp phát triển ngành sư phạm Việt Nam</p> <p><b>Thảo luận:</b> Những giải pháp phát triển ngành sư phạm Việt Nam</p> <p><b>Tự học:</b> 1.2.4. Những giải pháp phát triển ngành sư phạm Việt Nam</p>	<p><b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b> - Đọc Giáo trình [1] từ trang 28 đến trang 36 - Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập - Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm đến Những giải pháp phát triển ngành sư phạm Việt Nam - Tham gia nội dung thảo luận do GV yêu cầu trong các tình huống trên lớp</p> <p><b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b> - Chuẩn bị giáo</p>	G1.1 G2.2 G3.3 G4.1	A1.1.1 A1.1.2 A1.1.3 A1.2.1 A2

			trình chính và tài liệu tham khảo - Vở tự học của cá nhân		
6	<p>1.3. Nhà trường Việt Nam</p> <p>1.3.1. Quá trình phát triển nhà trường Việt Nam</p> <p>1.3.2. Nhà trường Việt Nam trong hệ thống giáo dục quốc dân</p>	<p>- <b>Thuyết giảng:</b> GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung sau:</p> <p>1.3. Nhà trường Việt Nam</p> <p>1.3.1. Quá trình phát triển của nhà trường Việt Nam</p> <p>1.3.2. Nhà trường Việt Nam trong hệ thống giáo dục quốc dân</p> <p><b>Hoạt động nhóm 3:</b></p> <p>- <b>Giảng viên chuẩn bị:</b> Chia nhóm sinh viên (tùy thuộc vào số sinh viên của lớp học phân để chia nhóm trên hệ thống quản lý học)</p> <p>- Tìm hiểu sự phát triển của nhà trường Việt Nam qua các giai đoạn; chọn một cấp học/ bậc học để trình bày (Nạp sản phẩm qua hệ thống quản lý học)</p> <p><b>Bài tập 2:</b></p> <p>- Về hệ thống giáo dục quốc dân qua các</p>	<p><b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b></p> <p>- Đọc Giáo trình [1] từ trang 36 đến trang 49</p> <p>- Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập</p> <p>- Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm đến nhà trường Việt Nam</p> <p>- Tham gia nội dung thảo luận do GV yêu cầu trong các tình huống trên lớp</p> <p><b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b></p> <p>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo</p> <p>- Vở tự học của cá nhân</p>	G1.1 G2.2 G3.3 G4.1	A1.1.1 A1.1.2 A1.1.3 A1.2.1 A2

		giai đoạn và xu hướng phát triển trong tương lai - Về các mô hình nhà trường hiện đại			
7	1.3.3. Các mô hình nhà trường hiện đại <b>Bài thu hoạch chương 1</b>	1.3.3. Các mô hình nhà trường hiện đại <b>Thảo luận bài tập 2:</b> - Về hệ thống giáo dục quốc dân qua các giai đoạn và xu hướng tương lai - Về các mô hình nhà trường hiện đại <b>Tự học:</b> 1.3.3. Các mô hình nhà trường hiện đại	<b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b> - Đọc Giáo trình [1] từ trang 61 đến trang 80 - Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập - Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm đến nhà trường Việt Nam - Tham gia nội dung thảo luận do GV yêu cầu trong các tình huống trên lớp <b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo - Vở tự học của cá nhân	G1.1 G2.2 G3.3 G4.1	A1.1.1 A1.1.2 A1.1.3 A1.2.1 A2
8	<b>-Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết)</b> <b>Bài tập nhóm</b>	<b>- Bài tập kết thúc chương 1:</b> Sinh viên viết thu hoạch về: Đặc trưng của ngành sư phạm và quá trình phát triển của ngành sư phạm Việt Nam - Sinh viên nộp qua hệ thống quản lý học	<b>Chuẩn bị cho bài tập nhóm:</b> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo - Vở tự học của cá nhân - Vở chuẩn bị bài thảo luận của cá nhân	G1.1 G2.2 G3.3 G4.1	A1.1.1 A1.1.2 A1.1.3 A1.2.1 A2

		- Giảng viên đánh giá trên hệ thống	nhân - Bài tập nhóm đóng cuốn, slide tóm tắt bài thuyết trình - Sổ theo dõi các thành viên của nhóm trưởng		
9	<p><b>CHƯƠNG 2. NHÀ GIÁO TRONG NHÀ TRƯỜNG</b></p> <p><b>2.1. Vị trí, vai trò, chức năng của nhà giáo (2T)</b></p> <p>2.1.1. Vị trí của nhà giáo</p> <p>2.1.2. Vai trò của nhà giáo</p>	<p><b>- Thuyết giảng:</b> GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung sau:</p> <p><b>CHƯƠNG 2. NHÀ GIÁO TRONG NHÀ TRƯỜNG</b></p> <p>2.1. Vị trí, vai trò, chức năng của nhà giáo</p> <p>2.1.1. Vị trí của nhà giáo</p> <p>2.1.2. Vai trò của nhà giáo</p> <p><b>Bài tập nhóm 3:</b></p> <p>- Tìm hiểu vị trí, vai trò chức năng nhà giáo trong lịch sử nhà trường Việt Nam (có so sánh với các nước)</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày bằng slide hoặc poster trên lớp</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá</p> <p><b>Giao nhiệm vụ cho</b></p>	<p><b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b></p> <p>- Đọc Giáo trình [1] từ trang 81 đến trang 90</p> <p>- Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập</p> <p>- Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm đến vị trí vai trò và chức năng của nhà giáo</p> <p>- Tham gia nội dung thảo luận do GV yêu cầu trong các tình huống trên lớp</p> <p><b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b></p> <p>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo</p> <p>- Vở tự học của cá nhân</p>	G1.3 G2.3 G3.3 G4.3	A1.1.1 A1.1.2 A1.1.3 A1.2.2 A2

		<p><b>tuần tới</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên đọc tài liệu về: Đặc điểm lao động sư phạm của nhà giáo</li> </ul>			
10	<p><b>2.2. Đặc điểm lao động của nhà giáo</b></p> <p><b>2.2.1. Những yêu cầu đối với nhà giáo</b></p> <p>2.2.1.1. Những yêu cầu về phẩm chất</p> <p>2.2.1.2. Những yêu cầu về năng lực</p>	<p><b>- Thuyết giảng:</b> GV trình bày kết hợp trình chiếu slide các nội dung sau:</p> <p>2.2. Đặc điểm lao động sư phạm của nhà giáo</p> <p>2.2.1. Những yêu cầu đối với nhà giáo</p> <p>2.2.1.1. Những yêu cầu về phẩm chất</p> <p>2.2.1.2. Những yêu cầu về năng lực</p> <p><b>Hoạt động nhóm 4</b></p> <p><b>- Giảng viên chuẩn bị:</b> Chia nhóm sinh viên (tùy thuộc vào số sinh viên của lớp học phân để chia nhóm trên hệ thống quản lý học)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người giáo viên</li> <li>- Đại diện các nhóm trình bày bằng slide/poster trên lớp</li> <li>- Các nhóm đánh giá chéo về kết quả hoạt động</li> </ul> <p><b>Bài tập cá nhân 1:</b></p>	<p><b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc Giáo trình [1] từ trang 95 đến trang 105</li> <li>- Đọc tài liệu [2] từ trang 135 đến trang 157</li> <li>- Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập</li> <li>- Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm</li> <li>- Tham gia nội dung thảo luận do GV yêu cầu trong các tình huống trên lớp</li> </ul> <p><b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo</li> <li>- Vở tự học của cá nhân</li> </ul>	<p>G1.3</p> <p>G2.3</p> <p>G3.3</p> <p>G4.3</p>	<p>A1.1.1</p> <p>A1.1.2</p> <p>A1.1.3</p> <p>A1.2.2</p> <p>A2</p>

		- Tìm hiểu quyền, nghĩa vụ của nhà giáo và những vấn đề đặt ra đối với nhà giáo trong nhà trường hiện đại			
11	<p><b>2.2.2. Quyền, nhiệm vụ của nhà giáo</b></p> <p>2.2.2.1. Quyền của nhà giáo</p> <p>2.2.2.2. Nhiệm vụ của nhà giáo</p> <p>2.2.3. Những vấn đề đặt ra đối với nhà giáo trong nhà trường hiện đại</p>	<p>- Yêu cầu 6 sinh viên trình bày bài tập cá nhân 1 trước lớp (2 sv trình bày về quyền của nhà giáo và 2 sinh viên trình bày về nghĩa vụ của nhà giáo, 2 sinh viên trình bày về những vấn đề đặt ra đối với nhà giáo trong nhà trường hiện đại)</p> <p>- Giảng viên nhận xét bổ sung các nội dung sinh viên đã trình bày</p> <p><b>Tự học:</b></p> <p>- Mỗi nhóm tìm hiểu về một nhà giáo dục tiêu biểu (theo phân công) về: thân thế và sự nghiệp, tư tưởng giáo dục,...</p>	<p><b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b></p> <p>- Đọc Giáo trình [1] từ trang 105 đến trang 106</p> <p>- Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập</p> <p>- Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm</p> <p>- Tham gia nội dung thảo luận do GV yêu cầu trong các tình huống trên lớp</p> <p><b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b></p> <p>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo</p> <p>- Vở tự học của cá nhân</p>	<p>G1.3</p> <p>G2.3</p> <p>G3.3</p> <p>G4.3</p>	<p>A1.1.1</p> <p>A1.1.2</p> <p>A1.1.3</p> <p>A1.2.2</p> <p>A2</p>
12	<p><b>2.3. Một số nhà giáo tiêu biểu trong lịch sử giáo dục nước nhà</b></p> <p>2.3.1. Chu Văn An (1292-1370)</p> <p>2.3.2. Nguyễn Bình Khiêm</p>	<p>- Sinh viên trình bày bài tập tự học đã giao tuần trước.</p> <p><b>Về các nhà giáo:</b></p> <p>2.3.1. Chu Văn An</p> <p>2.3.2. Nguyễn Bình Khiêm</p> <p>2.3.3. Nguyễn Thiếp</p> <p>2.3.4. Lê Quý Đôn</p>	<p><b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b></p> <p>- Đọc Giáo trình [1] từ trang 106 đến trang 116</p> <p>- Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập</p> <p>- Đặt câu hỏi cho</p>	<p>G1.3</p> <p>G2.3</p> <p>G3.3</p> <p>G4.3</p>	<p>A1.1.1</p> <p>A1.1.2</p> <p>A1.1.3</p> <p>A1.2.2</p> <p>A2</p>

	<p>(1491-1585)</p> <p>2.3.3. Nguyễn Thiếp (1723-1804)</p> <p>2.3.4. Lê Quý Đôn (1726-1784)</p> <p>2.3.5. Cao Bá Quát (1809-1854)</p>	<p>2.3.5. Cao Bá Quát</p> <p>- Giảng viên nhận xét, bổ sung,...</p>	<p>GV về nội dung quan tâm</p> <p>- Tham gia nội dung thảo luận do GV yêu cầu trong các tình huống trên lớp</p> <p><b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b></p> <p>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo</p> <p>- Vở tự học của cá nhân</p>		
13	<p><b>2.4. Con đường học tập, rèn luyện để trở thành nhà giáo</b></p> <p>2.4.1. Quá trình đào tạo và tự đào tạo ở trường sư phạm</p> <p>2.4.2. Quá trình bồi dưỡng và tự bồi dưỡng</p> <p><b>Bài thu hoạch chương 2.</b></p>	<p><b>2.4. Con đường học tập, rèn luyện để trở thành nhà giáo</b></p> <p><b>Hoạt động nhóm 5: Giảng viên chuẩn bị:</b> Chia nhóm sinh viên (tùy thuộc vào số sinh viên của lớp học phân để chia nhóm trên hệ thống quản lý học)</p> <p>- Xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện để trở thành nhà giáo</p> <p>- Các nhóm cử đại diện báo cáo kế hoạch</p> <p>- Giảng viên nhận xét</p> <p>2.4.1. Quá trình đào tạo và tự đào tạo ở trường sư phạm</p> <p>2.4.2. Quá trình bồi dưỡng và tự bồi</p>	<p><b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b></p> <p>- Đọc các tài liệu liên quan để trình bày và thảo luận nhóm</p> <p>- Đọc Giáo trình [1] trang 116</p> <p>- Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập</p> <p><b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b></p> <p>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo</p> <p>- Vở tự học của cá nhân</p>	<p>G1.3</p> <p>G2.3</p> <p>G3.3</p> <p>G4.3</p>	<p>A1.1.1</p> <p>A1.1.2</p> <p>A1.1.3</p> <p>A1.2.2</p> <p>A2</p>

		<p>duỡng</p> <p><b>2.4. Con đường học tập, rèn luyện để trở thành nhà giáo</b></p> <p>2.4.1. Quá trình đào tạo và tự đào tạo ở trường sư phạm</p> <p>2.4.2. Quá trình bồi dưỡng và tự bồi dưỡng</p> <p><b>Bài tập nhóm 3:</b></p> <p>- Các nhóm tìm hiểu bối cảnh kinh tế, chính trị, khoa học và công nghệ hiện nay và sự tác động của nó đến giáo dục và đào tạo</p>			
14	<p><b>CHƯƠNG 3. QUẢN LÝ NGÀNH SƯ PHẠM</b></p> <p><b>3.1. Đường lối, quan điểm chỉ đạo của Đảng và NN về phát triển GD-ĐT</b></p> <p>3.1.1. Bối cảnh, thời cơ, thách thức đối với GD nước ta trong vài thập kỷ tới</p> <p>3.1.2. Những quan điểm, chỉ đạo về sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT theo NQ 29 TW</p>	<p>- <b>Thuyết giảng:</b> GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung sau:</p> <p><b>CHƯƠNG 3. QUẢN LÝ NGÀNH SƯ PHẠM</b></p> <p><b>3.1. Đường lối, quan điểm chỉ đạo của Đảng và NN về phát triển GD-ĐT</b></p> <p><b>Trình bày bài tập nhóm 3:</b></p> <p>- Các nhóm trình bày về ảnh hưởng của bối cảnh, thời cơ, thách thức đối với GD nước ta hiện nay.</p> <p>3.1.2. Những quan điểm, chỉ đạo về sự</p>	<p><b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b></p> <p>- Đọc Giáo trình [1] trang 118 đến trang 127</p> <p>- Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập</p> <p>- Tham gia nội dung thảo luận do GV yêu cầu trong các tình huống trên lớp</p> <p><b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b></p> <p>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo</p> <p>- Vở tự học của cá nhân</p>	<p>G1.2</p> <p>G2.1</p> <p>G3.2</p> <p>G4.2</p>	<p>A1.1.1</p> <p>A1.1.2</p> <p>A1.1.3</p> <p>A1.2.3</p> <p>A2</p>

		nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT theo NQ 29 TW <b>Tự học:</b> - Sinh viên tìm hiểu Nghị định 115/2010 của Chính phủ			
15	<b>3.2. Quản lý NN về GD-ĐT</b> 3.2.1. Khái niệm QLNN về GD-ĐT 3.2.2. Tính chất, đặc điểm, nguyên tắc QLNN về GD-ĐT 3.2.3. Nội dung QLNN về GD-ĐT  <b>3.3. Quản lý các cơ sở GD</b> 3.3.1. Cơ cấu tổ chức cơ sở GD 3.3.2. Người giáo viên và vai trò QL hoạt động dạy học và GD trong nhà trường	<b>-Thuyết giảng:</b> GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung sau: <b>3.2. Quản lý NN về GD-ĐT</b> <b>Hoạt động nhóm 6</b> - Tìm hiểu trách nhiệm của các cơ quan quản lý các cấp đối với giáo dục và đào tạo - Sinh viên trình bày - Giảng viên nhận xét và tổng kết nội dung. <b>3.3. Quản lý các cơ sở GD</b> <b>Bài thu hoạch chương 3:</b> - Phân nhóm - Tìm hiểu cơ cấu tổ chức cơ sở GD - Sinh viên nộp bài qua hệ thống - Giảng viên đánh giá kết quả bài tập trên hệ thống - <b>Thuyết giảng:</b> 3.3.2. Người giáo viên và vai trò QL hoạt động dạy học và GD trong nhà trường	<b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b> - Đọc Giáo trình [1] từ trang 129 đến trang 138 - Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập - Đặt câu hỏi cho GV về quản lý nhà trường - Tham gia nội dung thảo luận do GV yêu cầu trong các tình huống trên lớp <b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo - Vở tự học của cá nhân	G1.2 G2.1 G3.2 G4.2	A1.1.1 A1.1.2 A1.1.3 A1.2.3 A2

		<b>Hướng dẫn ôn tập:</b> - Sinh viên tự ôn tập theo các nội dung giảng viên hướng dẫn			
--	--	--	--	--	--

### 7. Nguồn học liệu

**\* Tài liệu chính:**

[1]. PGS.TS Phạm Viêt Vượng (chủ biên) Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành GD & ĐT, Nxb ĐHSP, 2009.

**\* Tài liệu tham khảo:**

[3]. Luật giáo dục: Đã được sửa đổi, bổ sung 2009, Nxb Hồng Đức, 2010.

[4]. Luật Cán bộ Công chức, Nxb Hồng Đức, 2010.

[5]. Quản lý giáo dục và quản lý nhà trường / Thái Văn Thành, ĐH Huế, 2007

[7] Giáo trình Giáo dục học tập 1,2, Phan Thị Hồng Vinh, Trần Thị Tuyết Oanh, ĐHSP, 2018

### 8. Quy định của môn học

Để đạt được mục tiêu của học phần, sinh viên phải thực hiện đầy đủ và đúng thời gian qui định bài tập thực hành trong từng chương. Vở bài tập thực hành phải nộp sau mỗi chương để giảng viên lưu vào hồ sơ học tập. Sản phẩm tự học và hoạt động nhóm cũng nộp sau mỗi chương.

Sinh viên phải tham gia ít nhất 80% số tiết lên lớp theo quy định

### 9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn phụ trách: Bộ môn Quản lý Giáo dục, Khoa Giáo dục, Trường Đại học Vinh

- Địa chỉ/email: [khoagiaoduc@vinhuni.edu.vn](mailto:khoagiaoduc@vinhuni.edu.vn)

10. Ngày phê duyệt: 10/04/2017

11. Cấp phê duyệt:

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT** **HỌC PHẦN: TÂM LÝ HỌC**

### **1. Thông tin tổng quát:**

#### **1.1. Thông tin về giảng viên**

##### **Giảng viên 1:**

Họ và tên: Phan Quốc Lâm

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: K6, Bến Thủy, Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0912079483. Email: [lampq@vinhuni.edu.vn](mailto:lampq@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học chuyên ngành

##### **Giảng viên 2:**

Họ và tên: Dương Thị Thanh Thanh

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: phường Vinh Tân, Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0904 768 538. Email: [thanhdtt@vinhuni.edu.vn](mailto:thanhdtt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học chuyên ngành

##### **Giảng viên 3:**

Họ và tên: Dương Thị Linh

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: số nhà 26B, ngõ 16, Nguyễn Viết Xuân, Hưng Dũng, TP Vinh

Điện thoại: 0904 727 472. Email: [linhdt@vinhuni.edu.vn](mailto:linhdt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học chuyên ngành

##### **Giảng viên 4:**

Họ và tên: Lê Thục Anh

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Hưng Phúc, Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0912657006; email: [anhlt@vinhuni.edu.vn](mailto:anhlt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học chuyên ngành

##### **Giảng viên 5:**

Họ và tên: Hồ Thị Hạnh

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Xóm 16 Hưng Lộc.

Điện thoại: 0915 125 345. Email: [hanhht@vinhuni.edu.vn](mailto:hanhht@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học chuyên ngành

### **Giảng viên 6:**

Họ và tên: Trần Hằng Ly

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Cử nhân, NCS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: số 29 Nam Cao, phường Đông Vĩnh, TP Vinh.

Điện thoại, email: 0982 738 148. Email: [lyth@vinhuni.edu.vn](mailto:lyth@vinhuni.edu.vn)

Hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học chuyên ngành

### **1.2. Thông tin về môn học:**

- Tên môn học (tiếng Việt): TÂM LÝ HỌC (tiếng Anh): PSYCHOLOGY	
- Mã số môn học:	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác <input type="checkbox"/> Môn học đề án tốt nghiệp	
- Số tín chỉ:	4
+ Số tiết lý thuyết:	45
+ Số tiết thảo luận/bài tập/bài luận:	9
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	6
+ Số tiết tự học:	120
- Môn học tiên quyết:	
- Môn học song hành:	

### **2. Mô tả môn học**

Học phần Tâm lý học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, dùng cho các nhóm ngành Sư phạm tự nhiên, Sư phạm xã hội, ngành Giáo dục tiểu học và ngành Giáo dục Mầm non. Học phần Tâm lý học trang bị cho người học kiến thức về những vấn đề chung của tâm lý học, về các hiện tượng cơ bản của đời sống tâm lý, nhân cách và sự phát triển tâm lý qua các lứa tuổi, cơ sở tâm lý học của quá trình dạy học và giáo dục, một số vấn đề về nhân cách người thầy giáo; giúp người học hình thành kỹ năng và phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên. Học phần Tâm lý học là học phần tiên quyết để sinh viên được tham gia đi Kiến tập sư phạm.

### 3. Mục tiêu môn học

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	TĐNL
<b>G1</b>	Phân tích được những kiến thức khoa học cơ bản về tâm lý người, sự phát triển tâm lý trẻ em qua các lứa tuổi và trong quá trình dạy học và giáo dục. Bản chất và những quy luật tâm lý của quá trình dạy học và giáo dục. Đặc trưng sư phạm của người giáo viên; Nắm được cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu, tìm hiểu tâm lý người và tâm lý trẻ em trong dạy học và giáo dục.	1.3.1; 1.4.2; 1.4.5; 1.3.1;	3
<b>G2</b>	Vận dụng kiến thức đã học để: - Đánh giá được các quan điểm khác nhau về tâm lí người, giải thích được các hiện tượng tâm lý nảy sinh trong cuộc sống và trong giáo dục. - Tìm hiểu được tâm lí trẻ em trong cuộc sống, trong dạy học và giáo dục. - Tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục và giao tiếp sư phạm. - Tự đánh giá và phát triển, hoàn thiện nhân cách sư phạm.	2.1.1; 2.1.2; 2.1.3; 2.2.4; 2.2.1; 2.4.1; 2.4.2; 2.4.3; 2.4.4; 2.4.5; 2.4.6; 2.5.4;	3,5
<b>G3</b>	Phát triển được kỹ năng giao tiếp và hợp tác làm việc nhóm trong việc giải quyết nhiệm vụ học tập	3.1.1; 3.2.1; 3.2.2;	3
<b>G4</b>	Phân tích, đánh giá một cách khoa học và xác định được cách giải quyết hợp lý các tình huống sư phạm nảy sinh trong quá trình dạy học và giáo dục	4.1.1; 4.4.1; 4.4.2; 4.4.3; 4.5.3;	3,5

### 4. Chuẩn đầu ra môn học

Mục tiêu	Mục tiêu	Mô tả CDR	Mức độ giảng dạy
<b>G1</b>	<b>G1.1</b>	Nhận biết được đời sống tâm lý và các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người; các phương pháp nghiên cứu tâm lý học.	I,T
	<b>G1.2</b>	Giải thích được bản chất của hiện tượng tâm lý người theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng.	I,T,U
	<b>G1.3</b>	Hiểu ý thức là hiện tượng tâm lý cao cấp nhất ở con người và phân tích được các thuộc tính tâm lý cơ bản của chú ý.	I, T,U
	<b>G1.4</b>	Trình bày được các nhóm thuộc tính tâm lý của cá nhân và nêu được vai trò của chúng trong nhân cách.	I, T
	<b>G1.5</b>	Phân tích được sự hình thành nhân cách và các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách	I, T

	<b>G1.6</b>	Giải thích được các khái niệm cơ bản của hoạt động nhận thức, hoạt động nhận thức và dạy học, giáo dục	I, T
	<b>G1.7</b>	Nhận biết được các khái niệm trí nhớ và ngôn ngữ, các giai đoạn và vai trò của chúng đối với các quá trình nhận thức	I, T
	<b>G1.8</b>	Làm rõ các khái niệm cơ bản và các qui luật của đời sống tình cảm, vai trò của đời sống tình cảm, sự khác biệt bản chất giữa chúng với mặt nhận thức	T
	<b>G1.9</b>	Hiểu được các khái niệm cơ bản về mặt ý chí - hành động, mối quan hệ giữa nhận thức - tình cảm - ý chí trong hành động và cuộc sống con người.	T
	<b>G1.10</b>	Trình bày được về nguyên lý, qui luật của sự phát triển tâm lý, các đặc điểm tâm lý cơ bản của mỗi giai đoạn trong sự phát triển của trẻ em.	I, T
	<b>G1.11</b>	Phân biệt được đặc điểm phát triển tâm lí lứa tuổi học sinh THCS và tâm lí lứa tuổi học sinh THPT.	I, T
	<b>G1.12</b>	Giải thích được bản chất, qui luật tâm lý của các quá trình dạy học và giáo dục	I, T
	<b>G1.13</b>	Trình bày được cấu trúc của nhân cách sư phạm	I, T
	<b>G1.14</b>	Phân tích được một số vấn đề tâm lý xã hội và giao tiếp sư phạm	I, T,U
<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	Vận dụng kiến thức đã học vào việc phân tích, định hướng hình thành và phát triển nhân cách sư phạm của bản thân	T,U
	<b>G2.2</b>	Thu thập, phân tích được các tư liệu lý luận và thực tiễn về đời sống tâm lý, phân tích, giải quyết các bài tập tình huống sư phạm của nhiệm vụ học tập và rèn luyện.	T,U
	<b>G2.3</b>	Thực hiện được việc rèn luyện các phẩm chất và năng lực sư phạm đã xác định và hình thành được hệ thống ứng xử có tính sư phạm.	T,U
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Có khả năng tham gia và thực hiện được sự phối hợp một cách hiệu quả trong quá trình làm việc nhóm	T,U
	<b>G3.2</b>	Có khả năng giao tiếp sư phạm	T,U
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Kĩ năng phân tích, đánh giá được về mặt tâm lý các tình huống nảy sinh trong quá trình sư phạm.	T,U
	<b>G4.2</b>	Đưa ra và lựa chọn, quyết định được phương án giải quyết tình huống một cách hợp lý.	T,U

## 5. Đánh giá môn học

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>60%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</b>			<b>10%</b>
A1.1.1.	Mức độ chuyên cần và đảm bảo giờ giấc (điểm danh theo từng buổi)	G1.1- G4.2	5%
A1.1.2.	Thái độ hợp tác với giảng viên và các thành viên trong nhóm, lớp, thể hiện được sự tiến bộ trong quá trình học.	G1.1- G4.2	5%
<b>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</b>			<b>20%</b>
A1.2.1	Vở giải bài tập chương 1, 2,3,4,5,7,8	G1.1; G1.2; G1.3; G1.4; G1.5; G1.6; G1.7; G1.8;G1.9; G1.12; G1.13; G2.1; G2.2.	10%
A1.2.2	Sản phẩm hoạt động nhóm chương 2,6,9	G1.5; G1.11; G1.14; G2.3; G3.1; G3.2; G4.1; G4.2	10%
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)</b>			<b>30%</b>
Test online	A1.3.1.	G1.1; G1.2; G1.3; G1.4; G1.5; G1.6; G2.1	15%
	A1.3.2.	G1.7; G1.8;G1.9; G1.10; G1.11; G2.2	15%
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>			<b>40%</b>
Test online	Nội dung bao quát tất cả các chuẩn đầu ra quan trọng của môn học.	G1.2- G4.2	40%

## 6. Kế hoạch giảng dạy

### Lý thuyết:

Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức DH	Chuẩn bị của SV	CDR môn học	Bài đánh giá
1	<b>CHƯƠNG 1.</b> <b>TÂM LÝ HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC</b> <i>1.1. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp của tâm lý học</i> 1.1.1. Vài nét về lịch sử	- GV cung cấp đề cương chi tiết môn học; Giới thiệu môn học; phương pháp giảng dạy và học tập; phương pháp đánh giá;	- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. - Vở ghi chép cá nhân, dụng	G1.1; G1.2; G2.2;	A1.1; A1.2.1; A1.3.1; A2

	<p>hình thành và phát triển của tâm lý học</p> <p>1.1.2. Các quan điểm cơ bản của Tâm lý học hiện đại</p> <p>1.1.3. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học</p> <p>1.1.4. Vị trí, ý nghĩa của tâm lý học</p> <p><b>1.2. Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý</b></p> <p>1.2.1. Bản chất hiện tượng tâm lý con người</p> <p>1.2.2. Chức năng của tâm lý</p> <p>1.2.3. Phân loại các hiện tượng tâm lý</p>	<p>- GV giảng lí thuyết: Những phạm trù và khái niệm cơ bản của tâm lí học Macxit, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu tâm lí.</p> <p>- <b>Bài tập:</b> Viết lại được tổng quan môn học trong 150 từ</p>	<p>cụ học tập</p> <p>- SV phải có sản phẩm bài tập.</p> <p>- Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm của môn học</p>		
2,3	<p><b>CHƯƠNG 2.</b></p> <p><b>SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ, Ý THỨC, NHÂN CÁCH</b></p> <p><b>2.1. Sự hình thành và phát triển tâm lý</b></p> <p>2.1.1. <u>Tiêu chuẩn xác định sự nảy sinh tâm lý</u></p> <p>2.1.2. <u>Các thời kì phát triển tâm lý</u></p> <p><b>2.2. Sự hình thành và phát triển ý thức</b></p> <p>2.2.1. <u>Khái niệm chung về ý thức</u></p> <p>2.2.2. <u>Sự hình thành và phát triển ý thức của lai người</u></p> <p>2.2.3. Chú ý- điều kiện</p>	<p>- GV giảng lí thuyết sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức, nhân cách</p> <p>- <b>Hoạt động nhóm:</b> Sinh viên thảo luận nhóm có nội dung “Giáo dục và hoạt động trong sự hình thành và phát triển nhân cách”</p> <p>+ Thuyết trình kết quả hoạt động nhóm trước lớp</p> <p>+ Đặt câu hỏi</p> <p>+ Tranh luận</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá</p> <p>- <b>Bài tập:</b> Sinh viên làm các bài tập</p>	<p>- Vở tự học của cá nhân: nội dung 2.3.</p> <p>- SV phải nộp sản phẩm hoạt động nhóm: “Giáo dục và hoạt động trong sự hình thành và phát triển nhân cách”</p> <p>- SV phải có sản phẩm bài tập.</p>	G1.3; G1.4; G1.5; G2.1; G3.1;	A1.1; A1.2; A1.3; A2

	<p>của hoạt động có ý thức</p> <p><b>2.3. Nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách</b></p> <p>2.3.1. Khái niệm nhân cách</p> <p>2.3.2. Cấu trúc của nhân cách</p> <p><u>2.3.3. Sự hình thành và phát triển nhân cách</u></p>	<p>chương 2, mục 2.2.</p>			
4,5	<p><b>CHƯƠNG 3. HOẠT ĐỘNG NHẬN THỨC</b></p> <p><b>3.1. Nhận thức cảm tính</b></p> <p>3.1.1. Cảm giác</p> <p>3.1.2. Tri giác</p> <p><b>3.2. Nhận thức lý tính</b></p> <p>3.2.1. Tư duy là hình thức nhận thức lý tính điển hình</p> <p>3.2.2. Tưởng tượng là hình thức đặc biệt của nhận thức lý tính</p> <p>3.2.3. Mối quan hệ giữa tưởng tượng và tư duy</p> <p><b>3.3. Trí thông minh và đo lường trí thông minh</b></p> <p>3.3.1 Khái niệm trí thông minh</p> <p>3.3.2 Cấu trúc trí thông minh</p> <p>3.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển trí thông minh</p> <p>3.3.4. Đo lường và chuẩn đoán trí thông minh</p>	<p>- GV giảng lí thuyết Những hiểu biết khoa học, cơ bản về các quá trình nhận thức và vai trò của chúng với cuộc sống và hoạt động con người.</p> <p>- <b>Bài tập:</b> Sinh viên làm các bài tập chương 3, mục 3.2.</p>	<p>- Vở tự học của cá nhân: nội dung 3.3.</p> <p>- SV phải có sản phẩm bài tập.</p>	G1.6	<p>A1.1; A1.2.1; A.1.3.1 ; A2</p>

6	<p><b>CHƯƠNG 4.</b> <b>TRÍ NHỚ VÀ NGÔN NGỮ</b></p> <p><b>4.1. Trí nhớ</b></p> <p>4.1.1. Khái niệm trí nhớ</p> <p>4.1.2. Các quá trình cơ bản của trí nhớ</p> <p>4.1.3. Rèn luyện trí nhớ cho học sinh trong quá trình dạy học</p> <p><b>4.2. Ngôn ngữ</b></p> <p>4.2.1. Ngôn ngữ và các chức năng của ngôn ngữ</p> <p>4.2.2. Các loại ngôn ngữ</p> <p>4.2.3 Hoạt động ngôn ngữ</p> <p>4.2.4 Vai trò của ngôn ngữ với hoạt động tâm lý</p> <p>4.2.5. Phát triển ngôn ngữ cho học sinh trong dạy học</p>	<p>- GV giảng lí thuyết mục 4.1; 4.2;</p> <p>- <b>Bài tập:</b> Sinh viên làm các bài tập chương 4, mục 4.1.</p>	<p>- SV phải có sản phẩm bài tập.</p>	<p>G1.7; G3.2;</p>	<p>A1.1; A1.2; A1.3.2; A2</p>
7,8	<p><b>CHƯƠNG 5.</b> <b>TÌNH CẢM VÀ Ý CHÍ</b></p> <p><b>5.1. Đời sống tình cảm</b></p> <p>5.1.1. Khái niệm tình cảm và xúc cảm</p> <p>5.1.2. Các loại hiện tượng cơ bản của đời sống tình cảm</p> <p>5.1.3 Các quy luật của đời sống ính cảm</p> <p><b>5.2. Ý chí và hành động</b></p> <p>5.2.1. Ý chí</p>	<p>- GV giảng lí thuyết mục 5.1; 5.2;</p> <p>- <b>Bài tập:</b> Sinh viên làm các bài tập chương 5, mục 5.2.</p>	<p>- SV phải có sản phẩm bài tập.</p>	<p>G1.8; G1.9</p>	<p>A1.1; A1.2.1; A1.3.2; A2</p>

	5.2.2. Hành động ý chí 5.2.3. Hành động tự động hóa				
9,10	<p><b>CHƯƠNG 6.</b></p> <p><b>TÂM LÝ HỌC PHÁT TRIỂN</b></p> <p><b>6.1. Khái quát về sự phát sinh và phát triển tâm lý cá nhân</b></p> <p>6.1.1. Khái quát về sự phát triển tâm lý cá nhân</p> <p>6.1.2. Các quy luật của sự phát triển tâm lý cá nhân</p> <p>6.1.3. Các yếu tố tác động đến sự phát triển tâm lý cá nhân</p> <p>6.1.4. Sự phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý</p> <p>6.1.5. Con đường hình thành ý thức và tự ý thức của cá nhân</p> <p><b>6.2. Tâm lý học lứa tuổi học sinh trung học cơ sở</b></p> <p>6.2.1. Điều kiện của sự phát triển tâm lứa tuổi học sinh trung học cơ sở</p> <p>6.2.2. Sự phát triển tâm lý của học sinh trung học cơ sở</p> <p><b>6.3. Tâm lý học lứa tuổi học sinh trung học phổ thông</b></p> <p>6.3.1. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển</p>	<p>- GV giảng lí thuyết những kiến thức khoa học, cơ bản, hiện đại về đặc điểm, qui luật, các giai đoạn hình thành và phát triển tâm lý cá nhân.</p> <p>- <b>Hoạt động nhóm:</b> Sinh viên thảo luận nhóm có nội dung “đặc điểm nhân cách chủ yếu của lứa tuổi học sinh Trung học phổ thông, những vấn đề cần chú ý trong công tác giáo dục nhân cách cho lứa tuổi này”</p> <p>+ Thuyết trình kết quả hoạt động nhóm trước lớp</p> <p>+ Đặt câu hỏi</p> <p>+ Tranh luận</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá</p>	<p>- Vở tự học của cá nhân: nội dung 6.1.</p> <p>- SV phải nộp sản phẩm hoạt động nhóm: “Giáo dục và hoạt động trong sự hình thành và phát triển nhân cách”</p>	<p>G1.10</p> <p>;</p> <p>G1.11</p> <p>;</p> <p>G2.2;</p> <p>G3.1;</p> <p>G4.1;</p>	<p>A1.1;</p> <p>A1.2;</p> <p>A1.3.2;</p> <p>A2</p>

	<p>tâm lý học sinh THPT</p> <p>6.3.2. Sự phát triển tâm lý của học sinh THPT</p> <p>6.3.3. Hoạt động lao động và sự lựa chọn nghề của học sinh THPT</p> <p>6.3.4. Một số vấn đề giáo dục thanh niên</p>				
11 12	<p><b>CHƯƠNG 7.</b></p> <p><b>TÂM LÝ HỌC DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC</b></p> <p><b>7.1. Tâm lý học dạy học</b></p> <p>7.1.1. Tâm lý học hoạt động dạy</p> <p>7.1.2. Tâm lý học hoạt động học</p> <p>7.1.3. Hình thành tri thức, kỹ năng, kỹ xảo trong dạy học</p> <p><b>7.2. Tâm lý học giáo dục</b></p> <p>7.2.1. Đạo đức và hành vi đạo đức</p> <p>7.2.2. Cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức</p> <p>7.2.3. Nhân cách là chủ thể của hành vi đạo đức</p> <p>7.2.4. Giáo dục lại các học sinh chưa ngoan</p>	<p>- GV giảng lý thuyết mục 7.1;</p> <p>- <b>Bài tập:</b> Sinh viên làm các bài tập chương 7, mục 7.1.</p>	<p>- Vở tự học của cá nhân: nội dung 7.2.</p> <p>- SV phải có sản phẩm bài tập.</p>	G1.12 ; G2.2;	A1.1; A1.2.1; A1.3.2; A2
13	<p><b>CHƯƠNG 8.</b></p> <p><b>TÂM LÝ HỌC NHÂN CÁCH NGƯỜI THẦY GIÁO</b></p> <p><b>8.1. Đặc điểm lao động của người thầy giáo</b></p> <p><b>8.2. Một số phẩm chất nhân cách của người</b></p>	<p>- GV giảng lý thuyết;</p> <p>- <b>Bài tập:</b> Mô tả nhân cách của người thầy giáo mà bạn còn giữ ấn tượng sâu sắc nhất và phân tích những phẩm chất nhân cách của người</p>	<p>- SV phải có sản phẩm bài tập và bài tham luận</p>	G1.13 ; G2.3; G4.2;	A1.1; A1.2; A2

	<p><b>thầy giáo</b></p> <p>8.3.1. Các năng lực dạy học</p> <p>8.3.2. Các năng lực giáo dục</p> <p>8.3.3. Các năng lực tổ chức hoạt động sư phạm</p> <p><b>8.3. Năng lực của người thầy giáo</b></p> <p>8.3.1. Các năng lực dạy học</p> <p>8.3.2. Các năng lực giáo dục</p> <p>8.3.3. Các năng lực tổ chức hoạt động sư phạm</p> <p><b>8.4. Uy tín và sự hình thành uy tín của người thầy giáo</b></p> <p>8.4.1. Uy tín của người thầy giáo</p> <p>8.4.2. Hình thành uy tín của người thầy giáo</p>	<p>thầy giáo ấy.</p> <p>- <b>Viết bài tham luận:</b></p> <p>Có một diễn đàn nói về chủ đề: “Thế nào là một người thầy giáo giỏi.” Bằng lý luận đã học và bằng hiểu biết thực tiễn, bạn hãy viết một bài tham luận tham gia diễn đàn trên với quy định độ dài từ 2 đến 3 trang đánh máy A4.</p>			
14 15	<p><b>CHƯƠNG 9.</b></p> <p><b>MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TÂM LÝ XÃ HỘI VÀ GIAO TIẾP SƯ PHẠM</b></p> <p><b>9.1. Nhóm xã hội và các hiện tượng tâm lý xã hội</b></p> <p>9.1.1. Nhóm xã hội và sự hình thành nhóm xã hội</p> <p>9.1.2. Các hiện tượng tâm lý xã hội</p> <p><b>9.2. Giao tiếp sư phạm</b></p>	<p>- Thuyết trình: những vấn đề tâm lý xã hội và giao tiếp sư phạm trong hoạt động dạy học và giáo dục của người giáo viên.</p> <p>- <b>Hoạt động nhóm:</b> nêu một tình huống sư phạm và phân tích các phương án giải quyết.</p>	<p>- SV phải nộp sản phẩm hoạt động nhóm</p>	<p>G1.14 ; G2.3; G3.1; G3.2;</p>	<p>A1.1; A1.2.2; A2</p>

9.2.1. Khái niệm về giao tiếp sư phạm				
9.2.2. Phương tiện giao tiếp sư phạm				
9.2.3. Các kỹ năng giao tiếp sư phạm				
9.2.4. Các nguyên tắc giao tiếp sư phạm				

## 7. Nguồn học liệu (các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm,...)

**T:** (Tối đa 2 tài liệu)

- 1, Lê Văn Hồng, Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm, NXB ĐHQG Hà nội, 2001.
- 2, Nguyễn Quang Uẩn, Giáo trình tâm lý học đại cương, NXB Đại học Sư phạm, 2017.

**Tài liệu tham khảo:**

- 3 Phạm Minh Hạc, Tâm lý học (dùng cho các trường Cao đẳng sư phạm), NXB GD, Hà Nội, 2001
4. Giáo trình các lí thuyết phát triển tâm lí người: Dùng cho học viên Sau đại học / Phan Trọng Ngọc (Chủ biên), Lê Minh Nguyệt, ĐHSP, 2019.
- 5, Phan Quốc Lâm, Nguyễn Bá Minh, Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm, Trường Đại học Vinh, 2005.
- [6] Phan Quốc Lâm, Nguyễn Thị Mỹ Trinh, Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm: Dùng cho đào tạo giáo viên tiểu học trình độ đại học; Bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục, GDVN, 2009.

## 8. Quy định của môn học

- Để đạt được mục tiêu của học phần, sinh viên phải thực hiện đầy đủ và đúng thời gian qui định bài tập thực hành trong từng chương. Với bài tập thực hành phải nộp sau mỗi chương để giảng viên lưu vào hồ sơ học tập. Sản phẩm tự học và hoạt động nhóm cũng nộp sau mỗi chương.
- Sinh viên phải tham gia ít nhất 80% số tiết lên lớp của học phần mới đủ điều kiện thi Kết thúc học phần.

## 9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Giáo dục/ Bộ môn Tâm lý học
- Địa chỉ/email: [lampq@vinhuni.edu.vn](mailto:lampq@vinhuni.edu.vn)

**10. Ngày phê duyệt:** 10/04/2017

**11. Cấp phê duyệt:**

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN:  
GIÁO DỤC HỌC**

**1. Thông tin tổng quát:**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Hương

Chức danh, học hàm, học vị: PGS TS

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục, trường Đại học Vinh

Điện thoại, email:

Các hướng nghiên cứu chính:

**Giảng viên 2: Chu Trọng Tuấn**

Chức danh, học hàm, học vị: ThS

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục, trường Đại học Vinh

Điện thoại, email:

**Giảng viên 3:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Quỳnh Anh

Chức danh, học hàm, học vị: ThS

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục, trường Đại học Vinh

Điện thoại, email:

Các hướng nghiên cứu chính:

**Giảng viên 4:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Nhân

Chức danh, học hàm, học vị: TS

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục, trường Đại học Vinh

Điện thoại, email:

Các hướng nghiên cứu chính

**Giảng viên 5:**

Họ và tên: Nguyễn Trung Kiên

Chức danh, học hàm, học vị: ThS

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục, trường Đại học Vinh

Điện thoại, email:

Các hướng nghiên cứu chính

### 1.2. Thông tin về môn học:

- Tên môn học (tiếng Việt): Giáo dục học (tiếng Anh): Pedagogics	
- Mã số môn học: TH20020	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác <input type="checkbox"/> Môn học đồ án tốt nghiệp	
- Số tín chỉ:	4
+ Số tiết lý thuyết:	60
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	10
+ Số tiết tự học:	120
- Môn học tiên quyết:	Triết học, Tâm lý học
- Môn học song hành:	

### 2. Mô tả môn học

Giáo dục học là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành có vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên có trình độ đại học. Học tốt môn học này sinh viên mới có thể học tốt các học phần phương pháp dạy học các môn học chuyên ngành ở các khoa sư phạm, từ đó giúp sinh viên ra trường có thể làm tốt công tác dạy học và giáo dục học sinh ở trường phổ thông.

Môn học này bao gồm những vấn đề cơ bản của Giáo dục học (đối tượng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản, các phương pháp của Giáo dục học; các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách; mục đích, nhiệm vụ giáo dục) và các vấn đề về lý luận dạy học và lý luận giáo dục (quá trình dạy học- giáo dục; nội dung, phương pháp, kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học- giáo dục; công tác chủ nhiệm lớp...)

### 3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả (Học phần này trang bị cho SV)	Chuẩn đầu ra CTĐT	TĐNL
G1	Có kiến thức về những vấn đề chung của giáo dục học, vấn đề đổi mới giáo dục trên thế giới và ở nước ta hiện nay, về lý luận dạy học và lý luận giáo dục	1.2	III
G2	Khả năng phân tích, lập luận, giải thích các vấn đề lý luận và thực tiễn giáo dục, khả năng phát hiện, giải quyết các tình huống sư phạm nảy sinh trong công tác dạy học và giáo dục HS, Kỹ năng tổ chức các	2.1, 2.2, 2.3, 2.4.	III

	hoạt động dạy học và giáo dục.		
<b>G3</b>	Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề về lý luận và thực tiễn giáo dục, có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ giáo dục	3.1, 3.2	III
<b>G4</b>	Nhận biết được vị trí, vai trò và trách nhiệm của người giáo viên trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và toàn cầu hoá; vai trò của giáo dục đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Thiết lập được các mục tiêu dạy học, giáo dục HS, Năng lực thiết kế, thực hiện và phát triển chương trình dạy học, giáo dục nhà trường	4.1; 4.2. 4.3, 4.4, 4.5	III

#### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra HP		Mô tả CDR	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
<b>G1</b>	<b>G1.1</b>	Trình bày, phân tích được nguồn gốc, các tính chất và chức năng của giáo dục. Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của giáo dục học, mối quan hệ giữa giáo dục học với các khoa học khác, các phương pháp của Giáo dục học	I,T
	<b>G1.2</b>	Trình bày được khái niệm nhân cách và sự phát triển nhân cách. Phân tích được các yếu tố tác động đến sự hình thành và phát triển nhân cách	I,T
	<b>G1.3</b>	Trình bày khái niệm mục đích giáo dục và mục tiêu của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa Việt Nam; sơ lược hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam Trình bày được các vấn đề về đổi mới giáo dục trên thế giới và ở Việt Nam	I,T
	<b>G1.4</b>	Trình bày, phân tích được khái niệm, bản chất, động lực và logic của quá trình dạy học, các nhiệm vụ dạy học	I,T
	<b>G1.5</b>	Trình bày. Phân tích được khái niệm, hệ thống các nguyên tắc dạy học	I,T,U
	<b>G1.6</b>	Trình bày được khái niệm nội dung dạy học, khái niệm chương trình, kế hoạch dạy học và vấn đề đổi mới chương trình, SGK phổ thông sau năm 2018 ở Việt Nam	I,T
	<b>G1.7</b>	Trình bày, phân tích được khái niệm, đặc điểm, cách phân loại các phương pháp dạy học; hệ thống các PPDH	I,T,U

		truyền thống, các PP và kỹ thuật dạy học tích cực; Vai trò, cách phân loại phương tiện dạy học, vấn đề lựa chọn, vận dụng PPDH	
	<b>G1.8</b>	Trình bày được khái niệm về hình thức tổ chức dạy học, các loại bài học trong hình thức lên lớp và các hình thức tổ chức dạy học khác ở trường phổ thông; yêu cầu đối với bài học và cách lập kế hoạch bài học, khi lên lớp và sau khi lên lớp	I,T,U
	<b>G1.9</b>	Trình bày và giải thích được khái niệm, ưu nhược điểm của các phương pháp đánh giá kết quả học tập của học sinh	I, T,U
	<b>G1.10</b>	Trình bày và giải thích được cấu trúc, bản chất, đặc điểm, lôgic của quá trình giáo dục (theo nghĩa hẹp), vấn đề giáo dục lại và tự giáo dục	I,T
	<b>G1.11</b>	Trình bày và phân tích được khái niệm và hệ thống các nguyên tắc giáo dục	T,U
	<b>G1.12</b>	Trình bày, giải thích được các nội dung giáo dục trong nhà trường phổ thông: giáo dục đạo đức, thẩm mỹ, thể chất - quốc phòng, lao động- hướng nghiệp, giá trị sống, kỹ năng sống ...	I,T
	<b>G1.13</b>	Trình bày và phân tích được ưu nhược điểm của các phương pháp giáo dục HS	I,T,U
	<b>G1.14</b>	Trình bày và phân tích được vị trí, vai trò, đặc điểm, nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho HS	I,T,U
	<b>G1.15</b>	Trình bày, mô tả được vị trí, chức năng, nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp, nội dung, phương pháp công tác chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông.	I,T,U
<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	Liên hệ và phân tích được những vấn đề lý luận của khoa học giáo dục và thực tiễn đổi mới giáo dục trên thế giới và ở Việt nam hiện nay	U
	<b>G2.2</b>	Vận dụng được các kiến thức cơ bản của Giáo dục học vào việc giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn giáo dục đặt ra.	U
	<b>G2.3</b>	Có khả năng sưu tầm, thu thập những tư liệu thực tiễn giáo dục để minh họa cho những vấn đề lý luận giáo dục.	U
	<b>G2.4</b>	Có khả năng phân tích, đánh giá kế hoạch, chương trình	U

		giáo dục nhà trường phổ thông sau 2018	
	<b>G2.5</b>	Có khả năng phân tích, đánh giá ưu, nhược điểm của các PPDH truyền thống và PP, kỹ thuật dạy học tích cực, các phương tiện dạy học và ứng dụng CNTT - TT vào quá trình dạy học ở trường phổ thông	U
	<b>G2.6</b>	Có khả năng phân tích, đánh giá ưu nhược điểm của các hình thức tổ chức dạy học, phân tích, đánh giá các bước lên lớp, biết phân tích, đánh giá cấu trúc giáo án.	U
	<b>G2.7</b>	Phân tích, đánh giá được ưu, nhược điểm của các hình thức đánh giá kết quả học tập của học sinh.	U
	<b>G2.8</b>	Phân tích, đánh giá được nguyên nhân, thực trạng và các biện pháp giáo dục học sinh cá biệt ở trường phổ thông	U
	<b>G2.9</b>	Phân tích, đánh giá và vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp, nội dung giáo dục vào thực tiễn giáo dục HS	U
	<b>G2.10</b>	Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho HS	
	<b>G2.11</b>	Vận dụng được các nội dung, phương pháp công tác chủ nhiệm lớp vào thực tiễn công tác giáo dục học sinh, có kỹ năng tìm hiểu học sinh.	U
	<b>G2.12</b>	Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực và có ý thức trách nhiệm trong các hoạt động dạy học và giáo dục người học.	U
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Có khả năng tổ chức, hoạt động nhóm, kỹ năng hợp tác, phối hợp và chia sẻ trách nhiệm và lãnh đạo nhóm, có kỹ năng thuyết trình trước nhóm và lớp	U
	<b>G3.2</b>	Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong các mối quan hệ giáo dục (với giáo viên, với HS, phụ huynh, cộng đồng...)	U
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Nhận biết được vai trò và trách nhiệm của người giáo viên trong trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và toàn cầu hoá	U
	<b>G4.2</b>	Nhận biết được vị trí, vai trò của giáo dục đối với sự phát triển kinh tế, xã hội.	U
	<b>G4.3</b>	Năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế và triển khai các hoạt động dạy học trong trường phổ thông; năng lực vận dụng các nguyên tắc, nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học, năng lực thiết kế bài học, năng lực đánh	U

		giá kết quả học tập của học sinh.	
	<b>G4.4</b>	Năng lực thiết kế và triển khai các hoạt động giáo dục HS: HĐ giáo dục ngoài giờ lên lớp, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động giáo dục đạo đức, thẩm mỹ, thể chất, giá trị sống, kỹ năng sống, lao động - hướng nghiệp ... cho HS,	U
	<b>G4.5</b>	Lập kế hoạch và triển khai công tác chủ nhiệm lớp. Phối hợp được với các lực lượng giáo dục trong và ngoài trường trong công tác giáo dục học sinh.	U
	<b>G4.6</b>	Giải quyết được các tình huống sư phạm nảy sinh trong công tác giáo dục học sinh	U

### 5. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (2)	CDR học phần (Gx.x) (3)	Tỷ lệ (%) (4)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>60%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</b>			<b>10%</b>
Chuyên cần	A1.1.1. Đi học đầy đủ	G2.10	
Thái độ...	Tích cực tham gia xây dựng bài học	G3.1; 3.2	
<b>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</b>			<b>20%</b>
Bài thu hoạch (theo nhóm)	A1.2.1. Tìm hiểu Hệ thống GD quốc dân Việt Nam. So sánh với Hệ thống GDQD của một số nước trên thế giới	G 1.3;	
Bài thu hoạch (theo nhóm)	A1.2.2 Tìm hiểu chương trình GD, SGK các cấp học, bậc học;	G1.6	
Bài thu hoạch (theo nhóm)	A1.2.3. Tìm hiểu vấn đề đổi mới PPDH theo định hướng phát triển năng lực HS ở trường PT	G1.7	
Bài thu hoạch (theo nhóm)	A1.2.4. Tìm hiểu cách soạn giáo án ở trường phổ thông	G1.8	
Bài thu hoạch (theo nhóm)	A1.2.5. Tìm hiểu các qui định về đánh giá, xếp loại HS ở các cấp học	G.9	
Bài thu hoạch (theo nhóm)	A1.2.6. Tìm hiểu nguyên nhân hiện tượng trẻ khó dạy và các PPGD	G1.10	
Bài tập	A1.2.7 Suu tầm các tình huống sư phạm và cách giải quyết	G 1.11, G1.13, G1.15	
	A1.2.8. Tập lập kế hoạch chủ nhiệm lớp	G1.16	
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)</b>			<b>30%</b>
Bài trắc nghiệm	A1.3.1. Bài trắc nghiệm 1: Phần 1: Những	G1.1; G1.2;G1.3	

	vấn đề chung của Giáo dục học		
	A1.3.2. Bài trắc nghiệm 2: Phần 2: Lý luận dạy học	G1.4; G1.5; G1.6; G1.7; G1.8; G1.9	
	A1.3.3. Bài trắc nghiệm 3: Phần 3: Lý luận Giáo dục	G1.10; G1.11; G1.12; G1.13; G1.14	
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>			<b>40%</b>
<b>HP Lý thuyết</b>	Bài trắc nghiệm		40%
<b>HP Thực hành</b>			40%
<b>HP Lý thuyết và thực hành</b>	Lý thuyết		...
	Thực hành		...

## 6. Kế hoạch giảng dạy

### Lý thuyết:

Tuần (1)	Nội dung (2)	Hình thức tổ chức DH (3)	Chuẩn bị của SV (4)	CDR học phần (5)	Bài đánh giá (6)
1.	<p><b>Phần 1: Những vấn đề chung của Giáo dục học</b></p> <p>Chương 1: <b>Giáo dục học là một khoa học</b></p> <p>1.1. Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt</p> <p>1.1.1. Nguồn gốc của giáo dục</p> <p>1.1.2. Các tính chất của giáo dục</p> <p>1.1.3. Các chức năng của giáo dục</p> <p>1.2. Đối tượng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của Giáo dục học</p> <p>1.3. Mối quan hệ giữa Giáo dục học với các khoa học khác</p> <p>1.4. Các phương pháp của Giáo dục học</p>	<p>Lý thuyết: 3</p> <p>Thảo luận: 1 tiết:</p> <p>1. Tại sao nói giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt?</p> <p>2. Tại sao có thể khẳng định: Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là động lực thúc đẩy sự phát triển KT - XH?</p> <p>Quá trình giáo dục là gì? Phân tích các thành tố của quá trình giáo dục.</p> <p>Tự học: vụ của Giáo dục học</p>	<p>Đọc chương 1 giáo trình Giáo dục học (số 1).</p>	<p>G1.1</p> <p>G2.1;</p> <p>G2.2;</p> <p>G2.3</p> <p>G3.1</p> <p>G4.2</p>	

		Tìm hiểu mối quan hệ giữa GDH với các khoa học khác			
2.	<p><b>Chương 2: Giáo dục và sự phát triển nhân cách</b></p> <p>2.1. Sự phát triển nhân cách của con người</p> <p>2.1.1. Khái niệm về con người, nhân cách.</p> <p>2.1.2. Khái niệm về sự hình thành và phát triển nhân cách.</p> <p>2.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách</p> <p>2.2.1. Bẩm sinh, di truyền.</p> <p>2.2.2. Môi trường.</p> <p>2.2.3. Giáo dục.</p> <p>2.2.4. Hoạt động.</p>	<p>Lý thuyết: 3</p> <p>Thảo luận: 1 tiết:</p> <p>Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách, rút ra kết luận sự phạm từ vai trò của từng yếu tố.</p> <p>hoạt động nhóm, tự</p>	<p>Đọc giáo trình “Giáo dục học, Chuẩn bị nội dung trong chương 2 của tài liệu</p>	<p>G1.2; G2.1, G2.2 G3.1 G4.1 G4.2</p>	
3	<p><b>Chương 3: Mục đích và nhiệm vụ giáo dục</b></p> <p>3.1. Khái niệm mục đích, mục tiêu giáo dục</p> <p>3.1.1. Khái niệm mục đích giáo dục</p> <p>3.1.2. Mục tiêu của nền giáo dục XHCN Việt Nam</p> <p>3.2 Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam</p> <p>3.2.1. Khái niệm hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam</p> <p>3.2.2. Sơ lược hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam</p> <p>3.3. Các nhiệm vụ của nền GD XHCN VN</p> <p>3.3.1. Nâng cao dân trí</p> <p>3.3.2. Đào tạo nhân lực</p>	<p>Lý thuyết: 2</p> <p>Thảo luận: 2</p> <p>- Hoạt động nhóm:</p> <p>1. Phân biệt mục đích, mục tiêu giáo dục</p> <p>2. Phân tích mục tiêu của các bậc học, cấp học trong hệ thống GDQD VN</p> <p>- Tự học: Tìm hiểu xu thế đổi mới giáo dục trên thế giới và ở Việt Nam</p>	<p>1. Đọc giáo trình “Giáo dục học, Chuẩn bị nội dung trong chương 2 của tài liệu</p> <p>2. Đọc Luật giáo dục tìm hiểu mục tiêu của các cấp học, bậc học trong HTGDQD</p>	<p>G1.3; G2.1; G2.3 G3.1; 3.2 G4.1; 4.2</p>	<p>A1.2. 1</p>

	<p>3.3.3. Bồi dưỡng nhân tài</p> <p>3.4. Vấn đề đổi mới giáo dục trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay</p> <p>3.4.1. Vấn đề đổi mới giáo dục trên thế giới</p> <p>3.4.1. Vấn đề đổi mới giáo dục trên thế giới</p> <p>3.4.2. Vấn đề đổi mới giáo dục ở Việt nam</p>				
	<b>Đánh giá định kỳ</b>		Chuẩn bị các nội dung của phần 1	G1.1; G1.2; G1.3	A1.3. 1
4	<p><b>Phần 2: Lý luận dạy học</b></p> <p><b>Chương 1: Quá trình dạy học</b></p> <p>1.1. Khái niệm quá trình dạy học và cấu trúc của nó</p> <p>1.1.1. Khái niệm quá trình dạy học</p> <p>1.1.2. Cấu trúc của quá trình dạy học</p> <p>1.2. Bản chất của quá trình dạy học</p> <p>1.2.1. Cơ sở để xác định bản chất của quá trình dạy học</p> <p>1.2.2. Bản chất của quá trình dạy học</p> <p>1.3. Các nhiệm vụ dạy học</p> <p>1.3.1. Cơ sở để xác định các nhiệm vụ dạy học</p> <p>1.3.2. Các nhiệm vụ dạy học chủ yếu</p> <p>1.3.3. Mối quan hệ giữa các nhiệm vụ dạy học</p>	<p>- <b>Lý thuyết:</b> 3 tiết</p> <p>- <b>Thảo luận:</b> 1 tiết:</p> <p>1.vPhân tích bản chất của quá trình dạy học.</p> <p>2.vPhân tích các nhiệm vụ dạy học và mối quan hệ giữa chúng.</p> <p>3. Phân tích động lực và logic của QTDH</p> <p>- Tự học: Tìm hiểu các quy luật của quá trình dạy học.</p>	<p>Đọc cuốn “Giáo dục học”, phần Lý luận dạy học, chương I: Quá trình dạy học</p>	G1.4 G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2	

	<p>1.4. Quy luật cơ bản của quá trình dạy học</p> <p>1.5. Động lực của quá trình dạy học</p> <p>1.5.1. Quan niệm về động lực của quá trình dạy học</p> <p>1.5.2. Mâu thuẫn cơ bản và động lực chủ yếu của quá trình dạy học</p> <p>1.6. Logic của quá trình dạy học</p> <p>1.6.1. Khái niệm về logic của quá trình dạy học</p> <p>1.6.2. Các khâu của quá trình dạy học</p>				
5	<p>Chương 2: Các nguyên tắc dạy học:</p> <p>2.1. Khái niệm NTDH</p> <p>2.1.1. Nguyên tắc dạy học là gì?</p> <p>2.1.2. Cơ sở để xác định các nguyên tắc dạy học</p> <p>2.2. Hệ thống các NTDH</p> <p>2.2.1. Đảm bảo sự thống nhất giữa tính khoa học và tính giáo dục trong dạy học</p> <p>2.2.2. Đảm bảo sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong dạy học</p> <p>2.2.3. Đảm bảo sự thống nhất giữa cái cụ thể và cái trừu tượng trong dạy học</p> <p>2.2.4. Đảm bảo sự thống nhất giữa tính vững chắc của tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và sự linh hoạt, mềm dẻo của tư duy</p> <p>2.2.5. Đảm bảo sự thống</p>	<p>- <b>Lý thuyết:</b> 3 tiết</p> <p>- <b>Thảo luận 1 tiết:</b> Yêu cầu, nội dung, biện pháp thực hiện một số nguyên tắc DH</p> <p>- <b>Hoạt động nhóm:</b> Vấn đề đổi mới chương trình giáo dục phổ thông</p> <p>- <b>Tự học:</b> Sưu tầm một số tình huống dạy học, phân tích việc sử dụng các NTDH của GV trong các tình huống đó</p>	<p>Đọc cuốn “Giáo dục học”, phần Lý luận dạy học, chương 2 và 3</p> <p>Đọc “Dự thảo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể” (4/2017)</p>	<p>G1.5</p> <p>G1.6</p> <p>G2.2</p> <p>G2.3</p> <p>G2.4</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p> <p>G4.1</p> <p>G4.2</p>	<p>A1.2.</p> <p>2</p>

	<p>nhất giữa tính vừa sức chung và tính vừa sức riêng trong dạy học</p> <p>2.2.6. Đảm bảo sự thống nhất giữa vai trò tự giác, tích cực, độc lập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên trong dạy học</p> <p><b>Chương 3: Nội dung DH</b></p> <p>3.1. Khái niệm nội dung DH</p> <p>3.1.1. Nội dung dạy học là gì?</p> <p>3.1.2. Các thành phần của nội dung dạy học</p> <p>3.2. Các nguyên tắc xây dựng nội dung dạy học</p> <p>3.3. Kế hoạch dạy học, chương trình dạy học, sách giáo khoa</p> <p>3.3.1. Kế hoạch dạy học</p> <p>3.3.2. Chương trình dạy học</p> <p>3.3.3. Sách giáo khoa và các tài liệu tham khảo</p> <p>3.4. Vấn đề đổi mới chương trình, SGK phổ thông</p> <p>3.4.1. Sự cần thiết phải đổi mới chương trình, SGK phổ thông</p> <p>3.4.2. Các định hướng đổi mới chương trình, SGK phổ thông</p>				
6	<p>Chương 4: Phương pháp dạy học</p> <p>4.1. Khái niệm chung về phương pháp dạy học</p>	<p><b>Lý thuyết:</b> 4 tiết</p> <p><b>Tự học:</b></p> <p>1. Tìm hiểu một số PP và kỹ thuật DH</p>	<p>Đọc cuốn “Giáo dục học”, phần Lý luận</p>	<p>G1.7</p> <p>G2.5</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p>	<p>A1.2.</p> <p>3</p>



	<p>5.2.2. Ưu, nhược điểm</p> <p>5.2.3. Các loại bài học</p> <p>5.2.4. Việc chuẩn bị bài lên lớp</p> <p>5.2.5. Lên lớp và sau khi lên lớp</p> <p>5.3 Các hình thức tổ chức dạy học khác</p> <p>5.3.1. Hình thức học ở nhà</p> <p>5.3.2. Tham quan</p> <p>5.3.3. Hình thức thảo luận</p> <p>5.3.4. Hình thức hoạt động ngoại khoá</p> <p>5.3.5. Hình thức giúp đỡ riêng</p>	<p>lưu ý những điều gì?</p> <p><b>Tự học:</b>          Tìm hiểu cách soạn giáo án môn học mà SV sẽ đảm nhiệm ở trường phổ thông</p>	<p>học theo yêu cầu của GV</p>		
8	<p>Chương 6: Đánh giá kết quả học tập của HS</p> <p>6.1 Ý nghĩa của đánh giá</p> <p>6.1.1. Đối với HS</p> <p>6.1.2. Đối với GV</p> <p>6.1.3. Đối với các cấp QL</p> <p>6.2. Các yêu cầu đối với kiểm tra, đánh giá</p> <p>6.3. Các PP đánh giá</p> <p>6.3.1. Quan sát</p> <p>6.3.2. Thực hành</p> <p>6.3.3. Tự luận</p> <p>6.3.4. Trắc nghiệm khách quan</p> <p>6.4 Xếp loại học lực của học sinh</p>	<p><b>Lý thuyết:</b> 3 tiết</p> <p><b>Làm việc nhóm:</b> 1 tiết</p> <p>Tập thiết kế các câu hỏi tự luận và các loại câu TNKQ môn học mà SV sẽ đảm nhiệm sau khi ra trường</p> <p><b>Tự học:</b>          Tìm hiểu Quy chế đánh giá, xếp loại HS của Bộ GD - ĐT.</p>	<p>Đọc cuốn “Giáo dục học”, phần Lý luận dạy học: chương 6 và Quy chế đánh giá, xếp loại HS của Bộ GD - ĐT.</p>	<p>G1.9</p> <p>G2.7</p> <p>G3.1.</p> <p>G4.3</p>	<p>A1.2.</p> <p>5</p>
	<b>Đánh giá định kỳ</b>		<p>Chuẩn bị các nội dung của phần 2</p>	<p>G1.4;</p> <p>G1.5;</p> <p>G1.6;</p> <p>G1.7;</p> <p>G1.8;</p> <p>G1.9</p>	<p>A1.3.</p> <p>2</p>
9.	<b>Phần 3: Lý luận giáo dục</b> <b>Chương 1: Quá trình giáo</b>	<b>Lý thuyết:</b> 4 tiết	Đọc cuốn	G1.10	

	<p><b>dục</b></p> <p>1.1. Khái niệm và cấu trúc của quá trình giáo dục</p> <p>1.2. Bản chất của quá trình giáo dục</p> <p>1.3. Đặc điểm của quá trình giáo dục</p> <p>1.4. Động lực của quá trình giáo dục</p> <p>1.5. Lô gíc của quá trình giáo dục</p> <p>1.6. Tự giáo dục và giáo dục lại</p>	<p><b>Tự học:</b></p> <p>Vấn đề giáo dục học sinh cá biệt trong trường PT hiện nay.</p>	<p>“Giáo dục học”, phần Lý luận giáo dục: chương 1</p>	<p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>2.3</p> <p>G2.8</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p> <p>G4.1;</p> <p>G4.4.</p>	
10	<p>Chương 1: <b>Quá trình giáo dục (Tiếp)</b></p> <p>Chương 2. <b>Nguyên tắc giáo dục</b></p> <p>2.1. Khái niệm</p> <p>2.2. Hệ thống các nguyên tắc GD</p>	<p><b>Thảo luận:</b> 1 tiết</p> <p>1. Phân tích bản chất, đặc điểm của QTGD, rút ra kết luận sư phạm.</p> <p>2. Phân tích các nguyên nhân của hiện tượng trẻ khó dạy.</p> <p><b>Lý thuyết:</b> 2 tiết</p> <p><b>Thảo luận:</b> 1 tiết</p> <p>1. Thảo luận yêu cầu nội dung, biện pháp thực hiện một số nguyên tắc giáo dục.</p> <p>2. Thảo luận một số tình huống giáo dục</p> <p><b>Tự học:</b></p> <p>Sưu tầm các tình huống giáo dục và cách giải quyết</p>	<p>Đọc cuốn “Giáo dục học”, phần Lý luận giáo dục: chương 1, 2</p> <p>Các nhóm SV chuẩn bị một số tình huống sư phạm để trao đổi, thảo luận trên lớp.</p> <p>Đọc cuốn “Ứng xử sư phạm” của NGND Trúc Lâm</p>	<p>G1.10</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>2.3</p> <p>G2.8</p> <p>G1.11</p> <p>G2.7</p> <p>G2.12</p> <p>G3.1</p> <p>G4.1;</p> <p>G4.4.</p>	
11	<p>Chương 3. <b>Nội dung giáo dục</b></p>	<p><b>Lý thuyết:</b> 3 tiết</p> <p><b>Thảo luận:</b> 1 tiết</p>	<p>Đọc cuốn “Giáo dục</p>	<p>G1.12</p> <p>G2.2</p>	

	<p>3.1 Giáo dục đạo đức</p> <p>3.3 Giáo dục thẩm mỹ</p> <p>3.3 Giáo dục thể chất - Quốc phòng</p> <p>3.4 Giáo dục lao động - Hướng nghiệp</p> <p>3.5. Giáo dục giá trị - kỹ năng sống</p>	<p>Phân tích ý nghĩa của giáo dục đạo đức, Giáo dục thẩm mỹ, Giáo dục thể chất - Quốc phòng, Giáo dục lao động - Hướng nghiệp, Giáo dục giá trị - kỹ năng sống.</p> <p><b>Tự học:</b> Tìm hiểu việc thực hiện các nội dung GD trong nhà trường hiện nay</p>	<p>học”, phần Lý luận giáo dục: chương 3</p> <p>“Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống trong trường phổ thông” của tác giả Nguyễn Thị Mỹ Lộc và Đinh Thị Kim Thoa</p>	<p>G2.3</p> <p>G2.9</p> <p>G2.12</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p> <p>G4.1</p> <p>G4.4</p>	
12	<p>Chương 4: <b>Các phương pháp giáo dục</b></p> <p>4.1. Khái niệm phương pháp giáo dục</p> <p>4.2. Hệ thống các phương pháp giáo dục</p> <p>4.2.1. Nhóm các phương pháp hình thành ý thức cá nhân</p> <p>4.2.2. Nhóm phương pháp hình thành kinh nghiệm hành vi xã hội.</p> <p>4.2.3. Nhóm phương pháp kích thích, điều chỉnh hành vi ứng xử của học sinh</p> <p>4.2.4. Nhóm các phương pháp kiểm tra, đánh giá hoạt động và hành vi ứng xử của HS.</p> <p>4.3. Việc lựa chọn và sử dụng có hiệu quả các phương pháp giáo dục</p>	<p><b>Lý thuyết:</b> 3 tiết</p> <p><b>Thảo luận:</b> 1 tiết</p> <p>1. Phân tích ưu, nhược điểm của các PPGD và cách thức vận dụng</p> <p><b>2. Thảo luận về các tình huống sư phạm</b></p> <p><b>Tự học:</b> Tìm hiểu một số PPGD theo hướng dẫn của GV. Sưu tầm một số tình huống sư phạm</p>	<p>Đọc cuốn “Giáo dục học”, phần Lý luận giáo dục: chương 4</p> <p>Đọc cuốn “Ứng xử sư phạm” của NGND Trúc Lâm và chuẩn bị theo nhóm một số tình huống sư phạm</p>	<p>G1.13</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>G2.9</p> <p>G2.12</p> <p>G3.2</p> <p>G4.4</p> <p>G4.6</p>	

13	<p><b>Chương 5: Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo</b></p> <p>5.1. Vị trí, vai trò, đặc điểm của HĐTNST</p> <p>5.2. Các nguyên tắc tổ chức HĐTNST</p> <p>5.3. Nội dung, hình thức tổ chức HĐTNST</p> <p>5.4. Cách thức tổ chức HĐTNST</p>	<p><b>Lý thuyết:</b> 3 tiết</p> <p><b>Làm việc nhóm:</b> 1 tiết</p> <p>Thiết kế 1 HĐTNST trong chương trình GDPT</p> <p><b>Tự học:</b> Tìm hiểu hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong chương trình giáo dục của một số nước trên thế giới</p>	<p>Đọc tài liệu: Bộ GD - ĐT</p> <p>Tài liệu tập huấn “Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường học</p>	<p>G1.14</p> <p>G2.3</p> <p>G2.10</p> <p>G2.12</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p> <p>G4.4</p>	
14	<p><b>Chương 6: Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông</b></p> <p>6.1. Vị trí, vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp</p> <p>6.2. Chức năng, nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp</p> <p>6.3. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực của giáo viên chủ nhiệm lớp</p> <p>6.4. Nội dung công tác chủ nhiệm lớp</p> <p>6.5. Lập kế hoạch chủ nhiệm lớp</p>	<p><b>Lý thuyết:</b> 3 tiết</p> <p><b>Làm việc nhóm:</b> 1 tiết</p> <p>Các nhóm SV sưu tầm các tình huống sư phạm liên quan đến công tác chủ nhiệm lớp</p> <p>Thực hành theo nhóm lập kế hoạch chủ nhiệm lớp</p> <p><b>Tự học:</b> Nghiên cứu Điều lệ trường phổ thông và tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ của GVCN lớp.</p>	<p>Đọc cuốn: “Giáo dục học” và “Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông” của tác giả Hà Nhật Thăng.</p>	<p>G1.15</p> <p>G2.2</p> <p>G2.3</p> <p>G2.11</p> <p>G2.12</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p> <p>G4.4</p> <p>G4.5</p> <p>G4.6</p>	

## 7. Nguồn học liệu

### *Giáo trình:*

- [1]. PGS.TS Phạm Minh Hùng, PGS.TS Nguyễn Thị Hương, PGS.TS Thái Văn Thành , Giáo trình Giáo dục học, NXB ĐHV, 2016
- [2]. Phạm Viết Vượng, Giáo dục học, NXB ĐHQGHN, 2000

**Tài liệu tham khảo:**

- [3]. Trịnh Trúc Lâm - Nguyễn Văn Hộ, *Ứng xử sư phạm*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội 2005.
- [5]. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên) *Giáo dục học, tập 1, 2* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội 2004.
- [5]. Hà Nhật Thăng (chủ biên), *Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông*. NXB Giáo dục 2005.
- [6]. Nguyễn Thanh Bình, *Một số vấn đề trong công tác chủ nhiệm lớp ở trường THPT hiện nay*, ĐHSP, 2011.

**8. Quy định của học phần**

Các quy định của học phần như:

- Sinh viên nộp Hồ sơ học phần theo yêu cầu.
- Sinh viên phải nộp bài tập/báo cáo
- Tỷ lệ thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp > 80%

**9. Phụ trách học phần**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Bộ môn Giáo dục học, khoa Giáo dục
- Địa chỉ/email:

**10. Ngày phê duyệt:** 10/04/2017

**11. Cấp phê duyệt:**

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**



CDIO. Học phần này trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản, nền tảng về tiếng Việt và khả năng vận dụng vào quá trình dạy học tiếng Việt cho học sinh tiểu học và phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non. Nội dung học phần gồm những vấn đề sau: đại cương về ngôn ngữ và tiếng Việt, ngữ âm tiếng Việt, từ vựng tiếng Việt và ngữ pháp tiếng Việt. Học xong học phần này, người học có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hành và đánh giá các hoạt động ngôn ngữ trong dạy - học tiếng Việt ở tiểu học và mầm non.

### 3. Mục tiêu môn học

<b>Mục tiêu (Goals)</b>	<b>Mô tả (Goals description)</b>	<b>Chuẩn đầu ra CTĐT</b>	<b>TĐNL</b>
<b>G1</b>	Phân tích được kiến thức đại cương về ngôn ngữ và tiếng Việt, ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt làm cơ sở cho việc dạy học tiếng Việt cho học sinh tiểu học và phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.	1.2.2	3.0
<b>G2</b>	Nhận diện, phân tích, giải thích và giải quyết các vấn đề liên quan việc sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp và dạy học tiếng Việt cho học sinh tiểu học, phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	2.1.1	3.0
		2.2.2	3.0
		2.3.1	3.0
		2.4.1	3.0
		2.4.2	3.0
		2.4.3	3.0
<b>G3</b>	Có khả năng làm việc nhóm và giao tiếp trong môi trường nghề nghiệp.	2.5.3	3.0
		3.1.1	3.0
		3.1.2	3.0
		3.2.3	3.5
<b>G4</b>	Phân tích mục đích của việc học những kiến thức về Việt ngữ học cơ sở; giải quyết được các bài tập về các hiện tượng ngôn ngữ tiếng Việt; vận dụng được các kiến thức tiếng Việt vào quá trình dạy học tiếng Việt cho học sinh tiểu học và phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.	3.2.5	3.0
		4.2.3	3.0
		4.3.1	3.0
		4.4.1	3.0
		4.5.3	3.5

#### 4. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CDR của HP (Gx.x) (1)</b>	<b>Mô tả CDR</b>	<b>Mức độ giảng dạy</b>
<b>G1.</b>	<b>Kiến thức và lập luận ngành</b>	
<b>G1.1</b>	Trình bày được các vấn đề đại cương về ngôn ngữ và tiếng Việt.	<b>I, T</b>
<b>G1.2</b>	Phân tích được khái niệm và đặc điểm ngữ âm của các đơn vị ngữ âm: âm tiết và âm vị.	<b>T, U</b>
<b>G1.3</b>	Giải thích được khái niệm và miêu tả đặc điểm của các loại chữ viết, các quy tắc chính tả và ngữ điệu trong tiếng Việt.	<b>T, U</b>
<b>G1.4</b>	Phân tích được khái niệm và miêu tả được đặc điểm của các đơn vị từ vựng tiếng Việt; các lớp từ vựng tiếng Việt: từ đơn, từ ghép, từ láy, đồng âm, đồng nghĩa, trái nghĩa, đa nghĩa; thuần Việt, từ vay mượn.	<b>T, U</b>
<b>G1.5</b>	Phân tích được khái niệm và đặc điểm của các loại từ loại trong tiếng Việt.	<b>T, U</b>
<b>G1.6</b>	Phân tích được khái niệm và đặc điểm của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo và mục đích phát ngôn trong tiếng Việt.	<b>T, U</b>
<b>G1.7</b>	Phân tích được các khái niệm, công dụng và miêu tả quy tắc sử dụng dấu câu trong tiếng Việt.	<b>T,U</b>
<b>G2.</b>	<b>Kĩ năng và phẩm chất cá nhân</b>	
<b>G2.1</b>	Nhận diện và phân tích được những vấn đề cơ bản về Việt ngữ học cơ sở.	<b>T, U</b>
<b>G2.2</b>	Áp dụng được những kiến thức cơ bản về Việt ngữ học cơ sở vào việc nhận diện, phân tích các ngữ liệu cụ thể của tiếng Việt.	<b>T, U</b>
<b>G2.3</b>	Có khả năng tìm hiểu, nghiên cứu và thu thập tài liệu, ngữ liệu phục vụ cho việc học lý thuyết và thực hành bài tập.	<b>T, U</b>
<b>G3</b>	<b>Kĩ năng làm việc nhóm và giao tiếp</b>	
<b>G3.1</b>	Thực hiện làm việc nhóm hiệu quả trong quá trình tìm hiểu các vấn đề về Việt ngữ học cơ sở.	<b>T, U</b>
<b>G3.2</b>	Thuyết trình được các kết quả tự học, tự nghiên cứu về Việt ngữ học cơ sở trước nhóm, trước lớp.	<b>T, U</b>
<b>G3.3</b>	Tạo lập văn bản viết về kết quả hoạt động học và hoạt động nhóm.	<b>T, U</b>

<b>G4</b>	<b>Năng lực thực hành nghề nghiệp</b>	
<b>G4.1</b>	Xác định ý nghĩa và vị trí của việc vận dụng kiến thức Việt ngữ học cơ sở trong chương trình dạy học bậc Tiểu học và giáo dục trẻ ở bậc mầm non.	<b>I, U</b>
<b>G4.2</b>	Nhận diện, miêu tả, phân tích các đơn vị ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp cụ thể trong thực tiễn sử dụng tiếng Việt và dạy tiếng Việt cho học sinh tiểu học và trẻ mầm non.	<b>U</b>
<b>G4.3</b>	Thực hành giải quyết bài tập về các hiện tượng ngôn ngữ tiếng Việt.	<b>U</b>
<b>G4.4</b>	Đánh giá khả năng sử dụng tiếng Việt của bản thân và học sinh.	<b>U</b>

### 5. Đánh giá học phần

<b>Thành phần đánh giá (1)</b>	<b>Bài đánh giá (2)</b>	<b>CĐR học phần (Gx.x) (3)</b>	<b>Tỷ lệ (%) (4)</b>
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</b>			<b>10%</b>
Chuyên cần	A1.1.1. Mức độ chuyên cần, giờ giấc, tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp	G3.1; G3.2; G3.3	5%
Thái độ học tập	A1.1.2. Có tài liệu học tập, thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp	G3.1; G3.2; G3.3	5%
<b>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</b>			<b>20%</b>
Bài tập	A1.2.1. Bài tập về đại cương ngôn ngữ và tiếng Việt A1.2.2. Bài tập về ngữ âm tiếng Việt. A1.2.3. Bài tập về từ vựng tiếng Việt. A1.2.4. Bài tập về ngữ pháp tiếng Việt.	G1.1 - G1.7	10%
	A1.2.5. Sản phẩm hoạt động nhóm, bài thuyết trình về nội dung: Đại cương ngôn ngữ và tiếng Việt A1.2.6. Sản phẩm hoạt động nhóm, bài thuyết trình về nội dung: Ngữ âm tiếng Việt A1.2.7. Sản phẩm hoạt động nhóm về nội dung Từ vựng tiếng Việt A1.2.8. Sản phẩm hoạt động nhóm về nội dung Ngữ pháp tiếng Việt	G2.1 - G2.3	10%
Báo cáo bài hoạt động nhóm, bài thuyết trình			
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)</b>			<b>20%</b>

Test online	Bài kiểm tra online trên hệ thống câu hỏi thuộc các nội dung chương 1. (Kiểm tra sau tiết thứ 20 của học phần)	G1.1 - G1.4 G2.1 - G2.3 G3.1 - G3.2	
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>			<b>50%</b>
<i>HP Lý thuyết</i>	Bài thi trắc nghiệm khách quan (Test online)	G1.1 - G1.7; G2.1 - G2.3; G3.1- G3.3; G4.1- G4.4	

## 6. Kế hoạch giảng dạy

Tuần (1)	Nội dung (2)	Hình thức tổ chức DH (3)	Chuẩn bị của SV (4)	CDR học phần (5)	Bài đánh giá (6)
1.	<p><b>Chương 1. Đại cương về ngôn ngữ học và tiếng Việt</b></p> <p><b>Bài 1. Đại cương về ngôn ngữ học</b></p> <p>1.1. Ngôn ngữ và ngôn ngữ học</p> <p>1.1.1. Ngôn ngữ</p> <p>1.1.2. Ngôn ngữ học</p> <p>1.1.3. Phân biệt ngôn ngữ và lời nói</p> <p>1.2. Bản chất của ngôn ngữ</p>	<p>- Giải thích, tư vấn về mục tiêu, nội dung, PP học tập của HP</p> <p>- Giảng lí thuyết Bài 1 và Bài 2, Tài liệu GT [1]</p> <p>- <b>Tự học:</b> Đọc tài liệu Tài liệu GT [1] và làm bài tập cụ thể như sau:</p> <p>Bài 1: <b>Đại cương về ngôn ngữ học</b></p> <p>1. <i>Trình bày các khái niệm: ngôn ngữ, ngôn ngữ học.</i></p> <p>2. <i>Phân biệt ngôn ngữ và lời nói (lấy ví dụ).</i></p> <p>3. <i>Chứng minh: ngôn ngữ là hiện tượng xã hội đặc biệt.</i></p> <p>4. <i>Phân tích các chức năng của ngôn ngữ.</i></p> <p>Bài 2: <b>Đại cương về</b></p>	<p>Bài 1: <b>Đại cương về ngôn ngữ học</b></p> <p>Sinh viên làm bài tập vào vở tự học (câu 1, 2).</p> <p>Sinh viên nộp bài tập qua hệ thống cổng thông tin (câu 3).</p> <p>Thảo luận trên lớp (Câu 4).</p> <p>Bài 2: <b>Đại cương về tiếng Việt</b></p> <p>Sinh viên làm bài tập vào vở tự học (câu 1, 2).</p> <p>Sinh viên nộp bài tập qua hệ thống cổng thông tin (câu 3).</p>	G1.1 G2.1 G3.1 G3.2	A1.1 A.1.2 .1 A1.2. 5 A3.1

	<p>1.2.1. Ngôn ngữ là hiện tượng xã hội</p> <p>1.2.2. Ngôn ngữ là hiện tượng xã hội đặc biệt</p> <p>1.3. Chức năng của ngôn ngữ</p> <p>1.3.1. Chức năng giao tiếp của ngôn ngữ</p> <p>1.3.2. Chức năng tư duy của ngôn ngữ</p> <p><b>Bài 2: Đại cương về tiếng Việt</b></p> <p>2.1. Khái niệm tiếng Việt</p> <p>2.2. Quá trình phát triển của tiếng Việt</p> <p>2.2.1. Nguồn gốc tiếng Việt</p> <p>2.2.2. Quá trình phát triển của tiếng Việt</p> <p>2.3. Loại hình ngôn ngữ tiếng Việt</p> <p>2.3.1. Loại hình ngôn ngữ</p> <p>2.3.2. Loại hình ngôn ngữ tiếng Việt</p>	<p><b>tiếng Việt</b></p> <p>1. <i>Trình bày nguồn gốc của tiếng Việt.</i></p> <p>2. <i>Trình bày quá trình phát triển của tiếng Việt.</i></p> <p>3. <i>Chứng minh: Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn lập.</i></p>			
2.	<b>Chương 2: Ngữ âm tiếng Việt</b>	<b>Giảng lý thuyết:</b> Bài 1 (1.1; 1.2), tài liệu GT [1], Tài liệu GT [1];	Sinh viên chuẩn bị bài tập trên giấy A4 và vở Tự học (Câu 1,	G1.2 G2.1 G2.4	A1.1 A1.2. 2

	<p><b>Bài 1: Ngữ âm và ngữ âm học</b></p> <p>1.1. Ngữ âm</p> <p>1.1.1. Âm thanh</p> <p>1.1.2. Ngữ âm</p> <p>1.1.3. Vai trò của ngữ âm</p> <p>1.1.4. Cơ sở nghiên cứu ngữ âm</p> <p>1.2. Ngữ âm học</p> <p>1.2.1. Nhiệm vụ của ngữ âm học</p> <p>1.2.2. Kí hiệu ngữ âm</p>	<p>TLTK [1].</p> <p><b>Hướng dẫn thảo luận:</b></p> <p><i>Trình bày vai trò và các cơ sở nghiên cứu ngữ âm.</i></p> <p>Bài tập: <i>Thực hành xác định đặc trưng vật lý của các đơn vị ngữ âm do GV cung cấp.</i></p> <p><b>Tự học:</b> Đọc tài liệu và làm bài tập cụ thể sau:</p> <p>1. <i>Phân biệt âm thanh và âm thanh ngôn ngữ (ngữ âm).</i></p> <p>2. <i>Trình bày vai trò và các cơ sở nghiên cứu ngữ âm.</i></p> <p>3. <i>Xác định đặc trưng vật lý của các âm: i, e, m, n, t, h....</i></p>	<p>2).</p> <p>Nạp qua hệ thống Cổng thông tin (Câu 3).</p>	<p>G3.1</p> <p>G3.2</p> <p>G4.1</p> <p>G4.2</p> <p>G4.3</p> <p>G4.4</p> <p>G4.5</p>	<p>A1.2.</p> <p>6</p> <p>A3.1</p>
3.	<p><b>Chương 2: Ngữ âm tiếng Việt</b></p> <p><b>Bài 2: Âm tiết tiếng Việt</b></p> <p>2.1. Khái niệm âm tiết</p> <p>2.2. Đặc điểm của âm tiết tiếng Việt</p> <p>2.2.1. Tính phân tiết</p> <p>2.2.2. Đặc trưng độ cao</p> <p>2.2.3. Là đơn vị đa chức năng</p> <p>2.2.4. Là đơn vị</p>	<p><b>Lý thuyết:</b></p> <p>Giảng lý thuyết Bài 2 (2.1, 2.2, 2.3), tài liệu: GT [1], TLTK [1]</p> <p><b>Thảo luận:</b> <i>Chúng minh âm tiết tiếng Việt là đơn vị có cấu trúc chặt chẽ.</i></p> <p><b>Tự học:</b> Đọc tài liệu và làm bài tập cụ thể sau:</p> <p><b>Bài 2: Âm tiết tiếng Việt</b></p> <p>1. <i>Trình bày khái niệm âm tiết (có ví dụ).</i></p> <p>2. <i>Phân tích đặc điểm âm tiết tiếng Việt.</i></p> <p>3. <i>Trình bày cấu trúc</i></p>	<p>1. Sinh viên làm bài tập vào vở tự học (câu 1, 2, 3).</p> <p>2. Làm bài tập vào giấy A4 (câu 2, 3).</p> <p>3. Nạp bài tập qua hệ thống Cổng thông tin (Câu 6) sau khi học xong bài này.</p> <p>4. Chuẩn bị giấy A0 thực hành tại lớp (câu 3, câu 4, câu 5) theo 3 các nhóm.</p>	<p>G1.2</p> <p>G2.1</p> <p>G2.4</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p> <p>G4.1</p> <p>G4.2</p> <p>G4.3</p> <p>G4.4</p> <p>G4.5</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2.</p> <p>2</p> <p>A1.2.</p> <p>6</p> <p>A3.1</p>

	<p>có cấu trúc chặt chẽ</p> <p>2.3. <i>Cấu trúc âm tiết tiếng Việt</i></p> <p>2.3.1. <i>Cấu trúc âm tiết tiếng Việt</i></p> <p>2.3.2. <i>Phân loại âm tiết tiếng Việt</i></p>	<p><i>âm tiết tiếng Việt.</i></p> <p>4. <i>Chứng minh âm tiết tiếng Việt là đơn vị có cấu trúc chặt chẽ.</i></p> <p>5. <i>Phân loại các âm tiết tiếng Việt.</i></p> <p>6. <i>Thực hành bài tập: xác định cấu trúc âm tiết tiếng Việt và phân loại âm tiết tiếng Việt theo ngữ liệu giảng viên cung cấp và sinh viên tự tìm hiểu trong sách giáo khoa tiếng Việt tiểu học và lời nói hội thoại hàng ngày.</i></p>			
4.	<p><b>Chương 2: Ngữ âm tiếng Việt</b></p> <p><b>Bài 3: Hệ thống âm vị tiếng Việt</b></p> <p>3.1. <i>Khái niệm âm vị</i></p> <p>3.2. <i>Hệ thống âm vị tiếng Việt</i></p> <p>3.2.1. <i>Hệ thống âm đầu</i></p> <p>3.2.2. <i>Hệ thống âm đệm</i></p> <p>3.2.3. <i>Hệ thống âm chính</i></p> <p>3.2.4. <i>Hệ thống âm cuối</i></p> <p>3.2.5. <i>Hệ thống thanh điệu</i></p>	<p><b>Giảng lý thuyết:</b> Bài 3 (3.1, 3.2); tài liệu GT [1], TLTK [1]</p> <p><b>Tự học:</b> Đọc tài liệu và làm bài tập cụ thể sau:</p> <p>1. <i>Trình bày khái niệm âm vị (có ví dụ).</i></p> <p>2. <i>Phân biệt âm vị và âm tiết.</i></p> <p>3. <i>Tìm hiểu hệ thống âm vị tiếng Việt và các biến thể.</i></p> <p>4. <i>Tìm hiểu lỗi phát âm hệ thống âm vị của trẻ mầm non và học sinh tiểu học.</i></p>	<p>1. Sinh viên làm bài tập vào vở tự học (câu 1, 2).</p> <p>2. Sinh viên làm bài tập nạp vào hệ thống Cổng thông tin (Câu 3).</p> <p>3. Sinh viên chuẩn bị giấy A0 làm bài tập tại lớp (Câu 3, 4).</p>	<p>G1.2</p> <p>G2.1</p> <p>G2.4</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p> <p>G4.1</p> <p>G4.2</p> <p>G4.3</p> <p>G4.4</p> <p>G4.5</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2.</p> <p>2</p> <p>A1.2.</p> <p>6</p> <p>A3.1</p>

5.	<p><b>Chương 2: Ngữ âm tiếng Việt</b></p> <p><b>Bài 4: Một số vấn đề liên quan đến ngữ âm trong nhà trường</b></p> <p>4.1. Chữ viết</p> <p>4.1.1. Chữ viết</p> <p>4.1.2. Chữ viết tiếng Việt</p> <p>4.2. Chính tả</p> <p>4.2.1. Khái niệm chính tả</p> <p>4.2.2. Nội dung của chính tả</p> <p>4.2.3. Nguyên tắc xây dựng chính tả tiếng Việt</p> <p>4.2.4. Các quy tắc chính tả tiếng Việt</p>	<p><b>Giảng lý thuyết:</b> Bài 4 (4.1, 4.2); tài liệu GT [1]; TLTK [1]</p> <p><b>Thảo luận:</b> <i>Phân biệt chữ viết và chính tả; Phân biệt các loại chữ viết của tiếng Việt.</i></p> <p>Hướng dẫn bài tập: <i>Nhận diện lỗi và sửa lỗi chính tả theo ngữ liệu giảng viên cung cấp.</i></p> <p><b>Tự học:</b> Đọc GT, tài liệu tham khảo và làm bài tập sau:</p> <p>1. <i>Trình bày khái niệm và đặc điểm của chữ viết tiếng Việt; quy tắc chính tả tiếng Việt.</i></p> <p>2. <i>Tìm hiểu một số lỗi sai chính tả của học sinh tiểu học.</i></p> <p>3. <i>Tìm hiểu hoạt động cho trẻ Làm quen chữ cái ở trường mầm non.</i></p>	<p>1. Sinh viên chuẩn bị giấy A0 làm bài tập tại lớp (câu 2, 3).</p> <p>2. Sinh viên làm bài vào vở tự học (Câu 1, 2).</p> <p>3. Sinh viên nộp bài qua hệ thống Công thông tin (câu 2, 3).</p>	<p>G1.3</p> <p>G2.1</p> <p>G2.4</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p> <p>G4.1</p> <p>G4.2</p> <p>G4.3</p> <p>G4.4</p> <p>G4.5</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2.</p> <p>2</p> <p>A1.2.</p> <p>6</p> <p>A3.1</p>
6.	<p><b>Chương 2: Ngữ âm tiếng Việt</b></p> <p><b>Bài 4. Một số vấn đề liên quan đến ngữ âm trong nhà trường</b></p> <p>4.3. Ngữ điệu trong tiếng Việt</p> <p>4.3.1. Khái niệm ngữ điệu</p> <p>4.3.2. Vai trò</p>	<p><b>Giảng lý thuyết:</b> Bài 4 (4.3), tài liệu GT [1]; TLTK [1]</p> <p><b>Thảo luận:</b> <i>Vai trò của việc ngữ điệu giao tiếp và học tiếng Việt cho học sinh tiểu học và trẻ mầm non.</i></p> <p>Hướng dẫn bài tập: <i>Xác định ngữ điệu và thực hành thể hiện ngữ điệu theo ngữ liệu do giảng viên cung cấp.</i></p>	<p>1. Sinh viên làm bài tập vào vở tự học (Câu 2).</p> <p>2. Sinh viên nộp bài tập qua hệ thống Công thông tin (Câu 1).</p> <p>3. Sinh viên thực hành đọc, kể diễn cảm các tác phẩm thơ truyện trên lớp (Câu 3).</p>	<p>G1.3</p> <p>G2.1</p> <p>G2.4</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p> <p>G4.1</p> <p>G4.2</p> <p>G4.3</p> <p>G4.4</p> <p>G4.5</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2.</p> <p>2</p> <p>A1.2.</p> <p>6</p> <p>A3.1</p>

	<p>của ngữ điệu</p> <p>4.3.3. Các yếu tố ngữ điệu</p> <p>4.3.4. Ngữ điệu trong đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học trong nhà trường</p>	<p><b>Tự học:</b> Đọc GT, tài liệu tham khảo và làm bài tập sau:</p> <p>1. <i>Phân tích khái niệm ngữ điệu và đặc điểm ngữ điệu.</i></p> <p>2. <i>Tìm một số bài thơ và truyện dành cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học.</i></p> <p><i>và xác định ngữ điệu đọc/kể bài thơ, câu chuyện đó.</i></p> <p>3. <i>Thực hành đọc, kể diễn cảm các tác phẩm thơ, truyện đã sưu tầm.</i></p>			
7	<p>Chương 3: Từ vựng tiếng Việt</p> <p><i>Bài 1. Các đơn vị từ vựng tiếng Việt</i></p> <p>1.1. <i>Từ</i></p> <p>1.1.1. Khái niệm từ</p> <p>1.1.2. Khái niệm ngữ cố định</p> <p>1.1.3. Khái niệm từ vựng</p> <p>1.1.4. Đặc điểm của từ tiếng Việt</p> <p>1.2. <i>Thành ngữ</i></p> <p>1.2.1. Khái</p>	<p>Giảng lý thuyết:</p> <p>Bài 1 (1.1, 1.2); Tài liệu GT [1], GTTK [1], [2]</p> <p>Hướng dẫn bài tập:</p> <p><i>Xác định các đơn vị từ và thành ngữ do giảng viên cung cấp.</i></p> <p>Tự học: Đọc tài liệu và làm bài tập cụ thể sau:</p> <p>1. <i>Trình bày khái niệm từ, thành ngữ.</i></p> <p>2. <i>Trình bày đặc điểm của từ và thành ngữ tiếng Việt.</i></p> <p>3. <i>Tìm một số đoạn văn có chứa thành ngữ.</i></p> <p>4. <i>Xác định các đơn vị từ vựng (từ, thành ngữ) có trong đoạn văn đó.</i></p>	<p>1. Sinh viên làm bài tập vào vở tự học (Câu 1, 2).</p> <p>2. Sinh viên nộp sản phẩm qua hệ thống Cổng thông tin (câu 3).</p> <p>3. Sinh viên chuẩn bị giấy A0 để thực hành xác định các đơn vị từ vựng (từ, thành ngữ) theo ngữ liệu giảng viên cung cấp và của sinh viên sưu tầm.</p>	G1.4 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3 G4.1 G4.2 G4.3 G4.4 G4.5	A1.1 A1.2. 3 A1.2. 7 A3.1

	<p>niệm</p> <p>1.2.2. Đặc trung của thành ngữ</p> <p>1.2.3. Thành ngữ với các đơn vị có liên quan</p>				
8	<p><b>Chương 3: T</b></p> <p><b>vựng</b></p> <p><b>tiếng Việt</b></p> <p><b>Bài 2. Cấu tạo</b></p> <p><b>từ</b></p> <p><b>tiếng Việt</b></p> <p><b>2.1. Yếu tố cấu</b></p> <p><b>tạo từ</b></p> <p><b>2.2. Các</b></p> <p><b>phương thức</b></p> <p><b>cấu tạo từ tiếng</b></p> <p><b>Việt</b></p> <p>2.2.1. Từ đơn</p> <p>2.2.2. Từ ghép</p> <p>2.2.3. Từ láy</p>	<p><b>Giảng lý thuyết:</b> Bài 2 (2.1, 2.2); tài liệu GT [1]; TLTK [1], [2]</p> <p><b>Thảo luận:</b> <i>Phân biệt</i> <i>từ ghép và từ láy tiếng</i> <i>Việt.</i></p> <p><b>Hướng dẫn bài tập:</b> <i>Xác định cấu tạo từ (từ</i> <i>đơn, từ ghép, từ láy)</i> <i>theo ngữ liệu giảng</i> <i>viên cung cấp.</i></p> <p><b>Tự học:</b> Đọc tài liệu và làm bài tập cụ thể sau: 1. <i>Trình bày khái niệm</i> <i>và đặc điểm của từ</i> <i>đơn, từ ghép, từ láy (có</i> <i>ví dụ).</i> 2. <i>Phân biệt từ ghép và</i> <i>từ láy.</i> 3. <i>Tìm một số đoạn văn/</i> <i>bài thơ viết cho học sinh</i> <i>tiểu học hoặc trẻ mầm</i> <i>non có sử dụng nhiều từ</i> <i>láy, từ ghép.</i> 4. <i>Thực hành: Xác định</i></p>	<p>1. Sinh viên chuẩn bị giấy A0 để thảo luận nhóm (Câu 2).</p> <p>2. Sinh viên làm bài tập vào vở tự học (Câu 1, 3, 4).</p> <p>3. Sinh viên gửi kết quả bài tập qua hệ thống Cổng thông tin (Câu 3, 4).</p>	<p>G1.4</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>G2.3</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p> <p>G3.3</p> <p>G4.1</p> <p>G4.2</p> <p>G4.3</p> <p>G4.4</p> <p>G4.5</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2.</p> <p>3</p> <p>A1.2.</p> <p>7</p> <p>A3.1</p>

		<i>cấu tạo từ (từ đơn, từ ghép, từ láy) theo ngữ liệu giảng viên cung cấp.</i>			
9	<p><b>Chương 3: Từ vựng tiếng Việt</b></p> <p><b>Bài 3. Ý nghĩa của từ</b></p> <p>3.1. Nghĩa của từ</p> <p>3.1.1. Khái niệm</p> <p>3.1.2. Các thành phần nghĩa của từ</p> <p>3.1.3. Các loại nghĩa của từ.</p> <p>3.2. Các lớp từ có quan hệ về nghĩa trong tiếng Việt</p> <p>3.2.1. Từ đồng âm</p>	<p><b>Giảng Lý thuyết:</b> Bài 3 (3.1; 3.2); tài liệu GT [1]; TLTK [1], [2]</p> <p><b>Thảo luận:</b> <i>Vai trò của việc phát triển vốn từ đồng âm cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học.</i></p> <p><b>Hướng dẫn bài tập:</b> <i>Xác định từ, từ đồng âm theo ngữ liệu GV cung cấp hoặc SV tự tìm hiểu.</i></p> <p><b>Tự học:</b> Đọc tài liệu và làm bài tập sau:</p> <p>1. <i>Tìm hiểu khái niệm nghĩa của từ, các thành phần nghĩa của từ.</i></p> <p>2. <i>Trình bày khái niệm từ đồng âm và đặc điểm từ đồng âm trong tiếng Việt.</i></p> <p>3. <i>Tìm hiểu vai trò của việc phát triển vốn từ đồng âm cho học sinh tiểu học và trẻ mầm non.</i></p> <p>4. <i>Tìm một số đoạn văn/ bài thơ/ bài viết có sử dụng các từ đồng âm.</i></p> <p>5. <i>Thực hành xác định từ đồng âm theo ngữ liệu GV cung cấp hoặc</i></p>	<p>1. Sinh viên trình bày kết quả thảo luận nhóm (Câu 3, câu 4) trên giấy A0 hoặc trình bày máy chiếu (đã chuẩn bị ở nhà).</p> <p>2. Sinh viên làm bài tập ở vở tự học (Câu 1, 2).</p> <p>3. Sinh viên sản phẩm bài tập qua hệ thống Công thông tin (Câu 5).</p>	<p>G1.4</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>G2.3</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p> <p>G3.3</p> <p>G4.1</p> <p>G4.2</p> <p>G4.3</p> <p>G4.4</p> <p>G4.5</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2.</p> <p>3</p> <p>A1.2.</p> <p>7</p> <p>A3.1</p>

		<i>SV tự tìm hiểu.</i>			
10	<p><b>Chương 3: Từ vựng tiếng Việt</b></p> <p><b>Bài 3. Ý nghĩa của từ</b></p> <p>3.2. Các lớp từ có quan hệ về nghĩa trong tiếng Việt (tiếp)</p> <p>3.2.2. Từ đồng nghĩa</p> <p>3.2.2. Từ trái nghĩa</p> <p>3.2.3. Từ đa nghĩa</p>	<p><b>Giảng lý thuyết:</b> Bài 3 (3.2 tiếp theo); tài liệu GT [1], TLTK [1], [2].</p> <p><b>Thảo luận:</b> <i>Vai trò của việc phát triển vốn từ đồng nghĩa, trái nghĩa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học.</i></p> <p><b>Hướng dẫn bài tập:</b> <i>Xác định từ đa nghĩa, đồng nghĩa, từ trái nghĩa theo ngữ liệu giảng viên cung cấp hoặc SV tự tìm hiểu.</i></p> <p><b>Tự học:</b> Sinh viên đọc tài liệu và làm bài tập cụ thể sau:</p> <p>1. Tìm hiểu khái niệm và đặc điểm của các lớp từ: từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đa nghĩa.</p> <p>2. Tìm hiểu vai trò của việc phát triển vốn từ từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đa nghĩa cho học sinh tiểu học và trẻ mầm non.</p> <p>3. Tìm một số đoạn văn/ bài thơ/ bài viết có sử dụng các từ từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa và từ đa nghĩa.</p> <p>4. Thực hành giải các bài tập về từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đa nghĩa.</p>	<p>1. Sinh viên trình bày kết quả thảo luận nhóm (đã chuẩn bị sẵn ở nhà) bằng máy chiếu (Câu 2).</p> <p>2. Sinh viên chuẩn bị bài vào vở tự học (Câu 1).</p> <p>3. Sinh viên nộp sản phẩm qua hệ thống cổng thông sau khi học bài này theo hệ thống Cổng thông tin (Câu 3, câu 4).</p>	<p>G1.4</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>G2.3</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p> <p>G3.3</p> <p>G4.1</p> <p>G4.2</p> <p>G4.3</p> <p>G4.4</p> <p>G4.5</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2.</p> <p>3</p> <p>A1.2.</p> <p>7</p> <p>A3.1</p>

11	<p><b>Chương 3: Từ vựng tiếng Việt</b>  <b>Bài 4. Các lớp từ phân loại theo nguồn gốc</b>  4.1. Từ thuần Việt  4.1.1. Khái niệm  4.1.2. Đặc điểm từ thuần Việt  4.2. Từ vay mượn  4.2.1. Khái niệm  4.2.2. Từ gốc Hán  4.2.3. Từ gốc Ấn Âu</p>	<p><b>Giảng lý thuyết:</b> Bài 4 (4.1, 4.2); tài liệu GT [1], TLTK [1], [2].  <b>Thảo luận:</b> Nguồn gốc của từ tiếng Việt.  <b>Hướng dẫn bài tập:</b> Xác định từ Thuần Việt, Từ gốc Hán và từ Ấn Âu theo ngữ liệu giảng viên cung cấp.  <b>Tự học:</b> Sinh viên đọc tài liệu và làm bài tập cụ thể sau:  1. Tìm hiểu khái niệm và đặc điểm của từ Thuần Việt và từ vay mượn (gốc Hán và gốc Ấn Âu).  2. Tìm một số đoạn văn/ bài thơ/ bài viết có sử dụng các từ gốc Hán và Ấn Âu.  3. Thực hành xác định từ từ Thuần Việt, Từ gốc Hán và từ Ấn Âu theo ngữ liệu giảng viên cung cấp.</p>	<p>1. Sinh viên trình bày kết quả thảo luận nhóm (đã chuẩn bị sẵn ở nhà) bằng máy chiếu (Câu 2).  2. Sinh viên chuẩn bị bài vào vở tự học (Câu 1) và làm bài tập (Câu 3) sau khi học xong bài này.  3. Sinh viên nộp sản phẩm qua hệ thống công thông sau khi học bài này theo hệ thống Công thông tin (Câu 3).</p>	G1.4 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3 G4.1 G4.2 G4.3 G4.4 G4.5	A1.1 A1.2. 3 A1.2. 7 A3.1
12	<p><b>Chương 4: Ngữ pháp tiếng Việt</b>  <b>Bài 1: Từ loại tiếng Việt</b>  1.1. Khái niệm từ loại  1.2. Các tiêu chí phân loại  1.2.1. Dựa vào ý nghĩa khái</p>	<p><b>Giảng lý thuyết:</b> Bài 1 (1.1, 1.2, 1.3), tài liệu GT [1], TLTK [3]  <b>Thảo luận:</b> Trình bày khái niệm từ loại và tiêu chí xác định từ loại tiếng Việt.  <b>Hướng dẫn bài tập:</b> Xác định từ loại của các từ theo ngữ liệu giảng viên cung cấp.</p>	<p>1. Sinh viên làm bài tập vào vở tự học trước khi đến lớp (Câu 1) và sau khi học xong bài này (Câu 4).  2. Sinh viên trình bày kết quả hoạt động nhóm (qua giấy A0 hoặc máy chiếu) trên lớp học (câu 1,</p>	G1.5 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3 G4.1 G4.2 G4.3 G4.4	A1.1 A1.2. 4 A1.2. 8 A3.1

	<p>quát</p> <p>1.2.2. Dựa vào khả năng kết hợp</p> <p>1.2.3. Dựa vào chức năng ngữ pháp</p> <p>1.3. Các từ loại tiếng Việt</p> <p>1.3.1. Danh từ</p> <p>1.3.2. Động từ</p> <p>1.3.3. Tính từ</p> <p>1.3.4. Đại từ</p> <p>1.3.5. Số từ</p> <p>1.3.6. Phụ từ</p> <p>1.3.7. Quan hệ từ</p> <p>1.3.8. Trợ từ</p> <p>1.3.9. Tình thái từ</p>	<p><b>Tự học:</b> Sinh viên đọc tài liệu và làm bài tập cụ thể sau:</p> <p>1. <i>Tìm hiểu và trình bày khái niệm Từ loại và các tiêu chí phân chia từ loại.</i></p> <p>2. <i>Trình bày khái niệm và đặc điểm của các từ loại tiếng Việt.</i></p> <p>3. <i>Sưu tầm một số đoạn văn và bài thơ viết cho thiếu nhi.</i></p> <p>4. <i>Thực hành xác định từ loại của các từ loại trong các bài thơ, đoạn văn do sinh viên sưu tầm hoặc do giảng viên cung cấp.</i></p>	<p>2, 3) theo nhóm 1, 2, 3.</p> <p>3. Sinh viên nộp sản phẩm qua hệ thống cổng Thông tin (Câu 3).</p>	G4.5	
13	<p><b>Chương 4: Ngữ pháp tiếng Việt</b></p> <p><b>Bài 2: Câu tiếng Việt</b></p> <p>2.1. Định nghĩa câu</p> <p>2.2. Đặc điểm của câu</p> <p>2.3. Cấu tạo câu tiếng Việt và các kiểu câu phân loại theo cấu tạo</p> <p>2.3.1. Cấu tạo câu</p> <p>2.3.2. Phân loại</p>	<p><b>Giảng lý thuyết:</b> Bài 2 (2.1, 2.2, 2.3), tài liệu GT [1], TLTK [3]</p> <p><b>Thảo luận:</b> Phân biệt câu đơn, câu ghép.</p> <p><b>Hướng dẫn bài tập:</b> Xác định cấu tạo câu theo ngữ liệu giảng viên cung cấp.</p> <p><b>Tự học:</b> Sinh viên đọc tài liệu và làm bài tập cụ thể sau:</p> <p>1. <i>Tìm hiểu và trình bày các nội dung sau: định nghĩa Câu, Đặc điểm Câu,</i></p> <p>2. <i>Trình bày các thành</i></p>	<p>1. Sinh viên làm bài tập vào vở tự học trước khi học bài này (Câu 1, câu 2, câu 3).</p> <p>2. Sinh viên chuẩn bị giấy A0 để thảo luận nhóm (Câu 4, tức là phần Thảo luận).</p> <p>3. Sinh viên nộp sản phẩm qua hệ thống Cổng thông tin (Câu 5, câu 6) sau khi thực hành trên lớp.</p>	G1.6 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3 G4.1 G4.2 G4.3 G4.4 G4.5	A1.1 A1.2. 4 A1.2. 8 A3.1

	câu theo cấu tạo	<p><i>phân câu.</i></p> <p>3. Trình bày các kiểu câu theo cấu tạo ngữ pháp.</p> <p>4. Phân biệt câu đơn và câu ghép.</p> <p>5. Thực hành xác định các kiểu câu theo cấu tạo ngữ pháp.</p> <p>6. Thực hành: Viết các kiểu câu theo cấu tạo ngữ pháp.</p>			
14	<p><b>Chương 4: Ngữ pháp tiếng Việt</b></p> <p><b>Bài 2. Câu tiếng Việt</b></p> <p>2.4. Các kiểu câu phân loại theo mục đích phát ngôn</p> <p>4.2.1. Câu kể</p> <p>4.2.2. Câu hỏi</p> <p>4.2.3. Câu cầu khiến</p> <p>4.2.4. Câu cảm thán</p>	<p><b>Giảng lý thuyết:</b> Bài 2 (2.4), tài liệu GT [1], TLTK [3].</p> <p><b>Thảo luận:</b> Đặc điểm của các kiểu câu phân loại theo mục đích phát ngôn.</p> <p><b>Hướng dẫn bài tập:</b> Xác định các câu theo mục đích nói xét theo ngữ liệu giảng viên cung cấp.</p> <p><b>Tự học:</b> Sinh viên đọc tài liệu và làm bài tập cụ thể sau:</p> <p>1. Trình bày các kiểu câu xét theo mục đích phát ngôn</p> <p>2. Tìm hiểu khả năng sử dụng các kiểu câu phân loại theo mục đích nói của trẻ mầm non và học sinh tiểu học.</p> <p>3. Sưu tầm một số đoạn văn có lời hội thoại (tác phẩm viết cho thiếu nhi nói riêng, văn</p>	<p>1. Sinh viên làm bài tập vào vở tự học trước khi đến lớp (Câu 1, 2) và sau khi học xong bài này (Câu 4, Câu 5).</p> <p>2. Sinh viên trình bày kết quả hoạt động nhóm (qua giấy A0 hoặc máy chiếu) trên lớp học (Câu 1, Câu 2) theo nhóm 1, 2, 3.</p> <p>3. Sinh viên nộp sản phẩm qua hệ thống cổng Thông tin (Câu 3).</p>	<p>G1.6</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>G2.3</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p> <p>G3.3</p> <p>G4.1</p> <p>G4.2</p> <p>G4.3</p> <p>G4.4</p> <p>G4.5</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2.</p> <p>4</p> <p>A1.2.</p> <p>8</p> <p>A3.1</p>

		<p>xuôi nói chung).</p> <p>4. Thực hành: Xác định các kiểu câu xét theo mục đích phát ngôn.</p> <p>5. Thực hành: Viết các câu theo mục đích phát ngôn.</p>			
15	<p><b>Chương 4:</b> <b>Ngữ pháp tiếng Việt</b> <b>Bài 3. Dấu câu tiếng Việt</b> 3.1. Công dụng và căn cứ để sử dụng dấu câu 3.2. Các dấu câu tiếng Việt</p>	<p><b>Giảng lý thuyết:</b> Bài 3 (3.1, 3.2), tài liệu GT [1]; TLTK [3]</p> <p><b>Thảo luận:</b> Công dụng của bộ dấu câu trong tiếng Việt.</p> <p><b>Bài tập:</b> Xác định dấu câu và công dụng của dấu câu theo ngữ liệu giảng viên cung cấp.</p> <p><b>Tự học:</b> Sinh viên đọc tài liệu và làm bài tập cụ thể sau:</p> <p>1. Tìm hiểu các kiểu dấu câu và công dụng dấu câu.</p> <p>2. Suu tầm các đoạn văn viết cho thiếu nhi trong sách Tiếng Việt (dành cho học sinh tiểu học), Thơ/Truyện (dành cho trẻ mầm non).</p> <p>3. Thực hành: Xác định dấu câu và công dụng của dấu câu theo ngữ liệu giảng viên cung cấp hoặc sinh viên sưu tầm được.</p> <p>4. Thực hành: Viết các đoạn văn có vận dụng dấu câu.</p>	<p>1. Sinh viên làm bài tập vào vở tự học trước khi đến lớp (Câu 1, 2)</p> <p>2. Sinh viên trình bày kết quả hoạt động nhóm (qua giấy A0 hoặc máy chiếu) trên lớp học (Câu 3) theo nhóm 1, 2, 3...</p> <p>3. Sinh viên nộp sản phẩm qua hệ thống công Thông tin (Câu 2, Câu 3, câu 4) sau khi thực hành bài tập trên lớp.</p>	<p>G1.7 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3 G4.1 G4.2 G4.3 G4.4 G4.5</p>	<p>A1.1 A1.2. 4 A1.2. 8 A3.1</p>

## **7. Nguồn học liệu** (các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, ...)

### **Tài liệu chính:**

[1]. Nguyễn Xuân Khoa, Tiếng Việt, NXB Đại học Sư phạm, 2008

### **Tài liệu tham khảo:**

[1]. Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến (1992), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, NXB ĐH&THCN, Hà Nội.

[2]. Đinh Trọng Lạc, Nguyễn Thái Hoà (1993), *Phong cách học tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[3]. Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[4]. Đoàn Thiện Thuật (2000), *Ngữ âm tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[5]. Nguyễn Thiện Giáp, *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục VN, 2013

[6] Trần Thị Hoàng Yến (2013), *Tiếng Việt*, NXB Trường Đại học Vinh.

## **8. Quy định của môn học**

Để đạt được mục tiêu của học phần, sinh viên phải thực hiện đầy đủ và đúng thời gian qui định bài tập thực hành trong từng chương. Vở bài tập thực hành phải nộp sau mỗi chương để giảng viên lưu vào hồ sơ học tập. Sản phẩm tự học và hoạt động nhóm cũng nộp sau mỗi chương.

Sinh viên phải tham gia ít nhất 80% số tiết lên lớp của học phần mới đủ điều kiện tham gia kì thi Đánh giá cuối kì.

## **9. Phụ trách môn học**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

- Địa chỉ/email: yentth@vinhuni.edu.com

**10. Ngày phê duyệt:** 10/04/2017

**11. Cấp phê duyệt:**

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC TRẺ EM**

**1. Thông tin tổng quát:**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: Phan Quốc Lâm

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: K6, Bến Thủy, Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0912079483. Email: [lampq@vinhuni.edu.vn](mailto:lampq@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học chuyên ngành

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: Dương Thị Thanh Thanh

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: phường Vinh Tân, Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0904 768 538. Email: [thanhdtt@vinhuni.edu.vn](mailto:thanhdtt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học chuyên ngành

**Giảng viên 3:**

Họ và tên: Lê Thục Anh

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Hưng Phúc, Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0912657006; email: [anhlt@vinhuni.edu.vn](mailto:anhlt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học chuyên ngành

**Giảng viên 4:**

Họ và tên: Hồ Thị Hạnh

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Xóm 16 Hưng Lộc.

Điện thoại: 0915 125 345. Email: [hanhht@vinhuni.edu.vn](mailto:hanhht@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học chuyên ngành

**1.2. Thông tin về học phần**

- Tên học phần (tiếng Việt): Tâm lý học giáo dục trẻ em (tiếng Anh): Psychology for children education
---

- Mã số học phần:
-------------------

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
---------------------------------

<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành
<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
<input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung	<input type="checkbox"/> Học phần đồ án tốt nghiệp
- Số tín chỉ:	5
+ Số tiết lý thuyết:	60
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	9
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	6
+ Số tiết tự học:	150
- Học phần tiên quyết:	Tâm lý học
- Học phần song hành:	Giáo dục học

## 2. Mô tả học phần

Học phần Tâm lý học giáo dục trẻ em là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành dành cho ngành Giáo dục tiểu học và ngành Giáo dục Mầm non. Học phần Tâm lý học giáo dục trẻ em cung cấp cho người học những kiến thức về đặc điểm, qui luật phát triển tâm lý trẻ em nảy sinh trong cuộc sống, trong dạy học, giáo dục; cơ sở tâm lý của quá trình dạy học, giáo dục trẻ em; những khó khăn tâm lý của trẻ em và vai trò của giáo viên trong tư vấn, trợ giúp cho trẻ em gặp khó khăn tâm lý; đặc trưng lao động sư phạm của người giáo viên Tiểu học (TH), giáo viên Mầm non (MN); Qua đó người học có thể đánh giá, giải thích được một cách khoa học các hiện tượng tâm lý nảy sinh ở trẻ em trong cuộc sống và trong dạy học, giáo dục ở trường Tiểu học, Mầm non; vận dụng vào hoạt động tư vấn, trợ giúp, dạy học và giáo dục trẻ em; hình thành và phát triển các năng lực nghề nghiệp cho người giáo viên Tiểu học và giáo viên Mầm non.

*Ghi chú: “trẻ em” về lứa tuổi được hiểu là từ khi sinh ra đến 18 tuổi, tuy nhiên trong học phần TLH giáo dục trẻ em, “trẻ em” chủ yếu được tập trung ở lứa tuổi Mầm non và lứa tuổi Tiểu học*

## 3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	TĐNL
<b>G1</b>	Có kiến thức về sự phát triển tâm lý trẻ em, phương pháp nghiên cứu tâm lý trẻ em; cơ sở tâm lý học của quá trình dạy học và giáo dục trẻ em; khó khăn tâm lý của trẻ em và hoạt động trợ giúp tâm lý trong trường học; đặc trưng lao động sư phạm của người giáo viên TH, MN.	1.1.4; 1.2.1; 1.3.2;	3.5
<b>G2</b>	- Vận dụng được kiến thức đã lĩnh hội vào việc nghiên cứu, tìm hiểu, giải thích các hiện tượng tâm lý nảy sinh ở trẻ em trong giáo dục và trong cuộc	2.1.1; 2.1.2; 2.1.3; 2.2.1; 2.2.2; 2.3.1; 2.4.1; 2.4.4; 2.5.1;	3.5

	sống; - Vận dụng vào tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường TH, MN; - Có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề trong dạy học và giáo dục ở trường TH, MN; - Hoàn thiện nhân cách người giáo viên TH, MN đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.	2.5.2; 2.5.3; 2.5.4;	
<b>G3</b>	Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm	3.1.1; 3.1.2; 3.1.3; 3.2.1; 3.2.2;	3.0
<b>G4</b>	Có kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết hợp lý các tình huống nảy sinh trong quá trình giáo dục (ở trường TH, MN) trên cơ sở lý luận về tâm lý học.	4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.2.2; 4.3.1; 4.4.1; 4.4.2; 4.4.3; 4.5.3; 4.6.1;	3.5

#### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mục tiêu (Gx.x)	Mô tả CDR	Mức độ giảng dạy
<b>G1</b>	<b>G1.1</b> Mô tả được các vấn đề lý luận về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của TLH giáo dục trẻ em, quan hệ giữa Tâm lý học giáo dục trẻ em với các chuyên ngành khác	I
	<b>G1.2</b> Trình bày được các thuyết tâm lý học về trẻ em và sự phát triển tâm lý trẻ em;	I,T
	<b>G1.3</b> Xác định, phân tích được cơ sở tâm lý học của hoạt động giáo dục cho trẻ em mầm non, áp dụng vào hoạt động giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.	I,T,U
	<b>G1.4</b> Xác định, phân tích được cơ sở tâm lý học của hoạt động giáo dục cho học sinh tiểu học, áp dụng vào hoạt động giáo dục và dạy học tiểu học	I,T,U
	<b>G1.5</b> Nhận biết được cơ sở tâm lý học của quản lý lớp học (trường TH, MN) và áp dụng vào xây dựng môi trường học tập hiệu quả trong giáo dục trẻ em.	I,T,U
	<b>G1.6</b> Nhận diện được một số khó khăn tâm lý của trẻ em và sự trợ giúp tâm lý trong trường học (trường TH, MN).	T,U
	<b>G1.7</b> Làm rõ năng lực sư phạm của người giáo viên TH, MN.	T,U
<b>G2.1</b>	Vận dụng được kiến thức đã lĩnh hội vào việc nghiên cứu, tìm hiểu, giải thích các hiện tượng tâm lý trẻ em lứa tuổi TH, MN.	T,U

<b>G2</b>	<b>G2.2</b>	Vận dụng vào tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường TH, MN;	U
	<b>G2.3</b>	Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề trong dạy học và giáo dục ở trường TH, MN;	U
	<b>G2.4</b>	Phát triển các năng lực sư phạm người giáo viên TH, MN	U
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Có kỹ năng làm việc nhóm trong việc giải quyết các nhiệm vụ học tập	U
	<b>G3.2</b>	Có kỹ năng giao tiếp sư phạm trong trường TH, MN	U
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Có kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết hợp lý các tình huống nảy sinh trong quá trình giáo dục ở trường TH, MN	T, U

### 5. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>60%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</b>			<b>10%</b>
A1.1.1.	Mức độ chuyên cần và đảm bảo giờ giấc (điểm danh theo từng buổi)	G1.1- G4.1	5%
A1.1.2.	Thái độ hợp tác với giảng viên và các thành viên trong nhóm, lớp, thể hiện được sự tiến bộ trong quá trình học.	G1.1- G4.1	5%
<b>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</b>			<b>20%</b>
A1.2.1	Vở giải bài tập chương 3,4	G1.4, G1.5, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, G4.1	10%
A1.2.2	Sản phẩm hoạt động nhóm chương 5,6,7	G1.5, G1.6, G1.7, G2.4, G3.1, G3.2, G4.1	10%
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)</b>			<b>30%</b>
Test online	A1.3.1.	G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3	15%
	A1.3.2.	G1.4, G1.5, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, G4.1	15%
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>			<b>40%</b>
Test online	Nội dung bao quát tất cả các chuẩn đầu ra quan trọng của môn học.	G1.2- G4.2	40%

## 6. Kế hoạch giảng dạy

### Lý thuyết:

Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức DH	Chuẩn bị của SV	CDR học phần	Bài đánh giá
1	<p>Chương 1. NHẬP MÔN TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC TRẺ EM</p> <p>1.1. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học giáo dục trẻ em</p> <p>1.2. Quan hệ giữa Tâm lý học giáo dục trẻ em với các chuyên ngành khác</p>	<p>- Thuyết trình: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide</p> <p>- Tự học: Tìm hiểu về đối tượng, nhiệm vụ, và các phương pháp của tâm lý học giáo dục trẻ em.</p>	<p><b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b></p> <p>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo chương 1</p> <p>- Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập</p> <p>- Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm của môn học</p> <p><b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b></p> <p>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo</p> <p>- Vở tự học của cá nhân</p>	G1.1	A1.1.
2,3	<p>Chương 2. LÝ LUẬN VỀ SỰ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ TRẺ EM</p> <p>2.1. Quan niệm của các thuyết tâm lý học về trẻ em và sự phát triển tâm lý trẻ em</p> <p>2.2. Các giai đoạn của sự phát triển tâm lý trẻ em theo Tâm lý học hoạt động</p>	<p>- Thuyết trình: Sự phát triển tâm lý trẻ em</p> <p>- Thảo luận: “sự phát triển tâm lý trẻ em”</p> <p>- Tự học: Tìm hiểu cơ chế, quy luật phát triển tâm lý cá nhân qua các giai đoạn lứa tuổi</p>	<p>- Nghiên cứu tài liệu: hoạt động, giao tiếp và sự hình thành, phát triển tâm lý.</p> <p>- SV phải nộp sản phẩm hoạt động nhóm: Lập kế hoạch cho một cuộc giao tiếp</p>	G1.2 G2.1	A1.1, A1.2, 1, A1.3, A2
4,5,6	<p>Chương 3. CƠ SỞ TÂM LÝ HỌC</p>	<p>- Thuyết trình:</p> <p>- <b>Bài tập:</b> Sinh viên</p>	<p>- Nghiên cứu tài liệu: Nghiên cứu và giải</p>	G1.3 G2.1	A1.1. A1.2.

	<p>CỦA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CHO TRẺ MẦM NON</p> <p>3.1. Tuổi sơ sinh và hài nhi (0 - 1 tuổi)</p> <p>3.2. Tuổi vườn trẻ (1-3 tuổi)</p> <p>3.3. Tuổi mẫu giáo (3-6 tuổi)</p>	<p>làm các bài tập chương 3.</p>	<p>quyết được các bài tập tình huống theo nhiệm vụ học tập.</p> <p>- SV phải có sản phẩm bài tập.</p>	<p>G2.2</p> <p>G2.3</p>	<p>1,</p> <p>A1.3,</p> <p>A2</p>
7,8,9	<p>Chương 4. CƠ SỞ TÂM LÝ HỌC CỦA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC</p> <p>4.1. Môi trường nhà trường và hoạt động học của học sinh tiểu học</p> <p>4.2. Sự phát triển tâm lý học sinh tiểu học trong dạy học và giáo dục</p>	<p>- Thuyết trình: Những cơ sở khoa học tâm lý về hoạt động giáo dục cho học sinh tiểu học.</p> <p>- <b>Bài tập:</b> Sinh viên làm các bài tập chương 4.</p>	<p>- Nghiên cứu tài liệu: Nghiên cứu và giải quyết được các bài tập tình huống theo nhiệm vụ học tập</p> <p>- SV phải có sản phẩm bài tập.</p>	<p>G1.4</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>G2.3</p>	<p>A1.1.</p> <p>A1.2.</p> <p>1,</p> <p>A1.3,</p> <p>A2</p>
10, 11	<p>Chương 5. CƠ SỞ TÂM LÝ HỌC CỦA QUẢN LÝ LỚP HỌC TRONG TRƯỜNG HỌC TIỂU HỌC/MẦM NON</p> <p>5.1. Lớp học và quản lý lớp học</p> <p>5.2. Xây dựng môi trường học tập tích cực trong trường Tiểu học/Mầm non</p> <p>5.3. Duy trì môi trường học tập tích</p>	<p>- Thuyết trình:</p> <p>- <b>Hoạt động nhóm:</b> Tại sao quản lý lớp học là yếu tố không thể thiếu trong hoạt động dạy học và giáo dục của người giáo viên? Vận dụng trong quản lý lớp học ở trường TH/MN.</p> <p>+ Thuyết trình kết quả hoạt động nhóm trước lớp</p> <p>+ Đặt câu hỏi</p>	<p>- Nghiên cứu tài liệu:</p> <p>+ Lớp học và quản lý lớp học</p> <p>+ Xây dựng môi trường học tập tích cực</p> <p>+ Duy trì môi trường học tập tích cực</p> <p>- SV phải nộp sản phẩm hoạt động nhóm</p>	<p>G1.5</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p> <p>G4.1</p>	<p>A1.1.</p> <p>A1.2,</p> <p>A1.3,</p> <p>A2</p>

	cực trong trường Tiểu học/Mầm non	+ Tranh luận + Nhận xét, đánh giá			
12, 13	<p><b>Chương 6. TRỢ GIÚP TÂM LÝ TRẺ EM TRONG TRƯỜNG HỌC TIỂU HỌC/MẦM NON</b></p> <p>6.1. Những vấn đề chung về trợ giúp tâm lý trong trường Tiểu học/Mầm non</p> <p>6.2. Những khó khăn tâm lý của trẻ em và hoạt động trợ giúp tâm lý trong trường Tiểu học/Mầm non</p> <p>6.3. Một số vấn đề cần lưu ý khi đánh giá tâm lý trẻ em</p>	<p>- Thuyết trình: những khó khăn tâm lý trẻ em thường gặp, các nguyên tắc đạo đức và kỹ năng cơ bản trong hỗ trợ tâm lý trẻ em.</p> <p><b>- Hoạt động nhóm:</b></p> <p>+ SV ngành GDTH phân tích các khó khăn tâm lý cơ bản của học sinh tiểu học.</p> <p>+ SV ngành GDMN phân tích các khó khăn tâm lý cơ bản của trẻ mầm non.</p>	<p>- Nghiên cứu tài liệu: Tìm hiểu bản chất và vai trò của hỗ trợ tâm lý trong nhà trường đối với hoạt động dạy học và giáo dục.</p> <p>- SV phải nộp sản phẩm hoạt động nhóm: Các khó khăn tâm lý cơ bản của học sinh tiểu học và trẻ mầm non.</p>	G1.6 G3.1 G4.1	A1.1. A1.2, A1.3. 2, A2
14, 15	<p><b>Chương 7. NĂNG LỰC SỰ PHẠM CỦA NGƯỜI GIÁO VIÊN TIỂU HỌC/MẦM NON</b></p> <p>7.1. Đặc điểm lao động sự phạm của người giáo viên Tiểu học/Mầm non</p> <p>7.2. Năng lực sự phạm của người giáo viên Tiểu học/Mầm non</p>	<p>- Thuyết trình:</p> <p><b>- Hoạt động nhóm:</b></p> <p>Con đường tăng cường uy tín của người giáo viên Tiểu học, Mầm non.</p>	<p>- Nghiên cứu tài liệu:</p> <p>- SV phải nộp sản phẩm: đề cương thảo luận Con đường tăng cường uy tín của người giáo viên Tiểu học, Mầm non</p>	G1.7 G2.4 G3.1 G3.2 G4.1	A1.1. A1.2, A1.3. 2, A2

## 7. Nguồn học liệu (các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, ...)

### Tài liệu chính:

[1] Nguyễn Ánh Tuyết, *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB ĐH Sư phạm, 2003

[2] Phan Quốc Lâm, Nguyễn Thị Mỹ Trinh, *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sự phạm*, NXB GDVN, 2009.

**Tài liệu tham khảo:**

[3] Lê Văn Hồng, *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB ĐHQG Hà nội, 2001.

[4] Nguyễn Quang Uẩn, *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009.

**8. Quy định của học phần**

- Để đạt được mục tiêu của học phần, sinh viên phải thực hiện đầy đủ và đúng thời gian qui định bài tập thực hành trong từng chương. Với bài tập thực hành phải nộp sau mỗi chương để giảng viên lưu vào hồ sơ học tập. Sản phẩm tự học và hoạt động nhóm cũng nộp sau mỗi chương.

- Sinh viên phải tham gia ít nhất 80% số tiết lên lớp của học phần mới đủ điều kiện thi Kết thúc học phần.

**9. Phụ trách học phần**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Tâm lý học

- Địa chỉ/email: [thanhdt@vinhuni.edu.vn](mailto:thanhdt@vinhuni.edu.vn)

**10. Ngày phê duyệt:** 10/04/2017

**11. Cấp phê duyệt:**

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: TOÁN CƠ SỞ**

**1. Thông tin tổng quát:**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Châu Giang

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Trường thực hành sư phạm - Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0912414359

Email: [chaugiangdhv@vinhuni.edu.vn](mailto:chaugiangdhv@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Toán và phương pháp dạy học bộ môn Toán

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: Phạm Thị Hải Châu

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0915386787

Email: [chauphamhai@gmail.com](mailto:chauphamhai@gmail.com)

Các hướng nghiên cứu chính: Toán và phương pháp dạy học bộ môn Toán

**Giảng viên 3:**

Họ và tên: Nguyễn Tiến Dũng

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0963414848

Email: [dungnt@vinhuni.edu.vn](mailto:dungnt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Toán và phương pháp dạy học bộ môn Toán

**1.2. Thông tin về học phần:**

- Tên học phần (tiếng Việt): TOÁN CƠ SỞ (tiếng Anh): FUNDAMENTAL MATHEMATICS	
- Mã số học phần: EDU20008	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác <input type="checkbox"/> Môn học đề án tốt nghiệp	
- Số tín chỉ:	3
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	0

+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần song hành:	

## 2. Mô tả học phần

Học phần *Toán cơ sở* trang bị những kiến thức cơ bản về lý thuyết tập hợp, logic toán, lý thuyết về số tự nhiên có liên quan đến việc dạy học toán cho học sinh tiểu học và hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non; rèn luyện cho sinh viên năng lực tư duy logic, suy luận, phán đoán, giải quyết vấn đề.

## 3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu <i>Học phần này giúp sinh viên:</i>	CDR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	Nắm vững các kiến thức cơ bản về lý thuyết tập hợp, logic toán và lý thuyết số tự nhiên.	1.2.2	3.0
G2	Vận dụng được kiến thức về lý thuyết tập hợp, logic toán, lý thuyết số tự nhiên vào giải quyết vấn đề. Từ đó nhận thấy được tầm quan trọng của ý thức, tinh thần, thái độ trong học tập và rèn luyện một số kỹ năng nghề nghiệp thông qua các hoạt động giải toán.	2.1.1	3.0
		2.1.3	3.0
		2.4.6	3.0
G3	Có kỹ năng làm việc theo nhóm, có khả năng giao tiếp, thuyết trình để giải thích những vấn đề về lý thuyết tập hợp, logic toán và lý thuyết tập hợp số tự nhiên trong nhóm cũng như trước lớp	3.1.2	3.0
		3.2.3	3.5
G4	Phân tích cơ sở và mối liên hệ của nội dung, phương pháp dạy học toán ở tiểu học và hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non với một số kiến thức về lý thuyết tập hợp, logic toán, lý thuyết số tự nhiên.	4.3.2	3.5

## 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mục tiêu (Gx.x)	Mô tả CDR	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
G1 G1.1	<i>Phân tích</i> được các khái niệm cơ bản của lý thuyết tập hợp, logic toán và lý thuyết số tự nhiên.	T

	<b>G1.2</b>	<i>Minh họa</i> được các khái niệm cơ bản của lý thuyết tập hợp, logic toán và lý thuyết số tự nhiên.	I, T
	<b>G1.3</b>	<i>Trình bày</i> được các tính chất, định lý liên quan đến lý thuyết tập hợp, logic toán và lý thuyết số tự nhiên..	I, T, U
<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	<i>Giải quyết</i> được các bài toán trong nội bộ toán học và trong thực tiễn có liên quan đến lý thuyết tập hợp, logic toán và lý thuyết số tự nhiên.	T, U
	<b>G2.2</b>	<i>Nhận thức</i> được tầm quan trọng của tính tích cực, tự giác và độc lập trong học tập.	U
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	<i>Có khả năng</i> phân công, hợp tác và chia sẻ trách nhiệm với bạn bè khi thực hiện các nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra.	U
	<b>G3.2</b>	<i>Có khả năng</i> trình bày các vấn đề trong quá trình học tập.	U
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	<i>Liên hệ</i> được kiến thức của lý thuyết tập hợp, logic toán, số tự nhiên trong quá trình dạy học ở toán tiểu học và hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non.	I, U
	<b>G4.2</b>	<i>Vận dụng</i> được kiến thức, kỹ năng toán cơ sở vào một số nội dung dạy học toán ở tiểu học và hình thành biểu tượng toán ở mầm non.	I, U

## 5. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR học phần (Gx.x)	Tỷ lệ (%)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập</b>			<b>10%</b>
Số buổi tham gia học tại lớp.	A1.1.1. Chuyên cần - Vắng 1 buổi có xin phép, trừ 0,5 điểm - Vắng 1 buổi không xin phép, trừ 1 điểm	G2.2	5%

Thể hiện ý thức học tập, sự chú ý, hiểu biết sâu về nội dung bài học.	A1.1.2. Tinh thần, thái độ học tập - Đi học đúng giờ - Nghe giảng và ghi bài - Phát biểu, xây dựng bài	G2.2; G3.1; G3.2	5%
<b>A1.2. Hồ sơ học phần</b>			<b>20%</b>
Làm đủ và đúng các bài tập GV yêu cầu;	A1.2.1. Vở bài tập Làm bài tập theo hướng dẫn của giáo viên, bao gồm cả nội dung tự học	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G3.2, G4.1, G4.2	10%
Mức độ tham gia hoạt động nhóm (có tiêu chí kèm theo)	A1.2.2. Hoạt động nhóm Sinh viên trong nhóm tự đánh giá	G2.2; G3.1 G3.2	10%
<b>A1.3. Đánh giá giữa kỳ</b>			<b>20%</b>
Thực hiện tốt bài kiểm tra về các kiến thức, kỹ năng tín chỉ thứ nhất	A1.3.1. Bài kiểm tra giữa kỳ - Thời gian: 35 phút - Hình thức: Trắc nghiệm - Nội dung: Tín chỉ thứ nhất	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G4.1, G4.2	20%
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ</b>			<b>50%</b>
<b>HP Lý thuyết</b>	A2.1. Bài thi cuối kỳ - Thời gian: 60 phút - Hình thức: Trắc nghiệm - Nội dung: Toàn bộ học phần	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G4.1, G4.2	50%

## 6. Kế hoạch giảng dạy

### Lý thuyết

Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức DH	Chuẩn bị của SV	CĐR học phần	Bài đánh giá
1.	Chương 1. <b>Những vấn đề cơ bản của lý thuyết tập hợp</b> 1. Tập hợp 1.1. Các khái niệm cơ bản về tập hợp <i>1.1.1. Khái niệm tập hợp</i> <i>1.1.2. Sự xác định một tập hợp</i>	- <b>Giảng lý thuyết:</b> 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3, 1.1.4, 1.1.5, 1.2.1 - <b>Tự học:</b> 1.2.2, 1.2.3 - <b>Bài tập trên lớp:</b> Giải bài toán về xác định tập hợp; Xét mối quan hệ bao hàm và bằng nhau giữa hai tập	- Đọc trước TL [1], các mục: 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 (tr.5-9); 2.1, 2.2, 2.3, (tr.12-14). - Tương tác GV qua công	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	A1.1.1, A1.1.2, A1.2.1, A1.2.2, A1.3.1, A2.1

	<p>1.1.3. Tập rỗng, tập đơn tử</p> <p>1.1.4. Minh họa tập hợp bằng hình vẽ</p> <p>1.1.5. Hai tập hợp bằng nhau</p> <p>1.2. Quan hệ bao hàm</p> <p>1.2.1. Quan hệ bao hàm - Tập con</p> <p>1.2.2. Một số tính chất của quan hệ bao hàm</p> <p>1.2.3. Tập hợp các tập con của một tập hợp</p>	<p>hợp.</p> <p>- <b>Bài tập về nhà:</b> Làm một số BT trong “Đề cương bài giảng”.</p> <p>- <b>Phương tiện hỗ trợ:</b> Minh họa một số khái niệm của bài học thông qua các slides hoặc các đoạn phim về hoạt động thực tiễn (trong đó có hoạt động dạy học toán tiểu học, hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non).</p>	<p>thông tin, mạng XH.</p>		
2.	<p>1.3. Các phép toán trên tập hợp</p> <p>1.3.1. Giao của hai tập hợp</p> <p>1.3.2. Hợp của hai tập hợp</p> <p>1.3.3. Một số tính chất của phép hợp, phép giao</p> <p>1.3.4. Liên hệ giữa phép hợp và phép giao</p> <p>1.3.5. Hiệu của hai tập hợp</p> <p>1.3.6. Sự liên quan giữa phép trừ với phép hợp và phép giao</p> <p>2. Quan hệ</p> <p>2.1. Tích Đề các của các tập hợp</p> <p>2.2.1. Cặp sắp thứ tự</p> <p>2.2.2. Tích Đề các</p>	<p>- <b>Giảng lý thuyết:</b> 1.3.1, 1.3.2, 1.3.5, 2.2.1, 2.2.2</p> <p>- <b>Tự học:</b> 1.3.3, 1.3.4, 1.3.6</p> <p>- <b>Bài tập trên lớp:</b> Thực hiện các phép toán hợp, giao và hiệu của các tập hợp cho trước; Chứng minh một số đẳng thức có chứa các phép toán trên tập hợp.</p> <p>- <b>Bài tập về nhà:</b> Làm một số BT trong “Đề cương bài giảng”.</p> <p>- <b>Phương tiện hỗ trợ:</b> Minh họa một số khái niệm của bài học thông qua các slides hoặc các đoạn phim về thực tiễn.</p>	<p>- Đọc trước TL [1]: mục 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, 3.5, 3.6 (tr.15-22); mục 1.1, 1.2 (tr.25).</p> <p>- Tương tác GV qua cổng thông tin, mạng XH.</p>	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	A1.1.1, A1.1.2, A1.2.1, A1.2.2, A1.3.1, A2.1
3.	2.2. Quan hệ hai ngôi	- <b>Giảng lý thuyết:</b>	- Đọc trước	G1.1,	A1.1.1,

	<p>2.2.1. Định nghĩa và ví dụ về quan hệ hai ngôi</p> <p>2.2.2. Một số tính chất thường gặp của quan hệ hai ngôi</p> <p>2.3. Quan hệ tương đương</p> <p>2.3.1. Quan hệ tương đương</p> <p>2.3.2. Lớp tương đương</p> <p>2.3.3. Tập thương</p> <p>2.4. Quan hệ thứ tự</p> <p>2.4.1. Quan hệ thứ tự</p> <p>2.4.2. Tập sắp thứ tự</p> <p>2.4.3. Phần tử lớn nhất, nhỏ nhất</p> <p>2.4.4. Chặn trên, chặn dưới.</p> <p>2.4.5. Chặn trên nhỏ nhất, chặn dưới lớn nhất</p> <p>2.4.6. Phần tử tối đại, tối tiểu</p>	<p>2.2.1, 2.2.2, 2.3.1, 2.4.1</p> <p>- <b>Tự học:</b> 2.3.2, 2.3.3, 2.4.2, 2.4.3, 2.4.4, 2.4.5, 2.4.6</p> <p>- <b>Bài tập trên lớp:</b> Xét các tính chất có thể có của quan hệ hai ngôi đã cho; Xét một quan hệ hai ngôi đã cho có phải là quan hệ tương đương, quan hệ thứ tự hay không; Tìm tập thương, phần tử lớn nhất, phần tử nhỏ nhất.</p> <p>- <b>Bài tập về nhà:</b> Làm một số BT trong “Đề cương bài giảng”.</p> <p>- <b>Phương tiện hỗ trợ:</b> Minh họa một số khái niệm của bài học thông qua các slides hoặc các đoạn phim về hoạt động thực tiễn.</p>	<p>TL [1]: mục 2.1, 2.2, 2.3 (tr.27-30); mục 3.1, 3.2, 3.3 (tr.32-36); mục 4.1, 4.2 (tr.37-39)</p> <p>.</p> <p>- Tương tác GV qua công nghệ thông tin, mạng XH.</p>	<p>G1.2, G1.3, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2</p>	<p>A1.1.2, A1.2.1, A1.2.2, A1.3.1, A2.1</p>
4.	<p>3. Ánh xạ</p> <p>3.1. Định nghĩa ánh xạ</p> <p>3.2. Ảnh và tạo ảnh</p> <p>3.2.1. Định nghĩa ảnh và tạo ảnh</p> <p>3.2.2. Định lý</p> <p>3.3. Các ánh xạ đặc biệt</p> <p>3.3.1. Đơn ánh</p> <p>3.3.2. Toàn ánh</p> <p>3.3.3. Song ánh</p>	<p>- <b>Giải lý thuyết:</b> 3.1, 3.2.1, 3.3.1, 3.3.2, 3.3.3</p> <p>- <b>Tự học:</b> 3.2.2</p> <p>- <b>Bài tập trên lớp:</b> Xét một quy tắc đã cho có phải ánh xạ, có phải ánh xạ đặc biệt hay không; tìm ảnh (hoặc tạo ảnh) của một ánh xạ khi biết tạo ảnh (hoặc ảnh).</p> <p>- <b>Bài tập về nhà:</b> Làm một số BT trong “Đề</p>	<p>- Đọc trước TL [1]: §1 (tr.43-47); mục 2.1, 2.2 (tr.49-52); mục 3.1 (tr.54-57).</p> <p>- Tương tác GV qua công nghệ thông tin, mạng XH.</p>	<p>G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2</p>	<p>A1.1.1, A1.1.2, A1.2.1, A1.2.2, A1.3.1, A2.1</p>

		<p>cương bài giảng”.</p> <p><b>- Phương tiện hỗ trợ:</b> Minh họa một số khái niệm của bài học thông qua các slides hoặc các đoạn phim về hoạt động thực tiễn.</p>			
5.	<p>3.4. Tích các ánh xạ</p> <p>3.4.1. Định nghĩa tích các ánh xạ</p> <p>3.4.2. Một số tính chất</p> <p>3.5. Ánh xạ ngược</p> <p>3.5.1. Định nghĩa ánh xạ ngược</p> <p>3.5.2. Một số tính chất</p>	<p><b>- Giảng lý thuyết:</b> 3.4.1, 3.5.1</p> <p><b>- Tự học:</b> 3.4.2, 3.5.2</p> <p><b>- Bài tập trên lớp:</b> Tìm ánh xạ tích của hai ánh xạ đã cho; tìm ánh xạ ngược của ánh xạ cho trước.</p> <p><b>- Bài tập về nhà:</b> Làm một số BT trong “Đề cương bài giảng”.</p> <p><b>- Phương tiện hỗ trợ:</b> Minh họa một số khái niệm của bài học thông qua các slides hoặc các đoạn phim về thực tiễn.</p>	<p>- Đọc trước TL [1]: mục 3.2, 3.3 (tr.58-63).</p> <p>- Tương tác GV qua cổng thông tin, mạng XH.</p>	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	A1.1.1, A1.1.2, A1.2.1, A1.2.2, A1.3.1, A2.1
6.	<p>4. Giải tích tổ hợp</p> <p>4.1. Chính hợp lặp</p> <p>4.1.1. Định nghĩa chính hợp lặp</p> <p>4.1.2. Tính số các chính hợp lặp</p> <p>4.2. Chính hợp không lặp</p> <p>4.2.1. Định nghĩa chính hợp không lặp</p> <p>4.2.2. Tính số chính hợp không lặp</p>	<p><b>- Giảng lý thuyết:</b> 4.1.1, 4.2.1</p> <p><b>- Tự học:</b> 4.1.2, 4.2.2</p> <p><b>- Bài tập trên lớp:</b> Giải bài toán tính số hoán vị, số chính hợp lặp.</p> <p><b>- Bài tập về nhà:</b> Làm một số BT trong “Đề cương bài giảng”.</p> <p><b>- Phương tiện hỗ trợ:</b> Minh họa một số khái niệm của bài học thông qua các slides</p>	<p>- Đọc trước TL [1]: mục 4.1 (tr.66-69); 4.3 (tr.71-72).</p> <p>- Tương tác GV qua cổng thông tin, mạng XH.</p>	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	A1.1.1, A1.1.2, A1.2.1, A1.2.2, A2.1

		hoặc các đoạn phim về thực tiễn.			
7.	<p>4.3. Hoán vị</p> <p>4.3.1. Định nghĩa hoán vị</p> <p>4.3.2. Tính số hoán vị</p> <p>4.4. Tổ hợp</p> <p>4.4.1. Định nghĩa tổ hợp</p> <p>4.4.2. Tính số tổ hợp</p>	<p>- <b>Giảng lý thuyết:</b> 4.3.1, 4.4.1</p> <p>- <b>Tự học:</b> 4.3.2, 4.4.2</p> <p>- <b>Bài tập trên lớp:</b> Một số bài toán tính số chỉnh hợp không lặp, số tổ hợp.</p> <p>- <b>Bài tập về nhà:</b> Làm một số BT trong “Đề cương bài giảng”.</p> <p>- <b>Phương tiện hỗ trợ:</b> Minh họa một số khái niệm của bài học thông qua các slides hoặc các đoạn phim về thực tiễn.</p>	<p>- Đọc trước TL [1]: mục 4.2 (tr.69-71); 4.4 (tr.72-76).</p> <p>- Tương tác GV qua công thông tin, mạng XH.</p>	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	A1.1.1, A1.1.2, A1.2.1, A1.2.2, A2.1
8.	<p>Chương 2. <b>Logic Toán</b></p> <p>1. Logic mệnh đề</p> <p>1.1. Mệnh đề</p> <p>1.2. Các phép toán giữa các mệnh đề</p> <p>1.2.1. Phép phủ định</p> <p>1.2.2. Phép hội</p> <p>1.2.3. Phép tuyển</p> <p>1.2.4. Phép kéo theo</p> <p>1.2.5. Phép tương đương</p>	<p>- <b>Giảng lý thuyết:</b> 1.2.1, 1.2.2, 1.2.3, 1.2.4, 1.2.5</p> <p>- <b>Tự học:</b> 1.1</p> <p>- <b>Bài tập trên lớp:</b> Giải bài toán liên quan đến giá trị chân lý của mệnh đề.</p> <p>- <b>Bài tập về nhà:</b> Làm một số BT trong “Đề cương bài giảng”.</p> <p>- <b>Phương tiện hỗ trợ:</b> Minh họa một số khái niệm của bài học thông qua các slides hoặc các đoạn phim về thực tiễn.</p>	<p>- Đọc trước TL [1]: mục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 (tr.80-87).</p> <p>- Tương tác GV qua công thông tin, mạng XH.</p>	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	A1.1.1, A1.1.2, A1.2.1, A1.2.2, A2.1
9.	<p>1.3. Công thức và luật của logic mệnh đề</p> <p>1.3.1. Khái niệm công</p>	<p>- <b>Giảng lý thuyết:</b> 1.3.1, 1.3.2, 1.3.5</p> <p>- <b>Tự học:</b> 1.3.3, 1.3.4</p>	<p>- Đọc trước TL [1]: mục 2.1, 2.2, 2.3,</p>	G1.1, G1.2, G1.3,	A1.1.1, A1.1.2, A1.2.1,

	<p><i>thức logic mệnh đề</i></p> <p>1.3.2. <i>Giá trị của công thức</i></p> <p>1.3.3. <i>Hai công thức bằng nhau</i></p> <p>1.3.4. <i>Phép biến đổi công thức</i></p> <p>1.3.5. <i>Luật của logic mệnh đề</i></p>	<p>- <b>Bài tập trên lớp:</b> Chứng minh hai công thức logic mệnh đề bằng nhau; biến đổi tương đương các công thức logic mệnh đề; chứng minh một số luật của logic mệnh đề.</p> <p>- <b>Bài tập về nhà:</b> Làm một số BT trong “Đề cương bài giảng”.</p> <p>- <b>Phương tiện hỗ trợ:</b> Minh họa một số khái niệm của bài học thông qua các slides hoặc các đoạn phim về thực tiễn.</p>	<p>2.4, 2.5 (tr.89-106).</p> <p>- Tương tác GV qua cổng thông tin, mạng XH.</p>	<p>G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2</p>	<p>A1.2.2, A2.1</p>
10.	<p>2. Logic vị từ</p> <p>2.1. Hàm mệnh đề một biến</p> <p>2.1.1. <i>Khái niệm</i></p> <p>2.1.2. <i>Miền đúng của hàm mệnh đề</i></p> <p>2.1.3. <i>Hàm mệnh đề hai biến</i></p> <p>2.2. Các phép toán của logic vị từ</p> <p>2.2.1. <i>Phép phủ định</i></p> <p>2.2.2. <i>Phép hội</i></p> <p>2.2.3. <i>Phép tuyển</i></p> <p>2.2.4. <i>Phép kéo theo</i></p> <p>2.2.5. <i>Phép tương đương</i></p>	<p>- <b>Giảng lý thuyết:</b> 2.1.1, 2.1.2, 2.2.1</p> <p>- <b>Tự học:</b> 2.1.3, 2.2.2, 2.2.3, 2.2.4, 2.2.5</p> <p>- <b>Bài tập trên lớp:</b> Phát biểu và tìm giá trị chân lý của một hàm mệnh đề tại một giá trị nào đó; tìm miền đúng của hàm mệnh đề cho trước.</p> <p>- <b>Bài tập về nhà:</b> Làm một số BT trong “Đề cương bài giảng”.</p> <p>- <b>Phương tiện hỗ trợ:</b> Minh họa một số khái niệm của bài học thông qua các slides hoặc các đoạn phim về thực tiễn.</p>	<p>- Đọc trước TL [1]: mục 1,1, 1.2, 1.3 (tr.115-119).</p> <p>- Tương tác GV qua cổng thông tin, mạng XH.</p>	<p>G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2</p>	<p>A1.1.1, A1.1.2, A1.2.1, A1.2.2, A2.1</p>

11.	<p>2.3. Các lượng từ</p> <p>2.3.1. Lượng từ “tồn tại”</p> <p>2.3.2. Lượng từ “với mọi”</p> <p>2.3.3. Sự liên hệ giữa lượng từ tồn tại, với mọi và phép phủ định</p> <p>3. Quy tắc suy luận và áp dụng quy tắc suy luận vào dạy học toán</p> <p>3.1. Quy tắc suy luận</p> <p>3.1.1. Quy tắc suy luận</p> <p>3.1.2. Luật và quy tắc suy luận</p> <p>3.1.3. Các quy tắc suy luận thường gặp</p>	<p>- <b>Giảng lý thuyết:</b> 2.3.1, 2.3.2</p> <p>- <b>Tự học:</b> 2.3.3</p> <p>- <b>Bài tập trên lớp:</b> Các bài toán liên quan đến lượng từ trong logic mệnh đề; chứng minh một số quy tắc suy luận.</p> <p>- <b>Bài tập về nhà:</b> Làm một số BT trong “Đề cương bài giảng”.</p> <p>- <b>Phương tiện hỗ trợ:</b> Minh họa một số khái niệm của bài học thông qua các slides hoặc các đoạn phim về thực tiễn.</p>	<p>- Đọc trước TL [1]: mục 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5 (tr.121-130) mục 3.1, 3.2, 3.3 (tr.132-136).</p> <p>- Tương tác GV qua công nghệ tin, mạng XH.</p>	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	A1.1.1, A1.1.2, A1.2.1, A1.2.2, A2.1
12.	<p>3.2. Áp dụng các quy tắc suy luận vào dạy học toán</p> <p>3.2.1. Phương pháp chứng minh trực tiếp</p> <p>3.2.2. Phương pháp chứng minh phản chứng</p> <p>3.2.3. Phép chứng minh quy nạp</p>	<p>- <b>Giảng lý thuyết:</b> 3.2.1, 3.2.2, 3.2.3</p> <p>- <b>Bài tập trên lớp:</b> Chứng minh các định lý, tính chất có sử dụng quy tắc suy luận.</p> <p>- <b>Bài tập về nhà:</b> Làm một số BT trong “Đề cương bài giảng”.</p> <p>- <b>Phương tiện hỗ trợ:</b> Minh họa một số khái niệm của bài học thông qua các slides hoặc các đoạn phim về thực tiễn.</p>	<p>- Đọc trước TL [1]: mục 1.1, 1.2, 1.3, 2.1, 2.2, 2.3 (tr.138-153).</p> <p>- Tương tác GV qua công nghệ tin, mạng XH.</p>	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	A1.1.1, A1.1.2, A1.2.1, A1.2.2, A2.1
13.	<p>Chương 3. <b>Số tự nhiên</b></p> <p>1. Tập hợp số tự nhiên</p> <p>1.1. Tập hợp tương đương</p> <p>1.1.1. Định nghĩa tập</p>	<p>- <b>Giảng lý thuyết:</b> 1.1.1, 1.2.1</p> <p>- <b>Tự học:</b> 1.1.2, 1.1.3, 1.2.2</p> <p>- <b>Bài tập trên lớp:</b></p>	<p>- Đọc trước TL [1]: mục 3.1, 3.2, 3.3 (tr.175-179).</p> <p>- Tương tác</p>	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G3.1,	A1.1.1, A1.1.2, A1.2.1, A1.2.2, A2.1

	<p><i>hợp tương đương</i></p> <p><i>1.1.2. Tính chất</i></p> <p><i>1.1.3. Định lý Cantor</i></p> <p>1.2. Tập hợp hữu hạn - Tập hợp vô hạn</p> <p><i>1.2.1. Các định nghĩa</i></p> <p><i>1.2.2. Một số tính chất</i></p>	<p>Chứng minh hai tập hợp đã cho là tương đương với nhau; chứng minh tập đã cho là tập hữu hạn (hoặc tập vô hạn).</p> <p><b>- Bài tập về nhà:</b> Làm một số BT trong “Đề cương bài giảng”.</p> <p><b>- Phương tiện hỗ trợ:</b> Minh họa một số khái niệm của bài học thông qua các slides hoặc các đoạn phim về thực tiễn.</p>	<p>GV qua công thông tin, mạng XH.</p>	<p>G3.2, G4.1, G4.2</p>	
14.	<p>1.3. Số tự nhiên - Quan hệ thứ tự trên tập hợp số tự nhiên</p> <p><i>1.3.1. Bản số - Số tự nhiên</i></p> <p><i>1.3.2. Quan hệ thứ tự trên tập hợp số tự nhiên</i></p> <p><i>1.3.3. Số liền sau</i></p> <p>1.4. Dãy số tự nhiên</p> <p>2. Các phép toán trên tập hợp số tự nhiên</p> <p>2.1. Phép cộng và phép nhân</p> <p><i>2.1.1. Các bổ đề về hợp và tích Đề - các của tập hợp hữu hạn</i></p> <p><i>2.1.2. Phép cộng và phép nhân trên <math>N</math></i></p> <p><i>2.1.3. Các tính chất của các phép toán</i></p>	<p><b>- Giảng lý thuyết:</b> 1.3.1, 1.3.2. 2.1.2</p> <p><b>- Tự học:</b> 1.3.3, 2.1.1, 2.1.3</p> <p><b>- Bài tập trên lớp:</b> Chứng minh các đẳng thức về bản số và số tự nhiên.</p> <p><b>- Bài tập về nhà:</b> Làm một số BT trong “Đề cương bài giảng”.</p> <p><b>- Phương tiện hỗ trợ:</b> Minh họa một số khái niệm của bài học thông qua các slides hoặc các đoạn phim về thực tiễn.</p>	<p>- Đọc trước TL [1]: 3.4, 3.5, 3.6, 3.7, 3.8 (tr.179-184).</p> <p>- Tương tác GV qua công thông tin, mạng XH.</p>	<p>G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2</p>	<p>A1.1.1, A1.1.2, A1.2.1, A1.2.2, A2.1</p>
15.	<p>2.2. Phép trừ</p> <p><i>2.2.1. Định lý</i></p> <p><i>2.2.2. Định nghĩa phép trừ</i></p> <p><i>2.2.3. Tính chất phân</i></p>	<p><b>- Giảng lý thuyết:</b> 2.2.2, 2.3.1, 2.4.2, 2.5.1</p> <p><b>- Tự học:</b> 2.2.1, 2.2.3, 2.3.2, 2.4.1, 2.5.2</p>	<p>- Đọc trước TL [1]: 4.1, 4.2 (tr.188-193).</p> <p>- Tương tác</p>	<p>G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G3.1,</p>	<p>A1.1.1, A1.1.2, A1.2.1, A1.2.2, A2.1</p>

	<p><i>phối của phép nhân đối với phép trừ</i></p> <p>2.3 Phép chia hết</p> <p>2.3.1. Định nghĩa phép chia hết</p> <p>2.3.2. Tính chất</p> <p>2.4. Phép chia có dư</p> <p>2.4.1. Định lí</p> <p>2.4.2. Định nghĩa phép chia có dư</p> <p>2.5. Lũy thừa</p> <p>2.5.1. Định nghĩa lũy thừa</p> <p>2.5.2. Tính chất</p>	<p><b>- Bài tập trên lớp:</b> Chứng minh một số đẳng thức của bốn phép toán trên tập hợp số tự nhiên.</p> <p><b>- Bài tập về nhà:</b> Làm một số BT trong “Đề cương bài giảng”.</p> <p><b>- Phương tiện hỗ trợ:</b> Minh họa một số khái niệm của bài học thông qua các slides hoặc các đoạn phim về thực tiễn.</p>	GV qua công thông tin, mạng XH.	G3.2, G4.1, G4.2	
LƯU Ý:	<p><b>* Phân bổ thời gian:</b> 3 tiết/ 1 tuần × 15 tuần Trong đó, mỗi tuần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng lý thuyết: 2 tiết</li> <li>- Bài tập trên lớp: 1 tiết</li> </ul> <p><b>* Bài tập trên lớp:</b> Phân công làm và trình bày theo nhóm</p>				

## 7. Nguồn học liệu

### Giáo trình:

[1] Nguyễn Thị Châu Giang, *Giáo trình Toán cơ sở*, ĐH Vinh, 2009.

### Tài liệu tham khảo:

[2] Phan Hữu Chân, Nguyễn Tiến Tài, *Tập hợp và logic số học*, NXB GD, 1997.

[3] Đinh Thị Nhung, *Toán và phương pháp hình thành các biểu tượng Toán học cho trẻ mẫu giáo*, NXB ĐH Quốc gia Hà nội, 2001.

## 8. Quy định của học phần

- Sinh viên phải có 1 bài kiểm tra đánh giá giữa kỳ;
- Sinh viên tham dự ít nhất 80% tổng số tiết trên lớp.

## 9. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Giáo dục

10. Ngày phê duyệt: 10/04/2017

11. Cấp phê duyệt:

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: VĂN HỌC THIẾU NHI**

**1. Thông tin tổng quát**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: Chu Thị Hà Thanh

Chức danh: Giảng viên chính

Học vị: Tiến sỹ

Hướng nghiên cứu chính: Văn học thiếu nhi; Phương pháp dạy học Tiếng Việt.

Địa chỉ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 038. 3832808, 0916.542.059

Email: [chuhathanhdhv@gmail.com](mailto:chuhathanhdhv@gmail.com); [thanhcth@vinhuni.edu.vn](mailto:thanhcth@vinhuni.edu.vn)

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: Phan Xuân Phồn

Chức danh, học vị: Giảng viên, Tiến sỹ

Hướng nghiên cứu chính: Lý luận ngôn ngữ

Địa chỉ, điện thoại: Tổ Giáo dục Mầm non - Khoa Giáo dục - Trường ĐH Vinh

Điện thoại: 0984 54 54 99.

Email: [phonhiendhv@gmail.com](mailto:phonhiendhv@gmail.com); [phonpx@vinhuni.edu.vn](mailto:phonpx@vinhuni.edu.vn)

**1.2. Thông tin về học phần**

- Tên môn học (tiếng Việt): <b>Văn học thiếu nhi</b> (tiếng Anh): Children literature	
- Mã số môn học:	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác <input type="checkbox"/> Môn học đề án tốt nghiệp	
- Số tín chỉ:	03
+ Số tiết lý thuyết:	35
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	90
- Môn học tiên quyết:	Tâm lý học, Giáo dục học, Tâm lý học giáo dục trẻ em
- Môn học song hành:	Việt ngữ học cơ sở, Việt ngữ học hiện đại, Tự chọn 1, Toán cơ sở

## 2. Mô tả học phần

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, dùng cho sinh viên thuộc hai ngành đào tạo Giáo dục Mầm non và Giáo dục Tiểu học, làm tiền đề cho các môn chuyên ngành như Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học (GDMN), Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học, Tự chọn 3(GDTH), và là cơ sở để sinh viên vận dụng vào quá trình giáo dục trẻ mầm non và dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học.

Môn học Văn học thiếu nhi cung cấp những kiến thức *văn học thiếu nhi* gần gũi, thiết thực đối với trẻ em lứa tuổi từ 2 - 11 tuổi. Nội dung cơ bản của học phần gồm một số vấn đề khái quát về văn học thiếu nhi, các thể loại văn học dân gian có liên quan tới nhận thức của thiếu nhi, các tác giả văn học viết thiếu nhi tiêu biểu, và một số nội dung chủ yếu của văn học thiếu nhi nước ngoài.

## 3. Mục tiêu môn học

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của CTĐT (X.x.x) (3)	TĐNL (4)
G1	Giải thích và phân tích được những kiến thức về văn học thiếu nhi nói chung và một số tác giả tác phẩm tiêu biểu của văn học thiếu nhi Việt Nam và nước ngoài, từ văn học dân gian đến văn học viết hiện đại.	X.x.x	2.5
		1.2.2	
G2	Hình thành và vận dụng các thao tác tư duy để phân tích, so sánh, đánh giá các nội dung bộ phận của văn học thiếu nhi	2.1.1, 2.1.3, 2.3.2; 2.4.2; 2.4.3; 2.4.6; 2.5.1; 2.5.2	3.0
G3	Giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả trong và ngoài môi trường nghề nghiệp.	3.1.2; 3.2.3; 3.2.5	3.0
G4	Vận dụng các kiến thức của VHTN vào quá trình DH môn Tiếng Việt ở tiểu học và giáo dục trẻ ở trường mầm non	4.1.2; 4.1.3; 4.6.1; 4.6.2	3.0

## 4. Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra HP		Mô tả (Sau khi học xong môn học này, người học có thể: )	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1	G1.1	Trình bày được định nghĩa về văn học thiếu nhi	T, U
	G1.2	Phân loại được các bộ phận cấu thành VHTN	I, U
	G1.3	Phân tích được các đặc trưng cơ bản của văn học thiếu nhi	T, U
	G1.4	Đánh giá được vai trò, tác dụng của VHTN đối với trẻ em	T, U

<b>G1.5</b>	Trình bày được định nghĩa các thể loại văn học dân gian thiếu nhi: Thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, ca dao - đồng dao, câu đố.	I, U
<b>G1.6</b>	Nhận biết được một số thể loại văn học dân gian thiếu nhi tiêu biểu	I, U
<b>G1.7</b>	Phân tích được nội dung phản ánh và đặc điểm nghệ thuật của các thể loại văn học dân gian thiếu nhi	T, U
<b>G1.8</b>	Phân tích được các đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của VHDGTN qua một số tác phẩm VHTN tiêu biểu	T, U
<b>G1.9</b>	Đánh giá được các giá trị về nội dung và nghệ thuật của VHDGTN qua một số tác phẩm VHTN tiêu biểu	T, U
<b>G1.10</b>	Phân tích được vai trò, tác dụng của mỗi thể loại văn học dân gian thiếu nhi đối với trẻ em	T, U
<b>G1.11</b>	Trình bày được lịch sử phát triển của văn học thiếu nhi Việt Nam	I, U
<b>G1.12</b>	Giới thiệu sơ lược về các tác giả văn học thiếu nhi và những sáng tác cho thiếu nhi	I, U
<b>G1.13</b>	Tóm tắt được một số tác phẩm văn học thiếu nhi	I, U
<b>G1.14</b>	Phân tích, lý giải được những thành tựu về sáng tác thơ văn của các tác giả: Tô Hoài, Phạm Hồ, Võ Quảng, Nguyễn Huy Tưởng, Đoàn Giỏi, Trần Đăng Khoa trên các mặt nội dung và nghệ thuật.	T, U
<b>G1.15</b>	Phân tích được một số đặc điểm về nội dung, nghệ thuật của các tác phẩm văn học viết thiếu nhi tiêu biểu	T, U
<b>G1.16</b>	Phân tích được ý nghĩa, tác dụng các tác phẩm văn học viết thiếu nhi tiêu biểu đối với trẻ em	T, U
<b>G1.17</b>	Tóm tắt được những nét chính của văn học thiếu nhi nước ngoài	T, U
<b>G1.18</b>	Phân tích, lý giải được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của văn học thiếu nhi nước ngoài	T, U
<b>G1.19</b>	Tóm tắt được hoặc học thuộc một số tác phẩm tiêu biểu của các tác giả văn học thiếu nhi nước ngoài	I, U
<b>G1.20</b>	Phân tích, lý giải được những thành tựu về sáng tác thơ văn của các tác giả, tác phẩm Truyện cổ Andecxen, Truyện cổ Grim, Thơ Tagor, Truyện ngụ ngôn Lep Tônxtôi ở các mặt nội dung và nghệ thuật.	T, U
<b>G1.21</b>	Phân tích được ý nghĩa, tác dụng của mỗi tác phẩm văn học thiếu nhi nước ngoài đối với trẻ em	T, U

<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	Phân tích, so sánh được đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của các bộ phận văn học thiếu nhi	T, U
	<b>G2.2</b>	Hệ thống hóa, khái quát hóa được các vấn đề về nội dung và nghệ thuật của các bộ phận văn học thiếu nhi	T, U
	<b>G2.3</b>	Thống kê, khảo sát các tác phẩm văn học thiếu nhi trong nhà trường	I, U
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Phối hợp làm việc nhóm khi thực hiện các nội dung bài tập, thảo luận	I, U
	<b>G3.2</b>	Thu thập tài liệu, tự tin thuyết trình trước đám đông	I, U
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Phân tích được sự ảnh hưởng của thực tiễn nội dung Giáo dục trẻ ở trường MN, DH Tiếng Việt ở TH đến việc cải tiến nội dung môn học	I, U
	<b>G4.2</b>	Phát hiện, vận dụng được những nội dung môn học vào quá trình giáo dục trẻ mầm non, DH Tiếng Việt cho HS TH	I, U

### 5. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (2)	CDR học phần (Gx.x) (3)	Tỷ lệ (%) (4)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>60%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập</b>			<b>10%</b>
Đánh giá qua quá trình học	A1.1.1. Điểm chuyên cần		5%
	A1.1.2. Thái độ học tập	G3.1; G3.2	5%
<b>A1.2. Hồ sơ học phần</b>			<b>20%</b>
Báo cáo/ Bài tập nhóm	A1.2.1. Bài tập nhóm dưới hình thức thuyết trình, thảo luận trên lớp	G1.5, G2.4, G3.5; G5.1; G6, G7	15%
	A1.2.2. Báo cáo viết và báo cáo thuyết trình nhóm	G5.2, G6, G7	5%
<b>A1.3. Đánh giá định kì</b>			<b>30%</b>
Bài kiểm tra 40 câu hỏi (40 phút)	A1.3.1 Bài kiểm tra 1:	G1.1 → G2.5	15%
	A1.3.2. Bài kiểm tra 2:	G3.1 → G5.1	15%
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ</b>			<b>40%</b>
Bài thi trắc nghiệm 50 câu hỏi (60 phút)	Áp dụng cho tất cả sinh viên	G1.1 - G5.1	40%

## PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

### 1. Phương thức đánh giá ý thức học tập

Phương thức đánh giá ý thức học tập của sinh viên qua quá trình học được dựa trên hai yếu tố, gồm: Điểm chuyên cần (*thể hiện qua thời lượng sinh viên tham dự giờ học trên lớp*) và Thái độ, ý thức học tập (*thể hiện qua kết quả của hoạt động tự học ngoài giờ lên lớp*).

Cụ thể:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ của học phần mới đủ điều kiện dự thi;
- Để đánh giá kết quả tự học ngoài giờ lên lớp, các buổi học sẽ có hình thức kiểm tra bài cũ (trong thời gian từ 5-7 phút) bằng các câu hỏi trắc nghiệm hoặc vấn đáp. Mỗi lần sẽ có từ 3-4 sinh viên được gọi ngẫu nhiên lên bảng và trả lời câu hỏi trắc nghiệm được chuẩn bị sẵn với nội dung bám sát theo nội dung đã yêu cầu sinh viên tự học ở buổi trước đó. Mỗi sinh viên trả lời 05 câu hỏi trắc nghiệm hoặc 01 câu hỏi vấn đáp và được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10.

- Điểm đánh giá quá trình học tập được tính bằng cách:

Điểm quá trình học = Điểm chuyên cần x 0,3 + Điểm đánh giá kết quả tự học x 0.7

Điểm đánh giá quá trình học tập được tính trọng số là 10%.

### 2. Điểm đánh giá hồ sơ học phần dưới hình thức bài tập/ báo cáo nhóm

a) Bài tập nhóm dưới hình thức thảo luận nhóm:

➤ *Đánh giá kết quả hoạt động nhóm*

Trong các giờ học có hoạt động thảo luận nhóm, mỗi nhóm sẽ được đánh giá kết quả bằng điểm số chung dựa trên những tiêu chí trong bảng sau:

TT	Nội dung Đánh giá	Tiêu chí đánh giá					
		A	B	C	D	E	F
	Nội dung thảo luận nhóm	Nội dung bám sát với chủ đề đã được giao, đảm bảo chất lượng và khối lượng thông tin	Nội dung bám sát với chủ đề đã được giao, đảm bảo chất lượng và khối lượng thông tin	Nội dung bám sát với chủ đề đã được giao, đảm bảo chất lượng và khối lượng thông tin	Nội dung đúng với chủ đề đã được giao, những chưa đạt được đủ khối lượng thông tin theo yêu	Nội dung cơ bản đúng với chủ đề được giao nhưng còn sơ sài, còn nhiều thông tin	Không thực hiện được nội dung gì

		theo yêu cầu., giàu tính sáng tạo, có sự liên hệ thực tế.	theo yêu cầu., có sự liên hệ thực tế.	theo yêu cầu.	cầu..	theo yêu cầu.	
<i>Điểm tối đa: 5</i>		<i>5 điểm</i>	<i>4 điểm</i>	<i>3 điểm</i>	<i>2 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	<i>0 điểm</i>
<b>II</b>	Sự tương tác giữa các nhóm	Có sự tương tác cao với các nhóm khác, chú ý lắng nghe và có nhiều ý kiến đóng góp, ý kiến phản biện cho nội dung của nhóm khác.	Có sự tương tác cao với các nhóm khác, chú ý lắng nghe và có nhiều ý kiến đóng góp, xây dựng cho nội dung của nhóm khác.	Có sự tương tác với các nhóm khác, chú ý lắng nghe và có ý kiến đóng góp, xây dựng cho nội dung của nhóm khác.	Có sự tương tác với các nhóm khác, chú ý lắng nghe và có ý kiến đóng góp, ý kiến phản biện cho nội dung của nhóm khác.	Không có sự tương tác với các nhóm khác.	
<i>Điểm tối đa: 3</i>		<i>3.0 điểm</i>	<i>2.0 điểm</i>	<i>1.5 điểm</i>	<i>1.0 điểm</i>	<i>0 điểm</i>	
<b>III</b>	Thái độ và kỹ năng làm việc nhóm	Tất cả các thành viên đều tham gia vào hoạt động nhóm, có trên 50% thành viên của	Tất cả các thành viên đều tham gia vào hoạt động nhóm, có dưới 50% thành	Tất cả các thành viên đều tham gia vào hoạt động nhóm.	Chỉ có 30 - 70% số lượng thành viên tham gia vào hoạt động nhóm.	Dưới 30% số lượng thành viên tham gia vào hoạt động nhóm.	

		nhóm có hoạt động tương tác cao với các nhóm khác.	viên của nhóm có hoạt động tương tác với các nhóm khác.				
<i>Điểm tối đa: 2</i>	<i>2 điểm</i>	<i>1.5 điểm</i>	<i>1.0 điểm</i>	<i>0.5 điểm</i>	<i>0 điểm</i>		

➤ *Đánh giá cá nhân trong nhóm*

Nhóm trưởng của mỗi nhóm sẽ đánh giá và cho điểm từng cá nhân dựa trên mức độ tham gia và đóng góp vào hoạt động nhóm. Trung bình cộng điểm của các thành viên bằng số điểm chung của nhóm do giảng viên đánh giá. Điểm đánh giá hồ sơ học phần ở nội dung này của mỗi sinh viên được tính bằng con điểm trung bình cộng của tất cả những lần có bài tập/ báo cáo nhóm.

**Ví dụ:** Nhóm 1 có 6 thành viên, điểm đánh giá chung của nhóm là 8 điểm. Thành viên A trong nhóm có nhiều đóng góp nổi bật hơn, được nhóm trưởng đánh giá 9 điểm, thành viên B tham gia vào hoạt động nhóm còn ít, được đánh giá 7 điểm, các thành viên còn lại đều đạt điểm 8. Trung bình cộng điểm của cả nhóm vẫn là 8 điểm.

Qua 5 lần có bài tập/ báo cáo nhóm trong các hoạt động trên lớp, sinh viên A có số điểm lần lượt là 9, 8, 8, 7, 8. Như vậy, điểm đánh giá hồ sơ học phần của sinh viên A sẽ là 8 điểm, chiếm trọng số 15%.

b) Báo cáo viết và báo cáo thuyết trình nhóm

Nội dung này được dùng để đánh giá bài tập nhóm thuộc nội dung chuẩn đầu ra G5.2. Cách thức cho điểm các thành viên trong nhóm cũng tương tự như ở hoạt động nhóm trên lớp. Điểm ở nội dung này được tính trọng số là 5%.

**3. Đánh giá định kỳ**

Sẽ có tối đa 02 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung mỗi bài tương ứng theo nội dung **A1.3. Đánh giá định kỳ**. Mỗi bài kiểm tra có 30 câu hỏi trắc nghiệm, thời gian làm bài là 35 phút. Điểm của bài thi được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm số mỗi bài kiểm tra được tính trọng số là 10%.

**4. Đánh giá cuối kỳ**

Bài thi trắc nghiệm đánh giá kết quả cuối kỳ sẽ có 50 câu hỏi, thời gian làm bài là 60 phút. Điểm của bài thi được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Việc chuyển từ điểm số sang điểm chữ được thực hiện tự động trên phần mềm quản lý điểm. Điểm đánh giá cuối kỳ được tính trọng số là 40%.

## 6. Kế hoạch giảng dạy

### Lý thuyết:

Tuần/ Buổi học (1)	Nội dung (2)	Hình thức tổ chức DH (3)	Hoạt động của SV (4)	CDR học phần (5)	Bài đánh giá (6)
16.	<p><b>Chương 1: Khái quát văn học thiếu nhi</b></p> <p>1.1. Một số vấn đề chung</p> <p>1.2. Một số đặc điểm của văn học thiếu nhi</p> <p>1.2.1. Văn học thiếu nhi mang tính giáo dục cao</p> <p>1.2.2. Văn học thiếu nhi mang tính nghệ thuật riêng</p> <p>1.2.3. Văn học thiếu nhi mang tính vừa sức</p> <p>1.3. Vai trò, tác dụng của VHTN</p> <p>1.3.1. Văn học thiếu nhi góp phần giáo dục đạo đức cho trẻ</p> <p>1.3.2. VHTN giúp trẻ hình thành năng lực cảm thụ văn học</p> <p>1.3.3. VHTN góp phần rèn luyện ngôn ngữ cho trẻ.</p>	<p>➤ Giảng dạy lý thuyết:</p> <p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide; Thuyết trình: 1.1; 1.2</p> <p>- Phát vấn;</p> <p>➤ Tổ chức cho sinh viên thảo luận nhóm với các nội dung:</p> <p>Thảo luận 1: Tìm hiểu khái niệm văn học thiếu nhi</p> <p>➤ Nhận xét và đánh giá nội dung thảo luận;</p> <p>➤ Giao nội dung tự học cho sinh viên</p> <p><i>Giao bài tập về nhà cho SV</i></p> <p>Bài tập 1: Chứng minh văn học thiếu nhi giáo dục trẻ một cách toàn diện</p>	<p>Ở nhà: Đọc Giáo trình và TLTK trước khi lên lớp</p> <p>➤ Chuẩn bị giáo trình và vở ghi chép, dụng cụ học tập; Trả lời câu hỏi của GV;</p> <p>➤ Tham gia thảo luận;</p> <p>Tự học: Đọc tài liệu chuẩn bị cho thảo luận</p> <p>➤ Theo dõi và trao đổi với GV;</p> <p>➤ Nội dung tự học ở nhà: Đọc tài liệu, thực hiện BT1</p> <p>Bài tập 1: Chứng minh văn học thiếu nhi giáo dục trẻ một cách toàn diện</p> <p>➤ Xem trước nội dung bài học ở tuần tiếp theo.</p>	<p>Gx.x</p> <p>G1.1; G1.2; G1.3; G1.4</p> <p>G2.1; G2.2; G2.3; G3.1; G3.2</p>	Ax.x.
17.	<p><b>Chương 2: Văn học dân gian thiếu nhi</b></p> <p>2.1. Thần thoại và truyền thuyết</p>	<p>Thuyết trình: 2.1.1; 2.1.2; 2.2.2.</p> <p>Thảo luận 2: Phân</p>	<p>Đọc giáo trình;</p> <p>Đọc và tóm tắt một số truyện thần thoại và truyền thuyết (<i>Con</i></p>	<p>G1.5; G1.6; G1.7;</p>	

	2.1.1. Định nghĩa 2.1.2. Nội dung - Thần thoại - Truyền thuyết	biệt thần thoại và truyền thuyết Tự học: Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo để thảo luận <i>Ở nhà:</i> Bài tập 2: Phân loại truyện Thánh Gióng, Sơn Tinh Thủy Tinh	<i>rồng cháu tiên, Thánh Gióng, Sơn Tinh Thủy Tinh, Cóc kiện trời, Thần trụ trời, Bánh chưng bánh giày, An Dương Vương)</i>	G2.3; G3.1; G3.2	
18.	- Truyền thuyết (tiếp) 2.1.3. Thần thoại và truyền thuyết đối với trẻ em 2.2. Truyện cổ tích 2.2.1. Định nghĩa 2.2.2. Nội dung	Thuyết trình: 2.2. Thảo luận 3: Phân loại truyện cổ tích Tự học: Đọc giáo trình và TLTK để thảo luận <i>Ở nhà:</i> Bài tập 3: Đánh giá các nhân vật trong truyện An Dương Vương	Đọc giáo trình Đọc TLTK thực hiện BT	G1.8; G1.9; G1.1; G1.5; G1.6; G1.7; G2.3; G3.1; G3.2	
19.	2.2.3. Nghệ thuật 2.2.4. Tác dụng truyện cổ tích đối với trẻ em 2.3. Truyện ngụ ngôn 2.3.1. Định nghĩa 2.3.2. Nội dung	Thuyết trình: 2.3.1; Thảo luận 4: Nhận xét kết thúc truyện Tấm Cám Tự học: Đọc phân tích mục 2.2.3. Tác dụng truyện cổ tích đối với trẻ em <i>Ở nhà:</i> Bài tập 4: Đọc và tóm tắt 5 truyện cổ tích	Đọc giáo trình Đọc TLTK thực hiện BT (Tóm tắt: Tấm Cám, Em bé thông minh, Thạch Sanh, Sọ Dừa, Cây tre trăm đốt, Cây khế, Sự tích hòn vọng phu)	G1.8; G1.9; G1.1; G1.5; G1.6; G1.7; G2.3; G3.1; G3.2	
20.	2.3. Truyện ngụ ngôn (Tiếp) 2.3.3. Nghệ thuật 2.4. Ca dao- Đồng dao 2.4.1. Định nghĩa ca	Thuyết trình: 2.3.2; 2.4.1; 2.4.2; Thảo luận 5: Phân biệt ca dao- dân ca Tự học: <i>Ở nhà:</i> Bài tập 5: Chứng	Đọc giáo trình Đọc TLTK thực hiện BT: Thống kê các truyện ngụ ngôn trong SGK Tiếng Việt	G1.8; G1.9; G1.1; G1.5; G1.6; G1.7;	

	dao 2.4.2. Nội dung của bộ phận ca dao cho thiếu nhi	minh truyện ngụ ngôn giáo dục trẻ em thông qua bài học thiết thực, bổ ích		G2.3; G3.1; G3.2	
21.	2.4.3. Định nghĩa đồng dao 2.4.4. Nội dung 2.4.5. Nghệ thuật 2.5. Câu đố 2.5.1. Định nghĩa	Thuyết trình: 2.4.4 Thảo luận 6: Phân biệt đồng dao với các thể loại thơ ca dân gian Tự học: Đọc giáo trình, TLTK về Vai trò, tác dụng của ca dao, đồng dao đối với đời sống trẻ thơ <i>Ở nhà:</i> Bài tập 6: Thống kê ca dao trong SGK Tiếng Việt Bài tập 7: Ý nghĩa của đồng dao đối với đời sống trẻ thơ	Đọc Giáo trình, TLTK thực hiện BT: Sru tâm ca dao, đồng dao	G1.8; G1.9; G1.1;  G1.5; G1.6; G1.7;  G2.3; G3.1; G3.2	
22.	2.5. Câu đố (tiếp) 2.5.2. Nội dung <b>Chương 3:</b> Văn học viết thiếu nhi 3.1. Khái quát về văn học viết thiếu nhi 3.1.1. Các chặng đường phát triển của VH viết TN 3.1.2. Các đặc điểm của VH viết TN	Thuyết trình: 2.5.1; 2.5.2 Bài tập: Thảo luận:  Tự học: Tóm tắt lịch sử phát triển của VH viết TN	Đọc Giáo trình, TLTK thực hiện BT: Sru tâm câu đố cho trẻ  Đọc Giáo trình, TLTK thực hiện BT: Thống kê các TP, TG tiêu biểu cho từng giai đoạn VH viết TN	G1.5; G1.6; G1.7;  G1.1; G2.1; G2.2; G2.3; G3.1; G3.2	
23.	3.2. Dế Mèn phiêu lưu kí- Tô Hoài 3.2.1. Giới thiệu 3.2.2. Phân tích tác phẩm	Thuyết trình: 3.2.2 Thảo luận 7: Đánh giá tính cách nhân vật Dế Mèn Tự học: Đọc GT,	Đọc và tóm tắt tác phẩm	G1.1; G1.1; G1.1;	

	3.2.3. Nghệ thuật	TLTK mục 3.2.1. <i>Ở nhà:</i> Bài tập 8: Phân tích nhân vật Dế Mèn và rút ra bài học giáo dục trẻ		G3.1; G3.2	
24.	3.3. Lá cờ thêu sáu chữ vàng- Nguyễn Huy Tưởng 3.3.1. Giới thiệu 3.3.2. Phân tích tác phẩm 3.3.3. Nghệ thuật	Lí thuyết: 3.3.2. Thảo luận 8: Biểu hiện lòng yêu nước của Hoài văn hầu Trần Quốc Toàn Tự học: Đọc GT, TLTK mục 3.3.1 <i>Ở nhà:</i> Bài tập 9: Phân tích nhân vật Trần Quốc Toàn	Đọc và tóm tắt tác phẩm	G1.1; G1.1; G1.1;  G3.1; G3.2	
25.	3.4. Phạm Hồ- Võ Quảng 3.4.1. Thơ Phạm Hồ 3.4.1.1. Giới thiệu 3.4.1.2. Nội dung 3.4.1.3. Nghệ thuật 3.4.2. Chuyện hoa chuyện quả	Lí thuyết: 3.4.1.2; 3.4.2.2. Thảo luận 10: Ý nghĩa kép của Chuyện hoa chuyện quả Tự học: Đọc GT, TLTK mục 3.4.1.1; 3.5.2.1 <i>Ở nhà:</i> Bài tập 11: Phân tích bài thơ Chú bò tìm bạn	Chép lại và học thuộc 5 bài thơ của Phạm Hồ (Bắp cải xanh, Tàu dài, Soi gương, Chú bò tìm bạn, Thỏ dùng điện thoại, Ngủ rồi, Ngõng và vịt) Đọc và tóm tắt 3 truyện trong Chuyện hoa chuyện quả (Bài thi nhập học, Những con ốc kỳ lạ, Tiếng sáo và con rắn)	G1.1; G1.1; G1.1; G1.1;  G2.3; G3.1; G3.2	
26.	3.4.3. Thơ Võ Quảng 3.4.2.1. Giới thiệu 3.4.2.2. Nội dung 3.4.2.3. Nghệ thuật 3.5. <i>Đất rừng phương Nam-</i> Đoàn Giỏi 3.5.1. Giới thiệu	Lí thuyết: 3.4.2. Thảo luận 9: Sự trưởng thành của Bé An được tạo bởi tác động của hoàn cảnh và nghị lực bản thân Tự học: Đọc GT, TLTK mục 3.5.1	Đọc và tóm tắt tác phẩm	G1.1; G1.1; G1.1; G1.16;  G3.1;	

	3.5.2. Phân tích tác phẩm 3.5.3. Nghệ thuật	<i>Ở nhà:</i> Bài tập 10: Phân tích nhân vật bé An		G3.2	
27.	3.6. Sáng tác của thiếu nhi 3.6.1. Thơ thiếu nhi thời kỳ chống Mỹ 3.6.1.1 Giới thiệu 3.6.1.2. Nội dung a. Lòng căm thù giặc Mỹ b. Những tình cảm trong sáng của thiếu nhi 3.6.2. Thơ Trần Đăng Khoa 3.6.2.1 Giới thiệu	Lí thuyết: 3.6.2; 3.6.3 Tự học: Mục 3.6.1 Thảo luận 11: Tính triết lí trong thơ Trần Đăng Khoa <i>Ở nhà:</i> Bài tập 12: Chọn và phân tích 01 bài thơ của TĐK trong SGK Tiếng Việt	Thống kê và học thuộc các bài thơ TĐK trong SGK Tiếng Việt	G1.1; G1.1; G1.1; G1.1;  G2.3; G3.1; G3.2	
	3.6.2.2 Nội dung 3.6.2.3 Nghệ thuật <b>Chương 4: Văn học thiếu nhi nước ngoài</b> 4.1. Khái quát văn học thiếu nhi nước ngoài 4.1.1. Giới thiệu 4.1. 2. Đặc điểm về nội dung 4.1.3. Một số đặc điểm về nghệ thuật	Lí thuyết: 4.2 Thảo luận 12: So sánh đặc điểm của VHTN trong nước và nước ngoài Tự học: đọc GT, TKTK mục 4.3. <i>Ở nhà:</i> Bài tập 13: Thống kê các TP VHTN nước ngoài trong SGK Tiếng Việt	Thực hiện BT	G1.1;  G2.3; G3.1; G3.2	
28.	4.2. Giới thiệu một số tác phẩm VH thiếu nhi của các tác giả nước ngoài 4.2.1. Truyện cổ Andecxen 4.2.1.1 Giới thiệu 4.2.1.2 Nội dung 4.2.1.3. Nghệ thuật 4.2.2. Truyện cổ	Lí thuyết: 4.2.2 Thảo luận 13: Tính hiện thực và yếu tố hài hước trong truyện Bộ quần áo mới của hoàng đế Tự học: Đọc GT, TKTK mục 4.2.3 Báo cáo, trình bày kết quả chuẩn bị ở nhà	Đọc và tóm tắt 3 truyện cho mỗi tác giả (Cô bé bán diêm, Bộ quần áo mới của hoàng đế, Một bà mẹ) (Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn, Cô bé quàng khăn đỏ, Ông lão đánh cá và con cá vàng)	G1.1; G1.2; G1.2;  G2.3; G3.1; G3.2	

	Grim 4.2.2.1 Giới thiệu 4.2.2.2 Nội dung 4.2.2.3. Nghệ thuật	<i>Ở nhà:</i> Bài tập 14: Phân tích truyện Cô bé bán diêm			
29.	4.2.3. Thơ Tago 4.2.3.1 Giới thiệu 4.2.3.2 Giá trị nội dung và nghệ thuật 4.2.4. Kiến và chim bồ câu của Lep Tônxtôi 4.2.4.1. Giới thiệu 4.2.4.2. Nội dung và nghệ thuật	Lí thuyết: Tự học: Đọc giáo trình và TLTK <i>Ở nhà:</i> Bài tập 15: Phân tích 1 t/p của 01 t/g (Mây và sóng, Chó sói và chó nhà, Thằng nói dối, Chuột, gà trống và mèo, Kiến và chim bồ câu)	Đọc 5 t/p của mỗi t/g	G1.1; G1.2; G1.2;	G2.3; G3.1; G3.2

## 7. Nguồn học liệu (các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, ...)

### Tài liệu chính:

[1] Phan Xuân Phồn, Văn học trẻ em, NXB Đại học Vinh, 2013.

### Tài liệu tham khảo:

[2] Lã Thị Bắc Lý, *Giáo trình Văn học trẻ em*, Nxb Đại học sư phạm, H, 2018.

[3] Lã Thị Bắc Lý, *Văn học thiếu nhi với giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Đại học sư phạm, H, 2015.

[4] Đặng Thu Quỳnh, *Tuyển chọn truyện kể cho trẻ*, NXB Giáo dục, 2002.

[5] *Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề*, NXB Giáo dục, 2009.

## 8. Quy định của môn học

Các quy định của môn học:

- ✓ Tham gia trên 80% số giờ lên lớp  
Tham gia trên 80% số giờ thực hành
- ✓ Phải làm đầy đủ các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- ✓ Thực hiện tự học thông qua các bài tập GV yêu cầu.

## 9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn phụ trách: Bộ môn Giáo dục tiểu học, Khoa Giáo dục
- Địa chỉ/email: [chuhathanhdhv@gmail.com](mailto:chuhathanhdhv@gmail.com); [thanhcth@vinhuni.edu.vn](mailto:thanhcth@vinhuni.edu.vn)

10. Ngày phê duyệt: 10/04/2017

11. Cấp phê duyệt:

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP NCKH GIÁO DỤC**

**1. Thông tin tổng quát**

**Thông tin về giảng viên:**

**1.1. TS. Nguyễn Thị Nhân**

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo Dục, Trường Đại học Vinh, số 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, Nghệ An

Email: nhannt@vinhuni.edu.vn

**1.2. PGS.TS. Nguyễn Thị Hương**

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo Dục, Trường Đại học Vinh, số 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, Nghệ An

Email: huongnt@vinhuni.edu.vn

**1.3. Th.S Chu Trọng Tuấn**

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo Dục, Trường Đại học Vinh, số 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, Nghệ An

Email: tuanct@vinhuni.edu.vn

**1.4. Th.S Nguyễn Thị Quỳnh Anh** Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo Dục, Trường Đại học Vinh, số 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, Nghệ An

Email: anhtntq@vinhuni.edu.vn

**1.5. Th.S Nguyễn Trung Kiên** Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo Dục, Trường Đại học Vinh, số 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, Nghệ An

Email: kiennt@vinhuni.edu.vn

**Thông tin về học phần:**

- Tên môn học (tiếng Việt): <b>Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục học tiểu học</b> (tiếng Anh): <b>Research methods of Primary education</b>	
- Mã số môn học:	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản v Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác <input type="checkbox"/> Môn học đồ án tốt nghiệp
- Số tín chỉ:	3
+ Số tiết lý thuyết:	39
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	6
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	90
- Môn học tiên quyết:	Triết học, Tâm lý học, Giáo dục học, Tâm lý học GD trẻ em, Giáo dục học tiểu học.
- Môn học song hành:	

## 2. Mô tả học phần

Học phần *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục* đóng vai trò then chốt trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm. Học phần này hình thành cho người học hệ thống tri thức lý thuyết và các kỹ năng cơ bản về cách thức thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục, để người học có thể tự lực thực hiện và hoàn thành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục thộc chuyên ngành theo đúng yêu cầu chuyên môn.

## 3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả	Trình độ NL	CĐR CTĐT
G 1	Có kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, có cơ sở phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục, hiểu rõ các phương pháp nghiên cứu, khi tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục.	2.0	1.1.4; 1.2.6; 1.3.10; 2.4.3
G 2	Khả năng nhận biết các vấn đề nghiên cứu từ thực tiễn giáo dục, phân tích, lập luận, giải thích các vấn đề lý luận và thực tiễn giáo dục, kỹ năng giải quyết vấn đề nghiên cứu đã chọn bằng đề tài nghiên cứu khoa học	3.5	1.3.10; 2.1.4; 2.3.3; 2.3.4; 2.4.3; 2.4.4; 2.5.3
G 3	Kỹ năng làm việc nhóm để giải quyết các nội dung nghiên cứu của đề tài KHGD, có kỹ năng thuyết trình, bảo vệ quan điểm cá nhân về các vấn đề thuộc khoa học giáo dục.	3.0	2.4.4; 2.5.3; 3.1.2; 3.1.4; 3.3.2
G4	Nhận biết được vị trí, vai trò và trách nhiệm của nhà nghiên cứu; vai trò NCKHGD của GV đối với sự phát triển GD. Thiết lập được các mục tiêu nghiên cứu, thực hiện và phát triển chương trình dạy học, giáo dục nhà trường	3.0	4.1.2; 4.1.3; 4.3.1; 4.3.2; 4.3.3; 4.6.2

## 4. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần		Mô tả CDR	NL	Mức độ giảng dạy
G1	G1.1	Trình bày được các khái niệm công cụ của môn học. KH, NCKH, PPLNCKH. Phân tích được các đặc trưng, các quan điểm tiếp cận, các cơ chế sáng tạo trong NCKHGD.	2.5	I,T
	G1.2	Trình bày cách thực hiện các PPNC KHGD và phân tích được các ưu điểm và hạn chế của từng PPNC KHGD	2.0	T,U

	G1.3	Xác định được quy trình thực hiện công trình NCKHGD và các phương pháp để thực hiện từng nội dung NC cụ thể	3.0	T,U
	G1.4	Trình bày được nội dung, PP đánh giá công trình NCKHGD	2.0	T,U
G2	G 2.1	Biết phân tích thực tiễn giáo dục để lựa chọn, khai thác các vấn đề nghiên cứu	3.0	I,T
	G 2.2	Vận dụng các PPNC để thực hiện đề tài NCKHGD.	3.5	T,U
	G 2.3	Xây dựng được đề cương NCKHGD	3.0	U
	G 2.4	Biết cách viết công trình NCKHGD và bảo vệ công trình NCKHGD	3.0	T,U
G3	G 3.1	Giao tiếp, ứng xử phù hợp, hiệu quả với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng trong hoạt động NC thực tiễn GD	3.0	U
	G 3.2	Tạo lập văn bản phục vụ NCKHGD	3.0	I
	G 3.3	Thuyết trình trước đám đông về một vấn đề của NCKHGD	3.0	U
	G 3.4	Phối hợp với đồng nghiệp, với các lực lượng giáo dục trong nhà trường và xã hội để hoàn thành tốt các nhiệm vụ NCKH được giao.	3.0	U
G4	G 4.1	Xác định vai trò và trách nhiệm của người giáo viên đối với NCKHGD	3.0	T,U
	G 4.2	Phân tích ảnh hưởng của NCKHGD đối với phát triển giáo dục	3.5	T,U
	G 4.3	Xác định vai trò của KHGD trong bối cảnh toàn cầu hóa giáo dục.	3.0	I
	G 4.4	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ NCKHGD trong hoạt động nghề nghiệp	3.0	U

## 5. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR học phần (Gx.x)	Tỷ lệ (%)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<i>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</i>			<i>10%</i>
Chuyên cần Thái độ...	A1.1.1. Đi học đầy đủ	G3.1; G3.4	5%
	A1.1.2. Tích cực tham gia xây dựng bài học	G3.3; G4.4	5%
<i>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</i>			<i>20%</i>

	A1.2.1: Hoàn thành các nhiệm vụ học tập theo nhóm	G 2.3; G4.2	20%
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)</b>			<b>20%</b>
Bài trắc nghiệm	A1.3.1. Bài trắc nghiệm: chương 1 và chương 2	G1.1; G1.3; G1.4; G2.1; G2.4	30%
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>			<b>50%</b>
	A2.1 Bài thi tự luận	G1.1; G1.2; G1.3 G1.4; G2.1; G2.2; G2.3; G2.4; G3.2	50%

## 6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

### 6.1. Nội dung giảng dạy

Nội dung dạy học	CĐR môn học (Gx.x)	Bài đánh giá
<p><b>Chương 1. KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</b></p> <p><b>GIỚI THIỆU</b></p> <p>Chương này trang bị cho sinh viên các kiến thức về khoa học, nghiên cứu khoa học, sự phân loại các khoa học và các con đường, cơ chế sáng tạo khoa học.</p> <p><b>MỤC TIÊU</b></p> <p>Sinh viên có những hiểu biết cơ bản về khoa học và nghiên cứu giáo dục tiểu học</p> <p><b>CHUẨN ĐẦU RA</b></p> <p>G1.1.1. Biết được các khái niệm công cụ của môn học: khoa học, nghiên cứu khoa học, công nghệ.</p> <p>G1.1.2. Vận dụng khai thác các đề tài NCKH GDTH</p> <p>G1.1.4. Phân tích được các đặc trưng của khoa học và nghiên cứu KHGDTH.</p> <p><b>NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG</b></p> <p><b>1. Khoa học và công nghệ</b></p> <p><b>1.1. Khoa học</b></p> <p><b>1.2. Công nghệ</b></p> <p><b>2. Nghiên cứu khoa học</b></p> <p>2.1. Khái niệm nghiên cứu khoa học</p> <p>2.2. Các loại hình nghiên cứu khoa học.</p>	<p>G1.1 G1.4 G4.1 G4.2 G4.3</p>	<p>A1.1 A1.2 A1.3 A2.1</p>

2.3. Các cơ chế sáng tạo trong nghiên cứu khoa học.		
<p style="text-align: center;"><b><u>Chương 2</u></b></p> <p><b>Ý NGHĨA, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC</b></p> <p><b>GIỚI THIỆU</b></p> <p>Chương này cung cấp cho sinh viên những quan điểm tiếp cận trong nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học để từ đó hình thành thế giới quan khoa học trong quá trình thực hiện các công trình nghiên cứu.</p> <p><b>MỤC TIÊU</b></p> <p>Sinh viên nắm được ý nghĩa, nội dung các quan điểm tiếp cận trong nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học</p> <p><b>Chuẩn đầu ra:</b></p> <p>G1.2.1. Biết được ý nghĩa, nội dung của các phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu khoa học.</p> <p>G1.2.3. Vận dụng các phương pháp tiếp cận để bố cục hợp lý một đề tài NCKH GDTH.</p> <p>G1.2.3. Phân tích được ý nghĩa các quan điểm tiếp cận, các cơ chế sáng tạo trong NCKHGD.</p> <p><b>NỘI DUNG</b></p> <p><b>1. Nghiên cứu khoa học giáo dục và chức năng, ý nghĩa của nó</b></p> <p>1.1. Khái niệm NCKHGD</p> <p>1.2. Chức năng NCKHGD</p> <p>1.3. Ý nghĩa của NCKHGD</p> <p><b>2. Nội dung NCKH chuyên ngành GD</b></p> <p>2.1. Nghiên cứu hệ thống giáo dục quốc dân.</p> <p>2.2. Nghiên cứu hệ thống quản lý giáo dục</p> <p>2.3. Nghiên cứu các nội dung công tác giáo dục</p> <p>2.4. Nghiên cứu công tác phổ cập giáo dục</p> <p>2.5. Nghiên cứu công tác xã hội hóa giáo dục</p> <p>2.6. Nghiên cứu các con đường nâng chất lượng giáo dục</p> <p><b>3. Phương pháp luận NCKHGD</b></p> <p>3.1. Một số khái niệm cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học.</p> <p>3.2. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục</p> <p>3.3. Các quan điểm tiếp cận trong nghiên cứu khoa học GD</p>	<p>G1.1</p> <p>G1.3</p> <p>G1.4</p> <p>G2.1</p> <p>G2.3</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>
Bài đánh giá giữa kì	Trắc nghiệm khách quan	A1.3

<p style="text-align: center;"><b><u>Chương 3.</u></b></p> <p><b>PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC</b></p> <p><b>GIỚI THIỆU</b></p> <p>Chương này trang bị cho sinh viên các tri thức về nội dung, cách tiến hành phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học</p> <p><b>MỤC TIÊU</b></p> <p>Sinh viên nắm được các nội dung , cách thức thực hiện các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục. Phân tích được các ưu điểm, hạn chế của các phương pháp nghiên cứu và lựa chọn vận dụng chúng vào các giai đoạn nghiên cứu của một công trình</p> <p><b>CHUẨN ĐẦU RA</b></p> <p>G1.3.1. Biết được quy trình thực hiện các PPNC KHGD tiểu học cụ thể.</p> <p>G1.3.2. Nắm được Mục đích của các PPNC KHGD tiểu học</p> <p>G1.3.3. Vận dụng được các PPNC vào khai thác các phần khác nhau trong một đề tài NCKH GDTH cụ thể. Thiết kế các công cụ nghiên cứu</p> <p>G1.3.4. Phân tích được ưu điểm, hạn chế của các PPNC KHGD tiểu học</p> <p><b>NỘI DUNG</b></p> <p><b>1. Khái niệm về phương pháp nghiên cứu khoa học.</b></p> <p>1.1. Khái niệm.</p> <p>1.2. Những đặc điểm của phương pháp nghiên cứu khoa học.</p> <p>1.3. Sự phân loại phương pháp nghiên cứu khoa học.</p> <p><b>2. Hệ thống các phương pháp NCKHGD</b></p> <p>2.1. Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý luận</p> <p>2.2. Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn</p> <p>2.3. Nhóm các phương pháp sử dụng toán</p>	<p>G1.1</p> <p>G1.2</p> <p>G1.3</p> <p>G1.4</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>G3.1</p> <p>G3.4</p> <p>G4.4</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A2.1</p>
<p style="text-align: center;"><b><u>Chương 4</u></b></p> <p><b>QUY TRÌNH THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC</b></p> <p><b>GIỚI THIỆU</b></p> <p>Chương này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kĩ thuật thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục qua các giai đoạn, cách thể hiện công trình nghiên cứu bằng văn bản, thuyết trình kết quả nghiên cứu trước hội đồng và đánh giá một công trình nghiên cứu.</p> <p><b>MỤC TIÊU</b></p> <p>Sinh viên nắm được quy trình thực hiện công trình nghiên cứu, lập được kế hoạch nghiên cứu, phối hợp các lực lượng để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu. Viết được đề cương nghiên cứu và biết</p>	<p>G1.3</p> <p>G2.3</p> <p>G2.4</p> <p>G3.2</p> <p>G3.3</p> <p>G3.4</p> <p>G4.4</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A2.1</p>

<p>cách viết bản nhận xét đánh giá nghiên cứu.</p> <p><b>CHUẨN ĐẦU RA</b></p> <p>G1.4.2. Hiểu được các giai đoạn thực hiện công trình nghiên cứu và công việc của từng giai đoạn, biết lập kế hoạch nghiên cứu và xây dựng đề cương nghiên cứu</p> <p>G1.4.3. Vận dụng viết được đề cương công trình NCKH GDTH, viết nhận xét đánh giá công trình NCKH GDTH</p> <p>G1.4.4. Phân tích được tính hiệu quả, khả thi của các phương pháp và độ tin cậy của thông tin khoa học</p> <p><b>NỘI DUNG</b></p> <p><b>1. Giai đoạn chuẩn bị nghiên cứu.</b></p> <p>1.1. Chọn đề tài nghiên cứu.</p> <p>1.2. Xây dựng đề cương nghiên cứu.</p> <p>1.3. Xác định tiến độ nghiên cứu.</p> <p><b>2. Giai đoạn nghiên cứu.</b></p> <p>2.1. Xử lý tài liệu lý thuyết.</p> <p>2.2. Xử lý tài liệu thực tiễn.</p> <p>2.3. Thực nghiệm khoa học.</p> <p><b>3. Giai đoạn hoàn thành công trình</b></p> <p>3.1. Chính lý kết quả nghiên cứu.</p> <p>3.2. Viết công trình nghiên cứu.</p> <p>3.3. Đánh giá công trình nghiên cứu</p>		
---	--	--

## 6.2. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức DH (3)	Yêu cầu SV chuẩn bị (4)	Bài đánh giá (6)
Tuần 1	<p><b>Chương I.</b></p> <p><b>KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</b></p> <p><b>1. Khoa học và công nghệ</b></p> <p><i>1.1. Khoa học</i></p> <p><i>1.2. Công nghệ</i></p> <p><b>2. Nghiên cứu khoa học</b></p> <p>2.1. Khái niệm nghiên cứu khoa học</p>	<p><i>Dạy lý thuyết:</i> (máy chiếu; giới thiệu học liệu cho SV qua LMS)</p> <p><i>Thảo luận (1 tiết, giao nhiệm vụ cho SV qua LMS)</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc học liệu 1, chương 1</li> <li>- Tìm hiểu các quan điểm về khoa học</li> <li>- Từ đặc điểm của NCKH hãy chỉ ra các tiêu chí đánh giá công trình NCKH</li> <li>- Phân biệt khoa học và công nghệ</li> </ul>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>
	Tìm hiểu các đặc điểm của nghiên cứu KHGD	Tự học		

Tuần 2	<b>2. Nghiên cứu khoa học</b> 2.1. Khái niệm nghiên cứu khoa học 2.2. Các loại hình nghiên cứu khoa học. 2.3. Các cơ chế sáng tạo trong nghiên cứu khoa học.	<b><i>Đạy lý thuyết:</i></b> <i>(máy chiếu; giới thiệu học liệu cho SV qua LMS)</i> <b><i>Thảo luận (1 tiết, giao nhiệm vụ cho SV qua LMS)</i></b>	- Đọc học liệu 1 mục 2 chương 1 - Phân tích các cơ chế sáng tạo trong NCKH	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
	Tìm hiểu về: - Nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học: Khái niệm, thành phần	Tự học	-	
Tuần 3	<b>Chương 2. Ý NGHĨA, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC</b> <b>1. Nghiên cứu khoa học giáo dục và chức năng, ý nghĩa của nó</b> 1.1. Khái niệm NCKHGD 1.2. Chức năng NCKHGD 1.3. Ý nghĩa của NCKHGD	<b><i>Đạy lý thuyết:</i></b> <i>(máy chiếu; giới thiệu học liệu cho SV qua LMS)</i> <b><i>Thảo luận (1 tiết, giao nhiệm vụ cho SV qua LMS)</i></b>	- Đọc học liệu 1,	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
	Tự học: Phân tích vai trò của KHGD trong bối cảnh toàn cầu hóa giáo dục.	Tự học	- Đọc học liệu 8;	
Tuần 4	<b>2. Nội dung NCKH chuyên ngành GD</b> 2.1. Nghiên cứu hệ thống giáo dục quốc dân. 2.2. Nghiên cứu hệ thống quản lý giáo dục 2.3. Nghiên cứu các nội dung công tác giáo dục 2.4. Nghiên cứu công tác phổ cập giáo dục 2.5. Nghiên cứu công tác	Thảo luận nhóm: Chọn một đề tài nc KHGDTH và xác định những cơ sở lý luận	- Đọc mục 2 chương 1 và mục 2 chương 2 - Ý kiến phát biểu và bài tham luận.	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1

	xã hội hóa giáo dục 2.6. Nghiên cứu các con đường nâng chất lượng giáo dục			
	Tự học: Tìm hiểu vai trò và trách nhiệm của người giáo viên đối với NCKHGD	Tự học	- Đọc học liệu 1	
Tuần 5	<b>3. Phương pháp luận NCKHGD</b> 3.1. Một số khái niệm cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học. 3.2. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục 3.3. Các quan điểm tiếp cận trong nghiên cứu khoa học GD	<i>Dạy lý thuyết: (máy chiếu; giới thiệu học liệu cho SV qua LMS)</i> <i>Thảo luận (1 tiết, giao nhiệm vụ cho SV qua LMS):</i>	1. Phân tích quan điểm lịch sử - logic 2. Phân tích quan điểm thực tiễn - khách quan 3. Phân tích quan điểm hệ thống - cấu trúc	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
	Tự học: Vận dụng các tiếp cận nghiên cứu vào phân tích bố cục đề tài nghiên cứu nhóm			
	Bài đánh giá giữa kì	Trắc nghiệm khách quan	Nội dung chương 1 và chương 2	A1.3
Tuần 6	<b>1. Khái niệm về phương pháp nghiên cứu khoa học.</b> 1.1. Khái niệm. 1.2. Những đặc điểm của phương pháp nghiên cứu khoa học. 1.3. Sự phân loại phương pháp nghiên cứu khoa học.	<i>Dạy lý thuyết: 2 (máy chiếu; giới thiệu học liệu cho SV qua LMS)</i> <i>Thảo luận (1 tiết, giao nhiệm vụ cho SV qua LMS):</i>	- Đọc học liệu 1, mục 1 chương 3 - Xác định các tiêu chí đánh giá hiệu quả của phương pháp nghiên cứu	A1.1 A1.2 A2.1
	Tự học: Tìm hiểu Những đặc điểm của phương pháp nghiên cứu khoa học.	Tự học	- Đọc học liệu 1, mục 1 chương 3	
Tuần	<b>2. Hệ thống các phương</b>	<i>Dạy lý thuyết: 2</i>	- Ý kiến phát biểu và	A1.1

7	<p><b>pháp NCKHGD</b></p> <p>2.1. Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý luận</p>	<p>(máy chiếu; giới thiệu học liệu cho SV qua LMS)</p> <p><b>Thảo luận</b> (1 tiết, giao nhiệm vụ cho SV qua LMS):</p>	<p>bài tham luận.</p> <p>- Vận dụng phương pháp mô hình hóa để mô tả nội dung nghiên cứu của đề tài nhóm</p>	<p>A1.2</p> <p>A2.1</p>
	<p>Tự học: Tìm hiểu nội dung, cách tiến hành và ưu điểm, hạn chế của các PPNC lý luận</p>	<p>Tự học</p>		
Tuần 8	<p><b>2. Hệ thống các phương pháp NCKHGD</b></p> <p>2.2. Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn</p> <p>2.2.1. Quan sát</p> <p>2.2.2. Điều tra</p> <p>2.2.3. Nghiên cứu sản phẩm hoạt động</p>	<p><b>Dạy lý thuyết:</b> 2 (máy chiếu; giới thiệu học liệu cho SV qua LMS)</p> <p><b>Thảo luận</b> (1 tiết, giao nhiệm vụ cho SV qua LMS)</p>	<p>Đọc tài liệu mục 2 chương 3</p> <p>- Lập phiếu quan sát</p> <p>- Lập phiếu điều tra</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A2.1</p>
	<p>Tự học: Giả định một thống kê số liệu nghiên cứu của từng phương pháp nghiên cứu thực tiễn</p> <p>1. Quan sát</p> <p>2. Điều tra</p> <p>3. Nghiên cứu sản phẩm hoạt động</p> <p>Rồi mô tả phân tích kết quả đó trong văn bản khoa học</p>	<p>Tự học</p>		
Tuần 9	<p><b>2. Hệ thống các phương pháp NCKHGD</b></p> <p>2.2. Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn</p> <p>4. Tổng kết kinh nghiệm giáo dục</p> <p>5. Chuyên gia</p> <p>6. Thực nghiệm</p>	<p><b>Dạy lý thuyết:</b> 2 (máy chiếu; giới thiệu học liệu cho SV qua LMS)</p> <p><b>Thảo luận</b> (1 tiết, giao nhiệm vụ cho SV qua LMS)</p>	<p>Đọc tài liệu mục 2 chương 3</p> <p>- Lập phiếu hỏi chuyên gia</p> <p>- So sánh điểm giống và khác nhau giữa khảo sát điều tra và khảo sát ý kiến chuyên gia</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A2.1</p>
	<p>Tự học: : Giả định một</p>	<p>Tự học</p>		

	<p>thống kê số liệu nghiên cứu của từng phương pháp nghiên cứu thực tiễn</p> <p>4. Tổng kết kinh nghiệm giáo dục</p> <p>5. Chuyên gia</p> <p>6. Thực nghiệm</p> <p>Rời mô tả phân tích kết quả đó trong văn bản khoa học</p>			
Tuần 10	<p><b>2. Hệ thống các phương pháp NCKHGD</b></p> <p>2.3. Nhóm các phương pháp sử dụng toán</p>	<p><i>Dạy lý thuyết: 2 (máy chiếu; giới thiệu học liệu cho SV qua LMS)</i></p> <p><i>Thảo luận (1 tiết, giao nhiệm vụ cho SV qua LMS):</i></p>	<p>- Ý nghĩa, nội dung của việc tính phương sai?</p> <p>- Ý nghĩa, nội dung của việc tính độ lệch chuẩn?</p> <p>- Ý nghĩa, nội dung của việc tính phần trăm?</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A2.1</p>
	Tự học: Tìm hiểu thang đo likert, phần mềm SPSS	Tự học		
Tuần 11	<p><b>1. Giai đoạn chuẩn bị nghiên cứu.</b></p> <p>1.1. Chọn đề tài nghiên cứu.</p> <p>1.2. Xây dựng đề cương nghiên cứu.</p> <p>1.3. Xác định tiến độ nghiên cứu.</p>	<p><i>Dạy lý thuyết: 2 (máy chiếu; giới thiệu học liệu cho SV qua LMS)</i></p> <p><i>Thảo luận (1 tiết, giao nhiệm vụ cho SV qua LMS)</i></p>	<p>- Đọc học liệu 1, mục 1 chương 4.</p> <p>- Nội dung, ý nghĩa của các thành phần trong đề cương nghiên cứu</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A2.1</p>
	Tự học: Tìm hiểu cách xây dựng đề cương nghiên cứu, vận dụng vào xây dựng đề cương đề tài nhóm	Tự học	<p>- Đọc học liệu 1;</p> <p>- Tìm đọc một số luận văn ở thư viện</p>	
Tuần 12	<p>1.2. Xây dựng đề cương nghiên cứu.</p> <p>1.3. Xác định tiến độ nghiên cứu.</p>	Thảo luận giao nhiệm vụ cho SV qua LMS)	<p>- Cách thực hiện các nội dung đề cương nghiên cứu KHGD tiểu học</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A2.1</p>
	Tự học: Tìm hiểu cách xây			

	dựng đề cương nghiên cứu, vận dụng vào xây dựng đề cương đề tài nhóm			
Tuần 13	<b>2. Giai đoạn nghiên cứu.</b> 2.1. Xử lý tài liệu lý thuyết. 2.2. Xử lý tài liệu thực tiễn. 2.3. Thực nghiệm khoa học.	<b>Dạy lý thuyết:</b> 2 (máy chiếu; giới thiệu học liệu cho SV qua LMS) <b>Thảo luận</b> (1 tiết, giao nhiệm vụ cho SV qua LMS)	- Đọc học liệu 1, chương 3 và mục 2 chương 4 - Lựa chọn các PPNC để thực hiện các giai đoạn	A1.1 A1.2 A2.1
	Tự học: Tìm hiểu và xác định các phương pháp nghiên cứu cho đề tài nhóm	Tự học	- Đọc học liệu 1, chương 3 và mục 2 chương 4 - Tham khảo một số luận văn	
Tuần 14	<b>3. Giai đoạn hoàn thành công trình</b> 3.1. Chính lý kết quả nghiên cứu. 3.2. Viết công trình nghiên cứu.	<b>Dạy lý thuyết:</b> 2 (máy chiếu; giới thiệu học liệu cho SV qua LMS) <b>Thảo luận</b> (2 tiết, giao nhiệm vụ cho SV qua LMS)	- Đọc học liệu 1, - Bảo vệ đề cương đề tài nhóm	A1.1 A1.2 A2.1
	Tự học: Tìm hiểu cách viết một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục	Tự học	- Đọc học liệu 1; - Tham khảo luận văn	
Tuần 15	3.3. Đánh giá công trình nghiên cứu.	<b>Dạy lý thuyết:</b> 1 (máy chiếu; giới thiệu học liệu cho SV qua LMS) <b>Thảo luận</b> (2 tiết, giao nhiệm vụ cho SV qua LMS)	- Đọc học liệu 1 - Viết bản nhận xét đề cương đề tài nhóm khác	A1.1 A1.2 A2.1
	<b>Tự học:</b> Các mẫu văn bản đánh giá công trình nghiên cứu khoa học giáo dục: Bản nhận xét luận văn, Bản phản biện luận văn, Biên bản nghiệm thu công trình nghiên cứu...	Tự học	Mạng internet	

## **7. Nguồn học liệu**

### **7.1. Tài liệu chính**

1. Vũ Cao Đàm, Phương pháp nghiên cứu khoa học, NXB khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2008.
2. Phạm Minh Hùng, Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, ĐHSPT Vinh, Vinh 2000

### **7.2. Tài liệu tham khảo**

3. Phạm Viết Vượng, Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục: Sách dùng cho các trường đại học và cao đẳng sư phạm, NXB GD, Hà Nội, 1995
4. Trần Xuân Sinh, Đoàn Minh Duệ, Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Tư pháp, 2008.
5. Trung Nguyên, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB GTVT, 2008.
6. Nguyễn Thị Mỹ Trinh, Giáo trình phương pháp nghiên cứu trẻ em, NXB Đại học Vinh, 2008

# I. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ LÀM VIỆC NHÓM

(Mỗi nhóm từ 8 - 10 SV)

TT	Nội dung Đánh giá	Tiêu chí đánh giá					
		A	B	C	D	E	F
I	Sản phẩm hoạt động nhóm	Bản báo cáo trình bày đầy đủ, sâu nội dung đề tài được giao, hình thức trình bày cẩn thận, đẹp	Bản báo cáo trình bày đầy đủ nội dung đề tài được giao	Bản báo cáo trình bày ở mức đầy đủ nội dung đề tài nhưng chưa sâu	Nội dung bản báo cáo còn chưa sâu	Nội dung bản báo cáo còn sơ sài	Không có sản phẩm của nhóm
<i>Điểm tối đa: 4</i>		<i>2 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	<i>0,5 điểm</i>	<i>0,3 điểm</i>	<i>0,2 điểm</i>	<i>0 điểm</i>
II	Thuyết trình trước lớp	Rõ ràng, mạch lạc, tự tin, làm chủ bài thuyết trình	Rõ ràng, mạch lạc,	Rõ ràng, mạch lạc, nhưng chưa tự tin	Chưa rõ ràng, mạch lạc, thiếu tự tin	Chưa rõ ràng, mạch lạc, còn lúng túng	Không trình bày được
<i>Điểm tối đa: 3</i>		<i>1,5 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	<i>0,5 điểm</i>	<i>0,3 điểm</i>	<i>0,2 điểm</i>	<i>0 điểm</i>
III	Ý thức, thái độ, sự hợp tác trong nhóm (qua đánh giá của nhóm)	Tích cực tham gia hoạt động nhóm, có nhiều ý kiến đóng góp tốt cho nhóm	Tham gia hoạt động nhóm tích cực, có ý kiến đóng góp cho nhóm	Tham gia hoạt động nhóm, nhưng ít có ý kiến	Tham gia hoạt động nhóm nhưng không có ý kiến	Tham gia không tích cực vào hoạt động nhóm, không có ý kiến đóng góp	Không tham gia làm việc trong nhóm
<i>Điểm tối đa: 3</i>		<i>1,5 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	<i>0,5 điểm</i>	<i>0,3 điểm</i>	<i>0,2 điểm</i>	<i>0 điểm</i>

## 8. Quy định của môn học

Để đạt được mục tiêu của học phần, sinh viên phải thực hiện đầy đủ và đúng thời gian qui định bài tập thực hành trong từng chương. Vở bài tập thực hành phải nộp sau mỗi chương

để giảng viên lưu vào hồ sơ học tập. Sản phẩm tự học và hoạt động nhóm cũng nộp sau mỗi chương.

Sinh viên phải tham gia ít nhất 80% số tiết lên lớp của học phần mới đủ điều kiện thi Kết thúc học phần.

**9. Phụ trách môn học**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Bộ môn Giáo dục Tiểu học, Khoa Giáo dục, Trường Đại học Vinh

**10. Ngày phê duyệt:** 10/04/2017

**11. Cấp phê duyệt:**

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: ÂM NHẠC**

**1. Thông tin tổng quát**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1**

Họ và tên: Võ Trọng Vinh

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên -Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: vovinhna@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lý thuyết âm nhạc cơ bản, cơ sở lý luận âm nhạc, xướng âm, đàn organ.

**Giảng viên 2**

Họ và tên: Mai Tuấn Sơn

Chức danh, học hàm, học vị: Giáo viên -Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 01665770160, email: tuansonmai@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lý thuyết âm nhạc cơ bản, cơ sở lý luận âm nhạc, xướng âm, đàn organ.

**Giảng viên 3**

Họ và tên: Đặng Thị Lê Na

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Trường Thực hành Sư phạm Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Trường Thực hành Sư phạm Đại học Vinh

Điện thoại 098 234 3099, email: nathodhv@gmail.com

**Giảng viên 4**

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hạnh

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục trường Đại học Vinh, điện thoại 0915217680

Email: [hanhvinhuni@gmail.com](mailto:hanhvinhuni@gmail.com)

**1.2. Thông tin về học phần**

- Tên học phần (tiếng Việt): <b>Âm nhạc</b> (tiếng Anh): <b>Music</b>
- Mã số học phần: EU 3001
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành

<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
<input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung	<input type="checkbox"/> Môn học đồ án tốt nghiệp
- Số tín chỉ: 4	
+ Số tiết lý thuyết:	25 tiết
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	
+ Số tiết thực hành:	30
+ Số tiết hoạt động nhóm:	05 tiết
+ Số tiết tự học:	180 tiết
- Môn học tiên quyết:	
- Môn học song hành:	

## 2. Mô tả học phần

Học phần Âm nhạc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo giáo viên mầm non. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận và kỹ năng thực hành âm nhạc cơ bản gồm: nhạc lý, xướng âm, kỹ thuật ca hát, chỉ huy, cách sử dụng đàn phím điện tử. Từ đó hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá các hoạt động âm nhạc ở trường mầm non.

## 3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	TĐNL
G1	Hiểu được kiến thức nhạc lý, cơ sở lý luận âm nhạc, xướng âm, đàn, hát.	1.2.2	3.0
G2	Thực hiện được các bài tập thực hành trong chương trình đào tạo	2.1.1; 2.2.1; 2.4.2	3.0
G3	Thành lập nhóm, triển khai hoạt động nhóm, lãnh đạo nhóm hiệu quả.	3.1.1; 3.1.2; 3.1.3; 3.1.4	3.0
G4	Áp dụng được các kiến thức âm nhạc vào tổ chức các hoạt động âm nhạc ở trường mầm non	4.2.1; 4.2.2; 4.4.1; 4.4.2, 4.4.3	3.0

## 2. Chuẩn đầu ra học phần

Mục tiêu	Mục tiêu	Mô tả CĐR	Mức độ giảng dạy
G1	G1.1	Giải thích được các khái niệm cơ bản về lý thuyết âm nhạc	T
	G1.2	Giải thích được các thuật ngữ cơ bản về thể loại, hình thức âm nhạc	T
	G1.3	Hiểu được các thuật ngữ cơ bản trong ca hát, đàn organ	T
	G1.4	Nhận diện được các bài tập về nhạc lý cơ bản	T
	G1.5	Nhận được các bài tập cơ bản về phân tích tác phẩm âm	T, U

		nhạc	
G2	G2.1	Thực hiện được các thao tác sử dụng đàn organ	T, U
	G2.2	Thực hiện được các bài đàn trong chương trình giáo dục mầm non.	T,U
	G2.3	Thực hiện được các bài xướng âm có cao độ, tiết tấu ở mức độ vừa phải	T,U
	G2.4	Thực hiện được các bài hát trong chương trình giáo dục mầm non.	T,U
	G2.5	- Phân tích được các bài hát trong chương trình giáo dục mầm non	U
G3	G 3.1	Hoạt động nhóm hiệu quả khi thực hiện các bài tập về nội dung lý thuyết và thực hành	U
	G3.2	Thuyết trình tự tin, mạch lạc trước nhóm, lớp các vấn đề về lý thuyết	U
G4	G4.1	Nắm được đặc điểm khả năng âm nhạc của trẻ ở trường mầm non	T
	G4.2	Vận dụng kiến thức âm nhạc để tổ chức các hoạt động âm nhạc ở trường mầm non	U
	G4.3	Vận dụng kiến thức âm nhạc để đánh giá các hoạt động âm nhạc ở trường mầm non	U

### 5. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<b><i>A1.1. Ý thức học tập</i></b>			<b><i>10%</i></b>
	A1.1.1.Mức độ chuyên cần và đảm bảo giờ giấc	G3.1, G3.2	5%
	A1.1.2.Thái độ hợp tác với giảng viên và các thành viên trong nhóm, lớp	G3.1, G3.2	5%
<b><i>A1.2. Hồ sơ học phần</i></b>			<b><i>20%</i></b>
	A1.2.1. Vở bài tập, A.1.2.2. kết quả hoạt động nhóm	G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G1.5 G2.5, G3.1, G3.2	10% 10%
<b><i>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)</i></b>			<b><i>20%</i></b>
	A1.3.1: Bài kiểm tra trắc nghiệm Nội dung chương 1: Lý thuyết âm nhạc cơ bản (mục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4)	G1.1, G1.4	20%

<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>			<b>50%</b>
A2.1: Bài thi trắc nghiệm Nội dung chương 1: Lý thuyết âm nhạc cơ bản. Nội dung chương 2: Cơ sở lý luận âm nhạc. Số câu hỏi: 50 câu trong 200 câu.	G1.1, G1.2, G1.3, G1.4 G1.5, G4.1, G4.2, G4.3 G2.1, G2.2, G2.3, G2.4		50%
A2.2. Điểm thực hành là điểm trung bình cộng các bài thực hành			

Tính điểm kết thúc học phần theo công thức:

$$A = a1.0,1 + a2.0,2 + a3.0,2 + (a4.2 + a5.2)/4$$

- a1 là điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên
- a2 là điểm đánh giá hồ sơ học tập học phần
- a3 là điểm đánh giá giữa học phần
- a4 là điểm đánh giá cuối kỳ phần lý thuyết
- a5 là điểm trung bình cộng của các bài thực hành

## 6. Nội dung giảng dạy

### 6.1. Nội dung giảng dạy Lý thuyết

<b>Nội dung</b>	<b>CDR môn học (Gx.x)</b>	<b>Bài đánh giá</b>
<b>Chương 1. Nhạc lý</b>		
<b>1.1. Khái quát về âm nhạc</b>		
1.1.1. Khái niệm về âm nhạc		
1.1.2. Các thuộc tính của âm thanh âm nhạc	G1.1, G1.4	A1.
1.1.3. Hệ thống hàng âm	G3.1, G3.2	A1.2.1
1.1.4. Hình nốt, khuông nhạc, khóa nhạc		A1.2.2
1.1.5. Vị trí các nốt trên khuông		A.1.3.1
1.1.6. Một số ký hiệu thường dùng		
<b>1.2. Phách- Nhịp</b>		
1.2.1. Khái niệm về phách		
1.2.1. Khái niệm về nhịp	G1.1, G1.4	
1.2.3. Các loại nhịp	G3.1, G3.2	
1.2.4. Phách nguyên, phách chia		
1.2.5. Đảo phách, nghịch phách		
<b>1.3. Cung quãng, dấu hóa</b>		
1.3.1. Cung và nửa cung		
1.3.2. Dấu hóa		
1.3.3. Quãng		

<p><b>1.4. Điều thức - Gam - Giọng</b></p> <p>1.4.1. Điều thức</p> <p>1.4.2. Các loại điều thức</p> <p>1.4.3. Gam</p> <p>1.4.4. Giọng</p> <p>1.4.5. Cách viết hóa biểu</p> <p>1.4.6. Tìm tên giọng theo hóa biểu</p> <p>1.4.7. Cách xác định giọng</p> <p><b>1.5. Hợp âm</b></p> <p>1.5.1. Khái niệm</p> <p>1.5.2. Các loại hợp âm</p> <p>1.5.3. Hợp âm ba chính</p> <p>1.5.4. Đảo hợp âm</p> <p>1.5.5. Tác dụng của hợp âm</p>		
<p><b>Chương 2: Cơ sở lý luận âm nhạc</b></p> <p><b>2.2. Kỹ thuật hát</b></p> <p>2.2.1. Âm sắc giọng hát</p> <p>2.2.2. Tư thế trong ca hát</p> <p>2.2.3. Hít thở, lấy hơi, nhả chữ trong ca hát</p> <p>2.2.4. Kỹ thuật hát</p> <p>2.2.5. Trình bày tác phẩm</p> <p>Chương 2.(tiếp)</p> <p><b>2.3. Chỉ huy hát tập thể</b></p> <p>2.3.1. Tư thế chỉ huy</p> <p>2.3.2. Động tác chỉ huy</p>	<p>G1.2, G1.5</p> <p>G2.5</p> <p>G3.1, G3.2</p> <p>G4.1, G4.2,</p> <p>G4.3</p>	<p>A1.</p> <p>A1.2.1</p> <p>A1.2.2</p> <p>A2.1</p>

## 6.2. Nội dung giảng dạy thực hành xướng âm, hát

Nội dung	CĐR môn học	Bài đánh giá
<p><b>Chương 3. Xướng âm</b></p> <p><b>Bài 1: Giọng C dur</b></p> <p>1. Luyện cao độ gam Cdur</p> <p>2. Luyện tiết tấu</p> <p>3. Bài thực hành số 1</p> <p>4. Xướng âm ghép lời bài hát:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chú bộ đội</li> <li>- Nhớ ơn Bác</li> </ul>	<p>G1.3, G2.3,</p> <p>G2.4</p> <p>G3.1, G3.2</p>	<p>A2.2</p>
<p><b>Bài 2: Giọng C dur</b></p>	<p>G1.3, G2.3,</p>	<p>A2.2</p>

1. Luyện cao độ gam Cdur 2. Luyện tiết tấu 3. Bài thực hành số 2 4. Xướng âm ghép lời bài hát: - Mùa xuân đến rồi - Cô Và mẹ	G2.4 G3.1, G3.2	
<b>Bài 3: Giọng C dur</b> 1. Luyện cao độ gam Cdur 2. Luyện tiết tấu 3. Bài thực hành số 3 4. Xướng âm ghép lời bài hát: - Đường em đi - Màu hoa	G1.3, G2.3, G2.4 G3.1, G3.2	A2.2
<b>Bài 4: Giọng C dur</b> 1. Luyện cao độ gam Cdur 2. Luyện tiết tấu 3. Bài thực hành số 4 4. Xướng âm ghép lời bài hát: - Năm tay thân thiết - Mừng Xuân	G1.3, G2.3, G2.4 G3.1, G3.2	A2.2
<b>Bài 5: Giọng G dur</b> 1. Luyện cao độ gam Gdur 2. Luyện tiết tấu 3. Bài thực hành số 5 4. Xướng âm ghép lời bài hát: - Là con mèo - Chúc mừng sinh nhật	G1.3, G2.3, G2.4 G3.1, G3.2	A2.2
<b>Bài 6: Giọng G dur</b> 1. Luyện cao độ gam Gdur 2. Luyện tiết tấu 3. Bài thực hành số 6 4. Xướng âm ghép lời bài hát: - Đi trên vỉa hè bên phải - Vườn trường mùa thu	G1.3, G2.3, G2.4 G3.1, G3.2	A2.2
<b>Bài 7: Giọng F dur</b> 1. Luyện cao độ gam Fdur 2. Luyện tiết tấu 3. Bài thực hành số 7	G1.3, G2.3, G2.4 G3.1, G3.2	A2.2

<p>4. Xướng âm ghép lời bài hát:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gà trống</li> <li>- Đội kèn tí hon</li> <li>- Múa với bạn Tây nguyên</li> </ul>		
<p><b>Bài 8: Giọng F dur</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Luyện cao độ gam Fdur</li> <li>2. Luyện tiết tấu</li> <li>3. Bài thực hành số 8</li> <li>4. Xướng âm ghép lời bài hát: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chú bộ đội đi xa</li> <li>- Hãy xoay nào</li> <li>- Cái mũ</li> </ul> </li> </ol>	<p>G1.3, G2.3, G2.4 G3.1, G3.2</p>	<p>A2.2</p>
<p><b>Bài 9: Giọng Amoll - Emoll</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Luyện cao độ gam Amoll</li> <li>2. Luyện tiết tấu</li> <li>3. Bài thực hành số 9</li> <li>4. Xướng âm ghép lời bài hát: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày mùa vui</li> <li>- Lòng mẹ</li> </ul> </li> </ol>	<p>G1.3, G2.3, G2.4 G3.1, G3.2</p>	<p>A2.2</p>
<p><b>Bài 10: Giọng Emoll</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Luyện cao độ gam Emoll</li> <li>2. Luyện tiết tấu</li> <li>3. Bài thực hành số 10</li> <li>4. Xướng âm ghép lời bài hát: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạm biệt búp bê thân yêu</li> <li>- Tiếng chày trên sóc Bom-Bo</li> </ul> </li> </ol>	<p>G1.3, G2.3, G2.4 G3.1, G3.2</p>	<p>A2.2</p>
<p><b>Bài 11: Ôn tập, kiểm tra</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn tập 1 tiết</li> <li>- Kiểm tra 1 tiết</li> <li>- Xướng âm ghép lời 1 bài tự chọn</li> <li>- Xướng âm ghép lời 1 bài trong số các bài đã học (bộc thãm)</li> </ul>	<p>G1.3, G2.3, G2.4 G3.1, G3.2</p>	<p>A2.2</p>
<p><b>Chương 4: Đàn Organ</b></p> <p><b>Bài 1: Giới thiệu đàn organ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cấu tạo bàn phím và qui định ngón</li> <li>2. Hướng dẫn sử dụng đàn</li> <li>3. Một số chỉ dẫn khi luyện tập</li> <li>4. Bài luyện ngón, gam Cdur</li> </ol>	<p>G1.3, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2</p>	<p>A2.2</p>

<p><b>Bài 2: Giọng đô trưởng</b></p> <p>1. Bài luyện ngón, gam Cdur</p> <p>2. Tập bấm các hợp âm:</p> <p>3. Bài thực hành: Cô và mẹ</p>	<p>G1.3, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2</p>	<p>A2.2</p>
<p><b>Bài 3: Giọng đô trưởng</b></p> <p>1. Bài luyện ngón gam Cdur</p> <p>2. Tập bấm các hợp âm:</p> <p>3. Bài thực hành: Con chim non</p>	<p>G1.3, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2</p>	<p>A2.2</p>
<p><b>Bài 4: Giọng đô trưởng</b></p> <p>1. Bài luyện ngón gam Cdur</p> <p>2. Tập bấm các hợp âm:</p> <p>3. Bài thực hành: Tập đếm</p>	<p>G1.3, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2</p>	<p>A2.2</p>
<p><b>Bài 5: Giọng pha trưởng</b></p> <p>1. Bài luyện ngón gam Fdur</p> <p>2. Tập bấm các hợp âm:</p> <p>3. Bài thực hành: Trường chúng cháu là trường mầm non</p>	<p>G1.3, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2</p>	<p>A2.2</p>
<p><b>Bài 6: Giọng pha trưởng</b></p> <p>1. Bài luyện ngón gam Fdur</p> <p>2. Tập bấm các hợp âm:</p> <p>3. Bài thực hành : Quà mừng tám tháng 3</p>	<p>G1.3, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2</p>	<p>A2.2</p>
<p><b>Bài 7: Giọng son trưởng</b></p> <p>1. Bài luyện ngón gam Gdur</p> <p>2. Tập bấm các hợp âm: G -C- D</p> <p>3. Bài thực hành: Chúc mừng sinh nhật</p>	<p>G1.3, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2</p>	<p>A2.2</p>
<p><b>Bài 8: Giọng son trưởng</b></p> <p>1. Bài luyện ngón gam Gdur</p> <p>2. Tập bấm các hợp âm:</p> <p>3. Bài thực hành: Hoa trong vườn</p>	<p>G1.3, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2</p>	<p>A2.2</p>
<p><b>Bài 9: Giọng Amoll</b></p> <p>1. Bài luyện ngón gam Amoll</p> <p>2. Tập bấm các hợp âm</p> <p>3. Bài thực hành:</p>	<p>G1.3, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2</p>	<p>A2.2</p>

Ngày mùa vui		
<b>Bài 10: Giọng Emoll</b> 1. Bài luyện ngón gam Amoll 2. Tập bấm các hợp âm 3. Bài thực hành: Tạm biệt búp bê	G1.3, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2	A2.2
<b>Bài 11: Ôn tập</b> - Ôn lại các bài đã học(1tiết ) - Kiểm tra (1tiết)	G1.3, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2	A2.2

## 7. Nguồn học liệu

### 7.1. Tài liệu chính

[1] Nguyễn Văn Nhân, Giáo trình âm nhạc, NXB Giáo dục, 2000

### 7.2. Tài liệu tham khảo

[1] Lý thuyết cơ bản về âm nhạc

[2] Hoàng Văn Yên, *Trẻ mầm non ca hát*, nhà xuất bản Âm nhạc 2002

[3] Hoàng Văn Yên, *Nghệ thuật âm nhạc với trẻ mầm non*, NXB Giáo dục, 2002

## 8. Quy định của môn học

- Phần lý thuyết học tập trung trên lớp
- Phần thực hành học theo nhóm từ 15 - 20 sinh viên
- Đối với sinh viên:
  - + Tham gia đầy đủ số giờ của học phần.
  - + Có đủ tài liệu để học tập.
  - + Phải đọc trước tài liệu ở nhà, làm bài tập, luyện tập các bài thực hành
  - + Phải làm đủ các bài kiểm tra

## 9. Phụ trách môn học

- Khoa Giáo dục, tổ Giáo dục Mầm non
- Địa chỉ/email: [vovinhna@vinhuni.edu.vn](mailto:vovinhna@vinhuni.edu.vn)

10. Ngày phê duyệt: 10/4/2017

11. Cấp phê duyệt:

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn



## 2. Mô tả môn học:

Học phần Nghệ thuật tạo hình (NTTH) và thiết kế đồ dùng, đồ chơi cho trẻ là môn học mang tính tiên quyết và bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên sư phạm mầm non; được bố trí vào kỳ 3, là tiền đề cho môn học Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình (GDMN).

Môn học này cung cấp và hình thành cho sinh viên kiến thức, kỹ năng về Nghệ thuật tạo hình ( Luật xa gần, Giải phẫu tạo hình, Hình hoạ, Hội hoạ, Đồ hoạ trang trí, Điêu khắc...), và phương pháp thiết kế đồ dùng, đồ chơi ( Phương pháp thiết kế một số đồ dùng, đồ chơi theo chủ đề). Từ đó SV biết vận dụng kiến thức, kỹ năng để tạo ra các sản phẩm và đánh giá, thẩm định được các sản phẩm để phục vụ cho công việc giảng dạy môn Tạo hình và các hoạt động trang trí lớp, làm đồ dùng, đồ chơi cho trẻ ở trường mầm non.

## 3. Mục tiêu môn học

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	TĐNL
<b>G1</b>	Kiến thức chuyên môn về cơ sở lý luận cơ bản và ứng dụng vào thực tiễn NTTH, thiết kế đồ dùng, đồ chơi cho trẻ	<b>1.3.2</b>	2.5
<b>G2</b>	Nhận biết, phân tích được các vấn đề về lý luận và thực tiễn của môn học. Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kỹ năng vào thiết kế tạo ra các sản phẩm tạo hình, đồ dùng dạy học và đồ chơi cho trẻ.	<b>2.1.1; 2.4.3, 2.4.6</b>	3.0
<b>G3</b>	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả trong và ngoài môi trường nghề nghiệp.	<b>3.1.3; 3.3.1; 3.3.2</b>	3.0
<b>G4</b>	Đánh giá, giải quyết được các tình huống xảy ra trong dạy học. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng về NTTH và thiết kế đồ dùng, đồ chơi cho trẻ vào quá trình tạo ra sản phẩm và đánh giá, thẩm định được sản phẩm.	<b>4.1.3; 4.4.2; 4.4.4 4.6.1; 4.6.2</b>	3.5

## 4. Chuẩn đầu ra môn học

Chuẩn đầu ra (CDR)	Mô tả CDR	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
<b>G1</b> <b>G1.1</b>	Giải thích được khái niệm và các kiến thức cơ bản về NTTH, ngôn ngữ tạo hình, vai trò của NTTH vào đời sống con người. Lược sử MT, một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của MT Việt Nam và thế giới.	<b>I T</b>

	<b>G1.2</b>	Trình bày được các kiến thức cơ bản của luật xa gân, giải phẫu tạo hình và ứng dụng của nó vào vẽ hình hoạ và vẽ tranh.	<b>T</b>
	<b>G1.3</b>	Giải thích được đặc điểm cơ bản của Đồ hoạ - trang trí và vai trò của đồ hoạ và trang trí đối với đời sống.	<b>T</b>
	<b>G1.4</b>	Trình bày, phân tích được khái niệm về hội hoạ, điêu khắc, nguyên vật liệu, PP xé, cắt dán và vẽ tranh.	<b>T</b>
	<b>G1.5</b>	Trình bày, giải thích được các kiến thức cơ bản và kỹ thuật của việc thiết kế đồ dùng dạy học.	<b>T</b>
	<b>G1.6</b>	Trình bày, nhận diện, giải thích được các khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, nguyên tắc, quy trình vẽ thiết kế đồ chơi cho trẻ mầm non.	<b>T</b>
<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	Trình bày, nhận diện, giải thích được khái niệm và các kiến thức cơ bản về NTTH, ngôn ngữ tạo hình, vai trò của NTTH đối với đời sống con người; Lược sử MT, một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của MT Việt Nam và thế giới.	<b>I T</b>
	<b>G2.2</b>	Áp dụng được các vấn đề lý thuyết về Luật xa gân - Giải phẫu tạo hình và hình hoạ vào vẽ hình.	<b>T</b>
	<b>G2.3</b>	Áp dụng được các vấn đề lý thuyết về Đồ hoạ - trang trí để làm bài tập thực hành trang trí.	<b>T</b>
	<b>G2.4</b>	Áp dụng được các vấn đề lý thuyết về Hội hoạ vào vẽ tranh và cắt, xé dán và Điêu khắc vào nặn tạo dáng đồ vật, và vẽ tranh theo yêu cầu.	<b>T</b>
	<b>G2.5</b>	Phân tích, áp dụng được các vấn đề lý thuyết về đồ dùng dạy học vào thực hành sáng tạo ra sản phẩm	<b>T U</b>
	<b>G2.6</b>	Phân tích, áp dụng được các vấn đề lý thuyết về đồ chơi vào thực hành sáng tạo ra sản phẩm	<b>T U</b>
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Phối hợp, làm việc nhóm khi thực hiện các nội dung bài tập, thảo luận	<b>I U</b>
	<b>G3.2</b>	Thu thập tài liệu, tự tin thuyết trình, giới thiệu và đánh giá sản phẩm.	<b>T U</b>
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Nhận biết mục tiêu, nhiệm vụ của nhà trường về môn học, xác định được vai trò và phân tích được sự ảnh hưởng của việc giáo dục TH và sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	<b>I U</b>
	<b>G4.2</b>	Thẩm định được giá trị thẩm mỹ của các loại hình nghệ thuật	<b>T U</b>
	<b>G4.3</b>	Phát hiện, vận dụng được những nội dung môn học vào quá trình giáo dục trẻ.	<b>I U</b>

## 5. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR học phần (Gx.x)	Tỷ lệ (%)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>60%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</b>			<b>10%</b>
Chuyên cần	A1.1.1. Chuyên cần	G3.1, G3.2	5%
Thái độ học tập	A1.1.2. Thái độ học tập	.	5%
<b>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</b>			<b>20%</b>
Bài tập	A1.2.1. Bài tập về vẽ Luật xa gần và Giải phẫu tạo hình.	G1.1; G1.2;G1.3;G1.4;G2.2, G2.3, G2.4, G4.1	7%
	A1.2.2. Thực hành về vẽ hình họa.		G1.5;G2.5;G3.1;G3.2;G4.2. G1.6;G2.6;G3.1;G3.2;G4.2
	A1.2.3. Thực hành về vẽ trang trí cơ bản và trang trí ứng dụng.		
Bài thu hoạch	A1.2.4. Thực hành về vẽ, xé, cắt dán theo đề tài và theo ý thích.	G1.5;G2.5;G3.1;G3.2;G4.2. G1.6;G2.6;G3.1;G3.2;G4.2	7%
	A1.2.5. Thực hành về nặn theo mẫu, theo đề tài và theo ý thích.		
	A1.2.6. Thực hành về thiết kế, làm đồ dùng dạy học.		
	A1.2.7. Thực hành về thiết kế, làm đồ chơi cho trẻ.		
	A1.2.8. Bài thu hoạch về việc tìm hiểu vai trò môn NTTH, và nhiệm vụ, nội dung giáo dục tạo hình cho trẻ ở trường MN.		
A1.2.9. Bài thu hoạch về việc tìm hiểu đặc điểm lứa tuổi trẻ MN, tìm hiểu các nguyên tắc để thiết kế đồ chơi phù hợp cho trẻ MN.	G1.6;G2.6;G3.1; G3.2;G4.1	3%	
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)</b>			<b>20%</b>
	A1.3.1. Chương 1: Khái quát về nghệ thuật tạo hình.	G1.1; G2.1	3%
	A1.3.2. Chương 2. Luật xa gần - Giải phẫu tạo hình và Hình họa	G1.2; G2.2	4%
	A1.3.3. Chương 3: Đồ họa - Trang trí	G1.3; G2.3	4%

	A1.3.4. Chương 4: Hội họa - Điều khắc	G1.4; G2.4	4%
	A1.3.5. Chương 5. Đồ dùng dạy học và thiết kế đồ dùng dạy học cho trẻ mầm non -Làm đồ dùng dạy học vẽ vườn cây ăn quả theo đề tài cho độ tuổi mẫu giáo lớn - Làm đồ dùng dạy học xé dán lọ hoa theo mẫu cho độ tuổi mẫu giáo nhỏ. -Làm đồ dùng dạy học nặn cái lán theo mẫu cho trẻ mẫu giáo lớn.	G1.5; G2.5; G3.2; G4.1; G4.2.	7%
	A1.3.6. Chương 6. Đồ chơi và thiết kế đồ chơi cho trẻ mầm non - Làm tranh bù chỗ còn thiếu - Làm đồ chơi đồ mi nô - Làm con thỏ nhồi bông - Làm mũ múa dạng phẳng - Làm đèn lồng quả trám	G1.6; G2.6; G3.2; G4.1; G4.2.	8%
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>			<b>50%</b>
THI THỰC HÀNH (KHÔNG THI ONNILE) Nội dung thi thực hành gồm các chương: 3, 4, 5, 6			

## 6. Nội dung giảng dạy

Nội dung	CĐR môn học	Bài đánh giá
<b>Chương 1: Khái quát về Nghệ thuật tạo hình</b> 1.1. Khái niệm NTTH 1.2. Ngôn ngữ tạo hình. 1.3. Vai trò của NTTH và đời sống con người 1.4. Lược sử MT, một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của MT Việt Nam và thế giới.	G1.1; G2.1	A1.1.1; A1.1.2; A1.2.8; A1.3.1. A2.
<b>Chương 2. Luật xa gần - Giải phẫu tạo hình và hình họa</b> 2.1. Luật xa gần (LXG) 2.2. Giải phẫu tạo hình (GPTH) 2.3. Hình họa 2.3.1. Khái niệm ( hình họa, vẽ theo mẫu, vẽ tả thực) 2.3.2. Một số kiến thức cơ bản để vẽ hình họa 2.3.4. Phương tiện, chất liệu vẽ hình họa 2.3.5. Phương pháp vẽ hình họa	G1.2; G2.2	A1.1.1; A1.1.2; A1.2.1; A1.2.2; A1.3.2; A2.

<p><b>Chương 3. Đồ họa - Trang Trí</b></p> <p>3.1. Đồ họa</p> <p>3.2. Trang trí.</p> <p>3.3. Vai trò của đồ họa và trang trí đối với đời sống.</p> <p>3.4. Tranh dân gian Việt nam</p>	G1.3; G2.3	A1.1.1; A1.1.2; A1.2.3. A1.3.3; A2.
<p><b>Chương 4. Hội họa và Điêu khắc</b></p> <p>4.1. Hội họa</p> <p>4.1.1. Khái niệm cơ bản</p> <p>4.1.2. Ngôn ngữ, chất liệu và các thể loại tranh</p> <p>4.1.3. Vẽ theo đề tài và vẽ theo ý thích</p> <p>4.1.4. Xé, cắt dán</p> <p>4.2. Điêu khắc</p> <p>4.2.1. Một số khái niệm cơ bản</p> <p>4.2.2. Các hình thức tạo hình điêu khắc cơ bản</p> <p>4.2.3. Nguyên vật liệu và dụng cụ cần thiết cho điêu khắc</p> <p>4.2.4. Kỹ thuật nặn</p> <p>4.2.5. Nặn theo chủ đề và tự do</p>	G1.4; G2.4	A1.1.1; A1.1.2; A1.2.4; A1.2.5; A1.3.4; A2
<p><b>Chương 5. Đồ dùng dạy học và thiết kế đồ dùng dạy học cho trẻ mầm non</b></p> <p>5.1. Một số vấn đề cơ bản về đồ dùng dạy học</p> <p>5.1.1. Khái niệm về đồ dùng dạy học</p> <p>5.1.2. Phân biệt đồ chơi và đồ dùng dạy học</p> <p>5.1.3. Nguyên tắc sử dụng phương tiện dạy học</p> <p>5.1.4. Tác dụng của đồ dùng dạy học</p> <p>5.2. Thiết kế đồ dùng dạy học</p> <p>5.2.1. Cách làm đồ dùng dạy học bằng các loại giấy</p> <p>5.2.2. Cách làm đồ dùng dạy học bằng vải</p> <p>5.2.3. Cách làm đồ dùng dạy học bằng nhiều nguyên vật liệu khác nhau</p> <p>5.3. Thẩm định, đánh giá sản phẩm.</p>	G1.5;G2.5;G3.1;G3.2;G4.1;G4.2;G4.3.	A1.1.1; A1.1.2; A1.2.6; A1.3.5; A2.
<p><b>Chương 6. Đồ chơi và thiết kế đồ chơi cho trẻ mầm non</b></p> <p>6.1. Cơ sở lý luận về đồ chơi cho trẻ</p> <p>6.1.1. Khái niệm về đồ chơi</p> <p>6.1.2. Đặc điểm, phân loại đồ chơi cho trẻ MN</p> <p>6.1.3. Nguyên tắc phân bố và bảo quản đồ chơi trong trường MN</p> <p>6.1.4. Ý nghĩa, tác dụng của đồ chơi cho trẻ MN</p> <p>6.2. Nguyên tắc - Quy trình trình và kỹ thuật làm đồ chơi</p>	G1.6; G2.6; G3.1; G3.2; G4.1; G4.2; G4.3.	A1.1.1; A1.1.2; A1.2.7; A1.2.9; A1.3.6; A2.

cho trẻ 6.2.1. Nguyên tắc làm đồ chơi cho trẻ MN 6.2.2. Quy trình và kỹ thuật làm đồ chơi cho trẻ 6.3. Thiết kế đồ chơi cho trẻ mầm non 6.3.1. Đồ chơi học tập 6.3.2. Đồ chơi phản ánh sinh hoạt (PASH) 6.3.3. Đồ chơi sân khấu và âm nhạc 6.3.4. Đồ chơi trang trí (TT), hài hước (HH) 6.3.5. Đồ chơi xây dựng (XD) 6.4. Thẩm định, đánh giá sản phẩm.		
--	--	--

## 7. Nguồn học liệu

### 7.1. Tài liệu chính:

[1] Nguyễn Hữu Dỵ, Nghệ thuật tạo hình, NXB Đại học Vinh, năm 2013

### 7.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Đặng Hồng Nhật (2001) *Tạo hình và phương pháp hướng dẫn HDTH*, NXBĐHQG Hà Nội.

[3]. Nguyễn Tú Tuấn (2015) *Origami - Thế giới đại dương*, NXB Thế giới, Hà Nội

[4]. Thiên Kim (2015), *Origami - Trò chơi gấp giấy dành cho trẻ em*, NXB Mỹ thuật, HÀ NỘI

## 8. Quy định của môn học

Để đạt được mục tiêu của học phần, sinh viên phải thực hiện đầy đủ và đúng thời gian qui định bài tập thực hành trong từng chương. Vở bài tập thực hành phải nộp sau mỗi chương để giảng viên lưu vào hồ sơ học tập. Sản phẩm tự học và hoạt động nhóm cũng nộp sau mỗi chương.

Sinh viên phải tham gia ít nhất 80% số tiết lên lớp của học phần mới đủ điều kiện thi Kết thúc học phần.

## 9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn phụ trách: Bộ môn Giáo dục Tiểu học, Khoa Giáo dục, Trường Đại học Vinh

- Địa chỉ/email: [khoagiaoduc@vinhuni.edu.vn](mailto:khoagiaoduc@vinhuni.edu.vn)

10. Ngày phê duyệt: 10/4/2017

11. Cấp phê duyệt:

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: DINH DƯỠNG HỌC TRẺ EM**

**1. Thông tin tổng quát**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Hiền  
Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ  
Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục, trường Đại học Vinh  
Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục, trường Đại học Vinh  
Điện thoại, Email: ngochiendhv@gmail.com  
Các hướng nghiên cứu chính: dinh dưỡng và bệnh học trẻ em

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: Lê Công Phượng  
Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên  
Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh  
Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục, trường Đại học Vinh  
Điện thoại, Email:  
Các hướng nghiên cứu chính: dinh dưỡng và bệnh học trẻ em

**Giảng viên 3:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Kỳ  
Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ  
Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục, trường Đại học Vinh  
Địa chỉ liên hệ:  
Điện thoại, Email: minhky.2105@gmail.com  
Các hướng nghiên cứu chính: dinh dưỡng và bệnh học trẻ em

**1.2. Thông tin về học phần:**

- Tên học phần (tiếng Việt): <b>Dinh dưỡng học trẻ em</b> (tiếng Anh): <b>Child nutrition</b>	
- Mã số học phần: <b>EDU30012</b>	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác <input type="checkbox"/> Học phần đề án tốt nghiệp	
- Số tín chỉ:	5
+ Số tiết lý thuyết:	60
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	0
+ Số tiết thực hành:	15
+ Số tiết tự học:	150
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần song hành:	

## 2. Mô tả học phần

“*Dinh dưỡng học trẻ em*” là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học của ngành Giáo dục mầm non, theo tiếp cận CDIO. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về dinh dưỡng học trẻ em và phương pháp nuôi dưỡng trẻ em hợp lý từng độ tuổi, đồng thời trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phương pháp bảo vệ sức khỏe thông qua dinh dưỡng. Giúp cho sinh viên hiểu được tầm quan trọng và ý nghĩa của dinh dưỡng đối với sức khỏe con người nói chung và trẻ em nói riêng. Hình thành cho sinh viên tác phong làm việc nghiêm túc, kiên trì, chịu khó, ứng xử chuyên nghiệp, thương yêu, tôn trọng và đối xử công bằng đối với trẻ.

## 3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả	Trình độ năng lực	CDR CTĐT
G1	- Xác định được những kiến thức về dinh dưỡng học nói chung và dinh dưỡng học trẻ em nói riêng.	3.0	1.2.1 1.3.1
G2	- Phát hiện, nhận diện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mầm non. - Có ý thức trau dồi, phấn đấu và phát triển nghề nghiệp.	3.0	2.1.1; 2.1.2 2.1.3; 2.1.4
		3.5	2.4.4; 2.4.6 2.4.5
G3	- Có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và giao tiếp trong môi trường nghề nghiệp.	3.0	3.1.1; 3.1.2 3.1.3; 3.1.4 3.2.4; 3.2.5
G4	- Vận dụng được các kiến thức về dinh dưỡng vào việc lập kế hoạch, thiết kế và thực hành tổ chức hoạt động chăm sóc - nuôi dưỡng trẻ các độ tuổi ở trường mầm non hợp lý. - Đánh giá được hoạt động chăm sóc - nuôi dưỡng trẻ em tại các cơ sở trường mầm non.	3.5	4.5.1; 4.5.2 4.5.3; 4.5.4
		3.0	4.6.1

## 4. Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra HP		Nội dung CDR học phần <i>Sau khi học xong học phần này người học có thể:</i>	Mức độ giảng dạy
G1	G1.1	Hiểu được các vấn đề cơ bản của sinh lý dinh dưỡng người, vai trò, ý nghĩa và nhu cầu các chất dinh dưỡng đối với cơ thể người nói chung, trẻ em nói riêng.	IT
	G1.2	Chỉ ra được giá trị dinh dưỡng và các đặc điểm vệ sinh của các	TU

		loại lương thực và thực phẩm truyền thống của Việt Nam.	
	<b>G1.3</b>	Biết được các yêu cầu về chế độ chăm sóc, dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và cho con bú; chế độ dinh dưỡng trẻ em lứa tuổi mầm non hợp lý theo từng độ tuổi.	TU
	<b>G1.4</b>	Lấy ví dụ được khẩu phần, thực đơn và chỉ ra được nguyên tắc xây dựng khẩu phần và thực đơn, các bước xây dựng khẩu phần thực đơn và tổ chức bữa ăn cho trẻ tại trường mầm non.	TU
	<b>G1.5</b>	Hiểu được những kiến thức cơ bản về một số bệnh lý dinh dưỡng thường gặp ở trẻ em như: suy dinh dưỡng protein - năng lượng, thừa cân - béo phì, thiếu máu do thiếu sắt, bướu cổ do thiếu hụt Iod, còi xương do thiếu vitamin D, khô mắt do thiếu vitamin A.	TU
	<b>G1.6</b>	Biết được nguyên nhân, cách phòng chống và xử lý ngộ độc thực phẩm. Chỉ ra được cách lựa chọn và bảo quản thực phẩm	TU
	<b>G1.7</b>	Xác định được các kiến thức, nguyên lý cơ bản về dinh dưỡng cho trẻ khi trẻ mắc bệnh	TU
<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	Tổ chức được bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm cho gia đình, cho trẻ ở trường mầm non.	TU
	<b>G2.2</b>	Phân tích, xây dựng, đánh giá được khẩu phần thực đơn.	TU
	<b>G2.3</b>	Lựa chọn, bảo quản lương thực, thực phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm	TU
	<b>G2.4</b>	Nhận biết những biểu hiện, triệu chứng một số bệnh lý ở trẻ như: tiêu chảy, táo bón...	TU
	<b>G2.5</b>	Làm được công tác tuyên truyền giáo dục dinh dưỡng trong cộng đồng.	TU
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Có khả năng tổ chức, hoạt động nhóm, kỹ năng hợp tác, phối hợp và chia sẻ trách nhiệm và lãnh đạo nhóm, có kỹ năng thuyết trình trước nhóm và lớp	U
	<b>G3.2</b>	Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong các môi quan hệ giáo dục(với giáo viên, với HS, phụ huynh, cộng đồng...)	U
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Lập kế hoạch và xây dựng khẩu phần thực đơn cho trẻ ở trường mầm non.	TU
	<b>G4.2</b>	Thực hiện việc chăm sóc - nuôi dưỡng trẻ em, hợp lý từng độ tuổi.	TU
	<b>G4.3</b>	Đánh giá được việc chăm sóc - nuôi dưỡng trẻ ở các trường mầm non.	U

## 5. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</b>			<b>10%</b>
A1.1.1.	Mức độ chuyên cần	G1.1- G4.5	5%
A1.1.2.	Thái độ hợp tác với giảng viên và các thành viên trong nhóm, lớp.	G1.1- G4.5	5%
<b>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm)</b>			<b>10%</b>
A1.2.1	Vở giải bài tập và thảo luận chương 1,2,3,4,6,7	G1.1; G1.2; G1.3; G1.4; G1.5; G1.6; G1.7; G1.8; G2.1; G2.2; G2.3; G2.4; G2.5; G2.6.	5%
A1.2.2	Sản phẩm hoạt động nhóm chương 2,6	G1.2; G1.6; G2.5. G3	5%
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)</b>			<b>20%</b>
Test online 1	Bài kiểm tra online trên hệ thống câu hỏi trắc nghiệm thuộc nội dung chương 1, chương 2, 3	G1.1; G1.2; G1.3; G1.4; G2.1; G2.3.	
Test online 2	Bài kiểm tra online trên hệ thống câu hỏi trắc nghiệm thuộc nội dung chương 1,2,3,4,5	G1.1; G1.2; G1.3; G1.4; G1.5; G1.6; G2.1; G2.2; G2.3; G2.4; G2.5; G2.6.	
<b>A1.4. Đánh giá thực hành</b>		G1.4; G2.9; G3.2; G4.1; G4.2; G4.3; G4.4; G4.5	<b>10%</b>
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>			<b>50%</b>
Thi tự luận	Nội dung bao quát tất cả các chuẩn đầu ra của môn học.		50%

## 6. Nội dung giảng dạy

Nội dung	CDR học phần	Bài đánh giá
<b>PHẦN 1: LÝ THUYẾT</b>		
<b>Chương 1: Dinh dưỡng học đại cương</b>		A1.1;
1. Năng lượng và nhu cầu năng lượng	G1.1	A1.2.1
2. Nhu cầu Protein, Lipid, Glucid	G2.1	A1.3;
3. Nhu cầu Vitamin và muối khoáng		A2
4. Khái luận về dinh dưỡng cân đối		
<b>Chương 2: Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của thức ăn</b>	G1.2 G2.2	A1.1; A1.2.1

1. Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của thức ăn giàu protein	G3.1 G3.2	A1.2.2 A1.3; A2
2. Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của thức ăn giàu chất béo		
3. Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của thức ăn giàu glucid		
4. Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của thức ăn giàu vitamin và khoáng chất		
<b>Chương 3: Dinh dưỡng trẻ em theo nhóm tuổi</b>	G1.3 G2.3	A1.1; A1.2.1 A1.3; A2
1. Dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và cho con bú		
2. Dinh dưỡng cho trẻ em dưới 1 tuổi		
3. Dinh dưỡng cho trẻ em 1 - 3 tuổi		
4. Dinh dưỡng cho trẻ em 4 - 6 tuổi		
<b>Chương 4: Tổ chức bữa ăn và xây dựng khẩu phần thực đơn cho trẻ</b>	G1.4; G2.4; G2.9; G4.1; G4.2; G4.3; G4.4; G4.5	A1.1; A1.2.1 A1.3; A2
1. Tổ chức bữa ăn cho trẻ nhà trẻ và mẫu giáo tại trường mầm non		
2. Xây dựng khẩu phần và thực đơn cho trẻ		
<b>Chương 5: Một số bệnh lý dinh dưỡng thường gặp ở trẻ em</b>	G1.5 G2.2 G2.3 G2.6 G2.8 G2.10 G4.5	A1.1; A1.2.1 A1.3; A2
1. Suy dinh dưỡng Protein-Năng lượng		
2. Thừa cân - béo phì		
3. Thiếu máu do thiếu sắt		
4. Bướu cổ do thiếu hụt iod		
5. Còi xương do thiếu vitamin D		
6. Khô mắt do thiếu vitamin A		
<b>Chương 6: Vệ sinh an toàn thực phẩm</b>	G1.6 G1.7 G3.1 G3.2	A1.1; A1.2.1 A1.2.2 A2
1. Ô nhiễm thực phẩm		
2. Ngộ độc thực phẩm và xử lý		
3. Lựa chọn và bảo quản thực phẩm.		
<b>Chương 7: Một số chế độ ăn khi trẻ bị bệnh</b>	G2.4 G2.5 G2.7	A1.1; A1.2;1 A2
1. Chế độ ăn khi trẻ bị tiêu chảy		
2. Chế độ ăn khi trẻ bị táo bón		
3. Chế độ ăn khi trẻ bị sốt.		
<b>PHẦN 2: THỰC HÀNH</b>		
<b>Thực hành tại lớp học/ PTN</b>		

1. Thực hành sử dụng phần mềm nutrikids xây dựng khẩu phần thực đơn	G3.1 G4.2	A1.1; A1.4
2. Thực hành sử dụng phần mềm Who anthro đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ.	G4.3 G4.4	
<b>Thực hành tại trường mầm non</b>		
1. Đánh giá khẩu phần ăn của trẻ tại trường mầm non	G1.4	A1.1;
2. Bếp xây dựng theo hệ thống bếp một chiều	G2.9	A1.4
3. Thực hành pha chế sữa - chế biến nước quả	G3.2	
4. Chế biến các món ăn cho trẻ.	G4.1	
5. Cách tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà trẻ và mẫu giáo	G4.2	
6. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ	G4.3 G4.4 G4.5	

## 7. Nguồn học liệu

### Tài liệu chính:

[1] Nguyễn ngọc Hiền (chủ biên), *Giáo trình dinh dưỡng học trẻ em*, Trường ĐH Vinh 2015.

### Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Kim Thanh. *Giáo trình dinh dưỡng trẻ em*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001

[2] Lê Công Phượng, *Dinh dưỡng trẻ em*, NXB Đại học Vinh, 2008.

[3] Nguyễn Hồng Thu, *Giáo dục dinh dưỡng qua trò chơi, thơ ca, câu đố*, NXB Giáo dục, 2002.

## 8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên

- Thực hiện nghiêm túc yêu cầu tự học, nộp sản phẩm tự học trước mỗi chương. Trình bày các nội dung được chuẩn bị trước lớp, trước nhóm.

- Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các bài tập thực hành tại lớp.

- Phối hợp thực hiện việc thực hành bộ môn tại trường Mầm non theo đúng quy định.

## 9. Phương thức kiểm tra và đánh giá kết quả môn học

Kết quả môn học được đánh giá bằng các tiêu chí và thang điểm như sau:

## 10. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn phụ trách: Bộ môn Giáo dục tiểu học, Khoa Giáo dục

- Địa chỉ/email: [chuhathanhdhv@gmail.com](mailto:chuhathanhdhv@gmail.com); [thanhcth@vinhuni.edu.vn](mailto:thanhcth@vinhuni.edu.vn)

11. Ngày phê duyệt: 10/04/2017

11. Cấp phê duyệt:

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: GIÁO DỤC HỌC MẦM NON**

**1. Thông tin tổng quát**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Quỳnh Anh

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục, trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: anhntq@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lý luận dạy học, lý luận giáo dục

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Nhân

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục, trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: nhannt.giaoduc@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lý luận dạy học, lý luận giáo dục

**1.2. Thông tin về môn học**

- Tên môn học (tiếng Việt): <b>Giáo dục học mầm non</b> (tiếng Anh): Preschool Education	
- Mã số môn học:	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành
<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
<input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung	<input type="checkbox"/> Môn học đề án tốt nghiệp
- Số tín chỉ:	4
+ Số tiết lý thuyết:	45
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	120
- Môn học tiên quyết:	Tâm lý học, Giáo dục học
- Môn học song hành:	Tâm lý học giáo dục trẻ em

**2. Mô tả môn học**

- Đây là môn học bắt buộc đối với sinh viên ngành Giáo dục mầm non và là môn học cơ sở ngành, tiên quyết cho khối kiến thức chuyên ngành.

- Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận chung nhất của Giáo dục học mầm non, về chương trình giáo dục mầm non; về giáo viên mầm non, về trẻ mầm non; những quan điểm khoa học đúng đắn về công tác chăm sóc - giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non và sự cần thiết chuẩn bị các điều kiện cho trẻ vào lớp 1. Từ đó, vận dụng được kiến thức đã học để tổ chức tốt các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ ở trường mầm non

- Thông qua môn học này, giáo dục cho sinh viên tình cảm tốt đối với nghề nghiệp, có ý thức, trách nhiệm trong học tập và công việc, tự trau dồi những phẩm chất đạo đức cần thiết của người GV Mầm non.

### 3. Mục tiêu môn học

Mục tiêu (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của CTĐT (3)	TĐNL (4)
<b>G1</b>	Khái quát hóa kiến thức chung nhất của Giáo dục học mầm non; về chương trình giáo dục mầm non và những vấn đề đổi mới; về giáo viên và trẻ mầm non; nhận diện được ý nghĩa, mục tiêu, nội dung CS-GD và các hoạt động giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non	1.1;1.2;1.3;1.4; 1.5;	3
<b>G2</b>	Phân tích, lập luận, giải thích được các vấn đề lý luận và thực tiễn giáo dục mầm non; Giải quyết các tình huống sư phạm nảy sinh trong công tác CS - GD trẻ. Vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn chăm sóc và tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non	2.1; 2.2.; 2.3; 2.4; 2.5;	3
<b>G3</b>	Kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ; kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn giáo dục	3.1; 3.2; 3.3;	3
<b>G4</b>	Xác định được vị trí, vai trò của giáo viên trong bối cảnh đổi mới căn bản toàn diện và toàn cầu hóa; Đánh giá được trình trạng phát triển của trẻ qua các giai đoạn, các điều kiện CS-GD trẻ và xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động CS - GD trẻ phù hợp thực tiễn. Thể hiện ý thức trách nhiệm đối với việc học tập và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	4.1;4.2;4.3; 4.4	3

#### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mục tiêu	Mục tiêu (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I,T,U) (3)
G1	G1.1	Khái quát hóa kiến thức chung nhất của Giáo dục học mầm non: mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, các hình thức tổ chức giáo dục trẻ ở lứa tuổi Mầm non; những kiến thức về trẻ mầm non và giáo viên mầm non	I,T
	G1.2	Phân tích được ý nghĩa CS- GD trẻ trong chương trình giáo dục mầm non	I,T,U
	G1.3	Phân biệt được đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ mầm non qua các giai đoạn lứa tuổi	I, T
	G1.4	Xác định được quan điểm khoa học đúng đắn về công tác chăm sóc - giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non	I, T
	G1.5	Mở rộng hiểu biết về chương trình giáo dục mầm non mới và xu hướng GD mầm non trên thế giới	I,T
	G1.6	Lí giải được những vấn đề cơ bản về LLGD và sự cần thiết chuẩn bị các điều kiện cho trẻ vào lớp 1	T,U
	G1.7	Hệ thống hóa được những vấn đề lý luận của khoa học giáo dục mầm non với thực tiễn giáo dục MN .	I,T,U
	G1.8	Xác định được nội dung chương trình giáo dục mầm non hiện hành và trình bày được các mục tiêu cần đạt, kết quả mong đợi ở các độ tuổi	I,T,U
	G1.9	Trình bày được các nội dung CS- GD trẻ MN và phân tích được ý nghĩa của các nội dung giáo dục	T,U
	G1.10	Khái quát hóa lí luận về các hoạt động giáo dục và làm sáng tỏ vai trò của các hoạt động giáo dục trẻ	I,T
G2	G2.1	Vận dụng được những kiến thức đã học để phân tích đánh giá các vấn đề CS - GD trẻ mầm non và thực tiễn đổi mới giáo dục mầm non trên thế giới và ở Việt nam hiện nay	T,U
	G2.2	Vận dụng được các kiến thức cơ bản của Giáo dục học mầm non vào việc giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non.	T,U
	G2.3	Phân tích, đánh giá được ưu nhược điểm của chương trình giáo dục mầm non, nội dung, PPGD, các hình thức tổ chức giáo dục	T,U

	<b>G2.4</b>	Thu thập những tư liệu thực tiễn giáo dục mầm non để minh họa cho những tư tưởng và quan điểm giáo dục cơ bản.	T,U
	<b>G2.5</b>	Giải quyết các tình huống giáo dục trong quá trình CS - GD trẻ một cách linh hoạt	T,U
	<b>G2.6</b>	Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực và có trách nhiệm trong các hoạt động dạy học và giáo dục, yêu nghề, yêu trẻ.	U
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Tích cực tham gia làm việc nhóm; chủ động trong phân công, hợp tác và chia sẻ trách nhiệm.	I,T,U
	<b>G3.2</b>	Tự tin trình bày các vấn đề trong hoạt động sư phạm	I,U
	<b>G3.3</b>	Giao tiếp, ứng xử phù hợp, hiệu quả đối với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng	U
	<b>G3.4</b>	Kỹ năng giao tiếp tốt (sử dụng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ)	T,U
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Đánh giá được các hoạt động trong giáo dục mầm non	I,U
	<b>G4.2</b>	Đánh giá được trình trạng phát triển của trẻ qua các giai đoạn, các điều kiện chăm sóc - giáo dục trẻ	T,U
	<b>G4.3</b>	Phác thảo ý tưởng, xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện các hoạt động CS - GD trẻ, các HĐ giáo dục ngoài trời, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống phù hợp thực tiễn.	T,U
	<b>G4.4</b>	Nhận biết được vai trò và trách nhiệm của người GVMN trong trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và toàn cầu hoá	T,U
	<b>G4.5</b>	Nhận biết được vị trí, vai trò của giáo dục MN đối với sự phát triển kinh tế, xã hội.	T,U

### 5. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (2)	CDR học phần (Gx.x) (3)	Tỷ lệ (%) (4)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</b>			<b>10%</b>
Chuyên cần Thái độ...	A1.1.1. Đi học đầy đủ		5%
	A1.1.2. Tích cực tham gia xây dựng bài học	G3.1;G3.2;G3.3;G3.4	5%
<b>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</b>			<b>20%</b>

	Hoàn thành các nhiệm vụ học tập theo nhóm	G 1.2; G1.4, G1.5; G1.7G2.1; G2.2; G2.3; G.2.4; G2.5	20%
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)</b>			<b>20%</b>
Bài trắc nghiệm	A1.3.1. Bài trắc nghiệm 1: Phần 1 Những vấn đề chung của Giáo dục học mầm non	G1.1; G1.2; G1.3; G1.4; G1.5; G2.1; G2.2; G2.3; G2.4; G2.5	10%
	A1.3.2. Bài trắc nghiệm 2: Phần 2 Nội dung CS-GD trẻ mầm non	G1.2;1.4;G1.8; G1.9;G2.2; G2.5	10%
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>			<b>50%</b>
Bài thi tự luận	Bộ 15 câu hỏi tự luận xuyên suốt cả 3 phần	G1; G2; G4	50%

## 6. Nội dung giảng dạy

### Phần 1 Những vấn đề chung của Giáo dục học Mầm non

#### Chương 1 Khái quát về Giáo dục mầm non và trường mầm non

##### [1]. Mục tiêu

##### 1.1. Kiến thức

- SV nhận diện được mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, các hình thức tổ chức giáo dục trẻ ở lứa tuổi Mầm non;
- Chỉ ra được đối tượng nghiên cứu của Giáo dục học mầm non và mối quan hệ với các khoa học khác
- Nhận định được đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ lứa tuổi mầm non

##### 1.2. Kỹ năng

- Phân tích được ý nghĩa của CS - GD trẻ mầm non
- Phân biệt được các quan điểm giáo dục khác nhau về nuôi và dạy trẻ mầm non
- So sánh được giáo dục MN của Việt Nam với các nước trên thế giới

##### 1.3. Thái độ

- SV nhận thức được vai trò, vị trí của môn học
- Có ý thức nghiên cứu tìm hiểu tài liệu về trẻ mầm non và về đổi mới giáo dục mầm non hiện nay

##### [2]. Nội dung

- 1.1. Mục tiêu, nguyên tắc giáo dục Mầm non
- 1.2. Nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non
- 1.3. Người giáo viên mầm non
  - 1.3.1. Vị trí, vai trò của GVMN
  - 1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ của GVMN
  - 1.3.3. Đặc điểm lao động sư phạm của giáo viên mầm non

1.3.4. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực của GVMN (Hoặc: Chuẩn NN GVMN)

1.4. Một số vấn đề về CS-GD trẻ mầm non

1.4.1 Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ lứa tuổi mầm non

1.4.2. Ý nghĩa của CS - GD trẻ mầm non

1.4.3. Một số quan niệm về nuôi dạy trẻ Mầm non

1.5. Giáo dục mầm non trên thế giới và ở VN

## **Chương 2 Khái quát về chương trình giáo dục mầm non**

### **[1]. Mục tiêu**

#### **1.1. Kiến thức**

- Mô tả được cấu trúc chương trình mầm non hiện hành
- Trình bày được mục tiêu, kế hoạch, nội dung, phương pháp, các hình thức tổ chức giáo dục trẻ mầm non và kết quả mong đợi

#### **1.2. Kỹ năng**

- Phân biệt được các yêu cầu cần đạt và kết quả mong đợi theo từng giai đoạn độ tuổi

#### **1.3. Thái độ**

- Có ý thức nghiên cứu tìm hiểu các hoạt động giáo dục, hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục trẻ ở trường mầm non

### **[2]. Nội dung**

2.1. Chương trình giáo dục nhà trẻ

2.2.1. Mục tiêu

2.2.2. Kế hoạch thực hiện

2.2.3. Nội dung

2.2.4. Kết quả mong đợi

2.2.5. Các hoạt động giáo dục, hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục

2.2. Chương trình giáo dục mẫu giáo

2.2.1. Mục tiêu

2.2.2. Kế hoạch thực hiện

2.2.3. Nội dung

2.2.4. Kết quả mong đợi

2.2.5. Các hoạt động giáo dục, hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục

## **Phần 2 Nội dung CS - GD trẻ Mầm non**

### **Chương 3. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe**

#### **[1]. Mục tiêu**

##### **1.1. Kiến thức**

- Trình bày được nội dung và cách thức tổ chức chế độ ăn, ngủ, vệ sinh, chăm sóc sức khỏe và an toàn cho trẻ mầm non

##### **1.2. Kỹ năng**

- SV thực hiện được một số công việc đơn giản trong tổ chức bữa ăn, giấc ngủ, vệ sinh, chăm sóc sức khỏe và an toàn cho trẻ ở trường MN

### **1.3. Thái độ**

- Có ý thức học hỏi, chăm chỉ, chịu khó khi xuống trường mầm non thực hành

#### **[2]. Nội dung**

3.1. Tổ chức ăn

3.2. Tổ chức ngủ

3.3. Vệ sinh

3.4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

## **Chương 4. Nội dung giáo dục**

### **[1]. Mục tiêu**

#### **1.1. Kiến thức**

Trình bày được ý nghĩa, các nhiệm vụ, nội dung, phương pháp của các nội dung giáo dục

#### **1.2. Kỹ năng**

- Phân tích được ý nghĩa và nhiệm vụ của các nội dung giáo dục cho trẻ ở hai giai đoạn nhà trẻ và mẫu giáo

- Thiết kế được các hoạt động giáo dục cho trẻ trường mầm non

#### **1.3. Thái độ**

- SV có ý thức rèn luyện kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm

### **[2]. Nội dung**

#### **4.1. Giáo dục thể chất**

4.1.1. Ý nghĩa của giáo dục thể chất cho trẻ mầm non

4.1.2. Các nhiệm vụ giáo dục thể chất cho trẻ mầm non

4.1.3. Nội dung giáo dục thể chất cho trẻ mầm non

#### **4.2. Giáo dục trí tuệ**

4.2.1. Ý nghĩa của giáo dục trí tuệ cho trẻ mầm non

4.2.2. Các nhiệm vụ giáo dục trí tuệ cho trẻ mầm non

4.2.3. Nội dung giáo dục trí tuệ cho trẻ mầm non

#### **4.3. Giáo dục đạo đức**

4.3.1. Ý nghĩa giáo dục đạo đức cho trẻ mầm non

4.3.2. Các nhiệm vụ giáo dục đạo đức cho trẻ mầm non

4.3.3. Nội dung giáo dục đạo đức cho trẻ mầm non

4.3.4. Các nguyên tắc giáo dục đạo đức cho trẻ mầm non

4.3.5. Các phương pháp giáo dục đạo đức cho trẻ mầm non

#### **4.4. Giáo dục thẩm mỹ**

4.4.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non

4.4.2. Nhiệm vụ giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non

4.4.3. Nội dung và phương pháp giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non

4.4.4. Các phương tiện giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non

#### **4.5. Giáo dục lao động**

- 4.5.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ của giáo dục lao động
- 4.5.2. Đặc điểm và nội dung giáo dục lao động cho trẻ mẫu giáo
- 4.5.3. Các hình thức tổ chức lao động cho trẻ mẫu giáo
- 4.5.4. Những yêu cầu sư phạm khi tổ chức lao động cho trẻ mẫu giáo

#### **4.6. Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ mầm non**

- 4.6.1. Khái niệm và ý nghĩa của giá trị sống và kỹ năng sống
- 4.6.2. Mục tiêu giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống
- 4.6.3. Nội dung và phương pháp giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống

### **Phần 3 Tổ chức các hoạt động GD cho trẻ ở trường Mầm non**

#### **Chương 5 Tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày**

##### **[1]. Mục tiêu**

##### **1.1. Kiến thức**

- Diễn giải được khái niệm, ý nghĩa của chế độ sinh hoạt đối với sự phát triển của trẻ mầm non và cách thức tổ chức cuộc sống sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở các nhóm lứa tuổi

##### **1.2. Kỹ năng**

- Giải quyết được các tình huống CS-GD trẻ trong sinh hoạt hàng ngày
- Lập kế hoạch và tổ chức được chế độ sinh hoạt trong ngày cho trẻ các độ tuổi

##### **1.3. Thái độ**

- SV tích cực quan sát, thực hành và làm việc nhóm

##### **[2]. Nội dung**

- 5.1. Vài nét về chế độ sinh hoạt và ý nghĩa của nó đối với sự phát triển của trẻ mầm non
- 5.2. Cách thức tổ chức cuộc sống sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở các nhóm lứa tuổi (3 - 12 tháng, 12 - 24 tháng, 24 - 36 tháng, 36 - 72 tháng)

#### **Chương 6 Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ ấu nhi**

##### **[1]. Mục tiêu**

##### **1.1. Kiến thức**

- Diễn giải được khái niệm, ý nghĩa của hoạt động với đồ vật đối với sự phát triển của trẻ mầm non và cách thức tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ ở các nhóm dưới 3 tuổi

##### **1.2. Kỹ năng**

- Giải quyết được các tình huống trong khi chơi của trẻ
- Lập kế hoạch và tổ chức được hoạt động với đồ vật cho trẻ dưới 3 tuổi

##### **1.3. Thái độ**

- SV tích cực quan sát, thực hành và làm việc nhóm

##### **[2]. Nội dung**

- 6.1. Hoạt động với đồ vật và ý nghĩa của nó đối với sự phát triển của trẻ ấu nhi
- 6.2. Nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ tuổi nhà trẻ

#### **Chương 7 Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo**

##### **[1]. Mục tiêu**

##### **1.1. Kiến thức**

- Diễn giải được khái niệm, ý nghĩa của hoạt động vui chơi đối với sự phát triển của trẻ mẫu giáo

### **1.2. Kỹ năng**

Giải quyết được các tình huống trong khi chơi

- Lập kế hoạch và tổ chức được trò chơi cho trẻ mẫu giáo

### **1.3. Thái độ**

- SV tích cực quan sát, thực hành và làm việc nhóm

## **[2]. Nội dung**

7.1. Hoạt động vui chơi và ý nghĩa của nó đối với sự phát triển của trẻ mẫu giáo

7.2. Cách thức tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo ở các thời điểm trong ngày theo hướng đổi mới

## **Chương 8 Tổ chức hoạt động nhận thức cho trẻ mầm non**

### **[1]. Mục tiêu**

#### **1.1. Kiến thức**

- Trình bày được mục tiêu, ý nghĩa và nội dung và của hoạt động nhận thức đối với sự phát triển của trẻ mầm non

- Trình bày được một số yêu cầu định hướng khi tổ chức thực hiện hoạt động học tập tích hợp cho trẻ mầm non

- Trình bày được các cách thức tổ chức hoạt động nhận thức của trẻ mầm non theo tiếp cận tích hợp cho trẻ mầm non

#### **1.2. Kỹ năng**

- Lập kế hoạch tổ chức một hoạt động nhận thức cho trẻ mầm non

- Phân biệt được sự khác nhau giữa hoạt động nhận thức của trẻ mầm non với học sinh phổ thông

#### **1.3. Thái độ**

- SV luyện kỹ năng giao tiếp, thực hành và làm việc nhóm

- SV tích cực quan sát, thực hành và làm việc nhóm

## **[2]. Nội dung**

8.1. Mục tiêu, ý nghĩa của tổ chức hoạt động nhận thức cho trẻ MN

8.2. Nội dung hoạt động nhận thức của trẻ mầm non

8.3 Một số yêu cầu định hướng khi tổ chức thực hiện hoạt động học tập tích hợp cho trẻ mầm non

8.4. Cách thức tổ chức tổ chức hoạt động học tập tích hợp cho trẻ mầm non

## **Chương 9 Tổ chức ngày hội, ngày lễ ở trường mầm non**

### **[1]. Mục tiêu**

#### **1.1. Kiến thức**

- Trình bày được mục tiêu, ý nghĩa và cách thức tổ chức ngày hội ngày lễ cho trẻ ở trường mầm non

#### **1.2. Kỹ năng**

- Lập kế hoạch tổ chức ngày hội ngày lễ cho trẻ ở trường mầm non

### **1.3. Thái độ**

- SV tích cực quan sát, thực hành và làm việc nhóm

### **[2]. Nội dung**

9.1. Mục tiêu, ý nghĩa của việc tổ chức ngày hội ngày lễ cho trẻ ở trường mầm non

9.2. Các ngày lễ, hội của trẻ ở trường mầm non và yêu cầu cần đạt khi tổ chức ngày hội, ngày lễ cho trẻ

9.3. Cách thức tổ chức ngày hội, ngày lễ ở trường mầm non

## **Chương 10 Chuẩn bị cho trẻ vào trường phổ thông**

### **[1]. Mục tiêu**

#### **1.1. Kiến thức**

- Trình bày được mục tiêu, nhận định được ý nghĩa và những khó khăn của việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp một

- Trình bày được nội dung, phương pháp và hình thức chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một

#### **1.2. Kỹ năng**

- Phân biệt được các quan điểm đúng - sai khi chuẩn bị cho trẻ vào lớp một

- Chứng minh được sự cần thiết phải chuẩn bị cho trẻ vào lớp một

- Tổ chức được một số hoạt động chuẩn bị cho trẻ vào lớp một

### **1.3. Thái độ**

- SV tích cực quan sát, thực hành và làm việc nhóm

### **[2]. Nội dung**

10.1. Mục tiêu, ý nghĩa của việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một

10.2. Các quan điểm chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một

10.3. Một số khó khăn đối với học sinh lớp Một

10.4. Nội dung, phương pháp và hình thức chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một

## **7. Nguồn học liệu (các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, ...)**

### **Tài liệu chính:**

[1] Nguyễn Thị Hoà, *Giáo trình Giáo dục học mầm non*, NXB ĐHSP, 2019

### **Tài liệu tham khảo:**

[1] Đào Thanh Âm (chủ biên), *Giáo dục học Mầm non*, NXB ĐHSP Hà Nội, 1997.

[2] Phạm Thị Châu, *Giáo dục học mầm non*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2013

[3] Nguyễn Thị Hương, *Giáo dục học mẫu giáo*, NXB Đại học Vinh, 2008

[4] Nguyễn Thị Hoà, *Giáo trình giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non*, NXB ĐHSP, 2019

[5] Lê Thu Hương, *Hướng dẫn thực hiện chương trình Giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục, 2009

## **8. Quy định của môn học**

Các quy định của môn học như:

- Sinh viên nộp Hồ sơ môn học theo yêu cầu: SV phải hoàn thành 100% báo cáo, bài tập được giao và nộp đúng hạn

- Sinh viên phải nộp bài tập/báo cáo và tham gia đầy đủ các bài kiểm tra hết chương/phần

- Tỷ lệ thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp/thực hành: tối thiểu 80% số tiết giảng

**9. Phụ trách môn học**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Tổ Giáo dục học - Khoa Giáo dục

- Địa chỉ/email: [anhntq@vinhuni.edu.vn](mailto:anhntq@vinhuni.edu.vn)

**10. Ngày phê duyệt:** 10/4/2017

**11. Cấp phê duyệt:**

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: GIẢI PHẪU SINH LÝ TRẺ**

**1. Thông tin tổng quát**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Giang An

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính tại Viện Sư phạm Tự nhiên, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: TS. Nguyễn Thị Giang An, Viện Sư phạm Tự nhiên, Trường Đại học Vinh.

Điện thoại: 0917113270, Email : [nguyengianganbio@vinhuni.edu.vn](mailto:nguyengianganbio@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong y học và chăn nuôi.

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: Tôn Thị Bích Hoài

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính tại Viện Sư phạm Tự nhiên, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: TS. Viện sư phạm tự nhiên, Trường Đại học Vinh.

Điện thoại, email: [ttbhoaidhv@yahoo.com](mailto:ttbhoaidhv@yahoo.com)

Các hướng nghiên cứu chính: Lý sinh.

**Giảng viên 3:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Việt

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, tại Viện Sư phạm Tự nhiên, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: TS. Nguyễn Thị Việt, Viện Sư phạm Tự nhiên, Trường Đại học Vinh.

Điện thoại: 0943 474 688, Email: [nguyenviet0705@vinhuni.edu.vn](mailto:nguyenviet0705@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Động vật học

**1.2. Thông tin về môn học**

- Tên môn học (tiếng Việt): Giải phẫu sinh lý trẻ em (tiếng Anh): Anatomy and physiology of children
- Mã số môn học:
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành

<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác <input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input type="checkbox"/> Học phần đồ án tốt nghiệp	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	<i>(Theo từng nội dung cụ thể)</i>
+ Số tiết tự học:	60
- Môn học tiên quyết:	
- Môn học song hành:	Tâm lý học trẻ em

## 2. Mô tả môn học

Trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, môn học Giải phẫu sinh lý trẻ em là môn học tiên quyết, với vai trò cung cấp cho sinh viên hiểu biết cơ bản về cấu tạo, chức năng sinh lý, quy luật hoạt động và quy luật phát triển của cơ thể trẻ em. Trên cơ sở đó, đưa ra các biện pháp chăm sóc và phát triển trẻ một cách hợp lý, khoa học. Đồng thời, kiến thức trong học phần này sẽ làm cơ sở cho sinh viên tiếp cận các học phần khác như tâm lý học lứa tuổi, bệnh học, dinh dưỡng và các môn học khác.

Thông qua học phần này rèn luyện cho sinh viên khả năng phân tích, tổng hợp, khả năng thuyết trình và tư duy phản biện. Đồng thời hình thành kỹ năng hợp tác trong học tập và nghiên cứu.

## 3. Mục tiêu môn học

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của CTĐT (X.x.x) (3)	TĐNL (4)
<b>G1</b>	Vận dụng các kiến thức về mặt cấu tạo, chức năng, quy luật hoạt động và quy luật phát triển của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể trẻ em để chăm sóc và giáo dục trẻ một cách khoa học.	1.2.1;1.2.2;1.3.1	3.0
<b>G2</b>	Phát triển phẩm chất, kỹ năng chăm sóc trẻ cá nhân và nghề nghiệp	2.1.1;2.1.2; 2.1.3;2.1.4;	3.0
<b>G3</b>	Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, tìm kiếm thông tin, kỹ năng ICT và thuyết trình.	3.2.1.;3.2.2;3.2.3; 3.2.4;3.2.5	3.0
<b>G4</b>	Thiết kế kế hoạch đánh giá, chăm sóc và giáo dục trẻ	4.5.1	3.0

#### 4. Chuẩn đầu ra môn học

	<b>Mục tiêu (Gx.x) (1)</b>	<b>Mô tả CDR (2)</b>	<b>Trình độ năng lực</b>	<b>CDR CTĐT tương ứng</b>
<b>G1</b>	<b>G 1.1</b>	Trình bày được một số khái niệm cơ bản của liên quan đến môn học	2.0	1.2.1; 1.2.2; 1.3.1
	<b>G 1.2</b>	Chứng minh được sự phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể.	3.0	
	<b>G1.3</b>	Phân tích được các quy luật hoạt động sinh lý của các cơ quan trong cơ thể	3.0	
	<b>G 1.4</b>	Trình bày được đặc điểm cấu tạo và qui luật phát triển của các cơ quan trong cơ thể trẻ em	3.0	
	<b>G 1.5</b>	Làm được một số thí nghiệm để chứng minh hoạt động sinh lý của các cơ quan và mô tả hình thể của các cơ quan	3,0	
	<b>G1.6</b>	Biện pháp phòng tránh các bệnh liên quan đến các hệ cơ quan	2,5	
<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	Phát hiện, phân tích, xây dựng giải pháp để giải quyết vấn đề	3.0	2.1.1; 2.1.2; 2.1.3; 2.1.4;
	<b>G2.2</b>	Biết nhận thức bản thân, tư học suốt đời, tư duy sáng tạo, tích cực, tự giác và độc lập.	3.0	
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Biết tra cứu thông tin trên Internet, thiết lập và điều hành nhóm,	3,0	3.2.1.; 3.2.2; 3.2.3; 3.2.4; 3.2.5
	<b>G3.2</b>	Thảo luận, sắp xếp được các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên; giải thích được tầm quan trọng và cấp bách của nhiệm vụ	3.0	
	<b>G3.3</b>	Thể hiện được khả năng đàm phán giải quyết xung đột và thực hành đại diện nhóm trước những người khác	3.0	
	<b>G3.4</b>	Thể hiện khả năng xác định vai trò và trách nhiệm của các thành viên trong nhóm; tích cực hợp tác với các thành viên trong nhóm	3.0	
	<b>G3.5</b>	Lựa chọn các mục tiêu và công việc cần làm; thực hiện kế hoạch và tạo điều kiện cho các cuộc họp nhóm có hiệu quả, sử dụng các quy tắc nhóm và thực hành giao tiếp hiệu quả	3.0	
	<b>G3.6</b>	Thể hiện khả năng thuyết trình bằng bài giảng điện tử hoặc đa phương tiện, đánh giá hoạt động của các nhóm	3.0	

	<b>G3.7</b>	Thể hiện khả năng phân tích, đánh giá hoạt động của các nhóm	3.0	
	<b>G4</b>	Ứng dụng được các kiến thức về GPSL trẻ em vào quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ	3.0	4.5.1

### 5. Đánh giá môn học

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<i>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</i>			<b>10%</b>
	A1.1.1. Thường xuyên	G2.2	5%
	A1.1.2. Thái độ học tập	G3.4	5%
<i>A1.2. Hồ sơ môn học (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm, bài phân tự học...)</i>			<b>20%</b>
	A1.2.1. Bài tập về nhà cá nhân hoặc nhóm	G1; G2; G3; G4:	20%
<i>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)</i>			<b>20%</b>
	A1.3.1. Bài kiểm tra 1	G1; G4	20%
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc môn học)</b>			<b>50%</b>
<b>HP Lý thuyết và thực hành</b>	A2.1. Lý thuyết (Thi trắc nghiệm)	G1; G4	40%
	A2.2. Thực hành (bảng bộ tiêu chí)	G1; G2; G3: G4	10%

### 6. Nội dung giảng dạy (các nội dung giảng dạy lý thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CĐR và các bài đánh giá môn học)

Nội dung (1)	CĐR môn học (Gxx) (2)	Bài đánh giá (3)
<b>Bài mở đầu (1tiết)</b> - Khái niệm, nhiệm vụ và đối tượng của Giải phẫu sinh lý trẻ em. - Vị trí và tầm quan trọng của môn học. - Lịch sử, phương pháp nghiên cứu	G1.1. G 2.1; G 2.2; G3; G4.	A1.1; A1.3

<p><b>Chương 1 Khái quát chung về cơ thể con người (1 tiết)</b></p> <p>1.1. Giới thiệu các cấp độ cơ thể con người.</p> <p>1.1.1. Cấu tạo và chức năng sinh lý của tế bào</p> <p>1.1.2. Các loại mô trong cơ thể</p> <p>1.2. Cơ thể là một thể thống nhất và điều chỉnh.</p> <p>1.3. Đặc điểm chung của cơ thể trẻ em.</p>	<p>G1.2.</p> <p>G1.2</p> <p>G1.3</p> <p>G 2.1;</p> <p>G 3; G4</p>	<p>A1.1;</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>
<p>SV trả lời các câu hỏi cuối chương 2, các câu hỏi ôn tập cuối chương (Giáo trình Giải phẫu sinh lý trẻ em, Nguyễn Thị Giang An, NXB ĐHV)</p>	<p>G2.2</p>	<p>A1.1;</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p>
<p><i>Chương 2: Tính quy luật về sự sinh trưởng và phát triển của cơ thể (1 tiết)</i></p> <p>2.1. Quy luật về sự sinh trưởng và phát triển của cơ thể</p> <p>2.1.1. Khái niệm về sự sinh trưởng và phát triển.</p> <p>2.1.2. Tính quy luật về sự sinh trưởng và phát triển.</p> <p>2.1.3. Những chỉ số phát triển thể lực của trẻ.</p> <p>2.1.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất.</p> <p>2.1.5. Bảo vệ sức khỏe trẻ em.</p> <p>2.2. Các giai đoạn phát triển của trẻ em.</p> <p>2.2.1. Cơ sở phân chia sự phát triển của cơ thể trẻ em.</p> <p>2.2.2. Các thời kỳ phát triển của cơ thể trẻ em.</p> <p>2.3. Sự phát triển tâm - vận động của trẻ em.</p> <p>2.3.1. Khái niệm tâm vận động</p> <p>2.3.2. Các tiêu chí đánh giá tâm vận động của trẻ</p> <p>2.3.3. Sự phát triển tâm - vận động của trẻ trong các giai đoạn.</p>	<p>G1.</p> <p>G2</p> <p>G1.3</p> <p>G 2.1;</p> <p>G 3; G4</p>	<p>A1.1;</p> <p>A1.3</p> <p>A2.2</p>
<p><b><i>SV đọc giáo trình Giải phẫu sinh lý trẻ em, Nguyễn Thị Giang An, NXB ĐHV)</i></b></p>	<p>G2.2</p>	<p>A1.2.1</p>
<p>Nhóm sẽ phân công có sinh viên bài tập của nhóm để sinh viên, tìm hiểu và cung cấp số liệu để làm bài tập nhóm.</p>	<p>G2.2</p>	<p>A1.2.1</p>
<p><i>Chương 3: Hệ thần kinh và hoạt động thần kinh cấp cao</i></p> <p>3.1. Tầm quan trọng của hệ thần kinh</p> <p>3.2. Cấu tạo của hệ thần kinh</p> <p>3.2.1. Cấu tạo của nơron và đặc điểm nơron trẻ em</p> <p>3.2.2. Đặc điểm về cấu tạo và chức năng sinh lý hệ thần kinh trẻ em.</p> <p>3.3. Hoạt động thần kinh cấp cao.</p> <p>3.4. Hệ thống tín hiệu thứ nhất và thứ hai.</p> <p>3.5. Các loại hình thần kinh.</p> <p>3.8. Bản chất sinh lý của giấc ngủ.</p>	<p>G1</p> <p>G.2;</p> <p>G 3;</p> <p>G4.</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p> <p>A2.2</p>
<p><b>Chương 4. Cơ quan phân tích (2 tiết)</b></p> <p>4.1. Khái niệm chung về cơ quan phân tích</p>		

<p>4.2. Cơ quan phân tích thị giác</p> <p>4.2.1. Cấu tạo mắt trẻ em</p> <p>4.2.2. Cơ chế thu nhận ảnh</p> <p>4.2.3. Cơ chế thu nhận ánh sáng</p> <p>4.2.4. Cơ chế điều tiết ảnh của vật</p> <p>4.2.5. Đặc điểm cơ quan phân tích thị giác trẻ em và biện pháp về sinh mắt cho trẻ em</p> <p>4.3. Cơ quan phân tích thính giác và thăng bằng</p> <p>4.3.1. Cấu tạo tai trẻ em</p> <p>4.3.2. Cơ chế thu nhận âm thanh và cảm giác thăng bằng</p> <p>4.3.3. Đặc điểm mắt trẻ em</p> <p>4.4. Cơ quan phân tích vị giác</p> <p>4.5. Cơ quan phân tích khứu giác</p> <p>4.6. Cơ quan phân tích xúc giác</p>	<p>G1</p> <p>G.2;</p> <p>G 3;</p> <p>G4.</p> <p>G2.2</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p> <p>A2.2</p>
<p><b>Chương 5: Hệ vận động (2 tiết)</b></p> <p>5.1 Vai trò của hệ vận động</p> <p>5.2. Đại cương về hệ xương</p> <p>5.2.1. Chức phận của hệ xương</p> <p>5.2.2. Thành phần hoá học của hệ xương</p> <p>5.2.3. Phân loại xương</p> <p>5.2.4. Sự phát triển của xương</p> <p>5.2.5. Khớp xương</p> <p>5.2.6. Cấu tạo của hệ xương</p> <p><b>5.2.7. Đặc điểm xương trẻ em</b></p> <p>5.3. Đại cương về hệ cơ</p> <p>5.3.1. Chức phận của hệ cơ</p> <p>5.3.2. Cấu tạo của hệ cơ</p> <p>5.3.3. Hoạt động của cơ</p> <p>5.4. Sự phát triển tư thế</p>	<p>G1</p> <p>G.2;</p> <p>G 3;</p> <p>G4.</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p> <p>A2.2</p>
<p><b>Chương 6. Hệ tuần hoàn (2 tiết)</b></p> <p>6.1. Máu</p> <p>6.1.1. Chức năng của máu</p> <p>6.1.2. Thành phần và đặc tính lý hoá của máu</p> <p>6.1.3. Mước mô và bạch huyết</p> <p>6.1.4. Sự miễn dịch</p> <p>6.1.5. Đặc điểm máu theo lứa tuổi</p> <p>6.2. Tuần hoàn</p> <p>6.2.1. Ý nghĩa của sự tuần hoàn</p>	<p>G1</p> <p>G.2;</p> <p>G 3;</p> <p>G4.</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p> <p>A2.2</p>

6.2.2. Cấu tạo và chức năng sinh lý của tim		
6.2.3. Cấu tạo của hệ mạch		
<b>6.2.4. Đặc điểm tim và mạch của trẻ em</b>		
<b>Chương 7. Hệ hô hấp (2 tiết)</b>		A1.1
7.1. Tầm quan trọng của hệ hô hấp	G1	A1.2
7.2. Cấu tạo của hệ hô hấp	G.2;	A1.3
7.3. Cơ chế hoạt động hô hấp	G 3;	A2.1
7.4. Những đặc điểm hô hấp của trẻ em	G4.	
7.5. Những rối loạn hô hấp ở trẻ em		
<b>Chương 8. Tiêu hoá và quá trình hấp thu thức ăn (2 tiết)</b>		A1.1
8.1. Vai trò của thức ăn - ý nghĩa của sự tiêu hoá	G1	A1.2
8.2. Cấu tạo của hệ tiêu hoá	G.2;	A1.3
8.2.1. Ống tiêu hoá	G 3;	A2.1
8.2.2. Tuyến tiêu hoá	G4.	A2.2
8.3. Sự tiêu hoá thức ăn trong cơ thể		
8.3.1. Tiêu hoá cơ học		
8.3.2. Tiêu hoá hoá học		
8.4. Sự hấp thu thức ăn và thải bã		
8.5. Đặc điểm hệ tiêu hoá trẻ em		
8.6. Cơ sở sinh lý của sự ăn uống		
<b>Chương 9. Trao đổi chất và năng lượng (1 tiết)</b>		A1.1
9.1. Khái niệm về trao đổi chất và năng lượng	G1	A1.2
9.2. Sự trao đổi chất	G.2;	A1.3
9.2.1. Sự trao đổi protein	G 3;	A2.1
9.2.2. Sự trao đổi glucxit	G4.	
9.2.3. Sự trao đổi lipit		
9.2.4. Sự trao đổi vitamin		
9.2.5. Sự trao đổi muối khoáng		
9.2.6. Sự trao đổi nước		
9.3. Đặc điểm trao đổi chất theo lứa tuổi		
9.4. Sự trao đổi năng lượng		
9.4.1. Trao đổi cơ bản		
9.4.2. Nhu cầu năng lượng ở trẻ em		
<b>Chương 10: Hệ bài tiết (1 tiết)</b>		A1.1
10.1. Ý nghĩa của sự bài tiết	G1	A1.2
10.2. Hệ tiết /niệu	G.2;	A1.3
6.2.1. Cấu tạo của hệ tiết niệu	G 3;	A2.1
6.2.2. Cơ chế lọc máu tạo nước tiểu	G4.	

<p>6.2.3. Sự bài xuất nước tiểu</p> <p>6.2.4. Đặc điểm cấu tạo và chức năng bài tiết nước tiểu theo lứa tuổi</p> <p>6.3. Da và sự tiết mồ hôi qua da</p> <p>6.3.1. Cấu tạo của da</p> <p>6.3.2. Sự bài tiết mồ hôi qua da</p> <p>6.4. Đặc điểm da trẻ em và các bệnh về da, biện pháp về sinh da cho trẻ.</p>		
<p>Chương 11: Hệ nội tiết (1 tiết)</p> <p>11.1. Đại cương về hệ nội tiết</p> <p>11.1.1. Khái niệm tuyến nội tiết.</p> <p>11.1.2. Hormone</p> <p>11.1.3. Sự điều hoà tiết hormone trong cơ thể</p> <p>11.2. Cấu tạo và chức phận các tuyến nội tiết chính trong cơ thể</p> <p><b>11.3. Mối quan hệ giữa thân kinh và nội tiết</b></p>	<p>G1</p> <p>G.2;</p> <p>G 3;</p> <p>G4.</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>
<p>Chương 12: Hệ sinh dục (1 tiết)</p> <p>12.1. Ý nghĩa của sự sinh sản</p> <p>12.2. Hệ sinh dục nam.</p> <p>12.2.1. Cấu tạo cơ quan sinh dục nam.</p> <p>12.2.2. Sinh lý sinh dục nam.</p> <p>12.3. Hệ sinh dục nữ</p> <p>12.3.1. Cấu tạo các bộ phận sinh dục nữ.</p> <p>12.3.2. Sinh lý sinh dục nữ.</p> <p>12.3.3. Sự thụ tinh, làm tổ và phát triển thai nhi</p> <p><b>12.4. Các bệnh lây qua đường sinh dục, biện pháp phòng tránh và cơ sở sinh lý của công tác KHHGD.</b></p>	<p>G1</p> <p>G.2;</p> <p>G 3;</p> <p>G4.</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>

## 6.2. Kế hoạch giảng dạy

*Lý thuyết:*

2 buổi/ tuần 2 tiết/ buổi	Nội dung (2)	Hình thức tổ chức DH và phương tiện dạy học (3)	Chuẩn bị của SV (4)	CĐR môn học (5)	Bài đánh giá (6)
1	<p><b>Bài mở đầu (1tiết)</b>  <b>Mục tiêu Block 1:</b>  <b>- Kiến thức:</b>                      + SV hiểu được khái niệm cơ bản về môn học.                      + <i>Xác định được tầm quan trọng của môn học trong CTĐT.</i>                      + Nhớ được lịch sử phát triển của môn học</p> <p><b>- Kỹ năng:</b>                      + Lắng nghe và trình bày suy nghĩ một cách tích cực,                      + Ghi nhớ kiến thức</p> <p><b>- Thái độ:</b>                      + SV có ý thức tự giác và nghiêm túc trong học tập</p> <p><b>- Nội dung giảng dạy:</b>                      - Khái niệm, nhiệm vụ và đối tượng của Giải phẫu sinh lý trẻ em.                      - Vị trí và tầm quan trọng của môn học.                      - Lịch sử, phương pháp nghiên cứu</p>	<p><b>Hình thức tổ chức DH:</b>                      - GV dạy lý thuyết, đặt các câu hỏi để hướng dẫn sinh viên tìm kiếm và nắm bắt kiến thức cốt lõi.</p> <p><b>Phương tiện hỗ trợ giảng dạy</b>                      - Máy chiếu, máy tính</p>	<p>Tuần đầu tiên nên sinh viên chưa phải chuẩn bị</p>	<p>G1.1. G 2.1; G 2.2; G3; G4.</p>	<p>A1.1; A1.3</p>

1	<p><b>Chương 1 Khái quát chung về cơ thể con người (1 tiết)</b></p> <p><b>Mục tiêu Block2:</b></p> <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ Khái quát chung về cơ thể ở các cấp độ khác nhau.</p> <p>+ Phân loại các loại mô trong cơ thể.</p> <p>+ Giải thích được cơ thể là một thể thống nhất và tự điều chỉnh.</p> <p>+ Nêu được đặc điểm khác biệt giữa cơ thể trẻ em với người lớn.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>+ Lắng nghe và trình bày suy nghĩ một cách tích cực,</p> <p>+ Ghi nhớ;</p> <p>+ Quản lý bản thân và tinh thần tự tôn;</p> <p>+ Kỹ năng phát biểu trước đám đông;</p> <p>+ Kỹ năng làm việc nhóm.</p> <p>- <i>Thái độ:</i></p> <p>+ SV có ý thức tự giác và nghiêm túc trong học tập</p> <p>+ Có ý thức tự học.</p> <p>- <b>Nội dung giảng dạy:</b></p> <p>1.2. Giới thiệu các cấp độ cơ thể con người.</p> <p>1.2.1. Cấu tạo và chức năng sinh lý của</p>	<p><b>Hình thức tổ chức DH:</b></p> <p>- SV bắt thăm hoặc được phân công những nội dung cần chuẩn bị và báo cáo những nội dung thuyết trình. Các nhóm đặt câu hỏi làm rõ các vấn đề đã trình bày. (Thời gian báo cáo cho các nhóm là 15 phút)</p> <p>-GV: Hệ thống lại bài học và nhấn mạnh một số điểm cần lưu ý.</p> <p><b>Phương tiện hỗ trợ giảng dạy</b></p> <p>- Máy chiếu, máy tính</p>	<p>Đọc tài liệu 1, 2, 4 và tìm hiểu trước các vấn đề sẽ thảo luận nhóm:</p> <p>1) <i>Phân tích cấu trúc TB phù hợp với chức năng của các thành phần tế bào.</i></p> <p>2) <i>Xây dựng sơ đồ phân loại và nêu đặc điểm của các loại mô trong cơ thể.</i></p> <p>3) <i>Chứng minh cơ thể là một thể thống nhất và tự điều chỉnh.</i></p> <p>4) <i>Phân tích các đặc điểm về cơ thể trẻ em. Qua đó nêu ra những đặc điểm cần chú trọng trong quá trình chăm sóc trẻ.</i></p> <p><b>Báo cáo</b></p> <p>- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trước lớp trong thời gian quy định.</p> <p>- Phương thức báo cáo: Bằng</p>	<p>G1.2. G1.2 G1.3 G 2.1; G 3; G4</p>	<p>A1.1; A1.3 A2.1</p>
---	--	--	--	---	--------------------------------

	<p>tế bào</p> <p>1.2.2. Các loại mô trong cơ thể</p> <p>1.2. Cơ thể là một thể thống nhất và điều chỉnh.</p> <p>1.3. Đặc điểm chung của cơ thể trẻ em.</p>		<p>bảng phấn hoặc trình chiếu PP hoặc poster.</p> <p>- Các nhóm gửi file báo cáo của nhóm gửi vào homepage của GV trước buổi học tiếp theo.</p>		
	<p>SV trả lời các câu hỏi cuối chương 2, các câu hỏi ôn tập cuối chương (Giáo trình Giải phẫu sinh lý trẻ em, Nguyễn Thị Giang An, NXB ĐHV)</p>	<p><b>Tự học</b></p> <p>- GV sẽ gọi bất kỳ một sinh viên trả lời các câu hỏi ôn tập cuối chương (dành 02 phút ở buổi học tiếp theo)</p>	<p>Đọc tài liệu 1, 2 và 6</p>	<p>G2.2</p>	<p>A1.1; A1.2 A1.3</p>
2	<p><i>Chương 2: Tính quy luật về sự sinh trưởng và phát triển của cơ thể (1 tiết)</i></p> <p><b>Mục tiêu Block3:</b></p> <p>- <b>Kiến thức:</b></p> <p>+ Khái quát về khái niệm sinh trưởng và phát triển.</p> <p>+ Phân tích các quy luật về sinh trưởng và phát triển của cơ thể.</p> <p>+ Sử dụng các công thức để đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể lực của trẻ.</p> <p>+ Phân tích được các đặc điểm của trẻ trong các giai đoạn.</p> <p>+ Hiểu được đặc điểm</p>	<p><b>Hình thức tổ chức DH:</b></p> <p>- SV bắt thăm hoặc được phân công báo cáo những nội dung thuyết trình. Các nhóm đặt câu hỏi làm rõ các vấn đề đã trình bày. (Thời gian báo cáo cho các nhóm là 15 phút)</p> <p>-GV: Hệ thống lại bài học và nhấn mạnh một số điểm cần lưu ý.</p> <p><b>Phương tiện hỗ trợ giảng dạy</b></p> <p>- Máy chiếu, máy tính</p>	<p><b>Hoạt động nhóm</b></p> <p>Vấn đề hoạt động nhóm:</p> <p>1) <i>Phân tích quy luật về sinh trưởng và phát triển của trẻ</i></p> <p>2) <i>Để đánh giá sự phát triển của trẻ cần sử dụng công cụ đánh giá nào? Phương pháp tiến hành công cụ đó ntn?</i></p> <p>3) <i>Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ.</i></p> <p>4) <i>Cơ sở phân</i></p>	<p>G1. G2 G1.3 G 2.1; G 3; G4</p>	<p>A1.1; A1.3 A2.2</p>

	<p>phát triển tâm vận động của trẻ.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>+ Lắng nghe và trình bày suy nghĩ một cách tích cực,</p> <p>+ Ghi nhớ nội dung kiến thức.</p> <p>+ Quản lý bản thân và tinh thần tự tôn.</p> <p>+ Kỹ năng phát biểu trước đám đông.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc nhóm</p> <p>- <i>Thái độ:</i></p> <p>+ SV có ý thức tự giác và nghiêm túc trong học tập</p> <p>+ Có ý thức tự học.</p> <p>- <b>Nội dung giảng dạy:</b></p> <p>2.1. Quy luật về sự sinh trưởng và phát triển của cơ thể</p> <p>2.1.1. Khái niệm về sự sinh trưởng và phát triển.</p> <p>2.1.2. Tính quy luật về sự sinh trưởng và phát triển.</p> <p>2.1.3. Những chỉ số phát triển thể lực của trẻ.</p> <p>2.1.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất.</p> <p>2.1.5. Bảo vệ sức khỏe trẻ em.</p> <p>2.2. Các giai đoạn phát triển của trẻ em.</p>		<p><i>chia trẻ ra các thời kỳ, đặc điểm của trẻ trong các thời kỳ và đề xuất các biện pháp chăm sóc cho trẻ trong từng giai đoạn đó.</i></p> <p><b>Báo cáo</b></p> <p>- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trước lớp trong thời gian quy định.</p> <p>- Phương thức báo cáo: Bằng bảng phấn hoặc trình chiếu PP hoặc poster</p> <p>- Các nhóm chụp ảnh bài báo cáo của nhóm hoặc file báo cáo của nhóm gửi vào homepage của GV trước buổi học tiếp theo.</p>		
--	---	--	--	--	--

	<p>2.2.1. Cơ sở phân chia sự phát triển của cơ thể trẻ em.</p> <p>2.2.2. Các thời kỳ phát triển củ cơ thể trẻ em.</p> <p>2.3. Sự phát triển tâm - vận động của trẻ em.</p> <p>2.3.1. Khái niệm tâm vận động</p> <p>2.3.2. Các tiêu chí đánh giá tâm vận động của trẻ</p> <p>2.3.3. Sự phát triển tâm - vận động của trẻ trong các giai đoạn.</p>				
	<b><i>SV đọc giáo trình Giải phẫu sinh lý trẻ em, Nguyễn Thị Giang An, NXB ĐHV)</i></b>	<b><i>Tự học</i></b> - Sự phát triển tâm - vận động của trẻ em.	Đọc tài liệu 1, 2 và 6	G2.2	A1.2.1
	Nhóm sẽ phân công có sinh viên bài tập của nhóm để sinh viên, tìm hiểu và cung cấp số liệu để làm bài tập nhóm.	<b><i>Tự học</i></b> - Sinh viên nhận bài tập từ nhóm và nộp bài tập theo đúng kỳ hạn. Nhóm trưởng sẽ đánh giá hoạt động của các thành viên.	Đọc tài liệu 1, 2 và 6	G2.2	A1.2.1
3	<p><i>Chương 3: Hệ thần kinh và hoạt động thần kinh cấp cao</i></p> <p><b>Mục tiêu Block 4:</b></p> <p>- Kiến thức: + SV hiểu được vai trò hệ thần kinh. + SV hiểu được cấu tạo và cơ chế dẫn truyền</p>	<p><b>Hình thức tổ chức DH:</b></p> <p>- SV bắt thăm hoặc được phân công báo cáo những nội dung thuyết trình. Các nhóm đặt câu hỏi làm rõ các vấn đề</p>	Đọc tài liệu 1, 2, 6 và tìm hiểu trước các vấn đề theo bài tập của nhóm: 1.Vẽ sơ đồ tư duy và trình bày về cấu tạo và chức năng của nơron	G1 G.2; G 3; G4.	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1 A2.2

	<p>xung thần kinh, đặc điểm thần kinh trẻ em để vận dụng trong quá trình chăm sóc trẻ.</p> <p>+ Vận dụng các đặc điểm quy luật hoạt động thần kinh và phân loại các loại hình thần kinh để giáo dục trẻ.</p> <p>+ Phân biệt hệ thống tín hiệu thứ nhất và thứ 2.</p> <p>+ Phân biệt được các loại hình thần kinh và biện pháp giáo dục cho từng loại hình thần kinh.</p> <p>+ Tổ chức được giấc ngủ cho trẻ.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>+ Lắng nghe và trình bày suy nghĩ một cách tích cực,</p> <p>+ Ghi nhớ nội dung kiến thức.</p> <p>+ Quản lý bản thân và tinh thần tự tôn</p> <p>+ Phát biểu/trình bày trước đám đông.</p> <p>- <i>Thái độ:</i></p> <p>+ SV có ý thức tự giác và nghiêm túc trong học tập</p> <p>+ Có ý thức tự học</p> <p>- <b>Nội dung giảng dạy:</b></p> <p>3.1. Tầm quan trọng của hệ thần kinh</p> <p>3.2. Cấu tạo của hệ thần kinh</p> <p>3.2.1. Cấu tạo của nơron</p>	<p>đã trình bày. (<i>Thời gian báo cáo cho các nhóm là 15 phút</i>)</p> <p>-GV: Hệ thống lại bài học và nhấn mạnh một số điểm cần lưu ý.</p> <p><b>Phương tiện hỗ trợ giảng dạy</b></p> <p>- Máy chiếu, máy tính</p> <p><b>Tự học</b></p> <p>- Sinh viên đọc thêm:</p> <p>1. Hệ thống tín hiệu một và hai.</p> <p>2. Phân loại các loại hình thần kinh và ý nghĩa của chúng.</p> <p>3. Bản chất của giấc ngủ, ý nghĩa và cách thức tổ chức giấc ngủ cho trẻ mầm non</p>	<p>thần kinh, các bộ phận của hệ thần kinh trung ương và ngoại biên.</p> <p>2. Phân tích được đặc điểm hệ thần kinh trẻ em. Đề xuất các giải pháp để bảo vệ hệ thần kinh cho trẻ.</p> <p>3. So sánh phân xạ có điều kiện và không điều kiện, cho các ví dụ minh họa.</p> <p>4. Phân tích các quy luật hoạt động thần kinh cấp cao và ứng dụng các quy luật này trong dạy học như thế nào?</p> <p>Sinh viên đọc và gửi bài tập tự học cho GV vào hệ thống LMS.</p>		
--	---	---	---	--	--

	<p>và đặc điểm noron trẻ em</p> <p>3.2.2. Đặc điểm về cấu tạo và chức năng sinh lý hệ thần kinh trẻ em.</p> <p>3.3. Hoạt động thần kinh cấp cao.</p> <p>3.4. Hệ thống tín hiệu thứ nhất và thứ hai.</p> <p>3.5. Các loại hình thần kinh.</p> <p>3.8. Bản chất sinh lý của giấc ngủ.</p>				
4	<p><b>Chương 4. Cơ quan phân tích (2 tiết)</b></p> <p><b>Mục tiêu Block 5:</b></p> <p>- Kiến thức:</p> <p>+ SV hiểu được cấu tạo, cơ chế hoạt động và chức năng của các cơ quan phân tích thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác, xúc giác.</p> <p>- Vận dụng các đặc điểm của các cơ quan phân tích của trẻ em vào quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>- Biết tra cứu thông tin, thiết lập và điều hành nhóm,</p> <p>- Thảo luận, sắp xếp được các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên;</p> <p>- Thể hiện được khả năng đàm phán giải quyết xung đột</p>	<p><b>Hình thức tổ chức DH:</b></p> <p>- Đóng kịch: Nội dung tư vấn về bệnh vệ sinh học đường.</p> <p>Nội dung: Hôm nay có cán bộ y tế về thăm khám và tư vấn các bệnh về mắt, tai, mũi, họng cho trẻ.</p> <p>Thành lập 5 bàn tư vấn tương ứng với 5 nhóm: mỗi nhóm sẽ giới thiệu 1 báo cáo ngắn về 1 cơ quan phân tích trong cơ thể; biện pháp về sinh và trả lời tư vấn do các nhóm đưa ra.</p> <p><i>(Thời gian tư vấn của các nhóm là</i></p>	<p>Đọc tài liệu 1, 2, 6 và tìm hiểu trước các vấn đề:</p> <p>Nhóm 1: Cấu tạo và chức năng của mắt, đặc điểm mắt trẻ em và biện pháp phòng tránh các bệnh về mắt.</p> <p>Nhóm 2: Cấu tạo và chức năng của tai, đặc điểm tai trẻ em và biện pháp phòng tránh các bệnh về tai.</p> <p>Nhóm 3: Cấu tạo và chức năng của mũi, lưỡi. Đặc điểm cơ quan phân tích khứu giác và vị giác trẻ em.</p> <p>Nhóm 4: Cấu tạo và chức năng cơ</p>	<p>G1</p> <p>G.2;</p> <p>G 3;</p> <p>G4.</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p> <p>A2.2</p>

	<p>-Thể hiện khả năng xác định vai trò và trách nhiệm của các thành viên trong nhóm.</p> <p>- Lựa chọn các mục tiêu và công việc cần làm.</p> <p>- Thể hiện khả năng thuyết trình bằng bài giảng điện tử đánh giá hoạt động của các nhóm.</p> <p>- <i>Thái độ:</i></p> <p>+ SV có ý thức tự giác và nghiêm túc trong học tập</p> <p>+ Có ý thức tự học</p> <p>- <b>Nội dung giảng dạy:</b></p> <p>4.1. Khái niệm chung về cơ quan phân tích</p> <p>4.2. Cơ quan phân tích thị giác</p> <p>4.2.1. Cấu tạo mắt trẻ em</p> <p>4.2.2. Cơ chế thu nhận ảnh</p> <p>4.2.3. Cơ chế thu nhận ánh sáng</p> <p>4.2.4. Cơ chế điều tiết ảnh của vật</p> <p>4.2.5. Đặc điểm cơ quan phân tích thị giác trẻ em và biện pháp về sinh mắt cho trẻ em</p> <p>4.3. Cơ quan phân tích thính giác và thăng bằng</p> <p>4.3.1. Cấu tạo tai trẻ em</p> <p>4.3.2. Cơ chế thu nhận</p>	<p><i>15 phút)</i></p> <p>-GV: Hệ thống lại bài học và nhấn mạnh một số điểm cần lưu ý.</p> <p><b>Phương tiện hỗ trợ giảng dạy</b></p> <p>- Máy chiếu, máy tính, các đạo cụ cần thiết cho buổi đóng kịch.</p> <p><b>Tự học</b></p> <p>- Các nhóm chuẩn bị kịch bản</p> <p>- Chuẩn bị các câu hỏi thảo luận.</p>	<p>quan phân tích xúc giác và biện pháp phòng tránh các bệnh về da.</p>		
			<p>- Các nhóm gửi bài tập nhóm lên hệ thống LMS.</p> <p>- Các nhóm chuẩn bị các nội dung bài tập được giao và 6 câu hỏi liên quan đến bài tập của các nhóm còn lại gửi cho giáo viên trước buổi thảo luận.</p>	G2.2	

	<p>âm thanh và cảm giác thăng bằng</p> <p>4.3.3. Đặc điểm mắt trẻ em</p> <p>4.4. Cơ quan phân tích vị giác</p> <p>4.5. Cơ quan phân tích khứu giác</p> <p>4.6. Cơ quan phân tích xúc giác</p>		<p>3. Sinh viên đọc và gửi bài tập tự học cho GV vào hệ thống LMS.</p>		
5	<p>Chương 5: Hệ vận động (2 tiết)</p> <p><b>Mục tiêu Block 6:</b></p> <p>- <b>Kiến thức:</b></p> <p>+ SV hiểu được vai trò của hệ vận động của cơ thể.</p> <p>- SV nhớ được đặc điểm cấu tạo sơ lược các cơ, xương trong cơ thể.</p> <p>- Vận dụng được các đặc điểm cấu tạo và chức năng sinh lý hệ xương và cơ ở trẻ em vào quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ một cách khoa học</p> <p>- <b>Kỹ năng:</b></p> <p>- Biết tra cứu thông tin, thiết lập và điều hành nhóm,</p> <p>- Thảo luận, sắp xếp được các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên;</p> <p>- Thể hiện được khả năng đàm phán giải quyết xung đột.</p>	<p><b>Hình thức tổ chức DH:</b></p> <p>- SV thuyết trình các nội dung bài tập được giao.</p> <p>- GV cũng có lý thuyết, đặt các câu hỏi để hướng dẫn sinh viên tìm kiếm và nắm bắt kiến thức cốt lõi và ứng dụng trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ.</p> <p><b>Phương tiện hỗ trợ giảng dạy</b></p> <p>- Máy chiếu, máy tính</p> <p><b>Tự học</b></p> <p>- SV trả lời các câu hỏi cuối chương trong giáo trình Giải phẫu sinh lý trẻ em.</p> <p>- Chuẩn bị các câu hỏi thảo luận.</p>	<p>Đọc tài liệu 1, 2, 6 và tìm hiểu trước các vấn đề:</p> <p>1. Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện hệ thống được các xương, khớp trong cơ thể. Nêu đặc điểm cấu tạo và chức năng của các xương, khớp đó .</p> <p>2. Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện được chức năng, cấu tạo của các cơ trong cơ thể.</p> <p>3. Trình bày được các đặc điểm hệ cơ và xương, khớp của trẻ em. Từ các đặc điểm đó cần lưu ý gì trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ.</p> <p>4. Sự phát triển tư</p>	<p>G1 G.2; G 3; G4.</p>	<p>A1.1 A1.2 A1.3 A2.1 A2.2</p>

	<p>-Thể hiện khả năng xác định vai trò và trách nhiệm của các thành viên trong nhóm.</p> <p>- Lựa chọn các mục tiêu và công việc cần làm.</p> <p>- Thể hiện khả năng thuyết trình bằng bài giảng điện tử đánh giá hoạt động của các nhóm.</p> <p>- <i>Thái độ:</i></p> <p>+ SV có ý thức tự giác và nghiêm túc trong học tập</p> <p>+ Có ý thức tự học</p> <p>- <b>Nội dung giảng dạy:</b></p> <p>5.1 Vai trò của hệ vận động</p> <p>5.2. Đại cương về hệ xương</p> <p>5.2.1. Chức phận của hệ xương</p> <p>5.2.2. Thành phần hoá học của hệ xương</p> <p>5.2.3. Phân loại xương</p> <p>5.2.4. Sự phát triển của xương</p> <p>5.2.5. Khớp xương</p> <p>5.2.6. Cấu tạo của hệ xương</p> <p><b>5.2.7. Đặc điểm xương trẻ em</b></p> <p>5.3. Đại cương về hệ cơ</p> <p>5.3.1. Chức phận của hệ cơ</p> <p>5.3.2. Cấu tạo của hệ cơ</p> <p>5.3.3. Hoạt động của cơ</p>		<p>thể của trẻ, các tư thế sai lệch, hậu quả và biện pháp phòng ngừa.</p> <p>- Sinh viên đọc và gửi bài tập tự học cho GV vào hệ thống LMS.</p>		
--	---	--	---	--	--

	5.4. Sự phát triển tư thế				
6	<p><b>Chương 6. Hệ tuần hoàn (2 tiết)</b></p> <p><b>Mục tiêu Block 7:</b></p> <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ SV chứng minh được vai trò của máu thông qua việc phân tích thành phần của máu.</p> <p>- SV trình bày được cơ sở khoa học của việc phân loại nhóm máu và cơ chế của sự đông máu.</p> <p>- Giải thích được hiện tượng tự động, tính chu kỳ của tim và giải thích được vì sao máu chỉ tuần hoàn 1 chiều.</p> <p>- Vận dụng các đặc điểm hệ tuần hoàn của trẻ em trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>- Biết tra cứu thông tin, thiết lập và điều hành nhóm,</p> <p>- Thảo luận, sắp xếp được các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên;</p> <p>- Thể hiện được khả năng đàm phán giải quyết xung đột</p> <p>- Thể hiện khả năng xác định vai trò và trách nhiệm của các thành viên trong nhóm.</p> <p>- Lựa chọn các mục tiêu</p>	<p><b>Hình thức tổ chức DH:</b></p> <p>- SV gửi thuyết trình qua hệ thống LMS.</p> <p>- GV củng cố và hệ thống lại phần lý thuyết, đặt các câu hỏi để hướng dẫn sinh viên tìm kiếm và nắm bắt kiến thức cốt lõi và ứng dụng vào công tác chăm sóc và giáo dục trẻ.</p> <p><b>Phương tiện hỗ trợ giảng dạy</b></p> <p>- Máy chiếu, máy tính</p> <p><b>Tự học</b></p> <p>- Các nhóm chuẩn bị sơ đồ tư duy và bài báo cáo.</p> <p>- Chuẩn bị các câu hỏi thảo luận.</p>	<p>Đọc tài liệu 1, 2, 6 và tìm hiểu trước các vấn đề:</p> <p>1. Vẽ sơ đồ và phân tích các thành phần và vai trò của các tế bào máu.</p> <p>2. Trình bày được cơ sở khoa học của việc phân loại nhóm máu và cơ chế của sự đông máu.</p> <p>3. Vẽ và mô tả cấu tạo của tim và vòng tuần hoàn. Giải thích cơ chế tự động, chu kỳ của tim và tuần hoàn chính thức, vòng tuần hoàn thai nhi.</p> <p>4. Đặc điểm máu, tim mạch trẻ em và những biện pháp phòng tránh các bệnh về hệ tuần hoàn của trẻ.</p>	<p>G1</p> <p>G.2;</p> <p>G 3;</p> <p>G4.</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p> <p>A2.2</p>

	<p>và công việc cần làm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện khả năng thuyết trình bằng bài giảng điện tử đánh giá hoạt động của các nhóm.</li> <li>- <i>Thái độ:</i></li> <li>+ SV có ý thức tự giác và nghiêm túc trong học tập</li> <li>+ Có ý thức tự học</li> </ul> <p><b>- Nội dung giảng dạy</b></p> <p>6.1. Máu</p> <p>6.1.1. Chức năng của máu</p> <p>6.1.2. Thành phần và đặc tính lý hoá của máu</p> <p>6.1.3. Mức mô và bạch huyết</p> <p>6.1.4. Sự miễn dịch</p> <p>6.1.5. Đặc điểm máu theo lứa tuổi</p> <p>6.2. Tuần hoàn</p> <p>6.2.1. Ý nghĩa của sự tuần hoàn</p> <p>6.2.2. Cấu tạo và chức năng sinh lý của tim</p> <p>6.2.3. Cấu tạo của hệ mạch</p> <p><b>6.2.4. Đặc điểm tim và mạch của trẻ em</b></p>						Sinh viên quay video nội dung thuyết trình và gửi cho GV vào hệ thống LMS.
7	<p><b>Chương 7. Hệ hô hấp (2 tiết)</b></p> <p><b>Mục tiêu Block 8:</b></p> <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ SV hiểu được vai trò của hệ hô hấp đối với cơ thể, đặc biệt là trẻ em.</p>	<p><b>Hình thức tổ chức DH:</b></p> <p>- Đóng kịch: Nội dung tư vấn về bệnh hô hấp về trong thời điểm giao mùa cho trẻ</p>	<p>Đọc tài liệu 1, 2, 6 và tìm hiểu trước các vấn đề sau:</p> <p>1. Tại sao cơ thể có thể nhịn ăn được nhiều ngày</p>	G1 G.2; G 3; G4.	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1		

<p>- SV trình bày được đặc điểm cấu tạo và cơ chế trao đổi khí trong cơ thể.</p> <p>- Vận dụng các đặc điểm hệ hô hấp của trẻ em trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>- Biết tra cứu thông tin, thiết lập và điều hành nhóm,</p> <p>- Thảo luận, sắp xếp được các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên;</p> <p>- Thể hiện được khả năng đàm phán giải quyết xung đột</p> <p>- Thể hiện khả năng xác định vai trò và trách nhiệm của các thành viên trong nhóm.</p> <p>- Lựa chọn các mục tiêu và công việc cần làm.</p> <p>- Thể hiện khả năng thuyết trình bằng bài giảng điện tử đánh giá hoạt động của các nhóm.</p> <p>- <i>Thái độ:</i></p> <p>+ SV có ý thức tự giác và nghiêm túc trong học tập</p> <p>+ Có ý thức tự học</p> <p>- <b>Nội dung giảng dạy:</b></p> <p>7.1. Tầm quan trọng của hệ hô hấp</p> <p>7.2. Cấu tạo của hệ hô hấp</p>	<p>em.</p> <p>Nội dung:</p> <p>-Thành lập tổ tư vấn, mỗi nhóm của 3 đại diện lên bàn tư vấn chuẩn bị các nội dung liên quan.</p> <p>- Các nhóm sẽ đóng vai là phụ huynh cần tư vấn nâng cao kiến thức về phòng tránh các bệnh về đường hô hấp và biện pháp vệ sinh đường hô hấp.</p> <p>-GV: Hệ thống lại bài học và nhấn mạnh một số điểm cần lưu ý.</p> <p><b>Phương tiện hỗ trợ giảng dạy</b></p> <p>- Máy chiếu, máy tính</p> <p><b>Tự học</b></p> <p>- Các nhóm phân chia thành 2 nhóm nhỏ: nhóm đọc kiến thức để xử lý tình huống khi các bạn đọc câu hỏi.</p> <p>- Nhóm xây dựng các câu hỏi liên</p>	<p>nhưng không nhịn thở được vài phút?</p> <p>2. Vì sao khi hít phải bụi và hạt tiêu lại có hiện tượng hắt xì hơi?</p> <p>3. Tại sao khi bị viêm phế quản lại có hiện tượng đờm giải?</p> <p>4. Tại sao khi trẻ bị hóc, dị vật thường rơi vào bên phải?</p> <p>5. Tại sao viêm phổi, trẻ dễ bị chết?</p> <p>6. Vì sao trẻ nhỏ thường thở bằng bụng?</p> <p>7. Vì sao phổi có thể trao đổi khí được với môi trường, cơ chế trao đổi diễn ra như thế nào?</p> <p>8. Khi hít vào và thở ra cơ thể trao đổi được bao nhiêu lít khí, thành phần của các khí trao đổi là khí nào?</p> <p>9. Vì sao trẻ em dễ mắc các bệnh về đường hô hấp? Biện pháp phòng</p>		
--	--	--	--	--

	<p>7.3. Cơ chế hoạt động hô hấp</p> <p>7.4. Những đặc điểm hô hấp của trẻ em</p> <p>7.5. Những rối loạn hô hấp ở trẻ em</p>	quan đề bài học.	tránh?		
8	<p><b>Chương 8. Tiêu hoá và quá trình hấp thu thức ăn (2 tiết)</b></p> <p><b>Mục tiêu Block 9:</b></p> <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ SV hiểu được vai trò trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể.</p> <p>- SV phân tích được sự chuyển hoá các chất dinh dưỡng trong cơ thể.</p> <p>- Vận dụng các đặc điểm chuyển hoá của trẻ em trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ.</p> <p>- Vận dụng kiến thức về chuyển hoá các chất trong cơ thể vào quá trình xây dựng khẩu phần, thực đơn cho trẻ.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>- Biết tra cứu thông tin, thiết lập và điều hành nhóm,</p> <p>- Thảo luận, sắp xếp được các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên;</p> <p>- Thể hiện được khả năng đàm phán giải</p>	<p><b>Hình thức tổ chức DH:</b></p> <p>- SV làm bài tập nhóm, thuyết trình và quay video gửi lên cổng thông tin LMS.</p> <p>- Xây dựng hệ thống câu hỏi cho trò chơi đường lên đỉnh olympia. Trong đó nội dung câu hỏi có kiến thức của hệ tiêu hoá.</p> <p>-GV: Hệ thống lại bài học và nhấn mạnh một số điểm cần lưu ý vào cuối buổi.</p> <p><b>Phương tiện hỗ trợ giảng dạy</b></p> <p>- Máy chiếu, máy tính</p> <p><b>Tự học</b></p> <p>- Các nhóm phân chia thành 2 nhóm</p>	<p>Đọc tài liệu 1, 2, 6 và tìm hiểu trước các vấn đề sau:</p> <p>Nhóm1: Trình bày sơ đồ tư duy và thuyết trình về vai trò, cấu tạo, chức phận của các bộ phận hệ tiêu hoá.</p> <p>Nhóm 2: Vẽ sơ đồ thể hiện quá trình biến đổi thức ăn trong đường ống tiêu hoá.</p> <p>Nhóm 3: Trình bày quá trình hấp thu thức ăn và thải phân.</p> <p>Nhóm 4: Đặc điểm hệ tiêu hoá của trẻ em. Đề xuất các biện pháp chăm sóc</p>	<p>G1</p> <p>G.2;</p> <p>G 3;</p> <p>G4.</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p> <p>A2.2</p>



	<p>năng đàm phán giải quyết xung đột</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện khả năng xác định vai trò và trách nhiệm của các thành viên trong nhóm.</li> <li>- Lựa chọn các mục tiêu và công việc cần làm.</li> <li>- Thể hiện khả năng thuyết trình bằng bài giảng điện tử đánh giá hoạt động của các nhóm.</li> </ul> <p>- <i>Thái độ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ SV có ý thức tự giác và nghiêm túc trong học tập</li> <li>+ Có ý thức tự học</li> </ul> <p>- <b>Nội dung giảng dạy:</b></p> <p>8.1. Vai trò của thức ăn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- ý nghĩa của sự tiêu hoá</li> </ul> <p>8.2. Cấu tạo của hệ tiêu hoá</p> <p>8.2.1. Ống tiêu hoá</p> <p>8.2.2. Tuyến tiêu hoá</p> <p>8.3. Sự tiêu hoá thức ăn trong cơ thể</p> <p>8.3.1. Tiêu hoá cơ học</p> <p>8.3.2. Tiêu hoá hoá học</p> <p>8.4. Sự hấp thu thức ăn và thải bã</p> <p>8.5. Đặc điểm hệ tiêu hoá trẻ em</p> <p>8.6. Cơ sở sinh lý của sự ăn uống</p>				
8	<b>Chương 9. Trao đổi chất và năng lượng (1 tiết)</b>	<b>Hình thức tổ chức DH:</b> - SV làm bài tập	Đọc tài liệu 1, 2, 6 và tìm hiểu trước các vấn đề	G1 G.2;	A1.1 A1.2 A1.3

	<p><b>Mục tiêu Block 10:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức:</i></li> <li>+ SV hiểu được vai trò trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể.</li> <li>- SV phân tích được sự chuyển hoá các chất dinh dưỡng trong cơ thể.</li> <li>- Vận dụng các đặc điểm chuyển hoá của trẻ em trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ.</li> <li>- Vận dụng kiến thức về chuyển hoá các chất trong cơ thể vào quá trình xây dựng khẩu phần, thực đơn cho trẻ.</li> <li>- <i>Kỹ năng:</i></li> <li>- Biết tra cứu thông tin, thiết lập và điều hành nhóm,</li> <li>- Thảo luận, sắp xếp được các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên;</li> <li>- Thể hiện được khả năng đàm phán giải quyết xung đột</li> <li>- Thể hiện khả năng xác định vai trò và trách nhiệm của các thành viên trong nhóm.</li> <li>- Lựa chọn các mục tiêu và công việc cần làm.</li> <li>- Thể hiện khả năng thuyết trình bằng bài giảng điện tử đánh giá hoạt động của các nhóm.</li> </ul>	<p>nhóm, thuyết trình và quay video gửi lên cổng thông tin LMS.</p> <p>Xây dựng trò chơi đường lên đỉnh olympia, trong đó có kiến thức của trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể.</p> <p>-GV: Hệ thống lại bài học và nhấn mạnh một số điểm cần lưu ý.</p> <p><b>Phương tiện hỗ trợ giảng dạy</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy chiếu, máy tính</li> </ul> <p><b>Tự học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm phân chia thành 2 nhóm nhỏ: nhóm đọc kiến thức để xử lý tình huống khi các bạn đọc câu hỏi.</li> <li>- Nhóm xây dựng các câu hỏi liên quan để bài học.</li> </ul>	<p>sau:</p> <p><b>Nhóm 1:</b> Trình bày sơ đồ tư duy và thuyết trình về vai trò, cấu tạo, nhu cầu, sự chuyển hoá lipid, trong cơ thể.</p> <p><b>Nhóm 2:</b> Trình bày sơ đồ tư duy và thuyết trình về vai trò, cấu tạo, nhu cầu, sự chuyển hoá glucit trong cơ thể.</p> <p><b>Nhóm 3:</b> Trình bày sơ đồ tư duy và thuyết trình về vai trò, cấu tạo, nhu cầu, sự chuyển hoá protein trong cơ thể.</p> <p><b>Nhóm 4:</b> Trình bày sơ đồ tư duy và thuyết trình về vai trò, cấu tạo, nhu cầu, sự chuyển hoá vitamin, các chất khoáng, nước trong cơ thể.</p>	<p>G 3; G4.</p>	<p>A2.1</p>
--	--	---	--	---------------------	-------------

	<p>- <i>Thái độ:</i></p> <p>+ SV có ý thức tự giác và nghiêm túc trong học tập</p> <p>+ Có ý thức tự học</p> <p>- <b>Nội dung giảng dạy:</b></p> <p>9.1. Khái niệm về trao đổi chất và năng lượng</p> <p>9.2. Sự trao đổi chất</p> <p>9.2.1. Sự trao đổi protein</p> <p>9.2.2. Sự trao đổi gluxxit</p> <p>9.2.3. Sự trao đổi lipit</p> <p>9.2.4. Sự trao đổi vitamin</p> <p>9.2.5. Sự trao đổi muối khoáng</p> <p>9.2.6. Sự trao đổi nước</p> <p>9.3. Đặc điểm trao đổi chất theo lứa tuổi</p> <p>9.4. Sự trao đổi năng lượng</p> <p>9.4.1. Trao đổi cơ bản</p> <p>9.4.2. Nhu cầu năng lượng ở trẻ em</p>				
9	<p>Chương 10: Hệ bài tiết (1 tiết)</p> <p><b>Mục tiêu Block 11:</b></p> <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ SV hiểu được vai trò của hệ bài tiết đối với cơ thể, đặc biệt là trẻ em.</p> <p>- SV trình bày được đặc điểm cấu tạo và cơ chế lọc và bài tiết nước tiểu và mồ hôi trong cơ thể.</p> <p>- Vận dụng các đặc</p>	<p><b>Hình thức tổ chức DH:</b></p> <p>- SV gửi bài thuyết trình các nội dung bài tập được giao trên hệ thống LMS.</p> <p>- GV cũng cố lý thuyết, đặt các câu hỏi để hướng dẫn sinh viên tìm</p>	<p>Đọc tài liệu 1, 2, 6 và tìm hiểu trước các vấn đề sau:</p> <p>Nhóm 1: Xây dựng bài thuyết trình cấu tạo hệ tiết niệu và da.</p> <p>Nhóm 2: Xây dựng bài thuyết trình về cơ chế lọc máu hình</p>	<p>Nhóm báo cáo và quay phim gửi vào hệ thống LMS.</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>

	<p>điểm hệ bài tiết của trẻ em trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết tra cứu thông tin, thiết lập và điều hành nhóm,</li> <li>- Thảo luận, sắp xếp được các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên;</li> <li>- Thể hiện được khả năng đàm phán giải quyết xung đột</li> <li>- Thể hiện khả năng xác định vai trò và trách nhiệm của các thành viên trong nhóm.</li> <li>- Lựa chọn các mục tiêu và công việc cần làm.</li> <li>- Thể hiện khả năng thuyết trình bằng bài giảng điện tử đánh giá hoạt động của các nhóm.</li> </ul> <p>- <i>Thái độ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ SV có ý thức tự giác và nghiêm túc trong học tập</li> <li>+ Có ý thức tự học</li> </ul> <p>- <b>Nội dung giảng dạy:</b></p> <p>10.1. Ý nghĩa của sự bài tiết</p> <p>10.2. Hệ tiết niệu</p> <p>6.2.1. Cấu tạo của hệ tiết niệu</p> <p>6.2.2. Cơ chế lọc máu tạo nước tiểu</p> <p>6.2.3. Sự bài xuất nước</p>	<p>kiểm và nắm bắt kiến thức cốt lõi.</p> <p><b>Phương tiện hỗ trợ giảng dạy</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy chiếu, máy tính</li> </ul> <p><b>Tự học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên nhận bài tập từ nhóm và nộp bài tập theo đúng kỳ hạn.</li> </ul> <p>Nhóm trưởng sẽ đánh giá hoạt động của các thành viên.</p>	<p>thành nước tiểu, mô hôi và bài xuất chúng.</p> <p>Nhóm 3: Đặc điểm hệ tiết niệu của trẻ em và các biện pháp phòng tránh các bệnh đường tiết niệu.</p> <p>Nhóm 4: Đặc điểm da trẻ em và biện pháp phòng bệnh về da.</p> <p>Sinh viên đọc và xây dựng bài thuyết trình và</p>		
--	---	--	--	--	--

	<p>tiêu</p> <p>6.2.4. Đặc điểm cấu tạo và chức năng bài tiết nước tiểu theo lứa tuổi</p> <p>6.3. Da và sự tiết mồ hôi qua da</p> <p>6.3.1. Cấu tạo của da</p> <p>6.3.2. Sự bài tiết mồ hôi qua da</p> <p>6.4. Đặc điểm da trẻ em và các bệnh về da, biện pháp về sinh da cho trẻ.</p>		<p>gửi bài tập tự học cho GV vào hệ thống LMS.</p>		
9	<p>Chương 11: Hệ nội tiết ( 1 tiết)</p> <p><b>Mục tiêu Block 12:</b></p> <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ SV hiểu được vai trò của hormon đối với cơ thể.</p> <p>- Các đặc tính của hormon và cơ chế thống nhất giữa điều hoà thần kinh và điều hoà nội dịch trong cơ thể</p> <p>- Đặc điểm của các tuyến nội tiết chính trong cơ thể</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>- Biết tra cứu thông tin, thiết lập và điều hành nhóm,</p> <p>- Thảo luận, sắp xếp được các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên;</p> <p>- Thể hiện được khả năng đàm phán giải quyết xung đột</p> <p>-Thể hiện khả năng xác</p>	<p><b>Hình thức tổ chức DH:</b></p> <p>- SV gửi bài tập về các nội dung được giao.</p> <p>- GV giảng dạy lý thuyết, đặt các câu hỏi để hướng dẫn sinh viên tìm kiếm và nắm bắt kiến thức cốt lõi</p> <p><b>Phương tiện hỗ trợ giảng dạy</b></p> <p>- Máy chiếu, máy tính</p> <p><b>Tự học</b></p> <p>- Sinh viên nhận bài tập từ nhóm và nộp bài tập theo đúng kỳ hạn. Nhóm trưởng sẽ đánh giá hoạt động của các thành viên.</p>	<p>Đọc tài liệu 1, 2, 6 và tìm hiểu trước các vấn đề sau:</p> <p>1/Tìm hiểu vấn đề về vai trò của hormon, các đặc tính của hormon và cơ chế điều hoà các hormon trong cơ thể.</p> <p>2/ Cấu tạo và chức năng của các tuyến tụy và tuyến yên trong cơ thể.</p> <p>3/ Cấu tạo và chức năng của các tuyến giáp, cận giáp, tuyến ức.</p> <p>4/ Cấu tạo và chức năng của các tuyến tụy, tuyến thượng thận và tuyến sinh dục</p>	<p>G1</p> <p>G.2;</p> <p>G 3;</p> <p>G4.</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>

	<p>định vai trò và trách nhiệm của các thành viên trong nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn các mục tiêu và công việc cần làm.</li> <li>- Thể hiện khả năng thuyết trình bằng bài giảng điện tử đánh giá hoạt động của các nhóm.</li> </ul> <p>- <i>Thái độ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ SV có ý thức tự giác và nghiêm túc trong học tập</li> <li>+ Có ý thức tự học</li> </ul> <p>- <b>Nội dung giảng dạy:</b></p> <p>11.1. Đại cương về hệ nội tiết</p> <p>11.1.1. Khái niệm tuyến nội tiết.</p> <p>11.1.2. Hormone</p> <p>11.1.3. Sự điều hoà tiết hormone trong cơ thể</p> <p>11.2. Cấu tạo và chức phận các tuyến nội tiết chính trong cơ thể</p> <p><b>11.3. Môi quan hệ giữa thần kinh và nội tiết</b></p>		trong cơ thể.		
10	<p>Chương 12: Hệ sinh dục (1 tiết)</p> <p><b>Mục tiêu Block 13:</b></p> <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tầm quan trọng của sinh sản.</li> <li>+ SV hiểu được cấu tạo và đặc điểm sinh lý sinh sản ở nam và nữ</li> <li>+ Vận dụng kiến thức về</li> </ul>	<p><b>Hình thức tổ chức DH:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng kịch:</li> <li>+ Tổ tư vấn là các bác sĩ chuyên sâu về các lĩnh vực được giao.</li> <li>+ Các phụ huynh và học sinh sẽ hỏi về các vấn đề liên</li> </ul>	<p>1. Đọc tài liệu 1, 2, 6 và tìm hiểu trước các vấn đề:</p> <p>2. Chuẩn bị bài tập nhóm:</p> <p>Nhóm 1: Tư vấn về những vấn đề liên quan đến đặc điểm cơ quan sinh dục trẻ em.</p>	<p>G1</p> <p>G.2;</p> <p>G 3;</p> <p>G4.</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>

<p>sinh lý cơ quan sinh dục để làm tốt công tác tuyên truyền sinh đẻ có kế hoạch gia đình.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết tra cứu thông tin, thiết lập và điều hành nhóm,</li> <li>- Thảo luận, sắp xếp được các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên;</li> <li>- Thể hiện được khả năng đàm phán giải quyết xung đột</li> <li>- Thể hiện khả năng xác định vai trò và trách nhiệm của các thành viên trong nhóm.</li> <li>- Lựa chọn các mục tiêu và công việc cần làm.</li> <li>- Thể hiện khả năng thuyết trình bằng bài giảng điện tử đánh giá hoạt động của các nhóm.</li> </ul> <p>- <i>Thái độ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ SV có ý thức tự giác và nghiêm túc trong học tập</li> <li>+ Có ý thức tự học</li> </ul> <p>- <b>Nội dung giảng dạy:</b></p> <p>12.1. Ý nghĩa của sự sinh sản</p> <p>12.2. Hệ sinh dục nam.</p> <p>12.2.1. Cấu tạo cơ quan sinh dục nam.</p>	<p>quan (thời gian cho buổi tư vấn là 1 tiết).</p> <p>-GV: Hệ thống lại bài học và nhấn mạnh một số điểm cần lưu ý.</p> <p><b><i>Phương tiện hỗ trợ giảng dạy</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy chiếu, máy tính</li> </ul> <p><b><i>Tự học</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm chuẩn bị kịch bản</li> <li>- Chuẩn bị các nội dung liên quan đến lĩnh vực tư vấn</li> <li>- Xây dựng hệ thống câu hỏi thảo luận.</li> </ul>	<p>Nhóm 2: Tư vấn đề vấn đề sinh dục nữ.</p> <p>Nhóm 3: Tư vấn đề vấn đề sinh dục nam.</p> <p>Nhóm 4: Tư vấn đề vấn đề xâm hại tình dục của trẻ và tư vấn về hiện tượng đồng tính.</p> <p>Sinh viên tìm hiểu tài liệu liên quan đến các vấn đề được giao và gửi bài tập 1 cho GV vào hệ thống LMS.</p> <p>.</p>		
---	---	---	--	--

<p>12.2.2. Sinh lý sinh dục nam.</p> <p>12.3. Hệ sinh dục nữ</p> <p>12.3.1. Cấu tạo các bộ phận sinh dục nữ.</p> <p>12.3.2. Sinh lý sinh dục nữ.</p> <p>12.3.3. Sự thụ tinh, làm tổ và phát triển thai nhi</p> <p><b>12.4. Các bệnh lây qua đường sinh dục, biện pháp phòng tránh và cơ sở sinh lý của công tác KHHGD.</b></p>				
--	--	--	--	--

**Thực hành:**

<b>Nội dung (1)</b>	<b>Mục tiêu và hình thức DH</b>	<b>Chuẩn bị của SV</b>	<b>CDR môn học (Gx.x) (2)</b>	<b>Bài đánh giá (3)</b>
<p><b>Bài thực hành 1: Theo dõi sự phát triển của trẻ trên biểu đồ.</b></p> <p>- Tìm hiểu sự phát triển của trẻ qua các giai đoạn phát triển</p> <p>- Cân trẻ theo tháng</p> <p>- Đo chiều cao của trẻ theo tháng</p> <p>- Tính chỉ số BMI</p> <p>- Lập biểu đồ tăng trưởng của trẻ</p>	<p>Mục tiêu:</p> <p>- Kiến thức: Thực hiện được việc đánh giá sự tăng trưởng và phát triển của trẻ</p> <p>+ Kỹ năng: Sử dụng thành thạo biểu đồ.</p> <p>+ SV có ý thức tự giác và nghiêm túc trong học tập</p> <p><b>Hình thức tổ chức DH:</b></p> <p>- SV đến trường mầm non, cân trẻ và lấy số liệu về cân nặng và chiều cao của trẻ theo từng</p>	<p>-Biểu đồ tăng trưởng căn nặng và chiều cao của trẻ.</p> <p>- Nhóm trẻ: mỗi SV theo dõi 1 trẻ, thu thập số liệu trong 1 năm.</p>	<p>G1.1</p> <p>G1.4</p> <p>G1.5</p> <p>G2.1</p> <p>G3</p> <p>G4</p>	<p>A2.2</p>

	<p>quý.</p> <p>-GV: Hướng dẫn sinh viên các bước thiết lập biểu đồ tăng trưởng của trẻ.</p> <p><b>Phương tiện hỗ trợ giảng dạy</b></p> <p>- Bảng viết và máy chiếu.</p> <p>- Chuẩn bị biểu đồ tăng trưởng chiều cao và cân nặng của trẻ.</p>			
<p><b>Bài thực hành 2: Quan sát hệ thần kinh và giác quan</b></p> <p>- Quan sát hệ thần kinh mô hình và trang vẽ</p> <p>- Quan sát giác quan qua mô hình và tranh vẽ</p> <p>- Bộ lộ và xác định não, tủy sống và dây thần kinh thực vật của ếch</p>	<p>Mục tiêu:</p> <p>- Kiến thức: Mô tả và vẽ được một số hình ảnh về cấu tạo của hệ thần kinh và giác quan.</p> <p>+ Kỹ năng thực hành</p> <p>- Thảo luận, sắp xếp được các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên;</p> <p>- Lựa chọn các mục tiêu và công việc cần làm.</p> <p>+ SV có ý thức tự giác và nghiêm túc trong học tập.</p> <p><b>Hình thức tổ chức DH:</b></p> <p>- SV đến phòng thí nghiệm, quan sát các mô hình, hình ảnh về hệ thần kinh và giác quan.</p> <p>- GV: Giới thiệu chi</p>	<p>-Vẽ lại một số cơ quan của hệ thần kinh và giác quan vào vở A 4.</p> <p>- Xây dựng được sơ đồ tư duy về cấu tạo và chức năng các cơ quan của hệ thần kinh và giác quan</p>	<p>G1.4</p> <p>G1.5</p> <p>G2.1</p> <p>G3</p> <p>G4</p>	<p>A2.2</p>

	<p>tiết về các bộ phận của hệ thần kinh và giác quan để sinh viên quan sát.</p> <p>- GV: Vẽ lại các bộ phận đó vào vở A4</p> <p><b>Phương tiện hỗ trợ giảng dạy</b></p> <p>- Bảng viết và mô hình, tranh vẽ.</p>			
<p><b>Bài thực hành 3: Quan sát hệ tuần hoàn và xác định nhóm máu</b></p> <p>- Quan sát hệ tuần hoàn của người qua mô hình, tranh vẽ và mẫu vật</p> <p>- Xác định nhóm máu hệ ABO ở người</p>	<p>Mục tiêu:</p> <p>- Kiến thức: Mô tả và vẽ được một số hình ảnh về cấu tạo của hệ tuần hoàn.</p> <p>- Xác định được nhóm máu</p> <p>+ Kỹ năng:</p> <p>- Kỹ năng quan sát và vẽ lại được các bộ phận đã quan sát.;</p> <p>- Kỹ năng làm thí nghiệm.</p> <p>+ SV có ý thức tự giác và nghiêm túc trong học tập.</p> <p><b>Hình thức tổ chức DH:</b></p> <p>- SV đến phòng thí nghiệm, quan sát các mô hình, hình ảnh về hệ tuần hoàn.</p> <p>- GV: Giới thiệu chi tiết về các bộ phận của hệ tuần hoàn để sinh viên quan sát.</p> <p>- GV: Vẽ lại các bộ</p>	<p>- SV giải thích cơ chế đông máu và nguyên lý truyền máu. Bài tập được chuyển lên cổng thông tin LMS cho GV.</p> <p>-Vẽ lại một số cơ quan của hệ tuần hoàn và vẽ vào vở A 4.</p> <p>- Làm thí nghiệm để xác định nhóm máu của mình.</p>	<p>G1.5</p> <p>G2.1</p> <p>G3</p> <p>G4</p>	<p>A2.2</p>

	<p>phận đó vào vở A4</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV kiểm tra lý thuyết về cơ chế đông máu</li> <li>- GV hướng dẫn SV làm thí nghiệm xác định nhóm máu</li> </ul> <p><b>Phương tiện hỗ trợ giảng dạy</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng viết, mô hình, tranh vẽ và Anti nhóm máu.</li> </ul>			
<p><b>Bài thực hành 4: Quan sát hệ tiêu hoá và chứng minh ảnh hưởng của các men tiêu hoá lên sự biến đổi của thức ăn</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát và vẽ sơ đồ tư duy về cấu tạo và chức phận của hệ tiêu hoá.</li> <li>- Nghiên cứu ảnh hưởng của men amylaza trong tuyến nước bọt lên</li> <li>- Nghiên cứu ảnh hưởng của men pepxin dạ dày lên sự biến đổi protein</li> </ul>	<p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hiểu rõ được cấu tạo của hệ tiêu hoá phù hợp với chức năng mà nó đảm nhận.</li> <li>+ Chứng minh được ảnh hưởng của các men tiêu hoá lên sự biến đổi tinh bột và lòng trắng trứng.</li> </ul> </li> <li>- Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kỹ năng làm thí nghiệm.</li> <li>+ Kỹ năng phân công nhiệm vụ, hợp tác nhóm, viết báo cáo.</li> <li>+ SV có ý thức tự giác và nghiêm túc trong học tập</li> </ul> </li> </ul> <p><b>Hình thức tổ chức DH:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- SV làm thí nghiệm.</li> <li>- GV: Giới thiệu chi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Đọc kỹ lý thuyết về tác động của enzym lên quá trình biến đổi thức ăn.</li> <li>- Làm thí nghiệm để chứng minh được tác động của men tiêu hoá lên sự biến đổi tinh bột và lòng trắng trứng</li> </ul>	<p>G1.5</p> <p>G2.1</p> <p>G3</p> <p>G4</p>	A2.2

	<p>tiết về các bộ phận của hệ tuần hoàn để sinh viên quan sát.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Vẽ lại các bộ phận đó vào vở A4</li> <li>- GV kiểm tra lý thuyết về cấu tạo của hệ tiêu hoá và quá trình biến đổi thức ăn trong cơ thể.</li> <li>- GV hướng dẫn SV làm thí nghiệm chứng minh ảnh hưởng của các men tiêu hoá lên sự biến đổi của thức ăn</li> </ul> <p><b>Phương tiện hỗ trợ giảng dạy</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng viết, mô hình, tranh vẽ và mẫu vật, hoá chất.</li> </ul>			
<p><b>Bài thực hành 5: Quan sát, nhận diện, các đặc điểm về hệ vận động</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát hệ vận động thông qua tranh vẽ và mô hình.</li> </ul>	<p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức: Mô tả, vẽ và sơ đồ hoá được một số hình ảnh về cấu tạo của hệ cơ và xương trong cơ thể.</li> <li>+ Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng quan sát</li> <li>- Kỹ năng làm thí nghiệm.</li> <li>- Kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác</li> </ul> </li> <li>+ SV có ý thức tự giác và nghiêm túc trong học tập</li> </ul> <p><b>Hình thức tổ chức DH:</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Đọc kỹ lý thuyết về hệ vận động nhận diện được chi tiết các bộ phận của hệ cơ và xương trong cơ thể.</li> <li>-Vẽ lại một số cơ quan của hệ vận động vào vở A 4.</li> <li>- Xây dựng được sơ đồ tư duy về cấu tạo và chức năng các cơ quan của</li> </ul>	<p>G1.5 G2.1 G3 G4</p>	A2.2

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV đến phòng thí nghiệm, quan sát các môn hình, hình ảnh về hệ vận động.</li> <li>- GV: Giới thiệu chi tiết về các bộ phận của hệ vận động để sinh viên quan sát.</li> <li>- SV: Vẽ lại các bộ phận đó vào vở A4</li> </ul>	hệ vận động.		
--	--	--------------	--	--

## 7. Nguồn học liệu

### \* Tài liệu chính:

[1] Nguyễn Thị Giang An (chủ biên), Châu Hồng Thắng. Giải phẫu sinh lý trẻ em. NXB Đại học Vinh, 2013.

### \* Tài liệu tham khảo:

- [1] Phan Thị Ngọc Yến, Đặc điểm giải phẫu sinh lý trẻ em, NXB Đại học quốc gia, 2002.
- [2] Lê Thanh Vân, Giáo trình Sinh lý học trẻ em, NXB Đại học sư phạm, 2003.
- [3] Trần Đình Quang, 2011, Giải phẫu sinh lý trẻ em, Nxb đại học sư phạm

## 8. Quy định học phần

### a. Yêu cầu đối với giảng viên

- Giảng dạy, hướng dẫn cho sinh viên phương pháp học tập, thảo luận và tự học các nội dung theo yêu cầu của môn học.

- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá quá trình học tập của sinh viên được thực hiện đúng theo Quy chế

### b. Quy định đối với môn học

- Phần học trên lớp: sự chuyên cần của sinh viên được đánh giá bằng điểm số. Yêu cầu dự lớp tối thiểu 80% số buổi học.

- Phần tự học: sinh viên tự bố trí ngoài thời gian trên lớp.

## 9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn phụ trách: Bộ môn Sinh học và ứng dụng
- Địa chỉ/email: Nguyengianganbio@vinhuni.edu.vn

10. Ngày phê duyệt: 10/4/2017

11. Cấp phê duyệt :

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: CHUẨN BỊ CHO TRẺ VÀO LỚP MỘT**

**1. Thông tin tổng quát:**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: Phan Quốc Lâm

Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ: Số 7 ngõ 1 Đường Phạm Kinh Vĩ, Khối 6 Bến Thủy, TP Vinh

Điện thoại nhà riêng: 038 3855721, di động 0912 079 483.

Email: [lampq@vinhuni.edu.vn](mailto:lampq@vinhuni.edu.vn) ;

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học chuyên ngành

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: Dương Thị Linh

Chức danh, học hàm, học vị: thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ: số nhà 26B, ngõ 16, Nguyễn Viết Xuân, Hưng Dũng, TP Vinh

Điện thoại: 0912588975. Email: [linhkhoagd@gmail.com](mailto:linhkhoagd@gmail.com)

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học chuyên ngành

**Giảng viên 3:**

Họ và tên: Hồ Thị Hạnh

Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ: Xóm 16 Hưng Lộc.

Điện thoại: 0915 125 345. Email: [hanhht@vinhunu.edu.vn](mailto:hanhht@vinhunu.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học chuyên ngành

**1.2. Thông tin về môn học:**

- Tên môn học (tiếng Việt): <b>CHUẨN BỊ CHO TRẺ VÀO LỚP MỘT</b> (tiếng Anh): Preparing children to grade 1	
- Mã số môn học:	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác <input type="checkbox"/> Môn học đồ án tốt nghiệp	
- Số tín chỉ:	2

+ Số tiết lý thuyết:	25
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	5
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	60
- Môn học tiên quyết:	Tâm lý học MN, Giáo dục học Mầm non
- Môn học song hành:	

## 2. Mô tả môn học

Lớp 1 là lớp đầu tiên trong cuộc đời đi học, đây là một bước ngoặt rất quan trọng trong cuộc đời của trẻ. Chính vì thế trẻ cần phải được chuẩn bị thật chu đáo nhằm thích nghi với môi trường mới, một môi trường mà hoạt động học tập được xem là hoạt động chủ đạo. Vì thế môn học này nhằm trang bị cho sinh viên có được những kiến thức cơ bản, thiết yếu về tâm lý trẻ 5 đến 6 tuổi. Từ đó đánh giá được thực trạng kiến thức và kỹ năng, tâm thế và xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1 phù hợp yêu cầu thực tiễn.

## 3. Mục tiêu môn học

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của CTĐT (X.x.x) (3)	TĐNL (4)
<b>G1</b>	Hiểu được cơ sở lý luận về các quan điểm khoa học giáo dục cơ bản cũng như những thay đổi trong tâm lý của trẻ từ mầm non lên tiểu học, khó khăn tâm lý của trẻ đầu bậc tiểu học, những nội dung cần phải chuẩn bị cho trẻ 6 tuổi trước khi vào lớp 1	1.1.5 1.2.1	3.0
<b>G2</b>	Có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1. Vận dụng các kiến thức đã học vào việc hình thành ý tưởng, thiết kế, tổ chức các hoạt động chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1. Ý thức phấn đấu, phát triển nghề nghiệp.	2.1.1; 2.1.2; 2.1.3, 2.4.2, 2.4.3, 2.4.4, 2.4.5; 2.4.6,; 2.5.1, 2.5.2, 2.5.4	3.0
<b>G3</b>	Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề về lý luận và thực tiễn giáo dục, có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ giáo dục	3.1.1; 3.1.2; 3.2.1; 3.2.3; 3.2.4	3.0

<b>G4</b>	Nhận biết được vị trí, vai trò, trách nhiệm người giáo viên mầm non trong việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1. Từ đó hình thành ý tưởng, thiết kế, tổ chức các hoạt động phù hợp để chuẩn bị cho trẻ 5-6 tuổi thích ứng với hoạt động học đầu bậc tiểu học	4.1.1;	3.0;
		4.1.5;	3.0;
		4.2.1;	2,5;
		4.2.2;	3.0;
		4.3.1.;	3.0
		4.3.2;	3.5;
		4.4.1;	3.5;
		4.5.1	3.0
	4.5.3	3.0	

<b>4</b>	<b>Chuẩn đầu ra học phần</b>		
	<b>Mục tiêu (Gx.x)</b>	<b>Mô tả CDR</b>	<b>Mức độ giảng dạy (I,T,U)</b>
	<b>G1</b>	<b>Kiến thức chuyên môn</b>	
	G1.1	Trình bày được các quan điểm khoa học giáo dục về việc chuẩn bị cho trẻ 6 tuổi vào lớp 1	I,T
	G1.2	Hiểu được tầm quan trọng của việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	T,U
	G1.3	Nhận biết được những thay đổi trong tâm lí của trẻ từ mầm non lên tiểu học.	T,U
	G1.4	Phân tích được một số đặc điểm cơ bản của hoạt động học của học sinh lớp 1 và những yếu tố tâm lí cơ bản mà trẻ 6 tuổi cần phải có trước bước khi vào lớp 1	T,U
	G1.5	Xác định được những nội dung cần chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	T,U
	<b>G2</b>	<b>Kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân</b>	
	G2.1	Xác định được vấn đề trọng tâm của các nội dung cần chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.	T
	G2.2	Sưu tầm, thu thập những tư liệu thực tiễn để minh họa cho những tư tưởng và quan điểm giáo dục cơ bản trong việc chuẩn bị cho trẻ 6 tuổi vào lớp 1.	T,U
	G2.3	Phát hiện và vận dụng linh hoạt, sáng tạo những vấn đề lý luận của các quan điểm khoa học giáo dục mầm non vào thực tiễn tổ chức thực hiện các hoạt động chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	T,U
	G2.4	Phát huy được khả năng tự học, hứng thú và tinh thần	T,U

		trách nhiệm, tích cực tự giác trong học tập	
G2.5		Thái độ thích nghi tốt với nghề nghiệp, yêu thương, tôn trọng, đối xử công bằng với trẻ	T,U
<b>G3</b>		<b>Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp</b>	
G3.1		Có khả năng làm việc theo nhóm	T,U
G3.2		Biết giao tiếp với các đối tượng giáo dục bằng nhiều hình thức khác nhau	T,U
<b>G4</b>		<b>Năng lực thực hành nghề nghiệp</b>	T,U
G4.1		Nhận biết được vai trò, trách nhiệm người giáo viên mầm non trong việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	T,U
G4.2		Xác định được nội dung, phương pháp, hình thức, điều kiện tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với hoạt động học tập phù hợp với thực tế (đối tượng trẻ, trường, lớp)	T,U
G4.3		Năng lực hình thành ý tưởng thiết kế và triển khai các hoạt động chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	T,U

### 5. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (2)	CDR học phần (3)	Tỷ lệ (%) (4)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</b>			<b>10%</b>
A1.1.1	Mức độ chuyên cần và đảm bảo giờ giấc	G1.1->G4.3	3%
A1.1.2	Thái độ hợp tác với giảng viên và các thành viên trong lớp	G3.1, G3.2	2%
A1.1.3	Số lần xây dựng bài	G1.1....G4.3	5%
<b>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</b>			<b>20%</b>
A1.2	<b>A1.2.1:</b> Hoàn thành bài tập cá nhân chương 1	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G2.3, G2.4, G2.5; G3.1, G3.2 , G4.1	20%
	A1.2.2. Hoàn thành bài tập nhóm chương 2	G1.2,...G4.3	

	A1.2.3. Hoàn thành bài tập nhóm chương 3	G1.4,...G4.3	
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)</b>			<b>20%</b>
A1.3.1	Bài kiểm tra online trên hệ thống câu hỏi trắc nghiệm thuộc nội dung chương 1, chương 2 Chương 1: <i>Những vấn đề chung của việc chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào lớp 1</i> Chương 2: <i>Những khó khăn cơ bản trong hoạt động của học sinh lớp 1</i>	G1.1, G1.2,G1.3, G1.4,G2.1,G2.2, G2.3,G3.1,G3.2 , G2.4, G2.5,G4.1, G4.2	20%
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>			<b>50%</b>
	Bài tự luận thuộc nội dung 3 chương: Chương 1: <i>Những vấn đề chung của việc chuẩn bị cho trẻ 6 tuổi vào lớp 1</i> Chương 2: <i>Những khó khăn cơ bản trong hoạt động của học sinh lớp 1</i> Chương 3: <i>Nội dung chuẩn bị cho trẻ 6 tuổi vào lớp 1</i>	G1.1=>G4.3	

**6. Nội dung giảng dạy** (các nội dung giảng dạy lý thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CDR và các bài đánh giá môn học)

**Lý thuyết:**

Nội dung (1)	CDR môn học (Gx.x) (2)	Bài đánh giá (3)
<b>Chương 1: Những vấn đề chung của việc chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào lớp 1</b> <b>1.1. Quan điểm khoa học về việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1</b> 1.1.1. Sự cần thiết phải chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1 1.1.2. Các quan điểm khác nhau về việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1 1.1.3. Đặc điểm tâm lý trẻ trước khi vào lớp 1 1.1.4. Ý nghĩa của việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1 <b>1.2. Đặc điểm tâm sinh lý trẻ 5 tuổi</b>	G1.1, G1.2 G2.1, G2.2, G2.3, G2.4, G2.5, G3.1, G3.2 , G4.1	A1.2.1

<p>1.2.1. Đặc điểm phát triển thể chất.</p> <p>1.2.2. Đặc điểm phát triển trí tuệ</p> <p>1.2.3. Đặc điểm phát triển cảm xúc và ý chí</p> <p>1.2.4. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ</p>		
<p><b>Chương 2: Những khó khăn cơ bản trong hoạt động của học sinh lớp 1</b></p> <p><b>2.1. Sự thay đổi từ mầm non vào tiểu học và những khó khăn tâm lý của trẻ</b></p> <p>2.1.1. Thay đổi hoạt động chủ đạo (vui chơi đến học tập)</p> <p>2.1.2. Thay đổi các thói quen sinh hoạt.</p> <p>2.1.3. Thiết lập quan hệ mới</p> <p>2.1.4. Thay đổi cách học</p> <p><b>2.2. Một số đặc điểm cơ bản trong hoạt động của học sinh lớp 1</b></p> <p>2.2.1. Đối tượng lĩnh hội</p> <p>2.2.2. Các hành động học</p> <p>2.2.2.1. Hành động phân tích</p> <p>2.2.2.2. Hành động mô hình hoá</p> <p>2.2.2.3. Hành động cụ thể hoá</p> <p>2.2.2.4. Hành động kiểm tra đánh giá</p> <p>2.2.2.5. Các giai đoạn của quá trình tổ chức hoạt động học tập</p> <p><b>2.3. Một vài yêu cầu cơ bản của người học sinh lớp 1 ở trường phổ thông</b></p>	<p>G1.2,</p> <p>G1.3,</p> <p>G1.4</p> <p>G2.1,</p> <p>G2.2,</p> <p>G2.3,</p> <p>G2.4,</p> <p>G2.5,</p> <p>G3.1,</p> <p>G3.2</p> <p>G4.1,</p> <p>G4.2</p>	<p>A1.2.2</p>
<p><b>Chương 3: Nội dung chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào lớp 1</b></p> <p><b>3.1. Chuẩn bị về mặt thể lực</b></p> <p><b>3.2. Chuẩn bị về mặt tâm lý</b></p> <p>3.2.1. Nuôi dưỡng hứng thú học tập</p> <p>3.2.2. Kích thích lòng ham muốn học tập</p> <p><b>3.3. Chuẩn bị về mặt trí tuệ.</b></p> <p>3.3.1. Hoạt động nhận cảm</p> <p>3.3.2. Sự phát triển chú ý</p> <p>3.3.3. Sự phát triển tư duy</p> <p>3.4. Chuẩn bị về mặt tình cảm, quan hệ xã hội</p> <p>3.5. Chuẩn bị về mặt ngôn ngữ</p> <p>3.6. Dạy trẻ làm quen với chữ cái</p> <p>3.7. Phát triển khả năng định hướng vào môi trường xung</p>	<p>G1.2,</p> <p>G1.4,</p> <p>G1.5,</p> <p>G2.1,</p> <p>G2.2,</p> <p>G2.3,</p> <p>G2.4,</p> <p>G2.5,</p> <p>G3.1,</p> <p>G3.2,</p> <p>G4.1,</p> <p>G4.2,</p> <p>G4.3</p>	<p>A1.2.3</p>

quanh 3.8. Giúp trẻ làm quen với hành vi đạo đức và cách ứng xử 3.9. Trang bị những kỹ năng và thói quen cần thiết cho hoạt động học tập và giao tiếp		
---	--	--

**7. Nguồn học liệu**(các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm,...)

**Tài liệu chính:**

[1] Nguyễn Ánh Tuyết - Chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào trường Phổ thông - NXBGD, 1999.

**Tài liệu tham khảo:**

[1] Đào Thanh Âm - Giáo dục học Mầm non - Tập 3 - NXB ĐH Quốc gia Hà Nội 1997.

[2] Nguyễn ánh Tuyết - Tâm lý học lứa tuổi Mầm non - NXB ĐHSP- 2019

**8. Quy định của môn học**

Các quy định của môn học như:

- Sinh viên nộp Hồ sơ môn học theo yêu cầu.
- Sinh viên phải nộp bài tập/báo cáo,....
- Tỷ lệ thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp/thực hành.

**9. Phụ trách môn học**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Giáo dục/ Bộ môn Tâm lý học
- Địa chỉ/email: [lampq@vinhuni.edu.vn](mailto:lampq@vinhuni.edu.vn)

**10. Ngày phê duyệt:** 10/4/2017

**11. Cấp phê duyệt :**

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: GIAO TIẾP SƯ PHẠM Ở TRƯỜNG MẦM NON.**

**1. Thông tin tổng quát.**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: Hồ Thị Hạnh

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ- Giảng viên chính

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục- Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục- Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0915125345; hanhht@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học, tâm lý học lứa tuổi và sư phạm.

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: Dương Thị Linh

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ- Giảng viên

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục- Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0912588975;

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học, tâm lý học lứa tuổi và sư phạm.

**1.2. Thông tin về môn học:**

- Tên môn học (tiếng Việt):      Giao tiếp sư phạm ở trường mầm non. (tiếng Anh): Pedagogic communication at preschool	
- Mã số môn học:	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác <input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung <input type="checkbox"/> Môn học đồ án tốt nghiệp	
- Số tín chỉ:	2
+ Số tiết lý thuyết:	25
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	5
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	60
- Môn học tiên quyết:	Tâm lý học giáo dục trẻ em
- Môn học song hành:	

**2. Mô tả môn học**

Dựa trên cơ sở nghiên cứu về lý luận và thực tiễn giao tiếp. Môn học “Giao tiếp sư phạm ở trường mầm non” giữ vị trí, vai trò và ưu điểm đặc trưng quan trọng.

Học phần “ Giao tiếp sư phạm ở trường mầm non” nhằm cung cấp kiến thức cơ bản sau cho sinh viên ngành giáo dục mầm non những hiểu biết về lý luận giao tiếp, giao tiếp sư phạm và giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non. Từ việc hiểu biết về lý luận giáo tiếp sư phạm của giáo viên mầm non, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản để hình thành năng lực nghề nghiệp tương lai.

### 3. Mục tiêu môn học

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	TĐNL
G1	Hiểu và phân tích được kiến thức về giao tiếp và giao tiếp sư phạm.	1.1.3	2.0
		1.3.2	3.0 3.5
G2	-Có kỹ năng tìm hiểu, phân tích các tư liệu lý luận và thực tiễn về vấn đề giao tiếp, giao tiếp sư phạm - Vận dụng được kiến thức vào việc rèn luyện phẩm chất nhân cách. - Hình thành đạo đức nghề nghiệp.	1.3.5	3.5
		2.2.2	3.0
		2.2.4	3.0
		2.4.4	3.5
		2.4.5;	3.0
2.5.1; 2.5.3	3.5		
G3	Có kỹ năng hợp tác làm việc nhóm khi giải quyết nhiệm vụ học tập. - Có kỹ năng thuyết trình tốt trước nhóm	3.2.1	3.5 3.5
		3.2.5	
G4	-Hiểu và phân tích được nguyên tắc, phương thức, kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non. - Vận dụng lý thuyết về nguyên tắc, phương thức, kỹ năng giao tiếp trong việc thiết kế, hình thành ý tưởng rèn luyện kỹ năng giao tiếp sư phạm. -Hình thành năng lực nghề nghiệp tương lai	4.3.1	3.5
		4.3.2	3.0
		4.3.3	3.0

### 4. Chuẩn đầu ra môn học (các mục tiêu cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

Mục tiêu (Gx.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I,T,U) (3)
G1.1	Hiểu và phân tích được những vấn đề lý luận về giao tiếp	I, T

<b>G1</b>	<b>G1.2</b>	Phân tích được lý luận giao tiếp sư phạm	T
	<b>G1.3</b>	- Phân tích được lý luận về giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non	T
	<b>G1.4</b>	Hiểu và phân tích được khái niệm, hệ thống nguyên tắc giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non.	T
	<b>G1.5</b>	Phân tích, đánh giá được phương thức và kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non.	T
	<b>G1.6</b>	Hiểu và vận dụng được các kỹ năng giao tiếp sư phạm và xử lý tốt các tình huống sư phạm của giáo viên mầm non.	I, T
<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	Vận dụng được các kiến thức về giao tiếp và giao tiếp sư phạm vào việc rèn luyện và phát triển nhân cách.	T, U
	<b>G2.2</b>	Vận dụng được các tư liệu lý luận và thực tiễn về giao tiếp sư phạm và giải quyết được các tình huống giao tiếp sư phạm.	U
	<b>G2.3</b>	Hình thành các phẩm chất tâm lý, các kỹ năng giao tiếp- ứng xử khéo léo sư phạm.	U
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Có kỹ năng tham gia và làm việc nhóm có hiệu quả	U
	<b>G3.2</b>	Có kỹ năng giao tiếp sư phạm tốt.	U
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Xác định được tầm quan trọng của giao tiếp sư phạm trong hoạt động nghề nghiệp	T, U
	<b>G4.2</b>	Thiết kế được nội dung và triển khai kế hoạch rèn luyện kỹ năng giao tiếp	U
	<b>G4.3</b>	Thực hiện hoạt động rèn luyện kỹ năng giao tiếp sư phạm	U
	<b>G4.4</b>	Có kỹ năng giải quyết được tình huống trong giao tiếp sư phạm	U

## 5. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (2)	CDR học phần (Gx.x) (3)	Tỷ lệ (%) (4)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</b>			<b>10%</b>
A1.1.1...	Không vắng học quá 20% số tiết, không đi chậm, không mất trật tự trong giờ học.	G2.1	
A1.1.2	Chú ý nghe giảng, tích cực xây dựng bài.	G3.1; G3.2	
<b>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</b>			<b>20%</b>
A1.2.1	Viết thu hoạch phân tích được các vấn đề lý luận về giao tiếp và giao tiếp sư phạm( khái niệm, nguyên tắc, Phong cách giao tiếp kỹ năng...) -Giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non: Phương thức, nguyên tắc, kỹ năng giao tiếp sp của GVMN.	G1.1; G1.2 G1.3; G1.4; G1.5 G1.6.	
A1.2.2	Bài tập: Chuẩn bị bài để rèn luyện kỹ năng giao tiếp ở trường mầm non	G2.2; G3.1; G3.2	
A1.2.3.	Làm việc nhóm: thể hiện kỹ năng giao tiếp và xử lý tình huống sư phạm	G4.1	
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)</b>			<b>20%</b>
	Kiểm tra online chương 1	G1.1; G1.2; G1.3	
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>			<b>50%</b>
<b>HP Lý thuyết</b>	Thi online nội dung 3 chương	G1.; G1.2G1.3; G1.4;G1.5; G1.6 G2.1; G2.2; G4.1	50%
<b>HP Thực hành</b>			
<b>HP Lý thuyết và thực hành</b>	Lý thuyết		...
	Thực hành		...

(\*): Đánh giá định kỳ bằng số tín chỉ trừ đi 1; người học được kiểm tra thêm không quá 2 lần.

## 6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

### 6.1. Nội dung giảng dạy

Nội dung	CDR môn học (Gx.x) (2)	Bài đánh giá
<p><b>Nội dung chi tiết học phần:</b></p> <p><b>Chương 1</b>            Những vấn đề chung về giao tiếp và giao tiếp sư phạm</p> <p><b>1. Những vấn đề chung về giao tiếp</b></p> <p>1.1. Khái niệm giao tiếp            1.2. Đặc trưng cơ bản của giao tiếp            1.3. Các loại giao tiếp            1.4. Vai trò của giao tiếp            1.5. Nguyên tắc giao tiếp            1.6. Phong cách giao tiếp</p> <p><b>2. Giao tiếp sư phạm.</b></p> <p>2.1. Khái niệm giao tiếp sư phạm            2.2. Nguyên tắc giao tiếp sư phạm            2.3. Phong cách giao tiếp sư phạm            2.4. Các giai đoạn của giao tiếp sư phạm            2.5. Kỹ năng giao tiếp sư phạm</p> <p><b>Chương 2. Nguyên tắc, phương thức và kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non.</b></p> <p><b>2.1. Nguyên tắc giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non</b></p> <p>2.1.1. Khái niệm về nguyên tắc giao tiếp giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non.</p> <p><b>2.1.2. Hệ thống nguyên tắc giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non</b></p> <p>2.1.2.1. Tôn trọng nhân cách đối tượng giao tiếp sư phạm            2.1.2.2. Đảm bảo tính mô phạm trong giao tiếp sư phạm            2.1.2.3. Đồng cảm trong giao tiếp sư phạm            2.1.2.4. Yêu thương trẻ như yêu thương chính con em mình            2.1.2.5. Giao tiếp với trẻ bằng hành vi nhẹ nhàng, cởi mở vui vẻ</p>	<p>G1.1            G1.2            G1.3; G1.4;            G1.5; G1.6</p>	<p>A1.2.1            A1.2.2            A1.2.3</p>

<p>2.1.2.6. Dạy mẫu hành vi ứng xử bằng đồ dùng</p> <p>2.1.2.7. Làm chủ bản thân trong quá trình giao tiếp</p> <p>2.1.2.8. Linh hoạt trong giao tiếp</p> <p><b>2.2. Phương thức giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ</b></p> <p>2.2.1. Phương thức giao tiếp như mẹ hiền</p> <p>2.2.2. Phương thức giao tiếp của cô giáo</p> <p><b>2.3. Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non</b></p> <p>3.1. Khái niệm kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non</p> <p>3.2. Hệ thống kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non</p> <p>3.2.1. Kỹ năng định hướng trong giao tiếp sư phạm</p> <p>3.2.2. Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp sư phạm</p> <p>3.2.3. Kỹ năng mở đầu quá trình giao tiếp</p> <p>3.2.4. Kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp</p> <p>3.2.5. Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm</p>	<p>G1.2</p> <p>G1.1</p> <p>G1.3; G1.4; G1.5; G1.6</p>	<p>A1.2.1</p> <p>A1.2.2</p> <p>A1.2.3</p>
<p><b>Chương 3: Rèn luyện kỹ năng giao tiếp sư phạm ở trường mầm non</b></p> <p><b>3.1. Rèn luyện kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp</b></p> <p>3.1.1. Rèn luyện kỹ năng sử dụng phương tiện ngôn ngữ</p> <p>3.1.2. Rèn luyện kỹ năng sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ</p> <p><b>3.2. Rèn luyện kỹ năng mở đầu quá trình giao tiếp</b></p> <p><b>3.3. Rèn luyện kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp</b></p> <p><b>3.4. Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống sư phạm ở trường mầm non.</b></p> <p>3.4.1. Xử lý nhóm tình huống do trẻ chưa đáp ứng được yêu cầu giáo dục</p>	<p>G3.1; G3.2</p>	

3.4.2. Xử lý nhóm tình huống do cô chưa đáp ứng được yêu cầu của giáo dục		A1.2.1
3.4.3. Xử lý nhóm tình huống giao tiếp với phụ huynh, với đồng nghiệp, và các đối tượng khác trong trường mầm non.	G2.2; G3.1;	A1.2.2
	G3.2 G4.1	A1.2.3

## 7. Tài liệu.

### 7.1. Tài liệu chính:

[1]. Ngô Công Hoàn, Giao tiếp và ứng xử của giáo viên với trẻ em, NXB ĐHSP Hà Nội, 1995

### 7.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Văn Lũy, Giáo trình giao tiếp với trẻ em, NXB ĐHSP 2010.

[2] Lê Xuân Hồng, Một số vấn đề về giao tiếp và giao tiếp sư phạm trong hoạt động của giáo viên mầm non, NXB GD 2004.

## 8. Quy định của môn học

- Sinh viên dự học trên lớp ít nhất 80% số giờ của môn học.
- Sinh viên phải chuẩn bị những nội dung tự học và thảo luận, nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

## 9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn phụ trách: Tổ tâm lý học- khoa Giáo dục
- Địa chỉ/email:

10. Ngày phê duyệt: 10/4/2017

11. Cấp phê duyệt :

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIÁO DỤC MẦM NON**

**1. Thông tin tổng quát:**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: Phạm Thị Hải Châu

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0915386787

Email: [chaupth@vinhuni.edu.vn](mailto:chaupth@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Toán và phương pháp dạy học bộ môn Toán; Sử dụng phương tiện dạy học

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: Phan Anh Tuấn

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0946811610

Email: [Tuanpa@vinhuni.edu.vn](mailto:Tuanpa@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tự nhiên - Xã hội; Sử dụng phương tiện dạy học

**1.2. Thông tin về học phần:**

- Tên học phần (tiếng Việt): ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIÁO DỤC MẦM NON (tiếng Anh): <i>Applied Information Technology in Preschool Education</i>	
- Mã số học phần: EDU30028	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành
<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
<input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung	<input type="checkbox"/> Môn học đồ án tốt nghiệp
- Số tín chỉ:	2
+ Số tiết lý thuyết:	15
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	0
+ Số tiết thực hành:	15
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Tin học, Tâm lý học, Giáo dục học
- Học phần song hành:	Tâm lý học giáo dục trẻ em, Giáo dục học mầm non

## 2. Mô tả học phần

Học phần *Ứng dụng Công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non* là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này được dạy sau khi sinh viên đã học các học phần: Tin học, Tâm lý học, Giáo dục học.

Học phần *Ứng dụng Công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non* trang bị những kiến thức về phương pháp và kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng công cụ hỗ trợ là Công nghệ thông tin vào hoạt động giáo dục ở bậc mầm non, đồng thời giúp sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình trên công cụ đa phương tiện.

## 3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu <i>Học phần này giúp sinh viên:</i>	CDR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Hiểu</i> được ý nghĩa, vai trò của việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong việc tổ chức hoạt động giáo dục ở trường mầm non.</li> <li>- <i>Trình bày</i> được một số vấn đề cơ bản về phần mềm dạy học và <i>biết</i> cách sử dụng một số phần mềm thông dụng để hỗ trợ hoạt động giáo dục ở bậc mầm non.</li> </ul>	1.2.4	3.0
G2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Phân tích</i> được các hoạt động GDMN có thể ứng dụng Công nghệ thông tin.</li> <li>- <i>Sử dụng</i> được một số phần mềm công cụ thông dụng ở các trường mầm non, từ đó <i>thiết kế</i> được các phần mềm hỗ trợ cho hoạt động giáo dục ở trường mầm non</li> <li>- <i>Nhận thức</i> được tầm quan trọng của việc trau dồi các kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin; tích cực, tự giác trong học tập</li> </ul>	2.1.4	3.5
		2.4.6	3.0
G3	Có kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp bằng phương tiện dạy học ứng dụng công nghệ thông tin.	3.1.2	3.0
		3.2.4	3.0
G4	<i>Ứng dụng</i> các phần mềm vào việc thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục ở trường mầm non.	4.4.3	3.5

#### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mục tiêu (Gx.x)		Mô tả CDR	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
G1	G1.1	<i>Trình bày</i> được ý nghĩa, vai trò của việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong việc tổ chức hoạt động giáo dục ở trường mầm non.	I, T
	G1.2	<i>Trình bày</i> được khái niệm, phân loại và yêu cầu về phần mềm dạy học, tiêu chí lựa chọn phần mềm dạy học.	I, T
	G1.3	<i>Biết</i> kiến thức về một số phần mềm thông dụng để hỗ trợ hoạt động giáo dục ở bậc mầm non.	I, T
	G1.4	<i>Trình bày</i> được nguyên tắc, quy trình sử dụng phần mềm vào hoạt động giáo dục ở bậc mầm non.	I, T
G2	G2.1	<i>Phân tích</i> được các hoạt động có thể ứng dụng Công nghệ thông tin trong GDMN.	T, U
	G2.2	<i>Sử dụng</i> được một số phần mềm công cụ thông dụng ở các trường mầm non.	T, U
	G2.3	<i>Thiết kế</i> được các phần mềm hỗ trợ cho hoạt động giáo dục ở trường mầm non.	T, U
	G2.4	<i>Nhận thức</i> được tầm quan trọng của sự chăm chỉ, tích cực, tự giác trong học tập các vấn đề về ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học.	U
G3	G3.1	<i>Có khả năng</i> phân công, hợp tác và chia sẻ trách nhiệm với bạn bè khi thực hiện các nhiệm vụ học tập của giảng viên.	U
	G3.2	<i>Có khả năng</i> trình bày các nhiệm vụ bằng phương tiện Công nghệ thông tin trong quá trình học tập.	T,U
G4	G4.1	<i>Ứng dụng</i> được các phần mềm vào việc thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục ở trường mầm non	T, U

## 5. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR học phần (Gx.x)	Tỷ lệ (%)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập</b>			<b>10%</b>
Số buổi tham gia học tại lớp.	A1.1.1. Chuyên cần Không vắng quá 20% số buổi của HP	G2.4	5%
Thể hiện ý thức học tập, sự chú ý, hiểu biết sâu về nội dung bài học.	A1.1.2. Tinh thần, thái độ học tập - Đi học đúng giờ - Nghe giảng và ghi bài - Phát biểu, xây dựng bài	G2.4; G3.1	5%
<b>A1.2. Hồ sơ học phần</b>			<b>20%</b>
Làm đủ các bài thực hành	A1.2.1. Bài thực hành - Hoàn thành bài thực hành theo quy định - Không làm bài thực hành hoặc nộp bài thực, mỗi lần trừ 1 điểm - Giáo viên gửi điểm và nhận xét qua cổng thông tin	G2.1; G2.2; G2.3; G3.2; G4.1	15%
Có tiêu chí kèm theo	A1.2.2. Hoạt động nhóm Thực hiện tích cực nhiệm vụ trong nhóm	G3.1	5%
<b>A1.3. Đánh giá giữa kỳ</b>			<b>20%</b>
Thực hiện tốt bài kiểm tra về kiến thức đã học tại thời điểm thi	A1.3.1. Bài kiểm tra giữa kỳ - Thời gian: 35 phút - Hình thức: Trắc nghiệm - Nội dung: Tỉn chỉ 1	G1.1; G1.2; G1.3; G1.4; G2.1; G2.2; G2.3; G4.1	20%
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ</b>			<b>50%</b>
<b>HP Thực hành</b>	A2.1. Bài thi cuối kỳ - Thời gian: 60 phút - Hình thức: Thực hành - Nội dung: Toàn bộ học phần	G2.1; G2.2; G2.3; G4.1	50%

## **6. Nội dung và kế hoạch dạy học**

### **6.1. Nội dung giảng dạy**

#### **6.1.1. Nội dung tổng quát**

Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIÁO DỤC TRẺ MẦM NON

#### ***1.1. Vai trò của ứng dụng Công nghệ thông tin đối với sự phát triển của trẻ***

- 1.1.1. Ứng dụng Công nghệ thông tin đối với sự phát triển nhận thức
- 1.1.2. Ứng dụng Công nghệ thông tin đối với sự phát triển ngôn ngữ
- 1.1.3. Ứng dụng Công nghệ thông tin đối với sự phát triển vận động
- 1.1.4. Ứng dụng Công nghệ thông tin đối với sự phát triển xúc cảm, tình cảm - kĩ năng xã hội
- 1.1.5. Ứng dụng Công nghệ thông tin đối với sự phát triển thẩm mỹ

#### ***1.2. Ý nghĩa của việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục mầm non***

- 1.2.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khám phá khoa học
- 1.2.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thể dục
- 1.2.3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động âm nhạc
- 1.2.4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tạo hình
- 1.2.5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động văn học
- 1.2.6. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động làm quen chữ cái
- 1.2.7. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động làm quen với toán

#### ***1.3. Vai trò của việc sử dụng phần mềm dạy học hỗ trợ hoạt động giáo dục trong trường mầm non***

- 1.3.1. Với giáo viên
- 1.3.2. Với trẻ mầm non

Chương 2. PHẦN MỀM HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG MẦM NON

### **2.1. Tổng quan về phần mềm dạy học**

#### **2.1.1 Một số khái niệm**

#### **2.1.2. Phân loại phần mềm dạy học**

#### **2.1.3. Những yêu cầu đối với phần mềm dạy học**

##### *2.1.3.1. Về mặt lý luận dạy học*

##### *2.1.3.2. Về mặt kỹ thuật*

##### *2.1.3.3 Về mặt thẩm mỹ*

##### *2.1.3.4. Về mặt kinh tế*

#### **2.1.4. Tiêu chí lựa chọn sử dụng phần mềm dạy học**

##### *2.1.4.1. Đánh giá về khía cạnh sư phạm*

##### *2.1.4.2. Đánh giá về khía cạnh công nghệ phần mềm*

### **2.2. Một số phần mềm công cụ thường được giáo viên mầm non sử dụng trong trường mầm non**

2.2.1. Phần mềm công cụ chung (Phần mềm PowerPoint 2010)

2.2.2. Phần mềm công cụ đặc thù môn học

2.2.2.1. Phần mềm vẽ tranh

2.2.2.2. Phần mềm làm ảnh động

2.2.2.3. Phần mềm làm phim

### Chương 3. THIẾT KẾ PHẦN MỀM HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG MẦM NON

#### **3.1. Nguyên tắc, quy trình thiết kế phần mềm vào hoạt động giáo dục**

3.1.1. Nguyên tắc thiết kế hoạt động giáo dục trên phần mềm dạy học cho trẻ mầm non

3.1.1.1. Phù hợp với mục tiêu của giáo dục mầm non

3.1.1.2. Phù hợp với nội dung giáo dục mầm non

3.1.1.3. Phù hợp với phương pháp giáo dục mầm non

3.1.1.4. Phù hợp với điều kiện của trường, lớp mầm non và của địa phương

3.1.2. Quy trình xây dựng phần mềm dạy học

3.1.2.1. Lựa chọn chủ đề dạy học thích hợp

3.1.2.2. Xác định chiến lược sư phạm

3.1.2.3. Bước đầu xây dựng kịch bản

3.1.2.4. Lấy ý kiến chuyên gia

3.1.2.5. Thực hiện xây dựng phần mềm dạy học theo kịch bản

3.1.2.6. Thử nghiệm ở hiện trường lớp học cụ thể

3.1.2.7. Hoàn thiện

#### **3.2. Phân tích và nhận diện một số hoạt động có thể sử dụng bài trình chiếu trong tiết dạy**

3.2.1. Hoạt động khám phá khoa học:

3.2.2. Hoạt động thể dục

3.2.3. Hoạt động âm nhạc cho trẻ

3.2.4. Hoạt động Tạo hình

3.2.5. Hoạt động Văn học (Thơ, Truyện kể)

3.2.6. Hoạt động làm quen với chữ cái

3.2.7. Hoạt động làm quen với toán

#### **3.3. Thiết kế hoạt động có ứng dụng phần mềm**

3.3.1. Lựa chọn phần mềm

3.3.2. Thiết kế hoạt động có ứng dụng phần mềm

3.3.2.1. Cách thức thiết kế

3.3.2.2. Thiết kế một số phần mềm hỗ trợ hoạt động giáo dục mầm non (ví dụ minh họa)

#### **6.1.2. Nội dung phân chia theo block**

**LÝ THUYẾT:** 1 tín chỉ = 15 tiết (8 buổi)

### **Buổi 1:** 2 tiết

## Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIÁO DỤC TRẺ MẦM NON

### ***1.1. Vai trò của ứng dụng Công nghệ thông tin đối với sự phát triển của trẻ***

- 1.1.1. Ứng dụng Công nghệ thông tin đối với sự phát triển nhận thức
- 1.1.2. Ứng dụng Công nghệ thông tin đối với sự phát triển ngôn ngữ
- 1.1.3. Ứng dụng Công nghệ thông tin đối với sự phát triển vận động
- 1.1.4. Ứng dụng Công nghệ thông tin đối với sự phát triển tình cảm - kĩ năng xã hội
- 1.1.5. Ứng dụng Công nghệ thông tin đối với sự phát triển thẩm mỹ

### ***1.2. Ý nghĩa của việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục mầm non***

- 1.2.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khám phá khoa học
- 1.2.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thể dục
- 1.2.3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động âm nhạc
- 1.2.4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tạo hình
- 1.2.5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động văn học
- 1.2.6. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động làm quen chữ cái
- 1.2.7. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động làm quen với toán

\* *Nội dung:* Vai trò, ý nghĩa của việc ứng dụng Công nghệ thông tin đối với trẻ khi sử dụng phương tiện Công nghệ thông tin vào hoạt động giáo dục.

\* *Kỹ năng:* Tìm hiểu sâu các kiến thức liên quan một cách khoa học, lôgic.

\* *Thái độ:* Tích cực, tự giác.

### **Buổi 2:** 2 tiết

### ***1.3. Vai trò của việc sử dụng phần mềm dạy học hỗ trợ hoạt động giáo dục trong trường mầm non***

- 1.3.1. Với giáo viên
- 1.3.2. Với trẻ mầm non

## Chương 2. PHẦN MỀM HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG MẦM NON

### ***2.1. Tổng quan về phần mềm dạy học***

- 2.1.1 Một số khái niệm
- 2.1.2 Phân loại phần mềm dạy học
- 2.1.3. Những yêu cầu đối với phần mềm dạy học
  - 2.1.3.1. Về mặt lý luận dạy học
  - 2.1.3.2. Về mặt kỹ thuật
  - 2.1.3.3. Về mặt thẩm mỹ
  - 2.1.3.4. Về mặt kinh tế
- 2.1.4. Tiêu chí lựa chọn sử dụng phần mềm dạy học
  - 2.1.4.1. Đánh giá về khía cạnh sư phạm
  - 2.1.4.2. Đánh giá về khía cạnh công nghệ phần mềm

\* *Nội dung*: Khái niệm và cách phân loại phần mềm dạy học; Các yêu cầu đối với phần mềm dạy học nói chung và GDMN nói riêng; Vai trò của việc sử dụng phần mềm dạy học đối với giáo viên và trẻ mầm non.

\* *Kỹ năng*: Tìm hiểu sâu các kiến thức liên quan một cách khoa học, logic.

\* *Thái độ*: Tích cực, tự giác.

### **Buổi 3: 2 tiết**

#### **2.2. Một số phần mềm công cụ thường được giáo viên mầm non sử dụng trong trường mầm non**

2.2.1. Phần mềm công cụ chung (Phần mềm PowerPoint 2010)

2.2.2. Phần mềm công cụ đặc thù môn học

2.2.2.1. Phần mềm vẽ tranh

\* *Nội dung*: Các công cụ khi sử dụng các phần mềm PowerPoint 2010 và Paint vào hoạt động GDMN.

\* *Kỹ năng*: Thành thạo các thao tác trên các phần mềm PowerPoint và Paint khi thiết kế phần mềm hỗ trợ hoạt động GDMN.

\* *Thái độ*: Tích cực, tự giác.

### **Buổi 4: 2 tiết**

2.2.2.2. Phần mềm làm ảnh động

2.2.2.3. Phần mềm làm phim

\* *Nội dung*: Các công cụ khi sử dụng các phần mềm Easy GIF Animator và Windows Live Movie Maker trong dạy học ở trường mầm non.

\* *Kỹ năng*: Thành thạo các thao tác trên các phần mềm Easy GIF Animator và Windows Live Movie Maker khi thiết kế phần mềm hỗ trợ hoạt động GDMN.

\* *Thái độ*: Tích cực, tự giác.

### **Buổi 5: 2 tiết**

#### **Chương 3. THIẾT KẾ PHẦN MỀM HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG MẦM NON**

##### **3.1. Nguyên tắc, quy trình thiết kế phần mềm vào hoạt động giáo dục**

3.1.1. Nguyên tắc thiết kế hoạt động giáo dục trên phần mềm dạy học cho trẻ mầm non

3.1.1.1. Phù hợp với mục tiêu của giáo dục mầm non

3.1.1.2. Phù hợp với nội dung giáo dục mầm non

3.1.1.3. Phù hợp với phương pháp giáo dục mầm non

3.1.1.4. Phù hợp với điều kiện của trường, lớp mầm non và của địa phương

3.1.2. Quy trình xây dựng phần mềm dạy học

3.1.2.1. Lựa chọn chủ đề dạy học thích hợp

3.1.2.2. Xác định chiến lược sư phạm

- 3.1.2.3. Bước đầu xây dựng kịch bản
- 3.1.2.4. Lấy ý kiến chuyên gia
- 3.1.2.5. Thực hiện xây dựng phần mềm dạy học theo kịch bản
- 3.1.2.6. Thử nghiệm ở hiện trường lớp học cụ thể
- 3.1.2.7. Hoàn thiện

- \* *Nội dung*: Các nguyên tắc và quy trình xây dựng phần mềm dạy học
- \* *Kỹ năng*: Tìm hiểu sâu các kiến thức liên quan một cách khoa học, logic.
- \* *Thái độ*: Tích cực, tự giác.

### **Buổi 6**: 2 tiết

#### **3.2. Phân tích và nhận diện một số hoạt động có thể sử dụng bài trình chiếu trong tiết dạy**

- 3.2.1. Hoạt động khám phá khoa học:
- 3.2.2. Hoạt động thể dục
- 3.2.3. Hoạt động âm nhạc cho trẻ
- 3.2.4. Hoạt động tạo hình
- 3.2.5. Hoạt động tản học (thơ, truyện kể)
- 3.2.6. Hoạt động làm quen với chữ cái
- 3.2.7. Hoạt động làm quen với toán

- \* *Nội dung*: Nhận ra các hoạt động trong tiết dạy có thể sử dụng phần mềm hỗ trợ.
- \* *Kỹ năng*: Phân tích được các hoạt động có thể ứng dụng Công nghệ thông tin và chọn lựa phần mềm thích hợp để thiết kế phần mềm hỗ trợ trong tiết dạy ở trường mầm non.
- \* *Thái độ*: Tích cực, tự giác.

### **Buổi 7**: 2 tiết

#### **3.3. Thiết kế hoạt động có ứng dụng phần mềm**

- 3.3.1. Lựa chọn phần mềm
- 3.3.2. Thiết kế hoạt động có ứng dụng phần mềm
  - 3.3.2.1. Cách thức thiết kế

3.3.2.2. Thiết kế một số phần mềm hỗ trợ hoạt động giáo dục mầm non (ví dụ minh họa)

- \* *Nội dung*: Lựa chọn một số phần mềm để thiết kế phần mềm hỗ trợ cho một hoạt động giáo dục ở trường mầm non.
- \* *Kỹ năng*: Thực hiện thành thạo các thao tác trên các phần mềm đã chọn để sử dụng hỗ trợ tiết dạy.
- \* *Thái độ*: Tích cực, tự giác.

### **Buổi 8**: 1 tiết

#### **ÔN TẬP**

**THỰC HÀNH**: 1 tín chỉ = 15 tiết (quy đổi = 22,5 tiết = 12 buổi)

**Buổi 1:** 2 tiết

SOẠN GIÁO ÁN TRÊN MICROSOFT WORD

- \* *Nội dung:* Lựa chọn giáo án một tiết dạy ở trường mầm non, soạn giáo án này trên Microsoft Word.
- \* *Kỹ năng:* - Thực hiện các thao tác trên phần mềm phần mềm Microsoft Word.  
- Soạn giáo án hoạt động giáo dục ở trường mầm non
- \* *Thái độ:* Tích cực, tự giác.

**Buổi 2 + 3:** 2 tiết x 2 buổi

SOẠN GIÁO ÁN TRÊN MICROSOFT POWERPOINT

- \* *Nội dung:* Lựa chọn giáo án một tiết dạy ở trường mầm non, soạn giáo án này trên Microsoft PowerPoint.
- \* *Kỹ năng:* - Thực hiện các thao tác trên phần mềm phần mềm và Microsoft PowerPoint;  
- Soạn giáo án hoạt động giáo dục ở trường mầm non
- \* *Thái độ:* Tích cực, tự giác.

**Buổi 4 + 5:** 2 tiết x 2 buổi

THỰC HÀNH PHẦN MỀM PAINT

- \* *Nội dung:* Vẽ một bức tranh, chủ đề tự chọn, gắn với một hoạt động giáo dục ở trường mầm non.
- \* *Kỹ năng:* Thực hiện các thao tác trên phần mềm vẽ Paint
- \* *Thái độ:* Tích cực, tự giác.

**Buổi 6 + 7:** 2 tiết x 2 buổi

THỰC HÀNH PHẦN MỀM EASY GIF ANIMATOR

- \* *Nội dung:* Thiết kế một bức tranh (hoặc ảnh) động, chủ đề tự chọn, gắn với một hoạt động giáo dục ở trường mầm non.
- \* *Kỹ năng:* Thực hiện các thao tác trên phần mềm làm tranh, ảnh động Easy GIF Animator
- \* *Thái độ:* Tích cực, tự giác.

**Buổi 8 + 9:** 2 tiết x 2 buổi

THỰC HÀNH PHẦN MỀM WINDOWS LIVE MOVIE MAKER

- \* *Nội dung:* Thiết kế một đoạn phim, chủ đề tự chọn, gắn với một hoạt động giáo dục ở trường mầm non.
- \* *Kỹ năng:* Thực hiện các thao tác trên phần mềm làm phim Windows Live Movie Maker
- \* *Thái độ:* Tích cực, tự giác.

**Buổi 10 + 11:** 2 tiết x 2 buổi

THỰC HÀNH THIẾT KẾ BÀI TRÌNH CHIẾU TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC  
MẦM NON

\* *Nội dung*: Tích hợp sử dụng phần mềm công cụ chung và phần mềm đặc thù môn học để thiết kế bài trình chiếu trong hoạt động giáo dục ở trường mầm non.

\* *Kỹ năng*: Thiết kế bài trình chiếu trong hoạt động giáo dục ở trường mầm non có sử dụng tích hợp phần mềm công cụ chung và phần mềm đặc thù môn học.

\* *Thái độ*: Tích cực, tự giác.

**Buổi 12:** 1 tiết

**ÔN TẬP**

**6.2. Kế hoạch dạy học**

**6.2.1. Lý thuyết (8 tuần)**

Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học/ Phương tiện hỗ trợ dạy học	Hoạt động của SV	Bài đánh giá
1.	<p>* <i>Kiến thức</i>:</p> <p>- Vai trò của ứng dụng Công nghệ thông tin đối với các lĩnh vực phát triển của trẻ: phát triển nhận thức, phát triển ngôn ngữ, phát triển vận động, phát triển tình cảm - kỹ năng xã hội, phát triển thẩm mỹ.</p> <p>- Ý nghĩa của việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục: lĩnh vực phát triển thể chất, lĩnh vực phát triển nhận thức, lĩnh vực phát triển ngôn ngữ, lĩnh vực phát triển tình cảm - kỹ năng xã hội, lĩnh vực phát triển thẩm mỹ.</p> <p>* <i>Kỹ năng</i>: Tìm hiểu sâu các kiến thức liên quan một cách khoa học, logic.</p> <p>* <i>Thái độ</i>: Tích cực, tự giác.</p>	<p>- <i>Giảng lý thuyết</i>: Vai trò của ứng dụng Công nghệ thông tin đối với các lĩnh vực phát triển.</p> <p>- <i>Thảo luận</i>: Ý nghĩa của việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục.</p> <p>- <i>Phương tiện hỗ trợ</i>: Sử dụng máy chiếu; GV và SV trao đổi qua hệ thống LMS, email.</p>	<p>- Đọc trước mục 1.3 [1, tr.10];</p> <p>- Tương tác GV qua công nghệ thông tin.</p>	A1.1.1, A1.1.2, A1.2.2, A1.3.1
2.	<p>* <i>Kiến thức</i>:</p> <p>- Vai trò của việc sử dụng phần mềm dạy học hỗ trợ hoạt</p>	<p>- <i>Thảo luận</i>: Vai trò của việc sử dụng phần mềm dạy học.</p>	<p>- Đọc trước mục 2.2.1 [2, tr.46], 1.1[1,</p>	A1.1.1, A1.1.2, A1.2.2,

	<p>động giáo dục trong trường mầm non đối với giáo viên và trẻ mầm non.</p> <p>- Tổng quan về phần mềm dạy học nói chung và phần mềm giáo dục mầm non nói riêng</p> <p>* <b>Kỹ năng:</b> Tìm hiểu sâu các kiến thức liên quan một cách khoa học, lôgic.</p> <p>* <b>Thái độ:</b> Tích cực, tự giác.</p>	<p>- <b>Giảng lý thuyết:</b> Tổng quan về phần mềm.</p> <p>- <b>Phương tiện hỗ trợ:</b> GV và SV trao đổi qua hệ thống LMS, email.</p>	<p>tr.5], 2.2.3 [2, tr.60], 1.2[1, tr.7].</p> <p>- Tương tác GV qua công thông tin.</p>	A1.3.1
3.	<p>* <b>Kiến thức:</b></p> <p>Một số phần mềm công hỗ trợ hoạt động giáo dục ở trường mầm non: phần mềm trình diễn, phần mềm vẽ tranh.</p> <p>* <b>Kỹ năng:</b> Thành thạo các thao tác trên PowerPoint khi thiết kế phần mềm hỗ trợ hoạt động GDMN.</p> <p>* <b>Thái độ:</b> Tích cực, tự giác.</p>	<p>- <b>Tự học:</b> Tìm hiểu một số phần mềm vẽ tranh.</p> <p>- <b>Giảng lý thuyết:</b> Sử dụng phần mềm Paint.</p> <p>- <b>Hoạt động nhóm:</b> Nêu một số công cụ cơ bản khi sử dụng phần mềm PowerPoint 2010.</p> <p>- <b>Phương tiện hỗ trợ:</b> Sử dụng máy chiếu; GV và SV trao đổi qua hệ thống LMS, email.</p>	<p>- Đọc trước mục 2.1.1 [1, tr.22]; Đọc trước một số tài liệu về cách sử dụng các phần mềm: Paint.</p> <p>- Tương tác GV qua công thông tin.</p>	A1.1.1, A1.1.2, A1.2.1, A1.2.2, A1.3.1, A2.1
4.	<p>* <b>Kiến thức:</b></p> <p>Một số phần mềm công hỗ trợ hoạt động giáo dục ở trường mầm non: phần mềm làm ảnh động, phần mềm làm phim.</p> <p>* <b>Kỹ năng:</b> Thành thạo các thao tác trên một số phần mềm đặc thù khi thiết kế phần mềm hỗ trợ hoạt động GDMN.</p> <p>* <b>Thái độ:</b> Tích cực, tự giác.</p>	<p>- <b>Tự học:</b> Tìm hiểu một số phần mềm làm ảnh động và phần mềm làm phim.</p> <p>- <b>Giảng lý thuyết:</b> Sử dụng phần mềm Easy GIF Animator.</p> <p>- <b>Phương tiện hỗ trợ:</b> Sử dụng máy chiếu; GV và SV trao đổi qua hệ thống LMS, email.</p>	<p>- Đọc trước một số tài liệu về cách sử dụng các phần mềm: Easy GIF Animator, Windows Live Movie Maker.</p> <p>- Tương tác GV qua công thông tin.</p>	A1.1.1, A1.1.2, A1.2.1, A1.2.2, A1.3.1, A2.1
5.	<p>* <b>Kiến thức:</b></p> <p><u>Các nguyên tắc, quy trình thiết kế phần mềm vào hoạt</u></p>	<p>- <b>Thảo luận:</b> Các nguyên tắc thiết kế phần mềm.</p> <p>- <b>Giảng lý thuyết:</b> Quy</p>	<p>- Đọc trước mục 3.1 [1, tr.44], 3.2[1,</p>	A1.1.1, A1.1.2, A1.2.2,

	<p><u>đông giáo dục cho trẻ mầm non.</u></p> <p>* <u>Kỹ năng</u>: Tìm hiểu sâu các kiến thức liên quan một cách khoa học, logic.</p> <p>* <u>Thái độ</u>: Tích cực, tự giác.</p>	<p>trình thiết kế phần mềm.</p> <p>- <b>Phương tiện hỗ trợ</b>: GV và SV trao đổi qua hệ thống LMS, email.</p>	<p>tr.46].</p> <p>- Tương tác GV qua công thông tin.</p>	A1.3.1
6.	<p>* <u>Kiến thức</u>:</p> <p>- Phân tích và nhận diện một số hoạt động có thể sử dụng bài trình chiếu trong tiết dạy trong các tiết dạy: Hoạt động khám phá khoa học, hoạt động thể dục, hoạt động âm nhạc cho trẻ, hoạt động tạo hình, hoạt động văn học (thơ, truyện kể), hoạt động làm quen với chữ cái, hoạt động làm quen với toán.</p> <p>* <u>Kỹ năng</u>: Phân tích được các hoạt động có thể ứng dụng Công nghệ thông tin và chọn lựa phần mềm thích hợp để thiết kế phần mềm hỗ trợ trong tiết dạy ở trường mầm non.</p> <p>* <u>Thái độ</u>: Tích cực, tự giác.</p>	<p>- <b>Làm việc nhóm</b>: Chia 7 nhóm, mỗi nhóm thảo luận 1 hoạt động.</p> <p>- <b>Phương tiện hỗ trợ</b>: Sử dụng máy chiếu, GV và SV trao đổi qua hệ thống LMS, email.</p>	<p>- Tìm hiểu trước một số tiết dạy ở trường mầm non (giáo án, cách tổ chức hoạt động).</p> <p>- Tương tác GV qua công thông tin.</p>	A1.1.1, A1.1.2, A1.2.2, A1.3.1
7.	<p>* <u>Kiến thức</u>:</p> <p>- Thiết kế hoạt động có ứng dụng phần mềm: Lấy ví dụ minh họa tiết mẫu.</p> <p>* <u>Kỹ năng</u>: Thực hiện thành thạo các thao tác trên các phần mềm đã chọn để sử dụng hỗ trợ tiết dạy.</p> <p>* <u>Thái độ</u>: Tích cực, tự giác.</p>	<p>- <b>Giảng lý thuyết</b>: Thiết kế hoạt động minh họa.</p> <p>- <b>Phương tiện hỗ trợ</b>: Sử dụng máy chiếu; GV và SV trao đổi qua hệ thống LMS, email.</p>	<p>- Tìm hiểu trước một số tiết dạy ở trường mầm non (giáo án, cách tổ chức hoạt động).</p> <p>- Tương tác GV qua công thông tin.</p>	A1.1.1, A1.1.2, A1.2.1, A1.2.2, A1.3.1, A2.1
8.	Ôn tập			

**6.2.2. Thực hành** (8 tuần, bắt đầu từ tuần lý thuyết thứ 4)

Tuần	Nội dung	Kế hoạch giảng dạy	Hoạt động của SV	Bài đánh giá
1	<p>SOẠN GIÁO ÁN TRÊN MICROSOFT WORD</p> <p>* <i>Nội dung:</i> Lựa chọn giáo án một tiết dạy ở trường mầm non, soạn giáo án này trên Microsoft Word.</p> <p>* <i>Kỹ năng:</i> - Thực hiện các thao tác trên phần mềm Microsoft Word.</p> <p>- Soạn giáo án hoạt động giáo dục ở trường mầm non</p> <p>* <i>Thái độ:</i> Tích cực, tự giác.</p>	Hướng dẫn, chăm sản phẩm	Làm bài thực hành	A1.1.1, A1.2.1,
2	<p>SOẠN GIÁO ÁN TRÊN MICROSOFT POWERPOINT 2010</p> <p>* <i>Nội dung:</i> Lựa chọn giáo án một tiết dạy ở trường mầm non, soạn giáo án này trên Microsoft PowerPoint.</p> <p>* <i>Kỹ năng:</i></p>	Hướng dẫn, chăm sản phẩm	Làm bài thực hành	A1.1.1, A1.2.1, A1.3.1, A2.1
3	<p>- Thực hiện các thao tác trên phần mềm PowerPoint 2010</p> <p>- Soạn giáo án hoạt động giáo dục ở trường mầm non</p> <p>* <i>Thái độ:</i> Tích cực, tự giác.</p>			
4	<p>THỰC HÀNH PHẦN MỀM VẼ TRANH</p> <p>* <i>Nội dung:</i> Vẽ một bức tranh, chủ đề tự chọn, gắn với một hoạt động giáo dục ở trường mầm non.</p>	Hướng dẫn, chăm sản phẩm	Làm bài thực hành	A1.1.1, A1.2.1, A1.3.1, A2.1
5	<p>* <i>Kỹ năng:</i> Thực hiện các thao tác trên phần mềm vẽ tranh, ví dụ: phần mềm Paint</p> <p>* <i>Thái độ:</i> Tích cực, tự giác.</p>			
6	<p>THỰC HÀNH PHẦN MỀM LÀM TRANH, ẢNH ĐỘNG</p> <p>* <i>Nội dung:</i> Thiết kế một bức tranh (hoặc ảnh) động, chủ đề tự chọn, gắn với một hoạt động giáo dục ở trường mầm non.</p>	Hướng dẫn, chăm sản phẩm	Làm bài thực hành	A1.1.1, A1.2.1, A1.3.1, A2.1
7	<p>* <i>Kỹ năng:</i> Thực hiện các thao tác trên phần</p>			

	mềm làm ảnh động, ví dụ: phần mềm Easy GIF Animator * <i>Thái độ</i> : Tích cực, tự giác.			
8	THỰC HÀNH PHẦN MỀM LÀM PHIM * <i>Nội dung</i> : Thiết kế một đoạn phim, chủ đề tự chọn, gắn với một hoạt động giáo dục ở trường mầm non. * <i>Kỹ năng</i> : Thực hiện các thao tác trên phần mềm làm phim, ví dụ: phần mềm Windows Live Movie Maker, Proshow,...	Hướng dẫn, chăm sản phẩm	Làm bài thực hành	A1.1.1, A1.2.1, A1.3.1, A2.1
9	THỰC HÀNH THIẾT KẾ BÀI TRÌNH CHIẾU TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON * <i>Nội dung</i> : Tích hợp sử dụng phần mềm công cụ chung và phần mềm đặc thù môn học để thiết kế bài trình chiếu trong hoạt động giáo dục ở trường mầm non. * <i>Kỹ năng</i> : Thiết kế bài trình chiếu trong hoạt động giáo dục ở trường mầm non có sử dụng tích hợp phần mềm công cụ chung và phần mềm đặc thù môn học. * <i>Thái độ</i> : Tích cực, tự giác.	Hướng dẫn, chăm sản phẩm	Làm bài thực hành	A1.1.1, A1.2.1, A1.3.1, A2.1
10	THỰC HÀNH THIẾT KẾ BÀI TRÌNH CHIẾU TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON * <i>Nội dung</i> : Tích hợp sử dụng phần mềm công cụ chung và phần mềm đặc thù môn học để thiết kế bài trình chiếu trong hoạt động giáo dục ở trường mầm non. * <i>Kỹ năng</i> : Thiết kế bài trình chiếu trong hoạt động giáo dục ở trường mầm non có sử dụng tích hợp phần mềm công cụ chung và phần mềm đặc thù môn học. * <i>Thái độ</i> : Tích cực, tự giác.	Hướng dẫn, chăm sản phẩm	Làm bài thực hành	A1.1.1, A1.2.1, A1.3.1, A2.1
11	Ôn tập			
12				

### **Bài tập nhóm:**

Mỗi nhóm 10 sinh viên làm một bài, trình chiếu và phân tích

<b>Nội dung</b>	<b>CDR học phần</b>	<b>Bài đánh giá</b>
Tìm hiểu thực trạng ứng dụng CNTT trong GDMN (tại trường MN thực hành ĐHV)	Tất cả các CDR của HP (từ G1.1 đến G4.1)	G1.2.2

### **7. Nguồn học liệu**

#### ***Tài liệu chính:***

[1] Trần Yên Mai - Phan Đông Phương (2013), *Sử dụng một số phần mềm thiết kế bài dạy kể chuyện cho trẻ mẫu giáo lớn trong trường mầm non*, Đề tài nghiên cứu Viện Khoa học giáo dục Việt Nam.

[2] Trần Trung - Trần Huy Hoàng - Trần Việt Cường - Đặng Xuân Cương (2010), *Ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường*, Nxb Giáo dục Việt nam.

**Tài liệu tham khảo:**

[3] Phó Đức Hòa - Ngô Quang Sơn (2007), *Dạy học tích cực và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học*, NXB Giáo dục.

[4]. Giáo trình ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học / Đỗ Mạnh Cường, ĐHQG Tp. HCM, 2008.

[5] *Microsoft PowerPoint 2016*. Tham khảo tại Website: <http://www.microsoft.com/en-us/download/>

**8. Quy định của môn học**

- Sinh viên dự học trên lớp ít nhất 80% số giờ của môn học.
- Sinh viên phải chuẩn bị những nội dung tự học và thảo luận, nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

**9. Phụ trách môn học**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Tổ Giáo dục mầm non- khoa Giáo dục
- Địa chỉ/email:

**10. Ngày phê duyệt:** 10/4/2017

**11. Cấp phê duyệt :**

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

### HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ MẦM NON

#### 1. Thông tin tổng quát:

##### 1.1. Thông tin về giảng viên

###### Giảng viên 1:

Họ và tên: **Trần Thị Thúy Nga**

Chức danh, học hàm, học vị: thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: trannga.mn@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Lý luận và phương pháp GDMN

###### Giảng viên 2: **Phạm Thị Huyền**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: phamthihuyen.vinh@gmail.com

##### 1.2. Thông tin về môn học:

- Tên môn học (tiếng Việt): Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non (tiếng Anh): Methods of physical education for preschool children	
- Mã số môn học: EDU 30039	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác <input type="checkbox"/> Môn học đồ án tốt nghiệp	
- Số tín chỉ:	5
+ Số tiết lý thuyết:	45
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	9
+ Số tiết thực hành:	15 (thực dạy 22,5 tiết)
+ Số tiết hoạt động nhóm:	6
+ Số tiết tự học:	150
- Môn học tiên quyết:	Giáo dục học mầm non, Tâm lý học mầm non
- Môn học song hành:	Các môn phương pháp chuyên ngành

#### 2. Mô tả học phần

*Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo giáo viên ngành Giáo dục mầm non.

Học phần này trang bị những kiến thức lí luận chung về Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non, hình thành và rèn luyện cho sinh viên kĩ năng: thiết kế mục tiêu, nội dung; lựa chọn và phối hợp linh hoạt các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy

học; thiết kế và sử dụng các công cụ kiểm tra và đánh giá kết quả học tập các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. Ngoài ra còn hỗ trợ sinh viên tiếp cận các học phần: Phát triển chương trình Giáo dục mầm non, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1, 2 và Tự chọn 2, tự chọn 3.

### 3. Mục tiêu học phần

Sinh viên hoàn thành học phần đạt được:

Mục tiêu	Mô tả (Goals description)	TĐ NL	Chuẩn đầu ra CTĐT
<b>G1</b>	Có kiến thức cơ bản về những vấn đề lý luận chung của GDTC trong việc tổ chức hoạt động phát triển thể chất cho trẻ mầm non.	3.5	1.1.3; 1.1.4; 1.2.1;1.2.2;1.3.3
<b>G2</b>	Có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình tổ chức phát triển thể chất cho trẻ. Ứng dụng lí luận dạy học hiện đại vào tổ chức hoạt động phát triển thể chất cho trẻ ở trường mầm non. Ý thức phấn đấu, phát triển nghề nghiệp.	3.0	1.3.2; 1.2.1; 2.4.2
		3.5	4.4.1;4.4.2;4.4.3.4.4 .5;4.4.6;4.4.4; 4.5.3;1.1.4
<b>G3</b>	Có kĩ năng làm việc nhóm hiệu quả; giao tiếp và ứng xử phù hợp với môi trường nhà trường và xã hội. Có kỹ năng, phẩm chất của người giáo viên mầm non trong quá trình tổ chức các hoạt động phát triển thể chất cho trẻ mầm non	3.0	3.2.4; 3.2.5
		3.5	3.1.5;4.5.1;4.5.3
<b>G4</b>	Hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện, đánh giá các hoạt động phát triển thể chất cho trẻ mầm non.	3.0	4.4.1;4.1.5;4.6.1; 4.6.2
		3.5	4.4.3; 4.4.4

### 4. Chuẩn đầu ra môn học (các mục tiêu cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

Mục tiêu (Gx)	Mục tiêu (Gx.x)	Mô tả CDR	Chuẩn đầu ra CDIO
<b>Kiến thức lập luận ngành</b>			
<b>G1</b>	<b>G1.1</b>	Phân tích, lý giải được những vấn đề chung về phương pháp GDTC cho trẻ MN với tư cách là một ngành khoa học: khái niệm, đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, mối quan hệ giữa GDTC với các môn khoa học khác.	<b>T</b>
	<b>G1.2</b>	Phân tích được đặc điểm phát triển sinh lý - vận động của trẻ ở các độ tuổi	<b>T, U</b>

	<b>G1.3</b>	Phân tích được mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc của giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	<b>T, U</b>
	<b>G1.4</b>	Phân tích được mục tiêu, nội dung GDTC cho trẻ trong chương trình giáo dục mầm non	<b>T, U</b>
	<b>G1.5</b>	Phân tích được các phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	<b>T, U</b>
	<b>G1.6</b>	Xác định và phân tích được các phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức hoạt động học phát triển vận động cho trẻ mầm non	<b>T, U</b>
	<b>G1.7</b>	Xác định và phân tích được các phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức hoạt động thể dục sáng cho trẻ mầm non	<b>I, U</b>
	<b>G1.8</b>	Xác định và phân tích được các phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức hoạt động trò chơi vận động cho trẻ mầm non	<b>I, U</b>
	<b>G1.9</b>	Xác định và phân tích được các phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức hoạt động phút thể dục, dạo chơi, tham quan, hội khỏe, phát triển vận động ở mọi lúc mọi nơi cho trẻ mầm non	<b>I, U</b>
	<b>G1.10</b>	Phân tích được cách thức thiết kế các hoạt động phát triển thể chất và kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	<b>T,U</b>
<b>Kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân</b>			
<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	Phát hiện, phân tích và giải quyết được những vấn đề nảy sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động GDTC cho trẻ MN	<b>T, U</b>
	<b>G2.2</b>	Vận dụng được lí luận dạy học hiện đại để đổi mới nội dung, phương pháp dạy học các hoạt động GDTC cho trẻ MN	<b>I, U</b>
	<b>G2.3</b>	Vận dụng được lí luận chung về giải phẫu sinh lý trẻ, tâm lý - giáo dục học MN... để xác định mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức GDTC cho trẻ MN	<b>I, U</b>
	<b>G2.4</b>	Tự tìm hiểu, nghiên cứu các tài liệu về việc tổ chức các hoạt động GDTC ở trường mầm non.	<b>T, U</b>
	<b>G2.5</b>	Vận dụng kiến thức về lý luận và thực tiễn trong giáo dục mầm non vào việc lập kế hoạch, thiết kế, tổ chức và đánh giá các hoạt động GDTC cho trẻ MN	<b>I, U</b>
<b>Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm</b>			
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Áp dụng kỹ năng làm việc nhóm khi thực hiện các nhiệm vụ của quá trình học tập học phần Phương pháp GDTC cho trẻ MN	<b>I, U</b>
	<b>G3.2</b>	Tìm kiếm tài liệu, tự tin thuyết trình trước tập thể.	<b>I, U</b>

	<b>G3.3</b>	Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong soạn thảo tài liệu, giáo án bài giảng, có khả năng thiết kế đồ dùng dạy học phù hợp với bộ môn.	<b>I, U</b>
	<b>G3.4</b>	Thực hành kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm phù hợp với môi trường nhà trường và xã hội.	<b>I, U</b>
<b>Năng lực thực hành nghề nghiệp</b>			
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Hiểu được sứ mạng, mục tiêu và nhiệm vụ của nhà trường mầm non trong lĩnh vực tổ chức GDTC cho trẻ MN	<b>T, U</b>
	<b>G4.2</b>	Xác định nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện thực hiện chương trình GDTC cho trẻ MN	<b>T, U</b>
	<b>G4.3</b>	Lập được kế hoạch dạy học các loại bài, loại hoạt động GDTC cho trẻ MN	<b>T, U</b>
	<b>G4.4</b>	Vận dụng được những vấn đề đổi mới về nội dung, PPDH vào quá trình thực hiện các hoạt động GDTC cho trẻ MN	<b>I, U</b>
	<b>G4.5</b>	Đánh giá và đổi mới các hoạt động tổ chức GDTC cho trẻ MN	<b>T, U</b>

#### 4. Chuẩn đầu ra môn học

<b>Chuẩn đầu ra của HP</b>	<b>Mô tả</b> (Sau khi học xong học phần này, người học có thể: )	<b>Chuẩn đầu ra CDIO</b>	
<b>G1</b>	<b>G1.1</b>	Trình bày được các vấn đề lý luận về việc phát triển thể chất cho trẻ mầm non	<b>1.3.2</b>
	<b>G1.2</b>	Phân tích được đặc điểm phát triển vận động của trẻ và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển thể chất cho trẻ ở các độ tuổi.	<b>1.3.2; 2.2.1 2.1.3</b>
	<b>G1.3</b>	Phân tích được đặc điểm phát triển sinh lí của trẻ và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển thể chất cho trẻ ở các độ tuổi.	<b>1.3.2; 2.2.1 2.1.3</b>
	<b>G1.4</b>	Xác định và phân tích được các phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức hoạt động thể dục sáng cho trẻ.	<b>1.2.4; 1.3.1; 1.3.2</b>
	<b>G1.5</b>	Xác định và phân tích được các phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức trò chơi vận động cho trẻ.	<b>1.2.4; 1.3.1; 1.3.2</b>
	<b>G1.6</b>	Xác định và phân tích được các phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức dạo chơi cho trẻ	<b>1.2.4; 1.3.1; 1.3.2</b>
	<b>G1.7</b>	Xác định và phân tích được các phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức tham quan cho trẻ.	<b>1.2.4; 1.3.1; 1.3.2</b>

	<b>G1.8</b>	Xác định và phân tích được các phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức hội khỏe cho trẻ mầm non.	<b>1.2.4; 1.3.1; 1.3.2</b>
	<b>G1.9</b>	Xác định và phân tích được các phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức hoạt động học phát triển vận động cho trẻ mầm non.	<b>1.2.4; 1.3.1; 1.3.2</b>
<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	Vận dụng được kiến thức về tâm lý học, giáo dục học, giải phẫu sinh lý ... vào việc xác định mục đích, nhiệm vụ, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động phát triển vận động cho trẻ.	<b>1.2.1; 1.2.2; 1.2.4; 1.2.6; 1.3.1; 1.3.2</b>
	<b>G2.2</b>	Vận dụng kiến thức về tâm lý học, giáo dục học, giải phẫu sinh lý ... vào việc tìm hiểu đặc điểm phát triển vận động của trẻ ở các độ tuổi.	<b>1.2.1; 1.2.2; 1.2.4; 1.2.6; 1.3.1; 1.3.2</b>
	<b>G2.3</b>	Tự tìm hiểu, nghiên cứu các tài liệu về việc tổ chức các hoạt động phát triển vận động cho trẻ mầm non.	<b>2.2.3; 2.3.1</b>
	<b>G2.4</b>	Vận dụng kiến thức về lý luận và thực tiễn trong giáo dục mầm non vào việc lập kế hoạch, thiết kế, tổ chức và đánh giá các hoạt động phát triển vận động cho trẻ.	<b>2.2.1; 2.2.2; 2.4.4</b>
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Áp dụng kỹ năng làm việc nhóm khi thực hiện các nhiệm vụ của quá trình học tập học phần Phương pháp GDTC cho trẻ MN	<b>3.1.1 (IT, U)</b>
	<b>G3.2</b>	Tìm kiếm tài liệu, tự tin thuyết trình trước tập thể.	<b>3.1.2</b>
	<b>G3.3</b>	Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong soạn thảo tài liệu, giáo án bài giảng, có khả năng thiết kế đồ dùng dạy học phù hợp với bộ môn.	<b>3.1.2</b>
	<b>G3.4</b>	Thực hành kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm phù hợp với môi trường nhà trường và xã hội.	<b>3.1.2</b>
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Hiểu được sứ mạng, mục tiêu và nhiệm vụ của nhà trường mầm non trong lĩnh vực tổ chức GDTC cho trẻ MN	<b>4.2.1; 4.2.2;</b>
	<b>G4.2</b>	Xác định nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện thực hiện chương trình GDTC cho trẻ MN	<b>4.3.1</b>
	<b>G4.3</b>	Lập được kế hoạch dạy học các loại bài, loại hoạt động GDTC cho trẻ MN	<b>4.3.2</b>
	<b>G4.4</b>	Vận dụng được những vấn đề đổi mới về nội dung, PPDH vào quá trình thực hiện các hoạt động GDTC cho trẻ MN	<b>4.4.1</b>
	<b>G4.5</b>	Đánh giá và đổi mới các hoạt động tổ chức GDTC cho trẻ MN	<b>4.4.2</b>

**5. Đánh giá học phần** (các thành phần, các bài đánh giá và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

<b>Thành phần đánh giá</b>	<b>Bài đánh giá</b>	<b>CDR học phần (Gx.x)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</b>			<b>10%</b>
A1.1.1.	A1.1.1. Chuyên cần - Đủ số buổi học theo quy định	G1.1,G1.2,G1.3,G1.4, G1.5, G1.6, 1.7,G1.8,G1.9,	5%
	A1.1.2. Tinh thần, thái độ học tập - Đi học đúng giờ	G2.1,G2.2,G2.4,G2.3,G2.5, G3.1,G3.2,G3.2,G3.3,	5%
A1.1.2.	- Tích cực hoạt động học tập cá nhân và hợp tác nhóm - Phát biểu, xây dựng bài học	G3.4,G4.1, G4.2, G4.3, G4.4, G4.5	
<b>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</b>			<b>20%</b>
A1.2.1 Bài tập, bài thu hoạch qua thảo luận:	Vở bài tập cá nhân, Báo cáo tiến độ công việc, bài thu hoạch. Thực hiện bài tập, nhiệm vụ độc lập hoặc dưới sự hướng dẫn của giáo viên, bao gồm cả nội dung tự học Báo cáo bài tập nhóm; báo cáo kết quả thảo luận; Phiếu tự đánh giá; Sinh viên trong nhóm tự đánh giá	G3.1,G3.2 G3.3,G3.4, G4.5	10%
A1.2.2	Thực hành theo nhóm	G4.1,G4.2, G4.3, G4.4, G4.5	10%
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ) TNKQ</b>			<b>20%</b>
Kiểm tra lần 1	A1.3.1. Bài kiểm tra giữa kỳ - Thời gian: - Hình thức: Trắc nghiệm - Nội dung: Tín chỉ 1 - Chương 1, 2	G1.1, G1.2, G1.3, G2.3, G2.4	10%
Bài kiểm tra giữa kỳ lần 2	A1.3.2. Bài kiểm tra giữa kỳ - Thời gian: - Hình thức: Trắc nghiệm - Nội dung: Tín chỉ 2 - Chương 2,3	G1.4, G1.5, G1.6, G1.7, G1.8, G1.9, G2.5, G2.4,	10%
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ - Tự luận</b>			<b>50%</b>
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>	A2.1. Bài thi cuối kỳ - Thời gian: 120 phút - Hình thức: Tự luận - Nội dung: Toàn bộ học phần	G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G1.5, G1.6, G1.7, G1.8, G1.9, G2.3, G2.4, G2.5, G2.4	<b>40%</b>
	A2.2. Thực hành	G4.1,G4.2, G4.3, G4.4, G4.5	<b>10 %</b>

**6. Nội dung giảng dạy** (các nội dung giảng dạy lý thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CDR và các bài đánh giá môn học)

Nội dung (1)	CDR môn học (2)	Bài đánh giá (3)
<p><b>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÝ LUẬN GDTC CHO TRẺ MN</b></p> <p><b>1.1. Nhập môn môn học</b></p> <p><i>1.1.1. Các khái niệm cơ bản trong GDTC</i></p> <p><i>1.1.2. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của môn học</i></p> <p><i>1.1.3. Sự phát triển của hệ thống GDTC ở VN</i></p> <p><i>1.1.4. Mối quan hệ giữa GDTC với các môn khoa học khác</i></p> <p><b>1.2. Đặc điểm phát triển sinh lý- vận động của trẻ em lứa tuổi mầm non</b></p> <p><i>1.2.1. Đặc điểm phát triển sinh lý của trẻ mầm non</i></p> <p><i>1.2.2. Tốc độ tăng trưởng</i></p> <p><i>1.2.3. Hệ hô hấp</i></p> <p><i>1.2.3.1. Hệ thần kinh</i></p> <p><i>1.2.3.2. Hệ tuần hoàn</i></p> <p><i>1.2.3.3. Hệ vận động</i></p> <p><i>1.2.4. Đặc điểm phát triển vận động của trẻ mầm non</i></p> <p><i>1.2.4.1. Đặc điểm phát triển vận động của trẻ 0 - 1 tuổi</i></p> <p><i>1.2.4.2. Đặc điểm phát triển vận động của trẻ 1 - 2 tuổi</i></p> <p><i>1.2.4.3. Đặc điểm phát triển vận động của trẻ 2 - 3 tuổi</i></p> <p><i>1.2.4.4. Đặc điểm phát triển vận động của trẻ 3 - 4 tuổi</i></p> <p><i>1.2.4.5. Đặc điểm phát triển vận động của trẻ 4 - 5 tuổi</i></p> <p><i>1.2.4.6. Đặc điểm phát triển vận động của trẻ 5 - 6 tuổi</i></p> <p><b>1.3. Mục đích giáo dục thể chất mầm non</b></p> <p><i>1.3.1. Cơ sở để xác định mục đích GDTC mầm non</i></p> <p><i>1.3.2. Mục đích GDTC mầm non</i></p> <p><i>1.3.2.1 Mục đích GDTC chung</i></p> <p><i>1.3.2.2. Mục tiêu phát triển thể chất cho từng độ tuổi</i></p> <p><b>1.4. Nhiệm vụ giáo dục thể chất mầm non</b></p> <p><i>1.4.1. Nhiệm vụ bảo vệ sức khỏe</i></p> <p><i>1.4.2. Nhiệm vụ giáo dục</i></p> <p><i>1.4.3. Nhiệm vụ giáo dục</i></p> <p><b>1.5. Các nguyên tắc giáo dục thể chất mầm non</b></p> <p><i>1.5.1. Nguyên tắc toàn diện và hệ thống</i></p>	<p>G1.1; G1.2; G1.3; G1.4; G1.5</p>	<p>A1.2.1</p>

<p>1.5.2. Nguyên tắc vừa sức và giáo dục cá biệt</p> <p>1.5.3. Nguyên tắc trực quan kết hợp với lời nói và thực hành</p> <p>1.5.4. Nguyên tắc tích cực và tự giác</p> <p>1.5.5. Nguyên tắc phát triển</p> <p>1.5.6. Nguyên tắc đảm bảo an toàn trong tập luyện</p> <p>1.5.7. Nguyên tắc phối hợp các hình thức giảng dạy</p>		
<p><b>CHƯƠNG 2: NỘI DUNG GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ MẦM NON</b></p> <p><b>2.1. Nội dung giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ mầm non</b></p> <p><b>2.1.1. Nội dung khái quát</b></p> <p>2.1.1.1. Nhà trẻ</p> <p>2.1.1.2. Mẫu giáo</p> <p><b>2.1.2. Nội dung cụ thể</b></p> <p>2.1.2.1. Trẻ 12 - 24 tháng</p> <p>2.1.2.2. Trẻ 24 - 36 tháng</p> <p>2.1.2.3. Trẻ 3 - 4 tuổi</p> <p>2.1.2.4. Trẻ 4 - 5 tuổi</p> <p>2.1.2.5. Trẻ 5 - 6 tuổi</p> <p><b>2.2. Nội dung phát triển vận động</b></p> <p><b>2.2.1. Bài tập phát triển chung</b></p> <p>2.2.1.1. Khái niệm</p> <p>2.2.1.2. Đặc điểm</p> <p>2.2.1.3. Ý nghĩa</p> <p>2.2.1.4. Nội dung</p> <p><b>2.2.2. Bài tập vận động cơ bản</b></p> <p>2.2.2.1. Khái niệm</p> <p>2.2.2.2. Ý nghĩa</p> <p>2.2.2.3. Phân loại</p> <p>2.2.2.4. Nội dung</p> <p><b>2.2.3. Bài tập đội hình đội ngũ</b></p> <p>2.2.3.1. Khái niệm</p> <p>2.2.3.2. Ý nghĩa</p> <p>2.2.3.3. Nội dung</p> <p><b>2.2.4. Bài tập phát triển cơ bàn tay, ngón tay</b></p> <p>2.2.4.1. Khái niệm</p> <p>2.2.4.2. Ý nghĩa</p>	<p>G1.2;</p> <p>G1.4;</p> <p>G1.5</p>	<p>A1.2.2</p>

2.2.4.3. Nội dung		
<p><b>CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN GDTC CHO TRẺ MẦM NON</b></p> <p><b>3.1. Quy luật hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động và các giai đoạn giảng dạy vận động cho trẻ mầm non</b></p> <p>3.1.1. Khái niệm kỹ năng, kỹ xảo</p> <p>3.1.2. Quy luật hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động</p> <p>3.1.3. Các giai đoạn giảng dạy vận động cho trẻ mầm non</p> <p><b>3.2. Các phương pháp GDTC mầm non</b></p> <p><b>3.2.1. Cơ sở để phân loại các phương pháp GDTC</b></p> <p><b>3.2.2. Nhóm phương pháp trực quan</b></p> <p>3.2.2.1. Làm mẫu bài tập vận động</p> <p>3.2.2.2. Mô phỏng BTVĐ</p> <p>3.2.2.3. Sử dụng vật chuẩn thị giác và thính giác</p> <p>3.2.2.4. Sử dụng tài liệu trực quan</p> <p><b>3.2.3. Nhóm phương pháp dùng lời</b></p> <p>3.2.3.1. Gọi tên BTVĐ</p> <p>3.2.3.2. Miêu tả BTVĐ</p> <p>3.2.3.3. Phân tích BTVĐ</p> <p>3.2.3.4. Đàm thoại BTVĐ</p> <p>3.2.3.5. Chỉ dẫn BTVĐ</p> <p>3.2.3.6. Kể chuyện BTVĐ</p> <p><b>3.2.4. Nhóm phương pháp thực hành</b></p> <p>3.2.4.1. Luyện tập</p> <p>3.2.4.2. Thi đua</p> <p>3.2.4.3. Trò chơi</p> <p><b>3.3. Phương tiện GDTC MN</b></p> <p>3.3.1. Yếu tố vệ sinh</p> <p>3.3.2. Yếu tố thiên nhiên</p> <p>3.3.3. Bài tập thể chất</p>		A.1.1.2
<p><b>CHƯƠNG 4: CÁC HÌNH THỨC GDTC CHO TRẺ MN</b></p> <p><b>4.1. Hoạt động học phát triển vận động</b></p> <p>4.1.1. Hoạt động học phát triển vận động là hình thức cơ bản nhất</p> <p>4.1.2. Nội dung và cấu trúc HĐH</p> <p>4.1.3. Yêu cầu, chuẩn bị HĐH</p> <p>4.1.4. Phân loại và hướng dẫn HĐH</p> <p><b>4.2 Thể dục sáng</b></p>		A1.1.1

<p>4.2.1. Ý nghĩa, vai trò TDS</p> <p>4.2.2. Nội dung và cấu trúc TDS</p> <p>4.2.3. Hướng dẫn TDS</p> <p><b>4.3. Trò chơi vận động</b></p> <p>4.3.1. Khái niệm TCVD</p> <p>4.3.2. Ý nghĩa TCVD</p> <p>4.3.3. Phân loại TCVD</p> <p>4.3.4. Hướng dẫn TCVD</p> <p><b>4.4. Phút thể dục</b></p> <p><b>4.5. Đạo chơi, tham quan</b></p> <p><b>4.6. Hội khỏe</b></p> <p><b>4.7. Phát triển vận động ở mọi lúc mọi nơi</b></p>		
<p><b>CHƯƠNG 5: THỰC HÀNH CÁC NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC GDTC CHO TRẺ MN</b></p> <p>5.1.1. Thực hành các bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung</p> <p>5.1.2. Thực hành các bài tập vận động cơ bản</p> <p>5.1.3. Thực hành soạn giáo án trò chơi vận động và tập giảng</p> <p>5.1.4. Thực hành soạn giáo án thể dục sáng và tập giảng</p> <p>5.1.5. Thực hành soạn giáo án hoạt động học phát triển vận động và tập giảng</p>		A1.1.2

**Thực hành:**

<b>Nội dung (1)</b>	<b>CĐR môn học (Gx.x) (2)</b>	<b>Bài đánh giá (3)</b>
Bài thực hành 1: Thực hành tập bài tập đội hình đội ngũ, tập bài tập phát triển chung, trò chơi vận động		
Bài thực hành 2: Thực hành tập vận động cơ bản, thể dục sáng		
Bài thực hành 3: Thực hành soạn giáo án và tập dạy HĐH Bài mới		
Bài thực hành 4: Thực hành soạn giáo án và tập dạy HĐH Bài ôn luyện		
Bài thực hành 5: Thực hành soạn giáo án và tập dạy HĐH Bài Tổng hợp		

**7. Nguồn học liệu** (các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, ...)

▪ **Tài liệu chính**

[1] Đặng Hồng Phương, Giáo trình lí luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non, , NXB Đại học sư phạm năm 2008

[2] Nguyễn Thị Mỹ Trinh, Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ, NXB Đại học Vinh năm 2013

▪ **Tài liệu tham khảo**

[3] Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang, Giáo trình Tâm lý học đại cương, NXB Đại học Sư phạm, 2017.

[4] Nguyễn Ánh Tuyết, Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non, NXB ĐH Sư phạm năm, 2019

[5] Hoàng Thị Bưởi, *Phương pháp giáo dục thể chất trẻ em*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2001

[6] Phùng Thị Tường, *Trò chơi vận động và bài tập thể dục sáng*, NXB Giáo dục, 2009

[7] Đặng Hồng Phương, *Phương pháp hình thành kỹ năng vận động cho trẻ mầm non*, NXB Đại học Sư phạm, 2018.

[8] Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề, NXB Giáo dục Việt Nam, 2009

**8. Quy định của môn học**

Các quy định của môn học như:

- Sinh viên nộp Hồ sơ môn học theo yêu cầu.
- Sinh viên phải nộp bài tập/báo cáo,...
- Tỷ lệ thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp/thực hành.

**9. Phụ trách môn học**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa giáo dục/ Bộ môn Giáo dục mầm non
- Địa chỉ/email: [trannga.mn@gmail.com](mailto:trannga.mn@gmail.com)

**10. Ngày phê duyệt:** 10/4/2017

**11. Cấp phê duyệt :**

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ**

**1. Thông tin tổng quát**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: Trần Thị Hoàng Yến

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: yen.gdth@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ

**Giảng viên 2:**

**Họ và tên: Phan Xuân Phần**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Trường Thực hành sư phạm Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Trường Thực hành sư phạm Đại học Vinh

Điện thoại, email: phonhien@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ, Văn học và Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ; Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học

**1.2. Thông tin về môn học**

- Tên môn học (tiếng Việt): <b>Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ</b>	
- Tên môn học (tiếng Anh):	
- Mã số môn học: EDU 30041	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành
<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
<input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung	<input type="checkbox"/> Môn học đề án tốt nghiệp
- Số tín chỉ:	5 tín chỉ
+ Số tiết lý thuyết:	60
+ Số tiết thảo luận nhóm/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	15*1,5 = 22,5 tiết/nhóm sinh viên
+ Số tiết tự học:	150
- Môn học tiên quyết:	Tâm lý học giáo dục trẻ em, Giáo dục học mầm non
- Môn học song hành:	Các học phần Phương pháp trong chương trình đào tạo

## 2. Mô tả môn học

*Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo giáo viên ngành Giáo dục mầm non tiếp cận CDIO. Học phần giúp sinh viên có kiến thức, kỹ năng và các giá trị cần thiết để tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Đồng thời là cơ sở giúp sinh viên học tiếp các học phần như: Phát triển chương trình Giáo dục mầm non, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2, và các học phần Tự chọn.

Học phần này trang bị những kiến thức lí luận về Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ và rèn luyện cho sinh viên kỹ năng: thiết kế mục tiêu, nội dung; lựa chọn và phối hợp linh hoạt các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học; thiết kế và sử dụng các công cụ kiểm tra và đánh giá kết quả học tập *trong quá trình tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ*. Ngoài ra, học phần sẽ giúp sinh viên có ý thức tự trau dồi, rèn luyện những phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp thích ứng với môi trường giáo dục.

## 3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả (Goals description)	TĐ NL	Chuẩn đầu ra CTĐT
G1	Có kiến thức nền tảng quan trọng về những vấn đề lý luận và thực tiễn của hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.	3.5	1.3.2; 1.3.3
G2	Có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Ứng dụng lý thuyết phương pháp giáo dục mầm non hiện đại trong tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ. Ý thức phân đấu, phát triển nghề nghiệp.	3.0	2.1.1; 2.1.2; 2.1.3;
		3.0	2.4.1; 2.4.2; 2.4.3; 2.4.4; 2.4.6; 2.5.1
G3	Có kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả; giao tiếp và ứng xử phù hợp với môi trường nhà trường và xã hội.	3.0	3.1.1; 3.1.2;
		3.0	3.2.3; 3.2.3; 3.2.5
G4	Hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện, đánh giá các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ.	3.0	4.3.1; 4.3.2; 4.3.3; 4.3.4
		3.5	4.4.1; 4.4.3; 4.4.4; 4.5.1; 4.6.1

#### 4. Chuẩn đầu ra học phần

(Mô tả các chủ đề CDR cấp độ 2 của học phần và mức độ giảng dạy I, T, U)

Mục tiêu (Gx)	Mục tiêu (Gx.x)	Mô tả CDR	Mức độ giảng dạy
<b>Kiến thức lập luận ngành</b>			
<b>G1</b>	<b>G1.1</b>	Phân tích, giải thích được các khái niệm về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ; đối tượng; mục đích nghiên cứu của bộ môn PPPTNN cho trẻ.	I, T
	<b>G1.2</b>	Phân tích mối liên hệ giữa phương pháp phát triển ngôn ngữ với các khoa học khác; vai trò của ngôn ngữ; các yếu tố ảnh hưởng quá trình học nói của trẻ; các lý thuyết về sự phát triển ngôn ngữ của trẻ.	I, T
	<b>G1.3</b>	Phân tích đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non.	T, U
	<b>G1.4</b>	Phân tích được nhiệm vụ, nội dung phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non.	T, U
	<b>G1.5</b>	Phân tích được các phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.	T, U
	<b>G1.6</b>	Phân tích được các hình thức tổ chức dạy học các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.	T, U
	<b>G1.7</b>	Phân tích yêu cầu và nội dung xây dựng môi trường phát triển ngôn ngữ cho trẻ	T, U
	<b>G1.8</b>	Phân tích được khái niệm, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động luyện phát âm cho trẻ.	T, U
	<b>G1.9</b>	Phân tích được khái niệm, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học các hoạt động phát triển vốn từ cho trẻ.	T, U
	<b>G1.10</b>	Phân tích được khái niệm, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học các hoạt động dạy trẻ nói câu đúng.	T, U
	<b>G1.11</b>	Phân tích được khái niệm, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học các hoạt động phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ.	T, U
	<b>G1.12</b>	Phân tích được khái niệm, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học các hoạt động dạy trẻ làm quen chữ viết.	T, U
	<b>G1.13</b>	Phân tích được cách thức thiết kế các hoạt động và phương pháp tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ.	T, U

<b>Kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân</b>			
<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	Phát hiện, phân tích và giải quyết được những vấn đề nảy sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ.	I, U
	<b>G2.2</b>	Vận dụng được lí luận dạy học hiện đại để đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục mầm non trong các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ.	T, U
	<b>G2.3</b>	Vận dụng được lí luận chung về ngôn ngữ tiếng Việt, văn học thiếu nhi, tâm lí học mầm non, giáo dục học mầm non ... nhằm xác định mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ.	T, U
	<b>G2.4</b>	Tìm hiểu, nghiên cứu các tài liệu về việc tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non.	I, U
	<b>G2.5</b>	Vận dụng kiến thức về lí luận và thực tiễn trong giáo dục mầm non vào việc lập kế hoạch, thiết kế, tổ chức và đánh giá các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ.	I, U
	<b>G2.6</b>	Nhận thức được tầm quan trọng của ý thức tự giác, nghiêm túc trong học tập	I, U
	<b>G2.7</b>	Tích cực tự giác tu dưỡng phẩm chất cá nhân, phát triển kỹ năng nghề nghiệp	I, U
<b>Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm</b>			
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Áp dụng kỹ năng làm việc nhóm nhằm thực hiện các nhiệm vụ học tập và thực hành bộ môn có hiệu quả.	I, U
	<b>G3.2</b>	Thu thập tài liệu, tự tin thuyết trình trước đám đông.	I, U
	<b>G3.3</b>	Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong soạn thảo tài liệu, giáo án bài giảng, có khả năng thiết kế đồ dùng dạy học phù hợp với bộ môn.	I, T, U
	<b>G3.4</b>	Thực hành kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm phù hợp với môi trường nhà trường và ngoài xã hội.	I, U
<b>Năng lực thực hành nghề nghiệp</b>			
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Hiểu được sứ mạng, mục tiêu và nhiệm vụ của nhà trường mầm non trong lĩnh vực giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ.	I, U
	<b>G4.2</b>	Xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện thực hiện chương trình giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ.	I, U
	<b>G4.3</b>	Lập được kế hoạch dạy học các loại bài, loại tiết thuộc lĩnh vực giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non.	U
	<b>G4.4</b>	Vận dụng được những vấn đề lí luận, thực tiễn khoa học và hiện đại về nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục vào quá trình thực hiện các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ.	U
	<b>G4.5</b>	Đánh giá các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ.	U

## 5. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR học phần (Gx.x)	Tỷ lệ (%)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</b>			<b>10%</b>
Chuyên cần, Thái độ học tập	A1.1.1. Chuyên cần Số buổi tham gia học theo quy định	G2.6; G2.7	5%
	A1.1.2. Tinh thần, thái độ học tập - Đi học đúng giờ - Tích cực hoạt động học tập cá nhân và hợp tác nhóm - Phát biểu, xây dựng bài học		5%
<b>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</b>			<b>20%</b>
Bài tập, bài thu hoạch	A1.2.1. Hồ sơ cá nhân - Vở bài tập tự học cá nhân - Bài tập cá nhân: lập kế hoạch, soạn giáo án	G3.1; G3.2	5%
Hoạt động nhóm, thảo luận	A1.2.2. Hồ sơ hoạt động nhóm Báo cáo bài tập nhóm; báo cáo kết quả thảo luận; Phiếu tự đánh giá Thực hành theo nhóm	G3.1; G3.2	5%
Thực hành	A1.2.3. Tập giảng tại lớp	G1.1 - G1.13	10%
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ): TNKQ</b>			<b>20%</b>
Kiểm tra định kỳ lần 1	A1.3.1. Bài kiểm tra giữa kỳ - Thời gian: 40 phút - Hình thức: Trắc nghiệm - Nội dung: Tín chỉ 1, 2 (Chương 1, 2, 3)	G1.1 - G1.7	10%
Kiểm tra định kỳ lần 2	A1.3.2. Bài kiểm tra giữa kỳ - Thời gian: 40 phút - Hình thức: Trắc nghiệm - Nội dung: Tín chỉ 2, 3 (Chương 4, 5, 6)	G1.8 - G1.13	10%
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần): Tự luận</b>			<b>50%</b>
<b>Đánh giá cuối kỳ</b>	- Thời gian: 120 phút - Hình thức: Tự luận - Nội dung: Tất cả các chương (từ chương 1 đến chương 8)	G1.1- G1.13; G2.1 - G2.7; G3.1 - G3.4; G4.1 - G4.5	50%

## 6. Nội dung giảng dạy

### 6.1. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Chuẩn đầu ra HP	Bài đánh giá
<b>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BỘ MÔN PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ</b> 1.1. Khái niệm PPPTNN 1.2. Đối tượng nghiên cứu của bộ môn PPPTNN 1.3. Sơ lược quá trình hình thành, xây dựng bộ môn PPPTNN 1.4. Mối liên hệ giữa bộ môn PPPTNN và các khoa học khác 1.5. Vai trò của ngôn ngữ đối với sự phát triển trẻ em 1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình học nói của trẻ 1.7. Các lý thuyết về sự phát triển ngôn ngữ của trẻ 1.8. Các chức năng ngôn ngữ của trẻ	G1.1 G1.2 G2.1 G3.1 G3.2 G3.4	A1.1.1; A1.1.2; A1.2.1; A1.2.2; A1.3.1; A2
<b>CHƯƠNG 2. ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CỦA TRẺ</b> 2.1. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ nói của trẻ 2.1.1. Thời kì tiền ngôn ngữ (0 - 12 tháng) 2.1.2. Thời kì ngôn ngữ ngôn ngữ (1 - 6 tuổi) 2.2. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ viết cho trẻ 2.2.1. Đặc điểm phát triển kĩ năng đọc của trẻ 2.2.2. Đặc điểm phát triển kĩ năng viết của trẻ	G1.3 G2.1 G3.1 G3.2 G3.4	A1.1.1; A1.1.2; A1.2.1; A1.2.2; A1.3.1; A2
<b>CHƯƠNG 3: NHIỆM VỤ, PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ</b> <b>3.1. Nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ</b> 3.1.1. Nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ 3.1.1.1. Nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ 3.1.1.2. Nội dung phát triển ngôn ngữ cho trẻ 3.1.1.3. Nội dung chương trình giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ <b>3.2. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ</b> 3.2.1. Phương pháp trực quan 3.2.2. Phương pháp dùng lời 3.2.3. Phương pháp thực hành <b>3.3. Hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ</b> 3.3.1. Phát triển ngôn ngữ thông qua hoạt động học 3.3.2. Phát triển ngôn ngữ thông qua hoạt động vui chơi, sinh hoạt khác	G1.4 G1.5 G1.6 G1.7 G2.1 G2.2 G2.3 G2.4 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2	A1.1.1; A1.1.2; A1.2.1; A1.2.2; A1.3.1; A2

<p><b>3.4. Xây dựng môi trường ngôn ngữ cho trẻ trong trường mầm non</b></p> <p>3.4.1. Xây dựng môi trường vật chất</p> <p>3.4.2. Xây dựng môi trường tâm lý</p>		
<p><b>CHƯƠNG 4: PHƯƠNG PHÁP LUYỆN PHÁT ÂM CHO TRẺ</b></p> <p><b>4.1. Khái niệm phương pháp luyện phát âm cho trẻ</b></p> <p><b>4.2. Đặc điểm ngữ âm của trẻ từ 0 - 6 tuổi</b></p> <p>4.2.1. Đặc điểm nghe của trẻ</p> <p>4.2.2. Đặc điểm phát âm của trẻ</p> <p><b>4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng phát âm của trẻ</b></p> <p><b>4.4. Nội dung luyện phát âm cho trẻ từ 0 - 6 tuổi</b></p> <p>4.4.1. Nội dung luyện phát âm cho trẻ giai đoạn tiền ngôn ngữ (0 - 12 tháng)</p> <p>4.4.2. Nội dung luyện phát âm cho trẻ giai đoạn ngôn ngữ chính thức (1 - 6 tuổi)</p> <p><b>4.5. Phương pháp luyện phát âm cho trẻ</b></p> <p>4.4.1. Phương pháp luyện phát âm giai đoạn tiền ngôn ngữ (0 - 12 tháng)</p> <p>4.5.2. Phương pháp luyện phát âm cho trẻ giai đoạn ngôn ngữ chính thức (1- 6 tuổi)</p> <p><b>4.6. Hình thức luyện phát âm cho trẻ</b></p> <p>4.6.1. Luyện phát âm qua hoạt động giáo dục có chủ định</p> <p>4.6.2. Luyện phát âm qua hoạt động chơi, trải nghiệm, lễ hội, sinh hoạt khác</p>	<p>G1.8</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>G2.3</p> <p>G2.4</p> <p>G2.5</p> <p>G2.6</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p> <p>G4.1</p> <p>G4.2</p>	<p>A1.1.1;</p> <p>A1.1.2;</p> <p>A1.2.1;</p> <p>A1.2.2;</p> <p>A1.3.1;</p> <p>A1.3.2</p> <p>A2</p>
<p><b>CHƯƠNG 5. PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN VỐN TỪ CHO TRẺ</b></p> <p><b>5.1. Khái niệm phương pháp phát triển vốn từ cho trẻ</b></p> <p><b>5.2. Đặc điểm phát triển vốn từ của trẻ</b></p> <p>5.2.1. Về số lượng</p> <p>5.2.2. Về cơ cấu từ loại</p> <p>5.2.3. Về khả năng hiểu nghĩa từ</p> <p><b>5.3. Nhiệm vụ phát triển vốn từ cho trẻ</b></p> <p>5.3.1. Làm giàu vốn từ cho trẻ</p> <p>5.3.2. Củng cố, chính xác hóa vốn từ cho trẻ</p> <p>5.3.3. Tích cực hóa vốn từ cho trẻ</p> <p><b>5.4. Nội dung vốn từ cần cung cấp cho trẻ theo độ tuổi</b></p> <p>5.4.1. Nguyên tắc cung cấp vốn từ cho trẻ</p>	<p>G1.9</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>G2.3</p> <p>G2.4</p> <p>G2.5</p> <p>G2.6</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p> <p>G4.1</p> <p>G4.2</p> <p>G4.3</p>	<p>A1.1.1;</p> <p>A1.1.2;</p> <p>A1.2.1;</p> <p>A1.2.2;</p> <p>A1.3.1;</p> <p>A1.3.2</p> <p>A2</p>

<p>5.4.2. Nội dung vốn từ cần cung cấp cho trẻ</p> <p>5.4.2.1. Nội dung vốn từ cần cung cấp cho trẻ 0 - 3 tuổi</p> <p>5.4.2.2. Nội dung vốn từ cần cung cấp cho trẻ 3 - 6 tuổi</p> <p><b>5.5. Phương pháp phát triển vốn từ cho trẻ</b></p> <p>5.5.1. Phương pháp trực quan</p> <p>5.5.2. Phương pháp dùng lời</p> <p>5.5.3. Phương pháp thực hành</p> <p><b>5.6. Hình thức phát triển vốn từ cho trẻ</b></p> <p>5.6.1. Phát triển vốn từ cho trẻ qua hoạt động giáo dục có chủ định</p> <p>5.6.2. Phát triển vốn từ cho trẻ qua hoạt động chơi, trải nghiệm, sinh hoạt khác</p>		
<p><b>CHƯƠNG 6. PHƯƠNG PHÁP DẠY TRẺ NÓI ĐÚNG CÂU</b></p> <p><b>6.1. Khái niệm phương pháp dạy trẻ nói đúng câu</b></p> <p><b>6.2. Đặc điểm câu nói của trẻ từ 1 - 6 tuổi</b></p> <p>6.2.1. Đặc điểm câu nói của trẻ xét về cấu tạo ngữ pháp</p> <p>6.2.2. Đặc điểm câu nói của trẻ xét về mục đích phát ngôn</p> <p><b>6.3. Nội dung dạy trẻ nói câu đúng</b></p> <p><b>6.4. Phương pháp dạy trẻ nói câu đúng</b></p> <p>6.4.1. Làm mẫu</p> <p>6.4.2. Trò chuyện, đàm thoại</p> <p>6.4.3. Trò chơi</p> <p>6.4.4. Đọc thơ</p> <p>6.4.5. Kể chuyện</p> <p><b>6.5. Hình thức dạy trẻ nói đúng câu</b></p> <p>6.5.1. Dạy trẻ nói đúng câu qua hoạt động giáo dục có chủ định</p> <p>6.5.2. Dạy trẻ nói đúng câu qua các hoạt động chơi, trải nghiệm và sinh hoạt khác.</p>	<p>G1.10</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>G2.3</p> <p>G2.4</p> <p>G2.5</p> <p>G2.6</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p> <p>G4.1</p> <p>G4.2</p> <p>G4.3</p>	<p>A1.1.1;</p> <p>A1.1.2;</p> <p>A1.2.1;</p> <p>A1.2.2;</p> <p>A1.3.1;</p> <p>A1.3.2</p> <p>A2</p>
<p><b>CHƯƠNG 7. PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ MẠCH LẠC CHO TRẺ</b></p> <p><b>7.1. Khái niệm ngôn ngữ mạch lạc và phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ</b></p> <p><b>7.2. Các kiểu ngôn ngữ mạch lạc của trẻ</b></p> <p>7.2.1. Ngôn ngữ hội thoại</p> <p>7.2.2. Ngôn ngữ độc thoại</p> <p><b>7.3. Đặc điểm ngôn ngữ mạch lạc của trẻ</b></p> <p><b>7.4. Nhiệm vụ, nội dung phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ</b></p> <p>7.4.1. Nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ</p> <p>7.4.2. Nội dung phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ</p>	<p>G1.11</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>G2.3</p> <p>G2.4</p> <p>G2.5</p> <p>G2.6</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p>	<p>A1.1.1;</p> <p>A1.1.2;</p> <p>A1.2.1;</p> <p>A1.2.2;</p> <p>A1.3.1;</p> <p>A1.3.2</p> <p>A2</p>

<p><b>7.5. Phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ</b>  7.5.1. Phương pháp phát triển ngôn ngữ hội thoại  7.5.1.1. Trò chuyện  7.5.1.2. Đàm thoại  7.5.1.3. Trò chơi (phân vai, đóng kịch)  7.5.2. Phương pháp phát triển ngôn ngữ độc thoại  7.5.2.1. Dạy trẻ kể lại chuyện  7.5.2.2. Dạy trẻ kể chuyện  <b>7.6. Các hoạt động phát triển kĩ năng ngôn ngữ nói mạch lạc cho trẻ</b>  7.6.1. Nói từ và câu  7.6.2. Nói kinh nghiệm, suy nghĩ, cảm xúc cá nhân  7.6.3. Nói bằng thái độ nghiêm túc và phù hợp với tình huống</p>	<p>G4.1  G4.2  G4.3</p>	
<p align="center"><b>CHƯƠNG 8. PHƯƠNG PHÁP DẠY TRẺ LÀM QUEN CHỮ VIẾT</b></p> <p><b>8.1. Ý nghĩa, nhiệm vụ của việc dạy trẻ làm quen chữ viết</b>  <b>8.2. Cơ sở xây dựng chương trình dạy trẻ làm quen chữ viết</b>  8.2.1. Cơ sở tâm lí học  8.2.2. Cơ sở ngôn ngữ học  8.2.3. Cơ sở thực tiễn  <b>8.3. Yêu cầu, nội dung chương trình dạy trẻ làm quen chữ viết</b>  8.3.1. Yêu cầu  8.3.2. Nội dung chương trình  <b>8.4. Phương pháp dạy trẻ làm quen chữ viết</b>  8.4.1. Phương pháp tổ chức hoạt động dạy trẻ làm quen chữ cái  8.4.2. Phương pháp tổ chức hoạt động trò chơi chữ cái  8.4.3. Phương pháp tổ chức hoạt động tập tô chữ cái</p>	<p>G1.12  G2.1  G2.2  G2.3  G2.4  G2.5  G2.6  G3.1  G3.2  G4.1  G4.2  G4.3</p>	<p>A1.1.1;  A1.1.2;  A1.2.1;  A1.2.2;  A1.3.1;  A1.3.2  A2</p>
<p align="center"><b>CHƯƠNG 9. THỰC HÀNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ</b></p> <p>9.1. Thực hành tập giảng hoạt động Nhận biết tập nói  9.2. Thực hành tập giảng hoạt động Làm quen chữ cái  9.3. Thực hành tập giảng hoạt động Trò chơi chữ cái  9.4. Thực hành tập giảng hoạt động Tập tô chữ cái  9.5. Thực hành tập giảng hoạt động Dạy trẻ kể lại chuyện</p>	<p>G1 - G12  G2.1  G2.2  G2.3  G2.4  G2.5  G2.6  G3.1  G3.2  G4.1  G4.2  G4.3  G4.4  G4.5</p>	<p>A1.1.1;  A1.1.2;  A1.2.1;  A1.2.2;  A1.2.3;  A1.3.1;  A1.3.2  A2</p>

## 6.2. Kế hoạch giảng dạy

Tuần / Block(1)	Nội dung (2)	Phương tiện dạy học hỗ trợ	Kế hoạch giảng dạy/ hình thức tổ chức dạy học	Nội dung sinh viên tự học và sản phẩm tự học	Kiểm tra đánh giá
<b>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BỘ MÔN PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ</b>					
<b>Tuần 1/ Block 1 3 tiết</b>	<p><b>* Mục tiêu:</b></p> <p>+ Phân tích, giải thích được những vấn đề chung về bộ môn PPPTNN cho trẻ</p> <p>+ Hứng thú, nghiêm túc với việc tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu về vấn đề PTNN cho trẻ</p>				
	<p>1.1. Khái niệm PPPTNN</p> <p>1.2. Đối tượng nghiên cứu của bộ môn PPPTNN</p> <p>1.3. Sơ lược quá trình hình thành, xây dựng bộ môn PPPTNN</p> <p>1.4. Mối liên hệ giữa bộ môn PPPTNN và các khoa học khác</p>	<p>Máy chiếu</p> <p>Giấy A4</p> <p>Bút viết</p> <p>Khai thác thông tin qua mạng internet</p> <p>Tương tác qua hệ thống LMS</p>	<p><b>* Giảng lý thuyết:</b></p> <p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide nội dung: 1.1; 1.2; 1.3; 1.4</p> <p>- Phát vấn:</p> <p>1. <i>Khái niệm PPPTNN?</i></p> <p>2. <i>Đối tượng NC của bộ môn?</i></p> <p>3. <i>Mối liên hệ giữa bộ môn PPPTNN với các khoa học khác?</i></p> <p><b>* Tự học</b> (Giao bài tập về nhà):</p> <p>1. <i>Vai trò của ngôn ngữ đối với sự phát triển trẻ em</i></p> <p>2. <i>Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình học nói của trẻ</i></p> <p>3. <i>Các lý thuyết về sự phát triển</i></p>	<p>1. Đọc Giáo trình và TLTK trước khi lên lớp.</p> <p>2. Làm bài tập vào vở tự học (câu 1, 2, 3).</p>	<p>A1.1.1</p> <p>A1.1.2</p> <p>A1.2.1</p> <p>A1.2.2</p> <p>A1.3.1</p> <p>A2</p>

			<i>ngôn ngữ của trẻ.</i>		
<b>Tuần 1/Block 2 3 tiết</b>	<p><b>* Mục tiêu:</b></p> <p>+ Phân tích, giải thích được những vấn đề chung về bộ môn PPPTNN cho trẻ</p> <p>+ Hứng thú, nghiêm túc với việc tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu về vấn đề PTNN cho trẻ</p>				
	<p>1.5. Vai trò của ngôn ngữ đối với sự phát triển trẻ em</p> <p>1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình học nói của trẻ</p> <p>1.7. Các lý thuyết về sự phát triển ngôn ngữ của trẻ</p> <p>1.8. Các chức năng ngôn ngữ của trẻ</p>	<p>Máy chiếu</p> <p>Giấy A4</p> <p>Bút viết</p> <p>Tương tác qua hệ thống LMS</p>	<p><b>* Giảng lý thuyết:</b></p> <p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</p> <p>- Lý thuyết: 1.5; 1.6; 1.7.</p> <p>- Phát vấn:</p> <p>1. <i>Vai trò của ngôn ngữ đối với sự phát triển trẻ em?</i></p> <p>2. <i>Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình học nói của trẻ?</i></p> <p><b>*Thảo luận nhóm:</b></p> <p><i>Các lý thuyết về sự phát triển ngôn ngữ của trẻ.</i></p> <p><b>* Tự học</b> (giao bài tập về nhà):</p> <p>1. <i>Đặc điểm phát triển ngôn ngữ nói của trẻ</i></p> <p>2. <i>Đặc điểm phát triển ngôn ngữ viết cho trẻ</i></p>	<p>1. Đọc Giáo trình và TLTK trước khi lên lớp.</p> <p>2. Làm bài tập vào vở tự học (câu 1, câu 2)</p> <p>3. Đại diện các nhóm gửi bài thảo luận qua hệ thống LMS (Câu 1 và câu 2)</p>	<p>A1.1.1</p> <p>A1.1.2</p> <p>A1.2.1</p> <p>A1.2.2</p> <p>A1.3.1</p> <p>A2</p>

## CHƯƠNG 2. ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CỦA TRẺ

<b>Tuần</b> 2/ <b>Block 3</b> <b>3 tiết</b>	<p><b>* Mục tiêu:</b></p> <p>+ Phân tích được đặc điểm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết của trẻ;</p> <p>+ Có khả năng tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu về khả năng ngôn ngữ nói và viết của trẻ;</p> <p>+ Tham gia tích cực hoạt động thảo luận nhóm ở nhà và ở lớp</p>				
2.1. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ nói của trẻ  2.2. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ viết cho trẻ	Máy chiếu Giấy A4 Bút viết  Khai thác thông tin qua mạng internet Tương tác qua hệ thống LMS	<p><b>* Giảng lý thuyết:</b></p> <p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide nội dung 2.1; 2.2</p> <p>- Phát vấn:</p> <p>1. <i>Đặc điểm phát triển ngôn ngữ nói của trẻ?</i></p> <p>2. <i>Đặc điểm phát triển ngôn ngữ viết cho trẻ?</i></p> <p><b>* Tự học</b> (Giao bài tập về nhà):</p> <p>1. <i>Nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ và nội dung chương trình phát triển ngôn ngữ cho trẻ theo Chương trình GDMN.</i></p>	<p>* Đọc Giáo trình và TLTK trước khi lên lớp.</p> <p>2. Làm bài tập vào vở tự học (câu 1).</p> <p>3. Chuẩn bị nội dung thảo luận nhóm tại lớp: <i>Các lý thuyết về sự phát triển ngôn ngữ của trẻ</i></p>	A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A1.3.1 A2	
<b>CHƯƠNG 3. NHIỆM VỤ, PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ</b>					
<b>Tuần</b> 2/	<p><b>* Mục tiêu:</b></p> <p>+ Phân tích được nhiệm vụ PTNN và nội dung PTTN cho trẻ trong chương trình GDMN.</p>				

<b>Block 4</b> <b>3 tiết</b>	+ Có khả năng tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu về nội dung trên.				
	+ Tham gia tích cực hoạt động thảo luận nhóm ở nhà và ở lớp.				
3.1. Nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ	Máy chiếu Giấy A4 Bút viết Khai thác thông tin qua mạng internet Tương tác qua hệ thống LMS.	* <b>Giảng lý thuyết:</b> - Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide nội dung: 3.1. - Phát vấn: <i>1. Nhiệm vụ PTNN cho trẻ.</i> <i>2. Nội dung PTNN cho trẻ.</i> <b>* Thảo luận:</b> Các nhóm trình bày nội dung: <i>Nội dung chương trình giáo dục PTNN cho trẻ.</i> <b>* Tự học (Giao bài tập về nhà):</b> <i>1. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ.</i>	1. Đọc Giáo trình và TLTK trước khi lên lớp. 2. Làm bài tập vào vở tự học (câu 1). 3. Chuẩn bị nội dung thảo luận tại lớp: <i>Nội dung chương trình giáo dục PTNN cho trẻ.</i>	A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A1.3.1 A2	
<b>Tuần 3/</b> <b>Block 5</b> <b>3 tiết</b>	* <b>Mục tiêu:</b> + Phân tích được các phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ. + Có khả năng tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu về nội dung trên. + Tham gia tích cực hoạt động thảo luận nhóm ở nhà và ở lớp.				
3.2. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ	Máy chiếu Giấy A4 Bút viết Khai thác thông tin qua mạng internet Tương tác	* <b>Giảng lý thuyết:</b> - Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide nội dung: 3.2 - Phát vấn:	1. Đọc Giáo trình và TLTK trước khi lên lớp 2. Làm bài tập vào vở tự học (câu 1, câu 2).	A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A1.3.1 A2	

		qua hệ thống LMS	<p>1. <i>Khái niệm PP trực quan? Nêu các PP trực quan nhằm PTNN cho trẻ?</i></p> <p>2. <i>Khái niệm PP dùng lời? Nêu các PP dùng lời nhằm PTNN cho trẻ</i></p> <p>3. <i>Khái niệm PP thực hành? Nêu các PP thực hành nhằm PTNN cho trẻ</i></p> <p><b>* Thảo luận tại lớp:</b> Vận dụng các PP PPNN cho trẻ vào việc hình thành 01 ý tưởng cho hoạt động giáo dục trẻ ở trường MN.</p> <p><b>* Tự học</b> (Giao bài tập về nhà)</p> <p>1. <i>Hình thức PTNN cho trẻ</i></p> <p>2. <i>Sưu tầm 01 giáo án tổ chức hoạt động giáo dục thuộc lĩnh vực PPNN cho trẻ (Thơ/truyện/ Nhận biết tập nói ...</i></p>		
<b>Tuần 3/Block 6</b>	<p><b>* Mục tiêu:</b></p> <p>+ Xác định được các hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ.</p> <p>+ Có khả năng tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu về nội dung trên.</p>				

<b>3 tiết</b>	+ Tham gia tích cực hoạt động thảo luận nhóm ở nhà và ở lớp.				
	3.3. Hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ	Máy chiếu Giấy A4 Bút viết Khai thác thông tin qua mạng internet  Tương tác qua hệ thống LMS	* <b>Giảng lý thuyết:</b> - Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide nội dung: 3.3. - Phát vấn: <i>1.Hình thức PTNN là gì?</i> <i>2.Nêu các hình thức PTNN cho trẻ theo các độ tuổi (Nhà trẻ, mẫu giáo).</i> <b>*Thảo luận nhóm:</b> <i>1.Từ giáo án đã tìm hiểu, anh/chị hãy nêu những hiểu biết về hình thức được sử dụng trong hoạt động đó.</i> <b>* Tự học</b> (Giao bài tập về nhà): <i>1.Tìm hiểu yêu cầu và nội dung xây dựng môi trường PTNN cho trẻ.</i>	1. Đọc Giáo trình và TLTK trước khi lên lớp. 2. Làm bài tập tự học vào vở tự học (câu 1) 3.Chuẩn bị nội dung và tham gia thảo luận nhóm.	A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A1.3.1 A2
<b>Tuần 4/ Block 7 3 tiết</b>	* <b>Mục tiêu:</b> + Xác định và phân tích được yêu cầu và nội dung xây dựng môi trường PPNN cho trẻ + Có khả năng tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu về nội dung trên + Mạnh dạn, tự tin trình bày vấn đề được phát vấn và trình bày bằng văn bản.				

	<p>3.4. Xây dựng môi trường phát triển ngôn ngữ cho trẻ</p>	<p>Máy chiếu Giấy A4 Bút viết Khai thác thông tin qua giáo trình, tài liệu tham khảo và internet.</p>	<p><b>* Giảng lý thuyết:</b> - Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide nội dung: 3.4 - Phát vấn: 1. <i>Nêu yêu cầu xây dựng môi trường PTNN cho trẻ.</i> 2. <i>Nêu nội dung xây dựng môi trường PTNN cho trẻ.</i> <b>* Tự học</b> (Giao bài tập về nhà): 1. <i>Đề xuất một số biện pháp xây dựng môi trường PTNN cho trẻ.</i> 2. <i>Tìm hiểu một số vấn đề chung về phương pháp luyện phát âm cho trẻ: khái niệm, đặc điểm phát âm của trẻ, các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng phát âm của trẻ.</i></p>	<p>1. Đọc Giáo trình và TLTK trước khi lên lớp 2. Làm bài tập tự học vào vở tự học (câu 1, câu 2).</p>	<p>A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A1.3.1 A2</p>
<p><b>CHƯƠNG 4. PHƯƠNG PHÁP LUYỆN PHÁT ÂM CHO TRẺ</b></p>					

<p><b>Tuần</b> 4/ <b>Block 8</b> <b>3 tiết</b></p>	<p><b>* Mục tiêu:</b> + Xác định và phân tích các vấn đề chung về PP luyện phát âm cho trẻ + Có khả năng tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu về nội dung trên. + Mạnh dạn, tự tin trình bày vấn đề được phát vấn và trình bày bằng văn bản.</p>				
	<p>4.1. Khái niệm PP luyện phát âm cho trẻ 4.2. Đặc điểm ngữ âm của trẻ từ 0 - 6 tuổi 4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng phát âm của trẻ</p>	<p>Máy chiếu Giấy A4 Bút viết  Khai thác thông tin qua mạng internet  Tương tác qua hệ thống LMS</p>	<p><b>* Giảng lý thuyết:</b> - Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide các nội dung: 4.1; 4.2; 4.3. - Phát vấn: 1. <i>Khái niệm PP luyện phát âm cho trẻ.</i> 2. <i>Trình bày đặc điểm ngữ âm của trẻ.</i> <b>*Thảo luận nhóm:</b> 1. <i>Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát âm của trẻ.</i> <b>* Tự học</b> (Giao bài tập về nhà): 1. <i>Hãy chỉ rõ yếu tố nào đóng vai trò quan trọng nhất đối với việc học nói của trẻ?</i> 2. <i>Tìm hiểu nội dung luyện phát âm cho trẻ.</i> 3. <i>Tìm hiểu phương pháp luyện phát âm cho trẻ.</i></p>	<p>1. Đọc Giáo trình và TLTK trước khi lên lớp 2. Làm bài tập tự học vào vở tự học (câu 1, câu 2, câu 3). 3. Chuẩn bị nội dung và thảo luận ở lớp: Các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát âm của trẻ?</p>	<p>A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A1.3.1 A1.3.2 A2</p>

<b>Tuần</b> <b>5/</b> <b>Block 9</b> <b>3 tiết</b>	* <i>Mục tiêu:</i> + Xác định và phân tích nội dung, PP luyện phát âm cho trẻ; + Có khả năng tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu về nội dung trên. + Mạnh dạn, tự tin trình bày vấn đề được phát vấn và trình bày bằng văn bản.				
	4.4. Nội dung luyện phát âm cho trẻ từ 0 - 6 tuổi  4.5. Phương pháp luyện phát âm cho trẻ	Máy chiếu Giấy A4 Bút viết  Khai thác thông tin ở giáo trình, TLTK, internet  Tương tác qua hệ thống LMS	* <b>Giảng lý thuyết:</b> - Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide các nội dung: 4.4; 4.5. - Phát vấn: 1. <i>Trình bày nội dung luyện phát âm cho trẻ giai đoạn 0 - 12 tháng tuổi.</i> 2. <i>Trình bày nội dung luyện phát âm cho trẻ giai đoạn 1 - 6 tuổi.</i> * <b>Thảo luận nhóm:</b> SV báo cáo slide các nội dung: 1. <i>Trình bày PP luyện phát âm cho trẻ giai đoạn 0 - 12 tháng tuổi.</i> 2. <i>Trình bày PP luyện phát âm cho trẻ từ 1 - 6 tuổi.</i> * <b>Tự học</b> (Giao bài tập về nhà): 1. <i>Các hình thức luyện phát âm cho trẻ.</i>	1. Đọc Giáo trình và TLTK trước khi lên lớp 2. Làm bài tập tự học vào vở (câu 1, câu 2). 3. Chuẩn bị nội dung và tham gia thảo luận nhóm (Câu 1, câu 2).	A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A1.3.1 A1.3.2 A2

			2. <i>Tìm hiểu một giáo án Phát triển ngôn ngữ cho trẻ nhằm luyện phát âm.</i>		
<b>Tuần 5/ Block 10 3 tiết</b>	<p><b>* Mục tiêu:</b></p> <p>+ Xác định được các hình thức luyện phát âm cho trẻ và phương pháp tổ chức các hoạt động luyện phát âm cho trẻ từ 0 - 6 tuổi ở trường mầm non.</p> <p>+ Có khả năng tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu về nội dung trên.</p> <p>+ Mạnh dạn, tự tin trình bày vấn đề được phát vấn, thảo luận và bằng văn bản.</p>				
4.6. Hình thức luyện phát âm cho trẻ	Máy chiếu Giấy A4 Bút viết	<b>* Giảng lý thuyết:</b> - Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide nội dung	1. Đọc Giáo trình và TLTK trước khi lên lớp.	A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1	
4.6.1. Luyện phát âm qua hoạt động giáo dục có chủ định	Khai thác thông tin qua giáo trình, TLTK	4.6. - Phát vấn: 1. Các hình thức luyện phát âm cho trẻ.	2. Làm bài tập tự học vào vở (câu 1, câu 2).	A1.2.2 A1.3.1 A1.3.2	
4.6.2. Luyện phát âm qua hoạt động chơi, trải nghiệm, lễ hội, sinh hoạt khác	internet Tương tác qua hệ thống LMS	<b>* Thảo luận:</b> Tổ chức cho SV thảo luận về giáo án đã tìm hiểu ở nhà (Mục đích yêu cầu, chuẩn bị, phương pháp, hình thức tổ chức). <b>* Tự học (giao bài tập về nhà):</b> 1. Đặc điểm PT vốn từ cho trẻ. 2. Nhiệm vụ PT vốn từ cho trẻ. 3. Nội dung vốn từ cần cung cấp cho trẻ.	3. Tham gia chuẩn bị nội dung và thảo luận ở nhà và ở lớp;	A2	

**CHƯƠNG 5. PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN VỐN TỪ CHO TRẺ**

<p><b>Tuần</b> <b>6/</b> <b>Block</b> <b>11</b> <b>3 tiết</b></p>	<p><b>* Mục tiêu:</b></p> <p>+ Xác định, lý giải được một số vấn đề chung về phương pháp phát triển vốn từ cho trẻ: khái niệm, đặc điểm phát triển vốn từ của trẻ, nhiệm vụ PT vốn từ....</p> <p>+ Có khả năng tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu về nội dung trên.</p> <p>+ Mạnh dạn, tự tin trình bày vấn đề được phát vấn, thảo luận và bằng văn bản.</p>			
	<p>5.1. Khái niệm phương pháp phát triển vốn từ cho trẻ</p> <p>5.2. Đặc điểm phát triển vốn từ của trẻ</p> <p>5.3. Nhiệm vụ phát triển vốn từ cho trẻ</p> <p>5.4. Nội dung vốn từ cần cung cấp cho trẻ theo độ tuổi</p>	<p>Máy chiếu</p> <p>Giấy A4</p> <p>Bút viết</p> <p>Khai thác thông tin qua giáo trình, TLTK, internet</p> <p>Tương tác qua hệ thống LMS</p>	<p><b>* Giảng lý thuyết:</b></p> <p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide nội dung: 5.1; 5.2; 5.3.</p> <p>- Phát vấn:</p> <p><i>1.Đặc điểm phát triển vốn từ cho trẻ.</i></p> <p><i>2.Nhiệm vụ phát triển vốn từ cho trẻ.</i></p> <p><b>* Thảo luận tại lớp:</b></p> <p><i>3. Nội dung vốn từ cần cung cấp cho trẻ.</i></p> <p><b>* Tự học (Giao bài tập về nhà):</b></p> <p><i>1. Tìm hiểu các phương pháp phát triển vốn từ cho trẻ.</i></p> <p><i>2. Vận dụng các phương pháp đó vào việc đề xuất 01 hoạt động giúp trẻ PT vốn từ.</i></p>	<p>1.Đọc Giáo trình và TLTK trước khi lên lớp.</p> <p>2.Làm bài tập tự học vào vở (câu 1, câu 2).</p> <p>3.Tham gia chuẩn bị nội dung và thảo luận ở nhà và ở lớp (câu 3).</p>

<p><b>Tuần</b> <b>6/</b> <b>Block</b> <b>12</b> <b>3 tiết</b></p>	<p><b>* Mục tiêu:</b> + Phân tích được các phương pháp phát triển vốn từ của trẻ. + Có khả năng tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu về nội dung trên. + Mạnh dạn, tự tin trình bày vấn đề được phát vấn, thảo luận và bằng văn bản.</p>				
	<p>5.5. Phương pháp phát triển vốn từ cho trẻ</p> <p>5.5.1. Phương pháp trực quan</p> <p>5.5.2. Phương pháp dùng lời</p> <p>5.5.3. Phương pháp thực hành</p>	<p>Máy chiếu Giấy A4 Bút viết</p> <p>Khai thác thông tin qua giáo trình, TLTL, internet</p> <p>Tương tác qua hệ thống LMS</p>	<p><b>* Giảng lý thuyết:</b></p> <p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide nội dung 5.6;</p> <p>- Phát vấn:</p> <p>1. <i>Nêu rõ các PP phát triển vốn từ cho trẻ.</i></p> <p>2. <i>Trình bày cách thức sử dụng các PP đó nhằm PT vốn từ cho trẻ.</i></p> <p><b>* Thảo luận tại lớp:</b></p> <p>1. <i>Trình bày ý tưởng vận dụng PP phát triển vốn từ trong hoạt động giáo dục có mục đích PP vốn từ cho trẻ.</i></p> <p><b>* Tự học (giao bài tập về nhà:</b></p> <p>1. <i>Tìm hiểu các hình thức giáo dục nhằm phát triển vốn từ cho trẻ.</i></p>	<p>1. Đọc Giáo trình và TLTK trước khi lên lớp.</p> <p>2. Làm bài tập tự học vào vở (câu 1, câu 2).</p> <p>3. Tham gia chuẩn bị nội dung và thảo luận ở nhà và ở lớp (câu 1). Gửi nội dung thảo luận lên hệ thống LMS (theo nhóm).</p>	<p>A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A1.3.1 A1.3.2 A2</p>
<p><b>Tuần</b> <b>7/</b></p>	<p><b>* Mục tiêu:</b> + Xác định và phân tích được các hình thức phát triển vốn từ của trẻ.</p>				

<b>Block 13</b> <b>3 tiết</b>	+ Có khả năng tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu về nội dung trên. + Mạnh dạn, tự tin trình bày vấn đề được phát vấn, thảo luận và bằng văn bản.				
	<b>5.6. Hình thức phát triển vốn từ cho trẻ</b> 5.6.1. Phát triển vốn từ cho trẻ qua hoạt động giáo dục có chủ định 5.6.2. Phát triển vốn từ cho trẻ qua hoạt động chơi, trải nghiệm, sinh hoạt khác	Máy chiếu Giấy A4 Bút viết Khai thác thông tin từ giáo trình, TLTK, internet Tương tác qua hệ thống LMS	<b>* Giảng lý thuyết:</b> - Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide nội dung 5.6; - Phát vấn: <i>Nêu các hình thức giáo dục nhằm phát triển vốn từ cho trẻ.</i> <b>*Tự học (Giao bài tập về nhà)</b> 1. Soạn một giáo án Nhận biết tập nói (độ tuổi Nhà trẻ; đề tài; Tự chọn). 2. Tìm hiểu một số kế hoạch giáo dục phát triển vốn từ cho trẻ.	1. Đọc Giáo trình và TLTK trước khi lên lớp. 2. Làm bài tập tự học vào vở (câu 1). 3. Soạn giáo án <i>Nhận biết tập nói (độ tuổi Nhà trẻ; đề tài; Tự chọn).</i>	A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A1.3.1 A1.3.2 A2
<b>CHƯƠNG 6. PHƯƠNG PHÁP DẠY TRẺ NÓI CÂU ĐÚNG</b>					
<b>Tuần 7/</b> <b>Block 14</b> <b>3 tiết</b>	<b>* Mục tiêu</b> + Xác định và lý giải được những nội dung: khái niệm PP dạy trẻ nói câu đúng; đặc điểm câu nói của trẻ, nội dung dạy trẻ nói câu đúng và một số PP. + Có khả năng tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu về nội dung trên. + Mạnh dạn, tự tin trình bày vấn đề được phát vấn, thảo luận và bằng văn bản.				
	6.1. Khái niệm phương pháp dạy trẻ nói đúng câu 6.2. Đặc điểm câu nói của trẻ từ 1 - 6 tuổi	Máy chiếu Giấy A4 Bút viết Khai thác thông tin qua Giáo	<b>* Giảng lý thuyết:</b> - Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide nội dung	1. Đọc Giáo trình và TLTK trước khi lên lớp. 2. Làm bài tập tự học vào vở (câu 1, câu 2).	A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A1.3.1 A1.3.2

	6.3. Nội dung dạy trẻ nói câu đúng 6.4. Phương pháp dạy trẻ nói câu đúng 6.4.1. Làm mẫu 6.4.2. Trò chuyện, đàm thoại	trình, TLTK, internet Tương tác qua hệ thống LMS	6.1; 6.2; 6.3; 6.4. - Phát vấn: 1. <i>Trình bày đặc điểm câu nói của trẻ.</i> 2. <i>Phân tích nội dung dạy trẻ nói câu đúng.</i> 3. <i>Trình bày PP dạy trẻ nói đúng ngữ pháp.</i> <b>* Tự học</b> (Giao bài tập về nhà): 1. <i>Tìm hiểu các PP nhằm PT vốn từ cho trẻ: trò chơi, kể chuyện.</i> 2. <i>Tìm hiểu các hình thức giáo dục giúp trẻ nói câu đúng.</i>		A2
<b>Tuần 8</b> <b>/Block</b> <b>15</b> <b>3 tiết</b>	<p><b>* Mục tiêu:</b></p> <p>+ Xác định và lý giải được phương pháp dạy trẻ nói đúng câu, hình thức dạy trẻ nói câu đúng.</p> <p>+ Có khả năng tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu về nội dung trên.</p> <p>+ Mạnh dạn, tự tin trình bày vấn đề được phát vấn, thảo luận và bằng văn bản.</p>				
	6.4. Phương pháp dạy trẻ nói câu đúng 6.4.3. Trò chơi 6.4.4. Đọc thơ 6.4.5. Kể chuyện 6.5. Hình thức dạy trẻ nói câu đúng	Máy chiếu Giấy A4 Bút viết Khai thác thông tin qua giáo trình, TLTL, internet Tương tác qua hệ thống	<b>* Giảng lý thuyết:</b> - Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide nội dung 6.4; 6.5. - Phát vấn: 1. <i>Nêu các PP trò chơi, kể chuyện giúp dạy trẻ nói câu đúng.</i>	1.Đọc Giáo trình và TLTK trước khi lên lớp. 2.Làm bài tập tự học vào vở (câu 1, câu 2).	A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A1.3.1 A1.3.2 A2

		LMS	<p>2. <i>Nêu các hình thức giáo dục giúp trẻ nói câu đúng.</i></p> <p>* <b>Tự học</b> (giao bài tập về nhà):</p> <p>1. <i>Lập 1 kế hoạch giáo dục giúp trẻ nói câu đúng (độ tuổi: tự chọn).</i></p> <p>2. <i>Tìm hiểu các kiểu ngôn ngữ mạch lạc của trẻ?</i></p> <p>3. <i>Tìm hiểu đặc điểm ngôn ngữ mạch lạc của trẻ?</i></p> <p>4. <i>Nhiệm vụ, nội dung PTNNML cho trẻ.</i></p>		
<b>CHƯƠNG 7. PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ MẠCH LẠC CHO TRẺ</b>					
<b>Tuần 8/ Block 16 3 tiết</b>	<p><b>* Mục tiêu:</b></p> <p>+ Xác định và lý giải được một số vấn đề chung về PPPTNNML cho trẻ.</p> <p>+ Có khả năng tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu về nội dung trên.</p> <p>+ Mạnh dạn, tự tin trình bày vấn đề được phát vấn, thảo luận và bằng văn bản.</p>				
	<p>7.1. Khái niệm ngôn ngữ mạch lạc và PPPTNN mạch lạc cho trẻ</p> <p>7.2. Các kiểu ngôn ngữ mạch</p>	<p>Máy chiếu</p> <p>Giấy A4</p> <p>Bút viết</p> <p>Khai thác thông tin qua giáo</p>	<p>* <b>Giảng lý thuyết:</b></p> <p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide nội dung:</p>	<p>1. Đọc Giáo trình và TLTK trước khi lên lớp.</p> <p>2. Làm bài tập tự học vào vở (câu 1, câu 2, câu 3).</p>	<p>A1.1.1</p> <p>A1.1.2</p> <p>A1.2.1</p> <p>A1.2.2</p> <p>A1.3.1</p> <p>A1.3.2</p>

	<p>lạc của trẻ</p> <p>7.3. Đặc điểm ngôn ngữ mạch lạc của trẻ</p> <p>7.4. Nhiệm vụ, nội dung PTNNML cho trẻ</p>	<p>trình, TLTL, internet</p> <p>Tương tác qua hệ thống LMS</p>	<p>7.1, 7.2, 7.3, 7.4.</p> <p>- Phát vấn:</p> <p>1. <i>Nêu khái niệm ngôn ngữ mạch lạc và PPPTNN mạch lạc cho trẻ.</i></p> <p>2. <i>Các kiểu ngôn ngữ mạch lạc của trẻ?</i></p> <p>3. <i>Đặc điểm ngôn ngữ mạch lạc của trẻ?</i></p> <p>* <b>Thảo luận:</b> <i>Nhiệm vụ, nội dung PTNNML cho trẻ?</i></p> <p>*<b>Tự học (Giao bài tập về nhà):</b></p> <p>1. <i>Tìm hiểu các PP phát triển ngôn ngữ hội thoại cho trẻ.</i></p> <p>2. <i>Tìm hiểu các PP phát triển ngôn ngữ hội thoại cho trẻ.</i></p>	<p>3. Chuẩn bị nội dung và tham gia thảo luận nhóm tại lớp (Câu 4).</p> <p>4. Nạp bài thảo luận qua hệ thống LMS.</p>	A2
<b>Tuần 9/ Block 17 3 tiết</b>	<p>* <b>Mục tiêu</b></p> <p>+ Xác định, phân tích, lí giải được các PPPTNNML cho trẻ.</p> <p>+ Có khả năng tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu về nội dung trên.</p> <p>+ Mạnh dạn, tự tin trình bày vấn đề được phát vấn, thảo luận và bằng văn bản.</p>				
	<p>7.5. Phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ</p> <p>7.5.1. Phương pháp phát triển ngôn ngữ hội</p>	<p>Máy chiếu</p> <p>Giấy A4</p> <p>Bút viết</p> <p>Khai thác thông tin qua giáo</p>	<p>* <b>Giảng lý thuyết:</b></p> <p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide các nội dung: 7.5.</p>	<p>1. Đọc Giáo trình và TLTK trước khi lên lớp.</p> <p>2. Làm bài tập tự học vào vở (câu 1, câu 2).</p>	<p>A1.1.1</p> <p>A1.1.2</p> <p>A1.2.1</p> <p>A1.2.2</p> <p>A1.3.1</p> <p>A1.3.2</p> <p>A2</p>

	thoại 7.5.2. Phương pháp phát triển ngôn ngữ độc thoại	trình, TLTK, internet Tương tác qua hệ thống LMS	- Phát vấn: 1. <i>Nêu các PPPT NN hội thoại cho trẻ.</i> 2. <i>Nêu các PPPTNN độc thoại cho trẻ.</i> <b>* Tự học (Giao bài tập về nhà):</b> 1. <i>Soạn giáo án Dạy trẻ kể lại chuyện.</i> 2. <i>Soạn giáo án dạy trẻ kể chuyện theo tranh.</i> 3. <i>Lập 01 kế hoạch Trò chuyện/ đàm thoại với trẻ.</i> 4. <i>Tìm hiểu một số hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng NN nói mạch lạc cho trẻ.</i>		
<b>Tuần 9/ Block 18 2 tiết</b>	<b>* Mục tiêu:</b> + Xác định và lý giải được một số vấn đề chung về PPPTNNML cho trẻ. + Có khả năng tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu về nội dung trên. + Mạnh dạn, tự tin trình bày vấn đề được phát vấn, thảo luận và bằng văn bản..				
	7.6. Các hoạt động phát triển kỹ năng ngôn ngữ nói mạch lạc cho trẻ 7.6.1. Nói từ và câu	Máy chiếu Giấy A4 Bút viết Khai thác thông tin qua giáo trình,	<b>* Giảng lý thuyết:</b> - Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide các nội dung: 7.6	1. Đọc Giáo trình và TLTK trước khi lên lớp. 2. Làm bài tập tự học vào vở (câu 1, câu 2, câu 3).	A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A1.3.1 A1.3.2 A2

	<p>7.6.2. Nói kinh nghiệm, suy nghĩ, cảm xúc cá nhân</p> <p>7.6.3. Nói bằng thái độ nghiêm túc và phù hợp với tình huống</p>	<p>TLTL, mạng internet</p> <p>Tương tác qua hệ thống LMS</p>	<p>- Phát vấn:</p> <p><i>1. Nêu một số hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng NN mạch lạc cho trẻ</i></p> <p><i>* Tự học (Giao bài tập về nhà):</i></p> <p><i>1. Nêu ý nghĩa, nhiệm vụ của việc dạy trẻ làm quen chữ viết.</i></p> <p><i>2. Phân tích cơ sở xây dựng chương trình dạy trẻ làm quen chữ viết.</i></p> <p><i>3. Phân tích yêu cầu, nội dung chương trình dạy trẻ làm quen chữ viết.</i></p>		
--	--	--	--	--	--

## CHƯƠNG 8. PHƯƠNG PHÁP DẠY TRẺ LÀM QUEN CHỮ VIẾT

<p><b>Tuần 10/Block 19</b></p> <p><b>3 tiết</b></p>	<p><b>* Mục tiêu:</b></p> <p>+ Xác định và lý giải được một số vấn đề chung về việc dạy trẻ làm quen chữ viết.</p> <p>+ Có khả năng tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu về nội dung trên.</p> <p>+ Mạnh dạn, tự tin trình bày vấn đề được phát vấn, thảo luận và bằng văn bản.</p>				
	<p>8.1. Ý nghĩa, nhiệm vụ của việc dạy trẻ làm quen chữ viết</p> <p>8.2. Cơ sở xây dựng chương trình dạy trẻ làm quen</p>	<p>Máy chiếu</p> <p>Giấy A4</p> <p>Bút viết</p> <p>Khai thác thông tin qua giáo trình,</p>	<p><b>* Giảng lý thuyết:</b></p> <p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide các nội dung: 8.1, 8.2,</p>	<p>1. Đọc Giáo trình và TLTK trước khi lên lớp.</p> <p>2. Làm bài tập tự học vào vở (câu 1, câu 2, câu 3).</p>	<p>A1.1.1</p> <p>A1.1.2</p> <p>A1.2.1</p> <p>A1.2.2</p> <p>A1.3.1</p> <p>A1.3.2</p> <p>A2</p>

	chữ viết 8.3. Yêu cầu, nội dung chương trình dạy trẻ làm quen chữ viết	TLTK, internet Tương tác qua hệ thống LMS	8.3. - Phát vấn: 1. <i>Nêu ý nghĩa, nhiệm vụ của việc dạy trẻ làm quen chữ viết.</i> 2. <i>Phân tích cơ sở xây dựng chương trình dạy trẻ làm quen chữ viết.</i> 3. <i>Phân tích yêu cầu, nội dung chương trình dạy trẻ làm quen chữ viết.</i> * Tự học ( <b>Giao bài tập về nhà</b> ): 1. <i>Tìm hiểu PP dạy trẻ làm quen chữ cái.</i> 2. <i>Tìm hiểu giáo án dạy trẻ làm quen chữ cái.</i>		
<b>Tuần 10</b> <b>/Block 20</b> <b>3tiết</b>	* <b>Mục tiêu:</b> + Xác định và lý giải phương pháp lập kế hoạch và tổ chức hoạt động về việc dạy trẻ làm quen chữ viết. + Có khả năng tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu về nội dung trên. + Mạnh dạn, tự tin trình bày vấn đề được phát vấn, thảo luận và bằng văn bản.				
	8.4. Phương pháp dạy trẻ làm quen chữ viết 8.4.1. Phương pháp tổ chức hoạt động dạy trẻ làm quen chữ cái 8.4.2. Phương pháp tổ chức hoạt	Máy chiếu Giấy A4 Bút viết Khai thác thông tin qua mạng internet Tương tác qua hệ	* <b>Giảng lý thuyết:</b> - Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide các nội dung: 8.4. - Phát vấn: 1. <i>Trình bày PP</i>	1.Đọc Giáo trình và TLTK trước khi lên lớp. 2.Làm bài tập tự học vào vở (câu 1, câu 2, câu 3). 3. Soạn các giáo án Thực hành tập giảng.	A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A1.3.1 A1.3.2 A2

	<p>động trò chơi chữ cái</p> <p>8.4.3. Phương pháp tổ chức hoạt động tập tô chữ cái</p>	<p>thông LMS</p>	<p>tổ chức HD dạy trẻ LQCC.</p> <p>2. Trình bày PP tổ chức trò chơi chữ cái.</p> <p>3. Trình bày PP tổ chức hoạt động tập tô chữ cái.</p> <p><b>* Tự học:</b></p> <p>Soạn giáo án thực hành tập giảng</p> <p>(thực hiện từ tuần 11 đến tuần 15).</p>		
<p><b>Tuần 11</b></p> <p><b>/Block 21</b></p> <p><b>5 tiết</b></p>	<p><b>* Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào việc thiết kế giáo án, tổ chức hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ</li> <li>- Thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ: hoạt động Nhận biết tập nói (độ tuổi: Nhà trẻ).</li> <li>- Phát huy được khả năng tự học và tinh thần trách nhiệm, tích cực tự giác học tập.</li> </ul>				
	<p><b>9.1. Bài thực hành 1: Hoạt động Nhận biết - tập nói (Độ tuổi Nhà trẻ)</b></p>	<p>Máy chiếu</p> <p>Giấy A4</p> <p>Bút viết</p> <p>Khai thác thông tin qua mạng internet</p> <p>Tương tác qua hệ thống LMS</p> <p>Đồ dùng dạy học</p>	<p><b>* Thực hành:</b></p> <p>Vận dụng kiến thức, kỹ năng và phẩm chất năng lực các nhân thực hành tập giảng đề tài hoạt động Nhận biết - tập nói.</p> <p><b>* Thảo luận:</b></p> <p>nhận xét giờ dạy của bạn</p> <p><b>*Tự học (Giao bài tập về nhà):</b></p> <p>soạn giáo án</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu giáo trình, TLTK để chuẩn bị bài giảng.</li> <li>- Chuẩn bị bài giảng, đồ dùng dạy học để tập giảng tại lớp theo phân công nhiệm vụ của giảng viên.</li> </ul>	<p>A1.1.1</p> <p>A1.1.2</p> <p>A1.2.1</p> <p>A1.2.2</p> <p>A1.3.1</p> <p>A1.3.2</p> <p>A2</p>

			<i>hoạt động Làm quen chữ cái.</i>		
<b>Tuần 12/Block 22</b> <b>5 tiết</b>	<p><b>* Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào việc thiết kế giáo án, tổ chức hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ.</li> <li>- Thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ: hoạt động Làm quen chữ cái.</li> <li>- Phát huy được khả năng tự học và tinh thần trách nhiệm, tích cực tự giác học tập.</li> </ul>				
	<b>9.2. Bài thực hành 2: Hoạt động Làm quen chữ cái</b>	Máy chiếu Giấy A4 Bút viết Khai thác thông tin qua mạng internet Tương tác qua hệ thống LMS Đồ dùng dạy học	<p><b>* Thực hành:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP trực quan</li> <li>- PP dùng lời</li> <li>- PP thực hành</li> </ul> <p><b>Thảo luận:</b> nhận xét giờ dạy của bạn</p> <p><b>*Tự học (Giao bài tập về nhà):</b> soạn giáo án hoạt động Trò chơi chữ cái</p>	- Nghiên cứu giáo trình, TLTK để chuẩn bị bài giảng. - Chuẩn bị bài giảng, đồ dùng dạy học để tập giảng tại lớp theo phân công nhiệm vụ của giảng viên	A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A1.3.1 A1.3.2 A2
<b>Tuần 13/Block 23</b> <b>5 tiết</b>	<p><b>* Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào việc thiết kế giáo án, tổ chức hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ</li> <li>- Thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ: hoạt động Trò chơi chữ cái.</li> <li>- Phát huy được khả năng tự học và tinh thần trách nhiệm, tích cực tự giác học tập.</li> </ul>				
	<b>9.3. Bài thực hành 3: Tập giảng hoạt động Trò chơi chữ cái</b>	Máy chiếu Giấy A4 Bút viết Khai thác thông tin qua mạng internet Tương tác qua hệ	<p><b>* Thực hành:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP trực quan</li> <li>- PP dùng lời</li> <li>- PP thực hành</li> </ul> <p><b>Thảo luận:</b> nhận xét giờ dạy của bạn</p> <p><b>*Tự học (Giao bài tập về nhà):</b></p>	- Nghiên cứu giáo trình, TLTK để chuẩn bị bài giảng. - Chuẩn bị bài giảng, đồ dùng dạy học để tập giảng tại lớp theo phân công nhiệm	A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A1.3.1 A1.3.2 A2

		thống LMS Đồ dùng dạy học	<i>soạn giáo án hoạt động</i>	vụ của giảng viên	
<b>Tuần 14/ Block 24 5 tiết</b>	<p><b>* Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào việc thiết kế giáo án, tổ chức hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ</li> <li>- Thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ: hoạt động Tập tô chữ cái.</li> <li>- Phát huy được khả năng tự học và tinh thần trách nhiệm, tích cực tự giác học tập.</li> </ul>				
	9.4 Bài thực hành 4: Tập giảng hoạt động Tập tô chữ cái	Máy chiếu Giấy A4 Bút viết Khai thác thông tin qua mạng internet Tương tác qua hệ thống LMS Đồ dùng dạy học	<p><b>* Thực hành:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP trực quan</li> <li>- PP dùng lời</li> <li>- PP thực hành</li> </ul> <p><b>* Thảo luận:</b> nhận xét giờ dạy của bạn</p> <p><b>* Tự học (Giao bài tập về nhà):</b> <i>soạn giáo án hoạt động</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu giáo trình, TLTK để chuẩn bị bài giảng.</li> <li>- Chuẩn bị bài giảng, đồ dùng dạy học để tập giảng tại lớp theo phân công nhiệm vụ của giảng viên</li> </ul>	A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A1.3.1 A1.3.2 A2
<b>Tuần 15/ Block 25 5 tiết</b>	<p><b>* Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào việc thiết kế giáo án phát triển ngôn ngữ cho trẻ.</li> <li>- Thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ: hoạt động Dạy trẻ kể lại chuyện.</li> <li>- Phát huy được khả năng tự học và tinh thần trách nhiệm, tích cực tự giác học tập.</li> </ul>				
	9.3 Bài thực hành 5: Tập giảng hoạt động Dạy trẻ kể lại chuyện	Máy chiếu Giấy A4 Bút viết Khai thác thông tin internet Tương tác	<p><b>* Thực hành:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP trực quan</li> <li>- PP dùng lời</li> <li>- PP thực hành</li> </ul> <p><b>* Thảo luận:</b> nhận xét giờ dạy của bạn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu giáo trình, TLTK để chuẩn bị bài giảng.</li> <li>- Chuẩn bị bài giảng, đồ dùng dạy học để tập</li> </ul>	A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A1.3.1 A1.3.2 A2

	qua hệ thống LMS Đồ dùng dạy học	<b>*Tự học (Giao bài tập về nhà):</b> soạn giáo án hoạt động	giảng tại lớp theo phân công nhiệm vụ của giảng viên	
--	----------------------------------	---	--	--

**Thực hành:**

Nội dung (1)	CDR học phần (Gx.x) (2)	Bài đánh giá (3)
Bài thực hành 1: Tập giảng hoạt động Nhận biết - tập nói	G1.7 - G1.9; G2.1- G2.7; G3.1 - G3.4: G4.1- G4.4	A1.3.2
Bài thực hành 2: Tập giảng hoạt động Làm quen chữ cái	G1.11; G2.1- G2.7; G3.1 - G3.4: G4.1- G4.4	A1.3.2
Bài thực hành 3: Tập giảng hoạt động Trò chơi chữ cái	G1.11; G2.1- G2.7; G3.1 - G3.4: G4.1- G4.4	A1.3.2
Bài thực hành 4: Tập giảng hoạt động Tập tô chữ cái	G1.11; G2.1- G2.7; G3.1 - G3.4: G4.1- G4.4	A1.3.2
Bài thực hành 5: Tập giảng Dạy trẻ kể lại chuyện	G1.7 -G1.10; G2.1- G2.7; G3.1 - G3.4: G4.1- G4.4	A1.3.2

**7. Nguồn học liệu**

**\* Tài liệu chính:**

1. Đinh Hồng Thái (2014), Phương pháp phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non, NXB ĐHSP Hà Nội.

**\* Sách (Tài liệu) tham khảo:**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Chương trình giáo dục mầm non, NXB Giáo dục Việt Nam.

2. Nguyễn Xuân Khoa, Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo, NXB Đại học Sư phạm, 2004

3. Hoàng Thị Oanh, Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ dưới 6 tuổi, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001

4. Nguyễn Công Khanh, Phương pháp phát triển trí tuệ cho trẻ em, NXB Đại học Sư phạm, 2018

5. Trần Thị Hoàng Yến (2008), Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ, NXB Đại học Vinh.

### **8. Quy định của học phần**

Các quy định của học phần như:

- Sinh viên nộp Hồ sơ học phần theo yêu cầu.
- Sinh viên phải nộp bài tập/báo cáo/ bài tập nhóm đầy đủ, đúng thời gian qui định. Với bài tập phải hoàn thiện và nộp sau khi học xong mỗi chương để giảng viên lưu hồ sơ học tập.
- Tỷ lệ thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp/thực hành ít nhất 80% số tiết học phần cả lý thuyết và thực hành mới đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần.

### **9. Phụ trách học phần**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Bộ môn Giáo dục mầm non - Khoa Giáo dục
- Địa chỉ/email: [khoagiaoduc@vinhuni.vn](mailto:khoagiaoduc@vinhuni.vn)

**10. Ngày phê duyệt:** 10/4/2017

**11. Cấp phê duyệt :**

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC CHO TRẺ KHÁM PHÁ**  
**MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH**

**1. Thông tin tổng quát:**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hạnh

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: hanhvinhuni@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục mầm non

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: Phạm Thị Huyền

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: phamthihuyen.vinh@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục mầm non

**1.2. Thông tin về môn học:**

- Tên môn học (tiếng Việt): Phương pháp cho trẻ khám phá môi trường xung quanh (tiếng Anh): Method how to the children become familiar with surrounding environments	
- Mã số môn học:	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành
x <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
<input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung	<input type="checkbox"/> Môn học đề án tốt nghiệp
- Số tín chỉ:	5
+ Số tiết lý thuyết:	45
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	15x1,5
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	150
- Môn học tiên quyết:	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội, Tâm lý học, Giáo dục học mầm non
- Môn học song hành:	RLNVSPTX ngành GDMN 1

## 2. Mô tả học phần

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non. Môn học này cung cấp các kiến thức cơ bản của việc tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh như: Mục đích, ý nghĩa, nhiệm vụ, các nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức và phương tiện tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh; trang bị kỹ năng và giúp sinh viên có các năng lực: hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động cho trẻ khám phá môi trường xung quanh, đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

**3. Mục tiêu học phần:** Sinh viên hoàn thành học phần cần đạt được

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của CTĐT (X.x.x) (3)	TĐNL (4)
<b>G1</b>	Áp dụng kiến thức về lý luận và thực tiễn tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá MTXQ.	1.3.2	3.5
<b>G2</b>	- Nhận diện, phân tích và giải quyết vấn đề của hoạt động cho trẻ khám phá môi MTXQ. - Áp dụng kỹ năng và phẩm chất cá nhân, phẩm chất nghề nghiệp trong quá trình tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	2.1.1;2.1.2;2.1.3;	3.0
		2.2.1; 2.2.2; 2.2.3; 2.2.4;	3.0
		2.2.5	
		2.4.1; 2.4.2; 2.4.3;	3.0
		2.4.4;2.4.6	
		2.5.1; 2.5.2; 2.5.3; 2.5.4	3.0
<b>G3</b>	- Kỹ năng làm việc nhóm - Kỹ năng giao tiếp	3.1.1;3.1.2;3.1.3;3.1.4	3.0
		3.2.1;3.2.2;3.2.3 3.2.5	3.0
<b>G4</b>	- Nhận diện và phân tích mục tiêu của hoạt động tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ trong bối cảnh giáo dục mầm non. - Vận dụng kiến thức vào việc hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động cho trẻ khám phá MTXQ	4.2.2;4.2.3	3.0
		4.3.1; 4.3.2;4.3.3;	3.0
		4.4.2;4.4.3;4.4.4;4.4.5,	3.5
		4.4.6	
		4.5.1;4.5.2;4.5.3;4.5.4	3.5
		4.6.1	3.0

**4. Chuẩn đầu ra môn học**(các mục tiêu cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

<b>Mục tiêu (Gx)</b>	<b>Mục tiêu (Gx.x) (1)</b>	<b>Mô tả CDR (2)</b>	<b>Mức độ giảng dạy (I,T,U) (3)</b>
<b>G1</b>	<b>G1.1</b>	Trình bày được các vấn đề lý luận về môn học: Phương pháp cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	<b>I,U</b>
	<b>G1.2</b>	Mô tả được mục tiêu, nguyên tắc, tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	<b>T, U</b>
	<b>G1.3</b>	Phân tích được nội dung tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	<b>T,U</b>
	<b>G1.4</b>	Phân tích được phương pháp tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	<b>T, U</b>
	<b>G1.5</b>	Phân tích được hình thức và phương tiện tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	<b>T, U</b>
	<b>G 1.6</b>	Vận dụng được các kiến thức lý luận của việc tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh vào việc phân tích hoạt động khám phá khoa học và khám phá xã hội trong chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non hiện nay.	<b>T,U</b>
<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	Vận dụng được kiến thức về tâm lý học, giáo dục học, cơ sở tự nhiên và xã hội ... vào việc xác định mục đích, nhiệm vụ, phương pháp và hình thức tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	<b>I, U</b>
	<b>G2.2</b>	Vận dụng kiến thức về tâm lý học, giáo dục học, ngôn ngữ học, giải phẫu sinh lý, cơ sở tự nhiên và xã hội ... vào việc tìm hiểu đặc điểm phát nhận thức về môi trường xung quanh của trẻ ở các độ tuổi.	<b>(, U</b>
	<b>G2.3</b>	Tích cực, chủ động tìm hiểu, phân tích các tài liệu liên quan đến việc tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	<b>I, U</b>
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Có khả năng tham gia và làm việc nhóm có hiệu quả.	<b>I, U</b>
	<b>G3.2</b>	Có khả năng thuyết trình	<b>I, U</b>
	<b>G3.3</b>	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong soạn thảo tài liệu, giáo án bài giảng, thiết kế đồ dùng dạy học.	<b>U</b>
	<b>G3.4</b>	Có khả năng ứng xử sự phạm phù hợp, hiệu quả.	<b>U</b>

	<b>G3.5</b>	Có khả năng sáng tạo các đồ dùng đồ chơi, hình thức, phương pháp tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	<b>U</b>
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Nhận biết sứ mạng, mục tiêu và nhiệm vụ của nhà trường mầm non trong việc tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	<b>(I, U)</b>
	<b>G4.2</b>	Thiết kế mục tiêu các hoạt động tổ chức cho trẻ khám phá khoa học và khám phá xã hội	<b>(T, U)</b>
	<b>G4.3</b>	Lập kế hoạch tổ chức hoạt động tổ chức cho trẻ khám phá khoa học và khám phá xã hội	<b>(T, U)</b>
	<b>G4.4</b>	Vận dụng kiến thức và kỹ năng sư phạm thực hiện các hoạt động tổ chức cho trẻ khám phá khoa học và khám phá xã hội.	<b>(T, U)</b>
	<b>G4.5</b>	Vận dụng kiến thức và kỹ năng sư phạm thực hiện việc đánh giá chất lượng hoạt động tổ chức cho trẻ khám phá khoa học và khám phá xã hội.	<b>( T, U)</b>

**5. Đánh giá môn học** (các thành phần, các bài đánh giá và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

<b>Thành phần đánh giá (1)</b>	<b>Bài đánh giá (2)</b>	<b>CDR học phần (Gx.x) (3)</b>	<b>Tỷ lệ (%) (4)</b>
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</b>			<b>10%</b>
A1.1.1.	Số buổi đi học		5%
A1.1.2.	Tinh thần, thái độ học tập		5%
<b>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</b>			<b>20%</b>
A1.2.1	Bài tập: Xây dựng nội dung, hình thức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh theo độ tuổi		10%
A1.2.2	Báo cáo thu hoạch dự các hoạt động mẫu		10%
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)</b>			<b>20%</b>
A1.3.1.	Bài số 1 (Chương 1,2)		10%
A1.3.2.	Bài số 2 (chương 3,4)		10%
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>			<b>40%</b>
<b>A2.1</b>	Đồ án môn học		40%
<b>A2.2</b>	<b>Thực hành</b>		<b>10%</b>

**6. Nội dung giảng dạy** (các nội dung giảng dạy lý thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CDR và các bài đánh giá môn học)

<b>Nội dung (1)</b>	<b>CDR môn học (2)</b>	<b>Bài đánh giá (3)</b>
<p><b>Chương 1 Những vấn đề chung về bộ môn “PP tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ”</b></p> <p>1.1. Đối tượng nghiên cứu của môn học 1.2. Nhiệm vụ của môn học 1.3. Nguyên tắc xây dựng môn học “PP tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ” 1.4. Lịch sử phát triển môn học 1.5. Mối liên hệ giữa môn học này và môn học khác 1.6. Đặc điểm nhận thức về MTXQ của trẻ mầm non</p>	<p>G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2</p>	<p>A1.1.1; A1.1.2; A1.2.1; A1.2.2; A1.3.1; A2</p>
<p><b>Chương 2: Mục đích ý nghĩa, nhiệm vụ và các nguyên tắc tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ</b></p> <p>2.1. Mục đích, ý nghĩa của việc cho trẻ khám phá môi trường xung quanh 2.2. Nhiệm vụ cho trẻ khám phá môi trường xung quanh 2.3. Nguyên tắc cho trẻ khám phá MTXQ</p>	<p>G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2</p>	<p>A1.1.1; A1.1.2; A1.2.1; A1.2.2; A1.3.2; A2</p>
<p><b>Chương 3</b> <b>Nội dung cho trẻ khám phá với MTXQ</b></p> <p>3.1. Nội dung cho trẻ khám phá môi trường xung quanh 3.1.1. Nội dung khám phá khoa học 3.1.2. Nội dung khám phá xã hội 3.2. Nội dung cho trẻ khám phá môi trường xung quanh theo từng độ tuổi 3.3. Phân bổ nội dung theo chương trình GDMN hiện nay</p>	<p>G1.3 G1.6 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3 G4.2 G4.3</p>	<p>A1.1.1; A1.1.2; A1.2.1; A1.2.2; A1.3.3; A2</p>
<p><b>Chương 4</b> <b>Phương pháp tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ</b></p> <p>I. Vài nét khái quát về phương pháp tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh</p>	<p>G1.1 G1.4 G1.6 G2.1</p>	<p>A1.1.1; A1.1.2; A1.2.1; A1.2.2;</p>

<p>II. Các phương pháp, biện pháp tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh</p> <p>1.1. Một số phương pháp dạy học cơ bản</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nhóm phương pháp trực quan</li> <li>2. Nhóm phương pháp dùng lời</li> <li>3. Nhóm phương pháp thực hành</li> </ol> <p>1.2. Một số phương pháp dạy học tích cực</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. PP tổ chức thảo luận nhóm</li> <li>2. PP tạo tình huống nhận thức</li> </ol> <p>III. Môi quan hệ giữa các phương pháp, biện pháp</p>	<p>G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3 G3.4 G4.4</p>	<p>A1.3.4; A2</p>
<p style="text-align: center;"><b>Chương 5</b></p> <p style="text-align: center;"><b>Hình thức và phương tiện tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ sở để lựa chọn các hình thức cho trẻ khám phá MTXQ</li> <li>2. Các hình thức cho trẻ khám phá MTXQ <ol style="list-style-type: none"> <li>2.1. Hoạt động học</li> <li>2.2. Hoạt động ngoài trời</li> <li>2.3. Hoạt động vui chơi</li> <li>2.4. hoạt động tham quan</li> <li>2.5 Thông qua tổ chức các ngày lễ hội</li> <li>2.6. Thông qua các sinh hoạt hàng ngày (đón trả trẻ, vệ sinh, ăn ngủ,...)</li> </ol> </li> <li>3. Phương tiện và điều kiện cho trẻ khám phá môi trường xung quanh <ol style="list-style-type: none"> <li>3.1. Sự phối hợp các nhân tố: gia đình - nhà trường - xã hội</li> <li>3.2. Xây dựng môi trường hoạt động ở trường mầm non</li> </ol> </li> <li>4. Đánh giá hoạt động tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh</li> </ol>	<p>G1.1; G1.5 G1.6; G2.1 G2.2; G2.3 G3.1; G3.2 G3.3; G3.4 G3.5; G4.3 G4.4; G4.5</p>	<p>A1.1.1; A1.1.2; A1.2.1; A1.2.2; A1.3.1; A2</p>
<p style="text-align: center;"><b>Chương 6</b></p> <p style="text-align: center;"><b>Thực hành tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thực hành tổ chức cho trẻ nhà trẻ 23-36 tháng khám phá MTXQ</li> <li>2. Thực hành tổ chức cho trẻ MG 3-4 tuổi khám phá MTXQ</li> <li>3. Thực hành tổ chức cho trẻ MG 4-5 tuổi khám phá MTXQ</li> <li>4. Thực hành tổ chức cho trẻ MG 5-6 tuổi khám phá MTXQ</li> </ol>	<p>G1.1; G1.5 G1.6; G2.1 G2.2; G2.3 G3.1; G3.2 G3.3; G3.4 G3.5; G4.3 G4.4; G4.5</p>	<p>A1.1.1; A1.1.2; A1.3.1; A1.3.2; A1.3.3; A1.3.4; A2</p>

## **7. Nguồn học liệu** (các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, ...)

**Giáo trình:** (Tối đa 2 tài liệu)

[1]. Hoàng Thị Phương, *Giáo trình lý luận và phương pháp hướng dẫn làm quen với môi trường xung quanh*, Đại học sư phạm năm 2018

**Tài liệu tham khảo:**

[2] Lê Thị Ninh, *Cơ sở phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 1995.

[3] Trần Thị Ngọc Trâm, *Bé đến với khoa học qua trò chơi*, NXB Giáo dục, 2006

[4] Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân, *Phương pháp cho trẻ khám phá với môi trường xung quanh*, NxbGD, 2006

[5]. Lê Thu Hương, *Hướng dẫn thực hiện chương trình Giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục, 2009.

[6]. Website hỗ trợ giảng dạy và chăm sóc trẻ em [www.mamnon.com](http://www.mamnon.com)

## **8. Quy định của môn học**

Các quy định của môn học như:

- ✓ Tham gia trên 80% số giờ lên lớp
- ✓ Tham gia trên 80% số giờ thực hành
- ✓ Phải làm đầy đủ các bài tập, báo cáo theo yêu cầu của giảng viên.
- ✓ Thực hiện tự học thông qua các bài tập GV yêu cầu.

## **9. Phụ trách môn học**

- Khoa/bộ môn phụ trách:

- Địa chỉ/email: [hanhvinhuni@gmail.com](mailto:hanhvinhuni@gmail.com)

**10. Ngày phê duyệt:** 10/4/2017

**11. Cấp phê duyệt :**

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TẠO HÌNH CHO TRẺ**

**1. Thông tin tổng quát:**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ THANH GIANG**

Chức danh, học hàm, học vị: Giáo viên, Thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0914360229 - [Giangthanhdhv@gmail.com](mailto:Giangthanhdhv@gmail.com)

Các hướng nghiên cứu chính: PPTC Hoạt động tạo hình, Nghệ thuật tạo hình, Làm đồ chơi cho trẻ.

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: **THÁI MẠNH THỦY**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0917748913 - [Huong.mndhv@vinhuni.edu.vn](mailto:Huong.mndhv@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Mĩ thuật và PPDH Mĩ thuật, Thủ công - kỹ thuật và PPDH Thủ công - kỹ thuật, Nghệ thuật tạo hình.

**1.2. Thông tin về môn học:**

- Tên môn học (tiếng Việt): <b><i>Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ</i></b> (tiếng Anh): <b>Method of organizing shape activities for kids</b>	
- Mã số môn học:	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành
<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
<input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung	<input type="checkbox"/> Môn học đồ án tốt nghiệp
- Số tín chỉ:	04
+ Số tiết lý thuyết:	35
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	05
+ Số tiết thực hành:	15
+ Số tiết hoạt động nhóm:	05
+ Số tiết tự học:	120
- Môn học tiên quyết:	Tâm lí học; Giáo dục học; Nghệ thuật tạo hình và thiết kế đồ dùng, đồ chơi cho trẻ.
- Môn học song hành:	Phương pháp dạy học các học phần trong chương trình đào tạo

## 2. Mô tả môn học:

Học phần *Phương pháp (PP) tổ chức hoạt động tạo hình (HĐTH)* cho trẻ thuộc khối kiến thức chuyên ngành Giáo dục Mầm non (GDMN), là môn học bắt buộc, trang bị cho sinh viên (SV) những kiến thức lý luận, kỹ năng cơ bản và thực tiễn về PP tổ chức HĐTH cho trẻ. Từ đó sinh viên biết phân tích, lý giải được các vấn đề cơ bản và thấy được vai trò quan trọng của HĐTH đối với việc phát triển toàn diện cho trẻ trong việc giáo dục tạo hình (TH) cho trẻ mầm non (MN). Đồng thời vận dụng kiến thức, kỹ năng, kỹ năng sư phạm để thiết kế, tổ chức thực hiện và đánh giá các HĐTH cho trẻ ở trường MN như hoạt động vẽ, nặn, xé, cắt dán theo các thể loại. Học phần còn giúp cho sinh viên có ý thức tự giác học tập, tích cực rèn luyện, trau dồi phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp.

## 3. Mục tiêu môn học

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	TĐNL
<b>G1</b>	Có kiến thức lý luận về PP tổ chức HĐTH và thực tiễn của môn học vào giáo dục tạo hình cho trẻ.	1.3.2	3.5
<b>G2</b>	Nhận diện, phân tích và giải quyết được các vấn đề về giáo dục tạo hình cho trẻ. Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kỹ năng, PP tổ chức HĐTH vào việc lập kế hoạch, thiết kế, thực hiện, đánh giá các HĐTH và phát triển thẩm mỹ cho trẻ MN. Tự giác học tập, tu dưỡng phẩm chất cá nhân, phát triển nghề nghiệp.	1.2.1;1.2.2;1.3.2;2.1.1; 2.1.3;2.3.2;2.4.6;2.5.1.	3.0
<b>G3</b>	Có kỹ năng hợp tác làm việc nhóm, thuyết trình hiệu quả, giao tiếp, ứng xử phù hợp với môi trường sư phạm và xã hội. Ứng dụng được tin học vào học tập.	3.1.3; 3.1.4;3.3.2;3.3.5	3.0
<b>G4</b>	Thiết kế, thực hiện được mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, PP và tổ chức HĐTH. Đánh giá được vai trò, chất lượng, sự phát triển nhận thức thẩm mỹ về môn NTTH của trẻ MN.	4.1.2;4.1.5;4.2.3;4.3.2; 4.4.3;4.4.4;4.5.1;4.5.3; 4.6.1	3.5

#### 4. Chuẩn đầu ra môn học:

Chuẩn đầu ra HP		Mô tả CDR	Mức độ giảng dạy
G1	G1.1	Hiểu và lí giải được khái niệm, đặc điểm, vai trò của HĐTH đối với sự phát triển của trẻ.	I T
	G1.2	Trình bày và phân tích được mục đích, nguyên tắc, và cấu tạo chương trình HĐTH ở trường MN.	I T
	G1.3	Hiểu và giải thích được khái niệm, PP và hình thức tổ chức HĐTH cho trẻ MN	I T
	G1.4	Hiểu và phân tích được vai trò, đặc điểm, nhiệm vụ, nội dung, PP tổ chức HĐTH vẽ theo các thể loại cho trẻ MN.	T U
	G1.5	Phân tích được vai trò, đặc điểm, nhiệm vụ, nội dung, PP tổ chức HĐTH nặn theo các thể loại cho trẻ MN.	T U
	G1.6	Phân tích được vai trò, nhiệm vụ, nội dung, PP tổ chức HĐTH xé, cắt dán theo các thể loại cho trẻ MN.	T U
G2	G2.1	Vận dụng kiến thức về Tâm lý học, giáo dục học, Nghệ thuật tạo hình, PP dạy tạo hình ... vào việc xác định đặc điểm độ tuổi, mục đích, nhiệm vụ, PP và hình thức tổ chức HĐTH cho trẻ MN.	I U
	G2.2	Phân tích, đánh giá được việc sử dụng các PP và vai trò của HĐTH đối với sự phát triển toàn diện của trẻ.	T U
	G2.3	Xác định được mục tiêu, nguyên tắc, nội dung chương trình. Phân tích được các nguyên tắc và mối quan hệ của các thành phần trong hệ thống và các HĐTH thực tế trong trường MN	I U
	G2.4	Xác định, lập luận, giải quyết vấn đề về PP tổ chức các HĐTH và soạn được các giáo án tạo hình theo các thể loại, độ tuổi cho trẻ mầm non..	T U
	G2.5	Vận dụng các kiến thức về lý luận PP, kỹ năng tạo hình và thực tiễn vào việc lập kế hoạch, thiết kế, tổ chức thực hiện tiết dạy và đánh giá các HĐTH trong học tập, tập giảng và các HĐTH của trẻ mầm non	I U
	G2.6	Tích cực, tự giác học tập, tu dưỡng phẩm chất cá nhân, phát triển nghề nghiệp.	I U
	G3.1	Hợp tác làm việc nhóm, nhằm giải quyết các nhiệm vụ học tập và trong tập giảng có hiệu quả.	I U
	G3.2	Ứng dụng được công nghệ thông tin vào soạn thảo tài liệu, giáo án	I U

<b>G3</b>		bài giảng, thiết kế đồ dùng dạy học.	
	<b>G3.3</b>	Thuyết trình được các vấn đề trong học tập, tập giảng. Thực hành các kỹ năng giao tiếp sư phạm và xã hội đa phương tiện.	<b>I U</b>
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Phân tích được sự ảnh hưởng thực tế của HĐTH đối với xã hội. Xác định được vai trò của HĐTH trong việc phát triển toàn diện cho trẻ MN.	<b>T U</b>
	<b>G4.2</b>	Nhận biết mục tiêu, kế hoạch chương trình hoạt động tạo hình của nhà trường trong việc giáo dục tạo hình cho trẻ.	<b>I U</b>
	<b>G4.3</b>	Hình thành ý tưởng, định hướng được nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và các điều kiện thực hiện mục tiêu HĐTH.	<b>T U</b>
	<b>G4.4</b>	Thiết kế được mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức HĐTH và hình thức kiểm tra, đánh giá trong hoạt động dạy và học theo hướng tích cực chủ động.	<b>T U</b>
	<b>G4.5</b>	Thực hiện lựa chọn các kiến thức, kỹ năng, PP, phương tiện, hình thức tổ chức HĐTH và kiểm tra đánh giá các HĐTH cho trẻ MN.	<b>T U</b>
	<b>G4.6</b>	Đánh giá được các HĐTH, sự sáng tạo, khả năng phát triển thẩm mỹ và cải tiến các hoạt động giáo dục thẩm mỹ trong chương trình giáo dục MN cho trẻ.	<b>T U</b>

## 5. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</b>			<b>10%</b>
Chuyên cần Thái độ học tập	A1.1.1. Chuyên cần: Số buổi đi học	G2.5; G2.6	5%
	A1.1.2. Tinh thần, thái độ, học tập	G2.5;G3.1;G3.2;G3.3; G2.6	5%
<b>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</b>			<b>20%</b>
Thực hiện đầy đủ, đúng các bài tập GV yêu cầu	<b>A1.2.1. Soạn giáo án và tập giảng</b> <b>*Soạn giáo án:</b> dạy học vẽ, nặn, xé cắt dán theo các thể loại và các độ tuổi cho trẻ MN. <b>*Tập giảng:</b> Trên lớp, ở nhà. - Giáo viên gửi điểm và nhận xét qua cổng thông tin	G1.4 ->G1.6; G2.5; G2.6; G3.1; G3.2; G3.3;G4.3;G4.4;G4.5; G4.6.  G1.4 ->G1.6; G2.5; G2.6; G3.1; G3.2; G3.3;G4.3;G4.4;G4.5; G4.6.	10%

Mức độ, thái độ hoạt động nhóm	<b>A1.2.2. Hoạt động nhóm</b> <b>*Bài thu hoạch</b> - Giáo viên gửi điềm và nhận xét qua công thông tin	G1.1 ->G1.6 G2.5; G2.6; G3.1; G3.2; G3.3.	10%
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)</b>			<b>20%</b>
	<b>A1.3.1. Bài kiểm tra giữa kỳ lần 1</b> <b>* Hình thức: Trắc nghiệm</b> - Thời gian: 50 phút - Nội dung: Tỉn chỉ 1 (kiểm tra ở tuần thứ 4) <b>Chương 1.</b> Vai trò của HĐTH đối với sự phát triển của trẻ  <b>Chương 2:</b> Chương trình HĐTH ở trường MN.	G1.1;G2.1;G2.2;G2.5; G4.1;G4.3.  G1.2;G2.1;G2.2;G2.4;G2.5; G3.3; G4.2.	5%  5%
	<b>A1.3.2. Bài kiểm tra giữa kỳ lần 2</b> <b>* Hình thức: Trắc nghiệm</b> - Thời gian: 50 phút - Nội dung: Tỉn chỉ 2 (kiểm tra ở tuần thứ 7) <b>Chương 3:</b> PP và hình thức tổ chức HĐTH cho trẻ	G1.3;G2.1;G2.2;G2.4;G2.5; G3.3;G4.3	10%
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>			<b>50%</b>
	<b>A2.1. Bài thi cuối kỳ</b> <b>* Hình thức thi: Tự luận</b> - Thời gian: 120 phút - Nội dung: 4 tỉn chỉ <b>Chương 1.</b> Vai trò của HĐTH đối với sự phát triển của trẻ <b>Chương 2:</b> Chương trình HĐTH ở trường MN. <b>Chương 3:</b> PP và hình thức tổ chức HĐTH cho trẻ <b>Chương 4:</b> PP tổ chức hoạt động vẽ. <b>Chương 5:</b> PP tổ chức hoạt động nặn. <b>Chương 6:</b> PP tổ chức hoạt động xé, cắt dán.	G1.1-> G1.6; G2.1-> G2.6; G3.1-> G3.3; G4.1-> G4.6;	50%

## 6. Nội dung và kế hoạch dạy học

### 6.1. Nội dung giảng dạy

<p><b>Chương 1. VAI TRÒ CỦA HOẠT ĐỘNG TẠO HÌNH ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ</b></p> <p>1.1. Hoạt động tạo hình (HĐTH)</p> <p>1.1.1. Khái niệm về HĐTH</p> <p>1.1.2. Nhiệm vụ chung của HĐTH</p> <p>1.2. Đặc điểm những giai đoạn phát triển khả năng tạo hình của trẻ</p> <p>1.2.1. Giai đoạn tiền tạo hình</p> <p>1.2.2. Giai đoạn phát triển</p> <p>1.2.3. Giai đoạn tạo hình</p> <p>1.4. Vai trò của HĐTH đối với việc giáo dục toàn diện</p> <p>1.4.1. Giáo dục trí tuệ</p> <p>1.4.2. Giáo dục đạo đức</p> <p>1.4.3. Giáo dục thẩm mỹ</p> <p>1.4.4. Giáo dục thể chất</p> <p>1.4.5. Giáo dục lao động</p> <p>1.5. Vai trò của HĐTH chuẩn bị cho trẻ bước vào trường phổ thông</p>
<p><b>Chương 2. CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG TẠO HÌNH Ở TRƯỜNG MẦM NON</b></p> <p>2.1. Mục đích của HĐTH cho trẻ MN</p> <p>2.2. Nguyên tắc xây dựng chương trình</p> <p>2.2.1. Tính khoa học</p> <p>2.2.2. Tính thống nhất giữa các nhiệm vụ giáo dục và dạy học</p> <p>2.2.3. Tính vừa sức</p> <p>2.2.4. Tính ý thức</p> <p>2.2.5. Tính kế tục, hệ thống</p> <p>2.2.6. Tính thống nhất giữa lý thuyết và thực tiễn</p> <p>2.2.7. Tính giáo dục cá biệt</p> <p>2.3. Cấu tạo chương trình HĐTH</p> <p>2.3.1. Hoạt động vẽ</p> <p>2.3.2. Hoạt động nặn</p> <p>2.3.3. Hoạt động xé, cắt dán</p>
<p><b>Chương 3. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC HĐTH CHO TRẺ MẦM NON</b></p> <p>3.1. Khái niệm về PP dạy tạo hình cho trẻ mầm non</p> <p>3.2. PP tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ MN</p> <p>3.2.1. Nhóm PP trực quan</p>

	<p>3.2.2. Nhóm PP dùng lời</p> <p>3.2.3. Nhóm PP thực hành</p> <p>3.2.4. Thủ thuật dạy học</p> <p>3.3. Các hình thức tổ chức HĐTH cho trẻ MN</p> <p>3.3.1. Hình thức tổ chức các hoạt động tạo hình trong giờ học</p> <p>3.3.2. Hình thức tổ chức HĐTH ngoài giờ học</p> <p>3.4. Những điều kiện cần thiết để tổ chức HĐTH cho trẻ</p> <p>3.4.1. Điều kiện cần thiết cho hoạt động vẽ</p> <p>3.4.2. Điều kiện cần thiết cho hoạt động nặn</p> <p>3.4.3. Điều kiện cần thiết cho hoạt động xé, cắt dán</p>
	<p style="text-align: center;"><b>Chương 4. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẼ CHO TRẺ MẦM NON</b></p> <p>4.1. Vai trò của hoạt động vẽ đối với sự phát triển của trẻ</p> <p>4.2. Đặc điểm hoạt động vẽ của trẻ</p> <p>4.2.1. Đặc điểm vẽ của độ tuổi nhà trẻ</p> <p>4.2.2. Đặc điểm vẽ của trẻ 3 - 4 tuổi</p> <p>4.2.3. Đặc điểm vẽ của trẻ 4 - 5 tuổi</p> <p>4.2.4. Đặc điểm vẽ của trẻ 5 - 6 tuổi</p> <p>4.3. Nguyên liệu và dụng cụ cần thiết cho hoạt động vẽ.</p> <p>4.4. Nhiệm vụ, nội dung, PP tổ chức hoạt động vẽ theo mẫu cho trẻ mầm non.</p> <p>4.4.1. Đối với độ tuổi nhà trẻ</p> <p>4.4.2. Đối với trẻ 3 - 4 tuổi</p> <p>4.4.3. Đối với trẻ 4 - 5 tuổi</p> <p>4.4.4. Đối với trẻ 5 - 6 tuổi</p> <p>4.5. Nhiệm vụ, nội dung, PP tổ chức hoạt động vẽ theo đề tài cho trẻ mầm non.</p> <p>4.5.1. . Đối với độ tuổi nhà trẻ</p> <p>4.5.2. Đối với trẻ 3 - 4 tuổi</p> <p>4.5.3. Đối với trẻ 4 - 5 tuổi</p> <p>4.5.4. Đối với trẻ 5 - 6 tuổi</p> <p>4.6. Nhiệm vụ, nội dung, PP tổ chức hoạt động vẽ trang trí cho trẻ MG</p> <p>4.6.1. Đối với trẻ 3 - 4 tuổi</p> <p>4.6.2. Đối với trẻ 4 - 5 tuổi</p> <p>4.6.3. Đối với trẻ 5 - 6 tuổi</p> <p>4.7. Soạn giáo án</p> <p>4.8. Thực hành: Tập giảng</p>
	<p><b>Chương 5. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG NẶN CHO TRẺ</b></p> <p>5.1. Vai trò của hoạt động nặn đối với sự phát triển của trẻ</p> <p>5.2. Đặc điểm hoạt động nặn của trẻ</p>

<p>5.2.1. Đặc điểm nặn của trẻ 3 - 4 tuổi</p> <p>5.2.2. Đặc điểm nặn của trẻ 4 - 5 tuổi</p> <p>5.2.3. Đặc điểm nặn của trẻ 5 - 6 tuổi</p> <p>5.3. Nguyên liệu và dụng cụ cần thiết cho hoạt động nặn.</p> <p>5.4. Nhiệm vụ, nội dung PP tổ chức hoạt động nặn theo mẫu cho trẻ mẫu giáo</p> <p>5.4.1. Đối với trẻ 3 - 4 tuổi</p> <p>5.4.2. Đối với trẻ 4 - 5 tuổi</p> <p>5.4.3. Đối với trẻ 5 - 6 tuổi</p> <p>5.5. Nhiệm vụ, nội dung PP tổ chức hoạt động nặn theo đề tài và ý thích cho trẻ mẫu giáo</p> <p>5.5.1.. Đối với trẻ 3 - 4 tuổi</p> <p>5.5.2. Đối với trẻ 4 - 5 tuổi</p> <p>5.5.3. Đối với trẻ 5 - 6 tuổi</p> <p>5.6. Soạn giáo án</p> <p>5.7. Thực hành: Tập giảng</p>
<p style="text-align: center;"><b>Chương 6. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG XÉ CẮT DÁN CHO TRẺ</b></p> <p>6.1. Vai trò của hoạt động xé, cắt dán đối với sự phát triển của trẻ</p> <p>6.2. Nguyên liệu và dụng cụ cần thiết cho hoạt động xé, cắt dán</p> <p>6.3. Nhiệm vụ, nội dung PP tổ chức hoạt động xé, cắt dán cho trẻ MG.</p> <p>6.3.1. Đối với trẻ 3 - 4 tuổi</p> <p>6.3.2. Đối với trẻ 4 - 5 và 5 - 6 tuổi</p> <p>6.4. Soạn giáo án</p> <p>6.5. Thực hành: Tập giảng</p>

**Thực hành:**

Nội dung (1)	CĐR học phần (Gx.x) (2)	Bài đánh giá (3)
Bài thực hành 1: Thực hành soạn giáo án và tập giảng thể loại vẽ theo mẫu cho trẻ MN	G1.4;G2.5;G2.6;G3.1;G3.2;G3.3;G4.3;G4.4;G4.5; G4.6.	A1.2.1.
Bài thực hành 2: Thực hành soạn giáo án và tập giảng thể loại vẽ theo theo đề tài và vẽ theo ý thích cho trẻ MN	G1.4;G2.5;G2.6;G3.1;G3.2;G3.3;G4.3;G4.4;G4.5; G4.6.	A1.2.1.
Bài thực hành 3: Thực hành soạn giáo án và tập giảng thể loại vẽ trang trí cho trẻ MN	G1.4;G2.5;G2.6;G3.1;G3.2;G3.3;G4.3;G4.4;G4.5; G4.6.	A1.2.1.
Bài thực hành 4: Thực hành soạn giáo án và tập giảng các thể loại nặn cho trẻ MN	G1.5;G2.5;G2.6;G3.1;G3.2;G3.3;G4.3;G4.4;G4.5; G4.6.	A1.2.1.
Bài thực hành 5: Thực hành soạn giáo án và tập giảng thể loại xé, cắt dán cho trẻ MN	G1.6;G2.5;G2.6;G3.1;G3.2;G3.3;G4.3;G4.4;G4.5; G4.6.	A1.2.1.

## **7. Nguồn học liệu**

### ***Tài liệu chính:***

[1] Lê Thanh Thủy, Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non, NXB Đại học sư phạm, 2008

### ***Tài liệu tham khảo:***

[2] Lê Hồng Vân, Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ em, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002

[3] Nguyễn Thị Thanh Giang, Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non, NXB Trường Đại học Vinh, 2008

[4] Lê Đình Bình, Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ em, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002

[5] Lê Thu Hương, Hướng dẫn thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục MN, NXB Giáo dục, 2009

## **8. Quy định của môn học**

Các quy định của môn học như: Để đạt được mục tiêu của học phần, sinh viên phải thực hiện đầy đủ đúng thời gian qui định bài tập thực hành trong từng chương. Vở bài tập phải nộp sau mỗi chương để giảng viên lưu vào hồ sơ học tập. Sản phẩm tự học và hoạt động nhóm cũng phải nộp và báo cáo sau mỗi chương.

Tỷ lệ thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp/Thực hành ít nhất 80% số tiết của học phần mới đủ điều kiện thi kết thúc học phần.

## **9. Phụ trách môn học**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Bộ môn Giáo dục Mầm non, Khoa Giáo dục, Trường Đại học Vinh
- Địa chỉ/email: [Khoagiaoduc@vinhuni.vn](mailto:Khoagiaoduc@vinhuni.vn).

**10. Ngày phê duyệt:** 10/4/2017

**11. Cấp phê duyệt :**

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

### HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC

#### 1. Thông tin tổng quát

##### 1.1. Thông tin về giảng viên

1.1.1 Họ và tên: Phan Xuân Phồn

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Trường Thực hành Sư phạm, Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Trường Thực hành Sư phạm, Đại học Vinh

Điện thoại, email: phonhiendhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Tiếng Việt và PP dạy học tiếng Việt

##### 1.1.2. Giảng viên 2

Họ và tên: **Trần Thị Thúy Nga**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục, Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục, Đại học Vinh

Điện thoại, email: trannga.mn@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học MN, Lí luận và PP giảng dạy GDMN

##### 1.2. Thông tin về môn học

- Tên môn học (tiếng Việt): PHƯƠNG PHÁP CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC	
- Tên môn học (tiếng Anh): The methods of organizing activities for children to get acquainted with literary works	
- Mã số môn học: EDU 30047	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành
<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
<input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung	<input type="checkbox"/> Môn học đồ án tốt nghiệp
- Số tín chỉ:	4 tín chỉ
+ Số tiết lý thuyết:	35
+ Số tiết thảo luận nhóm/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	15*1.5 = 22.5 tiết/ nhóm/ mỗi nhóm 20 SV
+ Số tiết tự học:	120
- Môn học tiên quyết:	Văn học trẻ em, Tâm lý học giáo dục trẻ em, Giáo dục học mầm non
- Môn học song hành:	Các HP về PPDH các môn học

#### 2. Mô tả môn học

*Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học (TPVH)* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo giáo viên ngành Giáo dục mầm

non. Học phần giúp sinh viên có kiến thức, kỹ năng và các giá trị cần thiết để tổ chức có hiệu quả các hoạt động cho trẻ *quen với tác phẩm văn học*, đồng thời còn là cơ sở để sinh viên học tiếp các học phần như: Phát triển chương trình Giáo dục mầm non, Rèn luyện NVSP TX 1, các chuyên đề của HP Tự chọn 3,...

Học phần này trang bị những kiến thức lí luận chung về *Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học*. Hình thành và rèn luyện cho sinh viên kỹ năng: thiết kế mục tiêu, nội dung; lựa chọn và phối hợp linh hoạt các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học; thiết kế và sử dụng các công cụ kiểm tra và đánh giá kết quả học tập *khi cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học*. Ngoài ra, HP còn giúp sinh viên có ý thức tự trau dồi, rèn luyện những phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp thích ứng với môi trường văn hóa học đường và xã hội hiện đại.

### 3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả (Goals description)	TĐ NL	Chuẩn đầu ra CTĐT
G1	Có kiến thức sâu rộng về những vấn đề chung của hoạt động cho trẻ làm quen với TPVH	3.5	1.1.3; 1.1.4; 1.2.1;1.2.2;1.3.3
G2	Có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình tổ chức cho trẻ làm quen với TPVH. Ứng dụng lí luận dạy học hiện đại vào tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với TPVH. Ý thức phấn đấu, phát triển nghề nghiệp.	3.0	1.3.2; 1.2.1; 2.4.2
		3.5	4.4.1;4.4.2;4.4.34 .4.5;4.4.6;4.4.4; 4.5.3;1.1.4
G3	Có kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả; giao tiếp và ứng xử phù hợp với môi trường nhà trường và ngoài xã hội.	3.0	3.2.4; 3.2.5
		3.5	3.1.5;4.5.1;4.5.3
G4	Hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện, đánh giá các hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học.	3.0	4.4.1;4.1.5;4.6.1; 4.6.2
		3.5	4.4.3; 4.4.4

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

(Mô tả các chủ đề CDR cấp độ 2 của học phần và mức độ giảng dạy I, T, U)

Mục tiêu (Gx)	Mục tiêu (Gx.x)	Mô tả CDR	Chuẩn đầu ra CDIO
<b>Kiến thức lập luận ngành</b>			
G1	G1.1	Phân tích, lý giải được những vấn đề chung về phương pháp cho trẻ làm quen với TPVH với tư cách là một ngành khoa học: khái niệm, đối tượng, ý nghĩa, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, mối quan hệ giữa cho trẻ làm quen với TPVH với các môn khoa học khác.	I T

	<b>G1.2</b>	Phân tích được đặc điểm tiếp nhận tác phẩm văn học nói chung và của trẻ mầm non nói riêng.	<b>I TU</b>
	<b>G1.3</b>	Phân tích được các nguyên tắc lựa chọn TPVH cho trẻ mầm non và nguyên tắc cho trẻ làm quen với TPVH.	<b>I T U</b>
	<b>G1.4</b>	Phân tích được mục tiêu phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non, nội dung cho trẻ làm quen với TPVH.	<b>I T U</b>
	<b>G1.5</b>	Phân tích được các phương pháp dạy học môn phương pháp cho trẻ làm quen với TPVH.	<b>I T U</b>
	<b>G1.6</b>	Phân tích được phương pháp, hình thức tổ chức dạy học các hoạt động dạy truyện cho trẻ mầm non.	<b>I U</b>
	<b>G1.7</b>	Phân tích được phương pháp, hình thức tổ chức dạy học các hoạt động dạy thơ cho trẻ mầm non.	<b>I U</b>
	<b>G1.8</b>	Phân tích được phương pháp, hình thức tổ chức dạy học các hoạt động trò chơi đóng kịch cho trẻ mầm non.	<b>I U</b>
	<b>G1.9</b>	Phân tích được cách thức thiết kế các hoạt động và phương pháp tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn phương pháp cho trẻ làm quen với TPVH.	<b>ITU</b>
<b>Kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân</b>			
<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	Phát hiện, phân tích và giải quyết được những vấn đề nảy sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với TPVH.	<b>IU</b>
	<b>G2.2</b>	Vận dụng được lí luận dạy học hiện đại để đổi mới nội dung, phương pháp dạy học các hoạt động cho trẻ làm quen với TPVH.	<b>TU</b>
	<b>G2.3</b>	Vận dụng được lí luận chung về văn học trẻ em, tâm lý học MN, giáo dục học MN... để xác định mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức cho trẻ làm quen với TPVH.	<b>TU</b>
	<b>G2.4</b>	Tự tìm hiểu, nghiên cứu các tài liệu về việc tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với TPVH ở trường mầm non.	<b>TU</b>
	<b>G2.5</b>	Vận dụng kiến thức về lí luận và thực tiễn trong giáo dục mầm non vào việc lập kế hoạch, thiết kế, tổ chức và đánh giá các hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học.	<b>IU</b>
<b>Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm</b>			
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Áp dụng kỹ năng làm việc nhóm khi thực hiện các nhiệm vụ của quá trình học tập học phần Phương pháp cho trẻ làm quen với TPVH.	<b>IU</b>
	<b>G3.2</b>	Tìm kiếm tài liệu, tự tin thuyết trình trước tập thể.	<b>IU</b>

	<b>G3.3</b>	Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong soạn thảo tài liệu, giáo án bài giảng, có khả năng thiết kế đồ dùng dạy học phù hợp với bộ môn.	<b>ITU</b>
	<b>G3.4</b>	Thực hành kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm phù hợp với môi trường nhà trường và ngoài xã hội.	<b>I U</b>
<b>Năng lực thực hành nghề nghiệp</b>			
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Hiểu được sứ mạng, mục tiêu và nhiệm vụ của nhà trường mầm non trong lĩnh vực tổ chức cho trẻ làm quen với TPVH.	<b>IU</b>
	<b>G4.2</b>	Xác định nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện thực hiện chương trình cho trẻ làm quen với TPVH.	<b>TU</b>
	<b>G4.3</b>	Lập được kế hoạch dạy học các loại bài, loại tiết cho trẻ làm quen với TPVH.	<b>TU</b>
	<b>G4.4</b>	Vận dụng được những vấn đề đổi mới về nội dung, PPDH vào quá trình thực hiện các hoạt động giáo dục cho trẻ làm quen với TPVH.	<b>TU</b>
	<b>G4.5</b>	Đánh giá và đổi mới các hoạt động tổ chức cho trẻ làm quen với TPVH.	<b>ITU</b>

**5. Đánh giá học phần** (các thành phần, các bài đánh giá và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR học phần (Gx.x)	Tỷ lệ (%)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<i>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</i>			<i>10%</i>
A1.1.1.	A1.1.1. Chuyên cần - Đủ số buổi học theo quy định	G1.1,G1.2,G1.3,G1.4, G1.5, G1.6, 1.7,G1.8,G1.9,	5%
	A1.1.2. Tinh thần, thái độ học tập - Đi học đúng giờ	G2.1,G2.2,G2.4,G2.3,G2.5, G3.1,G3.2,G3.2,G3.3,	5%
A1.1.2.	- Tích cực hoạt động học tập cá nhân và hợp tác nhóm - Phát biểu, xây dựng bài học	G3.4,G4.1, G4.2, G4.3, G4.4, G4.5	
<i>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</i>			<i>20%</i>
A1.2.1 Bài tập, bài thu hoạch qua thảo luận:	Vở bài tập cá nhân, Báo cáo tiến độ công việc, bài thu hoạch. Thực hiện bài tập, nhiệm vụ độc lập hoặc dưới sự hướng dẫn của giáo viên, bao gồm cả nội dung tự học	G3.1,G3.2 G3.3,G3.4, G4.5	10%
A1.2.2	Báo cáo bài tập nhóm; báo cáo kết quả	G4.1,G4.2, G4.3, G4.4, G4.5	10%

	thảo luận; Phiếu tự đánh giá; Sinh viên trong nhóm tự đánh giá, Thực hành theo nhóm		
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ) TNKQ</b>			<b>20%</b>
Kiểm tra lần 1	A1.3.1. Bài kiểm tra giữa kỳ - Thời gian: - Hình thức: Trắc nghiệm - Nội dung: Tín chỉ 1,2 - Chương 1, 2	G1.1, G1.2, G1.3, G2.3, G2.4	10%
A1.3.2. Bài kiểm tra giữa kỳ lần 2	A1.3.2. Bài kiểm tra giữa kỳ - Thời gian: - Hình thức: Trắc nghiệm - Nội dung: Tín chỉ 2,3 - Chương 2,3	G1.4, G1.5, G1.6, G1.7, G1.8, G1.9, G2.5, G2.4,	10%
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ - Tự luận</b>			<b>50%</b>
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>	A2.1. Bài thi cuối kỳ - Thời gian: 120 phút - Hình thức: Tự luận - Nội dung: Toàn bộ học phần	G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G1.5, G1.6, G1.7, G1.8, G1.9, G2.3, G2.4, G2.5, G2.4	<b>40%</b>
	A2.2 Thực hành tập giảng	G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G1.5, G1.6, G1.7, G1.8, G1.9, G2.3, G2.4, G2.5,	<b>10%</b>

**6. Nội dung giảng dạy** (các nội dung giảng dạy lý thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CDR và các bài đánh giá học phần)

**6.1. Nội dung giảng dạy**

<i>Nội dung giảng dạy</i>	Chuẩn đầu ra	Bài đánh giá
<b>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI TPVH</b>		
<b>1.1. Khái niệm cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học</b>	G1.1, G2.1,	A1
<b>1.2. Đối tượng môn học</b>	G2.5, G4.1	A1.1.1
<b>1.3. Mục đích cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học</b>		A1.1.2.
<b>1.4. Nhiệm vụ cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học</b>		A1.2.1
<b>1.5. Ý nghĩa cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học</b>		A1.2.2
1.5.1. Góp phần mở rộng nhận thức, phát triển trí tuệ cho trẻ		A.1.3.1
1.5.2. Góp phần giáo dục đạo đức		
1.5.3. Góp phần giáo dục thẩm mỹ		
1.5.4. Góp phần phát triển ngôn ngữ		
1.5.5. Góp phần hình thành ở trẻ hứng thú “đọc sách”, kỹ năng đọc và kể tác phẩm		

<p><b>1.6. Mối liên hệ của môn học với các khoa học khác</b></p> <p><b>1.7. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học của bộ môn</b></p> <p><b>1.8. Một số quan điểm giáo dục về phương pháp cho trẻ làm quen với TPVH</b></p>		
<p><b>CHƯƠNG 2. ĐẶC ĐIỂM TIẾP NHẬN VĂN HỌC VÀ NGUYÊN TẮC CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI TPVH</b></p> <p><b>2.1. Đặc điểm tiếp nhận tác phẩm văn học của trẻ mầm non</b></p> <p><b>2.1.1. Đặc điểm tiếp nhận văn học nghệ thuật</b></p> <p><b>2.1.2. Đặc điểm tiếp nhận tác phẩm văn học của trẻ mầm non</b></p> <p>2.1.2.1. Tiếp nhận gián tiếp</p> <p>2.1.2.2. Tiếp nhận ngây thơ, triệt đề</p> <p>2.1.2.3. Tiếp nhận mang đậm màu sắc xúc cảm và các yếu tố tâm lí</p> <p>2.1.2.4. Tiếp nhận bị ràng buộc bởi lý trí và kinh nghiệm sống</p> <p>2.1.2.5. Tiếp nhận văn học của trẻ mang tính tập thể</p> <p><b>2.2. Các nguyên tắc cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học</b></p> <p><b>2.2.1. Các nguyên tắc lựa chọn tác phẩm văn học cho trẻ em</b></p> <p><b>2.2.2. Các nguyên tắc cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học</b></p> <p>2.2.2.1. Phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo</p> <p>2.2.2.2. Đảm bảo tính vừa sức</p> <p>2.2.2.3. Đảm bảo tính hệ thống</p> <p>2.2.2.4. Đảm bảo sự hứng thú</p> <p>2.2.2.5. Đảm bảo giá trị nội dung, nghệ thuật, hình thức của tác phẩm văn học</p> <p>2.2.2.6. Tích hợp nội dung trong tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học</p> <p>2.2.2.7. Kết hợp các nguyên tắc, phương pháp, biện pháp, hình thức giảng dạy</p>	<p>G1.2, G2.1, G2.2, G3.2, G4.2</p>	<p>A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A1.3.1</p>
<p><b>CHƯƠNG 3: NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI TPVH</b></p> <p><b>3.1. Nội dung cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học</b></p> <p><b>3.1.1. Mục tiêu giáo dục phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non</b></p> <p>3.1.1.1. Mục tiêu phát triển ngôn ngữ chung</p> <p>3.1.1.2. Mục tiêu phát triển ngôn ngữ cụ thể</p> <p><b>3.1.2. Nội dung cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học</b></p> <p>3.1.2.1. Thơ</p> <p>3.1.2.2. Truyện</p> <p>3.1.2.3. Ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố</p>	<p>G1.3, G2.1, G2.3, G2.5, G2.6, G3.2, G4.3</p>	<p>A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A1.3.2</p>

<p><b>3.2. Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học</b></p> <p><b>3.2.1. Đọc và kể tác phẩm có nghệ thuật</b></p> <p>3.2.1.2. Đọc diễn cảm</p> <p>3.2.1.3. Kể diễn cảm</p> <p><b>3.2.2. Đàm thoại - trích dẫn về tác phẩm văn học</b></p> <p>3.2.2.1 Đàm thoại</p> <p>3.2.2.2. Trích dẫn trong tác phẩm văn học</p> <p><b>3.2.3. Sử dụng các phương tiện trực quan</b></p> <p>3.2.3.1. Tranh ảnh</p> <p>3.2.3.2. Mô hình, rỗi, sa bàn</p> <p>3.2.3.3. Vật thật, sân khấu</p> <p>3.2.3.4. Băng, đĩa, video, phim hoạt hình</p> <p><b>3.2.4. Phương pháp tổ chức cho trẻ hoạt động văn học nghệ thuật - trò chơi đóng kịch</b></p>		
<p><b>CHƯƠNG 4: CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI TPVH</b></p> <p><b>4.1. Hoạt động học cho trẻ làm quen TPVH</b></p> <p><b>4.1.1. Yêu cầu, chuẩn bị hoạt động học</b></p> <p><b>4.1.2. Nội dung và cấu trúc hoạt động học</b></p> <p><b>4.1.3. Phân loại hoạt động học cho trẻ làm quen TPVH</b></p> <p><i>4.1.3.1. Truyện</i></p> <p>+ Hoạt động đọc (kể) chuyện cho trẻ nghe</p> <p>+ Hoạt động dạy trẻ kể lại chuyện</p> <p><i>4.1.3.2. Thơ</i></p> <p>+ Hoạt động đọc thơ cho trẻ nghe</p> <p>+ Hoạt động dạy trẻ đọc thuộc thơ diễn cảm</p> <p><i>4.1.3.3. Trò chơi đóng kịch dựa theo tác phẩm văn học</i></p> <p><b>4.2. Tổ chức cho trẻ làm quen với TPVH ngoài hoạt động học</b></p> <p>4.2.1. Trong hoạt động đón trả trẻ</p> <p>4.2.2. Trong hoạt động góc</p> <p>4.2.3. Trong hoạt động ngoài trời</p> <p>4.2.3. Trong hoạt động chiều</p> <p>4.2.4. Trong hoạt động vệ sinh, ăn ngủ...</p> <p>4.2.5. Trong hoạt động mọi lúc mọi nơi</p>	<p>G1.3, G2.1, G2.3, G2.5, G2.6, G3.2, G4.3</p>	<p>A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A1.3.2</p>
<p><b>Chương 5. THỰC HÀNH HOẠT ĐỘNG CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI TPVH</b></p> <p><b>5.1. Bài thực hành 1: Nội dung cho trẻ làm quen với tác</b></p>	<p>G3.1,G3.2G 3.3,G3.4 G4.1,G4.2G</p>	<p>A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1</p>

<p><b>phẩm văn học heo chủ đề các độ tuổi</b></p> <p><b>1.1. Thơ</b></p> <p><b>2.2. Truyện</b></p> <p><b>1.3. Ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố</b></p> <p><b>5.2. Bài thực hành 2: Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học</b></p> <p>2.1. Phương pháp đọc, kể diễn cảm</p> <p>2.2. Phương pháp sử dụng đồ dùng trực quan</p> <p>2.3. Phương pháp tổ chức trò chơi đóng kịch</p> <p><b>5.3 Bài thực hành 3: Soạn giáo án các hoạt động thơ</b></p> <p>5.3.1. Soạn giáo án</p> <p>5.3.2. Tập giảng</p> <p><b>5.4 Bài thực hành 4: Soạn giáo án các hoạt động truyện</b></p> <p>5.4.1. Soạn giáo án</p> <p>5.4.2. Tập giảng</p> <p><b>5.5 Bài thực hành 5: Soạn giáo án các hoạt động kể sáng tạo - trò chơi đóng kịch</b></p> <p>5.5.1. Soạn giáo án</p> <p>5.5.2. Tập giảng</p>	4.3,G4.4	A1.2.2 A1.3.3
--	----------	------------------

**7. Nguồn học liệu** (các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, ...)

**Tài liệu chính:**

[1] Phan Xuân Phồn, Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học, NXB Đại học Vinh, 2013

[2] Lã Thị Bắc Lý, Lê Thị Ánh Tuyết, Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học, NXB GDVN

**Tài liệu tham khảo:**

[3] Hà Nguyễn Kim Giang (2003): Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học, NXB GDVN

[4] Phan Xuân Phồn, Văn học trẻ em, NXB Đại học Vinh, 2013

[5] Đặng Thu Quỳnh, Tuyển chọn truyện kể cho trẻ, NXB Giáo dục. 2002

[6] Lã Thị Bắc Lý, Văn học thiếu nhi với giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non, NXB Đại học Sư phạm, 2015

[7] Lã Thị Bắc Lý, Lê Thị Ánh Tuyết (2000) Văn học trẻ em, NXB GDVN

[8] Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề, NXB Giáo Dục Việt Nam năm 2009

**8. Quy định của học phần**

Các quy định của học phần như:

- Sinh viên nộp Hồ sơ học phần theo yêu cầu.

- Sinh viên phải nộp bài tập/báo cáo/ bài tập nhóm đầy đủ, đúng thời gian qui định. Về bài tập phải hoàn thiện và nộp sau khi học xong mỗi chương để giảng viên lưu hồ sơ học tập.

- Tỷ lệ thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp/thực hành ít nhất 80% số tiết học phần cả lý thuyết và thực hành mới đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần.

#### **9. Phụ trách học phần**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Bộ môn Giáo dục mầm non - Khoa Giáo dục

- Địa chỉ/email: khoagiaoduc@vinhuni.vn

**10. Ngày phê duyệt:** 10/4/2017

**11. Cấp phê duyệt :**

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: PHƯƠNG GIÁO DỤC ÂM NHẠC CHO TRẺ MẦM NON**

**1. Thông tin tổng quát**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: Võ Trọng Vinh

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0972486099, vovinhna@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: Phan Huy Hà

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Đại học

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0914266664, phanhuyha@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non

**1.2. Thông tin về học phần:**

- Tên học phần (tiếng Việt): <b><i>Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non</i></b> (tiếng Anh): <b><i>Method of music education for preschool children</i></b>	
- Mã số môn học:	
<b>- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b> <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác <input type="checkbox"/> Môn học đề án tốt nghiệp
- Số tín chỉ: 4	
+ Số tiết lý thuyết:	45
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	
+ Số tiết thực hành:	15
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	120
- Môn học tiên quyết:	<i>Âm nhạc</i>
- Môn học song hành:	<i>Tâm lý học trẻ em; Giá dục học Mầm non</i>

**2. Mô tả học phần:**

Học phần phương giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non là môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo hệ đại học chính quy, tiếp cận

CDIO ngành Giáo dục mầm non. Học phần gồm 4 tín chỉ, trong đó 3 tín chỉ lý thuyết, 1 tín chỉ thực hành, học phần gồm có 5 chương.

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận phương pháp dạy học âm nhạc, các kỹ năng tổ chức các hoạt động âm nhạc ở trường mầm non. Từ đó có kỹ năng phân tích áp dụng và tổ chức các hoạt động dạy học vào thực tiễn, đạt hiệu quả hơn.

### 3. Mục tiêu:

#### 3.1. Về kiến thức

- Hiểu được vai trò, mục tiêu, nhiệm vụ của môn học trong giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non
- Có kiến thức về lý luận phương pháp dạy học âm nhạc cho trẻ mầm non
- Có kiến thức tổ chức, đánh giá các hoạt động dạy học âm nhạc ở trường mầm non.

#### 3.2. Về kỹ năng

- Vận dụng hợp lý hệ thống các phương pháp dạy học trong từng tiết dạy.
- Lập kế hoạch, thiết kế được các nội dung trong các tiết dạy âm nhạc theo chủ đề, theo lứa tuổi và các nhóm trẻ ở trường mầm non.
- Thực hiện đánh giá được các hoạt động âm nhạc ở trường mầm non.

### 4. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goals description)	Trình độ năng lực	CDR CTĐT
<b>G1</b>	- Nắm được vai trò của giáo dục âm nhạc đối với sự phát triển nhân cách trẻ	1.2.1;1.2.2; 1.2.4	3.0
	- Biết được đặc điểm khả năng âm nhạc của trẻ theo nhóm tuổi, ở trường mầm non.	1.3.2; 1.3.3	3.0
<b>G2</b>	- Nắm được các dạng hoạt động âm nhạc ở trường Mầm non	2.1.1; 2.1.2	3.0 3.0
	- Nắm được các bước dạy và cấu trúc giáo án	2.3.2	
	- Nắm được các hình thức, tổ chức phương pháp dạy học	2.3.2	3.0
<b>G3</b>	- Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và thuyết trình các vấn đề giáo dục	3.1.1; 3.1.2; 3.2.4;	3.0
		3.2.5	3.0
<b>G4</b>	- Nhận biết mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung các hoạt động về phương pháp giáo dục âm nhạc trong chương trình Giáo dục mầm non.	4.1.1; 4.2.2;4.2.3	3.0
	- Biết cách soạn giáo án và dạy các loại tiết ở các độ tuổi	4.1.1; 4.4.1;4.4.2	3.0
	- Người học nắm chắc kiến thức, tự tin khi đứng lớp thực hiện tiết dạy, say mê tìm tòi và có thái	4.5.1;4.4.5; 4.4.1;4.6.1;	3.0

	độ yêu nghề, yêu trẻ. - Biết tổ chức, đánh giá, thực hiện tốt các hoạt động ngoại khoá ở trường Mầm non	4.2.2	3.0
--	--	-------	-----

### 5. Chuẩn đầu ra học phần:

Chuẩn đầu ra của HP		Mô tả (Sau khi học xong học phần này, người học có thể: )	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1	G1.1	Trình bày, phân tích được các vấn đề lý luận về phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non	I, T
	G1.2	Phân tích được vai trò của âm nhạc, đặc điểm, khả năng âm nhạc đối với sự phát triển của trẻ	T
	G1.3	Xác định và phân tích được các phương pháp, các kỹ năng và hình thức tổ chức đánh giá các hoạt động âm nhạc cho trẻ	T, U
G2	G2.1	Xác định được mục đích, yêu cầu, hình thức tổ chức các hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	T,U
	G2.2	Biết lập kế hoạch, thiết kế, tổ chức thực hiện tiết dạy và đánh giá các hoạt động âm nhạc của trẻ mầm non	U
	G2.3	Tự tìm hiểu nội dung chương trình, nghiên cứu các tài liệu về phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non	I,T
	G2.4	Có phẩm chất đạo đức, nghiêm túc, trung thực, yêu nghề	T,U
G3	G3.1	Trình bày được các vấn đề về hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non	T
	G3.2	Có khả năng phân công, hợp tác, chia sẻ các nhiệm vụ của học phần	T,U
	G3.3	Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong soạn thảo tài liệu, giáo án bài giảng, thiết kế đồ dùng dạy học	T,U
G4	G4.1	Có kiến thức, xác định được mục tiêu và nhiệm vụ trong việc giáo dục, bồi dưỡng thị hiếu thẩm mỹ cho trẻ	I,T
	G4.2	Thực hiện được các hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non	U
	G4.3	Đánh giá các hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non	U

### 5. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Chuẩn đầu ra học phần	Tỷ lệ (%)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50</b>
<i>A1.1. Ý thức học tập</i>			<i>10</i>

	A1.1.1. Mức độ chuyên cần và đảm bảo giờ giấc	G1; G2	5
	A1.1.2. Thái độ hợp tác với giảng viên và các thành viên trong nhóm, lớp	G3.1, G3.2, G2.3, G2.4	5
<b>A1.2. Hồ sơ học phần</b>			<b>20</b>
	A1.2.1. Vở bài tập,	G1.1, G1.2, G1.3, G1.3,	10
	A.1.2.2. kết quả hoạt động nhóm, tập dạy	G3.1, G3.2, G3.3, G4.1, G4.2, G4.3	10
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)</b>			<b>20</b>
	A1.3.1: Bài kiểm tra trắc nghiệm Nội dung chương 1,2,3,4,5: Lý thuyết âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc cho trẻ mầm non.(Các mục: Từ mục1.1 đến hết mục 5.3)	G1.1, G1.2; G1.3; G2.1; G2.4; G4.1; G4.2; G4.3;	20
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>			<b>50</b>
	- Thi tự luận nội dung chương 1,2,3,4,5: Lý thuyết âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc cho trẻ mầm non.(Các mục: Từ mục1.1 đến hết mục 5.3).	G1.2, G1.3, G2.1; G2.2; G2.3; G2.4; G4.1; G4.2; G4.3;	50

Tính điểm kết thúc học phần theo công thức:

$$A = a1.0,1 + a2.0,2 + a3.0,2 + a4.0,5$$

- a1 là điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên
- a2 là điểm đánh giá hồ sơ học tập học phần
- a3 là điểm đánh giá giữa học phần
- a4 là điểm đánh giá cuối kỳ

## 6. Nội dung giảng dạy

Nội dung	Chuẩn đầu ra	Đánh giá
<b>Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ GIÁO DỤC ÂM CHO TRẺ MẦM NON</b>		
<b>1.1. Vai trò giáo dục âm nhạc đối với sự phát triển nhân cách trẻ</b>	G1.1; G1.2	A1 A1.1.1
1.1.1 Âm nhạc là phương tiện giáo dục thẩm mỹ	G1.1;	A1.1.2.
1.1.2. Âm nhạc là phương tiện giáo dục đạo đức	G1.2	A1.2.1
1.1.3. Âm nhạc góp phần phát triển trí tuệ	G2.2	A1.2.2
1.1.4. Âm nhạc góp phần phát triển thể chất	G3.1	A.1.3.1
<b>1.2. Đặc điểm, khả năng âm nhạc của trẻ theo nhóm tuổi</b>	G1.3	
1.2.1. Đặc điểm khả năng âm nhạc nhóm tuổi NT	G4.3	

1.2.2.Đặc điểm khả năng âm nhạc nhóm tuổi MG		
<b>1.3. Nhiệm vụ và phương pháp dạy học cơ bản</b>		
1.3.1.Nhiệm vụ giáo dục âm nhạc cho trẻ MN		
1.3.2.Phương pháp dạy học cơ bản		
<b>Chương 2. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG ÂM NHẠC CHO TRẺ MẦM NON</b>		
<b>2.1. Ca hát</b>	G1.3;	A1
2.1.1 Ý nghĩa giáo dục của hoạt động ca hát	G2.1;	A1.1.1
2.1.2 Đặc điểm cơ quan phát âm của trẻ	G2.2	A1.1.2.
2.1.3 Yêu cầu cần đạt khi dạy trẻ hát (kỹ năng ca hát)	G1.3;	A1.2.1
2.1.4. Lựa chọn bài cho trẻ hát	G2.1;	A1.2.2
2.1.5. Các bước tiến hành dạy hát	G3.3	A.1.3.1
2.1.6. Chuẩn bị dạy hát	G3.2	
<b>2.2. Vận động theo nhạc</b>	G4.2	
2.2.1.Ý nghĩa giáo dục của vận động theo nhạc	G4.3	
2.2.2.Đặc điểm, khả năng vận động của trẻ.	G3.1	
2.2.3.Các PP dạy học cơ bản		
2.2.4.Dạng vẽ, cách vẽ, động tác vẽ, bài vẽ.		
2.2.5. Biên đạo động tác vận động		
2.2.6. Các bước tiến hành dạy vận động		
2.2.7. Chuẩn bị dạy vận động		
2.2.8. Một số gợi ý, hướng dẫn biên đạo bài vận động, bài múa		
<b>2.3. Nghe nhạc</b>		
2.3.1.Ý nghĩa của nghe nhạc.		
2.3.2. Nội dung nghe nhạc		
2.3.3. Lựa chọn tác phẩm cho trẻ nghe		
2.3.4. Phương pháp dạy trẻ nghe nhạc		
2.3.5. Các hình thức tổ chức nghe nhạc		
2.3.6. Các bước tiến hành		
2.3.7. Chuẩn bị dạy trẻ nghe nhạc		
<b>2.4. Trò chơi âm nhạc</b>		
2.4.1. Ý nghĩa của trò chơi âm nhạc đối với trẻ		
2.4.2. Các loại đồ chơi		
2.4.3. Các loại trò chơi, dạng trò chơi		
2.4.4. Các bước và phương pháp tổ chức trò chơi		
<b>Chương 3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ÂM NHẠC Ở TRƯỜNG MẦM NON</b>		

<b>3.1. Những vấn đề chung</b> 3.1.1. Quan điểm sư phạm tích hợp 3.1.2. Cách tổ chức môi trường giáo dục trong lớp <b>3.2. Chủ đề và hướng dẫn thực hiện</b> 3.2.1. Giới thiệu chủ đề 3.2.2. Nội dung chủ đề 3.2.3. Kế hoạch thực hiện	G1.1; G3.2 G2.1 G2.2	A1 A1.1.1 A1.1.2. A1.2.1 A1.2.2 A.1.3.1
<b>Chương 4. CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ÂM NHẠC.</b> <b>4.1. Nội dung hoạt động âm nhạc.</b> 4.1.1. Một số vấn đề trong giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non. 4.1.2. Nội dung chương trình 4.1.3. Nội dung tiết học <b>4.2. Hoạt động âm nhạc hàng ngày ở trường mầm non</b> 4.2.1 Âm nhạc trong giờ đón trẻ và thể dục sáng 4.2.2. Âm nhạc trong giờ hoạt động có chủ định 4.2.3. Âm nhạc trong hoạt động góc 4.2.4. Âm nhạc trong hoạt động ngoài giờ 4.2.5. Âm nhạc trong hoạt động buổi chiều	G1.1; G3.2 G2.1 G2.2 G2.3 G2.4	A1 A1.1.1 A1.1.2. A1.2.1 A1.2.2 A.1.3.1
<b>Chương 5. THIẾT KẾ BÀI SOẠN VÀ TẬP GIẢNG</b> <b>5.1. Thiết kế bài soạn</b> 5.1.1. Lập kế hoạch 5.1.2. Cách thiết kế bài soạn giáo dục âm nhạc theo chủ đề 5.1.3. Tiến trình bài dạy 5.1.4. Soạn giáo án các loại <b>5.3. Tập giảng</b>	G2.1; G2.2; G3.1; G3.2; G3.3; G2.4; G3.2; G4.1; G4.3; G4.2	A1 A1.1.1 A1.1.2. A1.2.1 A1.2.2 A.1.3.1
<b>PHẦN 2: THỰC HÀNH</b>		
<b>Thực hành tại lớp học/ PTN</b>		
<b>5.2. Tập giảng</b> 5.2.1. Tập dạy các loại tiết trên lớp 1. Dạy hát ( 2,3 tuổi) 2. Dạy hát (3,4 tuổi). 3. Dạy vận động (3,4 tuổi) 4. Dạy hát và vận động (4,5 tuổi) 5. Dạy hát và vận động (5,6 tuổi) - Tự diễn đạt các giáo án - Tự làm trẻ cho bạn tập dạy - Nhận xét các tiết dạy	G2.1; G2.2 G3.1 G3.2 G3.3; G2.4; G3.2; G4.1 G4.3 G4.2	A1 A1.1.1 A1.1.2. A1.2.1 A1.2.2 A.1.3.1

- Học thuộc giáo án		
<b>Thực hành tại trường mầm non</b>		
<b>5.3. Tập giảng</b>	G2.1;	A1
5.3.1. Tập dạy các loại tiết trên lớp	G2.2;G3.1	A1.1.1
1.Dạy hát nhóm 2,3,3,4,5 tuổi	G3.2;G3.3	A1.1.2.
2.Dạy vận động nhóm 3,4,5 ,6tuổi	G2.4;G3.2	A1.2.1
3.Dạy tiết biểu diễn nhóm 5,6 tuổi	G4.1;G4.3	A1.2.2
- Tự diễn đạt các giáo án	G4.2;	A.1.3.1
- Sắp đặt, bố trí khuôn viên lớp học		

## 7. Học liệu

### *Tài liệu chính:*

[1] Mai Tuấn Sơn, Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, (2016).

### *Tài liệu tham khảo:*

[2] Lê Thu Hương, *Hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, (2009).

[3] Vụ Giáo dục mầm non, *Hướng dẫn thực hiện đổi mới hình thức tổ chức hoạt động giáo dục*, NXB Giáo dục (2009)

[4] Hoàng Long-Hoàng Lân, *Phương pháp dạy học âm nhạc*, NXB Đại học sư phạm, 2000

[5] Hoàng Văn Yên, *Trẻ mầm non ca hát*, nhà xuất bản Âm nhạc 2002

## 8. Quy định của học phần

- Phần lý thuyết học tập trung trên lớp
- Phần thực hành học theo nhóm từ 5 - 10 sinh viên
- Đối với sinh viên:
  - + Tham gia đầy đủ số giờ của học phần.
  - + Có đủ tài liệu để học tập.
  - + Phải đọc trước tài liệu ở nhà, làm bài tập, luyện tập các bài thực hành
  - + Phải làm đủ các bài kiểm tra

## 9. Phụ trách học phần

- Khoa Giáo dục - tổ Giáo dục Mầm non
- Địa chỉ/email: + phanhuyha@vinhuni.edu.v ; [vovinhna@vinhuni.edu.vn](mailto:vovinhna@vinhuni.edu.vn)

10. Ngày phê duyệt: 10/4/2017

11. Cấp phê duyệt :

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

### HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG TOÁN CHO TRẺ

#### 1. Thông tin tổng quát

##### 1.1. Thông tin về giảng viên

1.1.1. Họ và tên: **Phạm Thị Huyền**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0931395996

email: phamthihuyen.vinh@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:

- Phương pháp dạy học bộ môn, gồm: Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ; Phương pháp cho trẻ khám phá môi trường xung quanh; Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ.

- Phát triển chương trình giáo dục mầm non.

- Bồi dưỡng giáo viên mầm non.

1.1.2. Họ và tên: **Phạm Thị Hải Châu**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục, Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục, Đại học Vinh

Điện thoại, email: chauphamhai@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Toán cơ sở và phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ.

##### 1.2. Thông tin về môn học

- Tên môn học (tiếng Việt): Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ	
- Tên môn học (tiếng Anh): The methods of forming math symbols for children	
- Mã số môn học: EDU	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành
<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
<input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung	<input type="checkbox"/> Môn học đồ án tốt nghiệp
- Số tín chỉ:	5 tín chỉ
+ Số tiết lý thuyết:	45
+ Số tiết thảo luận nhóm/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	15*1,5= 22,5 tiết/ nhóm
+ Số tiết tự học:	150
- Môn học tiên quyết:	Tâm lý học giáo dục trẻ em, Giáo dục học mầm non, Toán cơ sở
- Môn học song hành:	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình, phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ, Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học.

## 2. Mô tả học phần

Học phần *Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này* nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hình thành biểu tượng toán (HTBT) toán cho trẻ; trang bị kỹ năng và giúp SV có các năng lực: hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động HTBT toán, đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT.

## 3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả (Goals description)	TĐ NL	Chuẩn đầu ra CTĐT
<b>G1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kiến thức chuyên môn về lý luận và thực tiễn hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ</li> <li>- Phân tích được các vấn đề lý luận và thực tiễn về vai trò, nhiệm vụ, đặc điểm, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ.</li> </ul>	3.0	1.1.5
		3.0	1.2.1;1.2.2; 1.2.4
		3.5	1.3.2; 1.3.3
<b>G2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được vấn đề của hoạt động HTBT toán cho trẻ.</li> <li>- Áp dụng kỹ năng và phẩm chất cá nhân, phẩm chất nghề nghiệp trong quá trình tổ chức hoạt động HTBT toán cho trẻ.</li> </ul>	3.0	2.1.1; 2.1.2; 2.1.3
		3.0	2.3.1; 2.3.2; 2.3.3
		3.0	2.4.1; 2.4.3; 2.4.4; 2.4.6
		3.0	2.5.1; 2.5.2; 2.5.3; 2.5.4
<b>G3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và nghiên cứu tài liệu; kỹ năng làm đồ dùng dạy học</li> <li>- Kỹ năng ứng xử sư phạm.</li> </ul>	3.0	3.1.1; 3.1.2
		3.5	3.2.3
		3.0	3.2.4; 3.2.5
<b>G4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vận dụng kiến thức về phương pháp giáo dục mầm non nói chung và phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ nói riêng vào việc lập kế hoạch, thiết kế, tổ chức và đánh giá các hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ.</li> </ul>	3.0	4.1.1; 4.2.3
		3.0	4.3.1; 4.3.2; 4.3.3
		3.5	4.4.3; 4.4.4; 4.4.5; 4.4.6; 4.5.3; 4.6.1; 4.6.2

#### 4. Chuẩn đầu ra học phần

(Mô tả các chủ đề CDR cấp độ 3 của học phần và mức độ giảng dạy I, T, U)

Mục tiêu (Gx)	Mục tiêu (Gx.x)	Mô tả CDR	Chuẩn đầu ra CDIO
<b>Kiến thức và lập luận ngành</b>			
<b>G1</b>	<b>G1.1</b>	Hiểu được kiến thức nhập môn môn học: đối tượng nghiên cứu của môn học, nhiệm vụ của môn học, mối quan hệ của môn học với các ngành khoa học.	<b>I, T</b>
	<b>G1.2</b>	Hiểu được những kiến thức lý luận của quá trình hình thành biểu tượng toán cho trẻ: bản chất, vai trò, nhiệm vụ hình thành biểu tượng toán cho trẻ.	<b>T</b>
	<b>G1.3</b>	Hiểu được đặc điểm quá trình nhận biết biểu tượng toán, các nguyên tắc hình thành biểu tượng toán cho trẻ.	<b>T</b>
	<b>G1.4</b>	Hiểu được các nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hình thành biểu tượng toán cho trẻ.	<b>T</b>
	<b>G1.5</b>	- Trình bày được đặc điểm phát triển biểu tượng về tập hợp, con số, phép đếm của trẻ. - Vận dụng được nội dung, phương pháp vào tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng tập hợp, con số, phép đếm cho trẻ.	<b>I</b> <b>T, U</b>
	<b>G1.6</b>	- Trình bày được đặc điểm phát triển biểu tượng về hình dạng vật thể của trẻ. - Vận dụng được nội dung, phương pháp vào tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng hình dạng vật thể cho trẻ.	<b>I</b> <b>T, U</b>
	<b>G1.7</b>	- Trình bày được đặc điểm phát triển biểu tượng về kích thước vật thể của trẻ. - Vận dụng được nội dung, phương pháp vào tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng kích thước vật thể cho trẻ.	<b>I</b> <b>T, U</b>
	<b>G1.8</b>	- Trình bày được đặc điểm phát triển biểu tượng về định hướng không gian của trẻ. - Vận dụng được nội dung, phương pháp vào tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng định hướng không gian cho trẻ.	<b>I</b> <b>T, U</b>
	<b>G1.9</b>	- Trình bày được đặc điểm phát triển biểu tượng về định hướng thời gian của trẻ.	<b>I</b>

		- Vận dụng được nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng định hướng thời gian cho trẻ.	<b>T, U</b>
<b>Kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân</b>			
<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	Vận dụng được kiến thức tâm lý học trẻ em, giáo dục học mầm non, toán cơ sở vào việc xác định nhiệm vụ, đặc điểm, nguyên tắc, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ.	<b>T, U</b>
	<b>G2.3</b>	Phân tích các tài liệu và thực tiễn việc tổ chức các hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ ở trường mầm non.	<b>T, U</b>
	<b>G2.4</b>	Yêu nghề, mến trẻ, cần cù, chịu khó.	<b>U</b>
<b>Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm</b>			
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Thực hiện làm việc nhóm hiệu quả.	<b>U</b>
	<b>G3.2</b>	Có Khả năng thuyết trình.	<b>U</b>
	<b>G3.3</b>	Có Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong soạn thảo tài liệu, giáo án bài giảng	<b>U</b>
	<b>G3.4</b>	Có khả năng thiết kế đồ dùng dạy học phù hợp với bộ môn	<b>U</b>
	<b>G3.5</b>	Có khả năng ứng xử sự phạm phù hợp, hiệu quả.	<b>U</b>
<b>Năng lực thực hành nghề nghiệp</b>			
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Vận dụng được lý luận vào việc xác định mục tiêu, nhiệm vụ HTBT toán của nhà trường mầm non.	<b>U</b>
	<b>G4.2</b>	Vận dụng nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện thực hiện vào việc thiết kế các loại bài, loại tiết hình thành biểu tượng toán phù hợp với các độ tuổi.	<b>T, U</b>
	<b>G4.3</b>	Thực hiện được các hoạt động giáo dục hình thành biểu tượng toán cho trẻ	<b>T, U</b>
	<b>G4.5</b>	Đánh giá và đổi mới hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ theo nguyên tắc “lấy trẻ làm trung tâm”	<b>I, U</b>

**5. Đánh giá học phần** (các thành phần, các bài đánh giá và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

<b>Thành phần đánh giá (1)</b>	<b>Bài đánh giá (2)</b>	<b>CDR học phần (Gx.x) (3)</b>	<b>Tỷ lệ (%) (4)</b>
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</b>			<b>10%</b>
Chuyên cần Ý thức học tập	1.1.1.Chuyên cần (số buổi đi học)	G1.2, G1.3 G1.4, G1.5,	5%
	1.1.2. Ý thức học tập	G1.6; G2.1, G2.2, G2.3, G2.4, G2.5, G2.6; G3.1, G3.2, G3.3, G3.4; G4.1, G4.2, G4.3	5%
<b>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</b>			<b>20%</b>
<b>A.1.2.1 Bài tập</b>	Soạn giáo án HTBT toán cho trẻ mầm non (5 giáo án).	G1.2, G2.1, G3.3; G4.2, G4.3; G1.4, G2.3, G1.5, G2.4. G1.7, G2.6, G4.1, G4.3	10%
<b>A.1.2.2. Thảo luận nhóm</b>	1/ Tìm hiểu nội dung HTBT toán cho trẻ trong Chương trình GDMN quốc gia. 2/ Thảo luận các nguyên tắc HTBT toán cho trẻ	G2.1; G2.2; G2.3; G.2.4; G1.6, G2.5, G3.1, G3.2, G3.3, G3.4	10%
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ): Hình thức TNKQ</b> Mỗi bộ đề trắc nghiệm gồm 75 câu hỏi			<b>20%</b>
<b>A.1.3.1. Bài kiểm tra số 1</b>	-Hình thức: trắc nghiệm khách quan -Nội dung: Bài 1+ Bài 2 + Bài 3+ Bài 4. - Thời điểm: Kiểm tra ở tuần thứ 5 (tín chỉ 1+2)	G1.1; G1.2; G1.3; G1.4; G1.5; G2.1; G2.2; G2.3; G2.4; G3.1, G3.2, G3.3, G3.4	10%
<b>A.1.3.2. Bài kiểm tra số 2</b>	Hình thức: trắc nghiệm khách quan -Nội dung: Bài 6+ Bài 7+ Bài 8+Bài 9 - Thời điểm: Kiểm tra ở tuần thứ 10 (tín chỉ 3+4)	G1.1; G1.2; G1.3; G1.4; G1.5; G2.1; G2.2; G2.3; G2.4; G3.1, G3.2, G3.3, G3.4; G4.1; G4.2;	10%
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>			<b>50%</b>
<b>A2.1</b>	- Hình thức thi: Đồ án học phần - Thời gian: 20 phút/1 nhóm - Nội dung: 5 tín chỉ	G1; G2; G4	40%
<b>A2.2</b>	Thực hành tập giảng	G4.1; G4.2; G4.3; G4.4	10%

**6. Nội dung giảng dạy** (các nội dung giảng dạy lý thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CĐR và các bài đánh giá học phần)

<b>Nội dung giảng dạy</b>	<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Bài đánh giá</b>
<p><b>Chương 1: Nhập môn môn học “Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ”</b></p> <p>1.1. Đối tượng nghiên cứu của môn học</p> <p>1.2. Nhiệm vụ của môn học</p> <p>1.3. Mối quan hệ của môn học với các ngành khoa học</p>	<p>G1.1</p> <p>G2.3</p> <p>G3.3</p> <p>G4.1</p>	A.1.3.1.
<p><b>Chương 2. Một số vấn đề về hình thành biểu tượng toán cho trẻ</b></p> <p>2.1. Bản chất của quá trình hình thành biểu tượng toán cho trẻ</p> <p>2.2. Ý nghĩa, vai trò của việc thành biểu tượng toán cho trẻ</p> <p>2.3. Nhiệm vụ của việc hình thành biểu tượng toán cho trẻ</p> <p>2.4. Đặc điểm quá trình nhận biết biểu tượng toán của trẻ</p> <p>2.5. Các nguyên tắc hình thành biểu tượng toán cho trẻ</p>	<p>G1.1</p> <p>G2.3</p> <p>G3.3</p> <p>G4.1</p>	A.1.3.1.
<p><b>Chương 3. Nội dung và phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ</b></p> <p>4.1. Nội dung hình thành biểu tượng toán cho trẻ</p> <p>4.1.1. Nội dung khái quát</p> <p>4.1.2. Nội dung cụ thể</p> <p>4.2. Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ</p> <p>4.2.1. Nhóm phương pháp trực quan</p> <p>4.2.2. Nhóm phương pháp dùng lời</p> <p>4.2.3. Nhóm phương pháp thực hành</p>	<p>G1.3, G2.1, G2.3, G2.5, G2.6, G3.2, G4.3</p>	A.1.3.2.
<p><b>Chương 4. Các hình thức tổ chức hình thành biểu tượng toán cho trẻ</b></p> <p>5.1. Hình thức “tiết học”</p> <p>5.1.1. Ý nghĩa, tác dụng, đặc điểm của “tiết học” HTBT toán</p> <p>5.1.2. Cấu trúc của một “tiết học” HTBT toán</p> <p>5.1.3. Cách soạn giáo án cho một “tiết học” HTBT toán</p> <p>5.1.4. Cách đánh giá một “tiết học” HTBT toán</p> <p>5.2. Hình thức “ngoài tiết học”</p> <p>5.2.1. Ý nghĩa, tác dụng, đặc điểm của hình thức “ngoài tiết học”</p> <p>5.2.2. Các hình thức “ngoài tiết học”</p>	<p>G1.4</p> <p>G2.1</p> <p>G2.3</p> <p>G2.5</p> <p>G2.6</p> <p>G3.2</p> <p>G4.3</p>	A.1.3.2
<p><b>Chương 5. Tổ chức hình thành biểu tượng về tập hợp, con số, phép đếm cho trẻ</b></p>	<p>G1.5; G2.1</p> <p>G2.3; G2.5</p>	A1.3.2

<p>5.1. Khái niệm tập hợp, con số, phép đếm</p> <p>5.2. Đặc điểm phát triển biểu tượng về tập hợp, con số và phép đếm của trẻ</p> <p>5.3. Nội dung và phương pháp hình thành biểu tượng về tập hợp, con số và phép đếm cho trẻ</p>	<p>G2.6 G3.2, G3.3;G3.4; G3.5;G4.1; G4.3</p>	
<p><b>Chương 6. Tổ chức hình thành biểu tượng về hình dạng vật thể cho trẻ</b></p> <p>6.1. Khái niệm hình dạng vật thể và hình hình học</p> <p>6.2. Đặc điểm phát triển biểu tượng về hình dạng vật thể của trẻ</p> <p>6.3. Nội dung và phương pháp hình thành biểu tượng về hình dạng vật thể cho trẻ</p>	<p>G1.6; G2.1 G2.3; G2.5 G2.6;G3.2; G3.3;G3.4; G3.5;G4.1; G4.3</p>	A1.3.2
<p><b>Chương 7. Tổ chức hình thành biểu tượng về kích thước vật thể cho trẻ</b></p> <p>7.1. Khái niệm kích thước vật thể</p> <p>7.2. Đặc điểm phát triển biểu tượng về kích thước vật thể của trẻ</p> <p>7.3. Nội dung và phương pháp hình thành biểu tượng về kích thước vật thể cho trẻ</p>	<p>G1.7; G2.1 G2.3; G2.5 G2.6; G3.2 G3.3; G3.4 G3.5;G4.1 G4.3</p>	A1.3.2
<p><b>Chương 8. Tổ chức hình thành biểu tượng về định hướng không gian cho trẻ</b></p> <p>8.1. Khái niệm không gian và định hướng không gian</p> <p>8.2. Đặc điểm phát triển biểu tượng về định hướng không gian của trẻ</p> <p>8.3. Nội dung và phương pháp hình thành biểu tượng về định hướng không gian cho trẻ</p>	<p>G1.8; G2.1 G2.3;G2.5 G2.6; G3.2 G3.3;G3.4 G3.5;G4.1 G4.3</p>	A1.3.2
<p><b>Chương 9. Tổ chức hình thành biểu tượng về định hướng thời gian cho trẻ</b></p> <p>9.1. Khái niệm không gian và định hướng không gian</p> <p>9.2. Đặc điểm phát triển biểu tượng về định hướng không gian của trẻ</p> <p>9.3. Nội dung và phương pháp hình thành biểu tượng về định hướng không gian cho trẻ</p>	<p>G1.9; G2.1 G2.3;G2.5 G2.6 G3.2, G3.3;G3.4; G3.5;G4.1; G4.3</p>	A1.3.2
<p><b>Chương 10. Thực hành tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ</b></p> <p>10.1. Thực hành tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng về tập hợp, con số, phép đếm cho trẻ.</p> <p>10.2. Thực hành tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng về</p>	<p>G4.1 G4.2 G4.3 G4.4</p>	A2.2

<p>hình dạng vật thể cho trẻ.</p> <p>10.3. Thực hành tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng về kích thước vật thể cho trẻ.</p> <p>10.4. Thực hành tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng về định hướng không gian cho trẻ.</p> <p>10.5. Thực hành tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng về định hướng thời gian cho trẻ.</p>		
--	--	--

## 7. Tài liệu tham khảo

### Tài liệu chính:

[1]. Đỗ Thị Minh Liên (2012), Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia.

### Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2017), Chương trình giáo dục mầm non, Thông tư 01/VBHN-2017.

[3] Đỗ Thị Minh Liên, Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non, NXB Đại học Sư Phạm, 2008

## 8. Quy định của học phần

- Phần lý thuyết học tập trung trên lớp, phần thực hành học theo nhóm từ 10-15 SV

- Đối với sinh viên:

+ Tham gia đầy đủ số giờ của học phần. + Có đủ tài liệu để học tập.

+ Phải đọc trước tài liệu ở nhà, làm bài tập; + Phải làm đủ các bài kiểm tra

## 9. Phụ trách học phần

- Khoa Giáo dục - tổ Giáo dục Mầm non

- Địa chỉ/email: [phamthihuyen.vinh@gmail.com](mailto:phamthihuyen.vinh@gmail.com)

10. Ngày phê duyệt: 10/4/2017

11. Cấp phê duyệt :

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM THƯỜNG XUYÊN 1**

**1. Mô tả học phần**

*Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1* là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non tiếp cận CDIO. Học phần này giúp sinh viên vận dụng được kiến thức của 7 bộ môn phương pháp: *Phương pháp cho trẻ làm quen môi trường xung quanh, phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học, Phương pháp giáo dục thể chất, Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ, Phương pháp hình thành biểu tượng toán, phương pháp giáo dục âm nhạc, Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình* vào thực tiễn tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non. Qua đó giúp sinh viên phát hiện ra các vấn đề trong hoạt động thực tiễn; hình thành và phát triển cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng tổ chức thực hiện và kỹ năng đánh giá các hoạt động giáo dục nhằm phát triển 5 lĩnh vực cho trẻ theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành. Qua đó giúp sinh viên được tiếp cận và thích ứng với thực tiễn giáo dục cho trẻ ở trường mầm non, góp phần giáo dục lòng yêu nghề, mến trẻ bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp cho sinh viên.

**2. Mục tiêu học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1**

<b>Mục tiêu (Gx)</b>	<b>Mô tả mục tiêu</b> <i>Học phần này giúp sinh viên:</i>
<b>G1</b>	- Áp dụng kiến thức tâm sinh lý và giáo dục học mầm non - Áp dụng kiến thức về lý luận và phương pháp giáo dục trẻ nhằm phát triển các lĩnh vực: nhận thức, thể chất, ngôn ngữ, tình cảm - kỹ năng xã hội và thẩm mỹ cho trẻ mầm non.
<b>G2</b>	- Nhận diện, phân tích, xác định được các vấn đề lý luận và thực tiễn của việc tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non. - Có tinh thần trách nhiệm, tự giác, tích cực, độc lập, yêu nghề kiên trì, chịu khó và thích nghi với nghề nghiệp, thương yêu tôn trọng đối xử công bằng với trẻ.
<b>G3</b>	- Có kỹ năng làm việc nhóm - Có kỹ năng giao tiếp trong môi trường thực hành nghề nghiệp và giao tiếp đa phương tiện
<b>G4</b>	- Xác định vai trò, trách nhiệm của người giáo viên MN - Vận dụng kiến thức về phương pháp giáo dục mầm non nói chung và phương pháp tổ chức của từng hoạt động giáo dục nói riêng vào hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thiết kế, tổ chức và đánh giá việc tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển trẻ mầm non.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1

Mục tiêu (Gx.x)		Mô tả CDR	Mức độ giảng dạy
G1	G1.1	<i>Vận dụng</i> được kiến thức về thức tâm lý, sinh lý và giáo dục trẻ mầm non vào việc xác định mục đích, nhiệm vụ, phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non. <i>Mô tả</i> được mục tiêu tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ (thông qua việc soạn giáo án các lĩnh vực phát triển và trong từng hoạt động cụ thể).	I, U
	G1.2	<i>Hiểu</i> được nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện và điều kiện tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển thể chất cho trẻ.	U
	G1.3	<i>Hiểu</i> được nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện và điều kiện tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ.	U
	G1.4	<i>Hiểu</i> được nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện và điều kiện tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ.	U
	G1.5	<i>Hiểu</i> được nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện và điều kiện tổ chức các hoạt động giáo dục thẩm mỹ cho trẻ nhà trẻ.	U
	G1.6	<i>Hiểu</i> được nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện và điều kiện tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển tình cảm - kỹ năng xã hội cho trẻ mẫu giáo.	U
G2	G2.1	<i>Có khả năng</i> tìm hiểu, phân tích các tài liệu liên quan đến việc tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non từ đó xác định được vấn đề cần giải quyết.	T,U
	G2.2	<i>Thể hiện</i> tinh thần trách nhiệm; Yêu nghề, kiên trì, chịu khó và thích nghi với nghề nghiệp.	U
G3	G3.1	<i>Có khả năng</i> phân công, hợp tác và chia sẻ trách nhiệm với bạn bè, GV hướng dẫn, với trẻ, phụ huynh,... và các mối quan hệ khác trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ rèn nghề.	I, U
	G3.2	<i>Có khả năng</i> ứng dụng công nghệ thông tin trong soạn thảo tài liệu, giáo án bài giảng.	I, U
	G3.3	<i>Có khả năng</i> ứng xử sư phạm phù hợp, hiệu quả.	U
	G3.4	<i>Có khả năng</i> sử dụng, làm các đồ dùng đồ chơi, phương tiện dạy học phù hợp với từng hoạt động giáo dục.	I, U

<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	<i>Nhận biết</i> vai trò, trách nhiệm của người giáo viên mầm non.	<b>T, U</b>
	<b>G4.2</b>	<i>Vận dụng</i> các kiến thức, kỹ năng vào việc thiết kế mạng nội dung, mạng hoạt động của từng lĩnh vực phát triển.	<b>I, U</b>
	<b>G4.3</b>	<i>Thực hành</i> thiết kế hoạt động giáo dục trẻ (các hoạt động giáo dục thuộc các lĩnh vực phát triển: phát triển nhận thức, phát triển thể chất, phát triển ngôn ngữ, phát triển tình cảm - kỹ năng xã hội, phát triển thẩm mỹ).	<b>I, U</b>
	<b>G4.4</b>	Thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ các hoạt động giáo dục thuộc các lĩnh vực phát triển.	<b>I, U</b>
	<b>G4.5</b>	<i>Thực hành</i> đánh giá các hoạt động giáo dục cho trẻ.	<b>T, U</b>

#### 4. Đánh giá môn học

<b>Thành phần đánh giá (1)</b>	<b>Bài đánh giá (2)</b>	<b>CĐR học phần (Gx.x) (3)</b>	<b>Tỷ lệ (%) (4)</b>
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</b>			<b>10%</b>
Chuyên cần	A1.1.1. Chuyên cần, giờ giấc, tham gia đầy đủ các hoạt động tại trường mầm non	G2.2; G3.1, G3.3; G4.1.	5%
Thái độ học tập	A1.1.2. Tài liệu học tập đầy đủ, thực hiện tích cực các hoạt động tại trường mầm non	G2.1; G3.4; G3.2	5%
<b>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</b>			<b>20%</b>
Bài tập	A1.2.1. Bài thu hoạch về quá trình thực hành các hoạt động giáo dục thuộc 5 lĩnh vực phát triển: phát triển nhận thức, phát triển thể chất, phát triển ngôn ngữ, phát triển tình cảm - kỹ năng xã hội, phát triển thẩm mỹ ở trường MN.	G1.1; G4.2	10%
Báo cáo bài hoạt động nhóm, bài thuyết trình	A1.2.2. Sản phẩm hoạt động nhóm: kế hoạch phân bổ thực hiện các hoạt động giáo dục của các thành viên trong nhóm	G3.1; G3.2	10%
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ</b>			<b>20%</b>

Thực hành tại trường mầm non	A1.3.1. Giáo án kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển thể chất cho trẻ	G1.4; G3.2; G4.2; G4.3	
	A1.3.2. Giáo án kế hoạch tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ	G1.2; G3.2; G4.2; G4.3	
	A1.3.3. Giáo án kế hoạch tổ chức các hoạt động khám phá khoa học, khám phá xã hội cho trẻ	G1.2; G3.2; G4.2; G4.3	
	A1.3.4. Giáo án kế hoạch tổ chức các hoạt động làm quen với nghệ thuật tạo hình cho trẻ	G1.2; G3.2; G4.2; G4.3	
	A1.3.5. Giáo án kế hoạch tổ chức các hoạt động làm quen với văn học cho trẻ	G1.3; G3.2; G4.2; G4.3	
	A1.3.6. Giáo án kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ	G1.5; G3.2; G4.2; G4.3	
	A1.3.7. Giáo án kế hoạch tổ chức các hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ	G1.6; G3.2; G4.2; G4.3	
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ</b>			<b>50%</b>
<i>Học phần Thực hành</i>	A2.1. Thực hành tổ chức hoạt động phát triển thể chất cho trẻ	G3.3; G3.4; G4.4	
	A2.2. Thực hành tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ	G3.3; G3.4; G4.4	
	A2.3. Thực hành tổ chức các hoạt động khám phá khoa học, khám phá xã hội cho trẻ	G3.3; G3.4; G4.4	
	A2.4. Thực hành tổ chức các hoạt động làm quen với nghệ thuật tạo hình cho trẻ	G3.3; G3.4; G4.4	
	A2.5. Thực hành tổ chức các hoạt động làm quen với văn học cho trẻ	G3.3; G3.4; G4.4	
	A2.6. Thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ	G3.3; G3.4; G4.4	
	A2.7. Thực hành tổ chức các hoạt động hình thành biểu tượng toán	G3.3; G3.4; G4.4	

## 5. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

\* *Học phần RLNVSPTX 1* gồm các nội dung sau:

1. Thực hành lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển thể chất cho trẻ mầm non.

2. Thực hành lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ.
3. Thực hành lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động cho trẻ khám phá môi trường xung quanh (khám phá khoa học và khám phá xã hội)
4. Thực hành lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ làm quen nghệ thuật tạo hình.
5. Thực hành lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học
6. Thực hành lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ làm quen âm nhạc
7. Thực hành lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non
8. Thực hành đánh giá việc tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non

**\* Nội dung cụ thể của học phần RLNVSPTX 1**

1. Thực hành lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non.
  - 1.1. Thực hành lập kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ thông qua hình thức Thể dục sáng, Tổ chức trò chơi vận động, Hoạt động học
  - 1.2. Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ thông qua hình thức Thể dục sáng, Tổ chức trò chơi vận động, Hoạt động học
2. Thực hành lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ.
  - 2.1. Thực hành lập kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ thông qua loại tiết Nhận biết tập nói, Làm quen với chữ cái, trò chơi chữ cái, dạy trẻ kể lại chuyện
  - 2.2. Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ thông qua loại tiết Nhận biết tập nói, Làm quen với chữ cái
3. Thực hành lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động khám phá môi trường xung quanh (khám phá khoa học và khám phá xã hội) cho trẻ mầm non.
  - 3.1. Thực hành lập kế hoạch tổ chức cho trẻ khám phá khoa học, khám phá xã hội theo các hình thức Hoạt động học, hoạt động góc và hoạt động ngoài trời
  - 3.2. Thực hành tổ chức các hoạt động khám phá môi trường xung quanh (khám phá khoa học và khám phá xã hội) cho trẻ mầm non theo các hình thức Hoạt động học, hoạt động góc và hoạt động ngoài trời
4. Thực hành lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ làm quen nghệ thuật tạo hình.
  - 4.1. Thực hành lập kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ làm quen nghệ thuật tạo hình theo hình thức Hoạt động học (các loại tiết học: Vẽ, nặn, cắt, xé dán,)
  - 4.2. Thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ làm quen nghệ thuật tạo hình theo hình thức Hoạt động học (các loại tiết học: Vẽ, nặn, xé dán, trang trí đường diềm,...)
5. Thực hành lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học
  - 5.1. Thực hành lập kế hoạch tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học theo hình thức Hoạt động học (Đọc thơ, kể chuyện, đóng kịch,...)
  - 5.2. Thực hành tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học theo hình thức Hoạt động học (các loại tiết học: Đọc thơ, kể chuyện, đóng kịch,...)

6. Thực hành lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen âm nhạc
  - 6.1. Thực hành lập kế hoạch tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen âm nhạc theo hình thức Hoạt động học (các loại tiết học: Dạy hát, nghe hát, vận động theo nhạc,...)
  - 6.2. Thực hành tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen âm nhạc theo hình thức Hoạt động học (các loại tiết học: Dạy hát, nghe hát, vận động theo nhạc,...)
7. Thực hành lập kế hoạch và tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non
  - 7.1. Thực hành lập kế hoạch tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non thông qua hình thức Hoạt động học (các nội dung: tập hợp con số phép đếm, hình dạng vật thể, kích thước vật thể, định hướng không gian, định hướng thời gian)
  - 7.2. Thực hành tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non thông qua hình thức Hoạt động học (các loại tiết: nhận biết phân biệt hình, số, đo dung tích, định hướng không gian,...)
8. Thực hành kỹ năng nhận xét đánh giá hoạt động giáo dục trẻ
  - 8.1. Đánh giá hoạt động giáo dục của bản thân/của giáo viên/ của bạn trong nhóm thực hành
  - 8.2. Đánh giá kết quả đạt được trên trẻ.

#### **6. Quy định của học phần**

- Phần lý thuyết học tập trung trên lớp
- Phần thực hành học theo nhóm từ 5 - 10 sinh viên
- Đối với sinh viên:
  - + Tham gia đầy đủ số giờ của học phần.
  - + Có đủ tài liệu để học tập.
  - + Phải đọc trước tài liệu ở nhà, làm bài tập, luyện tập các bài thực hành
  - + Phải làm đủ các bài kiểm tra

#### **7. Phụ trách học phần**

- Khoa Giáo dục - tổ Giáo dục Mầm non
- Địa chỉ/email: + [phanhuyha@vinhuni.edu.v](mailto:phanhuyha@vinhuni.edu.v) ; [vovinhna@vinhuni.edu.vn](mailto:vovinhna@vinhuni.edu.vn)

**8. Ngày phê duyệt:** 10/4/2017

**9. Cấp phê duyệt :**

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: BỆNH HỌC TRẺ EM**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**\* Giảng viên phụ trách:**

**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: **Lê Công Phụng**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Bác sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh
- Điện thoại: 0913504646. Email: lecongphuongdhv@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho trẻ ở trường mầm non

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Hiền**

Chức danh, học hàm, học vị: TS, BS

Thời gian, địa điểm làm việc: Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục, Đại học Vinh

Các hướng nghiên cứu chính:

**Thông tin về trợ giảng (nếu có) (họ và tên, địa chỉ liên hệ, điện thoại, e-mail):**

**(Lưu ý: Mỗi môn học phải có ít nhất 2 giảng viên tham gia giảng dạy)**

**1.2. Thông tin về môn học:**

- Tên môn học (tiếng Việt): <b>Bệnh học trẻ em</b> (tiếng Anh): <b>Child Pathology</b>	
- Mã số môn học: <b>EDU30058</b>	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành
<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
<input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung	<input type="checkbox"/> Môn học đồ án tốt nghiệp
- Số tín chỉ:	4
+ Số tiết lý thuyết:	45
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	120
- Môn học tiên quyết:	Tâm lý học giáo dục trẻ em, Giáo dục học mầm non, Giải phẫu sinh lý trẻ em
- Môn học song hành:	

## 2. Mô tả môn học

Nội dung học phần Bệnh học trẻ em trang bị cho sinh viên các vấn đề cơ bản sau: Những vấn đề chung về chăm sóc sức khỏe trẻ em, vệ sinh chăm sóc trẻ tại trường mầm non, phòng chống các bệnh truyền nhiễm gây dịch, một số chương trình y tế triển khai ở trường học, phòng chống các bệnh thường gặp ở trẻ, một số cấp cứu ban đầu ở trường học, thuốc dùng cho trẻ em.

## 3. Mục tiêu học phần

(các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự tương quan với các chủ đề CDR (X.x.x.) của CTĐT và trình độ năng lực được phân bố cho môn học, tối đa 8 mục tiêu)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của CTĐT (X.x.x) (3)	TĐNL (4)
G1	Người học nắm được những kiến thức vệ sinh học và bệnh học trẻ em vào chăm sóc và giáo dục sức khỏe trẻ em lứa tuổi mầm non.	1.1.2, 1.1.3, 1.2.1, 1.3.1 2.1.2, 2.1.3, 2.4.1	2.5
G2	Vận dụng linh hoạt các kỹ năng vệ sinh, chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho trẻ ở trường mầm non.	2.3.1, 2.3.2, 2.3.3, 2.4.4, 2.4.5, 2.5.2, 2.5.3, 3.1.1, 3.1.2, 3.2.3, 4.1.1, 4.2.1, 4.4.5, 4.6.2.	3.0
G3	Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề về vệ sinh, chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho trẻ ở trường mầm non, có kỹ năng thuyết trình, diễn đạt, trình bày, bảo vệ ý kiến của mình về các vấn đề thuộc về vệ sinh, chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho trẻ ở trường mầm non.	3.1.1, 3.1.2, 3.2.3, 3.2.5, 4.2.1, 4.2.2, 4.3.2, 4.4.3, 4.4.5.	3.0
G4	Đánh giá được vị trí, vai trò của vệ sinh, chăm sóc sức khỏe trong giáo dục mầm non; Đánh giá được trình trạng phát triển thể lực trẻ em, các điều kiện vệ sinh, chăm sóc và giáo dục sức khỏe trẻ và xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện vệ sinh, chăm sóc và giáo dục sức khỏe trẻ phù hợp thực tiễn.	1.2.1, 4.1.1, 4.3.2, 4.3.3, 4.4.5, 4.5.1, 4.6.1, 4.6.2	3.0

**4. Chuẩn đầu ra học phần** (các mục tiêu cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U) (3): *Mức độ I (Introduce): Giới thiệu, T (Teach): dạy, U (Utilize): Sử dụng.*

<b>Mục tiêu (Gx)</b>	<b>Mục tiêu (Gx.x) (1)</b>	<b>Mô tả CDR môn học (2)</b>	<b>Mức độ giảng dạy (I,T,U) (3)</b>
<b>G1</b>	<b>G1.1</b>	Mô tả mối quan hệ giữa hoạt động thể lực và biến đổi hoạt động chức năng các hệ cơ quan trong cơ thể.	I, T
	<b>G1.2</b>	Mô tả được mục tiêu, nội dung vệ sinh, chăm sóc và giáo dục sức khỏe trẻ trong chương trình giáo dục mầm non.	I, T
	<b>G1.3</b>	Phân tích được đặc điểm bệnh tật của trẻ qua các giai đoạn phát triển.	T, U
	<b>G1.4</b>	Thực hiện được các phương pháp chăm sóc sức khỏe ban đầu.	T, U
	<b>G1.5</b>	Lựa chọn được các biện pháp vệ sinh, chăm sóc nhằm tăng cường hệ thống miễn dịch cho trẻ em độ tuổi mầm non.	T, U
<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	Liên hệ và phân tích được những yêu cầu về vệ sinh, chăm sóc nhằm tăng cường hệ thống miễn dịch cho trẻ em độ tuổi mầm non.	I, T, U
	<b>G2.2</b>	Có khả năng vận dụng các kiến thức để giải quyết nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho trẻ.	T, U
	<b>G2.3</b>	Biết sử dụng các phương pháp xử lý số liệu để xử lý các thông tin (khảo sát, điều tra, thực nghiệm).	I, T, U
	<b>G2.4</b>	Có khả năng phân tích, đánh giá ưu nhược điểm của các hình thức tổ chức dạy học, phân tích, đánh giá quá trình vệ sinh, chăm sóc nhằm tăng cường hệ thống miễn dịch cho trẻ em độ tuổi mầm non.	I, T
	<b>G2.5</b>	Tự học và học tập suốt đời, tích cực, tự giác, độc lập	T, U
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Giao tiếp, ứng xử phù hợp, hiệu quả với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng trong hoạt động chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho trẻ.	T, U
	<b>G3.2</b>	Tạo lập văn bản phục vụ nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho trẻ.	I, T
	<b>G3.3</b>	Thuyết trình trước đám đông về công tác giáo dục sức khỏe cho cộng đồng.	I, T
	<b>G3.4</b>	Phối hợp với đồng nghiệp, phụ huynh để hoàn thành tốt các nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục sức khỏe.	T, U

	<b>G3.5</b>	Phối hợp với các lực lượng giáo dục trong nhà trường và xã hội để hỗ trợ hoạt động giáo dục sức khỏe.	T, U
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Xác định vị trí, vai trò, trách nhiệm và ý nghĩa của người giáo viên đối với công tác vệ sinh, chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho trẻ.	T, U
	<b>G4.2</b>	Phân tích ảnh hưởng của vệ sinh, chăm sóc và giáo dục sức khỏe đối với phát triển của trẻ.	I, U
	<b>G4.3</b>	Xác định vai trò của vệ sinh, chăm sóc và giáo dục sức khỏe trong bối cảnh toàn cầu hóa giáo dục.	I, T
	<b>G4.4</b>	Xây dựng chương trình vệ sinh, chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho trẻ.	I, T
	<b>G4.5</b>	Lập kế hoạch của quá trình thực hiện nhiệm vụ vệ sinh, chăm sóc và giáo dục sức khỏe trong hoạt động nghề nghiệp.	I, U, T

**5. Đánh giá môn học** (các thành phần, các bài đánh giá và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

<b>Thành phần đánh giá (1)</b>	<b>Bài đánh giá (2)</b>	<b>CDR học phần (Gx.x) (3)</b>	<b>Tỷ lệ (%) (4)</b>
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</b>			<b>10%</b>
A1.1.1.	Đi học đầy đủ	G2.5, G3.1	5%
A1.1.2.	Tích cực tham gia xây dựng bài học	G3.1; G3.2, G3.3, G3.4, G3.5	5%
<b>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</b>			<b>20%</b>
A1.2.1.	Vở tự học: Hoàn thành các nhiệm vụ học tập theo nhóm, cá nhân. ...	G3.1, ; G3.2; G3.3 G3.4; G3.5	10%
A1.2.2.	Sản phẩm hoạt động nhóm và cá nhân...	G3.1, ; G3.2; G3.3 G3.4; G3.5	10%
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)</b>			<b>20%</b>
A1.3.1.	Bài trắc nghiệm 1	G1.3, G1.4, G2.6, G2.7, G3.1, G3.2, G3.3, G3.4, G3.5, G4.2, G4.3, G4.5	10%
A1.3.2.	Bài trắc nghiệm 2	G1.3, G1.4, G2.6, G2.7, G3.1, G3.2, G3.3, G3.4, G3.5,	10%

		G4.2, G4.3, G4.5	
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>			<b>50%</b>
A2.1.	Bài thi tự luận	G1.1; G1.2; G1.3; G1.4; G1.5; G2.1; G2.2; G2.3; G2.4; G2.5; G4.1; G4.2; G4.3; G4.4; G4.5	50%

**6. Nội dung giảng dạy** (các nội dung giảng dạy lý thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CDR và các bài đánh giá môn học

<b>Số TT</b>	<b>Nội dung dạy học (1)</b>
1	<p><b>1. ĐẠI CƯƠNG CHĂM SÓC SỨC KHỎE</b></p> <p><b>1.1. Đặc điểm của trẻ em qua các giai đoạn phát triển</b></p> <p>1.1.1. Đại cương</p> <p>1.1.2. Thực trạng sức khỏe và bệnh tật của trẻ em ở lứa tuổi học đường</p> <p>1.1.3. Đặc điểm bệnh tật ở trẻ em qua các giai đoạn</p> <p>1.1.4. Đặc điểm phát triển chung ở trẻ em qua các giai đoạn</p>
2	<p><b>1.2. Chăm sóc sức khỏe ban đầu</b></p> <p>1.2.1. Đại Cương</p> <p>1.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe</p> <p>1.2.3. Tuyên ngôn Alma-ata</p> <p>1.2.4. Nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu</p> <hr/> <p>1.2.5. Giáo dục sức khỏe cho học sinh</p> <p>1.2.5.1. Đại Cương</p> <p>1.2.5.2. Cơ sở khoa học của việc giáo dục sức khỏe</p> <p>1.2.5.3. Giáo dục sức khỏe cho học sinh</p> <hr/> <p>1.2.6. Chăm sóc trẻ sơ sinh</p> <p>1.2.6.1. Đại cương</p> <p>1.2.6.2. <b>Đặc điểm của trẻ sơ sinh</b></p> <p>1.2.6.3. <b>Chăm sóc trẻ sơ sinh</b></p>
3	<p><b>1.3. Miễn dịch</b></p> <p>1.3.1. Hiện tượng miễn dịch không đặc hiệu</p> <p>1.3.2. Hiện tượng miễn dịch đặc hiệu</p> <p>1.3.2.1. Vacxin</p> <p>1.3.2.2. Huyết thanh.</p>

4	<p style="text-align: center;"><b>2. VỆ SINH CHĂM SÓC TRẺ TẠI TRƯỜNG MẦM NON</b></p> <p><b>2.1. Vệ sinh các giác quan</b></p> <p>2.1.1. Giáo dục vệ sinh</p> <p>2.1.2. Vệ sinh răng miệng</p> <p>2.1.3. Vệ sinh Mắt</p> <p>2.1.4. Vệ sinh tai-mũi-họng</p>
5	<p><b>2.2. Vệ sinh các cơ quan</b></p> <p>2.2.1. Vệ sinh hệ tim mạch</p> <p>2.2.2. Vệ sinh hệ hô hấp</p> <p>2.2.3. Vệ sinh hệ thần kinh</p> <p>2.2.4. Vệ sinh hệ vận động</p> <p>2.2.5. Vệ sinh giới tính</p> <p>2.2.6. Vệ sinh hệ tiêu hoá</p> <p>2.2.7. Vệ sinh hệ bài tiết</p> <p>2.2.8. Vệ sinh trang phục.</p> <p>2.2.8.1. Tìm hiểu vệ sinh quần áo</p> <p>2.2.8.2. Tìm hiểu vệ sinh giày dép</p> <p>2.2.8.3. Tìm hiểu vệ sinh nón mũ</p>
6	<p><b>2.3. Chế độ sinh hoạt-Vệ sinh giấc ngủ</b></p> <p><b>2.3.1. Chế độ sinh hoạt</b></p> <p>2.3.1.1. Khái niệm chế độ sinh hoạt</p> <p>2.3.1.2. Cơ sở khoa học chế độ sinh hoạt</p> <p>2.3.1.3. Nội dung chế độ sinh hoạt</p> <p><b>2.3.2. Vệ sinh giấc ngủ</b></p>
7	<p><b>2.4. Vệ sinh trường học</b></p> <p>2.4.1. Vệ sinh trong xây dựng</p> <p>2.4.2. Quy định chăm sóc sức khỏe- thanh tra - kiểm tra</p> <p>2.4.3. Vệ sinh trong giảng dạy-Vệ sinh trong học tập và tập luyện TDTT</p>
8	<p style="text-align: center;"><b>3. PHÒNG CHỐNG CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM</b></p> <p>3.1. Bệnh sởi</p> <p>3.2. Bệnh cúm</p> <p>3.3. Bệnh viêm gan viruts</p> <p>3.4. Các bệnh truyền nhiễm lây qua đường da và niêm mạc</p> <p>3.5. Bệnh sốt xuất huyết</p> <p>3.6. Bệnh viêm não Nhật Bản</p>
9	<p style="text-align: center;"><b>4. CÁC CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ TRIỂN KHAI TẠI TRƯỜNG HỌC</b></p> <p><b>4.1. Chương trình phòng chống bệnh lao</b></p> <p>4.1.1. Nguyên nhân</p>

	<p>4.1.2. Triệu chứng</p> <p>4.1.3. Phòng bệnh</p>
<b>10</b>	<p><b>4.2. Chương trình phòng chống nhiễm khuẩn đường hô hấp (ARI)</b></p> <p>4.2.1. Nhiễm khuẩn đường hô hấp</p> <p>4.2.1.1. Nguyên nhân</p> <p>4.2.1.2. Triệu chứng</p> <p>4.2.1.3. Phòng bệnh</p> <p>4.2.2. Chương trình phòng chống nhiễm khuẩn đường hô hấp (ARI)</p>
<b>11</b>	<p><b>4.3. Chương trình phòng chống tiêu chảy (CDD)</b></p> <p>6.3.1. Nguyên nhân</p> <p>6.3.2. Triệu chứng</p> <p>6.3.3. Phòng bệnh</p>
<b>12</b>	<p><b>4.4. Chương trình phòng chống HIV/AIDS</b></p> <p>4.4.1. Nguyên nhân</p> <p>4.4.2. Triệu chứng</p> <p>4.4.3. Phòng bệnh</p>
<b>13</b>	<p><b>4.5. Chương trình phòng chống bệnh sốt rét</b></p> <p>4.5.1. Nguyên nhân</p> <p>4.5.2. Triệu chứng</p> <p>4.5.3. Phòng bệnh</p>
<b>14</b>	<p><b>4.6. Chương trình Sức khỏe sinh sản vị thành niên</b></p> <p>4.6.1. Sức khỏe vị thành niên</p> <p>4.6.1.1. Vị trí và tầm quan trọng của sức khỏe vị thành niên</p> <p>4.6.1.2. Khái niệm về tuổi vị thành niên</p> <p>4.6.1.3. Những biến đổi ở tuổi vị thành niên</p> <p>4.6.2. Sức khỏe tình dục</p> <p>4.6.2.1. Khái niệm chung</p> <p>4.6.2.1.1. Khái niệm về giới và giới tính</p> <p>4.6.2.1.2. Giới tính và sức khỏe</p> <p>4.6.2.1.3. Khái niệm về tính dục và tình dục</p> <p>4.6.2.2. Sức khỏe tình dục</p> <p>4.6.2.3. Giáo dục tình dục</p> <p>4.6.3. Các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe vị thành niên</p> <p>4.6.3.1. Quan hệ tình dục sớm - Có thai và làm mẹ sớm</p> <p>4.6.3.2. Phòng bệnh vô sinh ở nam</p> <p>4.6.3.3. Các bệnh về đường tình dục</p>
<b>15</b>	<p style="text-align: center;"><b>5. CÁC BỆNH THƯỜNG TUỔI HỌC SINH</b></p> <p>5.1. Bệnh cong vẹo cột sống</p>

	<p>5.2. Bệnh cận thị</p> <p>5.3. Bệnh sâu răng</p> <p>5.4. Xử lý khi trẻ bị sốt</p> <p>5.5. Ngất - Say nóng - Say nắng</p> <p>5.6. Phòng bệnh thấp tim</p>
16	<p><b>6. MỘT SỐ CẤP CỨU BAN ĐẦU Ở TRƯỜNG HỌC - DƯỢC LÍ</b></p> <p>6.1. Xử lý khi bị động vật cắn</p> <p>6.1.1. Xử lý khi bị chó cắn</p> <p>6.1.2. Xử lý khi bị rắn cắn</p>
17	<p>6.2. Một số cấp cứu thường gặp ở trẻ</p> <p>6.2.1. Cấp cứu khi trẻ bị ngộ độc</p> <p>6.2.2. Điện giật</p> <p>6.2.3. Cấp cứu bỏng</p> <p>6.2.4. Cấp cứu khi trẻ bị ngừng tim</p> <p>6.2.5. Cấp cứu khi trẻ bị ngừng thở</p> <p>6.2.6. Cấp cứu khi trẻ bị chết đuối</p>
18	6.3. Dị vật rơi vào đường ăn và đường thở
19	6.4. Cơ sở khoa học của việc dùng thuốc
20	6.5. Vitamin và thuốc bổ dưỡng
21	6.6. Cách dùng thuốc cho trẻ em
22	<p><b>THỰC HÀNH, THẢO LUẬN</b></p> <p>- Xây dựng kế hoạch công tác giáo dục ngoài giờ lên lớp cả năm cho một lớp học giả định.</p> <p>- Cách ghi nhận xét kết quả các môn học theo "Qui định đánh giá và xếp loại HS tiểu học"</p> <p>- Ra đề kiểm tra định kỳ theo ma trận.</p>

## **7. Nguồn học liệu** (các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, ...)

### **7.1. Tài liệu chính**

[1] Nguyễn Ngọc Hiền, Bệnh học trẻ em, NXB Đại học Vinh, 2013

### **7.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Lê Công Phượng, Bệnh học trẻ em, NXB Đại học Vinh, 2008

[3] Lê Thị Mai Hoa, Giáo trình bệnh học trẻ em, NXB Đại học sư phạm, 2017

[4] Lê Công Phượng. Giải phẫu sinh lý trẻ em, NXB Đại học Vinh, 2008.

[5] TS Nguyễn Thị Hương, BS-Lê Công Phượng, Giáo dục sống khỏe mạnh và kỹ năng sống, Dự án Phát triển giáo viên tiểu học, Hà Nội, 2007.

[6] Nguyễn Thị Như Mai, Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi Mầm Non, NXB Đại học Sư phạm, 2018.

[7] Vệ sinh môi trường - dịch tễ - Tập I, Tập II - Nhà xuất bản y học.

[8] Mắt - Răng - Miệng - Tai - Mũi - Họng - Nhà xuất bản y học.

[9]. Sổ tay thực hành y tế trường học - Nhà xuất bản y học, 2001.

### **8. Quy định của môn học**

#### **Yêu cầu:**

- Sinh viên có mặt trên lớp  $\geq 80\%$  số giờ quy định. Tự học theo các bài tập và hướng dẫn của giáo viên

- Sinh viên phải nộp bài tập/báo cáo thảo luận

### **9. Phụ trách môn học**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Giáo dục, tổ Giáo dục học.

- Địa chỉ/email: [lecongphuongdhv@gmail.com](mailto:lecongphuongdhv@gmail.com)

**10. Ngày phê duyệt:** 10/4/2017

**11. Cấp phê duyệt :**

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

### HỌC PHẦN: PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

#### 1. Thông tin tổng quát

##### 1.1. Thông tin về giảng viên

1.1.1. Họ và tên: Phạm Thị Huyền

Chức danh, học hàm, học vị: Trưởng Bộ môn GDMN, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0931395996 email: phamthihuyen.vinh@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:

- Phương pháp dạy học bộ môn, gồm: Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ; Phương pháp cho trẻ khám phá môi trường xung quanh; Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ.

- Phát triển chương trình giáo dục mầm non.

- Bồi dưỡng giáo viên mầm non.

##### 1.1.2. Trần Thị Hoàng Yến

Chức danh, học hàm, học vị: Phó Trưởng Khoa, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục, Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục, Đại học Vinh

Điện thoại, email: [yengdth@gmail.com](mailto:yengdth@gmail.com), 0989146168

Các hướng nghiên cứu chính: Tiếng Việt và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ; Phát triển chương trình giáo dục mầm non, bồi dưỡng giáo viên mầm non.

##### 1.2. Thông tin về môn học

- Tên môn học (tiếng Việt): Phát triển chương trình giáo dục mầm non	
- Tên môn học (tiếng Anh): Preschool Education Curriculum Development	
- Mã số môn học: EDU 30067	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành
<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
<input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung	<input type="checkbox"/> Môn học đồ án tốt nghiệp
- Số tín chỉ:	3 tín chỉ
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận nhóm/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết tự học:	90
- Môn học tiên quyết:	Tâm lý học giáo dục trẻ em, Giáo dục học mầm non, Các học phần phương pháp GDMN
- Môn học song hành:	Quản lý trường mầm non, RLNVSP 2

## 2. Mô tả học phần

Học phần “Phát triển chương trình giáo dục mầm non” là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo hệ đại học chính quy ngành Giáo dục mầm non theo tiếp cận CDIO.

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn phát triển chương trình giáo dục mầm non; hình thành và rèn luyện các kỹ năng phát triển chương trình giáo dục mầm non. Từ đó giúp sinh viên biết phân tích, áp dụng các kiến thức và kỹ năng vào hoạt động phát triển chương trình giáo dục mầm non.

## 3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả (Goals description)	Chuẩn đầu ra CTĐT	TĐ NL
G1	Có kiến thức chuyên môn về lý luận và thực tiễn về hoạt động hình phát triển chương trình giáo dục mầm non	1.1.4	3.0
		1.2.1;1.2.3; 1.2.4	
		1.3.2; 1.3.3; 1.3.4	
G2	- Có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển chương trình giáo dục mầm non. Có ý thức phấn đấu, phát triển nghề nghiệp.	2.1.1; 2.1.2; 2.1.3; 2.1.4	3.0
		2.3.1; 2.3.2; 2.3.3; 2.3.4	
		2.4.1; 2.4.6	
		2.5.1; 2.5.2; 2.5.3; 2.5.4	
G3	- Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và nghiên cứu tài liệu.	3.1.1; 3.1.2; 3.2.5	3.0
G4	- Vận dụng kiến thức Phát triển chương trình GDMN và các bộ môn phương pháp giáo dục mầm non vào việc phát triển chương trình giáo dục nhà trường mầm non tại các nhóm lớp.	4.2.1; 4.2.3	3.0
		4.3.1; 4.3.2	
		4.4.1; 4.4.2	3.5
		4.5.1	3.0
		4.6.1; 4.6.2	

## 4. Chuẩn đầu ra học phần

(Mô tả các chủ đề CDR cấp độ 3 của học phần và mức độ giảng dạy I, T, U)

Mục tiêu (Gx)	Mục tiêu (Gx.x)	Mục tiêu	Mức độ giảng dạy
<b>Kiến thức và lập luận ngành</b>			
G1	G1.1	Hiểu về chương trình giáo dục mầm non: Khái niệm, các chương trình giáo dục mầm non của Việt nam, cấu trúc của chương trình GDMN hiện hành, GDMN trong xu thế đổi mới.	T

	<b>G1.2</b>	Hiểu được những kiến thức về phát triển chương trình GDMN: Khái niệm, các yêu cầu trong PTCTGDMN, một số quan điểm tiếp cận trong PTCTGDMN, các cấp độ PTCTGDMN, quy trình PTCTGDMN.	<b>T</b>
	<b>G1.3</b>	Hiểu được các vấn đề về PTCT giáo dục nhà trường mầm non: cơ sở PTCT GD nhà trường MN, bản chất PTCTGD nhà trường MN, các nguyên tắc PTCTGD nhà trường MN, các hoạt động PTCTGD nhà trường MN	<b>T</b>
	<b>G1.4</b>	Hiểu được các vấn đề về đánh giá trong GDMN và đánh giá chương trình GDMN	<b>T</b>
<b>Kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân</b>			
<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	Vận dụng được kiến thức tâm lý học trẻ em, giáo dục học mầm non, các học phần phương pháp vào việc xác định các nội dung cơ bản của phát triển chương trình giáo dục mầm non.	<b>I, U</b>
	<b>G2.3</b>	Phân tích các tài liệu và thực tiễn hoạt động phát triển chương trình giáo dục mầm non ở trường mầm non	<b>I, U</b>
	<b>G2.4</b>	Yêu nghề, mến trẻ, cần cù, chịu khó.	<b>U</b>
<b>Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm</b>			
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Thực hiện làm việc nhóm hiệu quả.	<b>U</b>
	<b>G3.2</b>	Khả năng thuyết trình.	<b>U</b>
<b>Năng lực thực hành nghề nghiệp</b>			
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Vận dụng được lý luận vào việc phân tích tình hình giáo dục mầm non	<b>T,U</b>
	<b>G4.2</b>	Vận dụng được lý luận vào việc xác định mục tiêu giáo dục mầm non	<b>T, U</b>
	<b>G4.3</b>	Vận dụng được lý luận vào việc thiết kế chương trình giáo dục mầm non	<b>T, U</b>
	<b>G4.4</b>	Vận dụng được lý luận vào việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non	<b>T,U</b>
	<b>G4.5</b>	Đánh giá và điều chỉnh chương trình giáo dục mầm non	<b>T, U</b>

**5. Đánh giá học phần** (các thành phần, các bài đánh giá và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (2)	CDR học phần (Gx.x) (3)	Tỷ lệ (%) (4)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</b>			<b>10%</b>
Chuyên cần	1.1.1.Chuyên cần (số buổi đi học)	G2.4; G2.5	5%
Ý thức học tập	1.1.2. Ý thức học tập		5%
<b>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</b>			<b>20%</b>
<b>A.1.2.1</b> <b>Bài tập</b>	- Vở bài tập tự học - Bài tập (2 bài).	G3.1; G3.2; G3.3	10%
<b>A.1.2.2.</b> <b>Thảo luận nhóm</b>	Báo cáo bài tập nhóm 1/ Các hoạt động phát triển chương trình giáo dục nhà trường mầm non	G3.1;	10%
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)</b> <b>Mỗi bộ đề trắc nghiệm phải ra 75 câu hỏi</b>			<b>20%</b>
Bài kiểm tra	-Hình thức: trắc nghiệm khách quan -Nội dung: Bài 1+ Bài 2 - Thời điểm: Kiểm tra ở tuần thứ 7-8 (tín chỉ 1+2)	G1.1 - G1.3	
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>			<b>50%</b>
	- Hình thức thi: Tự luận - Thời gian: 90 phút - Nội dung: 3 tín chỉ	G1.1- G1.5; G2.1 - G2.3; G3.2- G3.3; G4.1 - G4.4	

**6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy** (các nội dung giảng dạy lý thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CDR và các bài đánh giá học phần)

**6.1. Nội dung giảng dạy**

Nội dung giảng dạy	Chuẩn đầu ra	Bài đánh giá
<b>Chương 1: Chương trình giáo dục mầm non</b>		A1.1.1;
1.4. Khái niệm chương trình giáo dục mầm non	G1.1	A1.1.2;
1.5. Giới thiệu chương trình giáo dục mầm non của Việt nam	G2.3	A1.2.1;
<b>1.6.</b> Cấu trúc chương trình giáo dục mầm non hiện hành		A.1.3
<b>1.7.</b> Giáo dục mầm non trong xu thế đổi mới		

<b>Chương 2. Phát triển chương trình giáo dục mầm non</b>		A1.1.1;
2.1. Khái niệm phát triển chương trình giáo dục mầm non	G1.1	A1.1.2;
2.2. Các yêu cầu trong PTCT GDMN	G2.3	A1.2.1;
2.3. Quan điểm tiếp cận PTCT GDMN	G4.1	A.1.3
2.4. Các nguyên tắc PTCT GDMN		
2.5. Quy trình PTCT GDMN		
<b>Chương 3. Phát triển chương trình giáo dục nhà trường mầm non</b>	G1.1	A1.1.1;
3.1. Cơ sở PTCT giáo dục nhà trường mầm non	G2.3	A1.1.2;
3.2. Bản chất của PTCT nhà trường	G3.3	A1.2.2;
3.3. Các cấp độ PTCT giáo dục nhà trường mầm non	G4.1	A.1.3
3.4. Các hoạt động PTCT giáo dục nhà trường mầm non	G4.2	
3.5. Thực hành PTCT giáo dục nhà trường mầm non	G4.3	
	G4.4	
<b>Chương 4: Đánh giá chương trình giáo dục mầm non</b>	<b>G4.6</b>	A1.1.1;
4.1. Một số vấn đề chung về đánh giá trong giáo dục mầm non		A1.1.2;
4.2. Đánh giá chương trình giáo dục mầm non.		A.1.3

## 7. Nguồn học liệu

### Tài liệu chính:

[1]. Nguyễn Thị Thu Hiền (2009), *Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục Việt Nam.

### Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Chương trình Giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giáo viên mầm non hạng 2*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[4]. Nguyễn Đức Chính (Chủ biên), *Phát triển chương trình giáo dục*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2017.

[5]. Đinh Thị Kim Thoa (2008), *Đánh giá trong giáo dục mầm non*, NXB ĐHQG.

## 8. Quy định của môn học

Để đạt được mục tiêu của học phần, sinh viên phải thực hiện đầy đủ và đúng thời gian qui định bài tập thực hành trong từng chương. Với bài tập thực hành phải nộp sau mỗi chương để giảng viên lưu vào hồ sơ học tập. Sản phẩm tự học và hoạt động nhóm cũng nộp sau mỗi chương.

Sinh viên phải tham gia ít nhất 80% số tiết lên lớp của học phần mới đủ điều kiện tham gia kì thi Đánh giá cuối kì.

## 9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh
- Địa chỉ/email: [phamthihuyen.vinh@gmail.com](mailto:phamthihuyen.vinh@gmail.com)

10. Ngày phê duyệt: 10/4/2017

11. Cấp phê duyệt :

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn



## 2. Mô tả học phần

Môn học cung cấp những thông tin cốt lõi về giáo dục mầm non và quản lý giáo dục mầm non; Các hoạt động quản lý nhà trường mầm non; Hiệu trưởng- người cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo của trường mầm non.

## 3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goals description)	CĐR CTĐT	TĐNL
<b>G1</b>	<b>Nhận biết</b> được khái quát về ngành GDMN	1.3.1; 1.3.2; 1.3.3; 1.3.4	2.5
<b>G2</b>	<b>Hiểu</b> được các vấn đề về quan điểm, đường lối, chính sách phát triển ngành GDMN của nước ta hiện nay; vai trò của nghề nghiệp cũng như yêu cầu về phẩm chất và năng lực của GV, CBQL cơ sở GDMN trong bối cảnh hiện nay	2.1.1; 2.1.2; 2.1.3 2.2.1; 2.2.3 2.3.1; 2.3.2; 2.3.3; 2.3.4 2.5.1; 2.5.3; 2.5.4	3
<b>G3</b>	<b>Áp dụng</b> kiến thức đã học vào giao tiếp, nghiên cứu và làm việc trong môi trường sư phạm nói chung, GDMN nói riêng	2.4.1; 2.4.2 3.1.1; 3.1.2; 3.1.3 1.2.2 3.2.1; 3.2.4; 3.3.2	3
<b>G4</b>	<b>Phân tích</b> được các chính sách đối với ngành GDMN cũng như các vấn đề về tổ chức QLGD cơ sở GDMN và nhân cách, đạo đức của người giáo viên, CBQL cơ sở GDMN	4.1.1; 4.1.2; 4.1.3 4.1.4 4.2.1; 4.2.2 4.3.1; 4.3.2 4.4.1; 4.4.2; 4.4.3; 4.4.4 4.5.1; 4.5.2; 4.5.3; 4.5.4 4.6.1; 4.6.2; 4.6.3	3

## 4. Chuẩn đầu ra học phần

Các chuẩn đầu ra học phần		Mức độ giảng dạy ITU	Cấp độ
Ký hiệu	Nội dung CĐR học phần		
G1.1	<b>Nhận biết</b> được các khái niệm cơ bản trong lĩnh vực QLGD GDMN	T	1
G1.2	<b>Mô tả</b> được cấu trúc hệ thống QLNN về ngành GDMN	T	1
G1.3	<b>Trình bày</b> được ví trí, vai trò, chức năng của ngành GDMN, CSGD MN trong hệ thống giáo dục quốc dân, yêu cầu về phẩm chất, đạo đức, năng lực của GV,	I, T	1

	CBQ cơ sở GDMN		
G2.1	<i>Nhận diện</i> được bối cảnh giáo dục trong môi trường GDMN;	T	1
G2.2	<i>Hiểu</i> được hoạt động của cơ sở GDMN	I, T	2
G2.3	<i>Hiểu</i> được các yêu cầu về phẩm chất đạo đức cần có của người giáo viên, CBQL cơ sở GD MN	T	2
G3.1	<i>Tổ chức</i> , tham gia và làm việc nhóm có hiệu quả	U	2
G3.2	<i>Vận dụng</i> được những kỹ năng tích lũy vào thuyết trình	U	3
G3.3	<i>Hiểu</i> và <i>sử dụng</i> thuật ngữ tiếng Anh lĩnh vực giáo dục mầm non	I	3
G4.1	<i>Phân tích</i> được vai trò và trách nhiệm của người cán bộ quản lý cơ sở GDMN	T	3
G4.2	<i>Phát hiện</i> được đặc điểm môi trường GDMN	T	
G4.3	<i>Xác định</i> được chiến lược, mục tiêu và giải pháp phát triển GDMN	T	3
G4.4	<i>Xây dựng</i> được kế hoạch trong các hoạt động quản lý cũng như hoạt động chuyên môn tại cơ sở GDMN	T	3

**5. Đánh giá học phần** (các thành phần, các bài đánh giá và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của học phần) (Theo hướng dẫn 05/HD-ĐHV ngày 28/02/2017 của Hiệu trưởng)

<b>Thành phần đánh giá (1)</b>	<b>Bài đánh giá (2)</b>	<b>CDR học phần (Gx.x) (3)</b>	<b>Tỷ lệ (%) (4)</b>
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</b>			<b>10%</b>
A1.1.1	Mức độ chuyên cần và đảm bảo giờ giấc (điểm danh theo từng buổi)		3%
A1.1.2	Có tài liệu học tập đầy đủ theo quy định của học phần và thực hiện tích cực hoạt động trên lớp		2%
A1.1.3	Số lần xây dựng bài		5%

<b>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm...)</b>			<b>20%</b>
A1.2.1	Bài tập nhóm 1	G1.1 → G4.4	10%
A1.2.2	Bài tập nhóm 2	G1.1 → G4.4	10%
<b>A1.3. Đánh giá giữa kỳ (điểm kiểm tra giữa kỳ)</b>			<b>20%</b>
A1.3.1	Bài kiểm tra bằng hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính thuộc nội dung Tín chỉ thứ nhất (sau khi học kết thúc 7 tuần, kiểm tra ở tuần thứ 8)	G1.1, G2.1, G2.2, G3.1, G4.1, G4.2 G1.3, G2.3, G3.3, G4.3	20%
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>			<b>50%</b>
Thi tự luận 90'		G1.1 → G4.3	

## 6. Nội dung giảng dạy

Tuần (1)	Nội dung (2)	Hình thức tổ chức DH (3)	Chuẩn bị của SV (4)	CD R môn học (5)	Bài đánh giá (6)
	<b>Mục tiêu</b> + Phân tích, giải thích được những vấn đề lý luận về quản lý giáo dục mầm non + Hứng thú, nghiêm túc với việc tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu về vấn đề thực hiện chương trình GDMN				
<b>Tuần 1 Block 1 2 tiết</b>	<b>CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QLGD MẦM NON</b> 1.1. Mục tiêu QL GDMN 1.2. Đối tượng, nhiệm vụ của quản lý GDMN 1.3. Đặc điểm của GDMN	- GV thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội cơ bản về: 1.1. Mục tiêu QL GDMN 1.2. Đối tượng, nhiệm vụ của quản lý GDMN 1.3. Đặc điểm của GDMN <b>Hoạt động nhóm 1:</b>	<b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b> - Trao đổi về đề cương môn học - Định hướng tự học - Làm công tác tổ chức - Tìm tài liệu theo hướng dẫn. - Đọc tài liệu [1]	G1.1 G1.3	A1.1. 1A1. 1.2 A1.1. 3A1. 2.1 A1.3. 1

		<p><b>- Giảng viên chuẩn bị:</b> Chia nhóm sinh viên (tùy thuộc vào số sinh viên của lớp học phần để chia nhóm trên hệ thống quản lý học)</p> <p>- Tìm hiểu khái niệm, đặc điểm của quản lý, QLGD, QLGD mầm non</p> <p>- Đại diện nhóm sinh viên trình bày kết quả</p> <p>- Đánh giá kết quả hoạt động của nhóm</p> <p><b>Tự học:</b></p> <p>1.1. Khái niệm, đặc điểm về quản lý và quản lý giáo dục</p> <p>1.2. Quản lý GDMN</p>	<p>- Đọc tài liệu [2]</p> <p><b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b></p> <p>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo</p> <p>- Vở tự học của cá nhân</p>		
	<p><b>Mục tiêu</b></p> <p>+ Phân tích, giải thích được những vấn đề lý luận về quản lý giáo dục mầm non</p> <p>+ Hứng thú, nghiêm túc với việc tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu về vấn đề thực hiện chương trình GDMN</p>				
<b>Tuần 2 Block 2 2 tiết</b>	<p>1.4. Chức năng của QL GDMN</p> <p>1.5. Nguyên tắc QL GDMN</p> <p>1.6. Nội dung QL GDMN</p> <p>1.7. Phương pháp QL GDMN</p>	<p>- GV thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội cơ bản về:</p> <p>1.4. Chức năng của QL GDMN</p> <p>1.5. Nguyên tắc QL GDMN</p> <p>1.6. Nội dung QL GDMN</p> <p>1.7. Phương pháp QL GDMN</p> <p><b>Hoạt động nhóm 2:</b></p> <p><b>- Giảng viên chuẩn</b></p>	<p><b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b></p> <p>- Đọc Giáo trình [1] Tr. 3-10</p> <p>- Đọc tài liệu [2]</p> <p>- Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập</p> <p>- Đặt câu hỏi cho GV về nội dung liên quan đến bài học</p> <p>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài</p>	<p>G1.1</p> <p>G1.3</p>	<p>A1.1.</p> <p>1A1.</p> <p>1.2</p> <p>A1.1.</p> <p>3A1.</p> <p>2.1</p> <p>A1.3.</p> <p>1</p>

		<p><b>bị:</b> Chia nhóm sinh viên (tùy thuộc vào số sinh viên của lớp học phần để chia nhóm trên hệ thống quản lý học)</p>	<p>liệu tham khảo</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vở tự học của cá nhân</li> </ul>		
<p><b>Tuần 3</b> <b>Block 3</b> <b>2 tiết</b></p>	<p><b>CHƯƠNG 2.</b> <b>QLNN ĐỐI VỚI</b> <b>NGÀNH GDMN</b> 2.1. Đặc điểm của QLNN về GDMN 2.2. Nội dung QLNN về GDMN</p>	<p>- GV thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội cơ bản về: 1.7. Phương pháp QL GDMN 2.1. Đặc điểm của QLNN về GDMN 2.2. Nội dung QLNN về GDMN</p> <p><b>- Tự học:</b> <b>Bài tập nhóm 1:</b> Tìm hiểu về phong cách (Các nhóm báo cáo bằng slide hoặc Poster)</p>	<p><b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc Giáo trình [1] Tr. 10-15</li> <li>- Đọc tài liệu [2]</li> <li>- Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập</li> <li>- Đặt câu hỏi cho GV về nội dung liên quan đến bài học</li> <li>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo</li> <li>- Vở tự học của cá nhân</li> </ul>	<p>G1.1 G1.3 G2.1 G2.2 G2.3</p>	<p>A1.1. 1A1. 1.2 A1.1. 3A1. 2.1 A1.3. 1</p>
<p><b>Tuần 4</b> <b>Block 4</b> <b>2 tiết</b></p>	<p>2.3. Chủ thể QLNN về GDMN</p> <p><b>CHƯƠNG 3. QL CƠ SỞ GDMN</b> 3.1. Cơ cấu tổ chức cơ sở GDMN 3.2. Hiệu trưởng trường MN 3.2.1. Chức năng 3.2.2. Nhiệm vụ</p>	<p><b>Trình bày bài tập nhóm 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm sinh viên cử đại diện trình bày Bài tập nhóm 1</li> <li>- Các nhóm đánh giá kết quả</li> <li>- <b>Thuyết giảng</b> GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung cơ bản về: 2.3. Chủ thể QLNN về GDMN 3.1. Cơ cấu tổ chức</li> </ul>	<p><b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc Giáo trình [1] Tr. 15-17</li> <li>- Đọc tài liệu [2]</li> <li>- Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập</li> <li>- Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm</li> <li>- Trả lời câu hỏi do GV đưa ra trong các tình</li> </ul>	<p>G2.1 G2.2 G2.3</p>	<p>A1.1. 1A1. 1.2 A1.1. 3A1. 2.2 A1.3. 1</p>

		cơ sở GDMN 3.2. Hiệu trưởng trường MN 3.2.1. Chức năng 3.2.2. Nhiệm vụ 3.2.3. Quyền hạn	hướng trên lớp <b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo - Vở tự học của cá nhân		
<b>Tuần 5</b> <b>Block 5</b> <b>2 tiết</b>	<b>Bài thu hoạch chương 1, 2</b> 3.2.3. Quyền hạn của Hiệu trưởng 3.2.4. Phong cách quản lý 3.2.4.1. Phong cách quản lý dân chủ 3.2.4.2. Phong cách quản lý tự do 3.2.4.3. Phong cách quản lý độc đoán	GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung cơ bản về: 3.2.3. Quyền hạn 3.2.4. Phong cách quản lý 3.2.4.1. Phong cách quản lý dân chủ 3.2.4.2. Phong cách quản lý tự do 3.2.4.3. Phong cách quản lý độc đoán <b>Vấn đáp:</b> SV trả lời câu hỏi về phong cách quản lý <b>Thảo luận:</b> - Tìm hiểu phong cách quản lý - Nhận xét về các phong cách quản lý	<b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b> - Đọc Giáo trình [1] Tr. 18-21 - Đọc tài liệu [2] - Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập - Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm đến người Hiệu trưởng - Tham gia nội dung thảo luận do GV yêu cầu trong các tình huống trên lớp <b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo - Vở tự học của cá nhân	G2.1 G2.2 G2.3	A1.1. 1A1. 1.2 A1.1. 3A1. 2.2 A1.3. 1
<b>Tuần 6</b> <b>Block 6</b> <b>2 tiết</b>	3.2.5. Uy tín người lãnh đạo 3.2.5.1. Khái niệm 3.2.5.2. Những yếu tố tâm lý hợp thành uy tín của người	GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung cơ bản về: 3.2.5. Uy tín người lãnh đạo	<b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b> - Đọc Giáo trình [1] Tr. 22-23 - Đọc tài liệu [2] - Vở ghi chép cá nhân	G2.1 G2.2 G2.3	A1.1. 1A1. 1.2 A1.1. 3A1. 2.2

	<p>lãnh đạo</p> <p>3.2.5.3. Phân loại và biểu hiện của uy tín người lãnh đạo</p>	<p>3.2.5.1. Khái niệm</p> <p>3.2.5.2. Những yếu tố tâm lý hợp thành uy tín của người lãnh đạo</p> <p>3.2.5.3. Phân loại và biểu hiện của uy tín người lãnh đạo</p>	<p>nhân, dụng cụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm đến nhà trường Việt Nam</li> <li>- Tham gia nội dung thảo luận do GV yêu cầu trong các tình huống trên lớp</li> </ul> <p><b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo</li> <li>- Vở tự học của cá nhân</li> </ul>		<p>A1.3.1</p>
<p><b>Tuần 7</b></p> <p><b>Block 7</b></p> <p><b>2 tiết</b></p>	<p>3.2.5.4. Biện pháp nâng cao uy tín người lãnh đạo</p> <p>3.2.6. Những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của Hiệu trưởng</p>	<p>GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung cơ bản về:</p> <p>3.2.5.4. Biện pháp nâng cao uy tín người lãnh đạo</p> <p>3.2.6. Những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của Hiệu trưởng</p>	<p><b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc Giáo trình [1] Tr. 23-25</li> <li>- Đọc tài liệu [2]</li> <li>- Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập</li> <li>- Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm đến nhà trường Việt Nam</li> <li>- Tham gia nội dung thảo luận do GV yêu cầu trong các tình huống trên lớp</li> </ul> <p><b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị giáo</li> </ul>	<p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>G2.3</p>	<p>A1.1.1A1.1.2</p> <p>A1.1.3A1.2.2</p> <p>A1.3.1</p>

			trình chính và tài liệu tham khảo - Vở tự học của cá nhân		
<b>Tuần 8 Block 8 2 tiết</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết)</b>  3.3. Nội dung quản lý cơ sở GDMN 3.3.1. Lập kế hoạch phát triển trường mầm non	GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung cơ bản về: 3.3. Nội dung quản lý cơ sở GDMN 3.3.1. Lập kế hoạch phát triển trường mầm non  <b>Bài tập nhóm 2:</b> Lập 1 bản kế hoạch hoạt động tại trường mầm non (cấp tổ hoặc cấp trường)	<b>Chuẩn bị cho bài tập nhóm:</b> - Đọc Giáo trình [1] Tr. 26-29 - Đọc tài liệu [2] - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo - Vở tự học của cá nhân - Vở chuẩn bị bài thảo luận của cá nhân - Bài tập nhóm đóng cuốn, slide tóm tắt bài thuyết trình - Sổ theo dõi các thành viên của nhóm trưởng	G4.1 G4.2	A1.1. 1A1. 1.2 A1.1. 3A1. 2.3 A2
<b>Tuần 9 Block 9 2 tiết</b>	3.3.2. Quản lý, chỉ đạo thực hiện mục tiêu GDMN 3.3.3. Quản lý CSVC trong trường mầm non 3.3.4. Xây dựng và phát triển tập thể sư phạm	GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung cơ bản về: 3.3.2. Quản lý, chỉ đạo thực hiện mục tiêu GDMN 3.3.3. Quản lý CSVC trong trường mầm non 3.3.4. Xây dựng và phát triển tập thể sư phạm	<b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b> - Đọc Giáo trình [1] Tr. 30-35 - Đọc tài liệu [2] - Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập - Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm đến vị trí vai trò và chức năng của nhà giáo		A1.1. 1A1. 1.2 A1.1. 3A1. 2.3 A2

		<p><b>Thảo luận:</b> Những tồn tại, bất cập trong việc đánh giá, xếp loại GVMN hiện nay</p>	<p>- Tham gia nội dung thảo luận do GV yêu cầu trong các tình huống trên lớp</p> <p><b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b></p> <p>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo</p> <p>- Vở tự học của cá nhân</p>		
<p><b>Tuần 10</b> <b>Block 10</b> <b>2 tiết</b></p>	<p>3.4. Yêu cầu về phẩm chất, năng lực của GVMN</p> <p>3.4.1. Đặc điểm lao động sư phạm của cán bộ, GVMN</p>	<p>GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung cơ bản về:</p> <p>3.4. Yêu cầu về phẩm chất, năng lực của GVMN</p> <p>3.4.1. Đặc điểm lao động sư phạm của cán bộ, GVMN</p> <p><b>Bài tập nhóm 3:</b> Những lý do khiến GVMN trở thành 1 công việc quan trọng và đáng làm trong xã hội (Các nhóm báo cáo bằng slide hoặc Poster)</p>	<p><b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b></p> <p>- Đọc Giáo trình [1] Tr. 36-37</p> <p>- Đọc tài liệu [2]</p> <p>- Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập</p> <p>- Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm</p> <p>- Tham gia nội dung thảo luận do GV yêu cầu trong các tình huống trên lớp</p> <p><b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b></p> <p>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo</p> <p>- Vở tự học của cá nhân</p>	<p>G4.1</p> <p>G4.2</p>	<p>A1.1.</p> <p>1A1.</p> <p>1.2</p> <p>A1.1.</p> <p>3A1.</p> <p>2.3</p> <p>A2</p>
<p><b>Tuần 11</b> <b>Block</b></p>	<p>3.4.2. Nội dung công tác quản lý của GVMN</p>	<p>GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội</p>	<p><b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b></p> <p>- Đọc Giáo trình</p>	<p>G4.1</p> <p>G4.2</p>	<p>A1.1.</p> <p>1A1.</p> <p>1.2</p>

<p><b>11</b> <b>2 tiết</b></p>	<p>3.5. Quản lý sự thay đổi ở trường mầm non 3.5.1. Lãnh đạo và quản lý sự thay đổi</p>	<p>dung cơ bản về: 3.4.2. Nội dung công tác quản lý của GVMN 3.5. Quản lý sự thay đổi ở trường mầm non 3.5.1. Lãnh đạo và quản lý sự thay đổi</p>	<p>[1] Tr. 39-42 - Đọc tài liệu [2] - Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập - Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm - Tham gia nội dung thảo luận do GV yêu cầu trong các tình huống trên lớp <b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo - Vở tự học của cá nhân</p>		<p>A1.1. 3A1. 2.3 A2</p>
<p><b>Tuần</b> <b>12</b> <b>Block</b> <b>12</b> <b>2 tiết</b></p>	<p>3.5.2. Hoạch định sự thay đổi ở trường mầm non 3.5.3. Quy trình thực hiện sự thay đổi ở trường mầm non 3.5.4. Các thành tố đảm bảo thành công cho sự thay đổi</p>	<p>GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung cơ bản về: 3.5.2. Hoạch định sự thay đổi ở trường mầm non 3.5.3. Quy trình thực hiện sự thay đổi ở trường mầm non 3.5.4. Các thành tố đảm bảo thành công cho sự thay đổi</p>	<p><b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b> - Đọc Giáo trình [1] Tr. 43-50 - Đọc tài liệu [2] - Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập - Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm - Tham gia nội dung thảo luận do GV yêu cầu trong các tình huống trên lớp <b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b></p>	<p>G4.1 G4.2</p>	<p>A1.1. 1A1. 1.2 A1.1. 3A1. 2.3 A2</p>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo</li> <li>- Vở tự học của cá nhân</li> </ul>		
<p><b>Tuần 13</b></p> <p><b>Block 13</b></p> <p><b>2 tiết</b></p>	<p><b>Bài thu hoạch chương 3</b></p> <p><b>CHƯƠNG 4. QUẢN LÝ PHONG TRÀO GDMN CÁC CẤP</b></p> <p>4.1. Ý nghĩa của công tác quản lý phong trào GDMN các cấp</p> <p>4.2. Nội dung quản lý phong trào GDMN các cấp</p> <p>4.2.1. Chỉ đạo phát triển số lượng và nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ</p> <p>4.2.2. Xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý</p>	<p>GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung cơ bản về:</p> <p>4.1. Ý nghĩa của công tác quản lý phong trào GDMN các cấp</p> <p>4.2. Nội dung quản lý phong trào GDMN các cấp</p> <p>4.2.1. Chỉ đạo phát triển số lượng và nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ</p> <p>4.2.2. Xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý</p>	<p><b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc các tài liệu liên quan để trình bày và thảo luận nhóm</li> <li>- Đọc Giáo trình [1] Tr. 51-52</li> <li>- Đọc tài liệu [2]</li> <li>- Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập</li> </ul> <p><b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo</li> <li>- Vở tự học của cá nhân</li> </ul>	<p>G4.1</p> <p>G4.2</p>	<p>A1.1.</p> <p>1A1.</p> <p>1.2</p> <p>A1.1.</p> <p>3A1.</p> <p>2.3</p> <p>A2</p>
<p><b>Tuần 14</b></p> <p><b>Block 14</b></p> <p><b>2 tiết</b></p>	<p>4.2.3. Xây dựng CSVC trang thiết bị của nhà trường</p> <p>4.3. Biện pháp chỉ đạo phong trào GDMN các cấp</p> <p>4.3.1. Chỉ đạo bằng kế hoạch</p>	<p>GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung cơ bản về:</p> <p>4.2.3. Xây dựng CSVC trang thiết bị của nhà trường</p> <p>4.3. Biện pháp chỉ đạo phong trào GDMN các cấp</p>	<p><b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc Giáo trình [1] Tr. 52-53</li> <li>- Đọc tài liệu [2]</li> <li>- Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập</li> <li>- Tham gia nội dung thảo luận do</li> </ul>	<p>G4.1</p> <p>G4.2</p>	<p>A1.1.</p> <p>1A1.</p> <p>1.2</p> <p>A1.1.</p> <p>3A1.</p> <p>2.3</p> <p>A2</p>

		4.3.1. Chỉ đạo bằng kế hoạch	GV yêu cầu trong các tình huống trên lớp <b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo - Vở tự học của cá nhân		
<b>Tuần 15</b> <b>Block 15</b> <b>2 tiết</b>	4.3.2. Tham mưu và huy động các lực lượng xã hội tham gia phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ 4.3.3 Tổ chức tốt công tác tuyên truyền 4.3.4. Chỉ đạo điểm và phát huy tác dụng điểm 4.3.5. Tăng cường thanh tra kiểm tra  <b>Bài thu hoạch chương 4</b>	GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung cơ bản về: 4.3.2. Tham mưu và huy động các lực lượng xã hội tham gia phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ 4.3.3 Tổ chức tốt công tác tuyên truyền 4.3.4. Chỉ đạo điểm và phát huy tác dụng điểm 4.3.5. Tăng cường thanh tra kiểm tra <b>Hướng dẫn ôn tập:</b> - Sinh viên tự ôn tập theo các nội dung giảng viên hướng dẫn	<b>Chuẩn bị cho học lý thuyết:</b> - Đọc Giáo trình [1] Tr. 53-57 - Đọc tài liệu [2] - Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập - Đặt câu hỏi cho GV về quản lý nhà trường - Tham gia nội dung thảo luận do GV yêu cầu trong các tình huống trên lớp <b>Chuẩn bị cho phần tự học:</b> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo - Vở tự học của cá nhân	G4.1 G4.2	A1.1. 1A1. 1.2 A1.1. 3A1. 2.3 A2

## 7. Nguồn học liệu

### \* *Giáo trình:*

- [1]. Nguyễn Thị Thu Hằng (2019), Đề cương bài giảng “Quản lý trường mầm non” (Lưu hành nội bộ), Trường Đại học Vinh
- [2]. Phạm Thị Châu (Chủ biên) - Một số vấn đề Quản lý giáo dục Mầm non. NXB ĐH quốc

gia Hà Nội 2006.

**\* Tài liệu tham khảo bắt buộc**

- [1]. Nguyễn Thị Bích Hạnh-Cẩm nang nghiệp vụ quản lý GDMN.NXB Hà Nội-2009  
[2]. Đào Thanh Âm (Chủ biên), Trịnh Dân, Nguyễn Thị Hòa, Đinh Văn Vang-**Giáo dục học Mầm non**, tập I, NXB Đại học Sư phạm, 2005.

**\* Tài liệu tham khảo thêm**

- [1]. Đào Thanh Âm (Chủ biên), Trịnh Dân, Nguyễn Thị Hòa, Đinh Văn Vang, **Giáo dục học Mầm non**, tập II, NXB Đại học Sư phạm, 2005.  
[2]. Đào Thanh Âm (Chủ biên), Trịnh Dân, Nguyễn Thị Hòa, Đinh Văn Vang, **Giáo dục học Mầm non**, tập III, NXB Đại học Sư phạm, 2005.  
[3]. Bùi Minh Hiền (Chủ biên), Vũ Ngọc Hải, Đặng Quốc Bảo-**Quản lý giáo dục**, NXB Đại học Sư phạm, 2006.

**8. Quy định của môn học**

Để đạt được mục tiêu của học phần, sinh viên phải thực hiện đầy đủ và đúng thời gian qui định bài tập thực hành trong từng chương. vở bài tập thực hành phải nộp sau mỗi chương để giảng viên lưu vào hồ sơ học tập. Sản phẩm tự học và hoạt động nhóm cũng nộp sau mỗi chương.

Sinh viên phải tham gia ít nhất 80% số tiết lên lớp theo quy định

**9. Phụ trách môn học**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Bộ môn Quản lý Giáo dục, Khoa Giáo dục, Trường Đại học Vinh  
- Địa chỉ/email: [khoagiaoduc@vinhuni.edu.vn](mailto:khoagiaoduc@vinhuni.edu.vn)

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM THƯỜNG XUYÊN 2**

**1. Thông tin tổng quát**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: Trần Thị Hoàng Yến

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục – Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: [yentthdhv@gmail.com](mailto:yentthdhv@gmail.com); [yen.gdth@gmail.com](mailto:yen.gdth@gmail.com); 0989146168

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ  
Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Hiền

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục – Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: [@](mailto:ngochiendhv@gmail.com)

Các hướng nghiên cứu chính: Dinh dưỡng và bệnh học trẻ em

**Giảng viên 3:**

Họ và tên: Trần Thị Thúy Nga

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục – Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: [trannga.mn@gmail.com](mailto:trannga.mn@gmail.com)

Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục mầm non

**1.2. Thông tin về môn học**

- Tên môn học (tiếng Việt): <b>Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2</b> (tiếng Anh): Pedagogical exercise regularly 2
--

- Mã số môn học:
------------------

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
---------------------------------

Kiến thức cơ bản

Kiến thức cơ sở ngành

Kiến thức chuyên ngành

Kiến thức khác

Môn học chuyên về kỹ năng chung

Môn học đề án tốt nghiệp

- Số tín chỉ:	2 tín chỉ
+ Số tiết lý thuyết:	0
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	
+ Số tiết thực hành:	30
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	60
- Môn học tiên quyết:	Tâm lý giáo dục trẻ em, Giáo dục học mầm non
- Môn học song hành:	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1

## 2. Mô tả môn học

*Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2* là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non tiếp cận CDIO. Học phần này hình thành và rèn luyện cho sinh viên khả năng vận dụng kiến thức về tâm lý – giáo dục học, dinh dưỡng – bệnh học và phương pháp dạy học bộ môn vào quá trình tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc và giáo dục trẻ các độ tuổi ở trường mầm non. Nội dung của học phần gồm những vấn đề sau: thực hành hoạt lập kế hoạch quản lý nhóm lớp, hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe cho trẻ, tổ chức các hoạt giáo dục phát triển. Học xong học phần này, người học có khả năng thiết kế, thực hành và đánh giá các hoạt động quản lý nhóm lớp, hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe và giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ.

## 3. Mục tiêu môn học

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goals description)	Chuẩn đầu ra CTĐT	TĐNL
<b>G1</b>	Xác định được nhiệm vụ thực hành rèn luyện các kĩ năng: lập kế hoạch quản lý nhóm lớp, nuôi dưỡng -chăm sóc sức khỏe và tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ các độ tuổi ở trường mầm non.	1.3.1	4.0
		1.3.2	4.0
		1.3.3	3.5
		1.4.4	3.0
		1.3.5	3.0
<b>G2</b>	Nhận diện, phân tích và lý giải được các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến các hoạt động lập kế hoạch quản lý nhóm lớp, nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ các độ tuổi ở trường mầm non.	2.1.1	3.0
		2.1.2	3.0
		2.3.1	3.0
		2.4.1	3.0
		2.4.4	3.0
		2.4.6	3.0
		2.5.1	3.0
		2.5.2	3.0

		2.5.3	3.0
		2.5.4	3.0
<b>G3</b>	Có kỹ năng su phạm, kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm trong môi trường nghề nghiệp.	3.1.1	3.0
		3.1.2	3.0
		3.2.1	3.0
		3.2.3	3.5
		3.2.4	3.0
		3.2.5	3.0
<b>G4</b>	Vận dụng được các kiến thức về tâm lý – giáo dục học mầm non, dinh dưỡng – bệnh học trẻ em và kiến thức chuyên ngành Giáo dục mầm non trong quá trình hình thành ý tưởng, thiết kế, tổ chức hoạt động và đánh giá .	4.1.1; 4.2.1	3.0; 2.5
		4.2.2; 4.2.3	3.0; 3.0
		3.3.1; 3.3.2	3.0; 3.0
		3.3.3; 4.3.1	3.0; 3.5
		4.3.2; 4.3.3	3.5; 3.5
		4.3.4; 4.3.5	3.5; 3.5
		4.3.6; 4.5.1	3.5; 3.5
		4.5.2; 4.5.3	3.5; 3.5
4.5.4; 4.6.1	3.5; 3.0		

#### 4. Chuẩn đầu ra môn học

(Mô tả các chủ đề CDR cấp độ 2 của học phần và mức độ giảng dạy I, T, U)

Chuẩn đầu ra của HP		Mô tả (Sau khi học xong học phần này, người học có thể: )	Mức độ giảng dạy
<b>G1</b>	<b>G1.1</b>	Xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ thực hành kỹ năng lập kế hoạch quản lý nhóm lớp.	<b>I, U</b>
	<b>G1.2</b>	Xác định rõ mục tiêu và nhiệm vụ thực hành kỹ năng nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe cho trẻ ở các độ tuổi.	<b>T, U</b>
	<b>G1.3</b>	Xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển cho trẻ ở các độ tuổi.	<b>T, U</b>
	<b>G1.4</b>	Xác định rõ phương pháp và hình thức lập kế hoạch quản lý nhóm lớp.	<b>T, U</b>
	<b>G1.5</b>	Xác định rõ phương pháp và hình thức các hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe cho trẻ ở các độ tuổi.	<b>T, U</b>
	<b>G1.6</b>	Xác định rõ phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ ở các độ tuổi.	<b>T, U</b>
<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	Thực hiện việc tìm hiểu, phân tích các tài liệu về việc lập kế hoạch quản lý nhóm lớp, hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe và giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ các độ	<b>I, U</b>

		tuổi.	
	<b>G2.2</b>	Có tinh thần trách nhiệm, yêu nghề, kiên trì, chịu khó và thích nghi với môi trường nghề nghiệp.	<b>U</b>
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Hợp tác, chia sẻ các nhiệm vụ trong quá trình rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp của người giáo viên mầm non.	<b>U</b>
	<b>G3.2</b>	Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong soạn thảo tài liệu, giáo án bài giảng, thiết kế đồ dùng dạy học.	<b>U</b>
	<b>G3.3</b>	Thuyết trình mạnh dạn, tự tin, ứng xử sư phạm phù hợp, linh hoạt, hiệu quả với trẻ, phụ huynh và đồng nghiệp.	<b>U</b>
	<b>G3.4</b>	Sử dụng phương tiện dạy học phù hợp, hiệu quả trong các hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe và giáo dục phát triển cho trẻ.	<b>U</b>
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Xác định vai trò, trách nhiệm của giáo viên mầm non trong việc tổ chức quản lý nhóm lớp và các hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe và giáo dục phát triển cho trẻ mầm non.	<b>U</b>
	<b>G4.2</b>	Xác định được mục tiêu, kế hoạch quản lý nhóm lớp, nhiệm vụ nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe và giáo dục phát triển cho trẻ.	<b>U</b>
	<b>G4.3</b>	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng vào việc xác định mục tiêu, nội dung quản lý nhóm lớp, nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe và giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ các độ tuổi.	<b>U</b>
	<b>G4.4</b>	Thực hành thiết kế mục tiêu, nội dung quản lý nhóm lớp và các hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe và giáo dục phát triển cho trẻ các độ tuổi.	<b>U</b>
	<b>G4.5</b>	Thực hành tổ chức các quản lý nhóm lớp, hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe và hoạt động giáo dục phát triển trẻ các độ tuổi.	<b>U</b>
	<b>G4.6</b>	Thực hành đánh giá các hoạt động lập kế hoạch quản lý nhóm lớp, hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe và giáo dục phát triển trẻ các độ tuổi.	<b>U</b>

**5. Đánh giá môn học** (các thành phần, các bài đánh giá và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (2)	CDR học phần (Gx.x) (3)	Tỷ lệ (%) (4)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</b>			<b>10%</b>
Chuyên cần	A1.1.1. Chuyên cần, giờ giấc, tham gia đầy đủ các hoạt động tại trường mầm non	2.5; 3.1	5%
Thái độ học tập	A1.1.2. Tài liệu học tập đầy đủ, thực hiện tích cực các hoạt động tại trường mầm non	2.5; 3.1; 3.2;	5%
<b>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</b>			<b>20%</b>
Bài tập	A1.2.1. Bài tập về tìm hiểu các kế hoạch quản lý nhóm lớp tại trường mầm non.	G1.1	10%
	A1.2.2. Bài tập về việc lập kế hoạch, thiết kế hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe cho trẻ.	G1.2	
	A1.2.3. Bài tập về việc xây dựng kế hoạch và thiết kế giáo án tổ chức hoạt động giáo dục phát triển trẻ các độ tuổi.	G1.3	
Báo cáo bài hoạt động nhóm, bài thuyết trình	A1.2.3. Sản phẩm hoạt động nhóm: kế hoạch quản lý nhóm lớp.	G1.1	10%
	A1.2.4. Sản phẩm hoạt động nhóm: kế hoạch hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe nhóm lớp.	G1.2	
		G1.3	
	A1.2.5. Sản phẩm hoạt động nhóm: giáo án các hoạt động giáo dục phát triển trẻ ở các nhóm lớp.	G2.1	
		G2.2	
G3.1			
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ</b>			<b>20%</b>
Thực hành tại trường mầm non	A1.3.1. Kế hoạch quản lý nhóm lớp.	G4.1; G4.2	0,5%
	A1.3.2. Kế hoạch hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe cho trẻ tại nhóm lớp.	G4.3; G4.4	0,5%
	A1.3.3. Giáo án giáo dục phát triển cho trẻ tại nhóm lớp.	G4.3; G4.4	10%

<b>A2. Đánh giá cuối kỳ</b>			<b>50%</b>
<b>Học phần Thực hành</b>	A2.1. Thực hành xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động quản lý nhóm lớp.	G4.1; G4.2; G4.3	10%
	A2.2. Thực hành hoạt động chăm sóc sức khỏe – vệ sinh cho trẻ tại nhóm lớp.	G4.5	15%
	A2.3. Thực hành hoạt động giáo dục trẻ tại nhóm lớp.	G4.5	20%
	A2.4. Thực hành đánh giá trong GDMN	G4.6	5%

**6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy** (các nội dung giảng dạy lý thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CĐR và các bài đánh giá môn học)

**6.1. Nội dung giảng dạy (thực hành)**

**\* Học phần RLNVSTX 2 gồm các nội dung sau:**

1. Thực hành lập kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động quản lý nhóm lớp
2. Thực hành lập kế hoạch, thiết kế, tổ chức và đánh giá hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc giáo dục trẻ độ tuổi nhà trẻ/mẫu giáo ở trường mầm non
3. Thực hành lập kế hoạch, thiết kế, tổ chức và đánh giá hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc giáo dục trẻ độ tuổi nhà trẻ/mẫu giáo ở trường mầm non

**\*Nội dung cụ thể của học phần RLNVSTX**

**1. Thực hành Lập kế hoạch và công tác quản lý nhóm lớp**

- 1.1. Lập kế hoạch chăm sóc – giáo dục trẻ
- 1.2. Lập kế hoạch lập kế hoạch quản lý nhóm lớp
- 1.3. Thực hành kỹ năng thực hiện kế hoạch quản lý nhóm lớp
- 1.3. Thực hành kỹ năng quản lý và sử dụng hồ sơ cá nhân và nhóm lớp
- 1.4. Thực hành kỹ năng sắp xếp và bảo quản đồ dùng, đồ chơi, sản phẩm của trẻ trong lớp.

**2. Thực hành hoạt động Nuôi dưỡng – chăm sóc giáo dục trẻ mầm non**

- 2.1. Thực hành tổ chức môi trường nhóm lớp đảm bảo vệ sinh an toàn cho trẻ
- 2.2. Thực hành tổ chức, hướng dẫn các hoạt động chăm sóc trong ngày: đón – trả trẻ, chăm sóc bữa ăn, giấc ngủ, vệ sinh cho trẻ
- 2.3. Thực hành việc quan sát và đánh giá sự phát triển của trẻ
- 2.4. Thực hành việc giao tiếp với phụ huynh, trẻ, GVMN

**3. Thực hành tổ chức hoạt động Giáo dục phát triển cho trẻ mầm non**

- 3.1. Tìm hiểu, tham gia rút kinh nghiệm các giờ dạy của GVMN
- 3.2. Thực hành soạn giáo án, làm đồ dùng đồ chơi phục vụ giờ dạy
- 3.3. Tổ chức hoạt động giáo dục có chủ đích, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời theo 4 lĩnh vực phát triển (độ tuổi Nhà trẻ) và 5 lĩnh vực phát triển (độ tuổi Mẫu giáo)
- 3.4. Thực hành việc sử dụng đồ dùng, đồ chơi và các nguyên vật liệu khác trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục trẻ

3.5. Thực hành giao tiếp với trẻ, phụ huynh, GVMN

**6.2. Kế hoạch giảng dạy học phần RLNVSTP 2**

<b>Tuần/ Buổi học (1)</b>	<b>Nội dung (2)</b>	<b>Hình thức tổ chức DH (3)</b>	<b>Chuẩn bị của SV (4)</b>	<b>CDR môn học (5)</b>	<b>Bài đánh giá (6)</b>
Tuần1. (4 tiết, Buổi sáng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu công tác quản lý nhóm lớp (mục tiêu, nhiệm vụ).</li> <li>- Tìm hiểu hoạt động nuôi dưỡng (ND) – chăm sóc sức khỏe (CSSK): mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp, hình thức thực hiện.</li> <li>- Tìm hiểu hoạt động giáo dục (GD) trẻ tại trường mầm non (MN): mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp, hình thức thực hiện.</li> </ul>	<p><b>Thực hành ở trường MN:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- SV nghe các báo cáo về cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của trường mầm non; kế hoạch hoạt động của trường MN (năm học, tháng, tuần, chủ đề/ chủ điểm).</li> <li>- Quan sát các hoạt động ND – CSSK và GD trẻ tại nhóm lớp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc kỹ đề cương HP</li> <li>- Đọc GT và tài liệu về Chương trình GDMN và hướng dẫn thực hiện chương trình GDMN các độ tuổi.</li> <li>- Đọc GT và tài liệu về việc hướng dẫn tổ chức các hoạt động ND – CSSK và GD trẻ các độ tuổi.</li> <li>- SV nghiên cứu tài liệu về việc lập kế hoạch quản lý nhóm lớp, cơ cấu tổ chức trường MN.</li> </ul>	G1.1 G1.2 G1.3 G1.4 G1.5	A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2
Tuần 2. (4 tiết, buổi sáng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành lập kế hoạch hoạt động quản lý nhóm lớp</li> <li>- Thực hành hoạt động ND – CSSK cho trẻ tại nhóm lớp.</li> </ul>	<p><b>Thực hành ở trường MN:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GVMN giao nhiệm vụ cụ thể cho SV về việc lập kế hoạch quản lý nhóm lớp và ND – CSSK.</li> <li>- SV tìm hiểu đặc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm việc nhóm: Thảo luận về nhiệm vụ lập kế hoạch quản lý nhóm lớp và ND – CSSK.</li> <li>- Đọc TL về chương trình</li> </ul>	G1.1 G1.2 G1.3 G1.4 G1.5 G2.1 G2.2 G3.2 G3.3	A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2

		<p>điểm tình hình nhóm lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- SV tìm hiểu kế hoạch ND – CSSK cho nhóm lớp theo tuần (mục tiêu, nội dung, điều kiện thực hiện).</li> <li>- Thực hành hoạt động ND - CSSK cho trẻ tại nhóm lớp (đón trẻ, cho trẻ ăn, vệ sinh cho trẻ).</li> </ul> <p><b>Tự học ở trường MN</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- SV tìm hiểu đặc điểm tâm - sinh lý của trẻ, tiêu chuẩn đánh giá sức khỏe – vệ sinh và trình trạng dinh dưỡng của trẻ.</li> <li>- Nhận định, phân tích các kế hoạch ND và CSSK cho nhóm lớp theo ngày/tuần/ tháng/chủ đề của GVMN.</li> </ul>	<p>GDMN: xác định, phân tích mục tiêu, nội dung, điều kiện thực hiện hoạt động ND – CSSK cho trẻ ở nhóm lớp.</p>	<p>G4.1 G4.2 G4.3 G4.4 G4.5</p>	
<p>Tuần 3 (4 tiết, buổi sáng)</p>	<p>-Thực hành đánh giá việc lập kế hoạch hoạt động ND – CS và GD trẻ tại nhóm lớp. - Thực hành quản</p>	<p><b>Thực hành ở trường MN:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GVMN đánh giá bản kế hoạch quản lý nhóm lớp của SV.</li> </ul>	<p><b>Làm việc nhóm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Thảo luận thống nhất về bản kế hoạch quản lý nhóm</li> </ul>	<p>G1.1 G1.2 G1.3 G1.4 G1.5 G2.1</p>	<p>A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A2.1</p>

	<p>lý nhóm lớp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành hoạt động ND – CSSK</li> <li>- Tìm hiểu nội dung, hoạt động GD trẻ tại nhóm lớp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GVMN giao nhiệm vụ cụ thể cho SV về hoạt động giáo dục phát triển trẻ tại nhóm lớp.</li> <li>- SV thực hành hoạt động đón trẻ, cho trẻ ăn, vệ sinh cá nhân trẻ/lớp học.</li> <li>- SV quan sát các hoạt động giáo dục trẻ ở nhóm lớp.</li> <li>- SV tìm hiểu chủ đề/đề tài của hoạt động giáo dục phát triển trẻ tại nhóm lớp.</li> </ul> <p><b>Tự học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- SV ghi chép nội dung các hoạt động của trẻ, GVMN và bản thân SV.</li> <li>- SV rút ra các bài học kinh nghiệm và trao đổi với nhóm SV, GVMN.</li> </ul>	<p>lớp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Trao đổi kinh nghiệm về kỹ năng tổ chức hoạt động ND – CSSK cho trẻ tại nhóm lớp.</li> <li>- <b>Tự học cá nhân:</b> SV hoàn thiện bản kế hoạch quản lý nhóm lớp và ND – CSSK của nhóm lớp.</li> <li>- SV tìm hiểu nội dung liên quan đến chủ đề, lĩnh vực giáo dục phát triển và các đề tài cụ thể.</li> </ul>	<p>G2.2</p> <p>G2.3</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p> <p>G3.3</p> <p>G4.1</p> <p>G4.2</p> <p>G4.3</p> <p>G4.4</p> <p>G4.5</p>	
<p>Tuần 4 (4 tiết, buổi sáng)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành quản lý nhóm lớp.</li> <li>- Thực hành hoạt động ND – CSSK.</li> <li>- Thực hành tổ chức hoạt động GD trẻ tại nhóm</li> </ul>	<p><b>Thực hành ở trường MN:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- SV thực hành quản lý nhóm lớp.</li> <li>- SV thực hành hoạt động ND –</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV soạn giáo án, chuẩn bị đồ dùng dạy học cho hoạt động và đề tài đã chọn.</li> </ul>	<p>G1.1</p> <p>G1.2</p> <p>G1.3</p> <p>G1.4</p> <p>G1.5</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p>	<p>A1.1.1</p> <p>A1.1.2</p> <p>A1.2.1</p> <p>A1.2.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p> <p>A2.2</p>

	<p>lớp.</p> <p>- Thực hành đánh giá các hoạt động do SV thực hiện tại nhóm lớp.</p>	<p>CSSK cho trẻ tại nhóm lớp (đón – trả trẻ, chăm sóc, vệ sinh cho trẻ, vệ sinh lớp học, giao tiếp với phụ huynh...)</p> <p>- SV thực hành tổ chức một hoạt động giáo dục thuộc một trong các lĩnh vực phát triển cho trẻ nhà trẻ/mẫu giáo.</p> <p>- GVMN nhận xét, đánh giá các hoạt động thực hành của SV.</p> <p><b>Tự học:</b></p> <p>- SV ghi chép nội dung các hoạt động của trẻ, GVMN và bản thân SV.</p> <p>- SV tự rút ra bài học kinh nghiệm và trao đổi với nhóm SV, GVMN.</p>	<p>- SV chỉnh sửa, hoàn thiện giáo án theo ý kiến của GVMN</p>	<p>G2.3</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p> <p>G3.3</p> <p>G4.1</p> <p>G4.2</p> <p>G4.3</p> <p>G4.4</p> <p>G4.5</p>	
<p>Tuần 5 (4 tiết, buổi sáng)</p>	<p>- Thực hành quản lý nhóm lớp.</p> <p>- Thực hành hoạt động ND – CSSK</p> <p>- Thực hành tổ chức hoạt động GD trẻ tại nhóm lớp.</p> <p>- Thực hành đánh</p>	<p><b>Thực hành ở trường MN:</b></p> <p>- SV thực hành quản lý nhóm lớp.</p> <p>- SV thực hành hoạt động ND – CSSK cho trẻ tại nhóm lớp (đón –</p>	<p>-SV soạn giáo án, chuẩn bị đồ dùng dạy học cho hoạt động và đề tài đã chọn.</p> <p>- SV chỉnh sửa, hoàn thiện giáo</p>	<p>G1.1</p> <p>G1.2</p> <p>G1.3</p> <p>G1.4</p> <p>G1.5</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>G2.3</p> <p>G3.1</p>	<p>A1.1.1</p> <p>A1.1.2</p> <p>A1.2.1</p> <p>A1.2.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p> <p>A2.2</p> <p>A2.3</p>

	<p>giá các hoạt động do SV thực hiện tại nhóm lớp.</p>	<p>trả trẻ, chăm sóc, vệ sinh cho trẻ, vệ sinh lớp học, giao tiếp với phụ huynh...)</p> <p>- SV thực hành tổ chức một hoạt động giáo dục trẻ thuộc một trong các lĩnh vực phát triển cho trẻ nhà trẻ/mẫu giáo.</p> <p><b>Tự học:</b></p> <p>- SV ghi chép nội dung các hoạt động của trẻ, GVMN và bản thân SV.</p> <p>- SV rút ra các bài học kinh nghiệm và trao đổi với nhóm SV, GVMN.</p>	<p>án theo ý kiến của GVMN</p>	<p>G3.2</p> <p>G3.3</p> <p>G4.1</p> <p>G4.2</p> <p>G4.3</p> <p>G4.4</p> <p>G4.5</p> <p>G4.6</p>	
<p>Tuần 6 (4 tiết, buổi sáng, buổi sáng)</p>	<p>- Thực hành quản lý nhóm lớp.</p> <p>- Thực hành hoạt động ND – CSSK</p> <p>- Thực hành tổ chức hoạt động GD trẻ tại nhóm lớp.</p> <p>- Thực hành đánh giá các hoạt động do SV thực hiện tại nhóm lớp.</p>	<p><b>Thực hành ở trường MN:</b></p> <p>- SV thực hành quản lý nhóm lớp.</p> <p>- SV thực hành hoạt động ND – CSSK cho trẻ tại nhóm lớp (đón – trả trẻ, chăm sóc, vệ sinh cho trẻ, vệ sinh lớp học, giao tiếp với phụ huynh...)</p> <p>- SV thực hành tổ</p>	<p>- SV soạn giáo án, chuẩn bị đồ dùng dạy học cho hoạt động và đề tài đã chọn.</p> <p>- SV chỉnh sửa, hoàn thiện giáo án theo ý kiến của GVMN</p>	<p>G1.1</p> <p>G1.2</p> <p>G1.3</p> <p>G1.4</p> <p>G1.5</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>G2.3</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p> <p>G3.3</p> <p>G4.1</p> <p>G4.2</p> <p>G4.3</p> <p>G4.4</p>	<p>A1.1.1</p> <p>A1.1.2</p> <p>A1.2.1</p> <p>A1.2.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p> <p>A2.2</p> <p>A2.3</p>

		<p>chức một hoạt động giáo dục trẻ thuộc một trong các lĩnh vực phát triển cho trẻ nhà trẻ/mẫu giáo.</p> <p><b>Tự học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- SV ghi chép nội dung các hoạt động của trẻ, GVMN và bản thân SV.</li> <li>- SV rút ra các bài học kinh nghiệm và trao đổi với nhóm SV, GVMN.</li> </ul>		G4.5 G4.6	
Tuần 7 (4 tiết, buổi sáng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành quản lý nhóm lớp.</li> <li>- Thực hành hoạt động ND – CSSK</li> <li>- Thực hành tổ chức hoạt động GD trẻ tại nhóm lớp.</li> <li>- Thực hành đánh giá các hoạt động do SV thực hiện tại nhóm lớp.</li> </ul>	<p><b>Thực hành ở trường MN:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- SV thực hành quản lý nhóm lớp</li> <li>- SV thực hành hoạt động ND – CSSK cho trẻ tại nhóm lớp (đón – trả trẻ, chăm sóc, vệ sinh cho trẻ, vệ sinh lớp học, giao tiếp với phụ huynh...)</li> <li>- SV thực hành tổ chức một hoạt động giáo dục trẻ thuộc một trong các lĩnh vực phát triển cho trẻ nhà trẻ/mẫu giáo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV soạn giáo án, chuẩn bị đồ dùng dạy học cho hoạt động đề tài đã chọn.</li> <li>- SV chỉnh sửa, hoàn thiện giáo án theo ý kiến của GVMN</li> </ul>	G1.1 G1.2 G1.3 G1.4 G1.5 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3 G4.1 G4.2 G4.3 G4.4 G4.5 G4.6	A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A1.3 A2.1 A2.2 A2.3

		<p><b>Tự học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- SV ghi chép nội dung các hoạt động của trẻ, GVMN và bản thân SV.</li> <li>- SV rút ra các bài học kinh nghiệm và trao đổi với nhóm SV, GVMN.</li> </ul>			
Tuần 8 (4 tiết, buổi sáng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành quản lý nhóm lớp.</li> <li>- Thực hành hoạt động ND – CSSK</li> <li>- Thực hành tổ chức hoạt động GD trẻ tại nhóm lớp.</li> <li>- Thực hành đánh giá các hoạt động do SV thực hiện tại nhóm lớp.</li> </ul>	<p><b>Thực hành ở trường MN:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- SV thực hành quản lý nhóm lớp.</li> <li>- SV thực hành hoạt động ND – CSSK cho trẻ tại nhóm lớp (đón – trả trẻ, chăm sóc, vệ sinh cho trẻ, vệ sinh lớp học, giao tiếp với phụ huynh...)</li> <li>- SV thực hành tổ chức một hoạt động giáo dục trẻ thuộc một trong các lĩnh vực phát triển cho trẻ nhà trẻ/mẫu giáo.</li> </ul> <p><b>Tự học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- SV ghi chép nội dung các hoạt động của trẻ, GVMN và bản thân SV.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV soạn giáo án, chuẩn bị đồ dùng dạy học cho đề tài đã chọn.</li> <li>- SV chỉnh sửa, hoàn thiện giáo án theo ý kiến của GVMN</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>G1.1</li> <li>G1.2</li> <li>G1.3</li> <li>G1.4</li> <li>G1.5</li> <li>G2.1</li> <li>G2.2</li> <li>G2.3</li> <li>G3.1</li> <li>G3.2</li> <li>G3.3</li> <li>G4.1</li> <li>G4.2</li> <li>G4.3</li> <li>G4.4</li> <li>G4.5</li> <li>G4.6</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>A1.1.1</li> <li>A1.1.2</li> <li>A1.2.1</li> <li>A1.2.2</li> <li>A1.3</li> <li>A2.1</li> <li>A2.2</li> <li>A2.3</li> </ul>

		- SV rút ra các bài học kinh nghiệm và trao đổi với nhóm SV, GVMN.			
Tuần 9 (4 tiết, buổi sáng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành quản lý nhóm lớp.</li> <li>- Thực hành hoạt động ND – CSSK</li> <li>- Thực hành tổ chức hoạt động GD trẻ tại nhóm lớp.</li> <li>- Thực hành đánh giá các hoạt động do SV thực hiện tại nhóm lớp.</li> </ul>	<p><b>Thực hành ở trường MN:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- SV thực hành quản lý nhóm lớp.</li> <li>- SV thực hành hoạt động ND – CSSK cho trẻ tại nhóm lớp (đón – trả trẻ, chăm sóc, vệ sinh cho trẻ, vệ sinh lớp học, giao tiếp với phụ huynh...)</li> <li>- SV thực hành tổ chức hoạt động giáo dục trẻ thuộc một trong các lĩnh vực phát triển cho trẻ nhà trẻ/mẫu giáo.</li> </ul> <p><b>Tự học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- SV ghi chép nội dung các hoạt động của trẻ, GVMN và bản thân SV.</li> <li>- SV rút ra các bài học kinh nghiệm và trao đổi với nhóm SV, GVMN.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV soạn giáo án, chuẩn bị đồ dùng dạy học cho đề tài đã chọn.</li> <li>- SV chỉnh sửa, hoàn thiện giáo án theo ý kiến của GVMN</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>G1.1</li> <li>G1.2</li> <li>G1.3</li> <li>G1.4</li> <li>G1.5</li> <li>G2.1</li> <li>G2.2</li> <li>G2.3</li> <li>G3.1</li> <li>G3.2</li> <li>G3.3</li> <li>G4.1</li> <li>G4.2</li> <li>G4.3</li> <li>G4.4</li> <li>G4.5</li> <li>G4.6</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>A1.1.1</li> <li>A1.1.2</li> <li>A1.2.1</li> <li>A1.2.2</li> <li>A1.3</li> <li>A2.1</li> <li>A2.2</li> <li>A2.3</li> </ul>
Tuần 10	- Thực hành quản	<b>Thực hành ở</b>	- SV soạn giáo	G1.1	A1.1.1

(4 tiết, buổi sáng)	<p>lý nhóm lớp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành hoạt động ND – CSSK</li> <li>- Thực hành tổ chức hoạt động GD trẻ tại nhóm lớp.</li> <li>- Thực hành đánh giá các hoạt động do SV thực hiện tại nhóm lớp.</li> </ul>	<p><b>trường MN:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- SV thực hành quản lý nhóm lớp.</li> <li>- SV thực hành hoạt động ND – CSSK cho trẻ tại nhóm lớp (đón – trả trẻ, chăm sóc, vệ sinh cho trẻ, vệ sinh lớp học, giao tiếp với phụ huynh...)</li> <li>- SV thực hành tổ chức một hoạt động giáo dục trẻ thuộc một trong các lĩnh vực phát triển cho trẻ nhà trẻ/mẫu giáo.</li> </ul> <p><b>Tự học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- SV ghi chép nội dung các hoạt động của trẻ, GVMN và bản thân SV.</li> <li>- SV rút ra các bài học kinh nghiệm và trao đổi với nhóm SV, GVMN.</li> </ul>	<p>án, chuẩn bị đồ dùng dạy học cho đề tài đã chọn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- SV chỉnh sửa, hoàn thiện giáo án theo ý kiến của GVMN</li> </ul>	<p>G1.2 G1.3 G1.4 G1.5 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3 G4.1 G4.2 G4.3 G4.4 G4.5 G4.6</p>	<p>A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A1.3 A2.1 A2.2 A2.3</p>
Tuần 11 (4 tiết, buổi sáng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành quản lý nhóm lớp.</li> <li>- Thực hành hoạt động ND – CSSK</li> <li>- Thực hành tổ chức hoạt động</li> </ul>	<p><b>Thực hành ở trường MN:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- SV thực hành quản lý nhóm lớp.</li> <li>- SV thực hành</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV soạn giáo án, chuẩn bị đồ dùng dạy học cho đề tài đã chọn.</li> <li>- SV chỉnh sửa,</li> </ul>	<p>G1.1 G1.2 G1.3 G1.4 G1.5 G2.1</p>	<p>A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A1.3 A2.1</p>

	GD trẻ tại nhóm lớp. - Thực hành đánh giá các hoạt động do SV thực hiện tại nhóm lớp.	hoạt động ND – CSSK cho trẻ tại nhóm lớp (đón – trả trẻ, chăm sóc, vệ sinh cho trẻ, vệ sinh lớp học, giao tiếp với phụ huynh...) - SV thực hành tổ chức một hoạt động giáo dục trẻ thuộc một trong các lĩnh vực phát triển cho trẻ nhà trẻ/mẫu giáo. <b>Tự học:</b> - SV ghi chép nội dung các hoạt động của trẻ, GVMN và bản thân SV. - SV rút ra các bài học kinh nghiệm và trao đổi với nhóm SV, GVMN.	hoàn thiện giáo án theo ý kiến của GVMN	G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3 G4.1 G4.2 G4.3 G4.4 G4.5 G4.6	A2.2 A2.3
Tuần 12 (4 tiết, buổi sáng)	- Thực hành quản lý nhóm lớp. - Thực hành hoạt động ND – CSSK - Thực hành tổ chức hoạt động GD trẻ tại nhóm lớp. - Thực hành đánh giá các hoạt động do SV thực hiện	<b>Thực hành ở trường MN:</b> - SV thực hành quản lý nhóm lớp. - SV thực hành hoạt động ND – CSSK cho trẻ tại nhóm lớp (đón – trả trẻ, chăm sóc, vệ sinh cho trẻ,	- SV soạn giáo án, chuẩn bị đồ dùng dạy học cho đề tài đã chọn. - SV chỉnh sửa, hoàn thiện giáo án theo ý kiến của GVMN.	G1.1 G1.2 G1.3 G1.4 G1.5 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3	A1.1.1 A1.1.2 A1.2.1 A1.2.2 A1.3 A2.1 A2.2 A2.3

	tại nhóm lớp.	<p>vệ sinh lớp học, giao tiếp với phụ huynh...)</p> <p>- SV thực hành tổ chức một hoạt động giáo dục trẻ thuộc một trong các lĩnh vực phát triển cho trẻ nhà trẻ/mẫu giáo.</p> <p><b>Tự học:</b></p> <p>- SV ghi chép nội dung các hoạt động của trẻ, GVMN và bản thân SV.</p> <p>- SV rút ra các bài học kinh nghiệm và trao đổi với nhóm SV, GVMN.</p>		<p>G4.1</p> <p>G4.2</p> <p>G4.3</p> <p>G4.4</p> <p>G4.5</p> <p>G4.6</p>	
Tuần 13 (4 tiết, buổi sáng)	<p>- Thực hành quản lý nhóm lớp.</p> <p>- Thực hành hoạt động ND – CSSK</p> <p>- Thực hành hoạt động GD trẻ tại nhóm lớp.</p> <p>- Thực hành đánh giá các hoạt động do SV thực hiện tại nhóm lớp.</p>	<p><b>Ở trường MN:</b></p> <p>- SV thực hành quản lý nhóm lớp.</p> <p>- SV thực hành hoạt động ND – CSSK cho trẻ tại nhóm lớp (đón – trả trẻ, chăm sóc, vệ sinh cho trẻ, vệ sinh lớp học, giao tiếp với phụ huynh...)</p> <p>- SV thực hành tổ chức một hoạt động giáo dục trẻ</p>	<p>- SV soạn giáo án, chuẩn bị đồ dùng dạy học cho đề tài đã chọn.</p> <p>- SV chỉnh sửa, hoàn thiện giáo án theo ý kiến của GVMN</p>	<p>G1.1</p> <p>G1.2</p> <p>G1.3</p> <p>G1.4</p> <p>G1.5</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>G2.3</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p> <p>G3.3</p> <p>G4.1</p> <p>G4.2</p> <p>G4.3</p> <p>G4.4</p> <p>G4.5</p>	<p>A1.1.1</p> <p>A1.1.2</p> <p>A1.2.1</p> <p>A1.2.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p> <p>A2.2</p> <p>A2.3</p>

		<p>thuộc một trong các lĩnh vực phát triển cho trẻ nhà trẻ/mẫu giáo.</p> <p><b>Tự học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- SV ghi chép nội dung các hoạt động của trẻ, GVMN và bản thân SV.</li> <li>- SV rút ra các bài học kinh nghiệm và trao đổi với nhóm SV, GVMN.</li> </ul>		G4.6	
<p>Tuần 14 (4 tiết, buổi sáng)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành quản lý nhóm lớp.</li> <li>- Thực hành hoạt động ND – CSSK</li> <li>- Thực hành tổ chức hoạt động GD trẻ tại nhóm lớp.</li> <li>- Thực hành đánh giá các hoạt động do SV thực hiện tại nhóm lớp.</li> </ul>	<p><b>Thực hành ở trường MN:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- SV thực hành quản lý nhóm lớp.</li> <li>- SV thực hành hoạt động ND – CSSK cho trẻ tại nhóm lớp (đón – trả trẻ, chăm sóc, vệ sinh cho trẻ, vệ sinh lớp học, giao tiếp với phụ huynh...)</li> <li>- SV thực hành tổ chức một hoạt động giáo dục trẻ thuộc một trong các lĩnh vực phát triển cho trẻ nhà trẻ/mẫu giáo.</li> </ul> <p><b>Tự học:</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-SV soạn giáo án, chuẩn bị đồ dùng dạy học cho đề tài đã chọn.</li> <li>- SV chỉnh sửa, hoàn thiện giáo án theo ý kiến của GVMN</li> </ul>	<p>G1.1</p> <p>G1.2</p> <p>G1.3</p> <p>G1.4</p> <p>G1.5</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>G2.3</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p> <p>G3.3</p> <p>G4.1</p> <p>G4.2</p> <p>G4.3</p> <p>G4.4</p> <p>G4.5</p> <p>G4.6</p>	<p>A1.1.1</p> <p>A1.1.2</p> <p>A1.2.1</p> <p>A1.2.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p> <p>A2.2</p> <p>A2.3</p>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV ghi chép nội dung các hoạt động của trẻ, GVMN và bản thân SV.</li> <li>- SV rút ra các bài học kinh nghiệm và trao đổi với nhóm SV, GVMN.</li> </ul>			
Tuần 15 (4 tiết, buổi sáng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành quản lý nhóm lớp.</li> <li>- Thực hành hoạt động ND – CSSK.</li> <li>- Thực hành tổ chức hoạt động GD trẻ tại nhóm lớp.</li> <li>- Thực hành đánh giá các hoạt động do SV thực hiện tại nhóm lớp.</li> <li>- Tổng kết RLNVSPTX.</li> </ul>	<p><b>Thực hành ở trường MN:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- SV thực hành quản lý nhóm lớp.</li> <li>- SV thực hành hoạt động ND – CSSK cho trẻ tại nhóm lớp (đón – trả trẻ, chăm sóc, vệ sinh cho trẻ, vệ sinh lớp học, giao tiếp với phụ huynh...)</li> <li>- SV thực hành tổ chức một hoạt động giáo dục trẻ thuộc một trong các lĩnh vực phát triển của trẻ nhà trẻ/mẫu giáo.</li> <li>- Tổng kết đợt RLNVSPTX.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV soạn giáo án, chuẩn bị đồ dùng dạy học cho đề tài đã chọn.</li> <li>- SV chỉnh sửa, hoàn thiện giáo án theo ý kiến của GVMN</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>G1.1</li> <li>G1.2</li> <li>G1.3</li> <li>G1.4</li> <li>G1.5</li> <li>G2.1</li> <li>G2.2</li> <li>G2.3</li> <li>G3.1</li> <li>G3.2</li> <li>G3.3</li> <li>G4.1</li> <li>G4.2</li> <li>G4.3</li> <li>G4.4</li> <li>G4.5</li> <li>G4.6</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>A1.1.1</li> <li>A1.1.2</li> <li>A1.2.1</li> <li>A1.2.2</li> <li>A1.3</li> <li>A2.1</li> <li>A2.2</li> <li>A2.3</li> </ul>

(1): Thông tin về tuần/buổi học

(2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê các hoạt động dạy và học: Thực hành trên lớp, tự học;

(4): Liệt kê các nội dung yêu cầu SV phải chuẩn bị trước khi thực hiện bài học;

(Trước khi triển khai bài dạy, giảng viên phải yêu cầu SV chuẩn bị các nội dung chi tiết)

(5): Liệt kê các CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x).

(6): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu A.x.x).

## **7. Nguồn học liệu**

### **\* Sách**

1. Bộ GD và ĐT (2010), Chương trình Giáo dục mầm non, Nhà xb Giáo dục Việt Nam.

### **\* Tài liệu tham khảo:**

1. Vụ Giáo dục mầm non (2010), *Hướng dẫn thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ 3-36 tháng*, Nxb Giáo dục.

2. Vụ Giáo dục mầm non (2010), *Hướng dẫn thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ 3-4 tuổi*, Nxb Giáo dục.

3. Vụ Giáo dục mầm non (2010), *Hướng dẫn thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ 4-5 tuổi*, Nxb Giáo dục.

4. Vụ Giáo dục mầm non (2010), *Hướng dẫn thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ 5-6 tuổi*, Nxb Giáo dục.

5. Nhiều tác giả (2011), *Thiết kế các bài giảng trong trường mầm non* (các độ tuổi, nhiều quyển), Nxb ĐHSP, Hà Nội.

## **8. Quy định của môn học**

Để đạt được mục tiêu của học phần, sinh viên phải thực hiện đầy đủ và đúng thời gian qui định bài tập thực hành trong từng chương. Vở bài tập thực hành phải nộp sau mỗi chương để giảng viên lưu vào hồ sơ học tập. Sản phẩm tự học và hoạt động nhóm cũng nộp sau mỗi chương.

Sinh viên phải tham gia ít nhất 80% số tiết lên lớp của học phần mới đủ điều kiện tham gia kì thi Đánh giá cuối kì.

## **9. Phụ trách môn học**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Giáo dục/ Bộ môn Giáo dục mầm non

- Địa chỉ/email: [yentth@gmail.com.edu.vn](mailto:yentth@gmail.com.edu.vn). Hoặc: [yen.gdth@gmail.com](mailto:yen.gdth@gmail.com)

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: LẬP KẾ HOẠCH TRONG GIÁO DỤC MẦM NON**

**1. Thông tin tổng quát:**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: **Trần Thị Thúy Nga**

Chức danh, học hàm, học vị: thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: trannga.mn@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Lý luận và phương pháp GDMN

**Giảng viên 2: Nguyễn Thị Quỳnh Anh**

Chức danh, học hàm, học vị: tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: quynhanhgddhv@gmail.com

**1.2. Thông tin về môn học:**

- Tên môn học (tiếng Việt): Lập kế hoạch trong giáo dục mầm non (tiếng Anh): Planning in the pre-school education	
- Mã số môn học: EDU 30065	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành
x <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
<input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung	<input type="checkbox"/> Môn học đề án tốt nghiệp
- Số tín chỉ:	2
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	2
+ Số tiết thực hành:	6
+ Số tiết hoạt động nhóm:	2
+ Số tiết tự học:	60
- Môn học tiên quyết:	Giáo dục học mầm non, tâm lí học mầm non
- Môn học song hành:	Các học phần Phương pháp chuyên ngành

**2. Mô tả môn học**

Học phần *Lập kế hoạch trong giáo dục mầm non* là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục học mầm non. *Lập kế hoạch trong giáo dục mầm non* trang bị cho sinh viên những vấn đề lí luận và thực tiễn về việc lập kế hoạch trong giáo dục mầm non,

qua đó người học rèn luyện được các kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, nhận diện, phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động giúp sinh viên có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế và đánh giá các hoạt động lập kế hoạch chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non.

### 3. Mục tiêu môn học

Mục tiêu (Gx)	Mục tiêu (Gx.x)	Mô tả CDR	Chuẩn đầu ra CTĐT	TĐNL
<b>Kiến thức lập luận ngành</b>				
<b>G1</b>	<b>G1.1</b>	Phân tích và lý giải được các vấn đề lý luận chung về việc lập kế hoạch trong GDMN; khái niệm, chức năng, nguyên tắc... của lập kế hoạch	1.3.4	3.0
	<b>G1.2</b>	Phân tích được các loại kế hoạch trong GDMN: kế hoạch cán bộ quản lý, kế hoạch GVMN	1.3.4	3.0
	<b>G1.3</b>	Phân tích được cấu trúc, nội dung các loại kế hoạch trong GDMN: hoạt động ngày, tuần, chủ điểm, năm học, ngày lễ hội...	1.3.4	3.0
	<b>G1.4</b>	Phân tích quy trình lập các loại kế hoạch trong GDMN	1.3.4	3.0s
	<b>G1.5</b>	Phân tích được mục tiêu, nội dung và lập kế hoạch hoạt động nhóm, lớp (năm học)	1.3.4	3.0
	<b>G1.6</b>	Phân tích được mục tiêu, nội dung và lập kế hoạch hoạt theo chủ đề (Kế hoạch chăm sóc giáo dục vệ sinh-dinh dưỡng; Kế hoạch giáo dục theo chủ đề)	1.3.4	3.0
	<b>G1.7</b>	Phân tích được mục tiêu, nội dung kế hoạch hoạt theo chủ đề nhánh (kế hoạch giáo dục tuần)	1.3.4	3.0
	<b>G1.8</b>	Phân tích được mục tiêu, nội dung kế hoạch hoạt hoạt động ngày	1.3.4	3.0
<b>Kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân</b>				
<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	Phát hiện, phân tích và giải quyết được những vấn đề nảy sinh trong quá trình lập các loại kế hoạch trong GDMN	2.1.1;2.1.3; 2.3.1	3.0

	<b>G2.2</b>	Nhận diện và phân tích được những vấn đề cơ bản về việc lập kế hoạch trong giáo dục mầm non	2.1.2; 2.4.3; 2.3.1	3.5
	<b>G2.3</b>	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về việc lập kế hoạch vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn của việc lập kế hoạch trong giáo dục mầm non.	2.1.3; 2.5.3	3.5
	<b>G2.4</b>	Có khả năng tìm hiểu, nghiên cứu, thu thập tài liệu phục vụ cho việc lập kế hoạch trong mầm non.	2.1.3; 2.4.3; 2.5.3	3.5
<b>Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm</b>				
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Áp dụng kỹ năng làm việc nhóm khi thực hiện các nhiệm vụ của quá trình học tập học phần Lập kế hoạch trong GDMN	3.1.1; 3.1.5	3.0
	<b>G3.2</b>	Tìm kiếm xử lý tài liệu, tự tin thuyết trình trước tập thể.	3.2.5	3.0
	<b>G3.3</b>	Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế các loại kế hoạch trong GDMN	3.2.3; 3.2.4	3.5
<b>Năng lực thực hành nghề nghiệp</b>				
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Xác định mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung của các loại kế hoạch trong GDMN	4.2.1; 4.2.2; 4.2.3	3.5
	<b>G4.2</b>	Lập được các loại kế hoạch trong GDMN	4.5.4; 4.4.1 4.6.2	3.5
	<b>G4.3</b>	Thực hành đánh giá các loại kế hoạch đã lập trong GDMN	4.5.4; 4.6.2	3.5
	<b>G4.4</b>	Vận dụng được những vấn đề đổi mới trong GDMN vào quá trình Lập các kế hoạch trong GDMN	4.5.4; 4.6.2	3.5

(1): Ký hiệu mục tiêu môn học;

(2): Mô tả mục tiêu môn học bao gồm các động từ Bloom, các chủ đề CDR (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát;

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho môn học.

#### 4. Chuẩn đầu ra môn học

Mục tiêu (Gx)	Mục tiêu (Gx.x)	Mô tả CDR	Chuẩn đầu ra CDIO
<b>Kiến thức lập luận ngành</b>			
<b>G1</b>	<b>G1.1</b>	Phân tích và lý giải được các vấn đề lý luận chung về việc lập kế hoạch trong GDMN; khái niệm, chức năng, nguyên tắc... của lập kế hoạch	<b>I T</b>
	<b>G1.2</b>	Phân tích được các loại kế hoạch trong GDMN: kế hoạch cán bộ quản lý, kế hoạch GVMN	<b>TU</b>
	<b>G1.3</b>	Phân tích được cấu trúc, nội dung các loại kế hoạch trong GDMN: hoạt động ngày, tuần, chủ điểm, năm học, ngày lễ hội...	<b>TU</b>
	<b>G1.4</b>	Phân tích quy trình lập các loại kế hoạch trong GDMN	<b>T U</b>
	<b>G1.5</b>	Phân tích được mục tiêu, nội dung và lập kế hoạch hoạt động nhóm, lớp (năm học)	<b>T U</b>
	<b>G1.6</b>	Phân tích được mục tiêu, nội dung và lập kế hoạch hoạt theo chủ đề (Kế hoạch chăm sóc giáo dục vệ sinh-dinh dưỡng; Kế hoạch giáo dục theo chủ đề)	<b>T U</b>
	<b>G1.7</b>	Phân tích được mục tiêu, nội dung kế hoạch hoạt theo chủ đề nhánh (kế hoạch giáo dục tuần)	<b>I U</b>
	<b>G1.8</b>	Phân tích được mục tiêu, nội dung kế hoạch hoạt hoạt động ngày	<b>I U</b>
<b>Kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân</b>			
<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	Phát hiện, phân tích và giải quyết được những vấn đề nảy sinh trong quá trình lập các loại kế hoạch trong GDMN	<b>IU</b>
	<b>G2.2</b>	Nhận diện và phân tích được những vấn đề cơ bản về việc lập kế hoạch trong giáo dục mầm non	<b>T U</b>
	<b>G2.3</b>	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về việc lập kế hoạch vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn của việc lập kế hoạch trong giáo dục mầm non.	<b>TU</b>
	<b>G2.4</b>	Có khả năng tìm hiểu, nghiên cứu, thu thập tài liệu phục vụ cho việc lập kế hoạch trong mầm non.	<b>TU</b>
<b>Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm</b>			
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Áp dụng kỹ năng làm việc nhóm khi thực hiện các nhiệm vụ của quá trình học tập học phần Lập kế hoạch trong GDMN	<b>IU</b>
	<b>G3.2</b>	Tìm kiếm tài liệu, tự tin thuyết trình trước tập thể.	<b>IU</b>
	<b>G3.3</b>	Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế	<b>IU</b>

		các loại kế hoạch trong GDMN	
	<b>G3.4</b>	Thực hành kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm phù hợp với môi trường nhà trường và xã hội.	<b>I U</b>
<b>Năng lực thực hành nghề nghiệp</b>			
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Xác định mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung của các loại kế hoạch trong GDMN	<b>IU</b>
	<b>G4.2</b>	Lập được các loại kế hoạch trong GDMN	<b>IU</b>
	<b>G4.3</b>	Thực hành đánh giá các loại kế hoạch đã lập trong GDMN	<b>U</b>
	<b>G4.4</b>	Vận dụng được những vấn đề đổi mới trong GDMN vào quá trình Lập các kế hoạch trong GDMN	<b>U</b>

### 5. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<b><i>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</i></b>			<b><i>10%</i></b>
A1.1.1.	Mức độ chuyên cần và đảm bảo giờ giấc	G1.1- G4.1	5%
A1.1.2.	Thái độ hợp tác với giảng viên và các thành viên trong nhóm, lớp, thể hiện được sự tiến bộ trong quá trình học.	G1.1- G4.1	5%
<b><i>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</i></b>			<b><i>20%</i></b>
A1.2.1	Vở giải bài tập và thảo luận	G1.1; G1.2;	10%
A1.2.2	Sản phẩm hoạt động nhóm	G1.3; G1.4; G2.1; G3.1; G4.1	10%
<b><i>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)</i></b>			<b><i>20%</i></b>
A1.3.1	Bài kiểm tra tự luận theo chuẩn đầu ra học phần thuộc nội dung chương 1,2	G1.1; G1.2; G1.3; G2.1;	20%
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>			<b>50%</b>
A2.1	Bài thi tự luận theo chuẩn đầu ra học phần	G1.1- G1.5; G2.1; G2.2; G3.1; G4.1	50%

**6. Nội dung giảng dạy** (các nội dung giảng dạy lý thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CĐR và các bài đánh giá môn học)

## 6.1 Nội dung giảng dạy

Nội dung (1)	CDR môn học (Gx.x) (2)	Bài đánh giá (3)
<p><b>Chương 1: Những vấn đề chung về lập kế hoạch trong GDMN</b></p> <p>1.1. Khái niệm</p> <p>1.2. Mục đích, yêu cầu lập kế hoạch trong GDMN</p> <p>1.3. Chức năng lập kế hoạch trong quản lý GDMN</p> <p>1.4. Nguyên tắc lập kế hoạch</p> <p>1.5. Các loại kế hoạch trong GDMN</p> <p>1.5.1. Đối với cán bộ quản lý</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kế hoạch chỉ đạo thực hiện chương trình CS - GD trẻ các độ tuổi</li> <li>+ Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng hè, chuyên đề</li> <li>+ Kế hoạch chỉ đạo ngày hội, ngày lễ</li> <li>+ Kế hoạch cá nhân Hiệu trưởng, hiệu phó</li> <li>+ Kế hoạch tham gia các hoạt động giáo dục của CBQL</li> </ul> <p>1.5.2. Đối với GVMN</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kế hoạch nhóm, lớp/ năm học</li> <li>+ Kế hoạch chăm sóc - giáo dục theo chủ đề/ tháng <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch chăm sóc giáo dục vệ sinh-dinh dưỡng</li> <li>- Kế hoạch giáo dục theo chủ đề</li> </ul> </li> <li>+ Kế hoạch chủ đề nhánh/ tuần</li> <li>+ Kế hoạch giáo dục ngày</li> </ul>	<p>G1.1; G1.2; G1.3; G1.4;</p>	<p>A1.1; A1.2; A2</p>
<p><b>Chương 2: Quy trình lập kế hoạch trong GDMN</b></p> <p>2.1. Nội dung cấu trúc các loại kế hoạch trong GDMN</p> <p>2.2. Hướng dẫn lập một số loại kế hoạch trong GDMN</p> <p>2.2.1 Quy trình lập kế hoạch trong GDMN</p> <p>2.2.1.1. Quy trình lập kế hoạch giáo dục năm học</p> <p>2.2.1.2. Quy trình lập kế hoạch giáo dục chủ đề/ tháng</p> <p>2.2.1.3. Quy trình lập kế hoạch giáo dục chủ đề nhánh/ tuần</p> <p>2.2.1.4. Quy trình lập kế hoạch giáo dục ngày</p> <p>2.2.1.5 Quy trình lập kế hoạch chăm sóc vệ sinh dinh dưỡng</p> <p>2.2.2. Hướng dẫn lập một số loại kế trong giáo dục mầm non</p> <p>2.2.2.1. Hướng dẫn lập kế hoạch giáo dục năm học</p> <p>2.2.2.2. Hướng dẫn lập kế hoạch giáo dục chủ đề/ tháng</p> <p>2.2.2.3. Hướng dẫn lập kế hoạch giáo dục chủ đề nhánh/ tuần</p> <p>2.2.2.4. Hướng dẫn lập kế hoạch giáo dục ngày</p> <p>2.2.2.5. Hướng dẫn lập kế hoạch chăm sóc vệ sinh dinh dưỡng</p>	<p>G1.2; G1.4; G1.3 G1.1</p>	<p>A1.1; A1.2; A2</p>

<b>Chương 3: Thực hành lập kế hoạch trong GDMN</b>	G3; G4	A1.1; A2
3.1. Lập kế hoạch giáo dục năm học		
3.2. Lập kế hoạch giáo dục chủ đề		
3.3. Lập kế hoạch chăm sóc giáo dục vệ sinh-dinh dưỡng		
3.4. Lập kế hoạch giáo dục Tuần (chủ đề nhánh)		
3.5. Lập kế hoạch giáo dục ngày		

**Thực hành:**

Nội dung (1)	CĐR môn học (Gx.x) (2)	Bài đánh giá (3)
Bài thực hành 1: Hướng dẫn lập kế hoạch hoạt động ngày	G3; G4	A1.1; A2
Bài thực hành 2: Hướng dẫn lập kế hoạch hoạt động tuần	G3; G4	A1.1; A2
Bài thực hành 3: Hướng dẫn lập kế hoạch hoạt động chủ đề	G3; G4	A1.1; A2
Bài thực hành 4: Hướng dẫn lập kế hoạch hoạt động năm học	G3; G4	A1.1; A2
Bài thực hành 5: Kế hoạch chăm sóc giáo dục vệ sinh-dinh dưỡng	G3; G4	A1.1; A2
Bài thực hành 6: Hướng dẫn lập kế hoạch hoạt động ngày lễ hội	G3; G4	A1.1; A2

6.2 Kế hoạch giảng dạy

Tuần / Block(1)	Nội dung (2)	Kế hoạch giảng dạy/ hình thức tổ chức dạy học	Nội dung sinh viên tự học và sản phẩm tự học	CĐR học phần	Bài đánh giá
<b>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC LẬP KẾ HOẠCH TRONG GDMN</b>					
<b>Tuần 1/ Block 1</b>	<b>Mục tiêu:</b> - Phân tích, lý giải được những vấn đề: khái niệm, mục đích, ý nghĩa của lập kế hoạch trong GDMN - Làm việc nhóm, thuyết trình - Phát huy được tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.				
<b>2 tiết</b>	1.1. Khái niệm 1.2. Mục đích, ý nghĩa lập kế hoạch trong GDMN	- GV cung cấp đề cương chi tiết môn học; Giới thiệu môn học; phương pháp giảng dạy và học tập; phương pháp đánh giá; - GV hướng dẫn SV vào trang <a href="http://my.vinhuni.edu.vn">http://my.vinhuni.edu.vn</a> lấy tài liệu, nộp bài	- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. - Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập - SV phải có sản phẩm bài tập. - Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm của môn	G1.1 G2.1 G2.2	A1.1; A1.2; A2

		<p>theo yêu cầu của GV.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Lập nhóm Facebook</i> để liên lạc với SV khi cần thông báo hoặc khi mạng trường nghẽn.</li> <li>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide: Nội dung mục 1.1;1.2</li> <li>- Phát vấn: + Lập kế hoạch là gì? Thế nào là lập kế hoạch trong GDMN? + Trình bày mục đích, yêu cầu của lập kế hoạch trong GDMN</li> </ul>	<p>học</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời câu hỏi của GV, tự rút ra kết luận về khái niệm Lập kế hoạch và lập kế hoạch trong GDMN.</li> <li>+ Vai trò của lập kế hoạch trong cuộc sống nói chung và trong giáo dục nói riêng?</li> </ul>		
<b>Tuần 2/</b>	<b>Mục tiêu:</b> - Phân tích, lý giải được chức năng của lập kế hoạch trong quản lý GDMN và các nguyên tắc lập kế hoạch trong GDMN				
<b>Block 2</b>	- Vận dụng liên hệ thực tiễn về chức năng lập kế hoạch trong trường mầm non.				
<b>2 tiết</b>	- Phát huy được tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.				
	1.3. Chức năng lập kế hoạch trong quản lý GDMN	<p><b>* Giảng dạy lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</li> <li>- Lý thuyết: 1.3;</li> <li>- Phát vấn: + Chỉ ra chức năng lập kế hoạch trong giáo dục mầm non</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu tài liệu: chức năng lập kế hoạch</li> <li>- SV thảo luận và rút ra: + Chức năng lập kế hoạch là gì?</li> </ul>	G1.3 G2.1 G2.2 G3.1	A1.1; A1.2; A2
<b>Tuần 3/</b>	<b>Mục tiêu:</b> Phân tích được các nguyên tắc lập kế hoạch trong GDMN				
<b>Block 3</b>	- Vận dụng các nguyên tắc vào việc lập kế hoạch cá nhân trong cuộc sống				
<b>3</b>	- Ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.				
<b>2 tiết</b>	1.4. Nguyên tắc lập kế hoạch	<p><b>* Giảng dạy lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</li> </ul>	Thảo luận nhóm và tìm hiểu các nguyên tắc lập kế hoạch trong GDMN	G1.3 G2.1 G2.2 G3.1	A1.1; A1.2; A2

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lý thuyết: 1.4;</li> <li>- Phát vấn:</li> <li>+ Trình bày các nguyên tắc lập kế hoạch trong GDMN</li> <li>* <i>Giao bài tập về nhà cho SV</i></li> <li><i>Sưu tầm các loại kế hoạch trong GDMN đối với cán bộ quản lý</i></li> </ul>			
<b>Tuần 4/</b>	<b>Mục tiêu:</b> Phân tích được các loại lập kế hoạch trong GDMN đối với cán bộ quản lý				
<b>Block 4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong dạy học, giáo dục.</li> <li>- Ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.</li> </ul>				
<b>2 tiết</b>	1.5. Các loại kế hoạch trong GDMN	<ul style="list-style-type: none"> <li>* <b>Giảng dạy lý thuyết:</b></li> <li>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</li> <li>- Lý thuyết: 1.5; 1.5.1</li> <li>- Phát vấn:</li> <li>+ Trình bày các loại kế hoạch đối với cán bộ quản lý trong GDMN</li> <li>* <i>Giao bài tập về nhà cho SV</i></li> <li><i>Sưu tầm các loại kế hoạch trong GDMN đối với GVMN</i></li> </ul>	SV phải nộp sản phẩm bài tập. Thảo luận các loại kế hoạch đối với cán bộ quản lý trong GDMN	G1.3 G2.1 G2.2 G3.1	A1.1; A1.2; A2
<b>Tuần 5/</b>	<b>Mục tiêu:</b> Phân tích được các loại lập kế hoạch trong GDMN đối với giáo viên mầm non				
<b>Block 5</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong dạy học, giáo dục.</li> <li>- Ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.</li> </ul>				
<b>2 tiết</b>	1.5.2. Đối với GVMN	<ul style="list-style-type: none"> <li>* <b>Giảng dạy lý thuyết:</b></li> <li>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</li> </ul>	SV phải nộp sản phẩm bài tập. Thảo luận các loại kế hoạch đối với	G1.4 G2.1 G2.2 G3.1	A1.1; A1.2; A2

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lý thuyết: 1.5.2;</li> <li>- Phát vấn:</li> <li>+ Trình bày các loại kế hoạch đối với GVMN trong GDMN</li> <li><b>* Giao bài tập về nhà cho SV</b></li> <li>- Tìm hiểu cấu trúc nội dung các loại kế hoạch trong GDMN</li> </ul>	GVMN trong GDMN			
<b>Chương 2: Quy trình lập kế hoạch trong GDMN</b>						
<b>Tuần 6/Block 6</b>	<b>Mục tiêu:</b> Hiểu được cấu trúc nội dung các loại kế hoạch trong GDMN - Xác định đúng cấu trúc nội dung các loại kế hoạch trong giáo dục mầm non - Phát huy được tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.					
<b>2 tiết</b>	2.1. Nội dung cấu trúc các loại kế hoạch trong GDMN	<b>* Giảng dạy lý thuyết:</b> - Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide; - Lý thuyết: 1.6; - Phát vấn: + Từ những kế hoạch sưu tầm trình bày được cấu trúc nội dung các loại kế hoạch trong GDMN <b>* Giao bài tập về nhà cho SV</b> - Đọc tài liệu và tìm hiểu quy trình lập kế hoạch trong GDMN	- SV phải nộp sản phẩm bài tập. - SV thảo luận và rút ra: + Cấu trúc nội dung lập kế hoạch trong GDMN	G1.1; G1.2; G1.3;G1.4 G2.1 G2.2 G3.1	A1.1; A1.2; A2	
<b>Tuần 7/Block 7</b>	<b>Mục tiêu:</b> - Hiểu được quy trình lập kế hoạch trong GDMN - Xác định quy trình lập kế hoạch trong giáo dục mầm non; Giải quyết một số tình huống nảy sinh trong quá trình thực hiện các loại kế hoạch. - Phát huy được tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.					
<b>2 tiết</b>	2.2. Hướng dẫn lập một số loại kế hoạch cho	<b>Giảng dạy lý thuyết:</b> - Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;	- SV thảo luận và đưa ra quy trình lập kế hoạch trong GDMN	G1.1; G1.2; G1.3;G1.4	A1.1; A1.2; A2	

	GVMN 2.2.1 Qui trình lập kế hoạch trong GDMN	- Lý thuyết: 2.2; 2.2.1 - Phát vấn: + Trình bày Qui trình lập kế hoạch trong GDMN <b>* Giao bài tập về nhà cho SV</b> - Suru tầm và tìm hiểu 1 số loại kế hoạch trong GDMN đối với cán bộ quản lý		G2.1 G2.2 G3.1	
<b>Tuần 8/ Block 8 2 tiết</b>	<b>Mục tiêu:</b> - Nắm được qui trình và biết lập các loại kế hoạch trong GDMN đối với cán bộ quản lý - Xác định các loại kế hoạch trong giáo dục mầm non của cán bộ quản lý và Giải quyết một số tình huống nảy sinh trong quá trình thực hiện các loại kế hoạch. - Phát huy được tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.				
	2.2.2. Hướng dẫn lập một số loại kế hoạch trong GDMN + Đối với cán bộ quản lý	<b>Giảng dạy lý thuyết:</b> - Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide; - Lý thuyết: 2.2.2 - Phát vấn: + Trình bày một số loại lập kế hoạch trong GDMN đối với cán bộ quản lý. Từ đó nêu ra được các bước lập kế hoạch cho cán bộ quản lý trong GDMN <b>* Giao bài tập về nhà cho SV</b> - Suru tầm và tìm hiểu 1 số loại kế hoạch trong GDMN đối với GVMN - Lập các loại kế hoạch trong GDMN đối với cán bộ quản lý	- SV phải nộp sản phẩm bài tập. - SV thảo luận và đưa ra quy trình lập các loại kế hoạch trong GDMN đối với cán bộ quản lý:	G1.1; G1.2; G1.3;G1. 4 G2.1 G2.2 G3.1	A1.1; A1.2; A2

<b>Tuần</b> 9/ <b>Block</b> 9 <b>2 tiết</b>	<b>Mục tiêu:</b> - Nắm được qui trình và biết lập các loại kế hoạch trong GDMN đối với GVMN - Xác định các loại kế hoạch trong giáo dục mầm non của GVMN và Giải quyết một số tình huống nảy sinh trong quá trình thực hiện các loại kế hoạch. - Phát huy được tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.				
	2.2.2. Hướng dẫn lập một số loại kế hoạch trong GDMN + Đối với giáo viên mầm non	* <b>Giảng dạy lý thuyết:</b> - Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide; - Lý thuyết: 2.2.2. - Phát vấn: + Trình bày một số loại lập kế hoạch trong GDMN đối với giáo viên mầm non. Từ đó nêu ra được các bước lập các loại kế hoạch cho giáo viên mầm non trong GDMN * <b>Giao bài tập về nhà cho SV</b> - Lập các loại kế hoạch trong GDMN đối với GVMN	- SV phải nộp sản phẩm bài tập. - SV thảo luận và đưa ra quy trình lập các loại kế hoạch trong GDMN đối với giáo viên mầm non	G1.1; G1.2; G1.3;G1.4 G2.1 G2.2 G3.1	A1.1; A1.2; A2
<b>Tuần</b> 10/ <b>Block</b> 10 <b>2 tiết</b>	<b>Mục tiêu:</b> - Đánh giá được tính khả thi và hiệu quả của các bản kế hoạch trong GDMN - Vận dụng kiến thức lập kế hoạch vào quá trình học tập và giảng dạy - Phát huy được tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.				
	2.3. Đánh giá các loại kế hoạch	* <b>Giảng dạy lý thuyết:</b> - Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide; - Lý thuyết: 2.3; - Phát vấn: + Trình bày cách đánh giá các bản kế hoạch trong GDMN	- SV phải nộp sản phẩm bài tập. - Nghiên cứu tài liệu và thảo luận cách đánh giá các loại kế hoạch trong GDMN	G1.4 G2.1 G2.2 G3.1	A1.1; A1.2; A2

		<p><b>* Giao bài tập về nhà cho SV</b></p> <p>Lập kế hoạch giáo dục năm học cho các độ tuổi từ 12 - 72 tháng</p>			
<b>Chương 3: Thực hành lập kế hoạch trong GDMN</b>					
<b>Tuần 11/Block1 1 2 tiết</b>	<p><b>Mục tiêu:</b> Lập kế hoạch giáo dục năm học cho các độ tuổi cho trẻ mầm non</p> <p>- Vận dụng kiến thức lập kế hoạch giáo dục năm học phù hợp với chương trình và thực tiễn địa phương. Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình</p> <p>- Ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.</p>				
	<p>3.1. Lập kế hoạch giáo dục năm học</p> <p>Thảo luận nhóm kế quả lập kế hoạch năm học</p>	<p>Chia nhóm giao đề tài cho SV Lập kế hoạch giáo dục năm học các độ tuổi. Thảo luận và thuyết trình</p> <p><b>* Giao bài tập về nhà cho SV</b></p> <p>Lập kế hoạch giáo dục giáo dục chủ đề cho các độ tuổi</p>	<p>SV phải nộp sản phẩm bài tập</p> <p>- SV thảo luận và lập kế hoạch giáo dục năm học theo nhóm</p> <p>- Mỗi nhóm 1 độ tuổi sau đó trình bày và thảo luận</p> <p>- Thuyết trình kết quả của nhóm</p>	<b>G3; G4</b>	<p>A1.1;</p> <p>A1.2;</p> <p>A2</p>
<b>Tuần 12/Block1 2 2 tiết</b>	<p><b>Mục tiêu:</b> Lập kế hoạch giáo dục giáo dục chủ đề cho các độ tuổi</p> <p>- Vận dụng kiến thức lập kế hoạch giáo dục chủ đề phù hợp với chương trình và thực tiễn địa phương. Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình</p> <p>- Ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.</p>				
	<p>3.2. Lập kế hoạch giáo dục chủ đề + Thảo luận nhóm</p>	<p>Chia nhóm giao đề tài cho SV Lập kế hoạch giáo dục chủ đề các độ tuổi. Thảo luận và thuyết trình</p> <p><b>* Giao bài tập về nhà cho SV</b></p> <p>Lập kế hoạch chăm sóc giáo dục vệ sinh-dinh dưỡng cho trẻ các độ tuổi</p>	<p>- SV phải nộp sản phẩm bài tập - SV thảo luận và lập kế hoạch giáo dục chủ đề theo nhóm</p> <p>- Mỗi nhóm 1 chủ đề 1 độ tuổi sau đó trình bày và thảo luận</p> <p>- Thuyết trình kết quả của nhóm</p>	<b>G3; G4</b>	<p>A1.1;</p> <p>A1.2;</p> <p>A2</p>

<b>Tuần</b> 13/ <b>Block</b> 13 <b>2 tiết</b>	<b>Mục tiêu:</b> Lập kế hoạch chăm sóc giáo dục vệ sinh-dinh dưỡng cho trẻ các độ tuổi từ 12 - 72 tháng - Vận dụng kiến thức lập kế hoạch chăm sóc giáo dục vệ sinh-dinh dưỡng phù hợp với trẻ và thực tiễn địa phương. Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình - Ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.				
	3.3. Kế hoạch chăm sóc giáo dục vệ sinh-dinh dưỡng + Thảo luận nhóm	Chia nhóm giao đề tài cho SV Lập kế hoạch chăm sóc giáo dục vệ sinh-dinh dưỡng các độ tuổi. Thảo luận và thuyết trình * <b>Giao bài tập về nhà cho SV</b> Lập kế hoạch giáo dục tuần theo chủ đề cho các độ tuổi	- SV phải nộp sản phẩm bài tập - SV thảo luận và lập kế hoạch chăm sóc giáo dục vệ sinh-dinh dưỡng theo nhóm. Mỗi nhóm 1 chủ đề 1 độ tuổi. - Thuyết trình kết quả của nhóm	<b>G3; G4</b>	A1.1; A1.2; A2
<b>Tuần</b> 14/ <b>Block</b> 14 <b>2 tiết</b>	<b>Mục tiêu:</b> Lập kế hoạch giáo dục tuần theo chủ đề cho các độ tuổi từ 12 - 72 tháng - Vận dụng kiến thức lập kế hoạch giáo dục tuần theo chủ đề phù hợp với chương trình và thực tiễn địa phương. Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình - Ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.				
	3.4. Lập kế hoạch giáo dục tuần (chủ đề nhánh) <b>Thảo luận nhóm</b>	Chia nhóm giao đề tài cho SV Lập kế hoạch giáo dục tuần các độ tuổi. Thảo luận và thuyết trình * <b>Giao bài tập về nhà cho SV</b> Lập kế hoạch giáo dục ngày theo các chủ đề cho các độ tuổi	- SV phải nộp sản phẩm bài tập - SV thảo luận và lập kế hoạch giáo dục tuần theo theo nhóm. Mỗi nhóm 1 chủ đề 1 độ tuổi - Thuyết trình kết quả của nhóm	<b>G3; G4</b>	A1.1; A1.2; A2
<b>Tuần</b> 15/ <b>Block</b> 15	<b>Mục tiêu:</b> Lập kế hoạch giáo dục ngày theo các chủ đề cho các độ tuổi từ 12 - 72 tháng - Vận dụng kiến thức lập kế hoạch giáo dục ngày phù hợp với chủ đề, chương trình và thực tiễn địa phương. Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình				

<b>2 tiết</b>	- Ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.				
	3.5. Lập kế hoạch giáo dục ngày <b>Thảo luận nhóm</b>	Chia nhóm giao đề tài cho SV Lập kế hoạch giáo dục ngày các độ tuổi. Thảo luận và thuyết trình	- SV phải nộp sản phẩm bài tập - SV thảo luận và lập kế hoạch giáo dục ngày theo chủ đề theo nhóm. Mỗi nhóm 1 chủ đề 1 độ tuổi sau đó trình bày và thảo luận - Thuyết trình kết quả của nhóm	<b>G3; G4</b>	A1.1; A1.2; A2

## 7. Nguồn học liệu (các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, ...)

### *Tài liệu chính*

[1] Nguyễn Thị Thu Hiền, (2012), Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non, NXB GD Việt Nam

### *Tài liệu tham khảo*

[2] Bộ giáo dục và đào tạo, Chương trình giáo dục mầm non, NXB GDVN, 2017

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2015), Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục và tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục cho trẻ mẫu giáo, NXB Giáo dục Việt Nam

## 8. Quy định của môn học

Các quy định của môn học như:

- Sinh viên nộp Hồ sơ môn học theo yêu cầu.
- Sinh viên phải nộp bài tập/báo cáo,...
- Tỷ lệ thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp/thực hành.

## 9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa giáo dục/ Bộ môn Giáo dục mầm non

- Địa chỉ/email: [trannga.mn@gmail.com](mailto:trannga.mn@gmail.com)

10. Ngày phê duyệt: 10/4/2017

11. Cấp phê duyệt :

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI CHO TRẺ**

**1. Thông tin tổng quát**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: **Nguyễn Thị Quỳnh Anh**

Chức danh, học hàm, học vị: GV, Tiến sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục, trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: quynhanhgddhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Lý luận dạy học, lý luận giáo dục

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: **Hồ Thị Hạnh**

Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục, trường Đại học Vinh

Điện thoại, email:

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học

**1.2. Thông tin về môn học**

- Tên môn học (tiếng Việt): <b>Tổ chức hoạt động vui chơi</b> (tiếng Anh): .....	
- Mã số môn học:	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành
<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
<input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung	<input type="checkbox"/> Môn học đồ án tốt nghiệp
- Số tín chỉ:	2
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	60
- Môn học tiên quyết:	Giáo dục học mầm non
- Môn học song hành:	Các môn chuyên ngành: Bệnh học trẻ em, Phát triển chương trình giáo dục mầm non, Quản lý trường mầm non..

**2. Mô tả môn học**

Học phần “Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ” là học phần tự chọn, thuộc khối kiến

thức tự chọn 2 trong khung chương trình đào tạo hệ đại học chính quy ngành Giáo dục mầm non theo tiếp cận CDIO.

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản lý luận về hoạt động vui chơi; hình thành và rèn luyện các kỹ năng tổ chức các trò chơi, từ đó giúp sinh viên biết vận dụng các kiến thức và kỹ năng vào tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non.

### 3. Mục tiêu môn học

- Hiểu được những vấn đề lý luận và thực tiễn về hoạt động vui chơi.
- Giải quyết được các vấn đề nảy sinh trong quá trình tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non.
- Ý thức phấn đấu, phát triển nghề nghiệp. Có khả năng làm việc nhóm và giao tiếp trong môi trường nghề nghiệp.
- Hình thành ý tưởng, xác định mục tiêu, thiết kế, thực hiện và đánh giá hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mục tiêu	Mục tiêu	Mô tả CDR	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
<b>Kiến thức và lập luận ngành</b>			
<b>G1</b>	G1.1	Hiểu được một số vấn đề chung về hoạt động vui chơi: một số quan niệm về hoạt động vui chơi; đặc điểm vui chơi của trẻ mầm non; nguồn gốc, bản chất, ý nghĩa của trò chơi; Phân loại trò chơi cho trẻ mầm non	I,T
	G1.2	Hiểu được các vấn đề về tổ chức các trò chơi cho trẻ: khái niệm, ý nghĩa, đặc điểm, cách tổ chức các trò chơi.	T,U
<b>Kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân</b>			
<b>G2</b>	G2.1	Vận dụng được kiến thức tâm lý học trẻ em, giáo dục học mầm non vào việc xác định các nội dung, phương pháp của tổ chức hoạt động vui chơi	<b>I, U</b>
	G2.2	Phân tích được các tài liệu và thực tiễn hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non	<b>I, U</b>
<b>Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm</b>			
<b>G3</b>	G3.1	Thực hiện được việc làm của nhóm	<b>U</b>
	G3.2	Thuyết trình được sản phẩm của nhóm	<b>U</b>
<b>Năng lực thực hành nghề nghiệp</b>			
<b>G4</b>	G4.1	Xây dựng được ý tưởng cho các trò chơi	T,U

	G4.2	Thiết kế được các trò chơi cho trẻ	T,U
	G4.3	Tổ chức được trò chơi cho trẻ	T,U
	G4.4	Đánh giá được hiệu quả hoạt động vui chơi	T,U

### 5. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (2)	CDR học phần (Gx.x) (3)	Tỷ lệ (%) (4)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</b>			<b>10%</b>
Chuyên cần Thái độ...	A1.1.1. Đi học đầy đủ	G2.1; G2.2	5%
	A1.1.2. Tích cực tham gia xây dựng bài học	G2.1; G2.2	5%
<b>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</b>			<b>20%</b>
	<i>Bài tập 1:</i> Thực trạng trò chơi cho trẻ ở trường mầm non <i>Bài tập 2:</i> Thiết kế một hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non	G1.1; G 2.2; G3.1; G4.2	20%
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ):</b>			<b>20%</b>
Bài giữa kỳ	Làm bài tự luận: làm 3 câu trong bộ 15 câu hỏi tự luận thuộc chương 1.		20%
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>			<b>50%</b>
Bài thi theo nhóm (thực hành)	Mỗi nhóm tổ chức 1 trò chơi cho trẻ ở một độ tuổi cụ thể	G4.1; G4.2; G4.3; G4.4	50%

### 6. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Chuẩn đầu ra	Bài đánh giá
<b>Chương 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI</b>		
<b>1.1 Khái niệm hoạt động vui chơi</b>		
1.1.1 Một số quan niệm khác nhau về hoạt động vui chơi		
1.1.2. Vui chơi là hoạt động đặc trưng của trẻ ở trường mầm non	G1.1	A1.1
<b>1.2. Đặc điểm hoạt động vui chơi của trẻ tuổi MN</b>	G2.1	A1.2
<b>1.3. Nguồn gốc và bản chất của hoạt động vui chơi</b>	G3.1	A1.3
1.3.1. Nguồn gốc của hoạt động vui chơi		
1.3.2. Bản chất của trò chơi		
<b>1.4. Ý nghĩa của hoạt động vui chơi</b>		
1.4.1. Chơi là phương tiện giáo dục toàn diện cho trẻ MN		
1.4.2. Chơi là hình thức tổ chức đời sống của trẻ ở trường MN		

<p>1.4.3. Mối quan hệ qua lại giữa chơi và lao động, chơi và học tập, chơi và hoạt động nghệ thuật của trẻ MN</p> <p><b>1.5 Phân loại trò chơi của trẻ em</b></p> <p>1.5.1. Phân loại trò chơi theo chức năng giáo dục và phát triển</p> <p>1.5.2. Phân loại trò chơi theo nguồn gốc, cấu trúc của chơi</p> <p>1.5.3. Phân loại trò chơi theo quan điểm của Liên Xô (cũ)</p> <p>1.5.4. Phân loại trò chơi ở Việt Nam</p>		
<p><b>CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC HƯỚNG DẪN TRÒ CHƠI CHO TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON</b></p> <p><b>2.1. Trò chơi đóng vai theo chủ đề</b></p> <p>2.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của TCVTCĐ</p> <p>2.1.2 Những đặc điểm đặc trưng của trò chơi ĐVTCD</p> <p>2.1.3. Hướng dẫn trò chơi ĐVTCD</p> <p><b>2.2. Trò chơi xây dựng</b></p> <p>2.2.1. Khái niệm và ý nghĩa của trò chơi xây dựng đối với trẻ M</p> <p>2.2.2. Đặc điểm của trò chơi xây dựng</p> <p>2.2.2. Hướng dẫn trò chơi xây dựng ở trường mầm non</p> <p><b>2.3. Trò chơi đóng kịch</b></p> <p>2.3.1. Khái niệm và ý nghĩa của trò chơi đóng kịch đối với trẻ M</p> <p>2.3.2. Đặc điểm của trò chơi đóng kịch</p> <p>2.3.3. Hướng dẫn trò chơi đóng kịch cho trẻ MG</p> <p><b>2.4. Trò chơi học tập</b></p> <p>2.4.1. Khái niệm và ý nghĩa của trò chơi học tập đối với trẻ MN</p> <p>2.4.2. Đặc điểm và phân loại trò chơi học tập.</p> <p>2.4.3. Hướng dẫn trò chơi học tập ở trường MN</p> <p><b>2.5. Trò chơi vận động</b></p> <p>2.5.1. Khái niệm và ý nghĩa của TC vận động đối với trẻ MN</p> <p>2.5.2. Đặc điểm của trò chơi vận động</p> <p>2.5.3. Hướng dẫn trò chơi vận động ở trường MN</p> <p><b>2.6. Trò chơi dân gian</b></p> <p>2.6.1. Khái niệm và ý nghĩa của trò chơi dân gian</p> <p>2.6.2. Đặc điểm của trò chơi dân gian</p> <p>2.6.3. Hướng dẫn trò chơi dân gian cho trẻ ở trường mầm non</p> <p><b>2.7. Trò chơi hiện đại</b></p> <p>2.6.1. Khái niệm và ý nghĩa của trò chơi hiện đại</p> <p>2.6.2. Đặc điểm của trò chơi hiện đại</p> <p>2.6.3. Hướng dẫn trò chơi hiện đại cho trẻ ở trường mầm non</p>		

**7. Nguồn học liệu** (các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, ...)

\* **Tài liệu chính**

[1] Đinh Văn Vang, (2016), Giáo trình tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non, Nxb GD VN

**\* Tài liệu tham khảo**

[2] Đào Thanh Âm (chủ biên), Giáo dục học Mầm non, Nxb ĐHSP Hà Nội, 2002

[3] Nguyễn Thị Hoà, Giáo dục học mầm non, NXB Đh Sư phạm năm 2009

[4] Lê Bích Ngọc, (2015), Thiết kế trò chơi phát triển biểu tượng về động vật cho trẻ mẫu giáo, Nxb ĐHQG Hà Nội

[5] Nguyễn Thị Oanh, (2009), Tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục cho trẻ ở trường mầm non, Nxb GD VN

**\* Phần mềm**

[6]. Tập đoàn Riverdeep (Mỹ), (năm phát hành/ (Phiên bản tiếng Việt và tiếng Anh), *Trò chơi Kidsmart*

[7]. Phần mềm *Bút chì thông minh* (Phiên bản Việt Nam)

[http://www.thnt.vn/sstore/mn/bctm/v1.0/pencil\\_setup.exe](http://www.thnt.vn/sstore/mn/bctm/v1.0/pencil_setup.exe)

**8. Quy định của môn học**

Các quy định của môn học như:

- Sinh viên nộp Hồ sơ môn học theo yêu cầu: SV phải hoàn thành 100% báo cáo, bài tập được giao và nộp đúng hạn

- Sinh viên phải nộp bài tập/báo cáo và tham gia đầy đủ các bài kiểm tra hết chương/phần

- Tỷ lệ thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp/thực hành: tối thiểu 80% số tiết giảng

**9. Phụ trách môn học**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Tổ Giáo dục học - Khoa Giáo dục

- Địa chỉ/email: [quynhanhgddhv@gmail.com](mailto:quynhanhgddhv@gmail.com)

**10. Ngày phê duyệt:** 10/4/2017

**11. Cấp phê duyệt :**

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG**  
**CHO TRẺ MẦM NON**

**1. Thông tin tổng quát:**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: **Trần Thị Thúy Nga**

Chức danh, học hàm, học vị: thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: trannga.mn@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Lý luận và phương pháp GDMN

**Giảng viên 2: Phạm Thị Huyền**

Chức danh, học hàm, học vị: tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: phamthihuyen.vinh@gmail.com

**1.2. Thông tin về môn học:**

- Tên môn học (tiếng Việt): Xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ mầm non (tiếng Anh): Planning in the pre-school education	
- Mã số môn học: EDU 30085	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành
x <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
<input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung	<input type="checkbox"/> Môn học đề án tốt nghiệp
- Số tín chỉ:	2
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	2
+ Số tiết thực hành:	6
+ Số tiết hoạt động nhóm:	2
+ Số tiết tự học:	60
- Môn học tiên quyết:	Giáo dục học mầm non, tâm lí học mầm non
- Môn học song hành:	Các học phần Phương pháp chuyên ngành

**2. Mô tả môn học**

Học phần *Xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ mầm non* trang bị cho sinh viên những kiến thức lí luận chung về công tác thiết kế các loại môi trường phát triển vận động cho trẻ mầm non. Và trang bị cho sinh viên những vấn đề trong thực tiễn về việc xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ. Học phần giúp sinh viên có kiến thức, kỹ năng

và các giá trị cần thiết để việc xây dựng và lập các loại kế hoạch phát triển vận động cho trẻ trong các môi trường khác nhau, tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục cho trẻ theo chương trình giáo dục mầm non. Bước đầu cho sinh viên làm quen với thực tiễn giáo dục cho trẻ ở trường mầm non. Giáo dục lòng yêu nghề, mến trẻ bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp cho sinh viên.

### 3. Mục tiêu môn học

<b>Mục tiêu (Goals)</b>	<b>Mô tả (Goals description)</b>	<b>Chuẩn đầu ra CTĐT</b>	<b>TĐNL</b>
<b>G1</b>	Có kiến thức chuyên môn về lý luận và thực tiễn trong việc xây dựng và thiết kế các môi trường phát triển vận động cho trẻ.	1.3.4	<b>3.0</b>
<b>G2</b>	- Phát hiện, phân tích, lý giải các vấn đề lý luận và thực tiễn về việc lập các kế hoạch thiết kế các môi trường phát triển vận động cho trẻ - Vận dụng kiến thức về sinh lý trẻ, tâm lý học mầm non, phương pháp giáo dục mầm non nói chung và phương pháp phát triển từng bộ môn nói riêng vào việc lập kế hoạch, thiết kế, tổ chức các môi trường phát triển vận động cho trẻ - Biết phân tích chương trình GDMN và lập các kế hoạch tạo môi trường hoạt động cho trẻ phù hợp với chương trình.	2.1.1;2.1.3; 2.3.1	<b>3.0</b>
<b>G3</b>	- Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và nghiên cứu tài liệu; - Kỹ năng ứng xử sư phạm.	3.1.1;3.1.2; 3.1.3; 3.1.4; 3.1.5	<b>3.5</b>
<b>G4</b>	- Nhận biết và phân tích mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động cho trẻ; - Thiết kế, lập kế hoạch các hoạt động; đánh giá chất lượng hoạt động, sự phát triển của trẻ và nội dung chương trình các độ tuổi cho trẻ trong chương trình GDMN.	4.5.4;4.4.1 4.4.2;4.4.3 4.4.6;4.6.2	<b>3.5</b>

(1): Ký hiệu mục tiêu môn học;

(2): Mô tả mục tiêu môn học bao gồm các động từ Bloom, các chủ đề CĐR (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát;

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho môn học.

#### 4. Chuẩn đầu ra môn học

Mục tiêu (Gx)	Mục tiêu (Gx.x)	Mô tả CDR	Chuẩn đầu ra CDIO
<b>Kiến thức lập luận ngành</b>			
<b>G1</b>	<b>G1.1</b>	Trình bày được các vấn đề liên quan đến môi trường phát triển vận động cho trẻ trong GDMN	<b>T</b>
	<b>G1.2</b>	Phân tích được mục đích, ý nghĩa và phân loại môi trường phát triển vận động trong GDMN	<b>T</b>
	<b>G1.3</b>	Xác định được nguyên tắc xây dựng các biện pháp xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ mầm non	<b>T</b>
	<b>G1.4</b>	Xác định được các phương pháp xây dựng các loại môi trường phát triển vận động cho trẻ	<b>T, U</b>
	<b>G1.5</b>	Xác định và lập kế hoạch xây dựng các loại môi trường phát triển vận động trong hoạt động học phát triển thể chất	<b>T, U</b>
	<b>G1.6</b>	Xác định và lập kế hoạch xây dựng các loại môi trường phát triển vận động trong hoạt động ngoài trời	<b>T, U</b>
	<b>G1.7</b>	Xác định và lập kế hoạch xây dựng các loại môi trường phát triển vận động trong hoạt động góc	<b>T, U</b>
	<b>G1.8</b>	Xác định và lập kế hoạch xây dựng các loại môi trường phát triển vận động cho trẻ trong hoạt thể dục sáng	<b>T, U</b>
<b>Kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân</b>			
<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	Vận dụng được kiến thức về tâm lý học, giáo dục học, giải phẫu sinh lý, môi trường và con người ... vào việc xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ mầm non	<b>I, U</b>
	<b>G2.2</b>	Vận dụng kiến thức về lý luận và thực tiễn trong giáo dục mầm non vào việc lập kế hoạch, thiết kế, tổ chức và đánh giá các môi trường tổ chức hoạt động phát triển vận động của trẻ.	<b>I, U</b>
	<b>G2.3</b>	Tự tìm hiểu, nghiên cứu các tài liệu về việc xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ mầm non.	<b>I, U</b>
<b>Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm</b>			
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Sử dụng kỹ năng làm việc nhóm khi thực hiện các nhiệm vụ của quá trình học tập học phần Xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ mầm non. Có khả năng ứng xử su phạm phù hợp, hiệu quả.	<b>I, U</b>
	<b>G3.2</b>	Có khả năng sáng tạo các đồ dùng đồ chơi, hình thức, phương	<b>I, U</b>

		pháp tổ chức môi trường phát triển vận động cho trẻ mầm non	
	<b>G3.3</b>	Tìm kiếm xử lý tài liệu, tự tin thuyết trình trước tập thể.	<b>I, U</b>
	<b>G3.4</b>	Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế các loại kế hoạch trong GDMN.	<b>I, U</b>
<b>Năng lực thực hành nghề nghiệp</b>			
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Nhận biết sứ mạng, mục tiêu và nhiệm vụ của nhà trường mầm non trong việc giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ. Nắm rõ đặc điểm phát triển tâm sinh lí của trẻ ở các độ tuổi.	<b>I, U</b>
	<b>G4.2</b>	Nắm rõ điều kiện thực hiện chương trình GDMN. Thiết kế mục tiêu theo các lĩnh vực phát triển cho trẻ.	<b>I, U</b>
	<b>G4.3</b>	Vận dụng các phương pháp vào việc thiết kế và tổ chức môi trường phát triển vận động cho trẻ theo từng độ tuổi.	<b>U</b>
	<b>G4.4</b>	Vận dụng các phương pháp vào việc thiết kế và tổ chức môi trường phát triển vận động cho trẻ trong từng hoạt động cụ thể.	<b>U</b>
	<b>G4.5</b>	Vận dụng kiến thức và kỹ năng sư phạm thực hiện việc đánh giá chất lượng hoạt động	<b>T, U</b>

## 5. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</b>			<b>10%</b>
A1.1.1.	Mức độ chuyên cần và đảm bảo giờ giấc	G1.1- G4.1	5%
A1.1.2.	Thái độ hợp tác với giảng viên và các thành viên trong nhóm, lớp, thể hiện được sự tiến bộ trong quá trình học.	G1.1- G4.1	5%
<b>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</b>			<b>20%</b>
A1.2.1	Vở giải bài tập và thảo luận	G1.1; G1.2;	10%
A1.2.2	Sản phẩm hoạt động nhóm	G1.3; G1.4; G2.1; G3.1; G4.1	10%
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)</b>			<b>20%</b>
A1.3.1	Bài kiểm tra tự luận theo chuẩn đầu ra học phần thuộc nội dung chương 1,2	G1.1; G1.2; G1.3; G2.1;	20%
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>			<b>50%</b>
A2.1	Bài thi tự luận theo chuẩn đầu ra học phần	G1.1- G1.5; G2.1; G2.2; G3.1; G4.1	50%

**6. Nội dung giảng dạy** (các nội dung giảng dạy lý thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CDR và các bài đánh giá môn học)

**6.1 Nội dung giảng dạy**

<b>Nội dung (1)</b>	<b>CDR môn học (Gx.x) (2)</b>	<b>Bài đánh giá (3)</b>
<p><b>Chương 1: Những chung vấn đề về xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ mầm non</b></p> <p>1. Mục đích ý nghĩa của việc xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ mầm non</p> <p>2. Nhiệm vụ của việc xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ mầm non</p> <p>3. Nguyên tắc của việc xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ mầm non</p> <p>4. Phân loại môi trường phát triển vận động cho trẻ MN</p> <p>4.1.1. Môi trường vật chất</p> <p>2.4.1.1. Môi trường phát triển vận động cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp</p> <p>2.4.1.2. Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời</p> <p>2.4.2. Môi trường xã hội</p>	<p>G1.1; G1.2; G1.3; G1.4;</p>	<p>A1.1; A1.2; A2</p>
<p><b>Chương 2: Xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ mầm non</b></p> <p>2.1. Xây dựng môi trường vật chất</p> <p>2.1.1 Sử dụng nguyên vật liệu tự nhiên</p> <p>2.1.2. Tận dụng không gian trong nhà trường</p> <p>2.1.3. Sử dụng nguyên vật liệu tái chế</p> <p>2.1.4. Tận dụng không gian các góc hoạt động của các nhóm lớp</p> <p>2.1.5. Sử dụng các đồ dùng đồ chơi tự làm</p> <p>2.1.6. Xây dựng phòng thể chất</p> <p>2.2. Xây dựng môi trường xã hội</p> <p>2.2.1. Xây dựng kế hoạch dạo chơi, tham quan</p> <p>2.2.2. Tổ chức hội khỏe</p> <p>2.2.3. Tổ chức các hội thi trò chơi dân gian tại các địa phương</p> <p>2.2.4. Kết hợp với phụ huynh để tạo không gian cho trẻ vận động tại gia đình</p>	<p>G1.2; G1.4; G1.3 G1.1</p>	<p>A1.1; A1.2; A2</p>
<p><b>Chương 3: Thực hành xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ MN</b></p>	<p>G3; G4</p>	<p>A1.1; A2</p>

<p>3.1. Thực hành xây dựng môi trường vật chất để tổ chức phát triển vận động cho trẻ</p> <p>3.1.1. Trong hoạt động học phát triển vận động</p> <p>3.1.2. Trong hoạt động chơi(góc, ngoài trời)</p> <p>3.2. Thực hành xây dựng môi trường xã hội để tổ chức phát triển vận động cho trẻ</p> <p>3.2.1. Trong các hoạt động tham qua dạo chơi</p> <p>3.2.2. Trong các hội khỏe, hội thi, trò chơi dân gian</p> <p>3.2.3. Trong gia đình</p> <p>Bài thực hành 1: Hướng dẫn tổ chức phát triển vận động trong hoạt động học phát triển thể chất</p> <p>Bài thực hành 2: Hướng dẫn tổ chức phát triển vận động trong hoạt động chơi</p> <p>Bài thực hành 3: Hướng dẫn tổ chức phát triển vận động trong hoạt động dạo chơi tham quan.</p> <p>Bài thực hành 4: Hướng dẫn tổ chức phát triển vận động trong hội khỏe, hội thi, trò chơi dân gian.</p> <p>Bài thực hành 5: Hướng dẫn tổ chức phát triển vận động trong gia đình</p>		
---	--	--

**Thực hành:**

Nội dung (1)	CDR môn học (Gx.x) (2)	Bài đánh giá (3)
Bài thực hành 1: Hướng dẫn tổ chức phát triển vận động trong hoạt động học phát triển thể chất	G3; G4	A1.1; A1.2; A2
Bài thực hành 2: Hướng dẫn tổ chức phát triển vận động trong hoạt động chơi	G3; G4	A1.1;
Bài thực hành 3: Hướng dẫn tổ chức phát triển vận động trong hoạt động dạo chơi tham quan.	G3; G4	A1.2; A2
Bài thực hành 4: Hướng dẫn tổ chức phát triển vận động trong hội khỏe, hội thi, trò chơi dân gian.	G3; G4	A1.1;
Bài thực hành 5: Hướng dẫn tổ chức phát triển vận động trong gia đình	G3; G4	A1.2; A2

6.2 Kế hoạch giảng dạy

Tuần / Block(1)	Nội dung (2)	Kế hoạch giảng dạy/ hình thức tổ chức dạy học	Nội dung sinh viên tự học và sản phẩm tự học	CDR học phần	Bài đánh giá
<b>Chương 1: Những vấn đề chung về xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ mầm non</b>					
<b>Tuần 1/ Block 1 2 tiết</b>	<b>Mục tiêu:</b> - Phân tích, lý giải được các mục đích ý nghĩa xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ MN - Làm việc nhóm, thuyết trình - Phát huy được tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.				
	1.1. Mục đích ý nghĩa của việc xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ mầm non	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên cung cấp đề cương chi tiết môn học; Giới thiệu môn học; phương pháp giảng dạy và học tập; phương pháp đánh giá</li> <li>- GV hướng dẫn SV vào trang web <a href="http://my.vinhuni.edu.vn">http://my.vinhuni.edu.vn</a> lấy tài liệu, nộp bài theo yêu cầu của GV.</li> <li>- <i>Lập nhóm Facebook</i> để liên lạc với SV khi cần thông báo hoặc khi mạng trường nghẽn.</li> <li>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide: Nội dung mục 1</li> <li>- Phát vấn: + Môi trường giáo dục là gì? + Thế nào là môi trường phát triển vận động cho trẻ MN? + Mục đích ý nghĩa</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo.</li> <li>- Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập</li> <li>- SV phải có sản phẩm bài tập.</li> <li>- Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm của môn học</li> <li>- Trả lời câu hỏi của GV, tự rút ra kết luận về khái niệm môi trường phát triển vận động cho trẻ MN</li> </ul>	G1.1 G2.1 G2.2	A1.1 A1.2 A2

		của việc xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ mầm non là gì?			
<b>Tuần 2/ Block 2 2 tiết</b>	<b>Mục tiêu:</b> - Phân tích, lý giải được nhiệm vụ xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ MN - Vận dụng liên hệ thực tiễn về môi trường phát triển vận động cho trẻ MN - Phát huy được tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.				
	1.2. Nhiệm vụ của việc xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ mầm non	* <b>Giảng dạy lý thuyết:</b> - Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide; - Lý thuyết: 1.2; - Phát vấn: + Chỉ ra nhiệm vụ xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ MN	- Nghiên cứu tài liệu: ý nghĩa xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ MN - SV thảo luận và rút ra: + Nhiệm vụ xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ MN là gì?	G1.3 G2.1 G2.2 G3.1	A1.1 A1.2 A2
<b>Tuần 3/ Block 3 2 tiết</b>	<b>Mục tiêu:</b> Phân tích được nguyên tắc xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ MN - Vận dụng nguyên tắc xây dựng môi trường phát triển vận động vào việc chăm sóc giáo dục trẻ - Ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.				
	1.3. Nguyên tắc của việc xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ mầm non	* <b>Giảng dạy lý thuyết:</b> - Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide; - Lý thuyết: 1.3; - Phát vấn: + Trình bày nguyên tắc xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ MN	Thảo luận nhóm và tìm hiểu nguyên tắc xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ	G1.3 G2.1 G2.2 G3.1	A1.1 A1.2 A2

		<p>* <i>Giao bài tập về nhà cho SV</i></p> <p>Tìm hiểu các loại môi trường phát triển vận động cho trẻ MN</p>			
<b>Tuần 4/</b> <b>Block 4</b> <b>2 tiết</b>	<p><b>Mục tiêu:</b> Phân tích được các loại môi trường phát triển vận động cho trẻ mầm non</p> <p>- Phân tích, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong dạy học, giáo dục phát triển vận động cho trẻ MN.</p> <p>- Ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.</p>				
	<p>1.4. Phân loại môi trường phát triển vận động cho trẻ MN</p> <p>1.4.1. Môi trường vật chất</p> <p>1.4.1.1. Môi trường phát triển vận động cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp</p>	<p>* <b>Giảng dạy lý thuyết:</b></p> <p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</p> <p>- Lý thuyết: 1.4.1</p> <p>- Phát vấn:</p> <p>+ Trình bày các loại môi trường phát triển vận động cho trẻ mầm non</p> <p>* <i>Giao bài tập về nhà cho SV</i></p> <p>Tìm hiểu môi trường phát triển vận động cho trẻ hoạt động ngoài trời</p>	<p>SV phải nộp sản phẩm bài tập.</p> <p>Thảo luận các loại môi trường phát triển vận động cho trẻ mầm non</p>	<p>G1.3</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>G3.1</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A2</p>
<b>Tuần 5/</b> <b>Block 5</b> <b>2 tiết</b>	<p><b>Mục tiêu:</b> Phân tích được các loại môi trường phát triển vận động cho trẻ trong hoạt động ngoài trời</p> <p>- Phân tích, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong dạy học, giáo dục.</p> <p>- Ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.</p>				
	<p>1.4.1.2. Môi trường phát triển vận động cho trẻ trong hoạt động ngoài trời</p> <p>1.4.2. Môi</p>	<p>* <b>Giảng dạy lý thuyết:</b></p> <p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</p> <p>- Lý thuyết: 1.4.1.2;</p> <p>1.4.2</p>	<p>SV phải nộp sản phẩm bài tập.</p> <p>Thảo luận môi trường phát triển vận động cho trẻ hoạt động ngoài</p>	<p>G1.4</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>G3.1</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A2</p>

	trường xã hội	- Phát vấn: + Trình bày môi trường phát triển vận động cho trẻ hoạt động ngoài trời <b>* Giao bài tập về nhà cho SV</b> - Tìm hiểu nguyên tắc xây dựng các biện pháp xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ mầm non	trời		
<b>Chương 2: Xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ mầm non</b>					
<b>Tuần 6/ Block 6 2 tiết</b>	<p><b>Mục tiêu:</b> nắm được 1 số cách xây dựng môi trường vật chất để phát triển vận động cho trẻ mầm non</p> <p>- Phân tích, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong dạy học, giáo dục phát triển vận động cho trẻ MN</p> <p>- Phát huy được tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.</p>				
	<p>2.1. Xây dựng môi trường vật chất</p> <p>2.1.1 Sử dụng nguyên vật liệu tự nhiên</p> <p>2.1.2. Tận dụng không gian trong nhà trường</p>	<p><b>* Giảng dạy lý thuyết:</b></p> <p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</p> <p>- Lý thuyết: 2.1;</p> <p>- Phát vấn:</p> <p>+ Môi trường vật chất là gì?</p> <p>+Thế nào là môi trường vật chất để phát triển vận động cho trẻ MN?</p> <p><b>* Giao bài tập về nhà cho SV</b></p> <p>- Đọc tài liệu và tìm hiểu nội dung, phương pháp xây dựng môi trường vật chất để phát triển thể chất chung</p>	<p>trời</p> <p>- SV phải nộp sản phẩm bài tập.</p> <p>- SV thảo luận và rút ra:</p> <p>+ Môi trường vật chất để phát triển vận động cho trẻ bao gồm:</p> <p>- Sử dụng nguyên vật liệu tự nhiên</p> <p>- Tận dụng không gian trong nhà trường</p>	<p>G1.1;</p> <p>G1.2;</p> <p>G1.3;G1.4</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>G3.1</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A2</p>

		cho trẻ mầm non			
<b>Tuần 7/ Block 7 2 tiết</b>	<p><b>Mục tiêu:</b> nắm được 1 số phương pháp xây dựng môi trường vật chất để phát triển vận động cho trẻ mầm non</p> <p>- Phân tích, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong dạy học, giáo dục phát triển vận động cho trẻ MN</p> <p>- Phát huy được tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.</p>				
	2.1.3. Sử dụng nguyên vật liệu tái chế	<p><b>Giảng dạy lý thuyết:</b></p> <p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</p>			A1.1 A1.2 A2
	2.1.4. Tận dụng không gian các góc hoạt động của các nhóm lớp	<p>- Lý thuyết: 2.1.3; 2.1.4</p> <p>- Phát vấn: + Vận dụng kiến thức đã học đề xuất 1 số phương pháp xây dựng môi trường vật chất để phát triển vận động cho trẻ MN?</p> <p><b>* Giao bài tập về nhà cho SV</b></p> <p>Trình bày qui trình xây dựng môi trường vật chất để phát triển vận động cho trẻ MN</p>	- SV thảo luận và đưa ra cách xây dựng môi trường phát triển thể chất chung trong nhà trường	G1.1; G1.2; G1.3;G 1.4 G2.1 G2.2 G3.1	
<b>Tuần 8/ Block 8 2 tiết</b>	<p><b>Mục tiêu:</b> - Nắm được nội dung và cách thực hiện biện pháp xây dựng môi trường phát triển thể chất chung trong nhà trường</p> <p>- Giải quyết một số tình huống nảy sinh trong quá trình thực hiện biện pháp.</p> <p>- Phát huy được tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.</p>				
	2.1.5. Sử dụng các đồ dùng đồ chơi tự làm	<p><b>Giảng dạy lý thuyết:</b></p> <p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</p>			A1.1 A1.2 A2
	2.1.6. Xây dựng phòng thể chất	<p>- Lý thuyết: 2.2</p> <p>- Phát vấn: + Trình bày qui trình xây dựng môi trường phát triển thể chất</p>	- SV thảo luận và đưa ra cách xây dựng môi trường phát triển thể chất chung trong nhà trường	G1.1; G1.2; G1.3;G 1.4 G2.1 G2.2 G3.1	

		<p>chung trong nhà trường.</p> <p><b>* Giao bài tập về nhà cho SV</b></p> <p>- Đọc tài liệu và tìm hiểu quy trình qui trình xây dựng môi trường phát triển vận động ở các góc vận động</p>			
<p><b>Tuần 9/</b> <b>Block 9</b> <b>2 tiết</b></p>	<p><b>Mục tiêu:</b> - Nắm được nội dung và cách thực hiện biện pháp xây dựng góc vận động ở các lớp</p> <p>- Giải quyết một số tình huống nảy sinh trong quá trình thực hiện biện pháp.</p> <p>- Phát huy được tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.</p>				
	<p>2.2. Xây dựng môi trường xã hội</p> <p>2.2.1. Xây dựng kế hoạch dạo chơi, tham quan</p> <p>2.2.2. Tổ chức hội khỏe</p>	<p><b>* Giảng dạy lý thuyết:</b></p> <p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</p> <p>- Lý thuyết: 2.2</p> <p>- Phát vấn:</p> <p>+ Môi trường xã hội là gì?</p> <p>+Thế nào là môi trường xã hội để phát triển vận động cho trẻ MN?</p> <p><b>* Giao bài tập về nhà cho SV</b></p> <p>- Đọc tài liệu và tìm hiểu quy trình qui trình xây dựng môi trường phát triển vận động ở các phòng thể chất</p>	<p>- SV phải nộp sản phẩm bài tập.</p> <p>- SV thảo luận và đưa ra quy trình xây dựng góc vận động ở các lớp</p>	<p>G1.1;</p> <p>G1.2;</p> <p>G1.3;G1.4</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>G3.1</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A2</p>
<p><b>Tuần 10/</b> <b>Block 10</b> <b>2 tiết</b></p>	<p><b>Mục tiêu:</b> - Nắm được nội dung và cách thực hiện biện pháp xây dựng phòng thể chất</p> <p>- Giải quyết một số tình huống nảy sinh trong quá trình áp dụng các biện pháp.</p> <p>- Phát huy được tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.</p>				

	<p>2.2.3. Tổ chức các hội thi trò chơi dân gian tại các địa phương</p> <p>2.2.4. Kết hợp với phụ huynh để tạo không gian cho trẻ vận động tại gia đình</p>	<p><b>* Giảng dạy lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</li> <li>- Lý thuyết: 2.3</li> <li>- Phát vấn:</li> <li>+ Vận dụng kiến thức đã học đề xuất 1 số phương pháp xây dựng môi trường xã hội để phát triển vận động cho trẻ MN?</li> </ul> <p><b>* Giao bài tập về nhà cho SV</b></p> <p>Thực hành xây dựng môi trường vào quá trình dạy vận động cho trẻ mầm non</p>			<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A2</p>
<b>Chương 3: Thực hành xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ MN</b>					
<b>Tuần 11/</b>	<b>Mục tiêu:</b> Biết thiết kế và tổ chức các hoạt động phát triển vận động trong môi trường vật chất				
<b>Block11</b>	- Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình				
<b>2 tiết</b>	- Ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.				
	<p>3.1. Thực hành xây dựng môi trường vật chất để tổ chức phát triển vận động cho trẻ</p> <p>3.1.1. Trong hoạt động học phát triển vận động</p> <p>Bài thực hành 1: Hướng dẫn tổ chức phát triển vận động trong hoạt động học</p>	<p>Chia nhóm giao đề tài cho SV tổ chức phát triển vận động trong hoạt động học phát triển thể chất của các độ tuổi. Thảo luận và thuyết trình</p>			<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A2</p>
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV phải nộp sản phẩm bài tập</li> <li>- SV thảo luận thuyết trình kết quả của nhóm</li> </ul>	<p>G1.4</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>G3.1</p>	<p><b>G3; G4</b></p>

	phát triển thể chất				
<b>Tuần 12/Block12</b> <b>2 tiết</b>	<p><b>Mục tiêu:</b> Biết thiết kế và tổ chức các hoạt động phát triển vận động trong môi trường vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình</li> <li>- Ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.</li> </ul>				
	3.1.2. Trong hoạt động chơi(góc, ngoài trời) Bài thực hành 2: Hướng dẫn tổ chức phát triển vận động trong hoạt động chơi	Chia nhóm giao đề tài cho SV tổ chức phát triển vận động trong hoạt động chơi của các độ tuổi. Thảo luận và thuyết trình <b>* Giao bài tập về nhà cho SV</b> xây dựng môi trường xã hội để tổ chức phát triển vận động cho trẻ	- SV phải nộp sản phẩm bài tập - SV thảo luận thuyết trình kết quả của nhóm	<b>G3; G4</b>	A1.1 A1.2 A2
<b>Tuần 13/Block 13</b> <b>2 tiết</b>	<p><b>Mục tiêu:</b> Biết thiết kế và tổ chức các hoạt động phát triển vận động trong môi trường xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình</li> <li>- Ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống</li> </ul>				
	3.2. Thực hành xây dựng môi trường xã hội để tổ chức phát triển vận động cho trẻ 3.2.1. Trong các hoạt động tham qua dạo chơi Bài thực hành 3: Hướng dẫn tổ chức phát triển vận động trong hoạt động dạo	Chia nhóm giao đề tài cho SV tổ chức phát triển vận động trong hoạt động dạo chơi tham quan. <b>* Giao bài tập về nhà cho SV</b> tổ chức phát triển vận động trong hoạt động dạo chơi tham quan.	- SV phải nộp sản phẩm bài tập - SV thảo luận thuyết trình kết quả của nhóm	<b>G3; G4</b>	A1.1 A1.2 A2

	chơi tham quan.				
<b>Tuần 14/</b> <b>Block 14</b> <b>2 tiết</b>	<p><b>Mục tiêu:</b> Biết tổ chức phát triển vận động cho trẻ trong hội khỏe, hội thi, trò chơi dân gian.</p> <p>- Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình</p> <p>- Ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.</p>				
	3.2.2. Trong các hội khỏe, hội thi, trò chơi dân gian Bài thực hành 4: Hướng dẫn tổ chức phát triển vận động trong hội khỏe, hội thi, trò chơi dân gian.	Chia nhóm giao đề tài cho SV tổ chức phát triển vận động trong hội khỏe, hội thi, trò chơi dân gian. Thảo luận và thuyết trình <b>* Giao bài tập về nhà cho SV</b> Xây dựng môi trường phát triển vận động cho trẻ trong gia đình	- SV phải nộp sản phẩm bài tập - SV thảo luận thuyết trình kết quả của nhóm	<b>G3; G4</b>	A1.1 A1.2 A2
<b>Tuần 15/</b> <b>Block 15</b> <b>2 tiết</b>	<p><b>Mục tiêu:</b> Biết tổ chức phát triển vận động cho trẻ trong gia đình</p> <p>- Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình</p> <p>- Ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống</p>				
	3.2.3. Trong gia đình Bài thực hành 5: Hướng dẫn tổ chức phát triển vận động trong gia đình	Chia nhóm giao đề tài cho SV tổ chức phát triển vận động trong gia đình	- SV phải nộp sản phẩm bài tập - SV thảo luận thuyết trình kết quả của nhóm	<b>G3; G4</b>	A1.1 A1.2 A2

## 7. Nguồn học liệu (các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, ...)

### Tài liệu chính:

[1] Hoàng Thị Phương (2018), Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non, NXB Đại học sư phạm HN

### Tài liệu tham khảo

[2] Vụ Giáo dục mầm non, Chương trình giáo dục mầm non, Nxb Giáo dục, 2017.

[3] Hoàng Thị Phương, Giáo trình giáo dục môi trường cho trẻ mầm non, NXB Đại học Sư phạm, 2019.

[4] Website hỗ trợ giảng dạy và chăm sóc trẻ em [www.mamnon.com](http://www.mamnon.com)

## **8. Quy định của môn học**

Các quy định của môn học như:

- Sinh viên nộp Hồ sơ môn học theo yêu cầu.
- Sinh viên phải nộp bài tập/báo cáo,...
- Tỷ lệ thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp/thực hành.

## **9. Phụ trách môn học**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa giáo dục/ Bộ môn Giáo dục mầm non
- Địa chỉ/email: [trannga.mn@gmail.com](mailto:trannga.mn@gmail.com)

**10. Ngày phê duyệt:** 10/4/2017

**11. Cấp phê duyệt :**

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: ĐÁNH GIÁ TRONG GIÁO DỤC MẦM NON**

**1. Thông tin tổng quát:**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1: Nguyễn Thị Quỳnh Anh**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: quynhanhgddhv@gmail.com

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: **Trần Thị Thúy Nga**

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: trannga.mn@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Lý luận và phương pháp GDMN

**1.2. Thông tin về môn học:**

- Tên môn học (tiếng Việt): <b>Đánh giá trong giáo dục mầm non</b> (tiếng Anh): Evaluation in the pre-school education	
- Mã số môn học: EDU 30061	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành
<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
<input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung	<input type="checkbox"/> Môn học đồ án tốt nghiệp
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	6
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	4
+ Số tiết tự học:	60
- Môn học tiên quyết:	
- Môn học song hành:	

**2. Mô tả môn học**

Học phần *Đánh giá trong giáo dục mầm non* là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục học mầm non. *Đánh giá trong giáo dục mầm non* trang bị cho sinh viên những vấn đề lí luận và thực tiễn về việc *Đánh giá trong giáo dục mầm non*, qua đó người học rèn luyện được các kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, nhận diện, phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động giúp sinh viên có khả năng hình

thành ý tưởng, thiết kế các chỉ số *Đánh giá* hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non.

### 3. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ:

- Hiểu được một số vấn đề cơ bản về *Đánh giá trong giáo dục mầm non*.
- Vận dụng được một số nội dung, phương pháp, hình thức vào quá trình đánh giá tại cơ sở giáo dục mầm non.
- Ý thức phấn đấu, phát triển nghề nghiệp.
- Hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện các hoạt động đánh giá trong GDMN.

### 4. Chuẩn đầu ra môn học

Ký hiệu		Các chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT	TĐNL
<b>Kiến thức lập luận ngành</b>				
<b>G1</b>	<b>G1.1</b>	Trình bày được một số vấn đề cơ bản về đánh giá giáo dục mầm non: khái niệm, vai trò, chức năng và những yêu cầu đối với việc đánh giá trong GDMN	1.3.3	3.0
	<b>G1.2</b>	Làm sáng tỏ được mục tiêu, nội dung, phương pháp và quy trình chung về đánh giá trong giáo dục mầm non	1.3.3	3.0
	<b>G1.3</b>	Hiểu được các vấn đề cụ thể về đánh giá trong giáo dục mầm non đối với việc đánh giá chương trình giáo dục mầm non, đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non, đánh giá cơ sở vật chất nhà trường mầm non, và đánh giá sự phát triển của trẻ.	1.3.3	3.0
<b>Kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân</b>				
<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	Phát hiện, phân tích và giải quyết được những vấn đề nảy sinh trong quá trình đánh giá trong GDMN	2.1.3; 2.3.1	3.0
	<b>G2.2</b>	Phân tích được những vấn đề cơ bản về việc đánh giá trong giáo dục mầm non	2.1.2; 2.3.1	3.0
	<b>G2.3</b>	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về việc đánh giá vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn của việc đánh giá trong giáo dục mầm non	2.1.3; 2.3.1; 2.5.3	3.0
	<b>G2.4</b>	Có khả năng tìm hiểu, nghiên cứu, thu thập tài liệu phục vụ cho việc đánh giá trong mầm non	2.1.3; 2.4.3; 2.5.3	3.0
<b>Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm</b>				

<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Giao tiếp, ứng xử phù hợp, hiệu quả đối với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng	3.2.4	3.0
	<b>G3.2</b>	Có khả năng làm việc nhóm trong phân công, hợp tác và chia sẻ trách nhiệm.	3.2.5	3.0
	<b>G3.3</b>	Có kỹ năng thuyết trình, trình bày vấn đề trước đám đông	3.1.5.	3.0
	<b>G3.4</b>	Có kỹ năng giao tiếp đa phương tiện (trực tiếp và gián tiếp)	3.2.4	3.0
<b>Năng lực thực hành nghề nghiệp</b>				
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Xác định mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung của các loại đánh giá trong GDMN	4.2.1;	2.5
	<b>G4.2</b>	Xây dựng được quy trình và thiết kế các công cụ đánh giá trong GDMN	4.4.5.	3.5
	<b>G4.3</b>	Lập được kế hoạch đánh giá các nội dung và triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch đánh giá trong giáo dục mầm non	4.5.4;	3.5
	<b>G4.4</b>	Xây dựng các tiêu chí đánh giá để đưa ra nhận xét, kết luận về chất lượng của các cơ sở GDMN	4.6.1.	3.0
	<b>G4.5</b>	Có kỹ năng đánh giá trong các lĩnh vực giáo dục mầm non	4.4.5	3.5

1.

<b>Mục tiêu (Gx)</b>	<b>Mục tiêu (Gx.x)</b>	<b>Mô tả CDR</b>	<b>Chuẩn đầu ra CDIO</b>
<b>Kiến thức lập luận ngành</b>			
<b>G1</b>	<b>G1.1</b>	Trình bày được một số vấn đề cơ bản về đánh giá giáo dục mầm non: khái niệm, vai trò, chức năng và những yêu cầu đối với việc đánh giá trong GDMN	<b>I, T</b>
	<b>G1.2</b>	Làm sáng tỏ được mục tiêu, nội dung, phương pháp và quy trình chung về đánh giá trong giáo dục mầm non	<b>T, U</b>
	<b>G1.3</b>	Hiểu được các vấn đề cụ thể về đánh giá trong giáo dục mầm non đối với việc đánh giá chương trình giáo dục mầm non, đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non, đánh giá cơ sở vật chất nhà trường mầm non, và đánh giá sự phát triển của trẻ.	<b>T, U</b>
<b>Kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân</b>			

<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	Phát hiện, phân tích và giải quyết được những vấn đề nảy sinh trong quá trình đánh giá trong GDMN	<b>I, U</b>
	<b>G2.2</b>	Phân tích được những vấn đề cơ bản về việc đánh giá trong giáo dục mầm non	<b>T, U</b>
	<b>G2.3</b>	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về việc đánh giá vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn của việc đánh giá trong giáo dục mầm non	<b>T,U</b>
	<b>G2.4</b>	Có khả năng tìm hiểu, nghiên cứu, thu thập tài liệu phục vụ cho việc đánh giá trong mầm non	<b>T, U</b>
<b>Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm</b>			
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Giao tiếp, ứng xử phù hợp, hiệu quả đối với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng	<b>T, U</b>
	<b>G3.2</b>	Có khả năng làm việc nhóm trong phân công, hợp tác và chia sẻ trách nhiệm.	<b>I, U</b>
	<b>G3.3</b>	Có kỹ năng thuyết trình, trình bày vấn đề trước đám đông	<b>I, U</b>
	<b>G3.4</b>	Có kỹ năng giao tiếp đa phương tiện (trực tiếp và gián tiếp)	<b>I, U</b>
<b>Năng lực thực hành nghề nghiệp</b>			
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Xác định mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung của các loại đánh giá trong GDMN	<b>I,U</b>
	<b>G4.2</b>	Xây dựng được quy trình và thiết kế các công cụ đánh giá trong GDMN	<b>I,U</b>
	<b>G4.3</b>	Lập được kế hoạch đánh giá các nội dung và triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch đánh giá trong giáo dục mầm non	<b>U</b>
	<b>G4.4</b>	Xây dựng các tiêu chí đánh giá để đưa ra nhận xét, kết luận về chất lượng của các cơ sở GDMN	<b>U</b>
	<b>G4.5</b>	Có kỹ năng đánh giá trong các lĩnh vực giáo dục mầm non	<b>T,U</b>

## 5. Đánh giá học phần

<b>Thành phần đánh giá</b>	<b>Bài đánh giá</b>	<b>CĐR học phần</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50</b>
<i>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</i>			<i>10</i>
A1.1.1.	Mức độ chuyên cần và đảm bảo giờ giấc	G1.1- G4.1	5
A1.1.2.	Thái độ hợp tác với giảng viên và các thành viên trong nhóm, lớp, thể hiện được sự tiến bộ trong	G1.1- G4.1	5

	quá trình học.		
<b>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</b>			<b>20</b>
A1.2.1	Vở giải bài tập và thảo luận	G1.1; G1.2;	10
A1.2.2	Sản phẩm hoạt động nhóm	G1.3; G1.4; G2.1; G3.1; G4.1	10
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)</b>			<b>20</b>
A1.3.1	Bài kiểm tra tự luận theo chuẩn đầu ra học phần thuộc nội dung chương 1,2	G1.1; G1.2; G1.3; G2.1;	20
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>			<b>50</b>
A2.1	Bài thi tự luận theo chuẩn đầu ra học phần	G1.1- G1.5; G2.1; G2.2; G3.1; G4.1	50

**6. Nội dung giảng dạy** (các nội dung giảng dạy lý thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CDR và các bài đánh giá môn học)

### 6.1 Nội dung giảng dạy

<b>Nội dung</b>	<b>CDR môn học (Gx.x)</b>	<b>Bài đánh giá</b>
<b>Chương 1. Một số vấn đề chung về đánh giá trong giáo dục mầm non</b>	G1.1; G1.2; G1.3; G1.4;	A1.1; A1.2; A2
1.1. Khái niệm về đánh giá		
1.2. Vị trí, vai trò của đánh giá trong GDMN		
1.3. Chức năng của đánh giá trong giáo dục mầm non		
1.4. Những yêu cầu đối với việc đánh giá trong GDMN		
1.5. Nội dung đánh giá trong giáo dục mầm non		
1.6. Phương pháp đánh giá trong giáo dục mầm non		
<b>Chương 2. Đánh giá trong giáo dục mầm non</b>	G1.2; G1.4;	A1.1; A1.2;
<i>2.1. Đánh giá chương trình giáo dục mầm non</i>		
2.1.1. Chương trình giáo dục mầm non	G1.3	A2
2.1.2. Các tiêu chí đánh giá chương trình giáo dục mầm non	G1.1	
2.1.2. Tổ chức đánh giá chương trình giáo dục mầm non		
<i>2.2. Đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non</i>		
2.2.1. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non		
2.2.2. Đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non		
2.2.3. Phương pháp đánh giá hoạt động nghề nghiệp giáo viên mầm non		
<i>2.3. Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non</i>		
2.3.1. Cơ sở giáo dục mầm non		
2.3.2. Chất lượng cơ sở giáo dục mầm non		

2.3.3. Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non 2.3.3.1. Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục theo Unesco 2.3.3.2. Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non 2.4. Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non 2.4.1. Khái niệm đánh giá sự phát triển của trẻ em 2.4.2. Mục đích đánh giá sự phát triển của trẻ em 2.4.3. Nội dung đánh giá sự phát triển của trẻ em 2.4.4. Phương pháp, hình thức đánh giá sự phát triển của trẻ em 2.4.5. Công cụ đo lường và đánh giá sự phát triển của trẻ em		
<b>Chương 3. Hướng dẫn một số hoạt động đánh giá trong giáo dục mầm non</b> 3.1. Hướng dẫn đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non 3.2. Hướng dẫn đánh giá chương trình giáo dục mầm non 3.3. Hướng dẫn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non 3.4. Hướng dẫn đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non	G3; G4	A1.1; A2

**Thực hành:**

Nội dung (1)	CDR môn học (Gx.x) (2)	Bài đánh giá (3)
BT1: Hướng dẫn đánh giá sự phát triển của trẻ MN	G3; G4	A1.1; A2
BT2: Hướng dẫn đánh giá chương trình GDMN	G3; G4	A1.1; A2
BT3: Hướng dẫn đánh giá chất lượng cơ sở GDMN	G3; G4	A1.1; A2
BT4: Hướng dẫn đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non	G3; G4	A1.1; A2

**6.2 Kế hoạch giảng dạy**

Tuần Block (1)	Nội dung (2)	Kế hoạch giảng dạy/ hình thức tổ chức dạy học	Nội dung sinh viên tự học và sản phẩm tự học	CDR học phần	Bài đánh giá
<b>CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐÁNH GIÁ TRONG GDMN</b>					
<b>Tuần 1 Block 1 2 tiết</b>	<b>Mục tiêu:</b> - SV nhận biết được khái niệm trong đánh giá: đo lường, kiểm tra, đánh giá - SV nhận diện được quan điểm khoa học về đánh giá trong giáo dục mầm non - SV chỉ ra được vai trò, vị trí của kiểm tra, đánh giá trong giáo dục mầm non - SV nhận thức được vai trò, vị trí của môn học - Làm việc nhóm, thuyết trình				

	- Phát huy được tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.				
	<p><b>1.1. Khái niệm về đánh giá</b></p> <p><b>1.2. Vị trí, vai trò của đánh giá trong GDMN</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cung cấp đề cương chi tiết môn học; Giới thiệu môn học; phương pháp giảng dạy và học tập; phương pháp đánh giá;</li> <li>- GV hướng dẫn SV vào trang <a href="http://my.vinhuni.edu.vn">http://my.vinhuni.edu.vn</a> lấy tài liệu, nộp bài theo yêu cầu của GV.</li> <li>- <i>Lập nhóm Facebook</i> để liên lạc với SV khi cần thông báo hoặc khi mạng trường nghẽn.</li> <li>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide: Nội dung mục 1.1;1.2</li> <li>- Phát vấn: + Đánh giá là gì? Thế nào là đánh giá trong GDMN? + Trình bày vị trí, vai trò của đánh giá trong GDMN</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo.</li> <li>- Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập</li> <li>- SV phải có sản phẩm bài tập.</li> <li>- Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm của môn học</li> <li>Đọc quyển [1]; [2]; [3]; [4];</li> <li>- Làm sáng tỏ quan điểm khoa học đánh giá trong giáo dục mầm non</li> </ul>	<p>G1.1 G2.1 G2.2</p>	<p>A1.1; A1.2; A2</p>
<p><b>Tuần 2</b></p> <p><b>Block 2</b></p> <p><b>2 tiết</b></p>	<p><b>Mục tiêu:</b> - Trình bày được các yêu cầu đối với việc đánh giá trong giáo dục mầm non</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được mục tiêu đánh giá trong giáo dục mầm non</li> <li>- Có ý thức nghiên cứu tìm hiểu tài liệu về kiểm tra đánh giá trong giáo dục mầm non</li> <li>- Phát huy được tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.</li> </ul>				
	<p><b>1.3. Chức năng của đánh giá trong giáo dục mầm non</b></p> <p><b>1.4. Những yêu cầu đối với việc đánh</b></p>	<p><b>* Giảng dạy lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</li> <li>- Lý thuyết: 1.3; 1.4</li> <li>- Phát vấn: + Chỉ ra chức năng đánh giá trong giáo dục mầm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu tài liệu: chức năng đánh giá trong GDMN</li> <li>- SV thảo luận và rút ra: + Chức năng</li> </ul>	<p>G1.3 G2.1 G2.2 G3.1</p>	<p>A1.1; A1.2; A2</p>

	<b>giá trong GDMN</b>	non + Trình bày được các yêu cầu đối với việc đánh giá trong GDMN	đánh giá là gì? + Những yêu cầu đối với việc đánh giá trong GDMN		
<b>Tuần 3/ Block 3 2 tiết</b>	<b>Mục tiêu:</b> - Xác định được các nội dung đánh giá trong giáo dục mầm non - Mô tả được các phương pháp và chỉ ra ưu điểm hạn chế của các Phương pháp đánh giá trong giáo dục mầm non - Ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.				
	<b>1.5. Nội dung đánh giá trong giáo dục mầm non</b>	* <b>Giảng dạy lý thuyết:</b> - Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide; - Lý thuyết: 1.5; 1.6			A1.1; A1.2; A2
	<b>1.6. Phương pháp đánh giá trong giáo dục mầm non</b>	- Phát vấn: + Trình bày nội dung đánh giá trong GDMN * <i>Giao bài tập về nhà cho SV</i> + <i>Sưu tầm các phiếu đánh giá trong GDMN</i> + Tìm hiểu chương trình giáo dục mầm non	Thảo luận nhóm và tìm hiểu nội dung và các phương pháp đánh giá trong GDMN	G1.3 G2.1 G2.2 G3.1	
<b>CHƯƠNG 2: ĐÁNH GIÁ TRONG GIÁO DỤC MẦM NON</b>					
<b>Tuần 4/ Block 4 2 tiết</b>	<b>Mục tiêu:</b> - SV trình bày được mục tiêu đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non - SV phân tích được ý nghĩa của việc đánh giá kết quả thực hiện chương trình giáo dục mầm non - SV xác định được các nội dung đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non - SV có ý thức rèn luyện kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm - Phát huy được tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.				
	<b>2.1. Đánh giá chương trình giáo dục mầm non</b>	* <b>Giảng dạy lý thuyết:</b> - Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide; - Lý thuyết: 2.1; - Phát vấn: + Trình bày nội dung và cấu trúc chương trình giáo	- SV phải nộp sản phẩm bài tập. - SV thảo luận và rút ra: + Quy trình tổ chức đánh giá chương trình	G1.1; G1.2; G1.3; G1.4 G2.1 G2.2 G3.1	A1.1; A1.2; A2

	<p>2.1.2. Các tiêu chí đánh giá chương trình giáo dục mầm non</p> <p>2.1.2. Tổ chức đánh giá chương trình giáo dục mầm non</p>	<p>dục mầm non</p> <p>+ Trình bày các tiêu chí đánh giá chương trình giáo dục mầm non</p> <p><b>* Bài tập về nhà cho SV</b></p> <p>+ Đọc tài liệu và tìm hiểu đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non</p> <p>+ Trình bày Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non</p>	<p>giáo dục mầm non</p>		
<p><b>Tuần 5/</b> <b>Block 5</b> <b>2 tiết</b></p>	<p><b>Mục tiêu:</b> - Xác định được các yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non</p> <p>- Mô tả được một số cách đánh giá kết quả theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non</p> <p>- SV có ý thức rèn luyện kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm</p> <p>- Phát huy được tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.</p>				
	<p><b>2.2. Đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non</b></p> <p>2.2.1. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non</p> <p>2.2.2. Đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non</p> <p>2.2.3. Phương pháp đánh giá hoạt động nghề nghiệp giáo viên mầm non</p>	<p><b>Giảng dạy lý thuyết:</b></p> <p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</p> <p>- Lý thuyết: 2.2; 2.2.1;2.2.2; 2.2.3</p> <p>- Phát vấn:</p> <p>+ Trình bày Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non</p> <p>+ Đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non</p> <p><b>* Giao bài tập về nhà cho SV</b></p> <p>- Suru tầm và tìm hiểu về hoạt động Đánh giá chất lượng cơ sở GDMN</p>	<p>- SV thảo luận và đưa ra Phương pháp đánh giá hoạt động nghề nghiệp giáo viên mầm non</p>	<p>G1.1;</p> <p>G1.2;</p> <p>G1.3;</p> <p>G1.4</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>G3.1</p>	<p>A1.1;</p> <p>A1.2;</p> <p>A2</p>
<p><b>Tuần 6/</b> <b>Block 6</b> <b>2 tiết</b></p>	<p><b>Mục tiêu:</b> - Trình bày được mục tiêu đánh giá chương trình giáo dục mầm non</p> <p>- Phân tích được ý nghĩa của việc đánh giá chương trình giáo dục mầm non</p> <p>- Xác định được các nội dung đánh giá chương trình giáo dục mầm non</p>				

	<p>- SV có ý thức rèn luyện kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm</p> <p>- Phát huy được tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.</p>				
	<p><b>2.3. Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non</b></p> <p>2.3.1. Cơ sở giáo dục mầm non</p> <p>2.3.2. Chất lượng cơ sở giáo dục mầm non</p>	<p><b><i>Giảng dạy lý thuyết:</i></b></p> <p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</p> <p>- Lý thuyết: 2.3.1; 2.3.2</p> <p>- Phát vấn:</p> <p>+ Trình bày chất lượng cơ sở giáo dục mầm non</p> <p><b>* <i>Giao bài tập về nhà cho SV</i></b></p> <p>- Suu tầm và tìm hiểu Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non</p>	<p>- SV phải nộp sản phẩm bài tập.</p> <p>- SV thảo luận và đưa ra quy trình đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non</p>	<p>G1.1</p> <p>G1.2</p> <p>G1.3</p> <p>G1.4</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>G3.1</p>	<p>A1.1;</p> <p>A1.2;</p> <p>A2</p>
<p><b>Tuần 7/ Block 7</b></p> <p><b>2 tiết</b></p>	<p><b>Mục tiêu:</b> - Xác định được các nội dung đánh giá chương trình giáo dục mầm non</p> <p>- SV có ý thức rèn luyện kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm</p> <p>- Phát huy được tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.</p>				
	<p>2.3.3. Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non</p> <p>2.3.3.1. Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục theo Unesco</p> <p>2.3.3.2. Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non</p>	<p><b>* <i>Giảng dạy lý thuyết:</i></b></p> <p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</p> <p>- Lý thuyết: 2.3.3.</p> <p>- Phát vấn:</p> <p>+ Trình bày một số bản báo cáo đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non</p> <p><b>* <i>Giao bài tập về nhà</i></b></p> <p>- Tìm hiểu Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non</p>	<p>- SV phải nộp sản phẩm bài tập.</p> <p>- SV thảo luận và đưa ra quy trình Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục theo Unesco và đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non</p>	<p>G1.1;</p> <p>G1.2</p> <p>G1.3</p> <p>G1.4</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p> <p>G3.1</p>	<p>A1.1;</p> <p>A1.2;</p> <p>A2</p>
<p><b>Tuần 8/ Block 8</b></p> <p><b>2 tiết</b></p>	<p><b>Mục tiêu:</b> - Xác định được khái niệm, mục đích đánh giá sự phát triển của trẻ em</p> <p>- SV tích cực quan sát và làm việc nhóm</p> <p>- Phát huy được tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.</p>				
	<p><b>2.4. Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm</b></p>	<p><b>* <i>Giảng dạy lý thuyết:</i></b></p> <p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</p>	<p>- SV phải nộp sản phẩm bài tập.</p> <p>- Nghiên cứu tài</p>	<p>G1.4</p> <p>G2.1</p> <p>G2.2</p>	

	<p><b>non</b></p> <p>2.4.1. Khái niệm đánh giá sự phát triển của trẻ em</p> <p>2.4.2. Mục đích đánh giá sự phát triển của trẻ em</p>	<p>- Lý thuyết: 2.3;</p> <p>- Phát vấn:</p> <p>+ Trình bày Khái niệm đánh giá sự phát triển của trẻ em</p> <p>+ Mục đích đánh giá sự phát triển của trẻ em</p> <p><b>* Giao bài tập về nhà</b></p> <p>+ Tìm hiểu các Phương pháp, hình thức đánh giá sự phát triển của trẻ em</p> <p>+ Công cụ đo lường và đánh giá sự phát triển của trẻ em</p>	<p>liệu và thảo luận mục đích đánh giá sự phát triển của trẻ trong GDMN</p>	<p>G3.1</p>	<p>A1.1;</p> <p>A1.2;</p> <p>A2</p>
<p><b>Tuần 11/</b></p> <p><b>Block11</b></p> <p><b>2 tiết</b></p>	<p><b>Mục tiêu:</b> - Phân tích được nội dung, phương pháp, công cụ đánh giá sự phát triển của trẻ em</p> <p>- Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình</p> <p>- Ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.</p>				
	<p>2.4.3. Nội dung đánh giá sự phát triển của trẻ em</p> <p>2.4.4. Phương pháp, hình thức đánh giá sự phát triển của trẻ em</p> <p>2.4.5. Công cụ đo lường và đánh giá sự phát triển của trẻ em</p>	<p><b>* Giảng dạy lý thuyết:</b></p> <p>- Thuyết giảng, kết hợp viết bảng và trình chiếu slide;</p> <p>-Lý thuyết: 2.4.3; 2.4.4; 2.4.5</p> <p>- Phát vấn:</p> <p>+ nội dung đánh giá sự phát triển của TE</p> <p>+ Phương pháp, hình thức đánh giá sự phát triển của TE</p> <p><b>* Giao bài tập về nhà</b></p> <p>Lập kế hoạch giáo dục giáo dục chủ đề cho các độ tuổi</p>	<p>SV phải nộp sản phẩm bài tập</p> <p>Thảo luận Công cụ đo lường và đánh giá sự phát triển của trẻ em</p>	<p>G3;</p> <p>G4</p>	<p>A1.1;</p> <p>A1.2;</p> <p>A2</p>
<p><b>CHƯƠNG 3. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ TRONG GIÁO DỤC MẦM NON</b></p>					
<p><b>Tuần 12</b></p> <p><b>Block 12</b></p> <p><b>2 tiết</b></p>	<p><b>Mục tiêu:</b> Thiết kế được kế hoạch đánh giá trẻ các độ tuổi và các lĩnh vực phát triển</p> <p>- Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình</p> <p>- Ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người</p>				

	khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.				
	<b>3.1. Hướng dẫn đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non</b>	Chia nhóm giao đề tài cho SV Thiết kế các bài tập đánh giá trẻ. Thảo luận và thuyết trình <i>* Giao bài tập về nhà</i> Lập kế hoạch đánh giá chương trình giáo dục mầm non	- SV phải nộp sản phẩm bài tập - SV thảo luận và Thiết kế các bài tập đánh giá trẻ - Mỗi nhóm chọn 1 nội dung đánh giá sau đó trình bày và thảo luận - Thuyết trình kết quả của nhóm	G3; G4	A1.1; A1.2; A2
<b>Tuần 13 Block 13 2 tiết</b>	<b>Mục tiêu:</b> - Thiết kế được kế hoạch đánh giá chương trình giáo dục mầm non hiện hành - Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình - Ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.				
	<b>3.2 Hướng dẫn đánh giá chương trình giáo dục mầm non</b>	Chia nhóm giao đề tài cho SV Thiết kế được kế hoạch đánh giá chương trình giáo dục mầm non. Thảo luận và thuyết trình <i>* Giao bài tập về nhà</i> Lập kế hoạch đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non	- SV nộp sản phẩm bài tập - SV thảo luận và Thiết kế được kế hoạch đánh giá chương trình GDMN - Thuyết trình kết quả của nhóm	<b>G3; G4</b>	A1.1; A1.2; A2
<b>Tuần 14/ Block 14 2 tiết</b>	<b>Mục tiêu:</b> Thiết kế được kế hoạch đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non - Vận dụng kiến thức lập kế hoạch đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non vào thực tiễn địa phương. Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình - Ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.				
	<b>3.3. Hướng dẫn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non Thảo luận nhóm</b>	Chia nhóm giao đề tài cho SV: Thiết kế kế hoạch đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non. Thảo luận và thuyết trình <i>* Giao bài tập về nhà</i> Lập kế hoạch giáo dục	- SV phải nộp sản phẩm bài tập - SV thảo luận và: Thiết kế kế hoạch đánh giá chất lượng cơ sở GDMN	G3; G4	A1.1; A1.2; A2

		ngày theo các chủ đề cho các độ tuổi	- Thuyết trình kết quả nhóm		
<b>Tuần 15/Block 15</b> <b>2 tiết</b>	<b>Mục tiêu:</b> Lập kế hoạch đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên MN - Vận dụng kiến thức đánh giá để đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên MN tại địa phương. - Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình - Ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.				
	<b>3.4. Hướng dẫn đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non Thảo luận nhóm</b>	Chia nhóm giao đề tài cho SV Lập kế hoạch đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non. Thảo luận và thuyết trình	- SV phải nộp sản phẩm bài tập - SV thảo luận và Lập kế hoạch đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên MN, sau đó trình bày và thảo luận - Thuyết trình kết quả của nhóm	G3; G4	A1.1; A1.2; A2

## 7. Nguồn học liệu (các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, ...)

### \*Tài liệu chính:

[1] Đinh Thị Kim Thoa, (2008), *Giáo trình đánh giá trong giáo dục mầm non*, Nxb GD

### \*Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Phát triển Giáo dục mầm non theo tinh thần Nghị quyết trung ương 2 (khóa VIII) và Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Hội nghị của Thủ tướng Chính phủ về công tác Giáo dục mầm non, 2002*

[3] Nguyễn Hữu Châu, *Chất lượng giáo dục- những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB GD, 2008

[4]. Nguyễn Thị Thu Hiền, *Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non*, NXB GDVN, 2012

[5]. *Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non*, Thông tư số: 26/2018/TT-BGDĐT

[6]. Tạ Ngọc Thanh - Nguyễn Thị Thu, *Phương pháp đánh giá trẻ trong đổi mới giáo dục mầm non*, NXBGD, 2005

### 8. Quy định của môn học

Các quy định của môn học như:

- Sinh viên nộp Hồ sơ môn học theo yêu cầu.
- Sinh viên phải nộp bài tập/báo cáo,...
- Tỷ lệ thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp/thực hành.

**9. Phụ trách môn học**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa giáo dục/ Bộ môn Giáo dục mầm non
- Địa chỉ/email: [quynhanhgddhv@gmail.com](mailto:quynhanhgddhv@gmail.com); [trannga.mn@gmail.com](mailto:trannga.mn@gmail.com)

**10. Ngày phê duyệt:** 10/4/2017

**11. Cấp phê duyệt :**

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC MẦM NON**

**1. Thông tin tổng quát**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: Dương Thị Thanh Thanh  
Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ  
Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh  
Địa chỉ liên hệ: phường Vinh Tân, Vinh, Nghệ An  
Điện thoại: 0904 768 538. Email: thanhdt@vinhuni.edu.vn  
Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học chuyên ngành

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: Trần Hằng Ly  
Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ  
Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục, trường Đại học Vinh  
Địa chỉ liên hệ: số 29 Nam Cao, phường Đông Vĩnh, TP Vinh.  
Điện thoại, email: 0982 738 148. Email: lyth@vinhuni.edu.vn  
Hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học chuyên ngành

**1.2. Thông tin về học phần**

- Tên học phần (tiếng Việt): Kiểm định chất lượng giáo dục mầm non (tiếng Anh): Quality accreditation of preschool education	
- Mã số học phần: EDU30062	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác <input type="checkbox"/> Học phần đồ án tốt nghiệp	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Tâm lý học giáo dục trẻ em; Giáo dục học mầm non
- Học phần song hành:	

**2. Mô tả học phần**

Kiểm định chất lượng giáo dục mầm non là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục học mầm non. Học phần kiểm định chất lượng giáo dục mầm non cung cấp cho người học những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm định chất lượng trường mầm non,

đánh giá mức độ đáp ứng của trường mầm non so với các tiêu chuẩn quy định, biện pháp duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với hoàn cảnh, sứ mạng và mục tiêu chất lượng của mỗi nhà trường; qua đó người học rèn luyện được các kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, nhận diện, phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động đánh giá trường mầm non, hình thành năng lực kiểm định, cải tiến các hoạt động giáo dục mầm non.

### 3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu Học phần này giúp sinh viên	CĐR của CTĐT	TĐNL
<b>G1</b>	Có kiến thức khoa học cơ bản về kiểm định, đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non	1.3.3	3.0
<b>G2</b>	Có khả năng vận dụng được kiến thức vào việc thành lập hội đồng tự đánh giá, lập kế hoạch tự đánh giá, tự đánh giá và trình bày báo cáo tự đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.	2.1.1; 2.1.3; 2.1.5	3.0
<b>G3</b>	Có kỹ năng làm việc nhóm, triển khai nhóm tự đánh giá, phối hợp với các đoàn đánh giá ngoài từ đó có kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.	3.3.1;3.3.2; 3.3.3;3.3.4	3.0
<b>G4</b>	Tư vấn cho nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục mầm non Thiết kế các hoạt động sau nhằm nâng cao chất lượng giáo dục cho nhà trường sau đánh giá	4.6.1	3.0

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy	
<b>KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH</b>			
<b>G1</b>	<b>G1.1</b>	Hiểu những quan niệm về chất lượng giáo dục, kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non	T
	<b>G1.2</b>	Trình bày được Quy trình, chu kỳ, điều kiện và các cấp độ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non	T
	<b>G1.3</b>	Phân tích được Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non	T
	<b>G1.4</b>	Trình bày được quy trình tự đánh giá trong giáo dục mầm non	T
	<b>G1.5</b>	Phân tích quy trình đánh giá ngoài trường mầm non	
<b>KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP</b>			
	Vận dụng được kiến thức vào việc thành lập hội đồng tự đánh	T,U	

<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	giá, lập kế hoạch tự đánh giá, tự đánh giá và trình bày báo cáo tự đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.	
	<b>G2.2</b>	Vận dụng để ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.	T,U
	<b>G2.3</b>	Phân tích báo cáo tự đánh giá, triển khai và thực hiện các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.	
<b>KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP</b>			
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Hợp tác nhóm trong quá trình làm việc nhóm để triển khai công việc tự đánh giá và đánh giá ngoài	T,U
	<b>G3.2</b>	Thuyết trình được báo cáo tự đánh giá trường mầm non trước tập thể.	
<b>NĂNG LỰC PHÁT HIỆN, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON</b>			
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Thiết kế được quy trình tự đánh giá cho trường mầm non Triển khai được một số nội dung trong quy trình đánh giá ngoài trường mầm non. Tư vấn cho nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng	T,U

## 5. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50%</b>
<i>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</i>			<i>10%</i>
A1.1.1.	Mức độ chuyên cần và đảm bảo giờ giấc	G1.1- G4.1	5%
A1.1.2.	Thái độ hợp tác với giảng viên và các thành viên trong nhóm, lớp, thể hiện được sự tiến bộ trong quá trình học.	G1.1- G4.1	5%
<i>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</i>			<i>20%</i>
A1.2.1	Vở giải bài tập và thảo luận	G1.1; G1.2;	10%
A1.2.2	Sản phẩm hoạt động nhóm	G1.3; G1.4; G2.1; G3.1; G4.1	10%
<i>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)</i>			<i>20%</i>
A1.3.1	Bài kiểm tra tự luận theo chuẩn đầu ra học phần thuộc nội dung chương 1	G1.1; G1.2; G1.3; G2.1;	20%
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)</b>			<b>50%</b>
A2.1	Bài thi tự luận theo chuẩn đầu ra học phần	G1.1- G1.5; G2.1; G2.2; G3.1; G4.1	50%

## **6. Nội dung giảng dạy**

### **Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG MẦM NON**

#### **1.1. Chất lượng giáo dục**

- 1.1.1. Khái niệm về chất lượng giáo dục
- 1.1.2. Các thành tố cơ bản tạo nên chất lượng giáo dục
- 1.1.3. Quản lý chất lượng giáo dục

#### **1.2. Kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non**

- 1.2.1. Khái niệm kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non
- 1.2.2. Ý nghĩa của kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non
- 1.2.3. Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non
- 1.2.4. Quy trình, chu kỳ, điều kiện và các cấp độ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non

### **Chương 2. TỰ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG MẦM NON**

#### **2.1. Khái niệm tự đánh giá**

#### **2.2. Mục đích tự đánh giá**

#### **2.3. Quy trình tự đánh giá**

- 2.3.1. Thành lập hội đồng tự đánh giá
- 2.3.2. Lập kế hoạch tự đánh giá
- 2.3.3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng
- 2.3.4. Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí
- 2.3.5. Viết báo cáo tự đánh giá
- 2.3.6. Công bố báo cáo tự đánh giá
- 2.3.7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá

#### **2.4. Thực hành tự đánh giá**

### **Chương 3. ĐÁNH GIÁ NGOÀI TRƯỜNG MẦM NON**

#### **3.1. Một số vấn đề chung về đánh giá ngoài trường mầm non**

- 3.1.1. Khái niệm đánh giá ngoài trường mầm non
- 3.1.2. Mục đích đánh giá ngoài trường mầm non
- 3.1.3. Thành lập đoàn đánh giá ngoài

#### **3.2. Quy trình đánh giá ngoài trường mầm non**

- 3.2.1. Nghiên cứu hồ sơ đánh giá
- 3.2.2. Khảo sát sơ bộ tại trường mầm non
- 3.2.3. Khảo sát chính thức tại trường mầm non
- 3.2.4. Dự thảo báo cáo đánh giá ngoài
- 3.2.5. Lấy ý kiến phản hồi của trường mầm non về dự thảo báo cáo đánh giá ngoài
- 3.2.6. Hoàn thiện báo cáo đánh giá ngoài

#### **3.3. Một số lưu ý khi thực hiện đánh giá ngoài trường mầm non**

- 3.3.1. Chú trọng việc phân tích tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục

3.3.2. Tư vấn cho nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng

### **3.4. Thực hành đánh giá ngoài trường mầm non**

#### **7. Nguồn học liệu**

##### ***Học liệu chính***

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giáo viên mầm non hạng 2*, NXB Giáo dục Việt Nam.

##### ***Tài liệu tham khảo***

1. *Tài liệu tập huấn tự đánh giá trường mầm non* - Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục Hà Nội, 2012.

2. *Tài liệu tập huấn đánh giá ngoài trường mầm non* - Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Hà Nội, 2012.

3. *Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non* - Nguyễn Đại Dương - Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý, giáo viên mầm non năm học 2015 - 2016 - Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2015.

4. *Một số vấn đề về tự đánh giá trường mầm non*, Tài liệu bồi dưỡng giáo viên - Nguyễn Đại Dương, NXB Giáo dục, H.2012.

5. *Đánh giá ngoài trường mầm non* - Nguyễn Đại Dương, Tạp chí Giáo dục Mầm non số 2 năm 2013.

#### **8. Quy định của học phần**

Để đạt được mục tiêu của học phần, sinh viên phải thực hiện đầy đủ và đúng thời gian qui định bài tập thực hành trong từng chương. Với bài tập thực hành phải nộp sau mỗi chương để giảng viên lưu vào hồ sơ học tập. Sản phẩm tự học và hoạt động nhóm cũng nộp sau mỗi chương.

Sinh viên phải tham gia ít nhất 80% số tiết lên lớp của học phần mới đủ điều kiện thi Kết thúc học phần.

#### **9. Phụ trách học phần**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Giáo dục/Bộ môn Tâm lý học

- Địa chỉ/email: thanhdt@vinhuni.edu.vn

**10. Ngày phê duyệt:** 10/4/2017

**11. Cấp phê duyệt :**

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**  
**GIÁO DỤC MẦM NON**

**1. Thông tin tổng quát**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: Trần Thị Hoàng Yến

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: yen.gdth@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và phương pháp Giáo dục mầm non

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: Phạm Thị Huyền

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email:

Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp Giáo dục mầm non

**1.2. Thông tin về học phần**

- Tên môn học (tiếng Việt): <b><i>Phát triển năng lực thực hiện chương trình Giáo dục mầm non</i></b> (tiếng Anh): <b>Developing the capacity to implement the Early Childhood education program</b>	
- Mã số môn học: EDU 30069	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input checked="" type="checkbox"/> <b>X Kiến thức chuyên ngành</b> <b>(HP tự chọn)</b> <input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác <input type="checkbox"/> Môn học đề án tốt nghiệp	
- Số tín chỉ:	2 tín chỉ
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	2
+ Số tiết thực hành:	6
+ Số tiết hoạt động nhóm:	2
+ Số tiết tự học:	60
- Môn học tiên quyết:	
- Môn học song hành:	Các học phần thuộc nhóm Tự chọn 3

## 2. Mô tả môn học

*Phát triển năng lực thực hiện chương trình giáo dục mầm non học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành ngành Giáo dục mầm non, tiếp cận CDIO. Học phần này bồi dưỡng cho sinh viên những năng lực thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Nội dung học phần gồm những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển năng lực thực hiện chương trình giáo dục mầm non cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non nhằm đáp ứng yêu cầu tiếp cận và đổi mới các phương pháp giáo dục. Từ đó học phần giúp người học thực hiện tốt các nhiệm vụ tổ chức thực hiện hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ.*

## 3. Mục tiêu môn học

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goals description)	Chuẩn đầu ra CTĐT	TĐNL
<b>G1</b>	Áp dụng được những vấn đề lý luận và phương pháp vào việc phát triển năng lực thực hiện chương trình Giáo dục mầm non.	1.3.1; 1.3.2;	4.0
		1.3.3	3.5
<b>G2</b>	Phát triển một số kỹ năng, phẩm chất cá nhân trong quá trình tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non. Có ý thức phấn đấu, phát triển nghề nghiệp.	2.1.2	3.0
		2.3.1; 2.3.2;	3.0
		2.4.2; 2.4.3; 2.4.6	3.0
		2.5.1; 2.5.3	3.0
<b>G3</b>	Có khả năng làm việc nhóm và giao tiếp trong môi trường nghề nghiệp.	3.1.2; 3.1.3;	3.0
		4.2.3	3.0
<b>G4</b>	Thiết lập được các mục tiêu, kế hoạch, tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.	4.3.1; 4.4.1	3.0
		4.4.2; 4.4.3; 4.4.4	3.5
		4.5.1; 4.5.2; 4.5.4	3.5
		4.6.2	3.0

## 4. Chuẩn đầu ra học phần

*(các mục tiêu cụ thể hay CDR của học phần và mức độ giảng dạy I, T, U)*

	Mục tiêu (Gx.x)	Mục tiêu (Gx)	Mức độ giảng dạy
<b>Kiến thức lập luận ngành</b>			
<b>G1</b>	<b>G1.1</b>	Áp dụng được kiến thức lý luận chung về chương trình giáo dục mầm non và phát triển năng lực thực hiện chương trình giáo dục mầm non.	T

	<b>G1.2</b>	Áp dụng được kiến thức về việc lập kế hoạch chăm sóc - giáo dục trẻ	T, U
	<b>G1.3</b>	Áp dụng được kiến thức về việc phát triển năng lực tổ chức thực hiện hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ	T, U
	<b>G1.4</b>	Áp dụng được kiến thức về việc phát triển năng lực tổ chức thực hiện hoạt động quản lý nhóm lớp	T, U
	<b>G1.5</b>	Áp dụng được kiến thức về việc phát triển năng lực giao tiếp ứng xử trong nhà trường mầm non	T, U
<b>Kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân</b>			
<b>G2</b>	<b>G2.1</b>	Phát hiện, phân tích và giải quyết được những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện chương trình Giáo dục mầm non.	I, U
	<b>G2.2</b>	Vận dụng được lí luận dạy học hiện đại về đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục mầm non trong thực hiện chương trình Giáo dục mầm non.	U
	<b>G2.3</b>	Tìm hiểu, nghiên cứu các tài liệu về việc thực hiện chương trình GDMN.	U
	<b>G2.4</b>	Nhận thức được tầm quan trọng của ý thức tự giác, nghiêm túc trong học tập.	I, U
	<b>G2.5</b>	Tích cực tự giác tu dưỡng phẩm chất cá nhân, phát triển kỹ năng nghề nghiệp.	I, U
<b>Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm</b>			
<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Áp dụng kỹ năng làm việc nhóm nhằm thực hiện các nhiệm vụ học tập và thực hành bộ môn có hiệu quả.	I, U
	<b>G3.2</b>	Thu thập tài liệu phục vụ nội dung học phần	I, U
	<b>G3.3</b>	Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong soạn thảo tài liệu, giáo án bài giảng, có khả năng thiết kế đồ dùng dạy học phù hợp với bộ môn.	T, U
	<b>G3.4</b>	Thực hành kỹ năng thuyết trình, giao tiếp và ứng xử sư phạm phù hợp với môi trường nhà trường và ngoài xã hội.	I, U
<b>Năng lực thực hành nghề nghiệp</b>			
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Hiểu được sứ mạng, mục tiêu và nhiệm vụ của giáo viên mầm non trong bồi dưỡng, phát triển kỹ năng nghề nghiệp	T, U
	<b>G4.2</b>	Xác định mục tiêu, nhiệm vụ, cách thức thực hiện chương trình GDMN.	T, U
	<b>G4.3</b>	Lập được kế hoạch một số hoạt động trong GDMN	U
	<b>G4.4</b>	Vận dụng được kiến thức về lý luận và thực tiễn để thực hành nhiệm vụ phát triển năng lực thực hiện chương trình GDMN	U

**5. Đánh giá học phần** (các thành phần, các bài đánh giá và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của học phần)

<b>Thành phần đánh giá</b>	<b>Bài đánh giá</b>	<b>CDR học phần (Gx.x)</b>
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>		
<b>A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)</b>		
Chuyên cần, Thái độ học tập	A1.1.1. Chuyên cần Số buổi tham gia học theo quy định	G2.4; G2.5
	A1.1.2. Tinh thần, thái độ học tập - Đi học đúng giờ - Tích cực hoạt động học tập cá nhân và hợp tác nhóm - Phát biểu, xây dựng bài học	
<b>A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...)</b>		
Bài tập, bài thu hoạch	A1.2.1. Hồ sơ cá nhân - Vở bài tập tự học cá nhân - Bài tập cá nhân: kế hoạch, giáo án	G3.1; G3.2; G3.3
Hoạt động nhóm, thảo luận	A1.2.2. Hồ sơ hoạt động nhóm Báo cáo bài tập nhóm; báo cáo kết quả thảo luận; Phiếu tự đánh giá Thực hành theo nhóm	G3.1
Thực hành	A1.2.3. Thực hành một số hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ; giao tiếp ứng xử	G1.2 - G1.5
<b>A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ): TNKQ</b>		
Kiểm tra định kì lần 1	A1.3.1. Bài kiểm tra giữa kỳ - Thời gian: 40 phút - Hình thức: Trắc nghiệm - Nội dung: Tín chỉ 1 (Chương 1, 2, 3)	G1.1 - G1.3
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần): Tự luận</b>		
<b>Đánh giá cuối kỳ</b>	- Thời gian: 90 phút - Hình thức: Tự luận - Nội dung: Tất cả các chương (từ chương 1 đến chương 5)	G1.1- G1.5; G2.1 - G2.3; G3.2 - G3.3; G4.1 - G4.4

## 6. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Chuẩn đầu ra HP	Bài đánh giá
<p><b>Chương 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ VIỆC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDMN</b></p> <p>1.1. Khái quát về Chương trình Giáo dục mầm non</p> <p>1.2. Các năng lực thực hiện chương trình giáo dục</p> <p>1.3. Phát triển năng lực thực hiện chương trình giáo dục mầm non</p> <p>1.3.1. Đặc trưng hoạt động phát triển năng lực thực hiện chương trình GDMN</p> <p>1.3.2. Các năng lực thực hiện chương trình GDMN</p> <p>1.3.2.1. Năng lực lập kế hoạch chăm sóc - giáo dục trẻ</p> <p>1.3.2.2. Năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ</p> <p>1.3.2.3. Năng lực quản lí nhóm lớp</p> <p>1.3.2.4. Năng lực giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng</p>	<p>G1.1</p> <p>G2.1</p> <p>G2.3</p> <p>G2.4</p> <p>G2.5</p> <p>G3.1</p> <p>G3.2</p> <p>G4.1</p>	<p>A1.1.1;</p> <p>A1.1.2;</p> <p>A1.2.1;</p> <p>A1.2.2;</p> <p>A1.3.1;</p> <p>A1.3</p>
<p><b>Chương 2. PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC LẬP KẾ HOẠCH CHĂM SÓC - GIÁO DỤC TRẺ</b></p> <p>2.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc lập kế hoạch</p> <p>2.2. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình Giáo dục mầm non</p> <p>2.3. Các loại kế hoạch thực hiện, cấu trúc và nội dung của từng kế hoạch</p> <p>2.4. Phát triển năng lực thực hiện việc lập kế hoạch thực hiện chương trình Giáo dục mầm non</p> <p>2.4.1. Yêu cầu, nội dung lập kế hoạch chăm sóc - giáo dục trẻ</p> <p>2.4.2. Thực hành lập kế hoạch thực hiện chương trình Giáo dục mầm non</p>	<p>G1.2; G2.1</p> <p>G2.2; G2.3</p> <p>G2.4; G2.5</p> <p>G3.1; G3.2</p> <p>G3.3; G3.4</p> <p>G4.1; G4.2; G4.3</p>	<p>A1.1.1;</p> <p>A1.1.2;</p> <p>A1.2.1;</p> <p>A1.2.2;</p> <p>A3.1;</p> <p>A2</p>
<p><b>Chương 3. PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC - GIÁO DỤC TRẺ</b></p> <p>3.1. Khái niệm phát triển năng lực tổ chức hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ</p> <p>3.2. Yêu cầu, nội dung thực hiện hoạt động chăm sóc trẻ</p> <p>3.3. Yêu cầu, nội dung thực hiện hoạt động giáo dục trẻ</p> <p>2.4. Thực hành phát triển năng lực tổ chức hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ</p>	<p>G1.3; G2.1</p> <p>G2.2; G2.3</p> <p>G2.4; G2.5</p> <p>G3.1; G3.2</p> <p>G3.3; G3.4</p> <p>G4.1; G4.2</p> <p>G4.3; G4.4</p>	

<b>Chương 4. PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC QUẢN LÝ NHÓM LỚP</b>	G1.4; G2.1 G2.2; G2.3 G2.4; G2.5	A1.1.1; A1.1.2; A1.2.1;
4.1. Khái niệm phát triển năng lực quản lý nhóm lớp	G3.1; G3.2	A1.2.2;
4.2. Yêu cầu, nội dung hoạt động quản lý nhóm lớp	G3.3; G3.4	A1.3.1;
4.3. Phát triển năng lực thực hiện hoạt động quản lý nhóm lớp	G4.1; G4.2	A1.3.2
4.4. Thực hành phát triển năng lực thực hiện hoạt động quản lý nhóm lớp	G4.3; G4.4	A2
<b>Chương 5: PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP, ỨNG XỬ TRONG NHÀ TRƯỜNG MẦM NON</b>	G1.5;G2.1 G2.2;G2.3 G2.4;G2.5	A1.1.1; A1.1.2; A1.2.1;
5.1. Khái niệm phát triển năng lực giao tiếp, ứng xử	G3.1;G3.2	A1.2.2;
5.2. Yêu cầu, nội dung hoạt động giao tiếp ứng xử của GVMN	G3.3;G3.4	A1.3.1;
5.3. Phát triển năng lực giao tiếp, ứng xử cho GVMN	G4.1;G4.2	A1.3.2
5.4. Thực hành phát triển năng lực giao tiếp cho GVMN	G4.3;G4.4	A2

## 7. Nguồn học liệu

### *Tài liệu chính:*

[1]. Nguyễn Thị Thu Hiền (2009), *Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục Việt Nam.

### *Tài liệu tham khảo:*

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Chương trình Giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giáo viên mầm non hạng 2*, NXB Giáo dục Việt Nam.

## 8. Quy định của môn học

Để đạt được mục tiêu của học phần, sinh viên phải thực hiện đầy đủ và đúng thời gian qui định bài tập thực hành trong từng chương. Vở bài tập thực hành phải nộp sau mỗi chương để giảng viên lưu vào hồ sơ học tập. Sản phẩm tự học và hoạt động nhóm cũng nộp sau mỗi chương.

Sinh viên phải tham gia ít nhất 80% số tiết lên lớp của học phần mới đủ điều kiện tham gia kì thi Đánh giá cuối kì.

## 9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

- Địa chỉ/email: [yentth@vinhuni.edu.com](mailto:yentth@vinhuni.edu.com)

10. Ngày phê duyệt: 10/4/2017

11. Cấp phê duyệt :

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: THAM VẤN TRONG GIÁO DỤC MẦM NON**

**1. Thông tin tổng quát**

**1.1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: Phạm Thị Huyền

Chức danh, học hàm, học vị: Trưởng Bộ môn GDMN, Tiến sỹ.

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: [phamthihuyen.vinh@gmail.com](mailto:phamthihuyen.vinh@gmail.com) (0931395996)

Các hướng nghiên cứu chính;

- Phương pháp dạy học bộ môn, gồm: Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ; Phương pháp cho trẻ khám phá môi trường xung quanh; Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ.

- Phát triển chương trình giáo dục mầm non.

- Bồi dưỡng giáo viên mầm non.

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: Dương Thị Linh

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: [duonghalinh@gmail.com](mailto:duonghalinh@gmail.com)

Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục mầm non

**1.2. Thông tin về môn học**

- Tên môn học (tiếng Việt: Tham vấn trong giáo dục mầm non (tiếng Anh): Consultations in early childhood education	
- Mã số môn học:	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành
<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
<input checked="" type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng chung	<input type="checkbox"/> Môn học đồ án tốt nghiệp
- Số tín chỉ:	2 tín chỉ
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	60
- Môn học tiên quyết:	
- Môn học song hành:	x

## 2. Mô tả môn học

Tham vấn trong giáo dục mầm non thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành ngành Giáo dục mầm non, tiếp cận CDIO.

Học phần này trang bị cho sinh viên những hiểu biết lý luận và thực tiễn của vấn đề tham vấn trong giáo dục mầm non. Từ đó học phần giúp người học thực hiện tốt các nhiệm vụ của tham vấn viên trong giáo dục mầm non.

## 3. Mục tiêu môn học

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goals description)	Chuẩn đầu ra CTĐT	TĐNL
<b>G1</b>	Nhận định rõ những kiến thức chung nhất về lý luận tham vấn trong giáo dục và giáo dục mầm non	<b>1.3</b>	<b>3</b>
<b>G2</b>	- Vận dụng có hiệu quả và linh hoạt các vấn đề lý luận và thực tiễn tham vấn trong giáo dục mầm non vào việc phân tích, thiết kế, tổ chức và đánh giá các hoạt động tham vấn	<b>2.5</b>	<b>3</b>
<b>G3</b>	- Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và nghiên cứu tài liệu; - Kỹ năng ứng xử sư phạm.	<b>3.1; 3.2</b>	<b>3</b>
<b>G4</b>	- Đánh giá tình hình, xác định mục tiêu, thiết kế nội dung; phương pháp, tổ chức thực hiện, đánh giá các vấn đề về tham vấn trong giáo dục mầm non.	<b>4.1; 4.2; 4.3; 4.4; 4.5; 4.6</b>	<b>3</b>

## 4. Chuẩn đầu ra môn học

(Mô tả các chủ đề CDR cấp độ 2 của học phần và mức độ giảng dạy I, T, U)

Chuẩn đầu ra của HP	Mô tả (Sau khi học xong học phần này, người học có thể)	Chuẩn đầu ra CDIO (Chỉ định I, T,U)
<b>G1</b>	<b>G1.1</b> Trình bày được các vấn đề lý luận về tham vấn trong giáo dục	<b>T</b>
	<b>G1.2</b> Trình bày được các vấn đề lý luận về tham vấn trong giáo dục mầm non	<b>T</b>
<b>G2</b>	<b>G2.1</b> Lựa chọn các tài liệu về việc tổ chức các hoạt động tham vấn trong giáo dục mầm non.	<b>I</b>
	<b>G2.2</b> Vận dụng kiến thức về tham vấn cho các đối tượng trong giáo dục mầm non	<b>T, U</b>

<b>G3</b>	<b>G3.1</b>	Có khả năng tham gia và làm việc nhóm có hiệu quả.	<b>U</b>
	<b>G3.2</b>	Có khả năng thuyết trình.	<b>T, U</b>
	<b>G3.4</b>	Có khả năng ứng xử sự phạm phù hợp, hiệu quả.	<b>T,U</b>
<b>G4</b>	<b>G4.1</b>	Phân tích được đối tượng để tham vấn	<b>T</b>
	<b>G4.2</b>	Xác định được mục tiêu của đối tượng tham gia tham vấn	<b>T</b>
	<b>G4.3</b>	Tổ chức thực hiện tham vấn	<b>T, U</b>
	<b>G4.4</b>	Đánh giá được hiệu quả của tham vấn trong giáo dục mầm non	<b>U</b>

**5. Đánh giá môn học** (các thành phần, các bài đánh giá và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

<b>Thành phần đánh giá (1)</b>	<b>Bài đánh giá (2)</b>	<b>CDR môn học (Gx.x) (3)</b>	<b>Tỷ lệ (%) (4)</b>
<b>A1. Đánh giá quá trình</b>			<b>50</b>
<b>A1.1. Ý thức học tập</b>			<b>10</b>
Chuyên cần Ý thức học tập	1.1.1.Chuyên cần (số buổi đi học)	G2.4; G2,5	5
	1.1.2. Ý thức học tập		5
<b>A1.2. Đánh giá quá trình</b>			<b>20</b>
<b>A.1.2.1 Bài tập</b>	Xây dựng 1 tình huống và xử lý tình huống tham vấn trong GDMN	G3.1	10
<b>A.1.2.2. Thảo luận nhóm</b>	Thảo luận về tác phong của người tham vấn trong GDMN	G3.1; G3.2	10
<b>A1.3. Đánh giá giữa kỳ (*)</b>			<b>20</b>
A.1.3.1. Bài kiểm tra	-Hình thức: TNKQ -Nội dung: Bài 1+ Bài 2 - Thời điểm: Kiểm tra ở tuần thứ 7-8 (tín chỉ 1)	G1.2	10
<b>A2. Đánh giá cuối kỳ</b>			<b>50</b>
	- Hình thức thi: Tự luận - Thời gian: 60 phút - Nội dung: 2 tín chỉ	G1; G2; G4	

**6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy** (các nội dung giảng dạy lý thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CDR và các bài đánh giá môn học)

Nội dung (1)	CDR học phần (2)	Bài đánh giá (3)
<b>Bài 1: Tham vấn trong giáo dục</b> 1. Khái niệm 2. Mục đích của tham vấn 3. Nguyên tắc tham vấn 4. Đạo đức nghề nghiệp 5. Các phẩm chất và thái độ của nhà tham vấn 6. Các giai đoạn của quá trình tham vấn	G1.2, G2.5	A1.1.1 A1.1.2 A1.1.3 A2
<b>Bài 2: Tham vấn trong giáo dục mầm non</b> 1. Khái niệm tham vấn trong GDMN 2. Các đối tượng tham gia tham vấn trong GDMN 3. Nội dung tham vấn trong GDMN 4. Phương pháp tham vấn trong GDMN 5. Các hình thức tham vấn trong GDMN 6. Một số kỹ năng tham vấn trong GDMN	G1.2, G2.5	A1.1.1 A1.1.2 A1.1.3 A2
<b>Bài 3: Thực hành tham vấn trong giáo dục mầm non</b> 1. Tham vấn cho các bậc phụ huynh 2. Tham vấn cho các tổ chức xã hội 3. Tham vấn cho trẻ mầm non	G4.1-G4.4	A.1.1.2

**7. Nguồn học liệu**

**\* Tài liệu chính**

1. Tham vấn tâm lý với giáo viên (2009)- Tài liệu tâm lý học- Hội tâm lý Việt nam

**\* Tài liệu tham khảo**

2. Kỹ năng tham vấn trong giáo dục chọn lọc (2012)- Tài liệu giáo dục học.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giáo viên mầm non hạng 2*, NXB Giáo dục Việt Nam.

**8. Quy định của môn học**

Các quy định của môn học như:

- Sinh viên nộp Hồ sơ môn học theo yêu cầu.
- Sinh viên phải nộp bài tập/báo cáo,....
- Tỷ lệ thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp/thực hành.

**9. Phụ trách môn học**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Giáo dục/ Bộ môn Giáo dục mầm non

- Địa chỉ/email: [phamthihuyen.vinh@gmail.com](mailto:phamthihuyen.vinh@gmail.com)

**10. Ngày phê duyệt:** 10/4/2017

**11. Cấp phê duyệt :**

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**XÁC NHẬN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**